

trần·quang

Sài Gòn
người
muôn năm cũ

sài·gòn,·người·muôn·năm·cũ

sài gòn, người muôn năm cũ

bìa: *Midway Press*

trình bày: *Midway Press*, hình bìa **The New Yorker**

ấn hành: *Anywhere*

Copyright © by Tiếng Quê Hương, 1974

văn·quang

Sàigòn
người
muôn·năm·cũ

MỤC LỤC

Lời giới thiệu • Văn Quang - Viết Và Sống	9
Chương 1 • Lê Xuyên, Những Ngày Cuối Đời	21
Chương 2 • Nghệ Sĩ Phi Toàn: “Bình Méo – Cai Tròn”	31
Chương 3 • Nhật Bằng: Chúng Tôi Thương Tiếc Anh	41
Chương 4 • Phan Nghị – Phóng Sự Gia Lão Làng	51
Chương 5 • Cuộc Sống Thê Thảm Của Hậu Duệ Thi Sĩ Tàn Đà	63
Chương 6 • Tạ Tỵ – Vườn Xưa Đã Khép	75
Chương 7 • Nỗi Xúc Động Trong Mùa Xuân Đầu Tiên Ở Vùng Quê	87
Chương 8 • Ông “Tổng Cóc” Đi Rồi	103
Chương 9 • Trần Thiện Thanh Về Với “Chân Trời Tím”	119
Chương 10 • Huyền Vũ Với Người Sài Gòn	127
Chương 11 • Phạm Huân – Phóng Viên Chiến Trường Năm Xưa Đã Ra Đi	139
Chương 12 • Huy Quang Vũ Đức Vinh Hai Con Người, Một Nhân Cách Lớn	149
Chương 13 • Đại Buồn Mùa Xuân – Thanh Tâm Tuyền, Ngọc Long	163
Chương 14 • Một Chút Kỷ Niệm Xưa Với Thái Thủy	173
Chương 15 • Thái Tuấn Của Sài Gòn	179
Chương 16 • Vinh Biệt Hoàng Anh Tuấn, Một Nghệ Sĩ Đích Thực Từ Tác Phẩm Đến Cuộc Đời	189
Chương 17 • Họa Sĩ Trương Thị Thịnh Và Cuộc Triển Lãm 4X4	199
Chương 18 • Triển Lãm Tranh Thái Tuấn Và Đăng Giao	207
Chương 19 • Hoài Bảo Của Người Dựng Tượng “Tiếc Thương”	217
Chương 20 • Thanh Nam Trong Hoài Niệm	229

Chương 21 • Tưởng Niệm Họa Sĩ Thái Tuấn (1918 – 2007)	239
Chương 22 • Chuyện Tình Nhà Quê	247
Chương 23 • Sự Trưởng Thành Trong Tác Phẩm Nghệ Thuật	269
Chương 24 • Tình Ngổ Đã Qua Đi	279
Chương 25 • Đường Hoa Và Kỷ Niệm	295
Chương 26 • Gặp Con Gái Đầu Lòng Của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng	305
Chương 27 • Lời Tổ Cáo Đây Ấc Ý	313
Chương 28 • Thái Thủy Đã Mang Thơ Về Với Mẹ	323
Chương 29 • Viết Cho Bạn Và Cho Mình	331
Chương 30 • Cái Muỗng	339
Chương 31 • Đi Hội Hoa Xuân Để Nhớ Ngày Nào...	355
Chương 32 • Vài Kỷ Niệm Với Đạo Diễn Phim “Chân Trời Tím”	367
Chương 33 • Già Từ Đoàn Xuân Ngọc	381
Chương 34 • “Văn Hóa Không Tên” Tạo Nên Linh Hồn Sài Gòn Xưa	389
Chương 35 • Tô Kiều Ngân, Từ Đồi Lính Đến Tao Đàn	401
Chương 36 • Về Quê Lần Cuối	413
Chương 37 • Chuyện Phạm Duy Và Chuyện Tết Ở Việt Nam	427
Chương 38 • Chuyện “Cờ Bịch” Ngày Xưa Ở Việt Nam	441
Chương 40 • 60 Năm Sài Gòn Trong Tôi	463
Chương 41 • Ngày Cuối Năm Với Bạn Bè	475
Chương 42 • Những Đồng Đội Từ Chiến Trường Xưa	485
Chương 43 • Bây Giờ Là Mùa Thu, Tôi Đi Tìm Dĩ Vãng	499
Chương 44 • Một Năm Nguyễn Xuân Hoàng Ra Đi	509
Chương 45 • Ngày Xưa Làm Báo Tết	515
Chương 46 • Vui Buồn Chuyện Tết Bính Thân 2016 Ở Việt Nam	525
Chương 47 • Nhớ Phan Lạc Phúc Và Những Chuyện Xưa	533
Chương 48 • Tết Trong Trại Tù	551

VĂN QUANG - VIẾT VÀ SỐNG

Tác phẩm *Sài Gòn, Người Muôn Năm Cũ* tập hợp một số bài trong hơn 500 bài mà tác giả đặt tựa chung là *Lắm Cầm Sài Gòn Thiên Hạ Sự* viết từ năm 2000 đến năm 2016. Hết thấy các bài này đều được báo chí Việt ngữ hải ngoại từ Canada, Úc, Hoa Kỳ... phổ biến, trong khi tác giả sống tại Việt Nam. Chính vì thế, tháng 6-2009, Văn Quang đã bị công an Sài Gòn đến nhà lục soát, cắt điện thoại, cắt internet, tịch thu computer... và trải nhiều ngày liên tục bị đòi đến trụ sở công an để thẩm vấn, chính xác là để tra khảo và đe dọa về việc chưa rời cây bút.

Tuy vậy, Văn Quang vẫn sống với cây bút, bất kể mọi tai họa có thể xảy ra như chính anh đã xác nhận khi trả lời cuộc phỏng vấn của trang Web Gió-O: “Tôi sống như vậy đấy. Chẳng có gì phải che giấu, chẳng có gì phải khiếp sợ. Còn gì nữa đâu mà khiếp sợ và tôi không làm điều gì xấu... Cái gì có thật thì tôi viết... Quyền phê phán là của người dân. Quyền bất bình cũng là của người dân về những điều có thật, đã và đang xảy ra...”

Trong bài trả lời phỏng vấn trên, Văn Quang còn nêu rõ các bài viết của mình chỉ là những đường nét giúp hình thành *“một bức tranh toàn cảnh của xã hội tôi đang sống. Nó phản ánh trung thực mọi vấn đề ở bề mặt đời sống người dân thuộc mọi tầng lớp xã hội. Từ một anh nông dân “lừa được cả nước” đến một đại gia lương thiện và bất lương, từ lớp thanh niên bình dân đến các quan chức, từ cô gái tỉnh lẻ đến cô gái chân dài thành thị. Từ nỗi đau thương cơ cực của “những người bị bỏ quên” như anh em thương phế binh VNCH đến cảnh trác táng cùng cực, hoang phí vô cùng của lớp người ăn trên ngồi trước... Các khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, những điều phi lý bất công, những điều cần nói mà người dân không nói được...”*

Tất nhiên Văn Quang đã rõ hơn ai hết về mức hạn chế nghiệt ngã trong hoàn cảnh của mình, nhưng khẳng định: *“Tôi làm cái gì mà luật không cho phép cũng không cấm. Tôi làm với lương tâm một người cầm bút. Dù ở đây chẳng ai công nhận, tôi vẫn là người cầm bút. Người làm báo có thể làm báo, nhưng tôi chẳng có gì ngoài những tìm tòi của mình, tự mình lựa chọn thông tin. Còn những “rủi ro” bao giờ tới và tới lúc nào, đành chấp nhận như một số phận an bài”.*

Để giúp bạn nhìn rõ hơn về cảnh sống và cách viết của những người cầm bút cùng cảnh ngộ với Văn Quang, xin được trích dẫn một bài của Văn Quang trả lời 3 câu hỏi do một ký giả nêu trên tuần báo Khởi Hành ở Hoa Kỳ. Ba câu hỏi như sau:

- Câu 1: *Anh viết như thế nào? Anh là một trong những tác giả nổi tiếng viết feuilleton. Anh thấy cách viết ấy tiện hay không tiện cho anh?*

- Câu 2: Là nhà văn rất nhiều kinh nghiệm và viết rất nhiều, dường như không bao giờ ngưng nghỉ, anh nghĩ thế nào về nhà văn “dài hơi” và người viết “ngắn hơi?” Bí quyết viết truyện dài của anh là gì?

- Câu 3: Anh có bao giờ “bí” đề tài khi viết không?

Dưới đây là bài trả lời của Văn Quang đăng trên báo Văn Nghệ tại Úc ngày 8-5-2005.

“Cảm ơn bạn đã cho rằng tôi là một trong những tác giả nổi tiếng về viết feuilleton. Tôi chỉ biết tôi là người viết rất nhiều feuilleton cho các tuần báo và nhật báo trước năm 1975 cũng như bây giờ.

Trước đây, có thời gian tôi đã viết trung bình một ngày ba truyện dài hoặc phóng sự tiểu thuyết cho các nhật báo và tuần báo xuất bản tại Sài Gòn. Cách viết đó thích hợp với lối sống và công việc của tôi vào thời gian đó. Vừa đi làm ở tòa báo quân đội, vừa viết cho các báo, vừa để thì giờ... đi chơi, đi đánh bài với bạn bè. Đó cũng là sự thích thú của tôi và nó cũng mang lại nhiều cảm hứng, cho tôi nhiều nhận xét về con người và sự việc. Nó cũng có lợi cho những đoạn đối thoại của tiểu thuyết nhất là phóng sự sống động hơn, thật hơn, có tính thời đại hơn. Nếu không “đi giang hồ vật” như thế chắc khó mà kiếm được những hình ảnh, những ngôn ngữ, những nhân vật trung thực của thời đại mình đang sống. Tôi nói thế không phải để “làm cái có đỉnh chính” cho sự “giang hồ” của mình.

Thật ra, sự ham muốn “trần tục” bao giờ cũng đến trước rồi sau đó mới thấy nó “nhảy vào” tác phẩm của mình. Nó nhảy vào như thế nào chính tôi cũng chẳng để ý, nhưng khi viết, tôi thấy tự tin hơn vì đã nhìn đúng sự việc. Nhờ đó, tôi viết rất nhanh mà đôi khi không cần đọc lại. Và cũng vì viết nhanh nên khi truyện đã in rồi mới thấy có những khiếm khuyết. Lúc

đó chỉ còn cách “cứ để đó rồi khi nào xuất bản thì sửa sau”. Nhưng có khi ông chủ nhà xuất bản cứ đánh máy từ báo đã in rồi cho xuất bản. Đó là cái lỗi “làm ẩu” của tôi, không thể đổ cho ai được. Hồi đó dường như tất cả những bạn viết feuilleton cũng đều viết như thế. Thanh Nam vừa rung đùi vừa viết feuilleton ngay tại nơi làm việc, tôi vừa giải quyết công việc của phòng báo chí quân đội vừa viết, đôi khi người của tòa báo ngồi chờ sẵn lấy bài mang về cho kịp giờ mang đi kiểm duyệt. Ngọc Linh, Sỹ Trung hay ngồi ở quán ăn có máy lạnh viết vào buổi trưa...

Nói tóm lại, viết như thế rất tiện và mỗi ngày lại có thể có thêm được những ý mới hay hơn những gì mình đã suy nghĩ trước đó. Mỗi feuilleton để lại một đoạn để kỳ sau viết tiếp. Và như thế không thể “lộn” truyện này với truyện khác. Hơn thế mỗi feuilleton tôi đều nhắm vào một chủ đề, và đây cũng chính là lý do tại sao tôi có thể viết liên miên mà thường không “bí” đề tài...

Sau này, tức là sau 1975, và sau hơn 12 năm nằm trong trại gọi là “trại cải tạo”, về đến Sài Gòn năm 1987, tôi lại không thể viết như thế được nữa. Có một thời đói rách, các nhà xuất bản gặp thời “mở cửa” được phép xuất bản những cuốn tiểu thuyết tình cảm. Đây là nhu cầu của người dân sau hơn một thập kỷ đọc toàn những truyện “khô như ngó”¹, nhân vật cứ như “thép trên lò”, người ta ngán quá rồi nên tìm đọc những cuốn sách “tình cảm đúng nghĩa” không phải là sách tuyên truyền, không phải là những nhân vật anh hùng cứng nhắc.

Các nhà cho thuê truyện mọc lên như nấm.

Các nhà xuất bản theo trào lưu này đã đi tìm những cuốn tiểu thuyết giống như những cuốn của Sài Gòn trước năm 1975. Mỗi cuốn như thế đòi hỏi phải được kiểm duyệt toàn

bộ - gọi là biên tập - và anh xuất bản tư nhân đi đặt hàng rồi “liên kết” với một nhà xuất bản của nhà nước để phát hành.

Họ đã tìm đến tôi và tôi chỉ viết sách tình cảm “vô thường vô phạt” giao cho nhà xuất bản muốn ký tên ai đó thì ký. Vì thế sách phải viết xong toàn bộ rồi mới xuất bản được. Không có cách gì sống thì phải viết, nhưng dù sao “giấy rách cũng phải giữ lấy lề” nên những cuốn sách đó đã xuất bản ở Sài Gòn vào những năm 1989-1993, khoảng mười cuốn, sau này tôi bán bản quyền cho một số nhật báo ở Mỹ in lại và ký tên mình - như Soi Bóng Cuộc Tình, Suối Đam Mê, Tình Khúc Màu Tím, Sau Ánh Đèn Thành Phố...

Riêng trường hợp cuốn Ngã Tư Hoàng Hôn thì tôi cho đó là một tác phẩm viết cho mình, cho những gì tôi đã sống hơn 10 năm qua, cho thời đại mà tôi đang sống - 1990 - nên cứ viết rồi để đó. Dĩ nhiên tôi không có hy vọng gì xuất bản ở Sài Gòn được. Mãi tới khi một người bạn ở Mỹ về chơi, đọc truyện đó rồi thu vào đĩa mềm mang đi - hồi đó ở Việt Nam chưa có internet như bây giờ. Vài tháng sau, một nhật báo ở Mỹ đăng truyện này rồi Tủ Sách Tiếng Quê Hương cho xuất bản. Tức là hơn mười năm sau cuốn truyện đó mới được ra mắt ở Mỹ. Đó là hai cách viết feuilleton của tôi, tùy theo “tình hình” mà thay đổi. Tất nhiên một cuốn sách được viết xong rồi mới cho in bao giờ cũng cẩn thận hơn là viết từng ngày. Mạch văn trôi chảy và đồng nhất hơn. Nếu có thể có một ý kiến nào với các bạn viết feuilleton dù “đắt khách” đến đâu thì tôi cũng đề nghị nên viết xong rồi mới cho trình làng bất kể trên báo chí hay xuất bản.

Bây giờ tôi cố gắng viết theo lối đó.

Sau phóng sự tiểu thuyết Lên Đồi, tôi tính viết một truyện dài hoặc một phóng sự mới mà chỉ vì cần phải viết xong toàn bộ nên mấy tháng rồi cứ hên lần hên lữa với mình mà đến

nay vẫn chưa viết được chữ nào. Đó cũng là “cái dở” của việc phải hoàn thành xong rồi mới trình làng. Nếu cứ tiếp tục viết feuilleton hàng ngày hay hàng tuần thì đến ngày, đến giờ là buộc phải viết nên dù lười, dù bận cách mấy cũng phải ngồi vào bàn viết. Đó cũng là một “ưu điểm” cho anh lười. Và... theo tôi, anh nhà văn nào chẳng lười, viết nhiều quá thì phải ớn chứ. Chỉ khi “vào cuộc” rồi mới cảm đầu cảm cổ viết, chẳng biết đến chuyện gì khác.

Để trả lời câu hỏi thứ hai: Anh có ý kiến gì về việc người viết “dài hơi” và người viết “ngắn hơi” không?

Tôi nghĩ người viết dài hơi là người viết không bí đề tài, người viết ngắn hơi thường chỉ viết một hai cuốn rồi... tắc, hoặc viết không hay nữa. Chắc bạn đã nhận thấy sự kiện đó trong những người viết văn? Như câu trên tôi đã trả lời, tôi không bao giờ bí đề tài, nhờ quan niệm viết của tôi ngay từ đầu.

Trước hết và trên hết là tôi chọn đề tài trong cuộc sống trước mặt. Cái gì là điều đáng nói nhất trong lúc này? Xã hội chúng ta đang sống có những vấn đề gì gai góc cho con người bất kể lớp tuổi nào?

Tôi chọn đề tài của tuổi trẻ. Tuổi trẻ cũng chia ra làm nhiều lớp, trí thức, quân nhân, người lao động... kẻ chân thật, người lừa đảo... kẻ giàu, người nghèo... Không thể viết hết cùng một lúc và cũng không thể hiểu hết mọi con người cùng một lúc. Vì vậy, tôi chọn những người mà tôi gần gũi nhất, vấn đề của họ là gì?

Thời cuộc hay mưu sinh? Tâm tình hay lý tưởng?

Sự bế tắc và lối thoát? Bế tắc cái gì?

Lối thoát họ đi tìm có tới hay không?

Đó là tất cả những thứ có thể viết được.

Ngay trong tập truyện ngắn đầu tay xuất bản vào năm

1957, qua truyện ngắn tiêu biểu là *Thùy Dương Trang*, tôi đã đặt vấn đề rất rõ ràng: Người thanh niên ở thành phố lúc đó sống dưới sự cai trị của quân đội Pháp. Anh ta từ hậu phương - tức vùng Việt Minh chiếm đóng - về, đứng giữa ngã ba đường, chẳng biết mình phải chọn lựa như thế nào. Đánh buông trôi cho “số phận”. Và quả nhiên số phận đã khiến anh ta thành người yêu nước hay người phản quốc chính anh ta cũng chẳng chọn lựa được.

Cho đến khi vào quân đội, tôi chọn đề tài người thanh niên và quân ngũ. Những năm 1956-1957 rất ít người viết về đời sống quân ngũ bởi quan niệm “người lính” thì thời nào cũng thế. Nhưng tôi đã nhìn nó theo cuộc sống thật của tôi.

Người lính không chỉ có thể và sau này người ta phong tặng cho là “chiến sĩ” hay “anh hùng” cũng chẳng phải chỉ có lý tưởng mà còn do con người của chính anh ta. Tình cảm và cuộc đời chiến đấu “sống chung hòa bình” như thế nào?

Đến ngay sự hy sinh cao quý nhất là cái chết cũng khó lý giải “vì cái gì?”

Nói như người ta thường nói là “vì tổ quốc vì đồng bào” thì giản dị và dễ dàng quá.

Giải thích như thế, tôi cho là chưa đủ. Còn những thứ khác nữa, như tình đồng đội, cuộc sống đơn vị, danh dự gia đình và của cả những người yêu thương mình - trong *Chân Trời Tím*.

Hoặc nói đến sự hy sinh của người lính thì không phải chỉ có ở chiến trường mà còn có nhiều thứ phải hy sinh nữa. Ngay khi họ đã rời khỏi quân ngũ, sự hy sinh đó vẫn còn. Trong *Đời Chua Trang Điểm*, người lính sau khi bị thương trở lại với cuộc sống đời thường, anh ta đã phải hy sinh cả người yêu của mình, vì... không còn đủ năng lực mang lại hạnh phúc cho người yêu nữa... Rồi cứ thế, đôi khi tôi thấy nói về người lính

và cuộc đời quân ngũ vẫn cứ chưa đủ nên một đề tài có khi bám theo cả ở những cuốn truyện sau này. Điều đó làm cho người viết bút rút không yên.

Đó là một loại đề tài về quân đội.

Còn những đề tài xã hội, đời sống của sinh viên học sinh với sự du nhập những lối sống mới, quan niệm giữa phương Đông và phương Tây, những mâu thuẫn chồng chéo, học để làm gì, phục vụ cho ai, sự mâu thuẫn giữa quyền lợi cá nhân và cộng đồng...

Cho đến thời đại bây giờ cuộc sống ở Việt Nam có những thay đổi gì? Lớp trưởng già được sinh ra như thế nào? Con người thôn quê và thành thị chuyển biến ra sao? Có hàng trăm ngàn sự việc theo thời gian, theo dòng thời sự, theo cách sống “hiện đại”, nhất là những mâu thuẫn trong con người, nói và làm là một hay là hai thứ khác nhau. Sự phá sản trong tâm hồn và trong đời thường diễn ra dưới những hình thái nào...?

Chọn đề tài như thế, chẳng bao giờ viết hết và lúc nào cũng sẵn sàng cho bạn viết. Vấn đề là viết như thế nào thôi. Viết cho đúng, cho thật, đừng bóp méo hay vo tròn nó. Viết để người đọc hiểu được mình muốn cái gì không phải là dễ.

Trong một truyện dài, dù là tiểu thuyết hay phóng sự tiểu thuyết, tôi không bao giờ muốn cho nhân vật của mình, dù là nhân vật chính được coi là “guong mẫu” trong một đề tài trở thành “một ông thánh”, cái gì cũng hay, cái gì cũng tốt. Như thế nó là robot mất. Tôi cho là con người thường có khiếm khuyết nên cứ nói toạc ra, đừng yêu nhân vật của mình quá mà biến con người thành gỗ đá.

Sau khi đã có đề tài thì lúc đó mới là lúc bố cục thế nào để có thể dễ diễn tả hết ý mình và một feuilleton thì đừng quên yếu tố hấp dẫn. Nghệ thuật viết chính là ở lúc viết, lúc diễn tả,

chứ không hoàn toàn được quyết định bởi đề tài hay nội dung cốt truyện. Lúc ngồi bút chạy trên trang giấy - bây giờ là trên computer - mới chính là lúc cần tới sức sáng tạo nhiều hơn cả và lúc đó mới chính là lúc “cái gì là tinh túy” của bạn mới xuất hiện, có khi bạn viết không kịp.

Nói thế không có nghĩa là tôi không có lúc “bí”.

Điều dễ gặp nhất ở lúc diễn tả một sự việc, tìm câu tìm chữ nào cho đúng “phân lượng”. Cái đẹp thế nào là đúng với nhân vật mình diễn tả, nỗi buồn nào đúng với hoàn cảnh lúc đó...

Điều bí thứ hai là làm thế nào cho mọi sự việc xảy ra hợp tình hợp lý, không “guồng ép”, không vô lý. Một thay đổi tâm lý phải dựa trên những nguyên nhân vững chắc. Một lời đối thoại phải hợp tình, hợp cảnh, làm cho người đọc thích thú không rơi vào sự tâm thuồng. Đây là nghệ thuật diễn tả và cũng là nét riêng của từng nhà văn, không ai giống ai cả. Còn điều cấm kỵ của tôi là không “làm dáng” trong văn chương, không khoe mẽ hiểu biết của mình, nói cả những gì không cần nói trong đoạn đó, nó thừa như cái khăn quàng bằng gấm trong khi hậu nóng bức của Sài Gòn vậy. Hãy để vào một dịp khác.

Còn người viết “ngắn hơi” thì tôi nghĩ họ đã tìm cách “kể một câu chuyện dài hay ngắn” chứ không dựa trên một đề tài nào cả. Dĩ nhiên không ai cấm nếu anh viết hay dù bất cứ là viết cái gì. Nhưng nếu không có đề tài thì dễ rơi vào tình trạng viết một vài truyện rồi chẳng biết viết cái gì nữa hoặc cố mà nghĩ ra để viết cho có thì không thể hay được và tự mình sẽ thấy chán, không viết được nữa.

Tôi vẫn cho rằng khi theo đuổi một số đề tài nó sẽ là chất liệu không bao giờ cạn cho niềm đam mê của mình. Theo đuổi một đề tài tức là đã có một lý tưởng để đi tới, một cái đích phải vượt qua. Từng cái đích một sẽ cho người viết phải viết hoài

viết mãi. Đây là cách suy nghĩ của tôi về người viết feuilleton, có thể có rất nhiều cách khác của những nhà văn khác không giống tôi.

Điều tiên quyết là sự thành thật với chính mình, sự truyền cảm với độc giả, có thể người viết chưa nhận ra ngay lúc viết, nhưng với kinh nghiệm của tôi thì chỉ sự thành thật mới có sức truyền cảm và đồng cảm mạnh mẽ nhất mà thôi.

Cuối cùng điều tôi muốn nói là bạn viết bất cứ cái gì cũng được, khi độc giả đọc xong truyện hoặc bài của bạn, một độc giả vui tính có thể gọi bạn bằng “thằng”, nhưng người ta sẽ tủm tỉm cười mà phán rằng: “Thằng cha này viết được lắm” hay ít ra thì cũng là “viết đúng lắm”. Đừng để độc giả long trọng gọi bạn là “ông” nhưng lại phán rằng: “Ông này viết lách chẳng đâu vào đâu”.

Đi tìm một sự cảm thông giữa người viết và người đọc không dễ dàng chút nào, cho nên “viết và lách” cũng chẳng bao giờ là chuyện dễ dàng”.

oOo

Qua những dòng tâm sự trên, Văn Quang đã biểu lộ ít nhất 2 đặc trưng nơi mọi tác phẩm hoặc bài viết. Đó là nguồn đề tài luôn gắn kết với các diễn hóa cuộc sống xã hội trước mắt người viết và sự tuyệt đối trung thực của người viết khi phản ánh mọi diễn hóa đó.

Sài Gòn, Người Muôn Năm Cũ hầu hết là những trang ghi cảm xúc của tác giả vào giây phút nhận tin già từ cuộc sống của những người từng một thời gắn bó, chia xẻ ngọt bùi, hay oan khiên cay đắng...

Giữa tâm cảnh đơn côi lạc lõng khi đối diện từng giờ với các nẻo đường quê hương từng gần gũi đang trở nên xa lạ lạnh lùng thì các tin trên chỉ dẫn đến nỗi u uất về thân

phận lưu đày, cách biệt với khung cảnh thân yêu xưa cũ đã hoàn toàn vắng bóng.

Rõ ràng đó là nỗi lòng người viết, nhưng cũng rõ ràng không chỉ là nỗi lòng riêng của Văn Quang, bởi mọi người viết chẳng bao giờ chối bỏ nỗi vị thế một phần tử nhỏ bé trong cái quần thể mang chung huyết mạch cùng chia xẻ mọi niềm vui nên cũng cùng phải gánh chung mọi khổ nạn gian truân, uất ức.

Nói cách khác, đây chính là nỗi lòng của mọi con dân Việt Nam trong giai đoạn lịch sử khởi đầu từ giữa thế kỷ 20 và còn đang tiếp nối hiện nay. Tất nhiên, nỗi lòng này cũng không chỉ gói tròn trong cảm xúc dấy lên trước tin về những hình bóng thân yêu từng gắn bó bao ngày đã vĩnh viễn lìa xa. Trên thực tế, đây chỉ là một khía cạnh bên nhiều khía cạnh khác mà Văn Quang đã gợi nhắc qua diễn tả mọi bài viết chỉ nhằm giúp *“hình thành bức tranh toàn cảnh về xã hội tôi đang sống... phản ánh trung thực mọi mặt đời sống của người dân thuộc đủ mọi tầng lớp xã hội... Từ nỗi đau cơ cực của “những người bị bỏ quên” như anh em thương phế binh VNCH đến cảnh trác táng cùng cực, hoang phí vô cùng của lớp người ăn trên ngồi trước...”*

Tiếp tay bảo trì và phổ biến các bức tranh đó đã trở thành phận sự hiển nhiên của hết thầy nạn nhân trong giai đoạn lịch sử tàn khốc này. Vì đó chính là việc cần làm để chỉ rõ các mưu toan xảo trá đổi trắng thay đen do một bạo quyền đang tìm cách che đậy tội ác và lường gạt mọi người. Đó là một phận sự đè nặng trên vai mọi con dân Việt Nam hiện nay.

Hy vọng là chúng tôi sẽ tiếp tục được cùng các bạn góp phần phổ biến những bức tranh đó từ mọi người viết còn

giữ vẹn lương tâm người cầm bút để chuyển lại mai sau các chứng tích vô cùng cần thiết phản ánh chính xác giai đoạn lịch sử mà nhiều thế hệ đã và đang còn phải gánh chịu trong cảnh sống dầm nước mắt và máu.

Tủ Sách Tiếng Quê Hương

CHƯƠNG 1

LÊ XUYỀN, NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI

Gần 10 giờ đêm 2-3-2004, chị Lê Xuyên điện thoại cho tôi thông báo tin anh vừa mất lúc 9 giờ 20, tức là cách đó nửa giờ. Lời chị kèm theo rất chân tình:

- Tôi gọi cho anh trước khi gọi cho nhà đòn.

Tôi hiểu ý chị và phải nói hiểu từ lâu mới đúng. Gia đình anh chị trong hoàn cảnh sinh sống rất khó khăn chật vật, vì thế nên tôi đã dặn trước: nếu có chuyện gì cần chị cứ gọi cho tôi. Tôi không tin vào tôi mà tin vào tình yêu thương của bạn bè từ khắp nơi luôn sẵn sàng giúp đỡ Lê Xuyên nên hứa ngay: “Chị cứ lo mọi việc cho tang lễ của anh, còn chuyện khác để anh em chúng tôi lo”. Chị vui vẻ:

- Nếu thế tôi an tâm rồi.

Buông điện thoại, tôi hoàn toàn không ngạc nhiên trước cái tin buồn này. Từ hai năm nay, Lê Xuyên nằm một chỗ, có thể nói thẳng là nằm đó chờ ngày “về với ông bà”. Một năm trước đây thôi, anh phải vào bệnh viện, chị cũng

gọi cho tôi rồi đến nhà mang theo cả giấy “nhập viện” và số tiền phải trả. Tôi cũng lại làm cái nhiệm vụ thông báo cho một số anh em ở nước ngoài để kiếm tiền trả bệnh viện. Không phải chỉ có riêng chúng tôi mà còn những người quen khác của anh, những người bạn đồng hương, những người học cùng trường cùng lớp, có cả những người không hề quen biết cũng xúm nhau vào chung lo. Hầu như ai cũng hiểu rằng ngày “ra đi” của anh không xa. Nhưng may mắn, anh vẫn còn qua được vài mùa xuân. Những lần sau này tôi đến thăm anh, anh nằm đó nhưng tỉnh



Di ảnh trên bàn thờ: bức ảnh Lê Xuyên thích nhất. (1927-2004)

táo, không nói chuyện được song hỏi nhiều điều, anh vẫn nhớ, vẫn hiểu. Khi anh gật đầu, thỉnh thoảng có được một nụ cười, đôi mắt ánh lên một niềm vui. Nhất là khi tôi cố gọi lại một vài câu chuyện vớ vẩn từ hồi xa xưa chúng tôi gặp nhau ở ngoài đường hoặc ở tòa soạn một vài tờ báo.

TÍNH CÁCH LÊ XUYỀN

Để cho anh được sống lại với những kỷ niệm cũ, tôi kể lại một buổi sáng sớm vào khoảng năm 1971-72, sau một đêm đánh chẵn với vợ chồng ông chủ báo Kịch Ảnh đường Cống Quỳnh, tôi lái xe về nhà.

Qua đường Lê Lai, tôi thấy Lê Xuyên cúi đầu đi trên hè phố. Tôi đậu xe sát lại, Lê Xuyên vẫn chưa thềm nhận ra là xe của ai. Tôi bóp còi, lúc đó anh mới ngược lên nhìn và toét miệng cười. Ít khi ông Lê Xuyên cười lắm.

Tôi đẩy cửa xe, thò đầu ra hỏi:

- Ăn sáng chưa?

- Chưa... gì hết trời, có tiền đâu mà ăn.

- Lên đây, tôi đưa ông đi ăn sáng.

- Leo lên xe, anh hỏi thẳng:

- Đêm qua được hay thua?

- Được.

- Nhà không còn một xu, tui để tiền trong túi cũng hết luôn.

Tôi cười và hiểu sự “hết tiền trong túi” của anh dù mới lãnh lương. Móc trong bóp xe, tôi chia cho anh một nửa số tiền được bạc đêm hôm qua và dặn dò:

- Mang về tòa soạn cất vào ngăn kéo để tiêu dần đấy.

- Ừ, tốt. Ông ăn sáng chưa, cho tôi đi với. Lâu rồi không được ăn đồ Tây.

Tôi cười:

- Ra Givral hay Brodard, ông thích chỗ nào?

- Đâu cũng được.

Chúng tôi ra Givral, sáng sớm tinh mơ chỉ có hai bàn khách. Tôi gọi mì jambon là món “đặc sản” ở đây, còn Lê Xuyên gọi omelette jambon ngồi nhai bồm bẻm lấy làm thú vị lắm. Ăn xong tôi bảo ông có tiền rồi, lấy xe taxi về tòa soạn, tôi phải về nhà thay quần áo rồi còn vào phải vào sở chào cò vì hôm nay là sáng Thứ Hai. Lê Xuyên cười hi hi:

- Cả đời tao chưa biết chào cò là cái gì. Tao chỉ chào ông chủ báo khi lần đầu tiên đến làm. Ngô Quân cũng thế mà Hồ Anh cũng thế.

Thình thoảng tôi đưa bài đến báo Thời Thế, đôi khi vào buổi trưa, tôi lại rủ Lê Xuyên đi ăn trưa, hôm có tiền thì chui vào Chợ Lớn ăn cơm Tàu Bát Đạt. Có lần tôi rủ:

- Chúng tớ có cái phòng thuê ở trên lầu ba để thỉnh thoảng chơi phé, lấy tiền sâu gửi lại tay quản lý nên bất cứ lúc nào cần phòng là có ngay. Ông có muốn nằm lại đây một buổi không?

Bản tính anh hiền lành nên hỏi lại:

- Nằm làm gì, tôi phải về làm việc chứ.

- Ông ngây thơ thật hay ngây thơ cụ, ông cứ lên với tôi là biết ngay “nằm làm gì”. Ông muốn Tàu cũng có mà ta cũng có.

Dĩ nhiên đến nước này thì ông bạn tôi phải hiểu, nhưng ông lắc đầu quây quây như thằng con nít bị mẹ bắt lấy vớ sớm. Tôi đưa ông trở lại toà soạn và xác nhận với anh em rằng “Lê Xuyên nó đứng đắn thật các ông ạ”.

Một ông bạn tôi cãi: “Nó nhát chứ đứng đắn cái gì”.

Thôi thì nhát cũng được, đứng đắn cũng được nhưng nó không giống tui mình. Và một điều ai cũng nhận thấy là chưa bao giờ thấy mặt Lê Xuyên ở bất cứ cái phòng trà tiệm nhậu nào, ngay cả chỗ đồng người anh cũng tránh.

Tôi cứ lăm lăm ngồi nhắc lại từng chuyện khiến anh thú lắm, đó là lúc anh được sống thêm.

MỘT BÍ MẬT BÂY GIỜ MỚI TIẾT LỘ

Cũng vào khoảng thời gian đó, tờ báo *Thời Thế* có một loạt bài điều tra phóng sự về một vụ tham nhũng của một ông “tướng vùng”. Ông tướng nhờ một đại tá và một trung tá liên hệ với tôi để nhờ tôi can thiệp. Tôi chẳng biết trắng đen ra sao, nhưng đã có lời nhờ vả và giải thích thì tôi làm.

Tôi gọi cho Lê Xuyên giải thích những gì tôi được nghe và đề nghị “thông cảm” với phóng viên cho ngưng loạt bài đó kẻo làm mất uy tín của một người chỉ huy vùng chiến thuật. Lê Xuyên nói ngay:

- Ông nói thì tôi nghe, nhưng để tôi thu xếp với anh em cho có đầu có đuôi.

Sau đó tôi điện thoại cho ông chủ báo Hồ Anh, lúc đó tôi mới biết đã có một hai ông nghị sĩ dân biểu can thiệp, nhưng Lê Xuyên cứ tiếp tục cho đăng loạt bài này. Hồ Anh bảo tôi cứ nói chuyện với Lê Xuyên, nếu anh ấy chịu thì không có gì trở ngại.

Chỉ có thế thôi. Rất bất ngờ, hôm sau tôi đọc được hàng chữ trên trang nhất: “Vì có người bạn chúng tôi can thiệp nên chúng tôi thấy cần phải chấm dứt loạt phóng sự này”. Quả thật đó là điều khiến tôi hết sức cảm động và ngay lúc đó tôi trở nên áy náy vì biết đầu đó là một sự thật mà công sức của anh phóng viên trẻ đã bỏ ra bị tôi “kỳ đà cản mũi”. Tôi gọi lại cho Lê Xuyên, anh chỉ cười:

- Thông cảm với phóng viên rồi, nó bảo ngưng cũng được, viết thế đủ rồi.

Tôi rủ anh đi ăn trưa, anh nói:

- Tôi vừa ngưng phóng sự mà đi ăn với ông thì khác gì đi ăn hối lộ. Thôi hôm nào ông được bạc, mình lại đi ăn đồ Tây. Hôm nay tôi bận quá ông ạ.

Lê Xuyên cúp máy và tôi cứ ân hận, chẳng hiểu vì sao. Chuyện này có nhiều nhân chứng còn sống ở đâu đó, may ra họ còn nhớ. Tôi thì chẳng bao giờ quên.

BỎ ĐI TÁM!

Hơn mười năm sau, khi tôi ở trại cải tạo ra, Thanh Thương Hoàng dẫn tôi đến thăm Lê Xuyên. Anh ngồi bán thuốc lá lẻ

ở một góc phố. Chiếc quây thuốc bé tẹo nhưng cũng đủ che hết tấm thân gầy gò của anh. Chúng tôi nhìn nhau và cùng cảm thông sâu sắc thân phận mình lúc này. Anh chớp mau mắt nói như để an ủi hơn mười hai năm tù của tôi:

- Trông ông vẫn cứ phong độ như ngày nào.

Tôi thẳng thừng thương bạn:

- Còn ông, trông chán bỏ mẹ. Đ... khóc được chứ...

Hai bàn tay bạn tôi run lên, lật bật đứt chiếc chìa khoá vào ngăn tủ kính để mấy gói 555 bán lẻ - hồi đó ba số năm quý lắm:

- Hút thuốc lá không?

- Không, tớ hút thuốc Lào quen rồi, về đây hút thứ nặng hơn mới đủ đồ.

Thanh Thương Hoàng rủ sang bên con hẻm phía trước ăn sáng. Đó là con hẻm lối đi vào một ngôi chùa hay ngôi đình gì đó. Không có hủ tít, Lê Xuyên phải chạy đi gọi ở một nơi nào quen bán chịu cho anh ở gần đó. Lê Xuyên trở lại với con người thật của anh. Vẫn hiền lành, cười tùm và chân quê. Phải nhìn thấy cái cười tùm của anh mới biết tại sao anh viết về những cuộc tình của những đôi trai gái đồng ruộng miền Nam hay đến thế, lấu cá đến thế. Tòì nhủ thầm: Thằng cha này tằm ngấm tằm ngấm mà ghê lắm đấy. Nó không nói mà chỉ viết nên nó viết được nhiều hơn mình. Chỉ có nó mới viết được những “dòng chảy ngầm” của trai gái thôn quê miền Nam thật đến thế và hấp dẫn đến thế.

Lê Xuyên khác với một số những cây bút hoàn toàn Nam Bộ như Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam ở chính cái “thật” của anh, không màu mè, không lý luận, không làm cái gì như nghiên cứu sưu tầm về phong tục tập quán dưới hình thức này hoặc dáng vẻ khác. Từng động tác, từng

thái độ, từng lối ứng xử trong nhân vật của anh cứ như con người thật lồ lộ đang ở trước mặt ta vậy. Trước mặt tôi, ông già Lê Xuyên vẫn còn cái hóm hình riêng, nhưng bây giờ thì như anh nói: “đếch viết nữa”. Tôi hỏi không viết được hay không thích? Câu trả lời của anh gọn lỏn: “Bỏ đi Tám”. Tôi không hiểu nổi ba chữ mà anh dùng. Có một nỗi chua chát nào đó trong tâm sự thật của anh? Thậm chí cái chứng minh nhân dân anh cũng không muốn làm nên không có hộ khẩu, cứ như ở lậu, công dân lậu. Thái độ đó có đồng nghĩa với sự “bỏ đi Tám” của anh không? Chỉ anh mới hiểu và bây giờ anh mang theo.

Cách đây vài năm, tôi có viết một bài về Lê Xuyên và may mắn nhận được sự giúp đỡ thiết thực của khá nhiều bạn bè. Trong đó có vài tờ báo muốn đăng lại các truyện dài của anh, tôi hỏi, anh chỉ lắc đầu: “chẳng còn cuốn nào”, và cả chị ấy cũng không kiếm được cuốn nào.



Từ trái: Nguyễn Thụy Long, Lê Xuyên, Văn Quang
ở quán cà phê đầu ngõ vào năm 2001

Ba năm sau cùng, anh không còn sức để bán thuốc lá lẻ nữa. Thỉnh thoảng tôi và Nguyễn Thụy Long kéo đến

thăm, cố dìu anh ra quán cà phê cuối ngõ ngồi lai rai tâm sự vặt. Tôi vẫn cho rằng chỉ các lúc đó Lê Xuyên mới được sống thật. Hai năm sau này dù có cố lôi anh đi cũng không nổi nữa rồi. Anh như cái bóng trong góc tối của gian phòng chật chội vây quanh bởi hàng trăm thứ linh kinh nào bàn ghế, chai lọ, giường tủ. Chỉ có cô gái út săn sóc cho anh, vợ và các con lớn của anh vất vả với công việc hàng ngày rất ít thì giờ trông nom cho bố. Cái chết đến từ từ theo từng ngày giờ buồn tênh, dường như anh chán cả sống và chết, không thêm chú ý đến nó nữa.

Khi tôi đến với anh lần cuối là lúc các con anh đang tắm rửa, thay quần áo cho anh trước khi nhập quan. Cái thân hình gầy gò trần trụi của anh phơi ra, tất cả chỉ còn có thể. Tôi chuyển ngay cho chị số tiền mà tôi mới gửi e-mail tối hôm qua thông tin về sự ra đi của anh, nhanh chóng được đáp ứng. Các bạn ở Virginia, San Jose, Santa Ana yêu cầu tôi chuyển ngay khoảng 1.000 USD đến lo tang lễ cho anh. Một người bạn đưa ngay đến 2 triệu và mang đến vòng hoa đầu tiên của bạn bè Sài Gòn.

Hôm sau chị khoe với bà con đến phúng:

- Có bạn bè làm chỗ dựa nên tôi mạnh tay làm đủ thứ việc cho anh ấy. Mạnh vì gạo bạo vì tiền, có phải không, các bác? Không có bạn bè, tôi chẳng còn biết xoay sở ra sao.

Tôi nói với chị:

- Chắc sẽ còn nữa, có một số anh em chưa gửi kịp, xin chị an tâm đi tiếp con đường ai cũng phải đi.

Buổi chiều ngày 5-3, đúng hai giờ lễ động quan bắt đầu, giữa trời nắng chang chang, chúng tôi đưa anh đến Bình Hưng Hòa.

Có rất nhiều người bên hè phố lặng lẽ tiễn đưa anh, không ồn ào như những đám tang của những nhà nghệ sĩ mà ở đây người ta cho rằng đó là những “nhà nghệ sĩ lớn”, nhưng những con người thâm lặng ấy dõi theo anh với tất cả tấm lòng mình.

Họ không nói gì, không có kèn saxo như trong đám tang Trịnh Công Sơn, không có những giọt nước mắt dài ngắn thở than của những danh ca nghệ sĩ, không có cả những bài “điếu văn tưởng niệm” lâm ly bi đát, nhưng đây ấp những tình yêu thương từ xa xưa đọng lại, từ bốn phương lãng đãng bay về phủ kín khung trời Sài Gòn.

Thế là đủ, nó vượt lên trên tất cả.

(Sài Gòn 8-3-2004)

CHƯƠNG 2

NGHỆ SĨ PHI THOÀN: “BINH MÉO – CAI TRÒN”

Cương trình “quân nhân học tập” đã được khai sinh vài năm trước khi tôi về làm việc ở Đài Phát Thanh Quân Đội. Có lẽ nó có từ những năm 1967-68. Chương trình này do hai nghệ sĩ Phi Thoàn, Khả Năng phụ trách và là một chương trình “ăn khách” nhất của Đài Quân Đội cùng những chương trình đặc biệt khác như *Dạ Lan*, *Nghệ Sĩ với Chiến Sĩ...*

Hầu hết anh em trong quân đội và gia đình họ rất thích nghe hai ông Binh Méo, Cai Tròn “tán dóc”. Dĩ nhiên là “tán dóc” trong một chủ đề đã được chọn lọc để phổ biến một đường lối, chủ trương nào đó của quân đội, tránh hình thức học tập khô khan. Nhờ vậy nó chuyên chở được hầu hết bài học mà người lính cần hiểu và hiểu sâu sắc hơn.

AI LÀ BINH MÉO, AI LÀ CAI TRÒN?

Hai nhân vật chính của chương trình này là Phi Thoàn đóng vai “Binh Méo” và một người đóng vai “Cai Tròn”.

Nhìn bề ngoài lúc đó Phi Thoàn gây gò nên cái biệt hiệu Binh Méo dành cho anh bên cạnh diễn viên Khả Năng tướng người to cao nên được tặng biệt danh là “Cai Tròn” rất đúng điệu. Cũng có người ví hai anh như Laurel & Hardy. Hai nhân vật ấy rất quen thuộc với các sân khấu kịch quân đội và người lính suốt nhiều năm. Thậm chí khi các anh đi diễn những “sò” ở các rạp hát, rạp chiếu bóng ngoài phạm vi quân ngũ cũng có nhiều nơi yêu cầu các anh diễn theo phong cách “Binh Méo, Cai Tròn” đủ chứng tỏ ảnh hưởng của hai vai diễn này rất mạnh.

Bên cạnh phòng làm việc của tôi có một phòng vi âm nhỏ chuyên dùng để thu thanh trước các chương trình đặc biệt chỉ cần một số ít người.

Hàng tuần vào một ngày cố định, tôi không còn nhớ rõ là ngày thứ mấy trong tuần, chương trình “quân nhân học tập” được thu thanh tại đây. Vài tuần đầu tôi để ý thấy chỉ có Phi Thoàn và một số nhân viên vào ghi âm chương trình này, không thấy Khả Năng. Vậy mà chương trình vẫn có “Cai Tròn Binh Méo” và giọng nói của Khả Năng.



Phi Thoàn.

Tôi chưa kịp hỏi thì một buổi Phi Thoàn thu thanh xong, anh gõ cửa vào phòng tôi. Bao giờ cũng vậy, gặp anh là thấy nụ cười trước tiên. Anh đưa tay chào kiểu nhà binh nhưng vẫn xưng hô với tôi như tình anh em:

– Nghe nói anh về Đài mà mấy lần định vào nhưng anh lại có khách.

Cần nói rõ là Phi Thoàn làm ở tiểu đoàn 30 Chiến Tranh Chính Trị chứ không phải nhân viên của Đài Quân Đội. Anh chỉ là người cộng tác và vẫn được hưởng cát-sê như những nghệ sĩ dân chính khác cộng tác với Đài. Chúng tôi quen nhau qua cái tình văn nghệ trong quân đội từ lâu. Nhưng hồi đó tôi còn làm việc ở phòng Báo Chí, nay mới có dịp làm chung một “nghề”. Tôi hỏi:

– Còn Khả Năng đâu sao không vào chơi luôn?

Phi Thoàn cười:

– Ông ấy giận tôi nên không chơi với tôi nữa. Hồi này tụi tôi đi làm ăn riêng hết, không chơi chung như xưa.

PHONG CÁCH PHI THOÀN

Lúc đó tôi mới biết rằng sau này Phi Thoàn “*một mình một chợ*” đảm nhận vai trò nòng cốt trong chương trình *Bình Méo*, *Cai Tròn* mà người đóng vai Cai Tròn lại là một xướng ngôn viên khác có giọng nói y hệt Khả Năng. Có lẽ điều này rất ít thính giả biết cho đến tận bây giờ. Cũng như chương trình Dạ Lan, sau khi Dạ Lan của thời kỳ đầu nghỉ không làm nữa thì lập tức một xướng ngôn viên có hạng của Đài được thay thế với tiếng nói y chang Dạ Lan làm nhiều người cứ tưởng vẫn chỉ là một giọng nói. Mãi sau này mới có một số người biết.

Tôi lấy làm tiếc vì sự “chia đôi đường” của cặp bài trùng đang trong thời kỳ rất ăn khách này. Tôi ngó ý với

Phi Thoàn lúc nào có dịp tôi sẽ mời Khả Năng đến Đài rồi cùng ngồi nói chuyện. Nhưng Phi Thoàn lắc đầu:

– Vô ích thôi, anh ạ. Vài “sếp” đã tính đến chuyện này, nhưng tôi thấy không vui vẻ với nhau nữa thì cứ để nó như thế cho yên chuyện đời.

Thiệt thòi cho sân khấu là từ đó khán giả không còn có dịp thấy “Laurel và Hardy Việt Nam” xuất hiện chọc cười thiên hạ nữa, dù trên làn sóng phát thanh họ vẫn cứ như hình và bóng. Đâu có ai biết Binh Méo sẽ không bao giờ diễn chung với Cai Tròn nữa.

Và chuyện đời cứ như thế trôi cho đến những ngày trước cuối tháng 4 năm 1975, Phi Thoàn vẫn hàng tuần đến thu thanh bên phòng của tôi. Thỉnh thoảng gặp nhau nói dăm ba câu chuyện vặt rồi ai làm việc nấy.



Lối diễn của anh gần như của Trần Văn Trạch.

Ngoài công việc của quân đội, thỉnh thoảng Phi Thoàn đảm nhận “xó” diễn của các đoàn ca kịch bên ngoài. Lối diễn hài của anh rất độc đáo, không phùng mang trộn mắt mà là lối diễn rất thông minh, hóm hình do chính anh tự khám phá ra cho mình và đôi khi cho bạn diễn cùng với mình có cơ hội được chọc cười khán giả.

Lối diễn của anh gần như của Trần Văn Trạch, nếu anh Trạch có vẻ Tây phương hơn thì Phi Thoàn lại quay về với những cử chỉ, lời thoại của người thôn quê, ngậy thơ chất phác thú vị. Tràn cười của anh không dung tục quá đáng đến sỗ sàng mà mang hơi thở của chú Tư Cầu Lê Xuyên với ruộng đồng mộc mạc. Vì thế sau này anh diễn các vai bác nông dân rất thành công và còn được khán giả đặt cho cái tên “chú Sáu Mỹ Thuận”. Anh khôi hài châm biếm rất hồn nhiên, không cường điệu quá lố, không cố ép khán giả phải cười mà là tiếng cười bật lên từ chính trong lòng khán giả qua phong cách tự nhiên của anh, qua sự việc hợp tình hợp lý chứ không gán ghép để buộc khán giả phải cười dù nó có vô lý. Anh không thích sự vô lý trong cách bố cục một kịch bản, dù là kịch bản đó của mình hay của người khác. Tôi đã thấy Phi Thoàn yêu cầu người viết kịch bản là trưởng ban thông tin thời sự của Đài, thay đổi mạch hành văn của một câu chuyện thời sự cho hợp lý hơn, lúc đó anh mới chịu diễn. Có thể nói anh là người rất kỹ tính với kịch bản. (Ảnh: Phi Thoàn và Tô Kiều Lan trong vở cải lương “Nếu Em Là Hoàng Đế”).

Về thành tích của nghệ sĩ Phi Thoàn, phải nhắc đến sự đa dạng trong diễn xuất. Nhờ sự đam mê sân khấu từ hồi còn nhỏ mà, từ một anh chuyên đóng hài trên đài phát thanh, anh nhanh chóng chiếm lĩnh vai trò chủ chốt các

đại nhạc hội Sài Gòn thời đó. Tên tuổi Phi Thoàn một thời được xem là sự bảo đảm bán vé đắt cho buổi diễn. Cùng với các danh hài thượng thặng như Thanh Hoài, Tùng Lâm, Thanh Việt, La Thoại Tân, Xuân Phát..., anh mang lại tiếng cười sôi nổi cho người xem.

Sau một thời gian tham gia các ban kịch ở Sài Gòn, anh còn đóng nhiều thể loại phim hài. Cứ mỗi lần có một đoàn làm phim tính chuyện “làm phim hài chiếu Tết” là người ta nghĩ ngay đến Phi Thoàn. Các ông chủ hãng phim thi nhau đến mời anh ký hợp đồng và hầu như bất kỳ phim hài loại nào có anh đóng là y như bà con đến chật rạp, chủ hãng phim hốt bạc.

Không còn gì đúng hơn và khôn ngoan hơn là làm phim hài vào dịp tết, người Việt Nam có thói quen kiêng khem và đôi khi đi xem hát, xem kịch vào dịp đầu năm là để “bói tuồng” nên thường chọn những phim kịch vui để được vui vẻ suốt năm.

THUỞ ẤU THƠ CỦA BÌNH MÉO

Tên thật của anh là Nguyễn Phi Thoàn, sinh năm 1932 tại Trà Vinh. Bắt đầu hoạt động nghệ thuật từ năm 1948 và trở thành nghệ sĩ hài nổi tiếng khi mới bắt đầu khôn lớn.

Nhắc lại tuổi thơ, anh thường kể một sự kiện, đó là anh sinh ngày 19-6-1932, ngày người Pháp cho chạy thử chiếc tàu thủy rất lớn trên sông Trà Vinh. Chiếc tàu đó tên Phi Thoàn nên ba mẹ anh quyết định đặt tên cho đứa con trai duy nhất trong nhà là Nguyễn Phi Thoàn. Nhưng số anh lại là con khó nuôi, cứ đau bệnh liên miên, nên ba mẹ anh đã nhờ một người thầy Khmer nhận làm con nuôi. Bởi vậy anh còn có tên Sen. Cái tên gắn chặt tâm hồn mình với quê hương. Anh thường kể với bạn bè:

– Có lẽ nhờ chết hụt lúc còn nhỏ nên lớn lên tôi là một thanh niên sống thành thoi, thích nhìn những sự việc treo ngoe để gây tiếng cười. Năm tôi 16 tuổi, ở xóm đã nổi danh là thằng “Sen tếu”. Một lần bạn bè xúi “mày có máu khôi hài nên lên Sài Gòn xin vào đài phát thanh kể chuyện tiếu lâm”. Tôi khăn gói một phen thử vận. Hồi đó ở Đài Phát Thanh Sài Gòn có chương trình tuyển chọn ca sĩ trẻ, giữa giờ giải lao thường có một anh hề ra chọc cười khán giả. Tôi xin thử kể, không dè ông chủ lắc đầu. Lúc định quay về thì trời đổ một cơn mưa thiệt lớn. Nhờ vậy tôi mới được thử. Câu chuyện tôi kể là hình ảnh một anh nông dân say bí tỉ gây lộn với con chó. Một mình tôi giả hai giọng: người và chó. Không ngờ ông “sếp lớn” nhận tôi vào làm ngay và đó là bước ngoặt gắn chặt đời tôi với sân khấu.

NỖI NHỚ SÀN DIỄN CỦA NGƯỜI NGHỆ SĨ VỀ GIÀ

Nghệ sĩ Phi Phụng, con gái của nghệ sĩ Phi Thoàn, đã tâm sự:

“Với tôi, ba không chỉ là một người cha kính yêu mà còn là một người thầy tận tụy. Ngay khi còn rất rất nhỏ tôi đã bắt chước ba hát diễn đúng kiểu “cha truyền, con nối”. Tôi được ba chăm chút, uốn nắn từng chút, rồi ba dắt tôi vào hát từ năm 1978, đi hát “xô” cũng dắt tôi theo. Hồi mới vào nghề chưa có kinh nghiệm, chỉ đóng cảnh “ngất xỉu” mà tôi bị ba bắt đóng tới, đóng lui hoài... Không chỉ với riêng tôi mà với các bạn diễn ba cũng rất nghiêm khắc trong tập luyện. Nhà tôi có 7 chị em nhưng hề một đứa có lỗi là ba “phạt... tập thể”. Ông bắt tất cả nằm sắp lớp xuống nền nhà rồi phán: “Nằm yên đó, đợi tao đi diễn về là tụi bây biết tay!” Tụi tôi thay phiên nhau 6 đứa nằm còn 1 đứa ra canh cửa. Một chập sau đứa canh cửa báo động:

“Ba về! Ba về!”. Thật ra ông già chỉ đi loanh quanh đầu đó, về thấy đàn con vẫn nằm sắp lớp nghiêm chỉnh, ông cười hì hì: “Thôi, tha!”. Khi chị em tôi có bạn trai, dù đi chơi tập thể ở tận Bửu Long ba cũng đòi lên tận nơi “canh chừng”, sợ... con hư! Còn nữa: “Đứa nào mà đi nhảy đầm thì tao chặt giò!”. Trong nhà là thế, nhưng bước ra ngoài là ba trở thành “chú Sáu Mỹ Thuận” rất vui tính với bạn bè đồng nghiệp, với khán giả và với cả bà con chòm xóm. Ba nằm bệnh viện hai tháng rồi 9 tháng nằm ở nhà, khoảng thời gian ấy ba nhớ sần diễn, nhớ bạn diễn vô cùng. Có những đêm ba thức rất khuya, chờ tôi về để chỉ hỏi một câu: “Con đi hát về, có gì vui kể cho ba nghe với!”

Nỗi nhớ sần diễn của người nghệ sĩ về già sao mà tha thiết quá. Hình dung ra cảnh Phi Thoàn nằm đó nhớ ánh đèn sân khấu, nhớ khán giả, nhớ vai diễn và bạn diễn chắc bạn đọc cũng thấy lòng nao nao.

CHÚT KỶ NIỆM CUỐI CÙNG

Sau một thời gian dài, suốt từ năm 1975 đến khoảng năm 1991-92, khi tôi ở trại “cải tạo” ra, trở về Sài Gòn, tôi chỉ gặp lại Phi Thoàn đúng một lần.

Khi đó tôi còn lang bang xách “bút nghiên” đi học computer ở trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn.

Chẳng biết hôm đó chiếc xe ca đón nghệ sĩ nào ở đường Hùng Vương, Phi Thoàn ngồi đợi ở một quán trước cổng trường gần đó.

Tôi tan lớp học bước ra, Phi Thoàn nhìn tôi ngỡ ngơ rồi anh đứng ra giữa đường cản lối, hai tay chống nạnh nhìn tôi trùng trùng.

Vừa nhìn thấy anh là tôi nhận ra ngay. Anh vỗ lấy tôi:

– Bắt được ông rồi đây nhé. Cứ nghe ông về mà chẳng biết ở đâu.

Tôi đùa:

– Coi chừng anh quen một tên “ngụy” hơi nguy hiểm đấy nhé.

Anh cười:

– Tôi quen với nguy hiểm rồi. Mà ông đi đâu đây? Bộ lúc này phải đi dạy học kiếm sống à?

– Đi học chứ dạy cái nỗi gì, ai cho dạy mà dạy.

Phi Thoàn không tin:

– Ông tính thay tôi đóng phim giễu hay sao đây?

– Nói thật đấy. Học computer mà. Ở trong trại, đọc thấy cái máy vi tính ghê quá, về học xem nó ghê đến đâu.

– Ông có chí thật.

Tôi cười trừ:

– Đừng có khen tôi, chẳng qua đòi quá và cũng hơi nhục nên mới đi học đấy, tôi là học trò già nhất ở cái trường này.

Phi Thoàn an ủi:

– Việc quái gì mà nhục! Ông cứ hiên ngang mà sống chứ, đời anh em mình còn dài mà.

– Không phải như ông nghĩ đâu, tôi ở chung với mấy người bạn, họ đánh mạt chược suốt ngày, họ có tiền, còn tôi thì rách như tổ đĩa. Có ba chân, thiếu người, họ cứ bảo tôi ra ngồi đánh cho đủ chân. Tiền đâu mà chơi nên tôi cứ phải giả vờ ốm nằm trùm mền. Minh là dân chơi từ xưa, quen máu đi rồi nên nằm trùm mền mãi, nghe họ lóc cóc chơi ở nhà ngoài, chịu hết nổi và cứ thấy nhục thế nào ấy.

Phi Thoàn cười ha hả:

– Vì thế ông cấp sách đi học cho khuất mắt chứ gì. Chuyện đó của ông viết thành kịch được đấy.

– Còn khối chuyện viết thành kịch được, nhưng bây giờ tôi chưa có thì giờ.

Phi Thoàn kéo tôi vào quán đái ly cà phê đá.

Anh ti tê tâm sự cuộc đời anh gắn liền với sân khấu và bây giờ vì cuộc sống nên vẫn cứ đi diễn.

Tôi hỏi thăm đến một số anh em khác và Khả Năng. Phi Thoàn nói hỏi này cũng không biết Khả Năng ở đâu. Nghe tin anh ấy đi vượt biên.

Tôi kể cho Phi Thoàn nghe hỏi mới vào trại “cải tạo” tôi ở trại Suối Máu, một hôm nghe có người bạn nói Khả Năng đợi tôi ở hàng rào phía hông trại.

Tôi chạy ra. Khả Năng đứng bên hàng rào kẽm gai trại bên kia, chúng tôi nhìn nhau ngao ngán. Xem ra Khả Năng có vẻ mất tinh thần lắm. Anh ấy không còn là một cây cười ngoài đời nữa, trại giam đã giam cả tiếng cười của anh ấy rồi. Trao đổi vài câu chuyện trời đã vào tối, chúng tôi chia tay. Sau đó tôi chuyển trại ra miền Bắc, từ đó tôi không còn có dịp gặp lại Khả Năng.

Mãi những năm sau này, tôi nghe nói Khả Năng đã vượt biên sang được đất Thái Lan nhưng rồi tử vong vì một lý do nào tôi không rõ.

Nay thì đến lượt tôi phải từ giã Phi Thoàn.

Anh mất lúc 16 giờ 40 ngày 4 tháng 5 năm 2004 tại nhà riêng, hưởng thọ 73 tuổi.

Thế là hai anh Binh Méo, Cai Tròn đều đã ra đi cùng với anh trưởng ban thông tin hồi đó là Mai Trung Tĩnh.

Những tài hoa xưa đã rơi rụng dần.

Chiều nay, 7 tháng 5, khi tôi viết bài này, đám tang Phi Thoàn vừa cử hành.

Một nỗi buồn mệnh mông trum lên không khí Sài Gòn bắt đầu vào một mùa mưa mới mà chưa mưa được!

(Sài Gòn 7-5-2004)

CHƯƠNG 3

NHẬT BẰNG: CHÚNG TÔI THƯƠNG TIẾC ANH

Trong số nhạc sĩ tôi quen biết, điều có thể khẳng định ngay rằng Nhật Bằng là một nhạc sĩ tài hoa nhưng không hề “bay bướm”. Anh có dáng người nhỏ nhắn, đẹp trai kiểu thư sinh, ăn nói nhỏ nhẹ và luôn tỏ ra hòa nhã trong mọi cách giao thiệp. Thấy anh, người ta cứ nghĩ là một sinh viên hơn là một nghệ sĩ.

Cuộc sống của anh gắn bó với gia đình, xa lánh những chỗ ăn chơi chỉ trừ một thứ duy nhất anh thích là mạt chược, nhưng là thứ mạt chược “còm”, phải nói là “rất còm” mới đúng. Đó là thú vui của gia đình anh.

Cả nhà anh hợp lại đã thành một bàn mạt chược, đôi khi có thể thừa chân và gồm toàn “danh thủ” chứ không phải loại lơ mơ. Cái thú vui ấy hoàn toàn là một thú vui gia đình.

NHỮNG CÁI TÊN LỚN TRONG MỘT CĂN NHÀ NHỎ

Tôi biết anh từ khi về làm ở Sài Gòn năm 1957, khi anh phục vụ ở Đài Phát Thanh Quân Đội hồi đó còn là một căn nhà nhỏ nằm ở mặt tiền đường Hồng Thập Tự, ra vô tự do, không một người lính gác. Trưởng đài hồi đó là Vũ Quang Ninh, và Vũ Đức Vinh tức nhà văn Huy Quang làm phó kiêm trưởng ban biên tập. Ban nhạc thì gồm toàn nhạc sĩ, ca sĩ thượng thặng từ Đệ Tam Quân Khu ngoài Hà Nội chuyển vào Nam. Các anh Canh Thân, Đan Thọ, Anh Ngọc, Ngọc Bích, Văn Phụng, Xuân Tiên, Xuân Lôi, Vũ Huyền... đều có mặt trong căn nhà nhỏ bé này.

Đó là những nghệ sĩ được đồng hóa vào quân đội theo khả năng và nhu thế dĩ nhiên không phải “động viên” vào lính ra chiến đấu ngoài chiến trường.

Các anh ấy đều hơn tôi vài ba tuổi.

Tôi làm ở Phòng Báo chí quân đội nên việc liên hệ với Đài phát thanh là chuyện hàng ngày. Bởi Đài Quân Đội hồi đó chưa có phóng viên, nhất là phóng viên chiến trường nên phóng viên báo chí có bài tường thuật nào cũng cung cấp cho Đài Quân Đội.

Chính tôi hồi đó, thỉnh thoảng cũng đi làm phóng sự và đọc trực tiếp cho Đài Quân Đội thu thanh.

Dù khác nhau về công việc, cấp bậc, tuổi đời, nhưng chúng tôi coi nhau như anh em bạn bè và riêng tôi vẫn giữ sự kính trọng đặc biệt với những bạn này.

Nhật Bằng và tôi hồi đó đều chưa lập gia đình, nhưng chưa hề đi chơi chung. Chừng hơn một năm sau anh mới lập gia đình với chị Tường Huệ, lúc đó cũng là một nhân viên khả ái của Đài Quân Đội.

Anh chị có cuộc sống đầm ấm, khép kín trong một gia đình nền nếp của những công chức cấp cao khi còn các Đốc Phủ Sứ, ông Tham, ông Phán.

NGƯỜI NGHỆ SĨ KHÔNG LÀM CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN CỦA MÌNH

Đến năm 1969, khi tôi về làm việc tại Đài Quân Đội, lúc đó chúng tôi mới có dịp gần nhau hơn.



Nhật Bằng.

Khi ấy những Canh Thân, Văn Phụng, Anh Ngọc... đều đã giải ngũ trở về với cuộc sống dân sự, nhưng Nhật Bằng vẫn ở lại. Có một điều lạ là Nhật Bằng tuy là một nhạc sĩ kiêm ca sĩ và chơi được nhiều nhạc cụ rất điêu luyện nhưng không làm ở ban nhạc của Đài mà lại làm ở ban thông tin. Anh là biên tập viên thường trực, chuyên cung cấp tin tức thời sự và chiến trường hàng ngày cho Đài. Các bản tin thường lấy ở Việt Tấn Xã và cơ quan quân sự từ các sư đoàn và Tổng Tham Mưu gửi đến.

Thấy điều này có vẻ “phí phạm nhân tài” nên có lần tôi gặp anh, đề nghị chuyển anh trở lại ban nhạc cho đúng chỗ. Nhưng anh từ chối, với một vẻ rất hiền lành.

Anh cho biết là có những phức tạp ở ban nhạc mà anh không muốn liên quan. Tôi nghĩ có lẽ trong một ban nhạc gồm nhiều nhân tài quá, rất có thể có những va chạm mà tôi chưa biết hết. Giả dụ như sự phân công, người làm trưởng ban chỉ huy dàn nhạc, người phụ trách hòa âm, người chỉ có nhiệm vụ đệm đàn cho ca sĩ hát... nếu so về khả năng chuyên môn, có thể người này hơn người kia, nhưng cấp bậc trong quân đội và những điều tế nhị lại là vấn đề khác hẳn. Điều này sau một thời gian tôi mới thấy rõ, tuy nó không trầm trọng nhưng cũng là một “ẩn khúc” mà anh Nhật Bằng muốn tránh. Biết tính cách của Nhật Bằng nên chúng tôi không đề cập đến vấn đề này nữa.

Suốt những năm tháng làm việc bên nhau, Nhật Bằng lặng lẽ lo công việc “không chuyên môn.” Anh làm hết nhiệm vụ, tròn trịa như một công chức gương mẫu, không chú ý tới bất cứ chuyện gì khác.

Sau một ngày làm việc cho Đài, anh có cuộc sống riêng với các ban nhạc, các tổ chức văn nghệ, sân khấu ca nhạc, phòng trà mà anh cộng tác. Anh không hút thuốc, không uống rượu, khi lái chiếc xe hơi cũ, khi đi xe gắn máy đến nơi làm việc. Trong bộ đồ “nhà binh” rất gọn gàng, tươm tất, Nhật Bằng vẫn cứ là một thư sinh ngồi ngay ở bàn điện thoại của ban thông tin thời sự ngay căn phòng trực của Đài.

NHỮNG ĐÊM TRĂM PHẦN TRĂM

Những ngày “dầu sôi lửa bỏng” như biến cố Mậu Thân, những lần đảo chính thật đảo chính hụt, Nhật Bằng cũng

chung lo công việc như tất cả anh em khác. Anh làm hết sức cho công việc.

Vào thời kỳ chiến tranh leo thang những năm sau này, cấm trại 100%, tối nào chúng tôi cũng có dịp gặp nhau trong Đài. Những hôm yên tĩnh thì bày bàn mặt chược trong một phòng nào đó cho anh em chơi chung. Như thế vừa đông đủ, vừa vui vẻ, không anh nào “nhớ vợ”, không anh nào “chuồn” trong đêm cấm trại. Một tháng 30 ngày mà ngày nào cũng cấm trại 100% thì khá mệt nên phải có trò gì cho vui. Nhất là những anh em có việc làm thêm ở các phòng trà, dancing, thì đời sống có nhiều trở ngại. Lương quân đội, hầu hết là cấp bậc nhỏ làm sao nuôi nổi gia đình giữa thành phố.

Thông cảm với những khó khăn đó, tôi hết sức vận động cho các nhạc sĩ và ca sĩ được phép đi làm đến giờ giới nghiêm mới trình diễn ở Đài.

Rất may đề nghị này được ông Cao Tiêu, có thời làm chánh văn phòng Tổng Tham Mưu Trường, ủng hộ nên được chấp thuận. Thế là danh chính ngôn thuận, cứ hàng đêm, anh em ca nhạc sĩ có giấy phép được “hành nghề” ở ngoài trong một giới hạn thời gian cho phép. Lúc sau này thường là từ 20 giờ đến 24 giờ đêm. Cuộc sống như thế vất vả lắm, hết lo việc của Đài đến lo việc của gia đình, anh nào cũng phờ rầu. Dù vậy so với các anh em ở ngoài chiến trường thì chưa thấm vào đâu. Quan niệm như thế nên mọi người đều làm hết sức mình.

Đôi khi tôi được Nhật Bằng giúp đỡ về phạm vi chuyên môn, bởi anh là người có nhiều kinh nghiệm về lãnh vực ca nhạc và phát thanh. Thí dụ một bản nhạc có tính “chiến dịch” phải làm sao cho hay hơn, cho sôi động và dễ dàng phổ biến trong “quần chúng”.

Anh vui vẻ giúp ý kiến nhưng không bao giờ trực tiếp nhúng tay vào. Anh luôn là người mẫu mực, không bon chen, không màng tới bất cứ thứ quyền lợi nào bên mình.

TẤM LÒNG CỦA GIA ĐÌNH NGƯỜI BẠN

Sáng ngày 30-4-1975 khi các chiếc xe tăng bò qua cầu Thị Nghè, âm ầm chạy qua cổng Đài Quân Đội là lúc tôi rời khỏi Đài. Có lẽ Nhật Bằng cũng rời khỏi Đài vào thời gian đó. Bởi khi Trung Tâm Phát Tuyến Quán Tre đã bị chiếm, làn sóng điện của chúng tôi không lên ăng-ten được, có nghĩa là Đài không thể phát thanh được nữa, tôi còn thấy Nhật Bằng và một số anh em cùng đứng ngẩn ngơ ngoài sân. Dù sao anh và tôi cũng là những người làm việc cho đến phút chót và rời Đài sau cùng.

Vài hôm sau, Nhật Bằng đến nhà tôi chỉ với mục đích là “xem tình hình ra sao”.

Giữa không khí chộn rộn đó chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra, chưa biết ai đi ai ở, ai còn ai mất, ai lo tính cái gì cho những ngày sắp tới. Cũng như Mai Thảo, Phạm Đình Chương xuống nhà tôi, không để làm gì, chỉ để nhìn thấy nhau và rồi có hôm lại đàm li, ngồi ăn uống với nhau, lần nào cũng cứ như lần chót. Rồi ít lâu sau có nhiều anh em nghĩ đến tìm đường “vượt biên”. Mai Thảo, Hoài Bắc cũng nhắc chuyện đó nhưng Nhật Bằng thì không. Tôi hiểu anh gắn bó với gia đình nên không tính đường ra đi một mình, nếu có thì anh phải đi cùng vợ con anh mà chuyện này lại quá khó khăn.

Sau đó chúng tôi không gặp nhau nữa vì mỗi người đã ở một trại “cải tạo” khác. Anh về trước tôi sáu năm. Khi tôi về năm 1987, nghe tin gia đình anh vẫn ở chỗ cũ. Tôi chưa

kip đến thì anh lần mò đến căn nhà tối tăm ở giữa khu chợ Bàn Cờ thăm tôi trước. Anh lại tổ chức đánh mạt chược còm ở nhà và mời tôi xuống chơi.

Có lẽ mạt chược ở nhà anh là thứ “còm” nhất Sài Gòn.

Hầu hết anh em đi “học tập” về, anh nào cũng rách như tổ đĩa trong khi gia đình anh cũng chẳng làm ăn gì. Thế nhưng trưa nào anh cũng bắt chúng tôi ở lại ăn cơm với gia đình anh. Phải nói thẳng thắn rằng, lúc đó mời một vài người bạn ở lại ăn cơm, dù là bữa cơm bình thường đơn giản cũng là một điều cần phải tính toán.

Hồi đó có Duy Trác, Thái Thủy, và đôi lần cụ Hà Thượng Nhân, Phan Lạc Phúc cũng tới chơi. Cụ Hà rất thẳng thắn, cứ “com nắm muối vừng” hoặc cái bánh, nắm xôi mang theo chứ không chịu làm phiền gia đình Nhật Bằng. Nhưng cả nhà anh chị lại rất hiếu khách, rất tha thiết với bạn bè. Thịnh thoảng tôi mang theo vài gói cà phê, anh chị cũng không bằng lòng. Tôi hiểu thấm thía được cái tình thương yêu anh chị dành riêng cho tôi cùng những bạn thân khác.

Ít năm sau, anh chị đi định cư ở Mỹ, tôi lại “bơ vơ” ở Sài Gòn, thỉnh thoảng có dịp ghé ngang khu Chí Hòa sao mà nhớ đến thế, nhớ cây mít đầu nhà anh có năm chỉ ra được đúng một trái, anh chị cũng để phần cho tôi. Trái mít thơm và ngọt lạ lùng, có lẽ nó đã sống cùng gia đình anh từ ngày “di cư” 1954 cho đến những ngày tháng đó.

Dường như anh Nhật Bằng chịu khó trở lại thăm quê hương bởi một lẽ giản dị anh còn người con trai lớn sống ở Sài Gòn không đi cùng gia đình được vì lúc đó cháu đã có gia đình và có một đứa con kháu khỉnh. “Ông bà nội” nhớ cháu thì phải mò về là chuyện đương nhiên.

LẦN GẶP SAU CÙNG



Từ trái: Văn Quang, Nhật Bằng.

Lần sau, Nhật Bằng cũng lại đến thăm tôi khi tôi đã về ở chung cư Nguyễn Thiện Thuật. Anh vẫn vậy, không già đi bao nhiêu, bản tính cứ hiền lành ít nói như chẳng có chuyện gì xảy ra, chẳng có chuyện gì đáng nói ở Mỹ.

Lần gặp nhau sau cùng là lần anh đến nhà tôi ăn món “nhà quê Bắc Kỳ” nhưng anh còn vài chỗ mời nên chỉ ngồi được gần một tiếng đã phải ra đi “đám” khác.

Ngày 7-5-2004, khi tôi vừa vĩnh biệt Phi Thoàn thì lại nghe tin anh đã từ trần lúc 8 giờ sáng ngày 8 tháng 5, giờ Việt Nam. Thật ra hôm trước tôi đã nhận được email của Thái Thủy báo tin anh Nhật Bằng phải đưa đi cấp cứu, nhưng khó có hy vọng qua khỏi.

Tôi điện thoại sang Virginia hỏi thăm, chỉ gặp anh Hoàng Hải Thủy và Hoàng Song Liêm, hai anh xác nhận là Nhật Bằng vẫn còn nằm trong bệnh viện. Nhưng nay thì đã có tin anh ra đi rồi. Tôi điện thoại cho Nhật Hào, con trai lớn của anh đang sống ở Sài Gòn cùng với vợ con và cũng là một ca sĩ có hạng của thành phố Sài Gòn bây giờ. Nhật Hào xác nhận và tỏ ý muốn được đi Mỹ dự đám tang của bố. Nhưng rất tiếc là gặp đúng ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật, tòa lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn không làm việc. Thế nên mọi việc phải đợi đến ngày Thứ Hai 10-5 mới biết kết quả chắc chắn.

Cho đến khi viết bài này, tôi chưa biết Nhật Hào có kịp đến nhìn mặt bố lần cuối và đưa bố đến nơi an nghỉ cuối cùng hay không. Tôi mong rằng cháu sẽ đi được dù không kịp đám tang cũng là dịp cho gia đình anh Nhật Bằng đoàn tụ. Tôi điện thoại thông báo tin này cho một số bạn bè ở Sài Gòn, người nào cũng giật mình thương tiếc một người bạn chân thật hiền hậu, không ngờ anh ra đi nhanh thế. Nhạc sĩ Lê Hoàng Long thì la lên: *“Trời sao thế, nó là phù rể trong đám cưới của tao đấy”*.

Rồi anh lặng đi một lát mới nói được: *“Có email thì cho tao gửi lời chia buồn cùng gia đình, chứ tao biết làm gì hơn bây giờ. Anh em... thế là xa nhau mãi”*.

Đó cũng là lời tôi chuyển đến gia đình Nhật Bằng của những anh em bạn bè của anh còn ở lại Sài Gòn. Anh còn nhiều bạn lắm và tất cả đều thương tiếc anh.

(Sài Gòn 13-5-2004)

CHƯƠNG 4 PHAN NGHỊ – PHỎNG SỰ GIA LÃO LÀNG

Trong số phóng sự gia và nhà văn lão làng trước năm 1975 hiện còn sống tại Sài Gòn chẳng còn lại mấy người. Lê Xuyên mới ra đi, bây giờ đến lượt Phan Nghị. Còn nhớ trong đám tang Lê Xuyên trước đây, Phan Nghị cùng đi với tôi và Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Quốc Thái, Hà Túc Đạo. Lúc đó anh còn khỏe lắm, còn vui chơi, thích “giang hồ vật” dù anh nói “tao cũng tám bó rồi, chắc sắp đến lượt tao thôi”. Nguyễn Thụy Long lắc đầu: “Đến tuổi



này, chưa chắc ai ra đi trước ai đi sau, ông còn khoẻ hơn hai chúng tôi nhiều”. Tôi đồng ý với Nguyễn Thụy Long nhưng nay thì Phan Nghị đã đúng.

Năm giờ chiều ngày 17-6, tức một buổi trước ngày Phan Nghị ra đi, tôi và Nguyễn Thụy Long vào bệnh viện thăm khi anh đã được chuyển sang Phòng Chăm Sóc bệnh nhân nặng. Anh nằm trên giường bệnh với những dây nilông xuyên từ mũi xuống dạ dày, hơi thở nặng nhọc trong giấc ngủ hay con mê. Tôi chạm vào người anh mấy lần anh cũng không biết, mãi sau người con anh lay gọi anh mới hé mắt nhìn. Tôi hỏi “có nhận ra ai không?” Một phút sau anh mới khẽ mấp máy môi “nhận”, rồi đến Nguyễn Thụy Long cũng thế. Anh nhận ra nhưng không nói được. Chỉ thấy ánh mắt anh sáng lên chút xíu như vui lắm.

Sau đó anh lại thiếp đi có vẻ mãn nguyện vì được gặp bạn lần cuối. Bệnh tình anh nặng lắm rồi, nhưng với tính nghề nghiệp các bác sĩ vẫn nói chưa thể biết chắc bệnh nhân cầm cự được bao lâu, có thể rất nhanh cũng có thể vài tuần vài tháng.

Tôi và Long cầm tay anh chẳng nói được lời nào và cùng linh cảm thấy ngày anh ra đi gần kề rồi. Lặng lẽ đứng bên bạn cho đến chiều tối chúng tôi ra về, chờ đợi... một cái tin chẳng lành, chứ không dám mong gặp bạn mình nữa.

NHỮNG GIÂY PHÚT CUỐI CÙNG

Anh ra đi lúc 9 giờ sáng ngày 18-6-2004 tức ngày 1 tháng 5 năm Giáp Thân tại bệnh viện Trung Vương, Sài Gòn. Tôi cùng 5 người con anh có mặt lúc các bác sĩ đang cố gắng trong tuyệt vọng làm hô hấp nhân tạo cho anh. Dù biết chắc anh không vượt qua được, họ làm như một “thủ tục” để xác định chính xác tim bệnh nhân đã ngưng đập. Khi

bác sĩ và các cô y tá nhìn lên màn hình máy đo nhịp tim, chỉ thấy cái gạch ngang chạy dài, họ bắt đầu gỡ dụng cụ làm hô hấp trên người anh. Đó là thời khắc cuối cùng các con anh và tôi biết phải vĩnh viễn già từ một người thân trong đời. Cái thân hình khô đét nằm đó nhưng nét mặt thanh thản vô tư như anh vừa chìm vào giấc ngủ. Người con trai của anh cho biết buổi sáng nay lúc 5 giờ anh còn hỏi cô y tá “Khỏi bệnh rồi, sao không về nhà?”. Vài phút sau, anh nằm lịm không biết gì nữa.

Những năm sau này thường buổi chiều nào anh cũng băng qua chợ Bàn Cờ, sang nhà tôi ngồi chơi, có gì ăn nấy. Chúng tôi thường ngồi với nhau đến gần nửa khuya anh mới ra về. Tôi nhớ hơn một tháng trước, khi ăn xong bữa canh bánh đa cá rô, thân hình già nua còng xuống, anh chậm chạp đi từng bước xuống cầu thang chung cư. Đó là lần cuối cùng anh rời nhà tôi.

Rồi đến bữa giỗ ông Chu Tử, anh cũng cố đi xe ôm xuống nhà Đàng Giao, thấp hương tưởng nhớ người đồng nghiệp cũ cùng khá đông anh em. Nhưng giữa chừng bữa ăn, không khí đang vui, anh đứng dậy già từ mọi người ra về sớm nhất. Anh chỉ nói mệt rồi, không chịu nổi quạt máy. Phải có người dìu anh xuống cầu thang.

Nhưng quả thật anh em trong bàn ăn không ai nghĩ đó là lần cuối gặp anh. Bởi anh còn nói chuyện tỉnh táo và bông đùa đúng như bản tính của anh.

KHI MÊ KHI TỈNH

Anh ngã bệnh khoảng một tháng trước đây, nhưng bệnh tình khi nặng khi nhẹ, khi mê khi tỉnh. Cậu con trai út của anh thường xuyên thông báo tin tức bệnh tình của anh cho gia đình tôi. Tôi điện thoại sang hỏi thăm, anh trả

lời thêu thảo, có khi anh nói năng rõ ràng và có khi không thể trả lời thì người con út phải “thông ngôn”.

Anh có 6 người con đều đã trưởng thành, 2 cô con gái lớn theo gia đình chồng, một người định cư tại Mỹ, một định cư tại Đức. Ba người ở lại Sài Gòn đều có cuộc sống riêng thành đạt. Duy nhất người con trai út của anh là bác sĩ nhưng vì hơi bị thần kinh nhẹ nên anh không cho hành nghề, đến nay cháu đã hơn 40 tuổi vẫn chưa lập gia đình và cũng chẳng làm gì ngoài việc đọc sách. Gia đình anh có ngôi nhà ba tầng từ thời 1954 và được sửa chữa lại. Bà vợ cũng đã già yếu nên sống ở tầng dưới cùng tụng kinh niệm phật. Anh và cậu con trai út ở hai căn lầu trên. Hai bố con thủ thi sống bên nhau rất tâm đắc.

Hơn mười ngày trước, khoảng đầu tháng 6 vừa qua, Huy Quang Vũ Đức Vinh điện thoại từ Seattle về hỏi thăm anh thì anh nói rất khỏe, còn dí dỏm vui đùa như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng ngay hôm sau, con trai anh điện thoại cho tôi báo tin anh yếu lắm rồi, phải đưa đi bệnh viện. Nhưng bệnh viện cho về nhà điều trị.

Anh lại cố gắng ngồi viết bài thường lệ gửi cho các báo, nhưng có lúc anh ngồi dậy được, có lúc ngã chống gối ra giường rồi nằm luôn.

Có lần anh tự gọi điện thoại cho tôi, giọng anh vẫn thế: “Mày ơi, buồn quá, cứ nhìn bốn bức tường hoài. Mày có đi xoa không?”. Tôi đùa hỏi lại: “Có thích ăn thịt chó không?”. Anh cười thêu thảo: “Được quá đi chứ, nhưng tao không đi được”.

Cách đây hơn một tuần, anh điện thoại hỏi tôi: “Thái Thủy về Sài Gòn chưa?”. Tôi nói “Hai hôm nữa nó về”. Phan Nghị dặn: “Nếu nó về mày nhớ phen cho tao, tao

cố mò sang đấu láo với nó”. Tôi hiểu anh thêm gặp bạn bè lắm, bởi gần như suốt cuộc đời, anh sống với bạn bè và đường phố nhiều hơn sống với gia đình. Nhưng khi Thái Thủy từ Santa Ana về đến Sài Gòn thì anh đi bệnh viện rồi trở về, trong khi Thái Thủy lại ra Hà Nội.

5 TRANG CUỐI CÙNG CỦA MỘT BÀI VIẾT DANG DỎ

Thời gian anh nằm một chỗ, có lẽ vì cuộc sống riêng tư không xuông xẻ nên anh thường không thích cho ai đến nhà thăm anh. Trước ngày mất ba hôm, anh điện thoại cho tôi báo tin anh có thể bình phục trong vài tuần nữa. Thú thật là tôi không tin vào điều này nhưng vẫn cứ khuyến khích anh viết tiếp cho anh vui.

Theo lời con trai anh thì sau đó anh ngồi vào chiếc máy chữ từ đời thượng cổ nhưng chỉ đánh được đúng 5 dòng thì phải buông. Đó là bài phóng sự *Những Cung Đường Ma Quái* nói về tệ nạn tham nhũng của các anh cảnh sát giao thông. Bài này là một trong hàng loạt bài anh thường gửi cho các báo ở nước ngoài. Tất nhiên bài đó đến nay vẫn còn dang dở. Như thế là anh làm việc “đến hơi thở cuối cùng”, khi không thể nào viết được nữa. Mấy năm trước tôi đề nghị anh mua cái computer về đánh bài rồi gửi luôn cho các báo mới tiện cho công việc. Anh nghe theo, cố gắng mua một computer cũ, anh sang nhà tôi kỳ cách ngồi tập gõ. Được ít lâu, anh tuyên bố “tao dị ứng với cái bàn phím computer”, đánh máy chữ “dix doigts” nửa thế kỷ quen rồi, không chơi computer được. Tôi cần nhần thì anh viện có cái bàn phím mất tiêu đâu rồi, không kiếm lại được nữa. Có lẽ ở Sài Gòn bây giờ chỉ còn mình anh viết

bài trên máy chữ cũ rồi sau đó thuê người đánh vi tính về nhờ tôi gửi bài đi.

Cuối cùng thấy bất tiện nên anh bắt cậu con út học đánh computer, còn các kỹ thuật khác thì tôi phải hướng dẫn cho đến khi con anh có thể tự gửi bài đi cho các báo. Thế là bố ngồi đánh máy chữ cho con ngồi đánh vi tính lại rồi chuyển bài đi. Ngay cả những email thông thường anh cũng không đánh được mà con anh phải làm thay cho đến bài cuối cùng.

MỘT ĐỜI PHÓNG ĐĂNG

Tính cách Phan Nghị rất đặc biệt “không giống ai”. Tôi quen anh từ khi anh mới vào Sài Gòn, năm 1954, lúc ấy tôi làm mấy tờ báo quân đội, anh làm phóng viên cho báo Ngôn Luận. Đôi khi anh cũng “áo giáp mũ sắt” đi làm phóng sự chiến trường. Nét đặc biệt tôi nhận thấy ở anh là tính giản dị, ăn nói vãng mạng, không cần ý tứ gì cho một và bất cứ ai rủ tham gia cuộc chơi nào anh cũng đi ngay.

Cờ bịch thì “thập bát ban võ nghệ” món nào anh cũng biết, món nào cũng thích chơi và chơi kiểu đam mê lẫn lóc. Vừa đi làm phóng sự về, rủ anh đi đánh phé, đánh chắn, binh sập xám... là anh sẵn sàng đi ngay, dù trong túi chỉ còn rất ít tiền cũng cứ đi rồi tính sau. Cuộc chơi kéo dài tới lúc nào anh ngồi tới lúc đó, có lúc bò ra sòng bài, ngủ ngay trên chiếu bạc, quên luôn đường về. Thậm chí rủ anh đi ăn, đi nhậu, đi “hít tô phe” anh cũng đi luôn, nhưng Phan Nghị chưa bao giờ nghiện. Anh thích nằm đầu ba hoa ở mấy cái bàn đèn, hút năm ba điếu rồi quên, đi tìm thú vui khác. Rượu anh cũng uống ra trò, bia bọt, rượu Tây, rượu ta, chơi tuốt. Dĩ nhiên có rượu Tây thì anh khoái hơn. Nhưng từ lượng không cao, vài ly là bắt đầu đỏ mặt và lúc đó thì bất cứ

chuyện gì cũng nói, anh cãi tới nơi tới chốn, nếu cần thì... đánh lộn. Anh thường tự coi mình là một thứ “cao bồi già”, sẵn sàng gây chuyện và sẵn tay áo tung ra quả đấm liên. Nhiều công tử nhà giàu, nhiều anh “tư bản gộc” và khối em ca-ve có máu mặt nghe tiếng anh cũng sợ hết hồn.

Xin thú thật là tôi và Phan Nghị thường gặp nhau ở những bàn phé, to nhỏ gì cũng có anh và cũng ăn thua nhau đủ, tháu cáy nhau đến nơi đến chốn. Tuy nhiên khi “thanh bình” thì lại bao nhau đi ăn, đi chơi là chuyện rất thường.

Phan Nghị thường kể một kỷ niệm vui. Anh luôn phải giấu tiền vợ để đi đánh bài hoặc đi chơi lãng nhãng, hôm đó anh hẹn người đẹp ở chợ Tân Định, đến lúc sờ xuống đôi vú mới biết là số tiền giấu vợ đã bị khám phá và dĩ nhiên nó không còn nằm ở dưới giày nữa. Anh cuống lên thì may lại gặp tôi. Anh nhào ra cản đường, hỏi tiền. Vốn thông cảm với “nghề đi ăn vụng” nên tôi đưa cho anh hai trăm. Anh nói hai trăm hồi đó to lắm, đi ăn đi nhót với đào suốt đêm mới hết. Chuyện lâu quá rồi tôi không còn nhớ, nhưng gặp bạn bè cũ, anh hay nhắc lại và chắc có một số bạn đã được nghe. Kỷ niệm của tôi và anh thì quá nhiều, từ các tòa báo đến phòng trà, chúng tôi cứ vừa là bạn vừa là đối thủ của nhau. Cái tình thân ấy đậm đà có khi còn hơn anh em ruột thịt.

NHỮNG CHUYỆN LẠ VỀ CUỘC ĐỜI PHÓNG SỰ GIA

Có một điều làm tôi ngạc nhiên đến sững sờ. Dịp giải bóng đá World Cup 2002 ở Hàn Quốc, chúng tôi ăn xong, ra ngồi coi một trận đấu quan trọng. Phan Nghị xách ghế xoay ra trình trọng ngồi coi và tôi thấy anh cũng xuýt xoa, ca ngợi. Nhưng khi trọng tài thổi còi phạt một cầu thủ vì

lỗi chèn người trái phép, Phan Nghị bỗng chửi om lên: “O hay, người ta đang chơi hay thế tại sao nó lại thổi còi?”. Tôi tưởng anh đùa cho vui, ai ngờ càng xem càng thấy anh chẳng hề biết tí ti nào về luật bóng đá. Có hôm anh hỏi tôi: “Hai đội ra sân mỗi bên một màu áo, sao lại có mấy thằng đứng giữa mặc áo màu khác là thế nào?”. Tôi phải thừa đó là trọng tài, anh sẽ thấy mấy ông thổi còi và phát cờ loạn lên cho mà xem. Anh phán: “Tao không thích mấy thằng đó”. Có lẽ bản tính của anh không thích bất cứ thứ luật lệ nào, từ luật nhà nước đến luật gia đình. Anh cứ thích bản thân tự do làm ngược tất cả. Có thể vì vậy cuộc sống lứa đôi của anh không thuận hòa. Tôi không dám đi sâu vào những điều rất riêng tư đó.

Tuy vậy hai anh chị vẫn giữ vững được hôn nhân và sống cùng nhau đến cuối đời. 40 năm hôn giận, anh chị vẫn lặng lẽ sống gần nhau, dù người dưới nhà, người trên lầu và vẫn nuôi con cái thành đạt.

Sáng nay khi nghe tin anh sắp mất, tôi sang nhà anh. Chị ngâm ngùi nói với tôi: “Anh ạ, tôi mới nói với anh ấy mấy chục năm mình là vợ chồng, dù nhiều năm có giận hờn nhưng giờ này coi như mọi chuyện đều không có, anh cứ thanh thản mà an dưỡng”.

Vậy là mọi chuyện đã thành quá khứ, dù có thế nào thì anh cũng đã được tha thứ và giờ này, chị sẽ chỉ còn lại những ngày nhớ thương anh trong căn nhà trống mênh mông thiếu đi mất một người.

Thật ra nói đến kỷ niệm giữa tôi và Phan Nghị thì có nói mãi cũng không hết. Những năm sau này chúng tôi gặp nhau hàng ngày, nói mãi về kỷ niệm cũ cũng vẫn cứ là chưa đủ. Và bản tính của Phan Nghị thì đôi khi bốc đồng

đến nỗi anh cũng chẳng hiểu tại sao anh lại làm như thế. Nhưng bản chất anh là một người thẳng thắn, chân thật, không lẻo lá, có bất cứ chuyện gì anh cũng cứ nói tuột ra. Là người “ruột để ngoài da”, chuyện có sao nói vậy không giữ được cái gì trong lòng. Vì thế anh dặn tôi: “nếu có chuyện gì cần giữ kín thì đừng bao giờ nói với tao”. Tôi phì cười nên có những chuyện vô ý của anh làm nhiều người bất bình hoặc người này có thể hiểu lầm người kia, nhưng rồi mọi người, không ai giận anh được.

Phan Nghị không bao giờ biết trung diện, quần áo anh mặc thế nào xong thì thôi, không cầu kỳ, không làm dáng, không ra vẻ, không đóng kịch. Cứ “bừa đi mà sống”, đó là bản chất thật nhất của anh. Anh có thể thân thiện với tất cả mọi người, thân thiện một cách chân thành chứ không màu mè dù mới quen hay quen đã lâu, dù là “quý phái” hay “ma cà bông”, anh chơi được tất. Hồn nhiên đi chơi chung không cần đề phòng, tôi nghĩ đó là cách anh rất tự tin vào chính con người mình.

Từ ngày tôi quen anh, dường như tôi chưa thấy anh vận complet, thắt cravate bao giờ. Sau này có quần áo may sẵn thì cả hai chục năm nay anh cứ ra đầu phố mua chiếc quần vài chục, chiếc áo vài chục mặc cho được việc. Áo đẹp mà đắt một tí cũng không mua. Nhưng đi chơi thì anh vẫn đi, đi từ sáng đến tối và chơi bất kỳ cái gì, bất cứ ở đâu. Đầu đường quán cóc cho đến khách sạn, chỗ nào có mục vui chơi là có anh, sang hèn không cần biết. Dù đã có tuổi, tóc bạc như vôi, nhưng mới cách đây một năm thôi, anh vẫn cứ như thế, chẳng thay đổi được gì. Đến nỗi cậu con út của anh phải kêu lên: “*Nếu bố con khoẻ thì chẳng bao giờ có mặt ở nhà, hôm nào bác thấy ở nhà là ốm đấy*”.

TÁC PHẨM NHƯ CUỘC ĐỜI



Văn Quang, Đặng Văn Nhâm, Huy Sơn, Phan Nghi.

Cuộc sống của anh rất phong phú, đầy “gió bụi” và đầy tính cách như thế nên những phóng sự của anh mang lại cho người đọc rất nhiều điều mới lạ, đôi khi là kỳ lạ, đọc đến đâu thú vị đến đấy. Mọi nhân vật và hành động cùng những sự việc cứ như ngay ở trước mắt, nó thật và thô ráp như chính nó. Anh khai thác được tận cùng đời sống xã hội trước mặt, đi sâu vào cuộc sống tàn nhẫn dữ dội và cả nội tâm của những con người phải hành động như thế để sống còn. Đối thoại của anh là thứ ngôn ngữ rất đời thường, song lại đầy vẻ “tinh ranh, láu cá” của những công tử Hà Nội bẻm mép nói chuyện rất có duyên nên càng đọc càng thú. Anh sống nhiều, lăn lộn nhiều trong mọi giới, đề tài nổi bật nhất của anh là những đề tài buồn lậu như phóng sự “bờ lờ” đăng trên báo Tia Sáng ở Hà Nội khoảng 1952-1953 hay “bất địa” viết chung với Hồng Dương trên nhật báo Ngôn Luận tại Sài Gòn năm 1958, và những phóng sự

thời đại rất gần đây như “Xóm liều” cùng những đề tài về dân giang hồ chạy dọc, ca-ve, cà phê ôm và những mảnh lối cờ gian bạc lận... viết cho những tờ báo ở nước ngoài.

Anh không để lại một tác phẩm dài nào nổi trội nhưng với cả ngàn phóng sự của anh từ nửa thế kỷ nay đủ là một kho tài liệu quý báu cho văn học Việt Nam, về lại trung thực một lối sống qua các thời kỳ từ “tiền chiến” đến “hậu chiến” và cho đến tận ngày nay. Đôi khi anh cũng phải dịch những bài báo Pháp mua qua máy bay hoặc của vài người bạn từ nước ngoài gửi về song đó chỉ là nhu cầu của tòa báo ở đây và cũng là nhu cầu “cơm gạo áo tiền” của chính anh. Có một thứ anh không viết, đó là tiểu thuyết, có lẽ tại con người của anh thực tế quá, mơ mộng đom đàng đối với anh là “xa xỉ phẩm”.

Anh là một trong số rất ít những người viết báo chỉ sống bằng ngòi bút của mình suốt một đời, không làm cái gì khác. Phan Nghị đã sống như chính những gì anh đã viết và bây giờ anh ra đi thanh thản nhẹ nhàng. Kể từ hôm nay độc giả sẽ không còn có dịp đọc những phóng sự thời đại nóng bỏng của anh nữa.

Vĩnh biệt phóng sự gia Phan Nghị và không hiểu sao, tôi vẫn thấy như giờ phút này anh đang mỉm cười, vẫy tay chào bè bạn và những độc giả của mình.

Tôi muốn mượn hai câu thơ của anh Mặc Thu sáng tác trước lúc lâm chung cách đây vài năm để tiễn người bạn thân thiết của tôi:

*“Vào cuộc tung hoành không biết mỏi.
Ra đi thanh thản tựa như về”.*

(Sài Gòn 18-6-2004)

CHƯƠNG 5

CUỘC SỐNG THÊ THẨM CỦA HẬU DUỆ THI SĨ TẢN ĐÀ

Quả thật tôi không biết dùng danh từ nào hơn là hai chữ “thê thảm” trong hoàn cảnh của gia đình người con gái cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, hiện đang sống rất lầm than cơ cực, nếu không muốn nói là “sống dở chết dở” giữa con đường Công Lý của thành phố Sài Gòn này.

Nói đến tên cụ Tản Đà chắc bạn đọc đã thừa biết đó là một thi sĩ tiền bối rất nổi danh và rất đáng kính trong làng văn học Việt Nam.

Và, tôi cũng chưa bao giờ ngờ được giữa Sài Gòn, trên con đường được gọi là Công Lý bây giờ được sửa chữa thành thang với những ngôi nhà bề thế, những biệt thự nguy nga của các “anh Ba” “anh Bốn” nằm bên những *shop* thời trang choáng ngợp, lại còn một khu nhà hoang tàn xơ xác đến như thế.

CÁI HANG CHO CON NGƯỜI?

Cái biển số nhà 192 Công Lý nằm khiêm nhường trên chiếc trụ gạch nham nhỏ, góp mặt với con đường cho nó có tên chứ chẳng làm ai chú ý mặc dù nó chiếm một khoảng đất khá rộng trong thời buổi giá nhà đất ở Sài Gòn này đúng nghĩa là tắc đất tắc vàng. Và tên đường Công Lý được đổi thành Nam Kỳ Khởi Nghĩa từ lâu rồi vậy mà cái biển vẫn cứ còn chênh ềnh với cái tên Công Lý đủ chứng tỏ nó “lỗi thời” đến thế nào.

Chiếc cổng sắt đen nhem chẳng biết có từ thời nào chỉ là thứ còn sót lại nằm đó chứ chẳng để làm gì. Nhìn vào phía trong là một hàng com bình dân cũng tối tăm, ẻo uột vắng ngơ ngác, dường như người ta bày ra chỉ để chiếm chỗ sợ người khác chiếm mất, thế thôi.

Bước qua hàng com là một lối đi trải nhựa đã già cũ lỗ



chỗ nham nhỏ, đất đá lổn nhổn chẳng khác những con đường làng ở nhà quê thời xa xưa. Nhìn lên là những tầng lầu cao, tường đen loang lỗ, cửa ngõ không cánh toang hoác, cứ tưởng như ta đang sống trong thời kỳ chiến tranh bom đạn tàn phá, nhưng nhìn kỹ đó là vết thời gian in hằn, chẳng ai thêm ngó ngang đến.

Nhà nằm trong một khu chung cư cũ.

Đi vào vài chục mét nữa là những hành lang tăm tối hoang phế, nhưng trong cái hoang phế ấy lại chính là nơi cư ngụ của một số gia đình đói rách vô gia cư. Họ sống lạng lẽ, lam lũ, lay lắt che chắn bằng đủ thứ vỏ hộp các tông, liếp tre, vải bố rách... miễn là tạm thời có thể che chắn nắng mưa, mà che chắn cũng chỉ là tạm bợ, được chút nào hay chút ấy. Mưa tạt vẫn ướt, nắng càng khổ hơn vì cái nóng hầm hập như trong lò nung.

Có thể hiểu đây là “cái hang cho con người” chứ không thể gọi là một chỗ để ở. Trong số đó có gia đình người con gái thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.



Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy, con gái Tản Đà và chị Hương Thu.

Chúng tôi lần mò vào một hành lang phía trong, trên một khoang hẹp chừng 3 thước vuông, kê hai chiếc giường và một chiếc bàn với hai ba chiếc ghế nhựa nhỏ xíu nằm kẹt vào giữa. Chị Hương Thu đón tôi và Thái Phương dù đã được hẹn trước mà cũng chẳng biết nên mời chúng tôi ngồi vào chỗ nào cho tiện. Tôi kéo chiếc ghế nhựa con ngồi sát đầu chiếc giường gỗ nơi một bà lão đang nằm. Chị Hương Thu lay mẹ dậy tiếp chuyện với tôi. Đó là bà Nguyễn Thúy Ngọc, năm nay 75 tuổi.

Tôi hỏi ngay:

– Thưa bà, có phải bà là con gái cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu không?

Bà lão gật đầu:

– Đúng thế. Ông thân sinh tôi mất năm 1939 tại số nhà 45 Ngã Tư Sở, Hà Nội. Tôi theo chồng vào Nam năm 1954 cùng gia đình người chị gái là bà Quất hiện cũng đang sống ở Sài Gòn.

– Hiện nay bà sống với những ai?

Bà lão chỉ sang chiếc giường tre bên cạnh:

– Con gái tôi đó, nó là Thúy Lan, bị bại liệt. Còn một đứa con trai bị tâm thần, ở đây không còn chỗ nên phải cho nó nằm ở cuối hành lang phía bên kia. Một đứa con trai lớn cũng chớm bị thần kinh đã từng làm công nhân vệ sinh nhưng nay thất nghiệp.

– Vậy gia đình cụ sống như thế nào?

Bà chỉ chị Hương Thu, người đã tiếp đón chúng tôi:

– Nhờ nó, con gái tôi, nó lấy chồng ở Miếu Nổi nhưng vẫn phải nuôi cả gia đình nhà này.

Tôi quay sang hỏi chị Hương Thu:

– Chị làm thế nào mà nuôi nổi một lúc bốn người già yếu, bệnh tật như thế này?

– Cháu đi bán vé số và có khi bán báo, cứ sáng sớm là ra đi, bán được đồng nào chạy vội về mua gạo thổi cơm mang sang cho mẹ và các em. Buổi chiều cũng bán vé số rồi lại về chăm sóc tắm rửa cho mẹ và các em xong mới trở về nhà chồng được. Thú thật với chú là gia đình nhà chồng cháu cũng thông cảm lắm mới cho cháu làm những công việc này. Mà cháu không làm thì ai làm đây. Cháu phải mang hết sức cháu ra thôi.

Thái Phương xen vào:

– Chị Thúy Lan bị bại liệt lâu chưa?

– Em Thúy Lan trước 1975 làm ở Bộ Chiêu Hồi, sau năm 75, em cháu đi bán bánh ú về nuôi mẹ. Nhưng một thời gian sau em bị bại liệt, không tự mình làm bất cứ cái gì được, tất cả mọi việc đều phải có người giúp. Khi cháu không có mặt ở đây thì chú em thất nghiệp giúp đỡ, nhưng đôi khi nó có việc làm thì đành chịu vậy thôi. Mọi việc cứ bừa phứa ra đó rồi dọn dẹp sau.

NHỮNG NGƯỜI “KHÔNG BIẾT ỐM”

Tôi ngậm ngùi hỏi:

– Hàng ngày gia đình chị có đủ ăn không?

Chị Hương Thu cúi đầu, đắn đo trước câu trả lời:

– Có lẽ... nói là đói thì chưa đúng hẳn, nhưng dĩ nhiên là cũng có khi đói. Nhưng... hầu như cháu chỉ lo “chủ yếu” là làm sao có đủ gạo cho bốn miệng ăn là tạm yên tâm rồi. Những ngày mưa gió thì đi vay đi mượn bù đắp vá víu cho qua ngày thôi chú ạ, chúng cháu không dám mơ tới bữa ăn ngon mà chỉ là một bữa cơm đủ no. Nhưng bây giờ giá cả mỗi ngày một đắt đỏ, mớ rau con cá trước kia năm đồng, bây giờ phải mười đồng. Gia đình lao động bình thường còn lo thiếu, huống gì nhà cháu.

– Còn thuốc men khi đau ốm?

– Điều đó thì ngoài sức của cháu. Ai đau ốm gì cũng cố im lặng để không làm khổ đến những người khác. Nhiều khi mẹ cháu nằm rên, nhưng khi cháu về đến nơi thì bà cố nhịn, các em cháu mách lại, bà vẫn cố gắng nói chuyện bình thường cho cháu yên lòng về với gia đình nhà chồng. Những lúc ấy cháu chỉ biết khóc thầm. Các em cháu thì chẳng bao giờ “biết đau ốm” là gì!

Nhìn vào những người ngồi quanh, tôi có thể hình dung ra ngay “thảm cảnh” đó. Những khuôn mặt im lìm chịu đựng như đã từng quen chịu đựng từ bao năm nay.

Bất chợt Thái Phương hỏi:

– Thế chính quyền địa phương có giúp đỡ gì gia đình chị không?

Chị Hương Thu trả lời như người ta... thường trả lời:

– Ấy có chứ, chính quyền cũng “quan tâm” xếp nhà cháu vào diện “gia đình khó khăn, xóa đói giảm nghèo” đấy. Mỗi năm cứ Tết đến nhà cháu lại nhận được một phần quà của địa phương.

Tôi hỏi:

– Trong đó gồm có những gì?

Chị Hương Thu hỏi mẹ cho chính xác, bà cụ nhẩm tính:

– Một trăm ngàn, 10 ký gạo, 1 chai dầu ăn, 1 ký đường.

Chị Hương Thu nói lảng:

– Thôi thì cũng thêm vào được một hai ngày Tết. Gọi là có “huong có hoa” thôi. Những ngày đó mẹ cháu thường kể lại kỷ niệm khi ông ngoại chúng cháu còn sống. Ông cụ khó tính lắm, ăn uống cũng khó tính. Cuộc sống đạm bạc nhưng rất thanh thoi. Ông ngoại cháu chẳng ham điều gì cả ngoài việc làm thơ và bán thơ của ông. Ấy, mẹ cháu cũng làm thơ đấy chú ạ. Để cháu lấy tập thơ của mẹ cháu làm từ ngày xưa cho chú coi.

TÍNH GIA TRUYỀN CỦA GIA ĐÌNH THI SĨ

Bà Thúy Ngọc vui vẻ moi ở đồng gối đầu giường ra đưa cho chúng tôi xem tập thơ mỏng của bà sáng tác. Tôi liếc qua vài dòng trong bài *Hồi Ký* có thể cảm nhận được ngay đó là tâm hồn của một nữ sinh Hà Nội thuở nào:

*Dưới mái nhà tranh tắm ánh trăng
Lòng tôi nhớ lại thuở non măng
Đôi môi mộng đồ chưa từng được...
Đôi mắt tròn đen mớ tóc bằng.
Ngày đó tôi còn dại ngẩn ngo
Chỉ là cô bé gái ngây thơ
Tôi hay bắt bướm yêu hoa đẹp
Thích chuyện thần tiên, thích chạy đua.
Trong những ngày hè tôi thích đi
Dưới chiều nhạt nắng bước trên đê
Tâm hồn ngây ngất bay theo gió
Đồng ruộng say sưa chẳng muốn về...*

Tất nhiên những câu thơ đó không thể so nổi với thơ của ông bố siêu thoát, tuyệt tác hơn nhiều. Nhân đây mời bạn đọc thưởng thức lại bài thơ rất nổi tiếng cụ đã để lại cho đời sau, chính là cho chúng ta:

TỔNG BIỆT

*Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai
Suối tiễn oanh đua luống ngậm ngùi
Nửa năm tiên cảnh
Một bước trần ai
Uớc cũ duyên thừa có thể thôi.
Đá mòn, rêu nhạt
Nước chảy, huê trôi
Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ nay xa cách mãi
Cửa động, đầu non,
đường lối cũ
Nghìn năm thơ thần
Bóng trăng chơi.*



Đọc hai bài thơ có thể thấy được “tính gia truyền” trong gia đình thi sĩ ấy.

Bà bảo chị Hương Thu:

– Con mang photocopy biếu hai chú mỗi chú một tập.

Tôi cảm ơn bà đã có lòng cho chúng tôi được hân hạnh giữ lại một kỷ niệm của bà. Trong khi cô con gái đi làm photocopy, bà lại cho chúng tôi xem tập hình ảnh ngày xưa, bà lôi cả cái giấy khai sinh của bà ra chỉ cho tôi xem chỗ có tên bố là Nguyễn Khắc Hiếu, bà rất tự hào về điều này. Bà dặn chúng tôi khi nào có thì giờ cứ đến thăm bà, bà thích trò chuyện với những nhà văn nhà báo.

TOÀN BỘ CƯ DÂN TRONG KHU NHÀ SẮP PHẢI RA ĐI

Ghé sang thăm người con trai bị thần kinh của bà nằm tận cuối hành lang phía trong, chị Hương Thu cho biết thêm:



– Toàn bộ khu này là một building của Mỹ trước năm 1975 đang làm dở chừng thì bỏ lại, không ai làm tiếp nữa. Hầu hết những gia đình ở đây là người không có nhà cửa, cứ vô ở đại rồi sau đó chính quyền đành phải để họ ở như thế này thôi, chẳng ai chăm sóc đến nó nữa. Nghe nói chỉ nay mai thôi, người ta sẽ “giải tỏa trắng” khu nhà này, cho người nước ngoài thuê lại, khối tiền.

– Như thế người ta sẽ đền bù cho người phải ra đi?

Chị Hương Thu gật đầu:

– Tất nhiên nhà nước sẽ đền bù hoặc cho một số tiền, nhưng chỉ đền bù cho những người đã được chính quyền địa phương công nhận cho ở trong phòng, chứ còn gia đình nhà cháu chỉ là người đến sau, xin người đến ở trước cho trú ngụ ngoài hành lang chứ có được ở trong phòng đâu. Dân ở ngoài hành lang vẫn là dân ăn nhờ ở lậu nên chắc sẽ không được xu nào đâu, chú ạ. Chỉ nay mai thôi, người ta sẽ “dọn dẹp” hết khu này, tất cả cư dân ở đây sẽ khăn gói ra đi. Đến lúc đó chưa biết gia đình cháu sẽ phải trôi dạt tới đâu nữa!

Tôi ra về lòng nặng trĩu, bước ra ngoài đường, xe cộ dập diu tấp nập mà ở trong khu tạm gọi là “chung cư” tối tăm này lặng lẽ chẳng khác một nắm mỏ nằm ngay mặt con đường lớn vào bậc nhất thành phố!

Ngay buổi sáng hôm sau, một nhà văn nữ ở San Jose về Sài Gòn chơi, chị ghé thăm tôi trong khi tôi đang chuẩn bị viết bài này. Tôi kể lại câu chuyện của gia đình con gái cụ Tản Đà. Cô bạn tôi – xin giấu tên – yêu cầu tôi chuyển ngay 100 USD đến cụ Thúy Ngọc.

Tôi gọi cho Thái Phương nhờ mang tới, anh la lên:

– Một trăm đô đối với gia đình họ lúc này quý lắm đấy

anh ạ. Rồi nay mai lại phải chuyển đi nơi khác, chẳng biết họ phải xoay xở ra sao! Làm thế nào để chị Hương Thu có một chút vốn “tậu” nổi một quầy sách báo, bán vé số thì may cho chị ấy quá. Vừa có chỗ buôn bán vừa có thể chăm sóc cho mẹ và các em.

Vâng, chỉ cần một số vốn nhỏ thôi là gia đình con gái cụ Tản Đà có thể có được một cuộc sống tương đối đầy đủ rồi.

Tôi xin gửi thông tin này đến với bạn đọc để nếu có thể vui lòng giúp đỡ hậu duệ của cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, chắc chắn linh hồn thi sĩ cũng được an ủi rất nhiều. Mọi liên lạc xin gửi về địa chỉ của cháu gái cụ tức là địa chỉ nhà chồng của chị Hương Thu:

Chị Nguyễn Hương Thu

Lô A2/42 Chung cư Miếu Nổi

Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Điện thoại: 5104750

VÀI LỜI NÓI THÊM CHO RÕ

Nhân đây cũng xin nói thêm về một bài báo đã viết về hoàn cảnh của hậu duệ cụ Tản Đà và đã có một hai tờ báo ở Mỹ đăng tải.

Bài báo đã được một số độc giả chú ý, nhưng trong số đó lại có một hai độc giả nghi ngờ về sự chính xác của nguồn tin nên điện thoại đến tòa báo hỏi lại – cụ thể là tờ Thời Luận ở Los Angeles – và cho rằng đó là một nguồn tin không đúng sự thật.

Hơn thế vị độc giả còn cho biết thêm rằng “*bà Hương Thu là cháu ngoại cụ Tản Đà thật nhưng hiện bà rất giàu, có 2 căn nhà, một ở chung cư Miếu Nổi và một ở 192 Công Lý*”. Và “*bà Hương Thu không cần đến sự giúp đỡ của ai...*”

Lập tức tờ Thời Luận ở Los Angeles gửi ngay e-mail nhờ tôi đến những địa chỉ trên xác nhận sự việc.

Tôi và anh Thái Phương đã đến, phải mấy lần đi lại chúng tôi mới gặp được chị Hương Thu để xin một cuộc hẹn gặp cả gia đình ở 192 Công Lý như tôi đã tường trình ở trên. Vì thế nên mới có sự tiếp đón chúng tôi đông đủ để xác minh sự việc này.



Tôi hỏi chị Hương Thu về nguồn tin trên, chị ngạc nhiên nói ngay:

– Cháu chưa hề gặp ai hỏi về chuyện này và cũng chưa từng nói với ai như vậy, còn căn nhà ở chung cư Miếu Nổi là ở khu nhà cũ chứ không phải khu chung cư mới xây dựng. Nhà đó của gia đình nhà chồng cháu cũng không có gì khá giả, nếu khá giả thì cháu đâu có phải đi bán vé số, còn nhà 192 Công Lý thì đây... cái hành lang này như chú đã thấy đấy. Quả thật cháu không hiểu tại sao lại có nguồn

tin đó. Rất có thể là do một sự hiểu lầm nào đó thôi. Cháu rất cần sự giúp đỡ của các cô chú trong hoàn cảnh này.

Chị suy nghĩ một chút rồi nói tiếp:

– Vài tháng trước đây có mấy ông đến với thiện chí giúp đỡ gia đình cháu, cháu rất biết ơn. Cháu nghe nói các ông ấy về Mỹ có gửi bài đăng báo.

Lúc này chúng tôi đã nhìn ra sự việc và bài này góp thêm tiếng nói với những vị đã từng viết về sự việc này, đó là sự chính xác của nguồn tin và chúng tôi vẫn mong được sự giúp đỡ của bạn đọc cho gia đình hậu duệ của cố thi sĩ Tản Đà, lúc này là lúc cần thiết hơn bao giờ hết.

(Sài Gòn 9-7-2004)

CHƯƠNG 6

TẠ TỶ – VƯỜN XƯA ĐÃ KHÉP

– “Mời bạn hãy vào.

Cửa vườn tôi đã mở sau 5 năm trời khép kín.

Vườn của tôi sau khoảng thời gian giam cầm trong SUY NGHĨ, trong DẪN VẬT, trong GIẬN HỒN để tìm những cánh màu của tâm tư chấp nối lại và thêu dệt bằng TIN TUỞNG, tạo thành một thế giới của HÌNH THỂ, của SẮC MÀU, qua bức tường vách ngăn của LÝ TRÍ và RUNG ĐỘNG...” (Tạ Tỵ – 8-8-1956)



Đó là những hàng chữ mở đầu tập sách giới thiệu về triển lãm Tạ Ty 1950-56 tại Sài Gòn tôi vừa tìm lại được. Tôi muốn mượn chữ nghĩa của anh để nói về anh như một khu vườn đầy kỳ hoa dị thảo vừa khép lại. Nó khép lại với anh, nhưng hương sắc của nó sẽ còn mãi mãi với thời gian, với con người. Nó chỉ có nghĩa là từ nay sẽ không còn bông hoa nào tỏa thêm sắc hương nào nữa.

Nói về Tạ Ty, người yêu nghệ thuật hội họa không xa lạ gì tên tuổi ấy trong nửa thế kỷ qua. Anh không chỉ là một họa sĩ mà còn viết văn, làm thơ. Nhưng tôi không gọi anh là nhà văn hay nhà thơ, bởi sự nghiệp vẽ tranh của anh lấn át hết những tài năng khác. Con người anh, tôi vẫn nhìn nguyên vẹn là một họa sĩ. Một họa sĩ rất hiếm hoi trong làng nghệ thuật hội họa Việt Nam. Tự anh đã đứng vững sừng sững với màu sắc, hình khối và tâm linh. Nhìn tranh của anh, không thể lẫn với bất cứ tranh của một tác giả nào khác không chỉ ở Việt Nam mà với cả thế giới bên ngoài. Thời kỳ đầu mới vào nghề anh từng vẽ sơn mài, nhưng vài năm sau anh vẽ sơn dầu và có người xếp anh vào trường phái “lập thể”, cũng có người cho rằng anh thuộc trường phái “trừu tượng”. Nhưng dù trường phái nào, tranh của anh chỉ thoát nhìn đã thấy vững vàng, khỏe mạnh, đặc sắc, riêng biệt mà chỉ có thể thấy ở Tạ Ty. Đó là cái nhìn rất thường tình của một người yêu và kính phục tài năng của anh như tôi.

VÀI HÀNG TIỂU SỬ

Vì thế ở đây tôi không nhắc lại chi tiết phần tiểu sử cùng những tác phẩm dù là trong văn chương hay hội họa của anh. Tôi chỉ xin tóm tắt rất ngắn gọn: Anh tên thật là Tạ Văn Ty, sinh ngày 3-5-1921, tức ngày 26 tháng 3 năm

Tân Dậu tại Hà Nội. Về điểm này có nhiều nguồn tin cho rằng anh sinh năm 1922, nhưng tôi đã kiểm chứng lại với các con anh, được biết trong giấy khai sinh của anh khai muôn mất một năm, đó cũng là chuyện thường thấy ở những vùng quê hay “thói tục” ngày xưa của các cụ nhà ta, mừng sinh con mà quên làm giấy khai sinh hoặc vì thấy cũng chẳng quan trọng gì nên để đó “bao giờ tiện thì làm cũng được”. Nên chính anh đã nói đúng năm sinh của mình và đã tính thành ngày giờ Âm lịch.

Anh tạ thế lúc 10 giờ sáng 24-8-2004, tức ngày Thứ Ba, mừng 9 tháng 7 năm Giáp Thân tại nhà riêng số 18/8 đường Phan Văn Trị, Q.5, Sài Gòn. Thọ 84 tuổi.

Anh động viên Khóa 3, trường Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức, sau đó phục vụ hầu hết tại Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị Quân Lực VNCH. Anh giải ngũ trước năm 1975, nhưng năm 1975 anh vẫn bị gọi đi “cải tạo.” Khi trở về Sài Gòn, anh vượt biên, định cư tại Hoa Kỳ. Trong thời gian ở nước ngoài, anh tiếp tục sáng tác.

Năm 2003, sau khi vợ anh qua đời tại Mỹ, anh trở nên buồn chán và trở về Sài Gòn sống với người con gái út của anh vẫn còn ở lại Sài Gòn từ sau năm 1975 đến nay trong căn nhà trước kia anh cùng gia đình đã sống.

NHỮNG NGÀY THÁNG 8 ĐỊNH MỆNH

Cuộc triển lãm năm 1956 của Tạ Tỵ cũng vào tháng 8-1956 tại Sài Gòn. Đó là lần đầu tiên, tôi được dự triển lãm của anh và là thời kỳ tôi mới quen anh khi bắt đầu về Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng, hồi đó vừa được chuyển từ Nha Tác Động Tinh Thần ở đường Gia Long về đường Thống Nhất. Cơ sở còn chật chội, chỉ có một dãy nhà trệt, chia ra hai dãy chính và vài căn nhà phụ

nhỏ hẹp. Nha Chiến Tranh Tâm Lý cũng chỉ có vài Sở chia ra hơn 10 phòng và nhân viên chỉ có năm bảy chục người, kể cả “quan” và “lính”.

Tôi về ban Báo Chí làm việc cùng với Huy Sơn, Tô Kiều Ngân, Phý Phý tục gọi là Phi chọi, Lý Quảng, Viêm Hồng... trong hai tòa soạn báo *Phụng Sự* và *Quân Đội* sau đổi thành bán nguyệt san *Chiến Sĩ Cộng Hòa*. Vài năm sau có thêm Huy Văn, Tường Linh...

Lúc đó Tạ Tỵ là trưởng phòng Hội Họa, mang cấp trung úy, nhưng so về tuổi tác và “thâm niên”, anh hơn tôi đúng một giáp – 12 năm – và ra khóa trước, nên tôi vẫn coi anh như đàn anh, cả trong nghề nghiệp và đời thường.

Cũng đến những ngày cuối tháng 8-2003, tôi được tin anh về Việt Nam và đang nằm ở bệnh viện của Đại Học Y Dược thành phố.

Tôi và Phan Nghị đến thăm anh.

Vừa gặp tôi, anh nhận ra ngay, nhưng Phan Nghị phải xưng tên anh mới nhận ra được.

Những giọt nước mắt của anh chảy dài.

Có thể nói anh là người rất “mau nước mắt”.

Còn nhớ vào năm 1970, khi anh được lệnh giải ngũ, chúng tôi làm một tiệc trà tiễn anh rời quân ngũ, khi nói vài lời giã biệt, nước mắt anh cũng chảy dài như thế.

Và đến ngày 24-8 năm nay, anh cũng bỏ chúng tôi để vĩnh viễn ra đi. Phải chăng đó là những ngày cuối tháng 8 của định mệnh?

HAI CON NGƯỜI TRONG MỘT

Vào những năm 1956-1964, hàng ngày chúng tôi ở quá gần nhau nên thường xuyên gặp mặt, liên hệ công tác về

hai tờ báo quân đội mà anh là người vẽ minh họa, gần như phụ trách phần trình bày cả hai tờ báo.

Nhưng về cách sinh hoạt thì anh ít có dịp đi chung cùng với anh em. Những buổi sáng khi chúng tôi rủ nhau đi ăn bánh cuốn hoặc ra ngồi ở Givral cà phê thì anh chững chạc bên bàn làm việc.

Ngay cả những chiều Thứ Bảy, Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ thường rủ tôi đi ăn, đi nhảy cũng chẳng bao giờ “dám” rủ anh Tạ Ty, vì anh sống rất mẫu mực.

Hồi đó sở chúng tôi còn có các “chánh sở” như anh Phạm Xuân Ninh, Phạm Văn Sơn và Nguyễn Xuân Vinh tức nhà văn Toàn Phong mới du học ở Mỹ về cũng “tá túc” ở đó một thời gian ngắn trước khi về làm Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Không Quân. Bên Đài phát thanh Quân Đội có Vũ Quang Ninh, Vũ Đức Vinh tức nhà văn Huy Quang và những ca nhạc sĩ như Đan Thọ, Nhật Bằng, Văn Phụng, Canh Thân, Xuân Lôi, Xuân Tiên, Vũ Huyền, Hoàng Hải... Tất cả hợp thành một khối, “chung sống hòa bình” và thân thiện.

Tạ Ty có lối sống riêng, nghiêm khắc với chính mình và cả những người xung quanh. Từ gia đình đến công sở, cái gì cũng phải ngăn nắp, sạch bóng từ chiếc xe đến bàn giấy. Việc gì cũng phải trọn vẹn từ đầu đến cuối, cẩn thận từng chi tiết theo đúng ý anh không được sai sót. Anh có nguyên tắc sống và làm việc của mình cùng thực hiện những nguyên tắc chung cũng như thế.

Nếu không hiểu anh chắc hẳn có những nhân viên cảm thấy khó chịu.

Đối với bạn bè, sự thân thiết cũng ở mức độ nào đó. Đường như sau công việc ở sở, mọi suy nghĩ và thì giờ của anh đều dành cho hội họa.

Việc viết lách làm thơ chỉ là sau những ngày giờ nhàn rỗi, cảm thấy hài lòng khi đã hoàn thành những tác phẩm hội họa. Tuy vậy anh cũng có những tác phẩm văn thơ xuất sắc, riêng tôi nhớ nhất bài thơ *Thương Về Năm Cửa Ô Xưa* đã phổ nhạc, một thời lừng lẫy trên các đài phát thanh và đại nhạc hội.

Tạ Tỵ có hai tính cách hoàn toàn khác biệt trong một con người. Một con người chi ly, cẩn trọng, tiết kiệm từng chút thì giờ, quý từng món đồ dùng thường ngày và áp dụng nguyên tắc luật lệ như một cỗ máy. Một con người phóng túng trong màu sắc và bay bổng với những nét bút tài hoa trong từng bức tranh.

Con người gần như khép kín ấy lại chan hòa tình yêu thương trong nghệ thuật như “tình yêu thương giữa con người với con người” mà anh đã mở lòng trong “Triển lãm Tạ Tỵ 1950-56”.

Tôi đã nhìn anh như thế suốt những ngày tháng tôi được hân hạnh quen anh và sống gần anh. Cứ cho là hơn mười năm, tôi quen anh, chỉ có vài lần cùng đi ăn với anh. Lần anh thăng chức đại úy, tôi không nhớ rõ vào năm nào, có lẽ là năm 1961-1962 gì đó, anh ôm vai tôi đưa xuống cầu lạc bộ khao một châu ăn sáng.

Và nếu tôi nhớ không lầm một lần Cao Tiêu, Phan Lạc Phúc và tôi được anh mời đến nhà ăn cơm. Đó là sự “đãi ngộ” rất đặc biệt dành cho những người bạn mà anh thân quý. Một lần khác sau cuộc triển lãm anh đưa tôi và vài người bạn nữa vào ăn chim bồ câu quay ở nhà hàng gọi là “*nhà hàng ga xe lửa cũ*” trong Chợ Lớn.

Các điều đó chứng minh anh rất ít hoang phí thì giờ vào những cuộc ăn chơi. Khó lòng rủ được anh đi phòng trà nghe nhạc chứ đừng nói đến chuyện ăn chơi vô ích khác.

Chị Tạ Ty lại là một mẫu người đàn bà chịu đựng rất giỏi, hết lòng vì chồng con. Tôi chưa từng thấy chị đi cùng anh đến bất cứ nơi nào có hội hè đình đám. Có lần anh nói với tôi, chẳng hiểu anh nói chơi hay nói thật: *“Bà ấy chỉ may có hai cái áo dài nên không thiết đi đâu hết”*.

Tạ Ty cũng là một mẫu nghệ sĩ rất chung thủy.

Tôi chưa từng thấy anh có tình ý với bất kỳ phụ nữ nào khác, mặc dầu bên cạnh anh không thiếu những “nữ độc giả” trẻ đẹp coi anh là thần tượng.

Và trong những câu chuyện phiếm cũng rất ít khi nghe anh nói về “đàn bà”.

Con người Tạ Ty là như thế.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA TẠ TY Ở SÀI GÒN

Sau gần ba mươi năm xa cách, một ngày cuối tháng 8 năm ngoái, 2003, tôi được tin anh từ Mỹ trở về Sài Gòn và có ý định ở hẳn lại đây.

Tôi chưa tin hẳn, khi điện thoại tới nhà mới biết anh hiện nằm trong bệnh viện. Tôi rủ Phan Nghị tới thăm.

Không ngờ đến hôm nay, tháng 8-2004, thì cả hai anh bạn tôi đã ra đi. Tôi có cảm tưởng như “họ” đã bỏ tôi lại một mình.

Phan Nghị kém Tạ Ty 4 tuổi nhưng “đi” trước hai tháng, Tạ Ty đi sau và cuối cùng gặp nhau ở Bình Hưng Hòa.

Lúc ở bệnh viện, Tạ Ty bày tỏ ý định thật của mình sẽ ở lại Sài Gòn và hỏi chúng tôi: *“Ở đây sống thế nào?”*

Phan Nghị cười: *“Người ta sống được thì mình cũng sống được, chấp nhận một số điều kiện, cuộc sống sẽ dễ dàng hơn”*. Một thời gian ngắn, sau khi ở bệnh viện ra, Tạ Ty gọi điện thoại cho tôi hỏi chỗ nào bán màu và bút vẽ chuyên

nghiệp. Tôi rất mừng, hy vọng anh đã có thể làm việc lại được. Anh nói còn một vài bức tranh để lại nhà, màu đã phai và xuống sắc hết rồi, phải làm lại.

Tôi đi tìm chỗ bán đồ dùng cho những họa sĩ chuyên nghiệp. Biết tính anh cẩn thận nên đến tiệm rồi, tôi điện thoại về nhà hỏi từng thứ màu, từng loại bút anh cần.

Khi tôi mang dụng cụ đến, mắt anh sáng rõ và gật gù: “Để đồ cho tớ, khi nào hứng, tớ bắt đầu”.

Gần một tháng sau, tôi đến anh vẫn không nói gì đến chuyện sửa các bức tranh mà hỏi tôi: “Bức caricature tôi vẽ cho cậu hồi xưa còn không?”.

Tôi lắc đầu: “Đến vợ con nhà cửa còn mất, tôi chẳng còn cái gì cả”.

Anh nhòm dậy khó nhọc, vận quần áo đảng hoàng kéo tôi ra nhà ngoài, nhờ bác Tư – người săn sóc anh từ ngày anh về cho đến ngày anh ra đi – chuẩn bị giấy và bút chì.

Anh ngồi ngắm tôi rồi bắt đầu vẽ. Nhưng tôi nhận thấy rất rõ sự chậm chạp trong tư thế và nét vẽ của anh. Nó khác hẳn với dáng vẻ phóng túng, nhanh nhẹn của anh vào năm 1957 khi anh vẽ cho tôi lần thứ nhất. Lần đó chỉ trong vài phút tôi đã thấy nét tài hoa rất Tạ Tỵ trên tờ giấy trước mặt. Trong *Phụng Sự*, đặc san văn nghệ ra đời năm



1957, anh vẽ cho hàng chục anh em như Phạm Văn Sơn, Diên Nghi, Mạc Ly Châu, Huy Sơn... Mỗi bức vẽ của anh như một giây phút vui chơi, hứng thú, song với tôi đó là một sáng tạo nghệ thuật. Có thể nhận định khó có ai sánh kịp với Tạ Ty về lối vẽ chân dung.

Nhưng bây giờ cái nhìn của anh chắc cũng khác đi và bàn tay đã không đi theo ý anh nữa. Một chút bùi ngùi xúc động dâng ngập khi tôi nhìn nét vẽ của anh trong những ngày tháng sau cùng này. Chính anh cũng không bằng lòng với mình nên ngay khi đó anh vẽ cho tôi bức caricature thứ hai. Anh ngắm nhìn rồi buông bút không nói lời nào. Làm sao mà hiểu hết được những gì anh đang nghĩ. Làm sao mà nói hết được những ẩn chứa sắc như dao trong lòng một người nghệ sĩ khi tuổi tác làm cho tài năng không phát huy hết được tinh hoa của mình.

Tôi nghĩ đó là bức vẽ caricature cuối cùng của anh.

MỘT ƯỚC MƠ KHÔNG THỰC HIỆN ĐƯỢC

Có lẽ chính vì thế nên dự định làm lại những bức tranh treo trong nhà của anh cũng không bao giờ thực hiện. Bệnh già càng làm anh suy yếu thêm. Những lần sau này tôi đến thăm, anh không nói về chuyện hội họa mà nói về những cuốn sách anh đang đọc, anh đọc rất nhiều như một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống hiện tại.

Anh nói về cuộc sống ở Mỹ và những người bạn ở đó. Nhận xét của anh chín chắn, rất rõ ràng về từng con người, từng sự việc. Anh cởi mở hơn xưa nhiều và bằng lòng với đời sống hiện nay tại Sài Gòn.

Có lần anh nói với tôi: “Ở Mỹ, tôi chưa bao giờ được sống trong một căn phòng như thế này”.

Tôi cho là anh nhún mình hoặc quá bằng lòng với những gì anh đang có. Người con gái út của anh đã chăm sóc anh hết lòng, thuê hẳn một người giúp việc cho bố ngày cũng như đêm. Anh sống trên lầu ba trong hai căn phòng rất đầy đủ tiện nghi. Một bên là phòng ngủ, một bên là phòng làm việc và tiếp khách. Bác Tư là người đã săn sóc anh suốt một năm cuối trong đời.



Chỉ tiếc cho một ước mơ cuối cùng của anh không bao giờ thực hiện được. Những bức tranh cũ vẫn nằm trên tường, vàng vọt theo ngày tháng.

Anh là người rất kén ăn, không ăn thịt heo, thịt gà và cả thịt bò. Anh chỉ ăn chim bồ câu, sau này không ăn quay được thì nấu cháo nhừ, và cua lột, tôm hấp.

Hai tháng cuối cùng anh bị té từ trên giường xuống sàn nhà. Từ đó anh không đi lại được nữa và sức khỏe của anh

suy sụp nhanh hơn. (Ảnh: Ông Ngoại Tạ Tỵ bên các cháu, 5 ngày trước khi vĩnh viễn ra đi)

Mới Thứ Sáu tuần trước đây thôi, 20-8-2004, anh còn điện thoại cho tôi hỏi thăm về nhà cửa và cảm ơn về chuyện tôi cho người mang cháo sang cho anh. Anh đòi cảm ơn “*bà xã cậu chứ không phải cậu*”.

Anh rất cẩn thận, mỗi lần mang cho anh tô canh anh cũng phải cảm ơn bằng được người đã đích thân nấu canh cho anh và dặn người nhà nhớ mang trả lại cái cà men nhựa. Cho anh mượn cuốn sách, anh xem xong gọi tôi sang nói chuyện về cuốn sách đó và gói ghém rất đàng hoàng đưa trả tận tay.

Lúc này anh rất mong được gặp bất cứ ai trong số những người quen cũ.

Nhưng hai hôm sau cùng thì anh nói gì trong điện thoại tôi nghe không rõ nữa.

Bác Tư phải “thông ngôn” lại tôi mới hiểu anh nói gì. Nhà tôi sang nhà anh rất gần chỉ cách có một cái ngã tư. Anh hứa hôm nào khỏe sẽ sang nhà tôi ngồi ăn cơm với các bạn bè cũ. Nhưng rồi chẳng bao giờ anh sang được.

MƯỜI PHÚT TRƯỚC KHI ANH RA ĐI

Đúng 6 giờ sáng ngày Thứ Ba 24-8 vừa qua, người điện thoại báo tin cho tôi anh Tạ Tỵ mất lại là Phan Diên từ Mỹ gọi về.

Tôi bàng hoàng trước nguồn tin này vì không lẽ anh mất mà người nhà anh không cho tôi biết?

Tôi vội báo tin cho vài người bạn rồi phóng sang nhà anh. Lúc đó các con từ Mỹ đã về Việt Nam đầy đủ.

Nhưng anh vẫn nằm đó thở bằng bình oxy, không biết gì nữa. Chiếc máy laptop để bên đầu giường rì rả những câu chuyện cũ.

Hoàng Song Liêm, Nguyễn Quốc Thái rồi vợ chồng Đặng Giao cũng đã có mặt. Lúc đó gia đình anh cũng đã lo mọi chuyện lễ tang chỉ chờ giờ phút anh ra đi mà thôi. Chúng tôi đến bên anh, ai cũng biết đó là lúc cầm tay anh và nhìn anh lần cuối.

Tôi ra về, điện thoại sang Mỹ báo tin lại cho các anh Thái Thủy, Vũ Đức Vinh, Phan Diên về nguồn tin ở Mỹ chưa đúng hoàn toàn.

Nhưng chỉ mười phút sau đó, gia đình anh cho tôi biết đúng 10 giờ sáng anh đã ra đi. Tôi lại phải điện thoại báo tin cho các bạn ở nước ngoài.

Theo như dự định gia đình anh sẽ quàn anh một ngày tại chùa Xá Lợi, sau đó quàn linh cữu anh ở nhà. Hôm sau, hầu hết bạn bè anh còn ở lại Sài Gòn đều có mặt. Trong số hàng trăm vòng hoa của thân hữu ở Việt Nam, tôi thấy có vòng hoa của Đinh Cường từ Virginia đưa đến và một vòng hoa của Hội Nghệ Thuật thành phố Sài Gòn.

Đến 9 giờ sáng ngày 26-8 đưa anh đi hỏa táng tại Bình Hưng Hòa.

Buổi đưa tiễn anh có rất nhiều những khuôn mặt thân quen của anh từ xa xưa.

Ông Mạnh Đan râu bạc như cước, anh Lê Cao Phan cũng đã 82 tuổi rồi song còn khỏe mạnh, lớp người trên 70 như Hoàng Song Liêm và tôi hoặc kém một chút như Dương Nghiễm Mậu, Hoàng Vũ Đông Sơn... trong cái “đám” này được coi là còn “trẻ”.

Vĩnh biệt Tạ Ty, một họa sĩ tài hoa.

Sự ra đi của anh là một mất mát lớn lao thực sự cho làng hội họa, ở Việt Nam không dễ gì có được một nghệ sĩ rất đặc biệt như Tạ Ty.

(Sài Gòn 26-8-2004)

CHƯƠNG 7

NỖI XÚC ĐỘNG TRONG MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN Ở VÙNG QUÊ

Đây là lần thứ nhất tôi ăn Tết ở nhà quê, sau... không biết sau bao nhiêu năm rời khỏi nơi chôn nhau cắt rốn.

Điểm lại hành trình cuộc đời, chắc nhiều bạn ở nước ngoài cũng như tôi, đón Tết ở nhiều nơi quá, không nhớ hết. Cái “thế hệ thứ nhất” tức là gồm những người đã có tuổi, nay còn ở nước ngoài, không thể nào không trải qua những ngày tháng “lênh đênh” ở một vùng nào đó xa quê hương. Còn những người thuộc “thế hệ thứ hai, thứ ba” có lẽ đỡ long đong hơn, nhưng cũng không tránh khỏi cuộc sống nay nơi này mai nơi khác ở những tiểu bang, những tỉnh, những thành phố khác nhau.

Cảm giác đón Tết “tha hương” hầu như ai cũng có, chẳng ít thì nhiều, nhưng mỗi nơi mỗi khác. Song để nhớ lại những ngày thơ ấu sống trong không khí ấm cúng cùng với gia đình vẫn mang đến cảm giác ngậm ngùi, bàng khuâng hơn cả.

Tìm lại chút không khí Tết xưa không dễ dàng chút nào bởi phong tục tập quán mỗi nơi mỗi khác. Mỗi vùng, có khi chỉ từ làng này sang làng khác, đã có những tục lệ khác nhau. Mỗi tục lệ có những nét đặc trưng riêng và chính nó làm thành sợi dây vô hình gắn kết tâm hồn của những người đồng hương với nhau hơn. Vì thế nên ở đâu cũng có đoàn, có hội ái hữu của tỉnh này tỉnh kia.

Tuy vậy, người Việt Nam chúng ta vẫn có những tập tục chung, ở bất kỳ nơi nào cũng như nhau. Cái linh hồn của Đêm Giao Thừa ở đâu và bao giờ cũng mang ý nghĩa thiêng liêng, trang trọng và gợi lên tình cảm của sự đoàn tụ, của tình quê hương dân tộc. Bởi thế nên có những người lam lũ vất vả quanh năm, đến gần ngày 30 Tết vẫn bằng mọi cách, tìm về với gia đình. Bà con Việt kiều ở nước ngoài cũng nhân dịp này trở lại thăm quê hương. Có người phải thu xếp vài ba năm mới trở lại VN được. Họ không chỉ ở thành phố mà hầu hết tìm về quê nội, quê ngoại để được hưởng cái Tết ở chính nơi mình đã sinh ra với những kỷ niệm cũ và để cho cái “thế hệ thứ hai thứ ba” biết thế nào mới đúng là cái Tết Việt Nam.

Cái phong bao lì xì nhỏ nhắn, đỏ chót, đã ăn sâu vào ký ức không thể nào quên. Và những giây phút sung sướng được cầm phong bao ấy sao mà sáng khoái đến thế. Dù bao nhiêu năm rồi mà vẫn muốn được sống lại với những giây phút thần tiên ấy. Người Việt Nam chúng ta ở đâu cũng vậy. Chẳng có gì khác, chẳng có gì thay đổi được. Chỉ vài nét đơn sơ thế thôi đủ nói lên tất cả.

Cho nên ngày Tết đối với chúng ta, cho dù trải qua trăm ngàn thăng trầm, vẫn là những ngày quan trọng trong cuộc sống.

VỀ QUÊ ĂN TẾT

Năm nay tôi mới có điều kiện để tìm về ăn Tết ở nhà quê. Tôi cho rằng đó là một sự may mắn lắm. Những năm trước, có muốn về quê cũng chẳng được vì có chỗ nào đâu mà về? Cú ro ró trong cái căn phòng chung cư rộng không quá 4m, dài không quá 8m. Đêm 30 và ngày Mừng Một cúng ông bà gia tiên, không thể bỏ đi được, rồi còn họ hàng, bà con, anh em đến chúc Tết, ba ngày Tết cứ như sống trong cái rọ.

Rồi chạy đi chạy lại, chúc qua chúc lại, từ Sài Gòn nhảy xuống Gò Vấp, từ Gò Vấp nhảy tuốt vào Chợ Lớn, cứ như con thoi. Đường xá chen chúc, mỗ hôi nhễ nhại, cơm chẳng buồn ăn. Người ta nói *“đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết”*, nhưng thực ra ba ngày Tết ăn gì cũng chẳng thấy ngon. Chỉ có mỗi cái thú làm mọi “thủ tục” cho nhanh rồi ngồi vào một bàn mạt chược xoa vớ với bạn bè cho hết Tết. Hầu như trong dịp Tết, kể cả những ông bà không có máu cờ bạc cũng ngồi vào một bàn bài “lấy hên đầu năm” chung vui với lũ trẻ. Cũng chính bởi “thông lệ” này lâu ngày biến thành các sòng cờ bạc giữa đường phố, không phải từ ngày Tết mà từ những ngày trước Tết và còn kéo dài cho hết tháng giêng, tháng hai.

THÁNG GIÊNG LÀ THÁNG ĂN CHƠI,

THÁNG HAI CỜ BẠC, THÁNG BA RƯỢU CHÈ...

Các cụ đã “dạy” thế nên vào dịp đó mấy thầy cảnh sát cũng dễ dãi, nhắm mắt bỏ qua cho bà con vui chơi. Méo mặt, cháy túi cũng vì cờ bạc ngày Tết, nó là một cái có để các ông lẫn lộn trong những sòng bài.

Nếu là người thành phố, chắc hẳn ai cũng có dịp chứng

kiến những sông bài ở đầu đường, trong những xó kẹt building, gầm cầu thang chung cư... những người lao động nghèo khó tùm tùm đánh bài. Nhìn họ say sưa sát phạt, không ai không động lòng thương hại, có đồng nào chui hết vào sông bài bạc, rồi vợ con họ sẽ lấy gì mà sống? Biết bao gia đình nheo nhóc đói khổ, lòng cùng, thậm chí tan vỡ sau những ngày Tết như thế.

Từ nhiều năm nay tục lệ đốt pháo không còn nữa.

Nó làm mất đi một nét truyền thống nhưng quả thật là một điều đáng mừng.

Tôi nhớ những năm 1987-1990 khi còn ở chung cư, mỗi lần giao thừa đến là mỗi lần tưởng có thể chết ngộp vì khói. Khói và mùi thuốc pháo đặc kín, những ông già phải nhanh chân chạy ra đứng thở ở công viên cho đến hết giao thừa mới dám mò về. Nó cũng gây ra nhiều tai nạn. Tôi rất tiếc không còn được nghe tiếng pháo Tết, nhưng đó là một việc đáng làm.

Nhưng dù thế nào thì đó vẫn là những hình ảnh thật nhất, sống động nhất của những ngày Tết ở thành phố.

Năm nay, tôi rời Sài Gòn vào trưa ngày 28 Tết để trở lại vùng quê mà tôi đã chọn. Vào ngày này, tôi cứ nghĩ xe ò sẽ chật cứng, nhưng trái lại nó lại rộng rãi, thừa khá nhiều chỗ. Lúc này tôi mới biết vào những ngày giáp Tết, người dân ở đây không còn đi lên thành phố buôn bán gì nữa. Chỉ còn lại lác đác một số người về quê ăn Tết. Có lẽ đây là sự khác biệt giữa miền Tây và miền Đông của Nam bộ. Nhưng trên quốc lộ 13 thì xe cộ đông hơn ngày thường. Cái tất bật của ngày Tết như đã bắt đầu từ đây.

NGƯỜI... “TRĂM NĂM CŨ” BÂY GIỜ LÀ ĐÂY

Chiều 29 Tết, một người làm vườn cho nhà hàng xóm,

canh nhà tôi, hấp tấp dắt chiếc xe ra cổng. Có điều lạ là chiếc xe gắn máy tuy cũ mềm song tất nhiên là còn đi được như bao nhiêu chiếc xe từ đời “tam quốc” nào đó mà tôi nhìn thấy ở vùng này, vẫn phom phom trên mọi nẻo đường, vậy mà anh ta lại dắt xe leo lên con dốc cổng.

Thì ra xe anh bị xẹp lốp. Mà từ đây phải đi gắn một cây số ra đến cái chợ chồm hổm đầu đường quốc lộ mới có người vá xe. Anh ta nhìn tôi lắc đầu:

– Sửa được cái máy cho nó nổ thì bây giờ đến cái lốp. Cái này thì chịu.

Nhìn anh mỗ hời nhể nhại, tôi mời anh vào nhà uống nước. Anh dựng xe trước cổng, vui vẻ vào nhà. Anh nhìn mấy bức ảnh treo trên tường rồi bất ngờ hỏi:

– Hồi này cụ Mạnh Đan còn khỏe không, ông?

– Cụ khỏe lắm, tôi không nhớ chính xác tuổi cụ nhưng chắc chắn là trên 80.

Và tôi nhìn người đàn ông có vẻ phong trần này, uôm lòng:

– Ông cũng biết cụ Mạnh Đan sao?

Người đàn ông thoáng một nụ cười:

– Tôi cũng là dân “Sài Gòn cũ” mà. Ba mươi năm trước, thỉnh thoảng tôi cũng gặp cụ.

Gặp dân Sài Gòn cũ, tôi mừng rơn:

– Hồi ở Sài Gòn anh làm gì?

– Em làm thợ sắp chữ.

Tôi càng thú vị hơn:

– Té ra mình cùng một nghề với nhau đấy.

– Em cũng có nghe nói anh trước kia anh là nhà báo? Em không biết anh tên gì, nhưng quả là thấy quen quen.

– Tên tuổi chẳng có gì quan trọng. Anh làm thợ sắp chữ

ở nhà in nào?

– Em thường xuyên sắp chữ cho báo *Màn Ảnh* của ông Mai Châu. Rồi có sắp chữ thêm cho mấy tờ báo *Trắng Đen*, *Sóng Thân*, *Chính Luận* nữa. Ông Mai Châu thế nào rồi?

– Tôi chỉ nghe tin ông ấy mất lâu rồi, còn bà ấy tôi cũng không gặp.

Người đàn ông kể một loạt những cái tên con ông Mai Châu, cậu Tuấn, cô Phụng... và một loạt ông bà chủ báo và những người “sếp typo”. Dường như ông muốn chứng minh rằng ông là người Sài Gòn cũ thật hoặc lâu không được nhắc đến tên những người ấy. Ở nơi này thì kể với ai ở đây, được dịp, ông kể ra cho hả.

Sau đó ông nói về những đường phố, nơi có các tòa báo hàng ngày và hàng tuần trước năm 75. Đường Phạm Ngũ Lão, Bùi Viện, Võ Tánh... Ông hỏi:

– Bây giờ nó thế nào?

– Bây giờ khác hết rồi. Con đường trước kia nhiều tòa báo, bây giờ là Phố Tây Ba Lô, toàn khách sạn, nhà ngủ, dịch vụ du lịch và đủ thứ dịch vụ miễn là kiếm được đô-la của bất cứ khách du lịch nào dù là dân du lịch rách.

Người đàn ông thở dài:

– Ba mươi năm rồi, em chưa có dịp trở lại Sài Gòn. Hồi làm thợ sắp chữ, em mới 18 tuổi. Được làm thợ sắp chữ, khỏi đi lính, mấy ông chủ báo bảo lãnh hết. Thế nên cả 3 anh em nhà em đều làm thợ sắp chữ. Sau này “giải phóng”, tụi em cũng được... giải phóng luôn khỏi cái nghề sắp chữ, đâm ra thất nghiệp.

Anh ta cười, nụ cười... méo mó:

– Nhưng nhà nước nuôi.

Tôi tròn mắt, song chợt nhớ ra hoàn cảnh của mình

nên hỏi ngay:

– Nhà nước nuôi nghĩa là anh cũng bị đi “cải tạo”?

Anh ta xua tay:

– Chết, ông đừng đùa chứ. Em ngán cái thứ đó lắm. Nghe hết cả hồn. Hồi mới, tụi em chưa hiểu nghĩa “cải tạo” là gì, sau này mấy ông ở ngoài Bắc vào giảng nghĩa cho, tụi em cứ nghe đến hai chữ đó là hồn vía lên mây.

– Thế nhà nước nuôi anh theo kiểu nào?

– Là đi vùng kinh tế mới. Phát cho gạo ăn 6 tháng và một số tiền, rồi lên vùng rừng núi làm “kinh tế” gia đình. Được phát cái nhà, không có vách, chỉ có 6 tấm tôn.

Anh bật người ra và cười:

– Hồi đó em chẳng biết làm gì với cái cảnh rừng rú, đất đỏ hoang vu này. Đẻ ra đã là dân thành phố, không biết cầm cái cuốc. Nên sau 6 tháng, lại thất nghiệp, mà lần này thất nghiệp nặng hơn, ở một vùng xa lạ chẳng biết nương nhờ vào ai. Từ lúc đó bắt đầu cuộc đời làm muôn cho đến bây giờ.

Tôi biết khá rõ về những người làm muôn cho những nhà vườn ở đây. Nhân công thật rẻ, làm từ sáng đến tối, chỉ có 30 ngàn một ngày, phải mang cơm đi ăn, nếu chủ nuôi cơm thì chỉ còn 25 ngàn hoặc có khi không có việc thì 20 ngàn cũng phải làm. Làm bất cứ việc gì chủ vườn cần. Vét nương, đào giếng, cuốc đất, trồng cây... hằm bà làng, đủ thứ việc. Ngoại trừ một số thợ có chút nghề chuyên môn như làm nhà, làm điện, có “cánh” có “nhóm” thì đồng lương cao hơn chút đỉnh.

Anh lắc đầu:

– Hồi xưa làm thợ sắp chữ thì đồng lương nuôi cả nhà. Mỗi ngày 5 ngàn thôi, lãnh lương hàng tuần, mọi thứ đều

ré. Bây giờ làm không đủ nuôi vợ con, nhà có bao nhiêu người đến tuổi động dục được chân tay là phải làm hết. Đứa con lên 10 là lao động rồi. Vợ cũng phải làm, thế mà gặp lúc ít việc cũng túng thiếu mò mịt.

NGÀY XƯA THỨC DẬY

Nói chuyện lan man, anh kể về cuộc đời mình:

– Hồi ở Sài Gòn, em cũng có vợ rồi đấy chứ. Vợ em là thợ sắp giấy, em là thợ sắp chữ, đẹp đôi lắm. Cô ấy xinh xắn, đẹp người đẹp nét, anh nào cũng muốn tòm tem, nhưng cô ấy lại chịu em. Thế là chúng em lấy nhau, nhà bố mẹ em ở bên bến Phạm Thế Hiển, bên kia cầu chữ Y. Sáng sáng đèo nhau trên chiếc xe gắn máy đi làm, chiều dắt nhau về tổ ấm, tình lắm. Nhưng đến khi lên vùng kinh tế mới thì cô ấy chịu không nổi. Không có việc làm, lại còn sinh bệnh tật, cô ấy trở lại Sài Gòn rồi không bao giờ lên nữa.

– Thế lúc đó đã có cháu nào chưa?

– Rất may là chưa. Nếu có một đứa con thì may ra giữ chân cô ấy lại chốn này được.

Đôi mắt người đàn ông mờ đi dưới ánh đèn. Rồi anh ta tặc lưỡi, buồn rầu:

– Nhưng như thế cũng may cho cô ấy. Chứ ở đây chịu cái cảnh này với em suốt 30 năm nay thì tội nghiệp cho cô ấy quá. Chẳng biết hồi sau này cô ấy thế nào.

Nhìn anh thoáng một chút mơ mộng, tôi nghĩ anh còn nặng tình với người vợ cũ lắm. Nếu không có cái vụ “kinh tế mới” chắc vợ chồng anh còn sống với nhau cho đến bây giờ. Anh lại trầm ngâm:

– Đôi lúc em cũng muốn ghé về Sài Gòn hỏi thăm tin tức xem sao, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, để cho nhau yên có

lẽ tốt hơn. Vả lại cũng chẳng có tiền mà về. Ăn ở vào đâu? Thế nên ba mươi năm, em cứ ở chỗ này. Còn anh, sao anh lại về đây?

– Tôi kiếm một chỗ yên tĩnh dưỡng già.

Lúc này chúng tôi đã có vẻ thân mật hơn nên xưng hô bằng anh em cho gần.

Anh lại chợt nhớ ra một người nào đó trong số những người làm báo trước kia, anh hỏi về các ông Mai Thảo, Thanh Nam, Hoài Điệp Từ, Ngọc Hoài Phương, bà Trùng Dương, ông Thanh Thương Hoàng... rồi nhảy sang mấy ông chủ nhà in, ông Hợi, cô... gì làm thư ký cho nhà in bên cạnh báo *Tiếng Vang* của ông Tổng Cóc, có cậu con trai đeo kính cận hay ra tòa báo ngồi với mẹ... Chẳng hiểu các ông ấy bây giờ ra sao?

Anh cũng có nhắc đến tên tôi và vẫn không hề biết người đang ngồi với anh là ai, tôi cứ mặc cho anh kể. Ở những chốn xa xôi này, chẳng mấy khi người ta được kể về những người quen biết xưa kia. Đó cũng là một thú nhu cầu thầm lặng, chỉ khi nào nó đến mới biết là nó thú vị như thế nào. Có lẽ nó cũng thấm và say như men rượu. Tôi càng xúc động hơn khi người đó lại là một người nghèo khổ, nay đã có tuổi nhưng hầu như chưa bao giờ quên cái “ngày xưa” của mình, mọi thứ như đã trôi vào tiềm thức, nó đột ngột thức dậy với tất cả tình yêu thương lâu ngày đã chìm lấp kín vì khổ cực, gian nan. Càng nhìn kỹ, càng thấy người đàn ông có cái bề ngoài rất tiêu tụy, song khuôn mặt vẫn mang chút hình ảnh nào đó của một người con trai thành thị.

Tôi hỏi tiếp:

– Còn chị ấy bây giờ anh gặp hồi nào? Là dân ở đây à?

– Bà ấy cũng là dân “kinh tế mới.” Nghèo nàn cực khổ cùng nhau nên dễ thông cảm và hiểu nhau hơn. Chúng em có 3 đứa con rồi đấy. Nhưng cũng như bố thôi, đi làm công, làm mướn cho người ta kiếm ăn.

– Tết này các con anh về sum họp với anh chị đông đủ không?

Anh lắc đầu:

– Chẳng bao giờ có Tết cả anh ạ. Tết lại là những ngày chúng em sợ nhất. Chẳng ai mướn làm việc gì. Ai cũng nghỉ Tết, họ chỉ quên một điều là chúng em nghỉ Tết thì cũng nghỉ ăn luôn. Phải dành dụm từ cả tháng trước.

Tôi không thể nào ngờ 30 năm rồi mà cuộc sống của anh vẫn chẳng thay đổi được gì. Tôi mời anh ở lại dùng bữa cơm với chúng tôi, nhưng anh từ chối:

– Em phải về kéo bà xã em mong. Từ bao năm nay, em đi đâu giờ này cũng phải về. No đói có nhau.

Từ già tôi ra về, anh cặm cùi dắt chiếc xe gắn máy cũ rách ra cổng. Bóng anh đổ xuống dưới ánh đèn cùng với những bóng lá dừa trải dài bên con đường vắng tanh, lạnh ngắt. Tôi hỏi tên và hỏi nhà, hứa sẽ đến thăm anh vào những ngày Tết sắp đến.

LỪNG LỪ NGÀY BA MƯƠI

Buổi sáng ba mươi, tôi tà tà đi chiếc xe gắn máy leo lên dốc đi thăm cái chợ Tết của thị trấn Lộc Ninh nhỏ bé này. Khu chợ nằm dưới con dốc dài, như thu gọn trong một thung lũng khá sâu.

Ngay từ đầu dốc là bến xe ôm và cũng là chợ hoa của thị trấn. Hàng hoa cúc, hoa mai cùng với vài chậu quất bày rải rác theo lối đi. Giá hoa ở đây rất rẻ và những cây hoa

Tết cũng chỉ là loại tầm thường, không thể kiếm được một chậu hoa quý. Mặc dầu ở đây toàn là những nhà vườn song chưa ai trồng hoa quý để bán. Họ trồng hoa ở nhà nên thường không cần mua. Chỉ có vài nhà có cửa hiệu buôn ngoài phố mới cần đến những loại hoa chợ này. Vài ba chục một cây mai hoặc một chậu cúc đại đóa vàng rực, tươi tắn. Vậy mà cũng vắng khách. Vài chiếc xe đạp chở những chiếc bong bóng ăn đồ tiền trẻ con, bay lơ lửng trên bầu trời đầy nắng coi cũng vui mắt và cũng đủ làm thành không khí Tết ở cái chốn quê mùa được bao bọc bởi những con dốc và những vườn cây này. Cuộc sống của những người dân ở đây cũng đang lúng lơ như những chiếc bong bóng. Kể từ khi cây tiêu không mang lại lợi tức nữa, có nhiều nhà đã phá vườn tiêu, mỗi nhà chừng vài ba mẫu, song chưa biết trồng gì. Một số nhà khác lại chưa dám phá tiêu, cứ phải để đó chờ thời mà chẳng biết bao giờ cái “thời” ấy mới đến. Họ lúng túng xoay xở mà chẳng biết đi đường nào. Cũng chẳng ai khuyên họ phải làm cái gì, trồng cái gì, cứ mạnh ai nấy đợi, mạnh ai nấy sống. Những khu vườn đất đỏ trù phú cứ như sống tạm với đủ những loại cây ăn trái, những loài hoa mà chẳng có mục đích gì rõ rệt cho kinh doanh. Bởi vậy những nhà vườn cứ như đang đi lang thang trên khu vườn của chính mình.

Những cậu con trai và những cô con gái đến tuổi lớn khôn, thường phải đi kiếm việc ở thành phố. Giờ này họ mới lác đác từ những chuyến xe đồ trở về ăn Tết. Người nào cũng chỉ có một chiếc ba lô mang chút quà rất nhỏ cho gia đình. Thị trấn không phát triển được cũng vì thế.

Nỗi ước ao của họ chỉ giản dị là có một khu công nghiệp nào đó ở gần thị trấn này hoặc ở Bình Long cũng được, để

có nơi chốn làm việc cho con em mình, đời sống sung túc hơn, từ đó thị trấn sẽ có cơ hội phát triển mạnh chứ không ẻo lả như hiện nay.

Ngày hôm sau, Mừng Một Tết, đi trên đường phố vắng vẻ hơn ngày thường, nó mang một vẻ ngơ ngác kỳ lạ. Tuy vậy, một vài người đi chúc Tết sớm, cũng quần áo chỉnh tề, những cái áo còn thấy rõ nguyên nếp gấp, đôi khi còn nguyên nếp nhăn, dường như họ cũng chẳng cần chú ý đến sự là ủi, chỉ cần có bộ cánh tươm tất là đủ rồi. Trên thị trấn cũng có một vài cặp nam nữ thanh niên ăn diện theo lối tinh thành đi trên vài chiếc xe kiểu cách, cũng “tóc vàng, tóc đỏ hoe hoe” nhón nhơ, lượn đi lượn lại cho ra vẻ ngày xuân. Vài cửa hàng dang hàng chữ “Chúc Mừng Năm Mới”, thứ băng-rôn năm nào cũng có thể mang ra xài lại được. Các bà chủ xênh xang áo quần hàng “hiệu”, nhưng chỉ quanh quẩn trước cửa hàng. Các ông chủ rủ nhau đi chúc Tết thành từng đoàn chứ không đi lẻ tẻ như ở thành phố, nhưng tìm mãi cũng không ra một bộ complet. Làm như ở đây người ta “cắm mặt complet” và cũng chẳng có một chiếc cravate. Năm thì mười họa mới thấy một ông đi “giày Tây”. Dép vẫn là thứ “ngôn ngữ đi bộ” thông dụng nhất mọi lúc mọi nơi. Nắng bắt đầu lên cao cũng là lúc thị trấn vui vẻ nhất. Vài hàng cà phê vẫn mở cửa song chỉ lèo tèo vài đám khách.

NGƯỜI ĐỒNG HƯƠNG

Trở lại xóm tôi, con đường nhựa cong queo vẫn vắng vẻ như chẳng có gì đổi khác. Các hội đoàn cũng đi chúc Tết thành từng nhóm, mỗi nhóm năm ba người. Nhóm của cựu chiến binh, nhóm của hội phụ nữ, nhóm của hội phụ lão. Nói cười râm ran.

Đó là không khí của ngày Tết đường làng.

Về đến nhà, tôi đã thấy ngay một ông ngồi chờ sẵn. Ông tự giới thiệu là người cùng quê với tôi, dân Thái Bình. Quả là dân ở đây nhanh nhậy thật, không hiểu sao họ biết tôi là dân “Thái lợ”, nhưng không biết huyện.

Tôi nói là dân huyện Quỳnh Côi, nhưng ông ta “đính chính” ngay: bây giờ là huyện Quỳnh Phụ – tức là hai huyện Quỳnh Côi – Phụ Dực xưa ghép lại làm một.

Tôi biết ngay ông là người từ đầu tới và vào Nam từ năm nào. Ông ta còn khá trẻ, trẻ hơn tôi chừng chục tuổi. Ông là hàng xóm phía sau nhà tôi, cách một con suối, mùa này nước cạn nên ông lội qua suối sang thăm. Ông theo bố vào Nam ngay từ đầu những năm 80, làm việc ở đây một thời gian rồi ở luôn chứ không về Bắc.

Ông thành thật tâm sự với người đồng hương:

– “Đất lành chim đậu”, ở đây dễ làm ăn hơn chứ về Bắc làm sao có được một mẫu vườn như ở đây được.

Hàng ngày tôi vẫn nhìn sang vườn nhà ông, mùa này ông trồng cải, vừa để ăn, vừa bán. Nhưng công việc chính của ông lại ở trong rẫy, trồng đủ thứ kiếm ra tiền kể cả tỏi, ớt, cà tím, cà chua.

Sau khi ông ra về, mấy ông bà hàng xóm lân bang “tả hữu” cũng lại đến thăm. Họ thân thiện nhưng sầm soi xem nhà cửa, vườn tược của tôi như thế nào. Họ chỉ dẫn cho tôi đủ cách tưới nước làm vườn. Mỗi nơi có một “bí quyết” riêng, tùy theo thổ nhưỡng và tình hình thời tiết. Họ cũng cho tôi biết thêm về phong tục tập quán ở đây.

Những ông hàng xóm thường bao giờ cũng có cái tên là ông Hai hoặc ông Ba, ông Tư. Ông Hai Thạnh, ông ba Xê, ông Tư Hoàn, bà năm Bình bán thịt heo... Tôi chưa có tên nên người ta gọi nhà tôi là nhà bà Hai Ngân. Và cái xóm

tôi cũng được người ta gọi là xóm Hai Sơn. Cứ gọi thế ai cũng biết, kể cả người ở thị trấn. Đây là cái địa chỉ nếu có ai muốn kiếm nhà tôi ở nơi này.

Buổi tối có cái Hội Hoa Xuân ở công viên được gọi là công viên Văn Hóa huyện, lối đi vào thị trấn. Nó cũng chiếm một khoảng đất rất rộng và “hùng vĩ” lắm. Nhưng có những khoảng sân gạch lớn, có lẽ người ta sử dụng nó cho những buổi mít tinh biểu tình nhiều hơn những mục đích văn hóa khác. Ở hầu hết các vùng thôn quê, cái gì nghèo thì được chứ những công viên, trụ sở ủy ban thì phải “hoành tráng” cho ra vẻ bề thế. Ít ra là cái bề ngoài.

Hội hoa xuân chính là nơi tập hợp của mọi lớp người, nhưng nó chỉ mở cửa vào buổi tối. Trong cái không khí se lạnh của vùng rừng núi nhấp nhô, “trai thanh gái lịch” đều tụ về đây vui chơi. Những trò chơi nửa dân gian, nửa giải trí, có vài chục gian hàng bán vài thứ đồ giải khát, bánh mứt lơ mơ. Vài tay chụp hình dạo khá đắt khách. Có những gia đình đứng dưới những cây hoa đào sộ và có cả những cặp “tình nhân nhà vườn” đỏ mặt đứng bên nhau chụp tấm hình dưới gốc anh đào cho tình tứ ướt át. Những tấm pa nô quảng cáo tối mừng 5 Tết sẽ có “văn nghệ” giúp vui, có cả những “danh ca” từ Sài Gòn về “biểu diễn”.

Quả nhiên, tối mừng 5 Tết, tôi ghé qua hội chợ, chiếc loa phóng thanh oang oang giới thiệu tên những danh ca như Cao Sơn, Ung Hoàng Phúc, TVT hay TTV gì đó và “đặc biệt có danh ca hải ngoại Giao Linh”. Trời đất! Tôi không ngờ ở nơi hoang dã này lại được hân hạnh đón “danh ca hải ngoại” về biểu diễn. Bộ Cali và Sài Gòn hết chỗ kiếm “cát sê” rồi sao? Giá vé chỉ có 40 ngàn nhưng đã hơn 7 giờ tối mà trước rạp còn vắng ngơ vắng ngác. Chỉ có

trò đu quay cho mấy đứa con nít là đồng.

KÝ ỨC VÀNG SON CỦA NGƯỜI THỌ SẮP CHỮ

Ngày mừng 2 Tết chúng tôi đến thăm nhà anh bạn sắp chữ như đã hẹn trước. Anh là Lê Văn Một ở xã Lộc Hưng, cách nơi tôi ở chừng ba cây số.

Theo đường anh đã chỉ dẫn, chúng tôi phải mò mẫm mãi mới hỏi thăm được đường đến nhà anh. Từ quốc lộ rẽ vào một con đường bờ ruộng rộng không quá 1 mét, chỉ đủ đi được chiếc xe gắn máy. Gặp chiếc xe đạp đi ngược đường cũng khó tránh.

Nhà cửa thưa thớt, cái xóm này bày ra một khung cảnh nghèo nàn, không thể tìm ra cái Tết nào trong những gian nhà này ngoài các lá cờ treo lủng lẳng trước gió. Đến ngay cả gió cũng lười, chẳng buồn rung cây.

Vòng vèo qua mấy con đường mòn với những cành cây vươn dài ra giữa đường mới thấy vài căn nhà lụp sụp, mấy đứa trẻ đứng tròn mắt nhìn khách lạ. Chúng cũng nhem nhuốc như ngày thường, chẳng biết gì là Tết. Có lẽ cả đời chúng cũng chưa bao giờ được biết đến cái phong bao “lì xì” đỏ hay xanh.

Nhà anh Một đứng chơ vơ giữa một khu đất hẹp. Nó được dựng lên từ bao giờ, không ai đoán được số tuổi, và được “lắp ghép” bằng đủ mọi thứ: gỗ cũ, gỗ mới, tôn, ni lông, giấy bồi, bao xi măng... Kiểm được cái gì che chỗ nào được thì cú che. Gần Tết anh mua được vài thước ni-lông xanh, “trang hoàng” lại mấy cái cửa chính, cửa sổ cho ra vẻ mùa xuân. Vợ anh và mấy đứa con vẫn cặm cui ngoài vườn, lo cho con bò mới đẻ được một con bê hơn là lo cho Tết. Đó là tất cả gia tài nhà anh sau 30 năm đi vùng kinh tế mới. Anh cho biết:

– Đất này chẳng trông được bất cứ thứ gì. Sỏi đá khô cằn suốt bốn mùa, mưa thì lầy lội, nắng thì khô cằn, trông gì chết nấy. Cho nên chúng tôi cứ thất bại từ mùa này sang mùa khác. Bây giờ chỉ còn biết đi làm mượn, mượn tiền của quỹ xóa đói giảm nghèo, mua được con bò làm vốn từ mấy năm nay. Đợt trước nó đẻ được con bê thì phải mang bán lấy tiền sữa nhà, chữa bệnh cho con. Đợt này con bê chắc cũng sắp phải bán lấy tiền ăn, tiền thuốc suốt mùa mưa sắp tới. Mùa nắng còn có người mượn đào giếng làm vườn, chú đầu mùa mưa, họ chỉ mượn xịt thuốc diệt cỏ rồi thôi. Mà đi xịt thuốc diệt cỏ hại người lắm, xịt xong nhà chủ “bồi dưỡng” cho thêm hộp sữa vài ngàn đồng. Biết rằng có hại nhưng vẫn cứ phải làm. Bao giờ ốm thì lại bỏ tiền nhà ra mà chữa bệnh. Nhà anh không đủ chỗ cho hai người ngồi, chúng tôi ngồi ngay ngoài trái nhà đầu hiên, nắng chiều dội vào chói chang. Anh thợ sắp chữ lại tiếp tục nói về cái thời xa xưa của mình, lại tiếp tục thăm hỏi về những “ông nhà văn nhà báo” mà anh chỉ biết chứ không hề quen, những ông bà chủ, cô chủ nhà in. Những con đường “tòa báo”, những thay đổi của Sài Gòn mà 30 năm chưa thể quay trở lại một lần.

Nhân dịp đầu xuân, tôi xin chuyển lời thăm hỏi này của anh Một đến các bạn và cho tất cả những “người Sài Gòn cũ của anh Một.” Nếu các bạn có viết thư thăm hỏi cũng khó mà đến được. Tuy vậy vẫn có thể gửi “cầu may” cho ông Lê Văn Một, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Mùa xuân đầu tiên của tôi ở vùng quê năm nay, đó là điều khiến tôi xúc động hơn cả.

(Sài Gòn 14-2-2005)

CHƯƠNG 8

ÔNG “TỔNG CỐC” ĐI RỒI

“**T**ổng Cốc” là cái tên thân mật chúng tôi thường để gọi ông Quốc Phong từ khi ông lên chức tổng thư ký tòa soạn tuần báo *Truyện Phim* thời 1956-57 ở Sài Gòn.

“Tổng thư ký tòa soạn Quốc Phong” nghe dài lê thê. Tên “Tổng Cốc” gọn gàng dễ nhớ, dễ gọi và cũng biểu lộ phần nào “bản tính cố hữu” của con người. Bởi Quốc Phong thẳng thắn, nóng tính, dễ nổi giận và khi đó anh vung chân múa tay, đập bàn xô ghế... oai như cốc. Và lại cái tên “Quốc” nó gần giống với “cốc” nên anh em tặng ông cái “nickname” này quá đúng.

Tôi không nhớ ai đã tặng “biệt danh” đó cho ông, rất có thể là Hoàng Hải Thủy vì ông này thích đặt tên cho người khác theo một nghĩa nào đó mà ông cho là thú vị, đôi khi còn gọi nhắc một hình ảnh, một giai thoại dù nhỏ nhưng rất riêng biệt. Tất nhiên, những “biệt danh” đó, có người thích, có người không thích, nhưng lâu dần rồi nó cũng

“chết” tên rồi, không đổi được nữa. Cứ gọi như thế, “cả làng” cùng biết. Riêng Quốc Phong thì vui vẻ nhận cái tên “Tổng Cóc” mà chính ông không biết “*thằng phải gió nào*” đã đặt cho mình. Lần đầu tiên, từ Pháp, ông điện thoại cho tôi và xưng danh ngay: “Tổng Cóc” đây!”

Nghe cái tên ấy thôi, dù xa nhau bao nhiêu năm tháng, tôi vẫn thấy chúng tôi thật gần gũi nhau, có thể cởi mở, nói hết mọi chuyện với nhau không cần giữ gìn ý tứ, khỏi phải đề phòng, màu mè. Hơn bao giờ hết, tôi nhận thấy cái “nickname” nó quan trọng với tình bạn như thế nào. Cho nên hôm nay viết những dòng từ biệt anh, tôi vẫn giữ nguyên cái biệt danh ấy cho gần anh thêm, như chẳng bao giờ muốn rời xa.

ÔNG TỔNG RA ĐI

Vào một buổi sáng sớm ngày 28-2-2005 tức là ngày 20 tháng Giêng năm Ất Dậu, theo thường lệ, tôi mở hộp thư điện tử, đã thấy ngay cái tin buồn của Hồng Vân, con gái Quốc Phong, từ Houston gửi cho tôi báo tin:

“Nhà báo Quốc Phong nguyên chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo Tiếng Vang và tuần báo Kịch Ảnh, nguyên chủ tịch Hội Chủ Báo, giám đốc hãng phim Liên Ảnh Công Ty, vừa từ trần lúc 8 giờ sáng ngày 28 tháng 2 năm 2005 tại Nice – Pháp Quốc. Ông sinh ngày 15-2-1924 tại làng Văn Đôn, Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Hưởng thọ 82 tuổi”.

Thật ra, đây là điều chúng tôi đã thấy ít nhất từ một hai năm trước, khi bệnh tình của anh trở nặng, phải vào bệnh viện để cắt một phần phổi và một miếng gan. Sau đó phải làm chemo để ngăn ung thư lan thêm ra. Mỗi lần vào thuốc như vậy anh rất khổ sở, mệt mỏi, buồn nôn. Thuốc

đã làm rụng hết tóc. Đã có lúc anh điện thoại cho tôi nói “không đi bệnh viện nữa vì chịu không nổi mỗi lần chemo — vào thuốc — muốn “đi” sớm cho đỡ khổ và khỏi làm phiền bà Thuận — vợ anh — nay cũng đã già yếu rồi”.

Trước tình cảnh ấy tôi chẳng biết nói câu gì, chỉ còn biết cầu nguyện cho anh mà thôi. 15 ngày trước đây, giữa tháng 2-2005, Hồng Vân gửi thư cho tôi xin lá đu đủ để gửi cho Bố uống bởi Vân nghe ai đó mách, thứ lá đó có thể chữa khỏi hoặc giảm bớt bệnh ung thư. Tôi hiểu đó chỉ là phương pháp cuối cùng, “còn nước còn tát” mà thôi, bởi anh yếu lắm rồi, hầu như chỉ còn nằm chờ ngày ra đi. Tôi thẳng thắn nói với Hồng Vân điều này.

SỰ THẬT VỀ LÁ ĐU ĐỦ CÓ CHỮA ĐƯỢC UNG THƯ KHÔNG?

Những năm gần đây, một đôi lần, tôi đã được một số bạn bè hoặc người quen ở nước ngoài, hỏi xin lá đu đủ để chữa bệnh ung thư. Tôi từng trình bày rõ ràng về trường hợp này. Nhân đây cũng xin trình bày cụ thể hơn về lá đu đủ có chữa được ung thư không?

Câu trả lời hết sức chân thật là tôi hoàn toàn không biết hiệu quả của nó ra sao. Tôi chỉ nghe người ta nói lại và yêu cầu tôi kiểm giữm thứ lá này. Từ đó tôi nhận được nhiều nguồn tin cho biết về một số trường hợp đã uống lá đu đủ. Có người khỏi hoặc kéo dài cuộc sống một thời gian nào đó, có người không đạt hiệu quả gì, “ra đi” luôn, nhưng hầu hết là vì bệnh tình quá nặng rồi.

Tôi chỉ biết làm mỗi công việc là đi tìm lá đu đủ phơi khô để gửi cho bạn nào ở nước ngoài cần. Sau đó người ta lại mách rằng lá đu đủ đực mới công hiệu. Thứ lá “đực”

này quá hiếm vì đó là thứ đu đủ không có trái nên chẳng ai giữ làm gì cho tồn đất, cứ thấy đu đủ đục là chặt phăng ngay. Vì thế tôi lại phải nhờ người nhà ở Long Khánh vào rừng kiếm rồi trồng đu đủ đục ngay vườn nhà nên mới có để cung cấp cho bạn bè và ngay cả những người không quen. Tôi cũng xin nói rõ là tôi hoàn toàn tặng theo yêu cầu, tuyệt đối không hề nhận bất cứ cái gì của ai, dù một bao thuốc lá.

Thứ hai là dùng lá đu đủ để chữa bệnh chưa được một trung tâm y khoa hoặc nhà nghiên cứu nào công bố về tác dụng ra sao. Đây chỉ là bài thuốc dân gian, có lẽ chỉ có ở Việt Nam. Tôi chỉ biết một người bạn tôi uống lá đu đủ này từ vài ba năm nay và không gây tác hại gì, đến nay vẫn mạnh khỏe. Tuy nhiên anh ấy thỉnh thoảng vẫn đi bệnh viện khám lại nên chưa thể biết chắc vì thuốc Tây hay bài thuốc dân gian. Đó là sự thật về lá đu đủ. Ai tin thì dùng. Chưa thể có một kết luận nào rõ ràng.

Tôi chưa kịp gửi lá đu đủ thì Quốc Phong đã ra đi rồi!

Cũng may, chứ nếu tôi vừa kịp gửi và ông Tổng Cóc vừa uống một liều đã lặn ra đi tầu suốt, tôi sẽ ân hận lắm và chưa biết chừng cái bài thuốc dân gian kia lại bị nghi ngờ cho cái tội làm chết người. Nói là nói thế thôi, tôi chắc người nhà ông Tổng Cóc chẳng ai nghĩ thế.

MỘT THỜI XƯA CŨ

Tôi biết Quốc Phong khi viết cho tờ *Truyện Phim* của anh Nguyễn Ngọc Linh. Hồi đó, khoảng năm 1957, anh Linh du học Mỹ mới trở về Việt Nam, tòa soạn báo còn đặt ở một ngôi nhà nhỏ đường Ký Con, thuộc Quận 1, Sài Gòn. Tuần báo *Truyện Phim* nhanh chóng được đọc giả trẻ yêu thích, được đón nhận và gây tiếng vang từ miền

Nam đến miền Trung. Hầu như sinh viên, học sinh thời đó, không ai là người không biết đến *Truyện Phim*. Tờ báo cũng nhanh chóng thay hình đổi dạng, trở nên bảnh bao hơn, bìa offset 4 màu, ca sĩ tài tử ngoại quốc và Việt Nam được trưng lên trang bìa hàng tuần. Bài vở về “cinéma” dịch từ những báo Tây qua Air France rất nhanh, sáng tác trang trong hầu hết là truyện thời đại rất hợp với tuổi trẻ. Đặc biệt là mỗi lần ra số Tết đều có tặng thêm một cuốn lịch của hãng Paramount Picture rất bảnh chọe gồm 12 trang, mỗi tháng một trang, in hình tài tử thượng thặng thời đó của Hollywood như Ava Gardner, Grace Kelly, Audrey Hepburn, Marilyn Monroe, Frank Sinatra... Mỗi năm, ông tổng thư ký đích thân đi thuê đóng tất cả số báo trong năm, thành một tập bìa da, gáy mạ chữ vàng, cho anh em tòa soạn mỗi người một cuốn dày cộm lưu giữ làm kỷ niệm. Đó là nét rất đặc biệt của tòa soạn *Truyện Phim* mà không tòa soạn nào làm được.

Hồi đó tôi còn độc thân, đi chiếc vespa ọc ạch, mỗi tuần ít nhất phải đến tòa báo một lần đưa bài. Phóng sự tiểu thuyết *Những Ngày Hoa Mộng* là feuilleton đầu tiên của tôi đăng trên tờ này. Cùng viết với tôi có Thanh Nam, Hoàng Hải Thủy, Gia Tuấn, Mai Châu... Anh em tòa soạn thường gặp nhau vào buổi chiều, buổi tối ở một nơi nào đó để cà phê, nghe nhạc. Nhà hàng La Pagode ở góc đường Tự Do còn bày bàn ghế ra vỉa hè rộng thênh và đó là nơi hội tụ khá nhiều gương mặt “văn nghệ” của Sài Gòn thời ấy. Hầu như không ai không biết đến nhà hàng này. Muốn gặp nhau thì buổi chiều cứ đến đó.

Năm 1957, tôi được biệt phái lên Pleiku thành lập Đại Đội 3 Văn Nghệ của Quân Khu 3, dưới quyền ông tướng

nổi tiếng kỷ luật Đỗ Cao Trí. Nhưng tiểu đoàn văn nghệ của tôi lại trực thuộc trung ương nên thỉnh thoảng tôi có dịp bay về Sài Gòn. Mỗi lần như thế ông Tổng Cóc kéo tôi đi ăn, đi chơi và không quên nhờ viết bài giới thiệu một ca sĩ đang được yêu chuộng để làm bìa báo. Vì thế tôi bỗng có thêm nghề tường thuật về “cuộc đời ái tình sự nghiệp” các danh ca tài tử, nhưng tôi lấy một bút danh khác là Hoài Giang Ngọc và đã có chuyện trở trêu là một nữ ca sĩ, sau khi tôi phỏng vấn và viết bài, ngay hôm báo ra đã gặp tôi và “phỏng vấn” lại:

– Anh phỏng vấn em, sao lại để anh “vớ vẩn” nào viết bài vậy?

Hôm đó, có mặt cả Thanh Nam, Hoài Bắc, Mai Thảo, Quốc Phong. Mọi người cười phá lên, tôi cũng cười.

Thanh Nam chỉ tay lên sân khấu, lúc đó Hoài Bắc đang đứng hát:

– Người viết bài cho em là “thằng vớ vẩn” đang hát trên kia đấy.

Em ca sĩ trợn mắt:

– Ui cha, thật thế không anh?

Quốc Phong cũng hòa vào:

– Thật đấy, Hoài Bắc viết hay hơn nên anh đăng bài của anh ấy.

Tôi nói:

– Hoài Bắc tức Phạm Đình Chương mà viết bài là nhất rồi, làm sao anh so sánh với anh ấy được.

Em ca sĩ nửa tin nửa ngờ, nhưng đợi Hoài Bắc hát xong, em đến cảm ơn như một người lịch sự nhất thế giới. Hoài Bắc cứ ó mặt ra chẳng hiểu chuyện gì. Nhưng bản tính vốn hiền lành, chậm chạp, ít nói nên Hoài Bắc không thể nói

nhieu và nói nhanh bằng mấy người chúng tôi họp lại. Nữ ca sĩ vẫn tin người viết bài cho mình là Hoài Bắc. Sau này khi biết chuyện, ca sĩ đó trả thù bằng cách cứ gặp tôi là chấp tay chào “*Thưa chú Hoài Bắc*”.

Trong số ca sĩ mà ông Tổng Cóc cùng tôi đi phỏng vấn, tôi chỉ còn nhớ mang máng có nữ ca sĩ Khánh Ngọc, Kim Chi, Minh Hiếu, Lệ Thanh, Thanh Thúy, Băng Tâm, Thùy Trang... Ô, mà sao đến bây giờ tôi mới nhớ ra tại sao ông Tổng Cóc lại chỉ đưa tôi đi phỏng vấn nữ ca sĩ chứ không cho phỏng vấn nam ca sĩ? Lạ thật. Hay là ông cho rằng tôi chỉ có khiếu viết về nữ ca sĩ, còn gặp nam ca sĩ thì không có hứng? Câu hỏi này có lẽ phải chờ đến khi tôi gặp lại ông Tổng ở “bên kia” mới có dịp đặt ra.

TỪ BÁO TRUYỆN PHIM ĐẾN KỊCH ẢNH

Sau vài năm, khi tôi đã trở lại làm việc tại Sài Gòn, anh Nguyễn Ngọc Linh được lệnh động viên vào Thủ Đức. Từ *Truyện Phim* không có chủ, Quốc Phong bèn ra riêng, làm tuần báo *Kịch Ảnh*. Từ đó *Kịch Ảnh* được cải tiến nhiều trang mục khá hay và ăn khách hơn. Chúng tôi lại có mặt và công việc chẳng khác gì khi viết cho *Truyện Phim*. Và cũng theo thông lệ, hàng năm *Kịch Ảnh* vẫn đóng tập tặng cho anh em tòa soạn, đặc biệt cứ mỗi dịp cuối năm lại có một châu tất niên rất linh đình. Sau mục ăn uống tất niên ở một nhà hàng thuộc loại khá sang như Văn Cảnh lại có mục đi ăn, đi chơi, bất chấp sang hèn ở bất kỳ nơi nào, theo đề nghị của đa số biên tập viên.

Lúc đó ông tổng thư ký đã lên chức “ông chủ báo” nhưng cái tên Tổng Cóc vẫn còn nguyên si. Không ai gọi ông là ông chủ như ông Đinh Văn Khai hay bà Bút Trà. Kỷ niệm của chúng tôi về thời làm *Kịch Ảnh* quá nhiều, khó kể hết. Từ

công việc tòa soạn đến những lúc đi quay phim, ngồi đánh chắn, đánh xì và sau này là xoa mặt chược còm. Trong làng mặt chược còm, giai thoại về ông Tổng Cóc đến nay vẫn còn được nhắc. Ngày đầu năm 2005 vừa qua, Nguyễn Đình Toàn lên chơi nhà tôi ở Lộc Ninh còn nhắc lại “sự tích” này: Khi một người trong bàn mặt chược chỉ còn mỗi cây trên tay, tức là ăn và phỗng sạch rồi, chỉ còn chờ “tú la de” — có lẽ theo tiếng Tây là “*tout ouvert*”, mặt chược vốn là thứ ngôn ngữ loạn xà bì, Tàu, Tây, Mỹ lẫn lộn. Ông Tổng Cóc bèn đánh ngay ra con Hợp, tức là khung thứ ba ông đánh ra. Anh em trong bàn bật ngửa, nhưng biết ông mới tập chơi nên cho ông đánh lại. Nguyễn Đình Toàn cười hăng hắc: “Nếu nó chờ con tài phao thì đúng Tổng Cóc nó là thánh”.

Đánh xì với ông Tổng Cóc cũng dễ ăn, ông nóng tính nên thường thua nhiều hơn được, cho nên mỗi khi ông rủ tôi đi đánh xì là có anh bảo tôi đi lãnh lương. Nhưng cũng có lần ông ăn ngược tôi những ván đau như hoạn. Tôi 3 cầu, ông có đôi xì, xì chết một con giữa bàn rồi, vậy mà ông “ta-pi”. Tôi chắc mắt chỉ còn việc vợ tiền.

Nhưng khi ông rút bài và nặn ra “đen bụng”, ông lên ba xì, thế là ông vợ tiền, tôi ngáp.

Có những kỷ niệm còn con mà nhớ đời. Bạn bè lúc này chỉ còn những chuyện lảm cẩm như thế mới thật thắm đậm. Còn chuyện lớn hơn như chuyện “Văn nghệ và phú lít” tôi đã có dịp kể trong vài số báo xuân những năm trước. Kể lại như một chuyện vui không hề giận hờn bất cứ ai trong câu chuyện thật 100% đó. Tuổi trẻ nào chẳng có những lúc sai lầm.

Ông Tổng Cóc rất hào hoa và có số đào hoa nữa. Ông cũng có vài mối tình với những người đẹp từng là danh ca,

tài tử màn bạc. Chuyện này thì bà Quốc Phong đã “biết tông ti” đi rồi nên tôi có nhắc lại cũng chỉ là “ca tụng” một người đàn ông mà thôi. Có lần tôi đến tòa soạn báo *Kịch Ảnh*, lúc đó đã dọn về ngôi nhà 69 Cống Quỳnh là nhà riêng của gia đình Quốc Phong. Bà Thuận nói ngay: “Ông có muốn tìm ông Quốc Phong nhà tôi thì đến nhà cô XY... mà tìm”. Tôi hiểu ngay bà... hơi ghen một tí đấy, nhưng đó là chuyện tất nhiên của mọi bà vợ, ai chẳng vậy. Tôi chỉ thăm phục bà Thuận là bà rất trầm tĩnh, dường như bạn bè không ai biết. Bà ghen nhưng vẫn giữ gìn thể diện cho chồng con và hàng tuần vẫn tiếp chúng tôi đến nhà đánh chán, ăn cá nướng, đớp bún chả tung bùng, trong khi ông Tổng lợi dụng lúc bà bận rộn linh đi chơi với đào. Vậy mà vợ chồng ông rất hòa thuận đến cuối đời. Sang Pháp cũng lại thỉnh thoảng dờ bài ra đánh chán với những bạn Việt kiều ở quanh đó.

TỪ KỊCH ẢNH ĐẾN LIÊN ẢNH VÀ CHÂN TRỜI TÍM

Làm báo *Kịch Ảnh* được vài năm, một bữa ông Tổng Cóc quyết định làm phim và ông tập hợp 7 hãng phim lớn ở Sài Gòn thời đó như Mỹ Vân, Alpha... thành lập công ty *Liên Ảnh* để làm cuốn phim “CinémaScope” màu đầu tiên ở Việt Nam. Ông đến gặp tôi bàn về việc lấy truyện dài *Chân Trời Tím* quay thành phim. Đạo diễn đầu tên mà ông nhắm tới là Hoàng Vĩnh Lộc, tài tử thì ông dự định chọn một số người khác chứ không phải là thành phần tài tử đã đóng phim *Chân Trời Tím*. Nhưng sau đó, vì là một công ty nên có nhiều ý kiến khác nhau, cuối cùng công ty chọn đạo diễn Lê Hoàng Hoa, nữ tài tử chính Kim Vui, nam tài tử Hùng Cường. Mai Thảo và tôi được yêu cầu

viết kịch bản đối thoại — bây giờ gọi là kịch bản văn học. Tôi mù tịt về cách viết kịch bản nên phải mang giấy bút đi học Hoàng Vĩnh Lộc và Hoàng Anh Tuấn. Hai tháng sau truyện phim mới hoàn thành.

Tôi gặp Lê Hoàng Hoa để thảo luận về truyện phim trên chuyến bay từ Sài Gòn đi Nha Trang và vón vện một ngày trước khi quay cảnh đầu tiên ở tiền đồn Suối Dầu. Tôi cũng là người của quân đội được cử đi phối hợp các lực lượng yểm trợ cho những cảnh quay lớn gồm căn cứ Không Quân, Hải Quân Nha Trang, trường Hạ Sĩ Quan và Trường Biệt Kích ở Động Bà Thìn, Cam Ranh. Và như thế tôi nghiễm nhiên bước lên vai “cố vấn quạt mo về quân sự” cho cuốn phim. Mãi đến lúc đó chúng tôi mới quyết định mời nữ ca sĩ Mộng Tuyền đóng một vai trong phim này. Hồi đó nhà văn Đỗ Tiến Đức còn làm giám đốc Trung Tâm Điện Ảnh Quốc Gia, kiêm giám đốc Đài Truyền Hình Việt Nam, nên *Chân Trời Tím* được yểm trợ tối đa. Quốc Phong, Đỗ Tiến Đức và tôi chỉ gặp nhau đúng một lần, mọi chuyện đã xuôi xẻ ngay, không có trở ngại nào đáng kể.

Tuy vậy, thú thật là tôi cũng không hy vọng nhiều vào tương lai cuốn phim, nhất là về thành phần tài tử, không chỉ mình tôi mà ngay những người quanh tôi cũng không yên tâm. Nhưng tôi chẳng có quyền hạn gì và cũng chẳng biết gì về việc quay phim. Một đôi lần được hỏi ý kiến, tôi mang hết những hiểu biết về quân sự của mình ra bàn bạc. Ngay cả khi Hùng Cường đóng vai hạ sĩ nhất, anh cũng chưa biết cái “lon” của nó đeo ra sao, ở cánh tay hay trên đầu vai. Tôi phải đưa Hùng Cường đi mua “lon” và đích thân “gắn lon” cho anh ấy. Bọn trẻ bu lại coi danh ca cải lương đông quá.

Nhưng như nhiều bạn đã biết, cuốn Cinemascope *Chân Trời Tím* đã thu hút một lượng khán giả lớn và gây tiếng vang đáng kể. Ông Tổng Cóc hi hỏ chỉ cho tôi một khoản tiền và sau đó, khi phim mang sang chiếu ở Lào và ở Pháp, ông cũng không bao giờ quên tôi. Nhờ vậy tôi mới có được chiếc Toyota vi vút với thiên hạ.

Xin cảm ơn ông Tổng Cóc.

NGƯỜI “CHẠY NHANH” NHẤT SÀI GÒN

Khoảng cuối tháng 2-1975, tức là trước ngày “bể đĩa” 30-4-1975 hơn một tháng, khi tôi chuẩn bị đưa phái đoàn đi du hành quan sát ở Đài Loan thì Quốc Phong đang xin giấy tờ đi Pháp dự Đại Hội Điện Ảnh. Buổi tối sau cùng, chúng tôi ăn cơm ở nhà Phương Hồng Hạnh cùng một số bạn bè, sau đó đi ăn chơi ở Bar Dancing Tự Do. Lúc đó Quốc Phong mới rừ rừ với tôi, đã bán nhà bán xe và mang theo cả vợ con đi Pháp. Tôi hiểu ngay anh đã dự tính ở hẳn lại Pháp rồi. Anh còn bày tỏ ý định mở một cửa hàng ăn ở Marseille là nơi anh đã có một người bà con ở đó. Chúng tôi bắt tay nhau từ biệt trong bóng tối của Tự Do. Thậm chí sau lần gặp này khó có cơ hội gặp lại. Tuy vậy cũng chưa ai có thể dự đoán được tình hình sẽ bi đát thế nào.

Khi tôi ở Đài Loan về thì Quốc Phong đã đi rồi. Anh có người con trai duy nhất sau Hồng Vân là Nguyễn Văn Thông. Cậu con trai đeo cặp kính cận thường hay ra tòa soạn báo *Tiếng Vang* ở đường Phạm Ngũ Lão ngồi với mẹ. Cậu ngồi oách lắm và tập làm “trị sự” nổi nghiệp Bô. Nhưng vào năm 1972-73 gì đó cậu đã sang Thụy Sĩ du học, cả cô con gái út là Ngân Hà cũng đi du học ở Thụy Sĩ sau khi có bằng Tú Tài 2. Còn Hồng Vân có gia đình riêng nên

ở lại Sài Gòn, đến năm 1979 mới vượt biên đến Thái Lan và Tổng Cóc qua đón mẹ con Hồng Vân sang Nice đoàn tụ. Ai cũng nói là Tổng Cóc khôn và “chạy nhanh” nhất Sài Gòn.

HOẢNG HỒN VÌ ĐƯỢC GỬI TIỀN

Sau này, khi tôi từ “trại cải tạo” ra, đói rách thê thảm. Có tới bốn năm cái “không”: Không nhà cửa, không vợ con, không hộ khẩu, đi ở nhờ, nhất là không tiền. Bỗng một hôm nhận được khoản tiền 1.100 quan Pháp của Nguyễn Văn Hanh gửi về từ Pháp. Lúc đó còn phải lãnh tiền ở đường Cô Giang, chợ Cầu Ông Lãnh. Tuy cánh cửa nhà nước đã hé mở tí ti, nhưng vẫn phải khai báo lời thôi lảm. Tôi vừa khai báo xong thì một ông đứng người Bắc Kỳ 75 thú thiết bèn xán lại hỏi tôi:

– Nguyễn Văn Hanh có phải là Quốc Phong không và bây giờ ông ấy ở đâu? Ông quen với ông Hanh như thế nào?

Tôi hoảng hồn, cứ nghĩ là ông theo dõi mình, dò xét xem “liên hệ của bọn văn nghệ” này ra sao, có làm gì “phản động” không. Vừa ở trại cải tạo ra, nghi ngại như thế là hoàn toàn “đúng đắn”, vừa ra lại vô ngay thì cuộc đời còn gì nữa. Thế nên tôi trả lời ư ơ rồi linh ra chỗ khác, chờ lãnh tiền xong là biến. Nhưng sau này bình tĩnh lại mới chợt nghĩ nếu là công an thì họ vào thẳng quây trả tiền hỏi lý lịch, chứ cần gì hỏi tôi. Có thể đó chỉ là người nhà hoặc người cùng làng với Quốc Phong từ Bắc mới vô Nam mà thôi. Tôi cũng hơi yên tâm, lúc đó tôi mới trả lời Tổng Cóc là tôi đã nhận được tiền và cũng nhờ món tiền đó tôi hiện ngang xin ghi tên theo học lớp vi tính ở trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn vào những khóa đầu tiên mà hồi đó chưa



có *Windows* nên các thầy cô giáo phải dạy tôi học vỡ lòng từ hệ điều hành *DOS*.

Tôi lại phải cảm ơn Quốc Phong một lần nữa vì cái nghề mới mẻ này tôi đã học được để có thể kiếm cơm ngay sau đó ít lâu và cũng nhờ nó tôi có can đảm ở lại Sài Gòn. Sau này cứ mỗi năm, đến gần Tết, ông lại gửi cho tôi đúng một ngàn quan Pháp. Tôi biết là ông đã trích trong số “tiền già” ít ỏi mà ông đang nhận chứ không làm ăn buôn bán gì. Nhiều lần ông điện thoại hỏi tôi có nên về Việt Nam chơi không. Những năm đầu tôi trả lời khoan đã, đợi xem thế nào. Vài năm sau, tôi thấy có thể về chơi được nên mạnh dạn nói với ông: “Già rồi, ông còn làm được cái cóc gì nữa mà người ta làm gì ông. Tôi thấy có thể về được đây”. Vậy mà hai ba năm sau, ông mới trở về. Hai vợ chồng và cậu con trai cùng cô con gái út và chồng kéo nhau đến nhà tôi vào một buổi chiều. (Ảnh: Văn Quang, Quốc Phong, Phan Nghị).

Cậu con trai bây giờ đã là kỹ sư làm việc cho một hãng nước ngoài. Tôi chợt nhớ tới hình ảnh anh “nhóc” đeo kính cận hạng nặng ngồi với mẹ ở tòa soạn báo *Tiếng Vang* xưa. Lúc này cậu cũng viết lách như một thú vui và ký tên Nguyên Ngã. Còn cô gái út, ngày nào chỉ thích ôm con mèo chạy lăng xăng hết trên lầu đến dưới nhà, bây giờ cũng đã có hai con. Cuộc đời trôi nhanh quá.

Chúng tôi cùng hiểu rằng ông về Việt Nam lần này chắc là lần cuối. Đó là tâm trạng của hầu hết bạn già của tôi, muốn được trở lại nhìn quê hương, thăm họ hàng anh em một lần trước khi không bao giờ về được nữa. Dịp đó cũng là dịp đưa cháu ngoại của ông còn ở lại Sài Gòn với bố, lấy chồng ở Đan Mạch. Chúng tôi vui vẻ đi ăn cưới và đến nay thì cô cháu ngoại ở Đan Mạch cũng đã có một đứa con trai và cũng đã sang Nice thăm cụ cố ngoại trước khi cụ mất ít ngày. Thế là ông Tổng Cóc của tôi đã đạt cả hai ước nguyện: về thăm quê hương và bế đứa cháu đầu tiên của mình. Đó là an ủi cuối cùng cho ông bạn tôi.

Trước Tết năm vừa qua vài ngày, khi tôi còn ở Sài Gòn, ông cũng điện thoại cho tôi ngay lúc ở bệnh viện về đến nhà ở Nice. Ông than mệt mỏi, không ăn uống gì được và chỉ mong được ra đi. Tôi không chờ đợi nhưng cái tin buồn kia rồi cũng đến. Hồng Vân kể lại, ông ra đi nhanh chóng nhẹ nhàng trong giấc ngủ với gương mặt hiền hòa toại nguyện, vì đã gặp lại tất cả con cháu và nói chuyện lần cuối cùng với những người thân thiết trong đời. Vĩnh biệt ông Quốc Phong. Mãi mãi trong lòng tôi, ông vẫn là Tổng Cóc của cả anh em chúng tôi còn ở đây hay đã ở nơi khác.

Tang lễ của ông đã được cử hành tại Nice, Pháp quốc, sáng ngày Thứ Năm 03-3-2005. Sau lễ hỏa táng, gia đình

gồm vợ con và các cháu nội ngoại — trừ Hồng Vân ở Houston, Texas không xin kịp visa — cùng rất đông bà con Việt kiều có mặt tại Nice, đã đưa linh hồn ông đến an nghỉ cuối cùng tại chùa Phật Quang. Chủ Nhật 6-3-2005 Thượng tọa Thích Tâm Châu sẽ làm lễ cầu siêu cho ông tại Chùa này. Tại Houston, Hồng Vân làm lễ cầu siêu cho Bố tại chùa Linh Sơn chiều Thứ Bảy 05-03-05.

Cô em họ ông, bà Phương Thảo, hiện ở Sài Gòn cũng làm lễ cầu siêu cho ông vào sáng Chủ Nhật 6-3-2005, tại chùa Hải Đức — ngôi chùa của Hội làng Vân Đồn — ở quận Phú Nhuận, Sài Gòn.

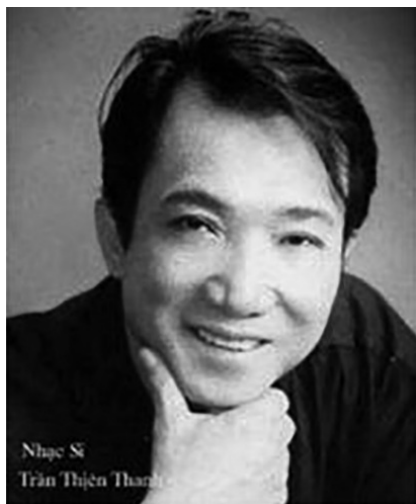
Xin thắp một nén hương cho người bạn thân thiết của tôi suốt một thời trai trẻ.

(Sài Gòn 6-3-2005)

CHƯƠNG 9 TRẦN THIỆN THANH VỀ VỚI “CHÂN TRỜI TÍM”

Nhiều người đã biết Trần Thiện Thanh có hai tên: một tên thật cho sáng tác nhạc và một biệt danh Nhật Trường là ca sĩ khi đứng trên sân khấu. Bạn bè thường gọi anh là Nhật Trường, chứ ít ai gọi tên “cúng cơm”.

Trong số ca khúc của anh có *Chân Trời Tím*, anh làm ngay sau khi đọc truyện dài đó của tôi. Tôi nhớ không lầm thì người đầu tiên hát bài này là nữ danh ca Minh Hiếu và đó cũng là ca khúc thành



Ca nhạc sĩ Nhật Trường Trần
Thiện Thanh 1942-2005

công nhất của cô. Tôi cũng nhớ rất rõ là hồi đó, những năm 1966-1967, mỗi khi tôi đi cùng các bạn lên vũ trường Paramount hoặc Đại Nam của ông chủ Tú Vopco thì Minh Hiếu thường hát bài này. Nhật Trường còn cẩn thận ghi thêm cả một đoạn tôi để ngay trang đầu cuốn *Chân Trời Tím* và Minh Hiếu không bao giờ quên đọc lại giữa ca khúc như lời nhắn gửi cho cuộc tình không bao giờ đến đích:

“Anh yêu những chân trời tím; màu tím thẩm thiết của yêu thương, của hai đứa chúng mình đi vào tình yêu, đi vào kỷ niệm. Anh sẽ đưa em tới đó, anh sẽ sống bên em như màu tím và chân trời, nhưng anh biết không bao giờ chúng mình tới đó”.

Nghe như tiếng thờ dài của những người yêu nhau nhưng lại biết tất cả chỉ là vô vọng. Họ gặp nhau quá muộn hoặc... có hàng ngàn lý do để không bao giờ được ở bên nhau. Một thời bản nhạc đó đã vấy vùng trong làng ca nhạc của miền Nam Việt Nam. Nhưng có nhiều người hỏi tại sao một bản nhạc hay như thế lại không phải là nhạc chính cho phim. Vì Trần Thiện Thanh không bán ca khúc cho hãng phim hay vì một lý do nào khác?

CHUYỆN TRÉO NGOE

Khi Trần Thiện Thanh cho trình làng bản nhạc đó thì chưa bao giờ chúng tôi nghĩ đến chuyện làm phim *Chân Trời Tím*. Một hai năm sau, hãng phim Liên Ảnh mới được tổng giám đốc Quốc Phong tập hợp lại để làm phim. Bản nhạc của Trần Thiện Thanh ra đời từ mấy năm nên đã thành cũ. Trong khi Liên Ảnh có tới 7 ông chủ hãng, mỗi người một ý, nhiều ông muốn có một bản nhạc mới cho cuốn phim CinemaScope đầu tiên ở Việt Nam. Vì thế họ

quyết định nhờ Phạm Đình Chương làm nhạc chính cho phim. Bởi vậy mới có chuyện tréo ngoe là bản nhạc *Chân Trời Tím* không phải là nhạc chính cho phim, thay vào đó là *Nửa Hồn Thương Đau* của Phạm Đình Chương với câu mở đầu “*nhắm mắt chỉ thấy một chân trời tím ngắt, chỉ thấy lòng nhớ thương chất ngất...*”

Tôi cho rằng Hoài Bắc cũng gửi tâm sự thật sâu kín nhất của mình vào ca khúc đó.

Với tôi, cả hai bản nhạc đều có giá trị rất riêng nhưng cùng một tâm sự và đều xứng đáng là nhạc chính của phim. Tuy nhiên, nếu tôi có toàn quyền chọn ca khúc cho phim thì tôi chọn *Chân Trời Tím* của Trần Thiện Thanh và người trình bày ca khúc là Minh Hiếu. Bởi dù sao bản nhạc đó cũng đánh dấu thời kỳ ra mắt của cuốn truyện đã góp phần vào việc làm cho cuốn truyện được nhiều người biết đến và nhắc đến hơn. Nhưng tôi không có quyền hành gì trong việc lựa chọn này. Tất nhiên nói thế không phải không thích nhạc Phạm Đình Chương mà thật ra tôi “mê” nhạc của Chương hơn cả nhiều ca khúc tiền chiến khác. Trong đó tôi mê bài anh phổ nhạc thơ Đinh Hùng: “*Chưa gặp em tôi vẫn nghĩ rằng, có người con gái đẹp như trăng. Tóc xanh ử bóng dứa hoang dại, âu yếm nhìn tôi không nói năng...*”

Còn nhạc Trần Thiện Thanh tôi lại thích *Khi Người Yêu Tôi Khóc*. Lần đầu nghe bản nhạc này xong, tôi gặp Nhật Trường bèn gật gù ngay: “Bản nhạc của ông làm tôi buồn suốt buổi tối hôm qua đấy”. Nhật Trường thủ thỉ: “Tôi còn buồn hơn ông”. Suy nghĩ một chút, anh “tổng kết” những cuộc tình: “Cái số tôi cứ đụng yêu là muộn ông ạ”. Tôi “triết lý vụn”: “Yêu muộn cũng có cái thú của yêu muộn

chứ, ông tưởng cứ yêu sớm là hạnh phúc cả hay sao”. Nhật Trường nhún vai: “Nhưng dù sao cũng đỡ vất vả, chứ tôi thấy cái thân tôi mỗi lần hẹn hò là một lần phải bày binh bố trận như sắp ra chiến trường. Chiến thuật chiến lược phải tinh thông. Hồi hộp lắm”. Tôi hiểu Nhật Trường muốn ám chỉ điều gì. Tôi nháy mắt móc lơ: “Suy cho cùng thì đôi khi chính anh cứ tìm lối đoạn trường mà đi”. Còn tôi, tôi thích phóng xe giữa xa lộ. Vì thế nên có ông bảo tôi “nhiều tàu”, chứ nếu các ông ấy cứ đằng hoàng dắt tay nhau đi giữa phố, phóng xe ra xa lộ cho mọi người cùng nhìn giữa thanh thiên bạch nhật, đừng có “múa võ trong bóng đêm” hay nói như nhà văn Tạ Quang Khôi là những anh chuyên đi “lái ké”, chưa biết chừng có ông còn “nhiều tàu” gấp hai tôi.

SỰ CẢM THÔNG

Khi tôi về làm tại Đài Phát thanh Quân Đội, Nhật Trường làm tại Phòng Văn Nghệ Cục Tâm Lý Chiến. Tôi gặp anh để ngỏ ý xin anh về ban nhạc của Đài Phát Thanh cho đúng với khả năng của anh, nhưng anh từ chối với lý do “làm ở phòng Văn Nghệ dễ chịu hơn, giờ giấc không trói buộc”. Sau đó anh nhỏ nhẹ nói tiếp: “Thật ra ông mới về nên chưa biết chứ ở bên Đài nhiều chuyện phức tạp lắm. Mà tôi thì không muốn dây dưa, không muốn cạnh tranh với ai cả”.

Tôi thông cảm ngay bởi hồi đó Phòng Văn Nghệ của Cục Tâm Lý Chiến chiếm một gian nhỏ sát với Đài Quân Đội. Công việc của nhân viên có phần nhàn nhã hơn, không căng nhắc và đôi khi xô bồ tấp nập như không khí hàng ngày của đài phát thanh. Tuy vậy tôi và Nhật Trường vẫn

có nhiều dịp gặp nhau. Mỗi khi anh có một bản nhạc nào mới, anh thường sang khoe với tôi và tôi cũng có nhiều vấn đề về nhạc của Đài cần có ý kiến của anh. Dù không hay đi ăn, đi chơi với nhau, nhưng tình cảm vẫn gần gũi.

Tôi nhớ vào một đêm rằm Trung Thu, xe tôi bị hư, Nhật Trường phải trực ngoài cổng cơ quan nên tôi mượn xe anh đi. Giữa đường, xe cũng hư nốt. Thế là nguyên một đêm Trung Thu tôi phải sửa luôn một lúc hai cái xe.

MỘT NGƯỜI THÂM LẶNG

Có một thời kỳ Nhật Trường “được” biệt phái lên Quân Đoàn 2 ở Pleiku. Anh lẳng lặng đi không nói với ai nửa lời dù biết “*đi là chết ở trong lòng một ít*”. Khi tôi biết thì mọi chuyện đã muộn. Đến nay tôi vẫn còn ân hận vì điều này. Nhưng bản tính Nhật Trường là như thế. Anh không bao giờ nhờ vả ai, không cần ai giúp mình bất kể về phương diện nào.

Khi tôi ở “trại cải tạo” ra, năm 1987, Nhật Trường vẫn ở Sài Gòn. Anh nhắn vài người bạn và cho tôi số điện thoại nhà anh. Hồi đó dân Sài Gòn có điện thoại là bảnh rồi. Tôi điện thoại cho Nhật Trường. Anh cho biết đang ở bên Bến Phạm Thế Hiển và ngỏ ý đón tôi sang chơi. Nhưng tôi quá bận rộn vì mưu sinh nên chưa có thì giờ sang chơi với anh được. Lần thứ hai anh nói: “Tôi nhớ Chân Trời Tím lắm”. Chúng tôi cùng hiểu anh nhớ những gì, không hẳn là chỉ có thế, còn cả một quãng đời chúng tôi sống cùng nhau. Lần sau cùng anh điện thoại cho tôi, không nói là mình đi Mỹ, chỉ có vẻ ngập ngừng rồi bùi ngùi: “Có lẽ còn lâu tôi mới gặp được ông, tôi về quê sống ông ạ”. Tôi hỏi lại: “Nghe nói ông sống dễ chịu lắm mà”. Nhật Trường buồn

bà: “Chỉ là cái bể ngoài thôi, bây giờ thì chịu hết nổi rồi. Tôi về quê cho khỏe, ông cứ biết thế thôi”.

Ừ thì biết thế, anh em lúc này mỗi người một hoàn cảnh riêng, làm sao biết đằng sau cuộc sống là những gì. Song tôi vẫn nghĩ là anh về Phan Thiết vì từ lâu tôi nghe nói “quê hương bán quán” của anh là xứ sản xuất ra nước mắm nổi tiếng này. Phải một thời gian sau tôi mới biết là anh đi Mỹ.

Bảng đi một thời gian dài, tôi không được tin tức của Nhật Trường và trong những CD “nhạc hải ngoại” bày bán ở Việt Nam cũng ít thấy anh xuất hiện.

Nay thì được tin anh đã vĩnh viễn ra đi. Tin buồn ấy đến với tôi quá muộn và cũng chưa có gì là chắc chắn.

Tôi điện thoại hỏi Trần Thiện Hiệp đang ở Thủ Đức. Từ lâu tôi cứ yên trí Hiệp là anh ruột của Trần Thiện Thanh.

Hiệp xác nhận tin đó và cho biết thêm ngày 19-5 ở Mỹ mới làm lễ hỏa thiêu rồi sẽ đưa tro cốt về Lâm Đồng. Khi tôi viết bài này, ngày 22-5, Trần Thiện Thanh vẫn chưa trở lại với quê hương. Lúc này tôi mới biết thêm Hiệp chỉ là anh em thúc bá của Nhật Trường.

Hiện bà mẹ Trần Thiện Thanh đã ngoài 80, vẫn còn sống ở Lâm Đồng bên cạnh nhà cô em gái anh là Như Thủy. Căn nhà đó do chính Nhật Trường làm ra từ thời xưa, đối diện với sở Nông Lâm Súc ngay đại lộ. Họ hàng nhà Trần Thiện hiện đã tề tựu đông đủ để chờ đón người con trở về đất mẹ.

Trần Thiện Hiệp kể lại về người em của mình: “Nó đào hoa từ nhỏ đấy, ông ạ. Ngày xưa tôi với nó sống chung và học chung. Nhưng nó chỉ mê đàn địch suốt ngày. Đến nỗi ông chú tôi nện nó một trận võ bung cả cái thùng đàn

guitar. Sau này, anh em mỗi người một chí hướng, nhưng rồi cũng gặp nhau ở cái duyên thơ nhạc. Nó phổ nhạc bài thơ “độc hành” của tôi và làm trong cassette đầu tiên khi đặt chân đến đất Mỹ. Gần đây nghe tin nó bệnh nhưng không ngờ nó “đi” nhanh thế”.

Chúng tôi cùng lùi ngùi nhớ hình ảnh một nghệ sĩ hiền hậu, có cuộc sống gần như lặng lẽ, nhưng có những đợt sóng ngầm và đời sống nội tâm khá dữ dội. Tôi nghĩ đến bà mẹ già giờ này vẫn mong ngóng đón đưa con trở về, ngoan ngoãn, yên lặng, nằm lại trong vòng tay mẹ như tuổi ấu thơ, không bao giờ đi nữa.

(Sài Gòn 22-5-2005)

CHƯƠNG 10

HUYỀN VŨ VỚI NGƯỜI SÀI GÒN

Đã từ lâu tôi vẫn định ninh “ai cũng có thể thay thế được, dù cho là thiên tài”. Nhưng nay thì tôi nghĩ khác: “Vừa có một người mất đi mà không ai thay thế được”. Đó không phải ý kiến của riêng tôi mà là của hầu hết những người còn ở lại Sài Gòn tôi vừa gặp, kể cả người có tuổi, người trẻ tuổi, người thích đá banh hay không. Tôi nói thế hẳn bạn đã biết là nói về ai rồi. Không là Huyền Vũ thì không thể là ai khác trong phạm vi này.

Đến nay, nhiều bạn đã biết tin Huyền Vũ từ trần lúc 01 giờ 56 ngày 24-8-2005 tại Hampton, Virginia, Hoa Kỳ. Và chắc chắn đã có khá nhiều bài viết về ông. Nhưng người ở Sài Gòn thì chưa chắc đã có ai viết. Tuy nhiên, không vì thế mà tôi viết về ông. Tôi viết vì có một bốn phận thúc phải viết, một tiếng nói của người hiện đang sống ở Sài Gòn tưởng nhớ và thương tiếc ông. Tôi không là đại diện cho ai cả, tôi viết với tính cách của một “fan” hâm mộ cùng với một số bạn bè tôi, với nỗi tiếc thương vô hạn.

BÓNG CÂY ĐẠI THỤ BAO TRÙM LÊN TẤT CẢ

Huyền Vũ mất ở tuổi 90, ông hơn tôi gần hai chục tuổi. Tôi chưa bao giờ được là bạn ông, chỉ quen biết và là một người hâm mộ đúng nghĩa. Trước năm 1975, cái thời mà chúng tôi thường gặp nhau ở sân banh Cộng Hòa, ngồi trên hàng ghế ký giả, ông làm việc tường thuật gần chỗ chúng tôi. Nếu có gặp nhau chỉ vẫy tay chào là đủ. Tuy ông cũng tường thuật trực tiếp qua làn sóng điện phát thanh của Đài Quân Đội, nhưng thật ra Đài Quân Đội chỉ “ké” Đài Sài Gòn. Ông là phát thanh viên chính thức của Đài Sài Gòn, còn gọi là Đài Phát Thanh Quốc Gia, mỗi khi có trực tiếp đá banh, chúng tôi chỉ điện thoại sang yêu cầu Đài Quốc Gia cho Đài Quân Đội “nhập sóng” là xong, tức là lúc đó “mình với ta tuy hai mà một”, nghe đài nào cũng như nhau, cũng là Huyền Vũ tường thuật. Còn có ai khác nữa đâu.



Hồi đó Đài Quân Đội chúng tôi đã có dự định “tuyển” một tay nói năng lưu loát, tường thuật cho ra vẻ ta đây có “giá” như Đài Sài Gòn. Nhưng qua thử nghiệm đều không tìm được ai làm xướng ngôn trực tiếp khả dĩ gần bằng chứ chưa nói đến bằng Huyền Vũ. Vì thế, chúng tôi đành “thua”.

Thêm một điều nữa cần nói là trong thời chiến, Đài Quân Đội và Đài Sài Gòn thường do người của quân đội chỉ huy, nhưng vẫn “cạnh tranh” rất thẳng thắn. Đài nào cũng muốn có tin trước và tin hay. Đó là lương tâm nghề nghiệp. Ngay cả khi bạn tôi là Nhất Tuấn hay ông Vũ Đức Vinh làm “sếp” Đài Sài Gòn và tôi phục vụ ở Đài Quân Đội, chúng tôi cũng cạnh tranh gay gắt. Các phóng viên và biên tập viên hai đài này cũng vậy. Họ tuy là bạn của nhau, thậm chí là bạn thân, nhưng khi vào việc thì mỗi người theo một cách lấy tin, mỗi người đều có cách tường trình “đặc biệt.” Nếu không thế, đài nọ dựa vào đài kia, làm sao có chương trình hay phục vụ thính giả.

Nhưng khi Huyền Vũ tường thuật đá banh thì chúng tôi phải xin “cho nhập sóng” để quân nhân ở các đồn xa được nghe Huyền Vũ chứ không phải người khác.

Huyền Vũ đã trở thành một thứ không thể thiếu của tất cả các trận đá banh tại Sài Gòn trước năm 1975. Một trận đá banh mà không có Huyền Vũ tường thuật thì đó là một trận “tầm thường”. Tên ông gắn liền với giá trị của tất cả các trận banh. Người lính khắp các quân khu, ngay cả khi ở chiến trường, cũng mong ngóng chờ nghe tường thuật đá banh — tất nhiên là nghe Huyền Vũ tường thuật mới đúng là *“vừa được nghe, vừa được xem đá banh”*. Chúng tôi hiểu rõ điều này nên dù xin “tường thuật ké” các trận banh cũng sẵn sàng dẹp hết “tự ái” để làm. Trong khi về tin chiến trường, hay những tin đặc biệt, bao giờ chúng tôi cũng tường thuật với phóng viên của đài mình. Như thế đủ chứng tỏ giá của Huyền Vũ lớn lắm, cái bóng của ông như cây đại thụ bao trùm lên tất cả giá trị khác.

NGÔN NGỮ HUYỄN VŨ KHÔNG THỂ QUÊN

Sau này, khi đã không còn ở quân đội, thỉnh thoảng ông vẫn ghé Đài Quân Đội theo lời mời của ban chương trình để nói về một vấn đề thể thao hoặc tự đọc một bản tin thể thao nào đó. Ông vẫn còn tình cảm đậm đà với những quân nhân lúc nào cũng là thính giả trung thành của ông. Tôi chỉ được gặp ông vài lần và chỉ nói về các chuyện thông thường. Trong tôi, ông vẫn là một người anh, rất gần mà rất xa. Bởi tôi thường không gặp ông ở bất kỳ nơi chốn nào mà nhà báo hay đến, ngoài nhà hàng Thanh Thế là nơi các ký giả “gạo cội” của “làng thể thao Sài Gòn” hay ngồi, thì tôi lại ít lui tới. Lúc đó, ký giả Thạch Lê, nguyên là “sếp” của tôi, cũng là một ký giả thể thao tầm cỡ ngoài miền Trung, nhưng chưa thể so nổi với Huyền Vũ. Hầu như suốt thời gian sống ở Sài Gòn trước năm 1975, không có trận banh nào mà Thạch Lê không kéo tôi đi. Khi có trận banh ở sân Tao Đàn và sau này là sân Cộng Hòa, Phòng Báo chí Cục Tâm Lý Chiến gần như ngưng làm việc, chỉ còn Huy Văn ngồi một mình cặm cụi với chồng bài vở. Sau khi đi xem đá banh về, Thạch Lê đến tòa báo ngồi viết tường thuật. Hôm nào ông dở chứng lười thì bảo tôi viết tường thuật “cho vui”. Tôi chỉ viết một hai bài đến nay không còn nhớ rõ, nhưng chữ nghĩa về tường thuật đá banh luôn phải “mượn” chữ của Huyền Vũ. Bởi các từ ông dùng rất hay khó có thể thay được. Đến nay, sau hơn ba mươi năm mà tôi còn nhớ như in hai chữ “quả da” mà ông dùng thay cho trái banh và *“mũi tên vàng Nguyễn Văn Tư bên cánh trái đang lao xuống... lao xuống, đi tới... tới nữa và... sút”*. Tim tôi như muốn nhảy dựng lên do giọng nói truyền cảm kỳ lạ của ông. Khi nghe ông nói thì xúc động như thế, song khi viết theo lối của

mình thì thấy nó... vô duyên thế nào ấy. Khó thể bắt chước lối tường thuật của ông, dù là trên chữ nghĩa.

Ông là một bậc thầy không ai bắt chước được.

NHỮNG THÍNH GIẢ TRUNG THÀNH CÒN Ở LẠI SÀI GÒN

Tôi không lạm bàn thêm đến tài nghệ và uy tín cũng như cuộc sống của ông bởi tôi đã được đọc bài của Phạm Trần, Vũ Đức Vinh, Nguyễn Thiên Ân — những nhà văn, nhà báo, theo tôi, “có đủ thẩm quyền” viết về Huyền Vũ vì từng biết về ông cả trước và sau năm 1975. Tôi chỉ xin nói về chuyện ở Sài Gòn khi được tin ông mất.

Vũ Đức Vinh gửi “meo” báo tin và gửi bài viết về Huyền Vũ trước khi Huyền Vũ mất một ngày. Sở dĩ như thế vì có một đoạn trong bài, ông Vinh nhắc đến tôi và các buổi trực tiếp truyền hình đá banh tại Việt Nam. Ông vốn rất kỹ và cũng muốn biết thêm vài chi tiết nên hỏi cho “chắc ăn”. Bị hỏi bất ngờ nên tôi chưa có tài liệu gửi cho ông, nhất là về những cái tên của “chuyên viên tường thuật bóng đá” ở Việt Nam hiện nay. Bởi có tới năm, mười “chuyên viên” từ Hà Nội đến Sài Gòn và các đài địa phương nên tôi không thể nhớ hết và cũng chẳng có ai nổi trội nên tôi không để ý đến tên tuổi.

Hôm sau, ngày 24-8, khi tôi còn ở Sài Gòn, được ông Vinh báo tin “*đại lão ký giả Huyền Vũ đã ra đi*”. Trưa hôm đó, tôi phải về Lộc Ninh. Lại nhận được “toàn văn” cáo phó và tiểu sử Huyền Vũ của anh Đỗ Nghi, tổng thư ký *Thời Báo* ở Canada, và anh “gáy” tôi: “*Chắc chắn anh sẽ viết bài cho kỳ sau phải không?*”.

Lúc đó, tôi trả lời đã có bài của anh Vinh, tôi viết có thừa không?

Thêm nữa, tôi chỉ biết về ông rất ít vào những năm ở Sài Gòn, còn từ khi ông qua Mỹ thì tôi không biết gì thêm. Nhưng một ông chủ báo ở Mỹ lại “gáy” tiếp: “*Người Sài Gòn thì phải có tiếng nói của Sài Gòn chứ*”. Tôi nghĩ ông này đúng nên điện thoại về Sài Gòn, hỏi một người bạn có khá nhiều liên hệ với “cánh báo chí”, anh này trả lời chưa biết tin tức gì về Huyền Vũ ra đi. Hỏi thêm vài người nữa, cũng “chưa biết gì” về tin này.

TRỊNH CUNG: MỘT THẾ HỆ SAY MÊ HUYỀN VŨ

Tôi điện thoại cho họa sĩ Trịnh Cung là một tay “ghiền” bóng đá. Vài lần ngồi với bạn bè, khi bàn về các trận bóng gần nhất, Trịnh Cung tỏ ra sắc sảo và hứng thú “bình luận”. Vừa nghe tôi báo tin, anh kêu lên:

– Trời ơi, ông ấy mất rồi sao?

Lặng đi một lát, anh mới nói được:

– Tôi nghe ông từ khi còn bé, đến giờ vẫn không thể nào quên. Đúng là bây giờ vẫn chưa ai có thể “bén gót” được ông chứ đừng nói đến thay thế. Hồi đó còn là cậu học sinh trung học, không chỉ mình tôi mà cả một “thế hệ” học sinh ở Nha Trang như tôi đều “mê” ông.

Tất nhiên, tôi lợi dụng ngay cơ hội hỏi tiếp:

– Anh vừa nói “không ai thay thế được”, vậy chuyên viên bình luận bóng đá của các đài phát thanh truyền hình bây giờ ở Việt Nam thì sao?

Không úp mồm, Trịnh Cung trả lời ngay:

– Làm sao mà bì được với Huyền Vũ. Có thể nói chưa ai có thể so được với ông.

– Bây giờ họ bình luận thế nào?

– Tôi chỉ xem và nghe ở truyền hình chứ không nghe truyền thanh. Hầu hết là lớp trẻ, họ “cà kê dè ngỗng” quá

hiều làm giảm “tiết tấu” một trận banh đang hào hứng. Họ la lên “hào hứng, sôi nổi” mà không thấy sôi nổi như trên sân banh. Vào thời chưa có truyền hình, ông Huyền Vũ chỉ có tiếng nói qua “làn sóng điện” chứ không có hình, vậy mà nghe ông, thính giả cứ thấy như đang được coi trận đấu thực thụ diễn ra từng pha bóng trước mặt mình. Ông thấy chưa, một sự khác biệt lớn lao đến thế đấy. Nghe ông ấy truyền thanh từng đường banh: *“Đi tới trước khung thành rồi, Ngẫu đang lừa banh, qua rồi... Há đừng đợi bên trong, đưa banh, Há bỏ cho Ngẫu, Liêm ở phía sau sẵn sàng, cú sút như trái phá nhưng “quả da” đừng khung thành bật ra. Tam Lang lại được banh từ giữa sân, đưa dài lên, cú sút của Tư chéo góc... Dzô! Dzô! Dzô, tuyệt tác. Sân cỏ nổ tung! ...Rồi Đục, rồi Rạng với đường banh huê mỹ vắn chéo người cứu bàn thua trông thấy khiến khán giả choáng váng...”* Ông ấy làm tôi ở nhà cũng choáng váng theo.

Ngừng một chút Trịnh Cung kể tiếp:

– Hồi ấy những đội banh như Ngôi Sao Gia Định, AJS và sau là Tổng Tham Mưu, Quan Thuế đấu với nhau. Rồi những Autobus Hồng Kông, Nam Hoa sang Việt Nam thi đấu, đó là những ngày hội lớn của Sài Gòn và của cả tụi học sinh trung học tỉnh lẻ như bọn tôi, bàn tán mấy ngày trước và sau trận đấu chưa dứt. Và “học” lại toàn những từ ngữ của ông Huyền Vũ.

– Vậy phải kể như ông ấy là một thiên tài.

– Đúng thế. Một thiên tài trăm năm trước không có, trăm năm sau chắc cũng chưa thể có.

Chúng tôi hi hi cười vì nhận định đó và gác máy.

Ngay buổi chiều hôm đó, Trịnh Cung lại điện thoại cho tôi ngỏ ý muốn có bản Cáo Phó và tiểu sử Huyền Vũ.

Anh cho biết sẽ viết bài cho một tờ báo nào đó, có lẽ ở Sài Gòn và cần thêm một hai tấm hình gửi theo bài. Tôi chỉ có vài tấm hình của mấy người bạn từ Virginia gửi về, đúng ra phải giữ làm “bầu bối”, nhưng trường hợp này thì càng phổ biến bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Tôi nghĩ thế nên dù các hình mà tôi gửi theo đã được đăng rồi cũng xin được đăng lại để thêm một lần nữa nhớ về một thiên tài vừa khuất bóng.

THẦY GIÁO CŨNG BỎ HỌC NGHE HUYỀN VŨ TƯỜNG THUẬT

Người thứ hai mà tôi hỏi là Thái Phương, một nhà giáo và nhà văn. Tôi cứ nghĩ ông nhà giáo chắc biết ít về đá banh. Nhưng Thái Phương nói:

– Tôi ít xem đá banh, song rất mê ông Huyền Vũ ngay từ những ngày còn học đệ nhất Chu Văn An.

– Tức là khi nghe khi không?

– Vâng, chúi đầu vào học, thỉnh thoảng mới có thì giờ. Cứ đứng nghe là mê, là bỏ luôn buổi học. Tôi sợ “mê” ông ấy quá bỏ học lu bù, thi không đậu thì phải đòn. Mỗi lần nghe loáng thoáng ông ấy tường thuật qua cái radio nhà hàng xóm hoặc của một người bạn nào đó, tôi lại “trốn.” Nhưng anh ạ, trốn cũng không khỏi “ma lực” của cái giọng nói “quái đản” ấy. Cứ như “*Học trò xứ Quảng ra thi. Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành*”. Tôi lại mon men đến nghe và nghe rồi là quên luôn sách vở.

– Thế thì ông mê Huyền Vũ còn hơn mê bà xã của ông hồi đó.

– Ấy, dù có thế thật thì xin anh cứ cho như mê bằng nhau đi cho nó vui cửa vui nhà.

Thái Phương vẫn có tiếng cười hồn nhiên chân thật của một anh “nhà giáo”. Anh tỏ vẻ tiếc nuối một tài năng có một không hai của Việt Nam. Anh lại gần ngơ:

– Tiếc rằng sau này lớn lên, có thì giờ xem đá banh và nghe tường thuật thì ông Huyền Vũ không còn ở Sài Gòn nữa.

– Thì coi và nghe người bây giờ cũng được chứ sao.

Thái Phương cười:

– Tất nhiên là cũng được, nhưng rất nhiều lần tôi nói với thằng con trai tôi là những trận này mà nghe ông Huyền Vũ “diễn tả” mới thật sướng tai. Có lần nghe ông tường thuật, bố suýt đá vào... mông “bà già” con đấy. Tôi tính kể cho nó nghe ông ấy tường thuật như thế nào mà không sao kể được. Nó... kỳ lạ quá, tôi cố gắng bắt chước, không bao giờ giống. Tuy vậy, thằng con tôi cũng hiểu được ông Huyền Vũ đôi phần.

– Cho thế hệ trẻ ngày nay biết được về ông Huyền Vũ là hay lắm rồi, anh đừng đòi hỏi gì hơn. Chính vì anh “ngắc ngư” mà cậu con của anh sẽ hiểu bố nó tài giỏi thế mà không “diễn tả” được tài năng của Huyền Vũ thì ông ấy còn tài năng đến thế nào. Sự tưởng tượng đôi khi còn mạnh hơn những gì ông muốn cho con trai ông biết đấy. Nó sẽ còn sống mãi trong tâm tưởng của lớp trẻ bây giờ.

– Tôi cũng mong như thế. Anh đã làm được một việc đáng làm anh ạ.

GIÁO SƯ TRƯỜNG QUỐC HỌC CŨNG MÊ

Sau đó tôi gọi cho Lê Khắc Cẩm, nhà nghiên cứu văn học hiện nay. Trước năm 1975, ông là giáo sư Anh văn của trường Quốc Học Huế. Tôi gọi “câu àu” bởi nghĩ ông giáo

đạo mạo này ít khi theo dõi đá banh, nhưng tôi lại gặp may một lần nữa. Ông Cẩm sốt sắng trả lời ngay:

– Không nhiều lắm nhưng cũng đủ để biết ông Huyền Vũ là một nhà tường thuật tài danh. Bao nhiêu năm cũng không thể quên một con người như thế.

– Hồi này ông còn coi đá banh không?

– Đôi khi xem truyền hình, không coi đá banh thì chẳng biết coi cái gì. Thế nên vẫn coi.

– Ông thấy các nhà bình luận thể thao thế nào?

– Tôi chỉ biết về những người bình luận “bóng đá” trên truyền hình thôi. Hiện có một số người trẻ, tôi chỉ nhớ đài truyền hình Hà Nội có Long Vũ, anh em Quang Tùng và Quang Huy, thường xuyên có tiếng nói ở các trận đấu quan trọng trong nước cũng như các trận của nước ngoài. Ở Sài Gòn có Lý Chánh, Anh Tuấn... Họ mua quyền phát sóng trực tiếp từ các kênh thể thao quốc tế và ngồi tường thuật bằng tiếng Việt. Đôi khi họ bê nguyên con tiếng Anh ở các kênh như Star Sport.

– Theo ông thì người nào bình luận nổi nhất?

Suy nghĩ một chút, ông Cẩm dứt khoát:

– Nói cho đúng, họ sán sán nhau. Nếu cần đưa ra một so sánh tạm thời thì tôi thấy một bình luận viên của đài Đồng Nai là khá hơn cả. Trong thời đại thông tin điện tử bùng nổ này, họ có lợi thế là có rất nhiều tư liệu trên *net* hoặc qua báo chí nước ngoài. Phần tài liệu của họ đầy đủ, kiến thức bao quát, nhưng họ xen vào các trận đấu quá nhiều làm giảm đi tính hấp dẫn của trận đấu đang diễn ra. Họ cho khán giả biết những cái chưa cần biết vội. Còn ông Huyền Vũ cho khán giả “thấy” cả những gì cần biết đang diễn ra. Ông Huyền Vũ nói năng lưu loát, tuôn trào như

suối chảy thì bây giờ một vài người bình luận “ngắc ngứ, giật cục”, thường phải dừng lại để tìm chữ, tìm tên cầu thủ cho đúng, làm mất cái hứng của một trận đấu. Nếu sửa được những khuyết điểm này, họ sẽ khá hơn.

Ông Cẩm suy nghĩ trước khi tiếp:

– Nghe một trận ông Huyền Vũ tường thuật có cảm tưởng như ngồi trên sân banh đã dành, ông còn truyền cho thính giả ngồi nhà cả cái “máu me” của các cầu thủ đang đi banh, lừa banh, bị thương hoặc chiến thắng và ngay cả khi thua trận. Đôi khi, tôi cứ nghĩ là ông ấy đang đọc truyện trinh thám. Ngoài khả năng ra, ông ấy là một tài năng thiên phú đấy, ông ạ.

Tôi cũng nghĩ như ông Cẩm. Bởi thiên tài có yếu tố thiên phú, tức là cái của “trời cho”, như một người con gái đẹp hay xấu là do “thiên định”. Muốn đẹp như Tây Thi cũng chẳng được mà muốn xấu như Chung Vô Diệm cũng chẳng xong. Thế nên, chất giọng trầm ấm của Huyền Vũ là của trời cho. Và ông Cẩm kết luận giùm tôi:

– Không ai thay thế ông Huyền Vũ được.

NGƯỜI TRẺ TUỔI Ở ĐÂY VẪN CÒN BIẾT ÔNG HUYỀN VŨ

Khi tôi nói chuyện ông Huyền Vũ vừa tạ thế với vài người trẻ tuổi như Khôi Hạo, năm nay chừng hơn ba mươi tuổi, anh ta cũng biết, cũng nghe danh tiếng Huyền Vũ, dù chưa một lần được nghe ông tường thuật bóng đá. Mấy người bạn Khôi Hạo ở tuốt vùng quê này cũng thế. Có vẻ như lớp tuổi ngoài ba mươi ở Việt Nam vẫn biết đến ông, có lẽ do “dư âm” từ các bậc đàn anh kế lại. Nhưng lớp sau 30 chắc không còn biết gì về ông Huyền Vũ nữa. Tuy nhiên, các bài báo của những Phạm Trần, Vũ Đức Vinh,

Nguyễn Thiên Ân... và nhiều người khác nữa sẽ để lại hình ảnh và tiếng tăm của ông vang vọng mãi dù bất cứ ở đâu. Tôi cứ hy vọng đã là người Việt Nam thì phải biết và nhớ đến ông Huyền Vũ.

Nói như thế có lẽ là đủ cho tâm trạng của một người và không ít người hiện ở Sài Gòn tưởng nhớ đến ông Huyền Vũ với tất cả tấm lòng thương tiếc vô hạn.

(Sài Gòn 28-8-2005)

CHƯƠNG 11

PHẠM HUẤN – PHÒNG VIÊN CHIẾN TRƯỜNG NĂM XƯA ĐÃ RA ĐI

Sáng Thứ Bảy ở Việt Nam tức chiều Thứ Sáu 21-10-2005 ở Santa Ana, tôi được điện thoại của người em dâu ở Mỹ báo tin: Phạm Huấn vừa “về với Chúa”.

Từ mấy năm nay bạn bè đã cho tôi biết về bệnh tình Phạm Huấn. Anh nằm tại “nhà an dưỡng” ở San Jose trong tình trạng rất đáng buồn. Các bạn tôi không ai không tủi lòng. Trong thời gian đó tôi chỉ được coi một tấm hình anh ngồi ngo ngẩn trên hàng ghế đầu khi trình làng tập thơ của Hoàng Anh Tuấn ngay trong căn phòng khách của “nhà an dưỡng”. Tôi không thể hình dung con người đẹp trai, hào hoa phong nhã ngày nào, bây giờ... “thảm” đến thế. Chúng bệnh mất trí nhớ hành hạ anh và cả các người thân của anh thường có mặt bên giường bệnh.

PHẠM HUẤN CHỈ ĐÓNG MỘT PHIM DUY NHẤT

Hình ảnh hôm nay, khiến tôi càng nhớ tới khi anh đóng phim *Ngàn Năm Mây Bay* do Thái Lai sản xuất dựa trên

một truyện dài của tôi xuất bản năm 1962. Anh chỉ đóng cuốn phim duy nhất này, giống như một cuộc vui chơi. Sau đó, có người mời đóng phim, anh đều từ chối.

Ngay trong phim *Chân Trời Tím*, tôi gợi ý anh vào vai một sĩ quan bánh bao, học giỏi, con nhà giàu bên cạnh vai chính Hùng Cường và Kim Vui, nhưng anh lắc đầu: “*Tao thấy nhân vật đó hơi... kỳ*”. Rồi vai nào anh cũng chê, dù đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc đôi khi rủ rê anh “*đóng một vai cho vui*” – cũng như Hoàng Vĩnh Lộc từng rủ rê Duyên Anh đóng vai bệnh nhân tại một bệnh viện và Hà Huyền Chi vào vai “người vác quan tài” trong phim *Người Tình Không Chân Dung*. Gọi là đóng phim chơi cho vui, có tên tuổi của những nhà văn, nhà báo cho thêm xôm tụ.

Trong phạm vi đúng đắn của một tác phẩm, vẫn có những “trò nghịch ngợm”, vui chơi của anh chị em nghệ sĩ mà chắc khán giả cũng biết.

Nhưng nếu có ai gọi Phạm Huấn là tài tử, anh cho là người ta “chọc giận” mình.

Bởi theo tôi, anh thích là một phóng viên chiến trường, một nhà văn, hơn bất cứ thứ gì khác. Đời trai trẻ của Phạm Huấn sôi nổi nhưng không “*giang hồ đến cả hoa kia cỏ này*” như bạn già Phan Nghị. Một ngày của anh là công việc và lãng du, tình yêu và quân ngũ, những thứ gắn liền nhau như từ trong máu.

Tôi không nhớ rõ chúng tôi quen nhau từ năm nào, nhưng gặp nhau là thân ngay cũng gần nửa thế kỷ rồi.

Nhưng từ 30 năm nay, tôi không một lần gặp lại Phạm Huấn. Nhớ lại lần đầu gặp anh, khoảng đầu thập niên 60, khi anh về phục vụ Phòng Báo Chí, Cục Tâm Lý Chiến. Khi ấy anh vừa từ giả chúc đại đội trưởng Đại Đội Văn Nghệ

Vùng 1, đồn trú ở Quảng Ngãi. Có lẽ vì yêu cuộc đời phóng viên nên anh xin về làm báo quân đội.

Anh nói với tôi: “Sẵn sàng đi bất cứ chiến trường nào, chứ không muốn ngồi bàn giấy làm biên tập viên”.

CUỘC ĐỜI PHÓNG VIÊN CHIẾN TRƯỜNG

Ngay thời gian đầu còn đang “học việc”, anh đã tỏ ra xông xáo và mộng ước là được đi học nhảy dù để khi cần có thể nhảy xuống những chiến trường sôi động trong lửa đạn, cũng như Dương Phục và một số những anh phóng viên trẻ khác đang muốn nâng cao tay nghề của mình. Trên hết vẫn phải nói đến ý chí của họ, là một người lính sống chết với chiến trường như các chiến binh ngoài trận tuyến. Một lần nữa Phạm Huấn hoàn thành được tâm nguyện. Từ đó anh thường đi cùng một ê-kíp phóng viên có mặt ở hầu hết chiến trường miền Nam. Một ê-kíp phóng viên Quân Đội thường có đủ mặt: phóng viên nhiếp ảnh, phóng viên quay phim truyền hình, phóng viên báo chí, phóng viên phát thanh. Anh nào có cấp bậc lớn hơn làm trưởng toán, bất kể anh ở chuyên môn nào.

Những năm sau này, chiến trường trải rộng ở khắp các quân khu nên chúng tôi phải lập nhiều toán thường trực mà không thể đáp ứng hết nhu cầu. Thế nên



Nhà báo Phạm Huấn tại Hạ Lào năm 1971. Photo courtesy of Hung Pham

có các phóng viên vừa ở Quảng Trị về đã phải khăn gói lên ngay Pleiku, Kontum, hoặc chui vào Bình Long... Hầu như họ không còn ngày nghỉ, nhất là mỗi lần đi công tác đều thiếu tiền. Theo nguyên tắc hồi đó, để tiết kiệm ngân sách và cũng để phòng ngừa sự lợi dụng có thể xảy ra, quân đội chỉ cho lãnh công tác phí tối đa 15 ngày trong một tháng, dù anh đi công tác cả tháng. Điều đó tất nhiên gây thiệt thòi cho những phóng viên suốt tháng lăn lộn khắp “bốn vùng chiến thuật”. Tôi nhắc lại điều này để thấy chúng ta đã phải tiết kiệm ra sao và sự ngăn ngừa tệ nạn “tiêu cực” ráo riết mức nào. Không phải cứ ở trong quân đội là đầy đủ như một số người đã tưởng tượng.

Mỗi lần đi công tác là một lần lo tiền, có các phóng viên phải vay cào vay cấu vài ba chục ngàn làm tiền lộ phí. Ngay cả cái xe ra phi trường, đôi khi cũng không có, nhờ bạn đeo xe gắn máy hoặc vẫy taxi đi cho kịp giờ. Đến đơn vị nào rảnh rỗi thì có thể được ăn cùng ở cùng, nhưng nếu gặp khi đơn vị nằm ở bìa rừng trong vòng trận mạc thì... ráng tự xoay xở. Anh trưởng toán lại lo sốt vó. Điện thoại về cho “trung ương” cũng chưa chắc đã lo nổi, có khi còn bị móc ngay vào một việc khác: “Nhà hết phóng viên rồi, nhân tiện các anh ở Huế, đi luôn vào Quảng Ngãi làm phóng sự ở quận... vừa có tin nóng bỏng”. Thế là lại bay vào Quảng Ngãi và còn “tiện thể” đi những đâu nữa thì “hạ hồi phân giải”. Miễn là mỗi buổi tối có một bài tường thuật cho phòng tin tức.

Phải cố gắng lắm, chúng tôi mới kiếm ra một chút ngân quỹ “đền bù” cho thiệt thòi của các anh phóng viên trẻ “rách hơn cái mền rách”. Nói theo chữ nghĩa bây giờ ở đây là “bồi dưỡng” đúng nghĩa, chứ không phải “bồi dưỡng”

theo kiểu hối lộ, chia chác hàng triệu đô-la. Tuy vậy số tiền bồi dưỡng chỉ có sau khi đi công tác về và với giới hạn nhất định, mỗi anh cầm tạm vài chục ngàn, chỉ bằng tiền vài bữa cơm ngoài quán “Bà Cả Đội”.

ANH CHÀNG ĐÀO HOA QUÁ KHIẾN CON GÁI... SỢ

Sau những giây phút căng thẳng đó, Phạm Huấn lại trở về với Sài Gòn và *“rũ áo phong trần, khoác áo hào hoa”*. Nhìn anh lúc đó chẳng khác một thư sinh công tử, không ai nghĩ anh là phóng viên chiến trường vừa thoát chết trên Đại Lộ Kinh Hoàng cùng với Vũ Thanh Thủy, Dương Phục.

Phạm Huấn và tôi có quá nhiều kỷ niệm những năm tháng này. Từ công việc tại mấy tờ báo Quân Đội đến cuộc sống ngoài đời. Chiếc xe Taurus 15 như con trâu già của tôi đã được Phạm Huấn lái đi chơi cùng khá nhiều người đẹp.

Trẻ tuổi, đẹp trai, độc thân, đầu ngọt như mía lùi, chơi mượt xuất sắc, nên luôn vây quanh Huấn là những người đẹp. Tất nhiên đi chơi với Huấn thì phải chấp nhận phần thiệt về tôi.

Có vài ca sĩ loại “sao đang lên” của Sài Gòn lúc ấy đã từng là “bạn gái” của Huấn. Tôi xin phép không kể tên vì tôn trọng cuộc sống của từng người hiện còn đang ở đây hay ở nước ngoài. Tôi dùng chữ “bạn gái” vì thật ra đối với Huấn và ngay cả những người đẹp đó, dường như chỉ là một tình cảm đậm đà trên mức bình thường một chút. Câu mà Huấn thường đùa cợt với bạn bè là *“vuơng vắn, vắn vơ, vật vờ”* cho lên hương cuộc đời. Cũng đẹp lắm chứ. Có thể hiểu được tâm trạng của những người đẹp khá nổi danh này.

Thích đấy, vui đấy nhưng lại sợ. Một anh chàng hào hoa và đào hoa quá thường làm các cô gái e dè, “*phòng thủ cẩn mật*” hơn là đối với những vị thương gia thường tỏ ra hiền lành, dễ thương và dễ bảo hơn. Phạm Huấn cũng thế, đối với người nổi tiếng, anh “*chờn vờn*” chứ không thể hay không dám “đặt cược cuộc đời lâu dài” mình vào đấy.

MỘT NGOẠI LỆ

Nhưng có một người đẹp nữ sinh được mệnh danh là “hoa khôi Gia Long” thì khá nặng tình với anh chàng phóng viên hào hoa và đào hoa này. Không biết bao nhiêu lần, chiếc xe của tôi đã đưa hai người đi trên “xa lộ không đèn”. Và chẳng lần nào Huấn quên kể cho tôi nghe về những chuyện xảy ra. Chuyện của họ vẫn ở trong vòng lễ giáo và cho tôi cảm tưởng như họ có thiện chí muốn “xây dựng cùng nhau”.

Hoa khôi Gia Long cũng không hề giấu giếm tôi về những điều này. Bởi hoa khôi quen biết tôi từ trước khi Phạm Huấn về làm ở Cục Tâm Lý Chiến. Cô hay vào phòng báo chí như một độc giả, một “người em gái hậu phương” gửi tâm tình ra tiền tuyến. Cô cũng viết vài ba bài cho báo Quân Đội quanh các đề tài “thời thượng” đó.

Sau này, khi Phạm Huấn không còn ở bên cô nữa, cô thường có những bài thơ đăng rải rác trên vài tờ tuần báo ở Sài Gòn, nhất là ở tờ Văn Nghệ Tiền Phong. Không ngần ngại, cô gọi thẳng tên “*H. ơi, còn nhớ ngày nào...*”

Sau năm 75, tại Sài Gòn, tôi lại có dịp gặp lại hoa khôi Gia Long. Lúc này đã con cái đùm đẽ, song vẫn còn đẹp. Không nhắc tới chuyện cũ, nhưng qua ánh mắt, lại thấy đầy đủ hình ảnh người xưa. Đường như người em trai của cô sắp đặt buổi gặp gỡ này cũng chỉ vì điều ấy.

TAO LẤY VỢ!

Đó là những ngày cậu trai trẻ Phạm Huấn khởi nghiệp làm phóng viên và cũng bắt đầu viết văn. Anh có nhiều phóng sự và truyện ngắn đăng trên các báo. Rồi đến khi có một khóa học về báo chí ở Mỹ, Huấn mãi đi làm phóng sự không có tên theo học. Anh về đến phòng, biết được tin này, anh lao lên phòng cục trưởng Tâm Lý Chiến xin vào gặp. Hồi đó là thiếu tướng Trần Tử Oai, một vị tướng khét tiếng nghiêm khắc từ thời còn làm Chỉ huy trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Chánh văn phòng không dám đường đột cho vào, Huấn đập cửa vào và thản nhiên trình bày ý muốn được đi học lớp này. Không hiểu sao, tướng Trần Tử Oai lại “chịu đèn” anh chàng phóng viên ngang ngạnh này. Sau vài câu hỏi, ông ký giấy ngay cho Huấn đi học Mỹ. Việc đó khiến cả phòng báo chí chúng tôi ngạc nhiên.

Tôi không còn nhớ rõ khóa học sẽ kéo dài trong bao lâu, nhưng có một điều tôi nhớ rất rõ là sau khóa học về đến Sài Gòn, Huấn tuyên bố với anh em trong phòng “tao lấy vợ”. Và anh kể lại giai thoại anh gặp cô bé xinh xinh, đeo kính cận đang theo học ở Mỹ như thế nào. Giản dị đến không ngờ, họ chơi bài với nhau cho qua thì giờ rồi yêu nhau lúc nào không biết. Chàng về nước trước, nàng xin phép gia đình về sau. Đám cưới của hai người, tôi không dự được vì theo học lớp tham mưu ở Đà Lạt. Tôi gặp họ trong tuần trăng mật ở một ngôi biệt thự rất đẹp ở cuối con đường lối vào Trường Chỉ Huy Tham Mưu.

Kể từ đó, gia đình Phạm Huấn với tôi càng thân hơn. Những năm sau, không tuần nào chúng tôi không ngồi xoa với nhau cho đến những ngày cuối tháng 4-1975.

Nhà tôi chỉ có một bàn xoa mặt chược mà bạn bè thì quá đông, nên anh nào cũng phải nhanh chân đến đúng giờ. Điệp, Tuấn, Thủy, Phong, Tài, Hiến, Lê Thu, Nguyễn Đình Toàn, Hồng Dương là những chân thường trực. Về khuya thì đôi khi các ông đi chơi chán mới kéo đến.

Hùng Sui, Hoan Sút... ngồi một đống, đầu lảo tung bưng. Các ông này quen chơi lớn, coi bàn chúng tôi là loại “còm”, ăn thua vài ba ngàn, nên chỉ đến “chầu rìa, hút thuốc vặt”, xem mấy tay mơ đánh loạn quạng cho đỡ buồn. Thịnh thoảng Phạm Huấn cũng đến, nhưng chỉ với mục đích ngồi coi ké Điệp Đui vui chơi.

MỘT PHÓNG SỰ ĐỂ ĐỜI

Khi tôi chuyển sang phục vụ ở Đài Quân Đội, Huấn vẫn ở lại Phòng Báo Chí. Một thời anh làm tờ *Diều Hâu* cùng Nguyễn Đạt Thịnh, chúng tôi quá bận rộn nên ít có thì giờ gặp nhau. Vài năm sau, Huấn sang làm ở Ủy Ban Quân Sự 4 Bên ở Tân Sơn Nhất. Thời gian đó, khoảng tháng 2-1973, Phạm Huấn cùng Phan Nhật Nam, Dương Phục đi theo phái đoàn ra Hà Nội làm phóng sự trao trả tù binh đợt 2 diễn ra tại phi trường Gia Lâm. Thời chiến tranh đó, Hà Nội đối với người miền Nam hoàn toàn xa lạ, nên được dịp ra Hà Nội là chuyện hầu như không thể xảy ra. Tất nhiên tôi phải đón sẵn Huấn để “vô” về làm tường thuật trực tiếp trên Đài Quân Đội. Nhân tối đó có chương trình Nghệ Sĩ Với Chiến Sĩ đang thu thanh, Phạm Huấn tường thuật toàn bộ chuyến đi Hà Nội ngay trong chương trình này.

Một phóng sự rất đặc sắc được thính giả đón nhận nồng nhiệt khiến chúng tôi phải phát lại vài ba lần nữa. Ngay sau đó cuốn sách *Một Ngày Tại Hà Nội* (1973) của Phạm Huấn được xuất bản kèm theo các hình ảnh sống động mà

trên làn sóng điện phát thanh không thể có được. Đó là cuốn sách đầu tay của “nhà báo Phạm Huấn” và là cuốn sách duy nhất mà tôi được đọc. Sau này anh sang định cư ở Mỹ viết thêm những cuốn khác rất tiếc tôi không có để đọc như *Triệt Thoái Cao Nguyên* (1987), *Những Trận Đánh Lớn Trước Khi Mất Miền Nam* (1988), *Điện Biên Phủ 54 – Ban Mê Thuật 75* (1988), *Trận Hạ Lào* (1990).

MỘT NGƯỜI ĐÁNG ĐƯỢC BẠN BÈ TRI ÂN

Năm sau cùng trong quân ngũ, Phạm Huấn lại nổi máu giang hồ, lên Pleiku làm sĩ quan báo chí Quân Đoàn 2. Anh đi cùng tướng Phú đến giờ phút cuối cùng. Anh điện thoại cho tôi khi “rút” về Nha Trang, diễn tả cảnh “loạn lạc hoang tàn” của thành phố này khi mọi người rời bỏ nó ra đi. Vài ngày sau, anh mới về đến Sài Gòn, khi gia đình anh đã theo tàu ra Phú Quốc. Anh tất tả vào gặp tôi ở Đài Quân Đội rồi lắc đầu: “Tao cuốn gói”.

Anh ra đi lúc nào và bằng cách gì, tôi không biết. Cuộc sống sau này bên xứ người ra sao tôi cũng chỉ biết rất lơ mơ. Điều làm tôi ngạc nhiên chính là sự tan vỡ của gia đình anh. Cho đến khi Phạm Hùng trở lại Việt Nam cùng Phạm Long đến thăm, tôi mới



Phạm Huấn những ngày đầu ở Mỹ.

tin đó là sự thật. Nhưng mọi chuyện cũ qua rồi, những vết thương rồi sẽ lành. Khi biết tin anh nằm ở bệnh viện, bên anh có chị Hà chăm sóc tận tình, tôi thành thật mừng cho anh. Có lẽ người chịu đựng với anh nhiều nhất trong những ngày tháng vừa qua chính là chị. Ít có người phụ nữ nào chịu đựng giỏi như thế. Tôi chưa quen chị, nhưng là bạn bè của Huấn, tôi phải tri ân một người phụ nữ như chị.

Nhiều người bạn Phạm Huấn cũng kể với tôi điều này, và bây giờ chắc họ cũng muốn nói với chị Hà như vậy.

Từ hôm được tin Phạm Huấn ra đi (1937-2005) đến nay, tôi đã nhận được rất nhiều thư từ, điện thoại của các bạn ở khắp nơi. Trong số đó, tôi nhận được e-mail của Diệp báo tin vừa sang San Jose và cậu trưởng nam Phạm Huy Phong cũng có mặt từ trước hôm anh ra đi.

Gia đình Phạm Hậu, người anh cả của anh, đã hai lần phải đổi vé máy bay vì cú tưởng anh đi sớm hơn nữa. Cuộc chơi của người phóng viên quân đội đến bây giờ mới kết thúc trong nỗi nhớ thương của mọi người.

Nhưng với 5 tác phẩm của anh để lại, thế hệ sau này sẽ có dịp nhìn được rõ hơn những điều sống động, xác thật đã và đang xảy ra trong lịch sử dân tộc mình. Làm được điều này, cuộc sống của anh đã thật sự có ý nghĩa.

Không phải ai cũng làm được như thế.

Người phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi, nhưng những gì để lại vẫn còn sống mãi.

(Sài Gòn 24-10-2005)

CHƯƠNG 12

HUY QUANG VŨ ĐỨC VINH – HAI CON NGƯỜI, MỘT NHÂN CÁCH LỚN

Tôi muốn nói rõ hơn, trong Vũ Đức Vinh có hai con người phân định rất rõ. Một Huy Quang nhà văn và một Vũ Đức Vinh người lính. Nhưng hai con người đó hòa nhập là một nhân cách lớn. Với tư cách nào cũng được, ông giao thiệp với mọi người hồn nhiên, chân thật bằng chính những gì từ tư cách đỉnh đặc của ông. Ai nhìn ông bằng con mắt nào cũng thế thôi. Điều mà mọi người nhận được sau khi giao thiệp với ông là sự tin tưởng cùng với lòng cảm mến đi thẳng vào cuộc sống của mình. Tôi cho đó là điều khó khăn nhất cho mỗi người trong cuộc sống đầy bất trắc này. Tạo được niềm tin cho người đối diện không phải dễ, tìm được sự quý trọng còn khó khăn hơn.

Ông Vinh không bao giờ muốn tạo ra điều đó mà do chính cách đối xử thẳng thắn, bình thản của ông làm nên tất cả.

Từ ngày biết ông đến nay, hơn 50 năm, tôi chưa từng nghe ai phàn nàn điều gì về ông, kể cả những người khó

tính nhất, dù là cấp trên hay cấp dưới của ông, dù bạn bè quen biết thân sơ. Cho nên có thể kết luận chính xác rằng ông “được lòng” mọi người quanh ông. Và “được lòng” cùng với sự quý trọng chân tình.

Cái tin sét đánh đến với bạn bè khi ông bất tỉnh nằm trong bệnh viện, ai cũng bàng hoàng cùng với nỗi thương xót ngơ ngẩn. Như một nỗi oan khiên, như một chuyện cực kỳ phi lý, như một tai họa mà tạo hóa không dành cho riêng ai, kể cả những người đáng được sống nhất. Bởi mới chỉ vài ngày trước, ông còn tỉnh táo, bình tĩnh viết cho bạn bè những dòng thân nhiên như đi chơi đâu xa: *“Tạm thời ngưng thư từ vài ngày đến khi bình phục”*.

Lá thư cuối cùng ông viết cho tôi ngày 19-10-2005.

NỖI ĐAU KHÔN CÙNG

Sau đó, ngày 22-10, khi được tin Phạm Huấn mất ở San Jose, ông còn ngồi viết bản Phân Ưu với gia đình Phạm Huấn gửi cho chúng tôi đọc. Ông cẩn thận ghi tên từng người bạn, yêu cầu tôi bỏ tước hoặc thêm tên những ai ông không nhớ hết. Tính ông vẫn cẩn thận, chuẩn mực như từ bao lâu nay. Những bản Phân Ưu đăng trên nhiều báo kèm theo hoặc không kèm với bài viết của tôi chính do ông Vinh viết. Tôi rất tôn trọng ông, nên không thêm bớt từ một dấu phẩy. Bài viết vừa được gửi đi thì ông vào bệnh viện. Ông rất tin vào ngày bình phục trở lại với gia đình, với bạn bè. Nhưng rồi ông không bao giờ trở lại.

Vì ở xa, tôi không biết rõ hết chi tiết bệnh tình của ông, chỉ xin kết luận: đó là một trường hợp rất hy hữu, ít khi xảy ra. Trong một ngàn trường hợp chỉ xảy ra một lần. Những ngày gần đây, ông nằm đó, thở bình oxy, hôn mê... và không còn cách cứu vãn. Chúng tôi ở Việt Nam chỉ biết có

thế. Rồi bất ngờ nhận được e mail của các con ông *“Xin lỗi các bác, các cô chú, mẹ cháu phải chăm sóc cho bố cháu ở bệnh viện nên không nhận được điện thoại, xin gửi qua e-mail cho chúng cháu”*.

Dưới ký tên 4 người con của ông: Vũ Thanh Tùng, Vũ Tế Thế, Vũ Thị Phương Thảo, Vũ Thị Phương Tân.

Thế nên chúng tôi chỉ còn biết lặng lẽ theo dõi qua những bạn bè ở gần đó. Ba tuần trước, hai anh Vũ Quang Ninh và Thái Thủy từ Cali bay lên Seattle thăm ông cho biết rõ hơn tình trạng của ông lúc đó. Ông nhận biết hai người bạn thân, nhưng chỉ trả lời bằng những dòng nước mắt. Cơ thể ông chỉ còn đôi mắt và ngón chân chuyển động. Hình dung ra cảnh này, tôi thật đau xót. Gia đình quanh ông, nào vợ con, nào cháu nội, cháu ngoại... cháu chực, chăm sóc ông, ông có biết không? Những người thân của ông đau đớn như thế nào trong cảnh này? Rút bình dưỡng khí ra thì không nổi, để lại thì không đành... Và những ngày đau đớn đó cứ phải kéo dài. Ôi, lấy gì diễn tả được tình cảnh ngập đầy thương xót đó?

Ông Vinh ơi, bạn bè ông ở gần hay ở xa, đã và đang nhớ thương ông vô cùng.

Tôi hy vọng, từ trong một cõi xa xăm, ông hiểu được tấm lòng của mọi người đối với ông như thế nào. Chúng tôi muốn nói lời chia buồn cùng gia đình ông, nhưng lời lẽ nào cũng là chưa đủ và có lẽ chính chúng tôi cũng cần được chia buồn. Ông đã là một phần trong cuộc sống của bạn bè rồi, thiếu vắng ông từ nay sẽ là một khoảng trống lớn lao, không gì bù đắp được. Tôi ngồi ở Sài Gòn, một nơi chúng ta đã từng để lại suốt một thời trai trẻ để ôn lại những kỷ niệm xưa.

HUY QUANG VÀ “LỬA LỤU”

Khi mới từ vùng loạn lạc Thái Bình, “đinh tề” vào Hải Phòng, khoảng 1951-1952, lúc đó tôi mới vào tuổi 20. Khi ấy, bắt đầu vẽ vẽ viết văn làm thơ gửi bài lai cáo cho mấy tờ báo ở Hà Nội như *Tia Sáng*, *Cải Tạo*, *Tiếng Dân*. Hồi đó cả thành phố Hải Phòng không có nổi một tờ báo. Được đăng bài ở báo Hà Nội là sướng lắm rồi.

Bỗng một hôm ra cửa hàng sách, coi cộp được một tờ giai phẩm mùa hè có tên là *Lửa Lựu* của các đàn anh ở Hà Nội, trong đó tôi đọc bài của Huy Quang. Cái tên gần giống tên tôi làm tôi chú ý. Bài của Huy Quang được nhà văn Ngọc Giao giới thiệu rất nổi và quả tình bài viết khá hay. Tôi không nhớ đây có phải là sáng tác đầu tay của Huy Quang hay không. Từ đó, tôi và độc giả biết đến “danh” ông. Lúc đó cánh “văn nghệ mầm non” ở Hải Phòng như tôi, coi các nhà văn ở Hà Nội là những “tên tuổi lớn”. Huy Quang được chúng tôi xếp ở “chiếu trên” cùng những nhà văn, nhà thơ như Đinh Hùng, Ngọc Giao, Thuợng Sĩ, Nguyễn Minh Lang, Sao Mai... Và, giai phẩm *Lửa Lựu* vẫn là tác phẩm được chúng tôi trân trọng nhất. Bởi từ cách trình bày đến bài vở được chọn lọc khá kỹ, nhất là cái tên tượng trưng cho mùa hè, *Lửa Lựu*, quả là rất khéo và rất... văn chương.

Vài tháng sau, khi có những nhà văn nhà thơ ở Hà Nội, chắc cũng chỉ thuộc hàng “văn nghệ mầm non” như tôi, để mắt đến, xuống thành phố Cảng chơi ghé thăm, cứ tưởng như tôi đã đặt một “cảng” vào làng văn nghệ. Nhưng tôi vẫn chưa được gặp nhà văn Huy Quang trong nhóm *Lửa Lựu*. Tôi hỏi thăm thì được biết, nhà văn này được động viên vào khóa 1 Sĩ Quan Trù Bị vào tháng 10-1951, lúc đó

học ở Nam Định. Tôi càng ngưỡng mộ ông hơn vì trong thời gian này ông đã có hai tác phẩm do nhà xuất bản Công Lực, Hà Nội ấn hành là *Hai Mái Tóc Xanh* và truyện dài *Đôi Ngả*. Văn chương ông “lả lướt”, lãng mạn, tình tứ như khuynh hướng của những nhà văn Hà Nội thời ấy.

SỰ NGHIỆP NỔI TRỘI CỦA MỘT NHÀ VĂN VÀ NGƯỜI CÔNG CHỨC

Nghiep chiến binh làm gián đoạn một thời gian khá lâu, vài năm sau ông viết rất ít. Năm 1956, khi tôi từ Nha Trang về Nha Chiến Tranh Tâm Lý, làm việc ở Phòng Báo Chí thì Huy Quang làm việc ở đài phát thanh Quân Đội. Lúc đó Đài Quân Đội còn nằm “tênh hênh” ở đường Hồng Thập Tự. Cửa ngõ không cần lính gác, cứ ra vô tự nhiên. Tôi gặp trung úy Vũ Đức Vinh trong một buổi họp. Ông đi cùng Vũ Quang Ninh, trưởng đài. Ông Vinh là phó trưởng phòng kiêm trưởng ban biên tập của đài này. Sau buổi họp tôi mới biết Vũ Đức Vinh chính là nhà văn Huy Quang mà



Huy Quang Vũ Đức Vinh 1930-2005.

tôi ngưỡng mộ từ lâu. Chúng tôi đưa nhau xuống uống cà phê ở câu lạc bộ bé tí nằm phía sau trụ sở Nha Chiến Tranh Tâm Lý. Thời ấy hầu như cả Sài Gòn đều nghe chương trình *Tao Đàn* do Đinh Hùng phụ trách cùng Thái Thủy, Thanh Nam... trong đó có cả nhà văn Huy Quang.

Sau đó, tôi có nhiều dịp sang Đài Quân Đội liên hệ công việc. Lúc đó tôi mới biết bên cạnh Huy Quang còn có một loạt nghệ sĩ tên tuổi lẫy lừng khác nữa nằm trong ban Nhạc của Đài: Canh Thân, Ngọc Bích, Đan Thọ, Văn Phụng, Xuân Lôi, Xuân Tiên, Anh Ngọc, Vũ Huân, Vũ Huyền... đều làm việc chung với Huy Quang. Những cái tên mà từ hồi mới lớn tôi đã nghe, đã bi bô tập hát những bài mà bây giờ ở Sài Gòn vẫn hát, và được coi là những sáng tác bất hủ. Bây giờ dòng nhạc đó vẫn được kể là “dòng nhạc sang trọng” của người yêu nhạc Việt Nam. Dù năm tháng và những biến đàu đã có khi muốn vùi lấp, bởi nó được kể là loại “nhạc vàng ủy mị” cần phải chôn như chôn “bọn tư sản lạc hậu...” Nhưng giá trị của tác phẩm đâu phải ở toan tính của con người. Tự nó sống mãi với thời gian. Không ai và không gì có thể vùi chôn được. Huy Quang chính là người đã góp phần rất lớn vào việc giữ gìn và bảo vệ các giá trị ấy của dân tộc.

Vài năm sau, khi Nguyễn Xuân Vinh tức nhà văn Toàn Phong về làm tham mưu trưởng rồi lên chức Tư lệnh Không Quân, Vũ Đức Vinh được điều động sang làm trưởng khối Chiến Tranh Chính Trị ở Bộ Tư Lệnh Không Quân. Thời gian này, ông cùng vài người bạn trong Bộ Tư Lệnh khai sinh tờ *Lý Tưởng*, một tờ nguyệt san rất đặc trưng của những “người lính hào hoa” Không Quân, song không quên tranh đấu cho lý tưởng công bằng xã hội. Lý

tưởng của ông từng chứng tỏ trong những bài diễn văn, ông soạn cho cấp trên của mình đi tham dự những hội nghị lớn. Cụ thể như trong hội nghị thượng đỉnh ở Honolulu, Tổng thống Mỹ Lyndon Johnson đã ca ngợi bài diễn văn do ông viết.

Cũng thời kỳ này, trong trận Không Quân Việt Nam bay ra “*hỏi thăm sức khỏe Đồng Hới*”, Vũ Đức Vinh cũng leo lên máy bay oanh tạc ngồi bên cạnh chàng phi công Lưu Kim Cương — tự Cương khềnh — bay lượn trên bầu trời miền Bắc, xông pha giữa lưới lửa phòng không, bất chấp hiểm nguy.

NGƯỜI THÂM LẶNG CÓ CÔNG ĐẦU VỚI QUỐC GIA

Sau đó, ông làm việc ở Phủ Thủ Tướng rồi Phủ Tổng Thống. Ở đâu việc của ông cũng gắn liền với báo chí.

Phải nói rõ một sự thật là hồi đó, trong một thể chế dân chủ, giữa “cánh báo chí” và nhà cầm quyền thường xung đột, thậm chí chống đối rất gay gắt. Từ những đảng phái đối lập đến những tờ báo có khuynh hướng riêng, luôn xảy ra tranh chấp vì bất đồng về một chủ trương chính sách nào đó. Có những sự kiện khiến chính quyền lúng túng, tất nhiên đã làm thì phải có cái đúng, cái sai. Các “phủ bộ” lại phải nhờ người đứng ra dàn xếp tìm một tiếng nói chung. Huy Quang Vũ Đức Vinh với cả hai tư cách, nhà văn và nhà “thương thuyết” đứng ra làm công việc hòa giải. Có tiếng nói của ông, có bàn tay xoa dịu của ông, có uy tín của ông, mọi công việc nhanh chóng được thu xếp ổn thỏa. Như thế có phải là một sự lợi dụng ông hay không, không phải là quan trọng, mà công việc ổn

định xã hội, góp được sức mạnh chung mới là điều đáng kể. Và đó chính là mục đích của ông.

Vì đâu ông có được uy tín ấy? Phải nhìn vào cách sống, nhìn vào công việc, nhìn vào khả năng của ông mới thấy hết được giá trị con người đích thực của ông. Với ai ông cũng cư xử như một người bạn, ông biết nghe, thấu tình đạt lý, mềm mỏng đến với từng người bằng cả tấm lòng trung thực, nhân hậu của mình. Khi người ta biết chắc ông không mưu cầu lợi ích riêng tư, không phe phái, thiên vị thì người ta đã coi ông là bạn và người ta sẵn sàng nghe ông. Sự thành công của ông chính là ở cái tư cách chừng chạc và tính cách thân thiện đó.

Có thời kỳ, ông làm tổng giám đốc Cục Vô Tuyến Truyền Thanh. Nói rõ hơn, ông điều hành cả guồng máy phát thanh quốc gia. Thời kỳ đó, ông đã làm thay đổi bộ mặt của làn sóng phát thanh, nâng tầm vóc nó lên cao hơn. Hệ thống phát thanh được cải tiến mạnh mẽ. Đài Sài Gòn được chuyển thành hệ thống A và Đài Quân Đội thuộc hệ thống B. Mỗi đài đều có chương trình và hạ tầng cơ sở riêng, tuy nhiên Trung Tâm Phát Tuyến Quán Tre vẫn là nơi lên sóng của cả hai hệ thống A, B. Người từ quân đội biệt phái qua lo việc kỹ thuật nhưng quyền quản trị vẫn thuộc hệ thống phát thanh Quốc Gia.

Trong thời chiến tranh, người của quân đội thường được biệt phái hoặc tăng viện cho nhiều cơ quan, kể cả ở cảnh sát và các phủ bộ khác. Tuy nhiên điều hành hệ thống phát thanh quốc gia không giản dị. Đó là việc hành chánh với các nguyên tắc bất di bất dịch và cũng là việc của người làm văn hóa với vô số vấn đề không bao giờ có nguyên tắc và với những anh em từng viết lách, từng com

bụi ngủ hè, từng gặp nhau tại hầu hết tòa soạn báo... Làm cấp dưới có lẽ còn dễ chịu hơn làm cấp trên. Huy Quang Vũ Đức Vinh đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng mọi người, từ anh phóng viên trẻ đến các vị biên tập già, và cả các văn nghệ sĩ dân chính cộng tác với đài. Đến bây giờ, không ai là không yêu quý ông. Dù chỉ một thời gian ngắn, ông đã làm rạng rỡ cho ngành phát thanh quốc gia và đáng kể hơn là đã gây được lòng tin yêu của thính giả với tiếng nói của đài. Chính tôi cũng học được ở ông rất nhiều khi ngu ngơ bắt tay vào công việc này.

PHONG CÁCH MẪU MỤC TRONG CUỘC SỐNG

Suốt khoảng thời gian đó, tôi thường có nhiều dịp gặp ông trong công việc cũng như trong đời sống hàng ngày. Nhưng chưa hề gặp ông tại bất cứ chốn ăn chơi nào. Phòng trà, tiệm nhảy, sông bãi đường như không bao giờ ông đặt chân tới. Chỉ nghe phong thanh hồi còn rất trẻ ở chung trong con hẻm đường Bàn Cờ với Phan Nghị thì đôi khi, ông cũng bị ông bạn hàng xóm có máu giang hồ rủ rê đi ăn chơi, nhảy nhót tí đỉnh. Nhưng thật ra chẳng ai rủ rê được ông đâu, tôi nghĩ là ông nể bạn nên đi theo cho bạn vui thôi. Thỉnh thoảng ông cũng đánh mặt chược với chúng tôi và thường chơi ngay tại nhà ông ở cư xá Trần Quốc Toàn. Chúng tôi mang tiếng là “đánh còm” rồi, ông còn chơi “còm” hơn. Năm thì mười họa tôi mới được ông triệu đến nhà chơi cho vui. Với ông có lẽ đó là cái thú duy nhất trong cuộc sống vô cùng mẫu mực của ông. Từ nhà đến sở, bao giờ ông cũng giữ đúng phong cách ấy. Và ông lại rất kín tiếng nên ít có ai hiểu gì về suy nghĩ riêng tư của ông.

Ngay trong gia đình, ông cũng ít nói, lúc nào cũng lo lắng đùm bọc vợ con, ngay cả lúc trước khi bị bệnh. Không bao giờ để các con lo chuyện gì và cả 4 người con của ông đều được thừa hưởng một cuộc sống êm đềm, hạnh phúc cho đến khi thành đạt. Ông có một đặc điểm là dù ở cương vị khá cao trong chính quyền, những nơi mà các buổi lễ lạc, đại hội, người ta rất thích mời cả “phu nhân cùng đến dự cho thêm phần long trọng.” Nhưng ông không bao giờ đưa phu nhân cùng đi, có thể là chính bà Vinh cũng không thích đi dự “chuyện phiến toái” đó.

Suốt năm tháng ở Sài Gòn, ông sống như thế, mặc cho thời cuộc đổi dời, luôn là một quân nhân thuần túy gương mẫu, dù những người quanh ông, những cấp trên của ông, vì lý do này hay lý do khác vướng mắc vòng “quyền lực chính trị”. Trong bất cứ cương vị nào, dù làm việc với bất cứ ai, ông vẫn là Huy Quang Vũ Đức Vinh, điềm đạm, thanh thản, tận tụy với mọi nhiệm vụ được giao. Tài của ông là sự vượt thoát ra ngoài các hệ lụy đó, hệ lụy rất dễ quyến rũ con người vì danh lợi, ở vào vị trí của ông. Tôi cho rằng đó là sự sáng suốt của một con người từ khi còn rất trẻ. Phải có một nhân cách đặc biệt mới làm được điều đó.

Ở VIỆT NAM HAY Ở HOA KỲ, VINH VẪN LÀ VINH

Ngày 30-4-75, ông cùng gia đình sang định cư ở Mỹ. Bẵng đi một thời gian rất lâu, tôi không biết tin gì về ông. Năm 1987, khi vừa về đến Sài Gòn, tôi đã được ông thăm hỏi. Nhưng cũng chỉ là qua thư từ. Hồi đó internet chưa có, chúng tôi phải viết thư tay. Một điều rất xúc động là

năm nào cũng đúng ngày 30 Tết Nguyên Đán, ông điện thoại về Việt Nam thăm tôi và Phan Nghị. Không bao giờ ông quên. Hai năm sau này thì nhiều người ở Mỹ gọi về Việt Nam thăm gia đình vào dịp đó nên ông gọi trước một hai ngày cho chắc ăn.

Một lần, cách đây khoảng 8-9 năm, ông trở lại Sài Gòn. Lúc bà xã ông ở lại hàn huyên với bà hàng xóm cũ Phan Nghị, ông sang nhà tôi ngồi tán dóc. Vẫn giọng cười ấy, vẫn lối nói thân tình ấy, ông kể sơ về thời gian ở Mỹ. Xưa kia, đã có thời chúng tôi gọi nhau “*mày, tao*” cho thân, nhưng sau này kêu nhau bằng “*ông*” cho đúng với tuổi tác, ngoại trừ với một số bạn thân gần nhau quá “*không thể nào gọi nhau là ông được*” vì nghe “*kỳ kỳ*” thế nào, thì cứ “*mày tao cho tiện việc sổ sách*”. Với ông Vinh thì khác, vẫn thân gần đấy, nhưng có thể thay đổi cách xưng hô được vì tính cách của ông. Không xuông xả với bạn bè, lúc nào ở ông cũng thận trọng. Tôi chắc nhiều bạn tôi cũng gặp trường hợp này.

Theo những gì tôi biết do ông và bạn bè kể lại, cuộc sống ở Mỹ của ông chẳng có gì đổi khác. Gia đình và xã hội vẫn là hai mái nhà ông chung sống, dành hết tâm trí vào đó. Ông vẫn là Huy Quang Vũ Đức Vinh. Là Huy Quang khi viết văn làm báo những năm 1975 đến 1982. Ông là chủ nhiệm bán nguyệt san *Đất Mới*, một trong số rất ít báo tiếng Việt đầu tiên tại Hoa Kỳ với ban biên tập khá hùng hậu như Thanh Nam, Túy Hồng, Mặc Đỗ, Hà Huyền Chi, Linh Vang, Trần Văn Minh, Nhất Tuấn cùng các tên tuổi khác mà tôi không biết hết.

Có lẽ “kinh doanh báo chí” không phải nghề của ông nên 7 năm sau, ông nhường tờ báo cho người khác. Tuy nhiên, “đã mang lấy nghiệp vào thân” ông vẫn cộng tác

với nhiều tờ báo như *Ngày Nay* của anh Nguyễn Ngọc Linh và Trương Trọng Trác ở Houston, cùng các đặc san, kỷ yếu Khóa 1 Sĩ Quan Trù Bị Nam Định và Thủ Đức... Đôi khi ông viết vài bài cho báo Mỹ. Một bài ông viết tựa đề *Refugees Need A Helping Hand* đã được Thượng nghị sĩ Kennedy khen là “eloquent” và cho vào “congressional record”. Đồng thời ông ta gởi tặng ông Vinh một tấm hình mà ông còn treo ở nhà.

Ngay từ 1982 ông đã làm việc tại Bộ An Sinh Xã Hội của tiểu bang Washington lo giúp đỡ người tị nạn trong quận hạt Bắc thủ đô Olympia, Pierce County, về định cư, nghề nghiệp. Đồng thời, với uy tín trong cộng đồng, ông còn được yêu cầu đảm trách nhiều công tác khác. Ông đã làm quản trị viên các chương trình thuộc tiểu bang, đôi khi của cả liên bang, lo cho đời sống cả cộng đồng mọi sắc tộc về di dân, tị nạn, định cư.

Ông cũng là thành viên tiên khởi trong Hội Đồng Quản Trị của Học Bổng Hùng Vương, một tổ chức vô vụ lợi, cùng chung sức với một số cựu quân nhân, góp tiền cấp học bổng hàng năm cho các học sinh Mỹ gốc Việt, cố gắng đưa họ vào học ở các đại học danh tiếng tại Hoa Kỳ và sau trở thành bác sĩ, luật sư để rồi xây dựng một truyền thống giúp đỡ lại những đàn em đi sau.

Ở đầu Vũ Đức Vinh cũng là một người gương mẫu, tận tâm lo cho mọi người hơn là lo cho mình. Với những người ở Việt Nam cần được giúp đỡ, khi tôi báo tin, ông đều sốt sắng hưởng ứng và kêu gọi bạn bè chung sức. Chưa bao giờ ông vắng mặt trong bất cứ việc từ thiện nào. Đó là những gì tôi nhận được ở ông khi không còn ở gần nhau. Chắc chắn sẽ còn rất nhiều việc nữa mà các bạn ở nước ngoài

biết nhiều hơn tôi.

Với một người như thế, một nhân cách lớn như thế, tôi tự hào được là bạn ông, được ông thương mến. Những năm sau này, chúng tôi gồm một số bạn bè thân quen xưa cũ lập thành một *club*, thường xuyên gửi e-mail cho nhau hàng ngày. Bất cứ chuyện vui buồn nào cũng có thể chia sẻ cùng nhau. Tôi vẫn cứ tưởng như ông vẫn ở gần đây. Khi cây lựu trước cửa nhà tôi ở Lộc Ninh nở những đóa hoa đầu tiên, tôi kể lại với ông và chụp tấm hình với cái tựa đề *Lựu Lựu* tặng ông, một nhà văn mà tôi đã “quen” từ khi chưa gặp. Ông thích lắm vì đó là “khởi nghiệp” vàng son trong cuộc đời viết văn mà ông không thể nào tìm lại được.

Khi Đảng Giao mang tranh sang Mỹ triển lãm ở Santa Ana, ông cũng có mặt. Ông kể với tôi và nói rất thích bức tranh sơn mài có cái điệu cây và ấm nước trên bờ ruộng, nhưng chưa mua được. Đó là bức tranh sơn mài Đảng Giao đã cho tôi nên tôi hỏi ý Đảng Giao rồi gửi tặng ông ngay. Ông mang đi đóng khung, khắc thêm tấm biển đồng, trịnh trọng treo trong nhà. Thế là nhà ông vẫn còn 2 kỷ niệm của tôi, ông để lại cho con cháu.

Khi tôi viết bài này gần xong thì Đảng Giao ghé thăm. Anh nói tháng trước khi điện thoại cho ông Vinh, anh hứa tặng ông một bức tranh cây trúc mới vẽ xong.

Ông Vinh vui lắm và hẹn để đó rồi có ai về Seattle thì gửi cho ông. Vậy mà bây giờ ông Vinh đã vội ra đi.

Bức tranh còn đó, Đảng Giao còn gửi ở nhà tôi.

Dù ông đã ra đi, nhưng tôi cũng sẽ tìm cách gửi đến cho ông. Trong lòng tôi, bao giờ ông cũng vẫn còn sống.

Nhân cách của ông còn rục rờ mãi, còn là một tấm gương sáng cho bạn bè, cho con cháu và cho cả mọi người

dù ở bên này hay bên kia.

Ông từ giả chúng ta vào lúc 10 giờ 46 phút, ngày 9 tháng 12 năm 2005 tại Seattle. Hưởng thọ 75 tuổi.

(Sài Gòn 10-12-2005)

CHƯƠNG 13

ĐẠI BUỒN MÙA XUÂN – THANH TÂM TUYỀN, NGỌC LONG

Liên tiếp hai ngày trong tuần qua, tôi nhận được hai tin buồn về hai người bạn. Một ở Mỹ và một ở Việt Nam. Oái oăm là người bạn ra đi ở Mỹ vào ngày 23-3 thì 10 phút sau tôi đã biết tin. Còn người ở ngay Sài Gòn cũng từ trần ngày 23-3 nhưng hai ngày sau tôi mới được tin.

Tin thứ nhất do Nguyễn Nghiệp Nhượng nhận được qua điện thoại từ Mỹ 10 phút sau khi anh Thanh Tâm Tuyền đã ra đi và điện thoại ngay cho tôi. Sau đó là những e-mail từ nước ngoài tới tấp bay về, trong đó phải kể đến cái e-mail từ Úc của Phan Lạc Phúc với nỗi xót thương sâu sắc. Bởi chúng tôi từng có thời kỳ cùng chịu tù đầy chung ở một trại cải tạo miền Bắc.

Tin thứ hai do một người bạn ở Sài Gòn thông báo khi anh Ngọc Long từ trần đã qua 2 ngày ở ngay Sài Gòn, không xa chỗ tôi ở là bao. Cho nên cái khoảng cách về không gian bây giờ không còn gì là quan trọng nữa. Chỉ còn là việc thông tin như thế nào thôi.

NHỮNG KHOẢNH KHẮC VỚI THANH TÂM TUYỀN

Đối với tôi, Thanh Tâm Tuyền là một người bạn khá thân nhưng không gần nhau nhiều như Mai Thảo, Thanh Nam, Hoài Bắc, Vũ Khắc Khoan. Thỉnh thoảng gặp anh trong một tòa báo hay một buổi ăn uống vui chơi nào đó ở một nhà hàng. Thanh Tâm Tuyền dường như không hợp tác với một chương trình phát thanh nào nên sau này tôi ít khi gặp anh.

Ở cái gọi là “trại cải tạo” cũng vậy, mỗi người ở một đội nên chúng tôi ít có cơ hội gặp nhau. Những kỷ niệm của tôi với Thanh Tâm Tuyền chỉ còn là những khoảnh khắc bất chợt.

Nhưng con người anh, bản tính anh, tạo thành những nét rất riêng đôi khi giống như thơ anh, khó hiểu, lạnh lùng và chỉ cho người ta cảm nhận được tâm hồn phóng khoáng bay bổng của anh. Đôi khi anh lại rất dễ thương, hồn nhiên, duyên dáng như những đoạn văn xuôi mạch lạc trôi chảy rất thú vị.

Khoảnh khắc đáng nhớ nhất là lần cuối gặp anh cũng là ngày anh được thả khỏi trại cải tạo Vĩnh Phú, vào năm 1982. Anh ghé vào khu nhà giam tôi đang sống, anh hỏi:

– Có trà ngon không, mang đãi khách chứ. Bây giờ anh là tù, tôi là người... ngoài trại tù.

Tôi gật đầu:

– Tôi vừa nghe tin anh được “tha”, đang định sang khu anh thì anh đến.

Tôi pha trà và mang cái điều cày ra bàn. Chúng tôi ngồi đối diện, anh không nói gì, có lẽ anh nghĩ không nên làm

nản lòng những người còn ở lại. Tuy nhiên hôm đó anh bớt lảm lì hơn những ngày tháng ở trại. Tôi hỏi:

– Về nhà rồi anh định làm gì?

Anh nói như người mơ ngủ:

– Về nhà à? Không biết nữa.

Vài phút sau rồi anh mới nhún vai:

– Cũng thế thôi. Bữa nọ tôi gặp “Phụng cao bồi”. Nó vẫn khỏe. Cũng ở K2, gần đây thôi.

Rồi chúng tôi quay sang nói về những bạn cũ. Bây giờ hầu hết đều ở Mỹ, hồi đó như thiên đường và địa ngục. Chẳng bao giờ chúng tôi nghĩ một ngày nào đó sẽ đến được một nơi yên ấm, an lành như vậy.

LIỆU CÓ TÁC PHẨM MỚI KHÔNG?

Những lúc đó Thanh Tâm Tuyền giản dị chân thật. Nhưng bước chân ra khỏi căn nhà đó, anh có bộ mặt khác hẳn, lúc nào cũng như muốn xa lánh tất cả, từ con người đến cỏ cây. Anh sống một mình với cái thế giới riêng, bất cần, bất chấp những thứ khác.

Khi tôi ra khỏi trại tù năm 1987, về Sài Gòn, chẳng biết anh ở đâu, tôi không gặp lại



Thanh Tâm Tuyền (1936-2006).

anh nữa. Khi anh định cư ở nước ngoài, tôi chỉ biết anh ở Minnesota và nghe nói anh không giao thiệp, không tiếp xúc nhiều và không còn viết gì thêm nữa. Thái độ của anh có phần khó hiểu.

Chán chương hay vì một lý do nào khác?

Tôi vẫn nghĩ thế nào rồi cũng có ngày anh cho trình diện một tác phẩm lớn trong đời. “*Có không mở miệng thì thôi, khi mở miệng thì như trời gầm*”. Nhưng đợi mãi 30 năm, chưa thấy tác phẩm mới nào của anh. Biết đâu một ngày sắp tới chúng ta sẽ được đọc một tác phẩm cuối đời của một nhà thơ, nhà văn đã im hơi lặng tiếng suốt hơn 30 năm. Hẳn phải là một tác phẩm lớn.

Về cuộc đời và tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền tôi đã được đọc trên khá nhiều website ở nước ngoài và chắc hẳn bạn đọc cũng đã biết nhiều nên tôi không viết lại ở đây. Tuy nhiên về chi tiết tiểu sử của anh, có một đôi chỗ không giống nhau. Có bạn ghi Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzu Văn Tâm, sinh ngày 13-3-1936, có bạn ghi ngày 15-3-1936. Tôi lại nhận được một nguồn tin khác, anh sinh năm 1934, do chính Thanh Tâm Tuyền tiết lộ với một số bạn bè khi ngồi ở nhà hàng La Pagode.

CUỘC SỐNG CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN “TÔI KHÔNG CÒN CÔ ĐỘC”?

Thêm một điều nữa cũng từ nguồn tin trên, do thi sĩ Đinh Hùng tiết lộ từ lâu, ngay từ hồi còn nhỏ Thanh Tâm Tuyền đã sống rất cô đơn vì bố mất sớm. Ông sống cùng mẹ và dưỡng trong nỗi buồn sâu thẳm. Tôi không tọc mạch đi sâu hơn vào đời sống riêng tư của bạn. Tôi chỉ ghi lại điều này để may ra có thể giúp phần nào cho các bạn làm

công việc nghiên cứu sau này. Tác phẩm *Tôi Không Còn Cô Độc* của anh ra mắt năm 1955, gây một chấn động trong làng văn học miền Nam Việt Nam. Người khen cũng lắm, người mỉa mai cũng nhiều. Đó là quyền của người thường ngoạn. Nhưng rồi người ta vẫn phải công nhận cái giá trị văn học của nó. Như một cột mốc đánh dấu một sự vượt thoát của thi ca. Phải chăng tác phẩm ấy là do ảnh hưởng của một tâm sự từ thuở ấu thơ cho đến khi trưởng thành? Nó dồn nén, nổ tan, bay múa như những chùm pháo hoa đêm giao thừa của tuổi thanh xuân.

Nhưng dù sao tôi không dám khẳng định những điều trên là hoàn toàn đúng. Công việc này xin để các nhà phê bình văn học luận bàn thêm.

Tôi và những bạn của anh còn ở lại Sài Gòn chỉ xin thắp một nén nhang cho một nhà văn lớn vừa từ già chúng ta ra đi và xin gửi lời phân ưu đến tang quyến. Vào những ngày vừa qua, ở vài tiệm cà phê Sài Gòn, lẫn lộn “phe ta, phe tây, phe nó” cũng có nhiều người vẫn nhớ đến nhà thơ, nhà văn và nhà giáo Thanh Tâm Tuyền. Hình ảnh anh như còn mãi vương vất nơi đây.

CÚM GÀ HÀNH?

Tôi về Sài Gòn được hai ngày thì lẫn ra cảm cúm khá nặng. Lúc đầu tôi nghĩ là khí hậu Sài Gòn nóng nực quá, có lúc hàn thử biểu trong phòng tôi chỉ tới con số 39 độ C. Tôi cứ nghĩ ô nhiễm nặng nề, ồn ào quá mức làm mấy anh nhà quê như tôi choáng váng ít ngày rồi khỏi.

Nhưng nằm li bì mãi, lại sức nhớ đến cúm gà H5N1. Nằm “kiểm điểm” lại thấy tôi và cả gia đình đều kiêng khem rất kỹ, cả tháng nay chưa hề biết đến cái đùi gà nó

ra sao. Thành thật kiểm điểm hơn tí nữa mới chợt nhớ ra rằng hôm mới về đến nhà, có mấy ông bạn từ nước ngoài về “triệu tập” rủ ra quán A.N. ăn sáng. Đây là một quán hàng đồ sộ của Sài Gòn hiện nay. Nó chiếm nguyên 3 căn biệt thự ở góc đường TĐ và VTS. Tất nhiên là góc gác phải “ra gì”.

Công bằng mà nói, trước đây những món ăn sáng của nhà hàng này đều thuộc loại khá như bánh cuốn Thanh Trì, miến cua, miến lươn, bún thang và thêm vài món tây tàu xì xỏ nữa cũng ăn được. Nơi ngồi thật lý tưởng. Nhưng gần đây, chẳng hiểu sao chủ nhà hàng cho cánh bếp cũ nghỉ việc, thay vào một loạt thức ăn mới. Phở Hà Nội chẳng ra Hà Nội, bánh cuốn Thanh Trì cũng mất tiêu. Còn lại loe ngoe vài món ăn sáng chẳng giống ai. Đã đến đây rồi, tôi đành chọn món omelette jambon. Đến lúc đĩa đồ ăn được mang ra bàn, tôi vẫn chưa chịu nhớ nó là trứng gà. Ngồi thản nhiên ăn rồi mới giật nẩy mình, hỏi này gà lậu đủ kiểu từ khắp nơi đổ vào thành phố dữ dội lắm. Tuy vậy đã trót ăn và tin rằng đây là nhà hàng lớn thì mọi thứ đều đã được kiểm dịch.

Đó là niềm an ủi cuối cùng. Nằm vật vã mấy hôm liền, cứ nghĩ đến cúm gà lại sợ, không thể tin được bất cứ thứ gì ở thành phố này. Nếu có “trúng” thì ráng chịu.

LỜI THÚ TỘI TRƯỚC NGỌC LONG

Hôm sau được điện thoại báo tin anh Ngọc Long đã ra đi. Tôi phải “viện trợ” đến Đàng Giao đi xem nhà anh ở đâu. Với Ngọc Long có một chuyện mà mãi đến bây giờ tôi vẫn còn ân hận. Vì sau bài viết về chị Mộc Lan vài năm trước đây, có vài người bạn bảo tôi nên viết về Ngọc Long.

Tôi nhận lời, nhưng sau khi bàn tính với mấy người bạn ở Sài Gòn và ở nước ngoài, chúng tôi đều có chung một suy nghĩ là không có lợi cho những thân nhân của anh ở nước ngoài. Vì thế tôi cứ đắn đo mãi, chưa thể làm gì hơn được.

Nay nghe tin anh mất, dù có bị cúm gà hành, tôi cũng phải xuống tạ lỗi với anh. Tôi điện thoại cho Lê Hoàng Long, anh cho biết khá nhiều chi tiết về Ngọc Long. Tôi rủ Lê Hoàng Long đi nhưng anh nói anh đi rồi. Thế là 6 giờ chiều Thứ Bảy, Đăng Giao đèo tôi trên chiếc xe gắn máy lao xuống nhà anh. Một căn nhà hẹp, số 41 nằm trên đường Trường Sơn, cư xá Bắc Hải, Q.10, Sài Gòn. Gặp công viên Lê Thị Riêng.

Lúc này khách khứa cũng thưa thớt, bởi đã qua 2 ngày thăm viếng và sáng ngày hôm sau, Chủ Nhật 26-3 đã làm lễ động quan.

Chị Ngọc Long không nhận ra chúng tôi, nhưng khi nghe giới thiệu, chị thân mật, ân cần, vồn vã lắm. Chị gọi từng cậu con trai ra đọc tên các chú các bác, cho các cháu nhớ mặt kéo sau này ra đường đỡ... đánh lộn. Sài Gòn bây giờ chuyện đó là thường, chỉ cần một cú va chạm xe sơ sơ là có chuyện rồi.

Thật ra trước kia tôi quen biết nhưng không đi lại nhiều với Ngọc Long. Những bạn của tôi là hai người anh của Ngọc Long. Đó là Từ Ngọc Bích, đã có một thời gian dài làm chủ bút báo *Thế Giới Tự Do* của Sở Thông Tin Hoa Kỳ USIS từ Bắc vào Nam, và danh ca Anh Ngọc – Từ Ngọc Toàn. Hiện nay đều ở Mỹ.

SƠ LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI CA SĨ NGỌC LONG

Ca sĩ Ngọc Long tên thật là Từ Ngọc Long, sinh năm 1928 tại Hà Nội. Anh cùng anh ruột là ca sĩ Anh Ngọc nổi

danh từ giữa thập niên 50 đến những năm 70 thế kỷ trước, qua các Đài Huế, Đài Pháp Á và Đài Sài Gòn.

Ca sĩ Ngọc Long là một trong những ca sĩ của giai đoạn đầu tân nhạc Việt Nam. Với chất giọng nam trung ấm áp, mượt mà, tên tuổi anh gắn liền với những ca khúc: *Chuyến Bến, Tà Áo Xanh, Lá Đổ*



Ngọc Long (1928-2006).

Muôn Chiều của Đoàn Chuẩn – Từ Linh; *Con Thuyền Xa Bến* của Lưu Bách Thụy, *Dư Âm* của Nguyễn Văn Tý; *Hình Ảnh Một Buổi Chiều* của Lâm Tuyền; *Tạ Từ* của Tô Vũ; *Thu Hát Cho Người* của Vũ Đức Sao Biển...

Theo nhạc sĩ Lê Hoàng Long, Ngọc Long lập gia đình đầu tiên với chị Ngọc Bảo, một nữ trợ tá quân đội PAF xinh đẹp. Nhưng hơn 10 năm sau không có con nên hai người đồng ý chia tay. Lạ một điều sau khi cả hai cùng có gia đình khác thì con cái lu bù. Thôi thế cũng là một hạnh phúc tìm được cho cả hai.

Sau này anh kết duyên cùng ca sĩ Thanh Đức, mà chúng tôi đã gặp trong tang lễ của anh.

Khi từ Huế vào Sài Gòn, ca sĩ Ngọc Long hát cho Đài Sài Gòn. Sau đó chị Minh Trang giới thiệu nên ông Hoàng Cao Tăng mời sang hát cho Đài Pháp Á và anh cũng cộng tác thường xuyên với Đài Quân Đội.

Như nhiều ca kịch sĩ thời kỳ 1950-1965, ca sĩ Ngọc Long cũng chạy “xô”, thường gọi là *attraction cinema* với các nhạc sĩ Trọng Khương, Vũ Ngoạn, ca sĩ Vũ Huyền, Minh Hoan, kịch sĩ Hoàng Hải, Vũ Huân, Trần Văn Trạch... Tiếc rằng hồi đó chưa có phong trào thu băng đĩa rầm rộ như bây giờ nên không có một băng nhạc nào của Ngọc Long trên thị trường âm nhạc hiện nay tại Việt Nam.

Có một thời nhạc sĩ Đoàn Chuẩn ở Hà Nội đã ký giấy ủy quyền cho Ngọc Long được bán bản quyền tác phẩm của ông tại Sài Gòn. Nhưng Ngọc Long phải ký tên Từ Linh – vì Từ Linh là đồng tác giả với Đoàn Chuẩn. Chuyện có vẻ éo le nhưng chỉ là một cách đòi được tiền bản quyền, không bị mất trắng.

Ca sĩ Ngọc Long để lại trong ký ức những người Sài Gòn một giọng hát trầm ấm cho đến nay ít có ca sĩ nào theo kịp. Mỗi lần nghe Ngọc Long hát như đánh thức cả một quãng thời gian Sài Gòn xưa cũ.

Đấy mới đúng là Sài Gòn!

(Sài Gòn 26-3-2006)

CHƯƠNG 14

MỘT CHÚT KỶ NIỆM XƯA VỚI THÁI THỦY

Tôi không nhớ quen biết Thái Thủy từ bao giờ, chỉ nhớ khoảng năm 1957, khi tôi từ Nha Trang về làm việc tại Ban Báo Chí Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng. Khi đó Thái Thủy đang làm chương trình Tao Đàn với Đinh Hùng, Huy Quang, Thanh Nam, Hoàng Thu, Hồ Diệp, Phạm Đình Chương, Ngọc Bích, Tô Kiều Ngân, Quách Đàm... Có lẽ, qua một trong số những bạn này, tôi đã gặp Thái Thủy.

Hồi đó anh đang sống chung với Thanh Nam và Hoàng Thu. Ba chàng ngụ lâm không biết bắn súng này sống trong một ngôi nhà ở đường Phan Văn Trị rồi sau đó chuyển về sau rạp hát Quốc Thanh, gần đường Cống Quỳnh, và nơi trú ngụ sau cùng là building Cửu Long, trên đường Hai Bà Trưng, nay vẫn còn. Tại đây có một tay chà và gác cửa hần hoi, tuy chẳng bao giờ cần hỏi ai mà chỉ đợi khách đến building hỏi thăm số phòng. Ngày nay thì building tàn tạ

lắm rồi, trông bề ngoài nhom nhếch, cứ như “*dân tứ xứ đi chiếm đất giành dân*” vào ngự trị vậy. Đôi lúc đi ngang qua mà bụi ngủi.

Những ngày tháng đó chúng tôi có khá nhiều kỷ niệm. Nếu tôi nhớ không lầm, leo lên hơn 80 bậc thang mới tới căn phòng số 7C trên lầu 3, building Cửu Long.

Căn phòng toen hoén chỉ có một cái giường đủ cho một người nằm, vậy mà 3 ông nghệ sĩ được coi là “lớn” của Sài Gòn thời đó, chung nhau ở trọ. Thời kỳ này cả 3 cùng độc thân, một ông nằm giường, hai ông nằm đất. Sau này Thái Thủy mới “tậu” lại căn phòng 11C của ông Lâm. Ông Lâm làm cho hãng truyền hình Mỹ, nhưng anh em cứ thích gọi cái tên “nặng mùi xã hội đen” là Lâm Thợ Điện. Lúc đó Thanh Nam mới mua được cái tủ lạnh, chứa thức ăn thì ít, chứa la-de thì nhiều. Nhưng thật ra Thanh Nam được mệnh danh là “*ba 33*”, tức chỉ uống ba ly là chân tay quờ quạng rồi.

Thái Thủy rất điều độ, rượu nào cũng uống được, làm một ly với bạn bè thôi. Anh cả nể, nên cái gì cũng biết một tí, để chiều bạn chứ không phải chiều mình. Có lẽ vì thế mà anh rất nhiều bạn, nhất là những người nhiều tuổi hơn cũng quý anh, coi anh là bạn. Tôi nhớ hồi đó có anh Khôi, từ Mỹ về giữ chức Tổng Giám Đốc Thông Tin cũng hay lên phòng Thái Thủy nằm dài ra trên nền gạch bông dầu láo. Từ những ông, gần gấp đôi tuổi anh, cũng rất thân mật và yêu quý anh.

Con người nhỏ thó, nhưng nói năng cứ như ông già. Giữa Thái Thủy và Đinh Hùng chưa biết ai nhỏ con hơn ai. Anh còn một người bạn thân nữa là Vũ Quang Ninh, tục gọi Ninh con, cũng không “to” hơn anh là bao. Theo

tôi biết sở dĩ gọi là “Ninh con” để phân biệt với ông “Ninh lớn” tức cụ Hà Thượng Nhân bây giờ.

Hỏi đó ông nghệ sĩ nào có máy đánh chữ đã là hay lắm rồi, chúng tôi toàn viết tay. Thái Thủy thường phải phụ trách phần biên tập bài vở cho chương trình này. Nói rõ hơn anh ngồi soạn bài vở, thu thập tài liệu, phân công ai nói phần nào, ai ngâm bài nào, như một nhà đạo diễn làm bảng phân cảnh kỹ thuật kiêm luôn quay phim, tức là chính anh cũng nhận “xương ngôn” những gì.

Chương trình Tao Đàn thu thanh trực tiếp, tức là thu và lên sóng cho khán giả thưởng thức ngay nên không thể có sự lầm lẫn nào. Một tiếng động cũng sẽ được phát đi trên sóng. Ở bất cứ đài phát thanh nào, người làm tin trực tiếp phải là những chuyên viên nhiều kinh nghiệm. Ban Tao Đàn cũng gồm những vị như thế.

Vậy mà có lần Thái Thủy nói với tôi một chuyện khá vui: Mấy ông Ngọc Bích, Phạm Đình Chương... vẫn chơi xúc xắc sau “tắm màn nhung” phòng thu thanh trong khi chờ tới lượt mình. Cảnh chơi lén lút ấy có vẻ thú vị và trẻ trung lắm, dù ban kiểm soát bắt gặp thì cũng hơi phiền. Nhưng với các “đàn anh” Tao Đàn thì rồi cũng huề cả làng thôi.

Hỏi đó cả nước đều nghe Tao Đàn. Sau này, thời gian tôi ở trên Pleiku một năm, hầu như nhà bất cứ người dân kha khá nào hoặc phòng một sĩ quan độc thân nào cũng có một cái “radio” và các buổi tối có chương trình Tao Đàn, nhà nào cũng mở nghe. Ở Sài Gòn cũng vậy.

Khi gặp Xuân Vũ, một nhà văn tập kết ra Bắc rồi hồi chánh vào khoảng đầu thập niên 1970, tác giả *Đường Đi Không Đến*, tôi có dịp trò chuyện thân mật để tìm hiểu xem

chương trình phát thanh nào ở miền Bắc thích theo dõi. Lúc đó tôi được biết, người dân và một số nghệ sĩ ở miền Bắc cũng “nghe lén” Tao Đàn và một vài chương trình khác, tất nhiên là phải rất cẩn thận. Như thế đủ chứng tỏ ảnh hưởng của Tao Đàn rất lớn đối với thính giả.

Theo tôi biết, cố thi sĩ Đinh Hùng là người phụ trách chính của chương trình này, nhưng Thái Thủy, Thanh Nam, Huy Quang là linh hồn của Tao Đàn — tất nhiên phải kể đến những nghệ sĩ khác nữa đã góp công sức làm nên chương trình văn học nghệ thuật rất có giá trị này. Đây là một dấu ấn không thể phai về phát thanh của Miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Thời kỳ Thái Thủy còn độc thân, anh em cho cái hõn danh là “chú nhóc” vì tặng người nhỏ bé của anh. Nhưng “chú nhóc” lại rất hào hoa, rộng rãi. Hồi đó nhà hàng La Pagode ở Catinat là nơi một số lớn anh em nghệ sĩ thường gặp nhau vào buổi chiều, hàng ghế salon còn kê dài dài ở ngoài hè phố. Mỗi lần Thái Thủy đi chơi về ngang là ghé vào vợ lấy bông tính tiền trả hết.

Sau này khi Thái Thủy có vợ thì cái hõn danh ấy không còn nữa. Bộ ba ngụ lâm pháo thủ không biết bắn súng cũng rụng dần theo thời gian. Hoàng Thu đi trước với một người đẹp, con ông chủ nhà hàng com Tây nổi tiếng ở Đa Kao, sau đó đến Thái Thủy về Phú Nhuận, và Thanh Nam là người trụ lại cho đến khi chị Túy Hồng từ Huế vô Nam mới “*đưa chàng về dinh*”.

Trong thời gian ở cái được gọi là trại cải tạo, Thái Thủy “may mắn” bị tóm sau chúng tôi ít ngày và “được” đưa lên trại Gia Trung, một trại nổi tiếng về sự hà khắc, hõn hào.

Để chứng minh cho một sự hõn hào, Thái Thủy kể lại

chuyện một anh tù cải tạo hơn 60 tuổi để râu. Khi anh này đi qua cổng trại, bị một cai tù chặn lại hoạnh hộc:

– Mà bao nhiêu tuổi mà để râu?

– Tôi ngoài sáu mươi.

Anh cai tù chỉ chừng 19-20 tuổi trũng mắt phán:

– Ôn con mà đòi để râu! Về cạo ngay đi.

Vài năm sau, khi chúng tôi từ Bắc “được” đưa về trại Hàm Tân, Thái Thủy cùng một số bạn tù khác cũng được đưa về đây. Nhìn Thái Thủy xách hành lý tả tôi đi vào trại, tôi không thể nhận ra anh được. Cái kính cận mất gọng, nút mắt, buộc bằng hai sợi dây lòi tói, trên một khuôn mặt hốc hác. Bộ quần áo tù, vá chằng vá đụp, anh đi ngo ngác với một vẻ chán chường.

Tôi biết các anh ở trại Gia Trung về hầu hết là “đói dài”. Sau khi đã ổn định chỗ ở trong tù, tôi kéo anh ra một góc tâm sự và bàn với một người bạn tôi vẫn “sinh hoạt” chung trong tù, chia cho Thái Thủy một ít đồ dùng. Nhưng Thái Thủy và tôi đi đến giữa sân, gặp ngay tên cai tù, suýt nữa cả hai cùng vào nhà đá “*nằm nghỉ mát treo một chân lên*”, chơi với muối. Cũng may, sau một hồi giải thích, nó lại tha. Từ đó chúng tôi có dịp gặp nhau thường xuyên.

Khi Thái Thủy được tha trước tôi hai năm, anh rủ một người bạn



Thái Thủy trong buổi Vinh Danh
Tao Đàn ngày 29-7-2006 tại báo
Người Việt, CA.

phóng xe gắn máy từ Sài Gòn lên thăm và tiếp tế thêm cho tôi vài gói thuốc, mấy phong bánh.

Anh trở thành người “đi thăm nuôi” như các bà vợ đáng thương của những người ở trại cải tạo.

Khi tôi về Sài Gòn, bắt đầu “sự nghiệp” đánh vi tính thuê kiếm sống, tôi đã định rủ rê Thái Thủy đi vào con đường này, kiếm được đồng nào hay đồng ấy. Nhưng anh quyết định đi định cư ở Mỹ.

Trước khi đi, anh chăm chỉ lên nhà tôi học vi tính. Thật ra cũng chưa biết học để làm gì. Bây giờ mới biết là nó hữu dụng như thế nào. Ít ra thì hàng ngày cũng gõ được e-mail cho bạn bè, làm được vài tấm hình ảnh gửi cho con cháu, nghe được vài bản nhạc “chùa”.

Mỗi lần nhận được thư điện tử của anh, tôi thích thú và thăm nghĩ “*ông có ở đâu thì tôi với ông cũng còn nhiều nợ nần lắm*”. Nhưng kỷ niệm giữa tôi và Thái Thủy nói cả năm cũng chưa hết.

Được tin báo *Khởi Hành* và báo *Người Việt* tổ chức một buổi họp mặt với những người Bạn Tao Đàn, tôi ghi vội vài hàng này, gọi là một chút quà tặng bạn.

Tôi ở một vùng quê mùa tại Việt Nam, hình dung ra buổi họp mặt rất nhiều ý nghĩa sâu sắc và trên hết là cảm xúc tràn đầy của những người nhớ về các kỷ niệm xưa, đánh thức tình yêu, tình người và cả một thời gian không gian cứ như đang sống lại. Có lẽ chúng ta chẳng có nhiều thời gian được sống lại như thế.

Xin kính chúc các vị khách và bạn bè trong buổi “hội ngộ tương phùng” HẠNH PHÚC và gia quyến KHOẺ MẠNH.

(Lộc Ninh tháng 7-2006)

CHƯƠNG 15

THÁI TUẤN CỦA SÀI GÒN

Tôi không biết nên dùng “Thái Tuấn của Sài Gòn” hay “Sài Gòn của Thái Tuấn” vì cả hai đều giống nhau, nhưng ý nghĩa lại có phần khác. Thôi thì cứ dùng cả hai.

Lẽ ra anh là “người của Paris”, nhưng gần đây, anh trở về Sài Gòn và anh nói thẳng ngay: “Tôi không đi đâu nữa, về sống luôn ở đây”. Năm nay anh 89 tuổi rồi, chọn một nơi chốn nghỉ ngơi theo ý thích, chứ không hề có ý định nào khác. Đó là tất cả lý do của người trở về.



“Chiều Paris”
Thái Tuấn tự họa, 2003

Và cái ý thích riêng tư của mỗi người đều là lý do chính đáng, ít nhất cho mình.

KHI THÁI TUẤN VẼ BẰNG “CON CHUỘT”

Tôi không ngờ ngàng khi anh trở lại thành phố này. Cách đây một tháng, Đinh Cường từ Mỹ về thăm Thái Tuấn. Cả hai điện thoại cho tôi khi tôi còn ở Lộc Ninh. Tiếng Đinh Cường sang sảng, nhưng tiếng Thái Tuấn qua điện thoại thì nghe tiếng được tiếng mất, nên tôi chẳng hiểu anh nói gì. Đinh Cường và Quốc Thái phải “phiên dịch” lại. Anh hẹn tôi về Sài Gòn đi cà phê, có nhiều chuyện để nói.

Tất nhiên gặp anh thì chẳng thiếu gì chuyện trên đời. Tôi nhớ cách đây ba bốn năm, anh đã về Sài Gòn thăm mấy người con trai còn ở lại. Anh đã tham gia một cuộc triển lãm chung với mấy họa sĩ khác và gọi tôi đến xem tranh nhưng sau đó đến phần “chiêu đãi” thì tôi “biến”.

Trước đó nữa, khi Vương Đức Lệ còn ở Sài Gòn, Thái Tuấn cũng từ Pháp về Việt Nam, chúng tôi đã đến thăm và anh tặng mỗi người một bức tranh anh mới vẽ bằng computer. Anh vẽ bằng “con chuột” chứ không bằng cọ. Nét vẽ trên computer không khác nhiều so với các bản “vẽ tay” trước đây của anh. Nhưng tôi cứ thấy có một cái gì đó “hoi khô” trong từng đường nét, dù anh vẫn là người đi khám phá các đường nét rất “thiếu nữ”, rất mềm mại, nhưng trong cái mềm mại đó, dường như thiếu “một trái tim đang nhảy múa”.

Màu sắc pha trộn trên computer vẫn đầy vẻ dịu dàng, bay lượn, nhẹ như tiếng lá rơi nhưng thiếu chút gió trời trong những bức họa trước đây của anh. Cũng có thể, đó là do ấn tượng của tôi khi biết anh vẽ bằng “con chuột” chứ chưa chắc đã đúng.

NGÔI NHÀ MUÔN NĂM CŨ

Anh vẫn ở trong tận cùng con hẻm Yên Đỗ cũ, dù nay cụ Yên Đỗ được “giải phóng” cho “về vườn” để thay bằng cái tên Lý Chính Thắng. Tôi từng đến nhà anh vài lần nhưng trước khi đi vẫn phải điện thoại cho con trai anh hỏi thăm đường đến. Căn nhà anh nằm chen chúc giữa một “đống” ngà ba ngà tư trong con hẻm nhỏ xíu.

Từ con hẻm 150 Lý chính Thắng thông sang con hẻm 152, đi đường nào cũng được và đi đường nào cũng có thể bị lạc giữa “rừng nhà” chật chội với số nhà “xuyệc” lung tung chẳng ra hàng lối gì. Nhà của anh số 150/31/5, nhưng nếu không hỏi thăm người quanh đó thì cũng chẳng biết đâu mà mò. Căn nhà đó anh ở từ rất lâu rồi, trước năm 1975. Bây giờ vẫn vậy chỉ thêm một hàng rào và cái cửa sắt bé tẹo trước cửa. Nếu tôi nhớ không lầm, xưa kia là cửa gỗ. Bấm chuông một lúc khá lâu, mới thấy anh đích thân ra mở cửa. Các cháu đi làm hết, mình anh ở nhà và anh lại ở trên lầu.

VỀ BẢNG TRÁI TIM

Dáng người gầy gò mảnh khảnh, dong dong cao... như cây dừa, mái tóc bạc phơ, nụ cười luôn nở trên môi.

Anh tiếp đón bạn bè vẫn ân cần, thân mật như ngày nào. Nhìn anh không thay đổi nhiều, tôi cứ ngỡ anh vẫn ở đây, chẳng đi đâu cả.

Tiếng anh khào khào, phải chú ý nghe mới rõ:

– Tôi về hơn một tháng rồi. Nghe anh em nói anh ở Lộc Ninh?

– Vâng, tôi tìm một chỗ dưỡng già.

– Tôi cũng vậy. Trên đó có cái gì quyến rũ anh quá vậy?

– Sự yên tĩnh, thanh thản, và “cái khó nó bó cái khôn”. Chẳng thiếu gì nơi lý tưởng dưỡng già, như Đà Lạt, Vũng Tàu chẳng hạn. Nhưng các nơi đó dành cho “đại gia” chứ tôi làm gì đủ khả năng mua đất ở đó. Nếu đất ở Vũng Tàu hay những nơi gần Sài Gòn, vài triệu đồng hoặc vài chục triệu đồng một mét vuông thì ở Lộc Ninh, chỉ 30 ngàn đồng Việt Nam một mét thôi anh ạ. Súc tới đâu mua tới đó. Khoảng một ngàn mét là anh có cái nhà và một mảnh vườn, một cái ao thả cá rồi.

Anh tỏ vẻ ngạc nhiên rồi vỗ vai tôi:

– Mỗi người chúng ta đều chuẩn bị một cái gì đó cho cuối đời.

Anh đưa tôi lên lầu. Căn lầu cũng chỉ có hai phòng. Phòng của anh kê vừa đủ một cái giường, một cái ghế dựa dây nilon và một cái bàn nhỏ. Tất cả chưa được 4 mét vuông. Trên tường, chỗ nào cũng là tranh anh mới vẽ. Tôi không biết anh vẽ ở chỗ nào. Hiểu ý tôi, anh cười:

– Tôi vẽ ngay ở đây, trong trái tim này, chẳng cần nhìn đi đâu cả. Từ ngày về Việt Nam đến nay vẽ được 8 bức rồi đấy.

Một bức có lẽ anh cho là thú vị nhất treo ngay đầu giường. Những bức khác cũng “toàn con gái”. Vâng, theo tôi, toàn thiếu nữ, chứ... không phải “đàn bà”. Tất cả đều trẻ trung, mỗi người một vẻ, mỗi khuôn mặt một nét riêng, có một tiếng nói âm thầm nào đó cũng rất riêng. Mỗi dáng điệu cho người xem một cái nhìn khác.

Cái huyền bí của thế giới thiếu nữ chẳng bao giờ nói hết và chẳng ai giống ai. Cô con gái bên song cửa đợi chờ cái gì, không ai biết. Người kịch sĩ suy tư sau ánh đèn sân khấu, khác với những cô gái nhớn nhơ vô tư như những bông hoa giữa phố phường... Tranh Thái Tuấn là như thế.

Đôi khi anh cũng vẽ Paris và những người đàn ông, thần hoặc đôi lúc cũng có những bàn tay nồn nà với khói thuốc. Cũng có khi là một “tĩnh vật” rất đời thường. Song tranh Thái Tuấn rất ít đường nét phức tạp. Mọi hình thể đều giản dị đến mức tối đa, không có những chi tiết nhỏ nhặt, vậy mà người xem vẫn cảm thấy được.

Xem tranh Thái Tuấn để cảm nhận ngay từ khi vừa bắt đầu nhìn thấy và sau đó mới là sự đi tìm những nét tinh tế ẩn chứa phía sau.

Với tuổi của anh, tất cả họa phẩm đều rất trẻ và tươi mát qua vài đường nét, đặc biệt là màu sắc, ngay cả khi bắt gặp dáng vẻ trầm mặc của một cô gái “mơ về cội nguồn”. Tám bức tranh vẽ từ khi về Việt Nam không đủ chỗ treo trên tường. Người con trai anh phải mang thêm vài bức ở phòng ngoài vào phòng trong. Khách đến chơi ngồi ngay trên giường ngủ của anh. Nhà anh không có chỗ trưng bày tranh như những họa sĩ khác. Muốn xem hoặc mua tranh của anh phải đến phòng triển lãm. Anh nói:

- Lúc nào đủ mười hai bức, tôi sẽ triển lãm.
- Chỉ có mười hai thôi sao?

Anh cười:

– Ừ, chỉ mười hai tranh mới vẽ thôi. Nhiều quá... không ai đủ thì giờ xem hết.

– Hơi độc đáo đấy, ông anh ạ. Nhưng sao lại mười hai mà không phải mười ba, mười bốn? Anh tính một năm mười hai tháng hay tính vừa đủ một tá?

Anh cười thành tiếng và vẫn là tiếng khào khào:

- Chẳng tính theo cái gì cả, chỉ theo ý thích thôi.
- Thế thì tôi chịu. Nhưng bao giờ mới triển lãm đây?
- Có lẽ cuối năm nay thôi. Chưa biết sẽ làm ở đâu. Tôi đang có hứng mà. Có thể xong sớm hơn. Nhớ về nhé.

– Tất nhiên rồi. Nghe nói nhà xuất bản nào sắp cho ấn hành cuốn sách về anh phải không?

Anh gật đầu:

– Có thể là nhà xuất bản Phương Nam đấy. Họ đến lấy bản thảo rồi.

– Có những gì trong cuốn sách ấy?

Anh lại cười hiền lành:

– Tác phẩm và cuộc đời. Tất nhiên không thể thiếu những bài của bạn bè và những kỷ niệm đáng nhớ.

Tôi nghĩ đó là công việc đáng làm cho những nghệ sĩ đã đóng góp công sức cho văn học nghệ thuật. Đến một tuổi nào đó cần phải có một cái gì để lại cho cuộc đời và cho những ai muốn tìm hiểu, sưu tầm về những “tên tuổi lớn” đó. Trường hợp này cũng không ngoại lệ.

NGHỆ THUẬT GIỐNG NHƯ TÌNH YÊU, KHÔNG GIẢI THÍCH ĐƯỢC

Trong một bài bày tỏ về quan điểm nghệ thuật, Thái Tuấn đã viết: *“Tác phẩm nghệ thuật và khả năng đa dạng, có thể đã mô tả hiện thực cuộc sống, có thể đã phản ánh cuộc sống như một tấm gương phóng đại, soi rõ từng nét của những góc cạnh tăm tối của cuộc đời, cũng có thể để ca ngợi đời sống và con người, và cũng có thể chỉ là một câu hỏi suông. Song những khả năng của một tác phẩm thường bị nhầm lẫn với chức năng nghệ thuật. Những cuộc thảo luận bàn cãi về chức năng nghệ thuật đã trở thành vấn đề lỗi thời. Những lời giải đáp từ trước đến nay, cũng chỉ là sự giải đáp gượng gạo hàm hồ, của số người chưa từng bắt tay vào sự sáng tạo đích thực, của bọn thầy bói chưa từng nhìn thấy con voi...”*

Quan điểm của anh dứt khoát, mạnh mẽ. Nghệ thuật theo anh, đến với người thưởng ngoạn là sự cảm thông

“phát sinh từ khoảng cách giữa màu sắc xanh đỏ, giữa đường con nét thẳng trong phối hợp giữa hình thức và ý tưởng, giữa mộng và thực”. Cho nên đối với anh sự giải thích là không cần thiết. Theo tôi, anh nhìn nghệ thuật như tình yêu, là thứ không thể giải thích *“vì sao tôi yêu người ấy”*. Lời đáp là chẳng vì sao cả, vì tôi yêu *“người ấy”*, thế thôi. Thế là đủ. Giải thích không những thừa mà còn làm giảm giá trị tiếng nói của trái tim. Nếu hiểu như thế, người ta rất dễ dàng chấp nhận quan điểm của anh.

BÓNG DÁNG LỚN CỦA NỀN NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

Nhận xét về tranh Thái Tuấn, nhà phê bình Huỳnh Hữu Ủy đã viết: *“... Ở đây, chúng ta thấy rất rõ là Thái Tuấn đã tổng hợp những tinh túy của nghệ thuật Á Đông và kỹ thuật hội họa Âu châu để vẽ nên những tấm tranh của mình, là sự khoáng đạt của những chấm phá giản dị nơi nghệ thuật thủy mặc cộng với nghệ thuật sơn dầu của phương Tây. Anh thường xuyên suy nghĩ chiêm nghiệm về những khoảng trống để tạo nên không gian mênh mông, hài hòa trong màu sắc trầm mặc”.*

Và ông đã nhận định: *“Thái Tuấn là một bóng dáng lớn của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Vừa đắm mình trong công việc sáng tác, anh vừa góp nhiều phần vào tác động trong việc phát triển và hình thành mạnh mẽ một nền nghệ thuật mới...”*

PHONG CÁCH THÁI TUẤN

Sự giản dị trong sáng trong tác phẩm cũng như trong đời sống đã làm nên một Thái Tuấn của Sài Gòn và Sài Gòn của Thái Tuấn. Anh thích ở đâu thì ở đó, thích sống ra sao thì thực hiện ước mơ của mình. Suốt cuộc đời nghèo

khó, nhưng anh rất hài lòng với cuộc sống của mình. Khi ở Orlean, khi ở Paris hay qua Mỹ, rồi trở lại Sài Gòn, anh vẫn vậy. Phong cách xuề xòa, không kiêu cách, không hề tỏ ra là “nghệ sĩ lớn hay nhỏ”, anh thân mật với mọi người xung quanh. Tôi cho đó chính là “cái lớn nhất” của một nghệ sĩ. Tôi yêu quý và kính trọng anh chính vì vậy. Dù anh ở lại đây hay đi đâu cũng thế thôi.

Trước khi từ già, anh hỏi tôi về vườn cây, ao cá, đàn gà, dàn muống... Anh tỏ vẻ hào hứng về cảnh quê mùa ấy lắm. Anh hứa thế nào cũng sẽ lên chơi nhà tôi vài ngày để thay đổi không khí. Đó là sự cần thiết của tuổi già và cũng là sự cần thiết cho một người sáng tác. Tôi hy vọng anh sẽ có một tác phẩm nào đó khi anh sống với khung cảnh ở nơi nửa thôn dã, nửa rừng rú này.

Xin gửi thông tin này đến bạn đọc và xin hãy chờ cuộc triển lãm sắp tới của người họa sĩ 89 tuổi – có lẽ lúc đó ông vừa chẵn 90 – suốt cuộc đời yêu nghệ thuật như yêu người yêu của mình và không bao giờ hiểu tại sao. 90 rồi cũng vẫn còn yêu và yêu mãnh liệt hơn nữa.

Sinh năm 1918 tại miền Bắc. Anh đã theo học trường Mỹ Thuật Hà Nội từ năm 1938. Năm 1940 anh bỏ học. Vì vậy anh thường nhận là tự học. Năm 1957, anh bắt đầu vẽ tranh tại Sài Gòn, hầu hết là tranh sơn dầu. Từ đó đến nay đúng nửa thế kỷ, Thái Tuấn chưa hề ngưng tìm tòi sáng tạo. Sau năm 1975, đã có thời gian anh định cư tại Orléans, Pháp. Hiện anh ở số 150/31/5 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TP. Sài Gòn.

Triển lãm tại Việt Nam: Alliance Francaise Saigon 1958 – Galerie Dolce Vita, Saigon 1970 – Continental Palace, Saigon 1973.

Triển lãm ở hải ngoại: Brazil – Hoa Kỳ – Canada – Pháp.
Có nhiều bộ sưu tập riêng ở Việt Nam, Pháp, Hoa Kỳ và Canada.

Bài này xin coi như lời mừng thọ tuổi 90 dành cho họa sĩ Thái Tuấn.

(Sài Gòn 31-8-2006)

CHƯƠNG 16

VĨNH

BIỆT HOÀNG ANH TUẤN, MỘT NGHỆ SĨ ĐÍCH THỰC TỪ TÁC PHẨM ĐẾN CUỘC ĐỜI

Đã một thời Hoàng Anh Tuấn là hàng xóm của tôi ở cư xá Chu Mạnh Trinh, bên ngã tư Phú Nhuận. Khu cư xá này từng có khá nhiều văn nghệ sĩ thời đó “xây tổ ấm.” Gia đình anh chị Dương Thiệu Tước – Minh Trang – Quỳnh Giao, gia đình ông chú Nguyễn Mạnh Côn của tôi, gia đình Thái Hằng – Phạm Duy, danh ca Anh Ngọc, nhà văn Duyên Anh, nhà báo Linh Lan, ông chủ báo *Ngôn Luận* và *Văn Nghệ Tiền Phong* Hồ Anh... Lâu quá rồi, tôi không thể nhớ hết. Nhưng điểm lại nay không còn được một nửa. Lại thêm một người nữa vừa ra đi: Hoàng Anh Tuấn ở San Jose.

KHÔNG NGẠC NHIÊN, NHƯNG...

Tin anh mất không làm tôi ngạc nhiên, bởi từ lâu, khi Phạm Huấn còn nằm tại “viện dưỡng lão” bên cạnh đã có Hoàng Anh Tuấn. Tôi vẫn được bạn bè ở San Jose cho biết tin về hai bạn này. Có ông tường thuật từng chi tiết.



Nào là hồi này Tuấn khỏe lắm, bụng to như cái thùng, vẫn cười như trẻ thơ. Tôi cũng nhận được vài tấm ảnh của Tuấn, khuôn mặt vẫn vậy, nhưng thân hình đầy đà, khác nhiều so với ngày nào. Khi Phạm Huấn mất, tôi chắc Tuấn buồn lắm, không còn bạn bên mình. Trong thâm tâm, tôi cứ nghĩ một ngày nào đó Tuấn sẽ bỏ anh em,

một ngày gần thôi. Vì thế tôi không ngạc nhiên khi nhận cùng lúc gần 10 cái e-mail từ các bạn ở Mỹ báo tin Tuấn đã ra đi vào 7.30 sáng, giờ Cali, Thứ Sáu 01-9-2006. Không ngạc nhiên, nhưng nỗi ngẩn ngơ vẫn tràn đầy. Hình ảnh Hoàng Anh Tuấn cứ hiện lên, hơn 30 năm qua rồi, xa nhau biệt biệt mà Tuấn như ở trước mặt. Dáng vẻ hồn nhiên, vô tư của anh rõ mồn một. Con người lúc nào cũng như *“cuộc đời chẳng có gì phải lo nghĩ, chẳng có gì phải tính toán”*. Anh phơi phới trong bất kỳ trường hợp nào. Suốt những năm tháng ở gần anh, chẳng bao giờ thấy anh buồn. Thế mà thơ anh lại hay, lại thấm, chữ nghĩa mới lạ, sâu sắc.

Với tôi, đó là người bạn rất đặc biệt.

TOÀN NGHỀ TAY TRÁI

Hoàng Anh Tuấn có rất nhiều “nghề”. Đạo diễn, nhà thơ, nhà văn, nhà báo và Quản đốc đài phát thanh Đà Lạt.

Nhưng con người anh không có một tí công chức nào. Thông thường, bạn bè nhìn anh như một nhà đạo diễn, nhưng không “chuyên nghiệp” như Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Hoàng Hoa... Anh là đạo diễn “tài tử” dù từng tốt nghiệp tại một trường Điện Ảnh ở Pháp ngay thời kỳ là sinh viên ở Paris. Nhưng ai mời mà thấy “hợp gu” thì đạo diễn... chơi cho vui. Hình như cái gì anh cũng làm chơi cho vui. Thích thì làm, không thích thì bỏ, giản dị có thế. Cả cuộc sống cũng vậy. Ở anh, con người nghệ sĩ chân thật, hồn nhiên bao trùm mọi thứ. Anh chơi với hết mọi người, ngồi quán cóc, uống ly cà phê, ăn cơm Bà Cả Đọi cũng y chang ngồi ở Caravel phỏng vấn các ca sĩ nổi danh thế giới như Dalida hoặc ngồi *dancing* ăn cánh gà chiên bơ, đấu láo với mấy em ca-nhe, bất kể hạng nhất hay về già. Ngay ăn mặc, Tuấn cũng chẳng hề lưu ý, cứ “đại khái chủ nghĩa”, không “lên khuôn đóng thùng” ngay cả ở nơi cần long trọng. Tiếng cười của anh nhiều hơn lời nói. Về “tĩnh tĩnh” làm nên một phong cách riêng. Nhìn anh là thấy ngay “cuộc đời có cái quái gì quan trọng đâu.” Tôi chắc bạn bè rất thích Hoàng Anh Tuấn vì lẽ đó.

NHÀ ĐẠO DIỄN HIỀN LÀNH NHẤT THẾ GIỚI

Tôi nhớ khi đạo diễn phim *Ngàn Năm Mây Bay* phóng tác theo tiểu thuyết của tôi do Thái Lai mời, Hoàng Anh Tuấn gặp tôi ở đầu ngõ, hỏi:

– Lê Quỳnh đóng với Bích Sơn, được không mày?

Hai tài tử này thời gian đó là nổi nhất rồi. Tôi nói “tùy mày và anh Thái”, nhà sản xuất phim cũng là một nhà sản xuất tài tử — khác với Mỹ Vân, Alpha. Hai ông “nghề nghiệp tài tử” này thích thì làm, khỏi cần biết cuốn phim đi đến đâu. Nhưng quả thật, tôi khoái kiểu “vui chơi mùa hè

này” của mấy ông bạn. Ông Thái trả bản quyền bao nhiêu tôi không còn nhớ, nhưng chắc chắn không phải là “có món tiền kha khá” như Quốc Phong làm *Chân Trời Tím*.

Một lần Tuấn kéo tôi lên xem đóng phim. Phim trường là căn nhà của ông giám đốc sản xuất Thái Lai phim, cuối đường Hồng Thập Tự. Căn nhà mặt tiền đường, không rộng hơn các căn nhà bán tạp hóa ở dãy phố này. Kê cái comptoir ở phía trong, đèn đuốc, máy quay linh kinh xung quanh, cứ như cửa hàng bán phụ tùng máy móc. Bữa đó không có Lê Quỳnh, chỉ có hai chị em Bích Sơn, Bích Thủy. Đạo diễn Hoàng Anh Tuấn râu ria xồm xoàm, nhưng rất nhàn nhã, không quát tháo, chỉ chỏ tôi bởi hoa lá như các đạo diễn mà tôi đã từng thấy. Lâu lâu lại thấy đạo diễn cho máy travelling bằng cách kéo cái camera di chuyển trên mặt sàn gạch, chẳng cần đường ray. Lúc nào Tuấn cũng nhỏ nhẹ:

– Ấy ấy, làm thế này, em ơi. Em làm ơn đứng sát vào một tí. Đừng cười nhiều, cái miệng rộng quá, mím chi thôi. Làm xem nào. Máy!... Cắt!...

Họ làm việc với nhau như “anh em trong nhà”.

Thế mà cuốn phim cũng hoàn thành, tôi chẳng biết hoàn thành trong bao lâu. Nhưng chắc không quá 2 tháng vì quá 2 tháng thì nhà sản xuất tài tử này không còn tiền trả nhân công. Rồi cũng đem ra rạp chiếu đường hoàng, lời lỗ bao nhiêu chẳng biết. Nếu tôi nhớ không lầm thì ông Thái Lai chỉ sản xuất một cuốn phim rồi thôi luôn. Sau này ông tái bản cuốn *Chân Trời Tím* mà tôi cũng chẳng hề biết. Khi sách in xong, ông mới mang đến cho tôi một cuốn, bản quyền được trả bằng một châu ăn là xong. Một kỷ niệm đáng nhớ là Bà Cụ Hoài Bắc — cách gọi thân

mật bà mẹ của Phạm Đình Chương, Thái Thanh — thỉnh thoảng lại nhắc về cuốn phim, nhưng cụ gọi là phim *Ngàn Năm Máy Bay* vì trong phim có cảnh máy bay trực thăng đổ quân xuống một vùng quê.

Một lần khác, tôi được xem Hoàng Anh Tuấn đạo diễn phim *Hai Chuyến Xe Hoa*. Phim trường ngay tại nhà đạo diễn ở cư xá Chu Mạnh Trinh. Tôi chỉ xem được một đoạn có nghệ sĩ cải lương Thành Được mở cửa buồng nhà ông bà Hoàng Anh Tuấn, đi ra đi vô năm bảy lần.

Nhưng cuốn phim được nhiều người nhắc đến nhất có lẽ là *Xa Lộ Không Đèn*. Tuấn không long trọng mời bạn bè mà chỉ hỏi:

– Mà có đi xem không, tao đưa vé.

Tính cách anh là như thế.

NHỮNG TRUYỆN DÀI KHÔNG BAO GIỜ VIẾT HẾT

Anh còn viết feuilleton cho một số tuần báo và nhật báo Sài Gòn thời đó. Nhưng khối ông chủ báo rên la vì cái tật hứng thì viết, không thì bỏ. Hầu như ít có truyện dài nào anh viết đến nơi đến chốn, nên rất hiếm truyện nào được xuất bản. Lối viết của anh khá hấp dẫn, đọc giả chịu đọc lắm, nhưng mỗi khi gặp đoạn “khó nhai” là anh tạm ngưng hoặc ngưng luôn. Người viết truyện dài nào, cũng gặp lúc như thế, phải cố gắng vượt qua. Riêng anh hay nản, nên bỏ ngang. Tôi rất tiếc vì điều này, nếu không thì Hoàng Anh Tuấn cũng có nhiều tác phẩm rất hay được xuất bản.

Lâu lâu lại thấy xuất hiện một bài thơ của Hoàng Anh Tuấn trên báo khiến anh em sững sờ. Vì thơ Tuấn rất hay,

bài nào cũng hay. Đã có người so sánh với Nguyên Sa, Đinh Hùng, nhưng với tôi, thơ Tuấn có cả tính chất Nguyên Sa, Đinh Hùng và rất Hoàng Anh Tuấn. Chữ nghĩa mới, không trau chuốt, cầu kỳ, nhưng rất rung động, đi thẳng vào tim người. Cung bậc sâu thẳm trong tình yêu được đánh thức dậy đến bàng hoàng.

NHỮNG BÀI THƠ BẤT HỦ

Đã lâu lắm không đọc thơ Hoàng Anh Tuấn, mới đây, tôi nhận được tập thơ của anh gồm: 18 bài thơ Hà Nội và 47 bài Ngoại Tập. Đọc thích thú, say sưa. Vẫn như thuở nào khi bất ngờ thơ Tuấn xuất hiện trên báo hoặc qua bạn bè. Lần nào cũng là một cú “chơi ngang” của anh. Tôi không yêu bài nào hơn bài nào. Nhưng trong những thư điện tử của các bạn tôi khi báo tin Hoàng Anh Tuấn đã ra đi, có nhiều người đã nhắc lại các bài thơ mình yêu thích.

Hồng Dương ở Santa Ana thì cảm khái vô cùng với:

*Hương còn ngấn ả trên môi
Ươm hơi rừng cũ, đuộm mùi gỗ xưa
Mướt lá đợi, óng rêu chờ
Sững im cương thạch, quanh co ôn tuyến.*

Và Thanh Thương Hoàng ở San Jose thì ngân nga:

*Hà Nội yêu, anh vẫn yêu muốn khóc
Mấy chục năm, xa đến mấy ngàn năm
Giã từ em – mười bảy tuổi – một lần
Thu rất mỏng, mưa hừng hờ dầm lá
Hà Nội yêu, áo lụa ngà óng ả
Thoáng khăn san nũng nịu với heo may
Hai ngón tay nhón một trái ô mai
Chiếc răng khểnh xinh nụ cười cam thảo...*

Đến đây tôi có phần đồng ý với Nguyễn Xuân Thiệp về nhận định: *“Lục bát của Hoàng Anh Tuấn mới thể hiện hết những vẻ đẹp cấu trúc ngôn từ và cảm xúc”*.

Nhưng xem lại các bài khác của Tuấn, tôi lại phân vân, vì ở thể loại nào nhà thơ cũng mang đến cho tôi cảm xúc mạnh mẽ như chính tâm hồn tác giả cũng giông bão:

*...Lửa rạo rực còn nguyên trong mạch máu
Sóng cuồng quay ẩn nấu dưới làn da
Gỗ mua mềm cho nắng ấm phù sa
Cởi sương mỏng – thôi ngưng ngưng mắc cỡ
Em hoang dại còn dâng vùng rêu cỏ
Anh ngựa điên tung vó dấy phong ba
Trời quạnh hiu nổi bão tố phẫn hoa
Khe suối nhỏ ả nồng hương đã thú
Mùa hạn hán bỗng tràn lan nước lũ
Tiết đông hàn trở lộc non thanh xuân
Rất ngàn xa trong ấp ủ miết gần
Nghe hung lụa trong vuốt ve tình sử...*

và:

*...Mộng trong mộng đã chìm vào đáy mộng
Anh bằng hoàng bằng choáng ngợp lên cao
Đi miệt mài chừng đã mỏi khát khao
Nền chân bước lún sâu vào dĩ vãng
Những ngày ngất chạy vòng quanh mê loạn
Tuồng ngàn năm không thoát khỏi cơn điên
Bằng bất ngờ sợi tóc bạc đầu tiên
Em phát văng nồng nàn vào xưa cũ...*

Các vần thơ trên đều trích từ thơ Hoàng Anh Tuấn.

VÀI KỶ NIỆM NHỎ

Tôi nói nhiều về thơ Hoàng Anh Tuấn vì thơ anh đặc

biệt xuất sắc hơn tất cả những “nghề tay trái” khác của anh. Những kỷ niệm rải rác của tôi và gia đình Hoàng Anh Tuấn khá nhiều. Có lần anh ở Đà Lạt, có con gái về Sài Gòn, anh điện thoại cho tôi thân nhiên nói: “Mày cho xe ra phi trường đón con gái tao, Hoàng Hôn Thẩm nhé”.

Quả thật tôi không còn nhớ chính xác người con gái đó là Hoàng Hôn Thẩm hay Thu Thuyền nữa. Tất nhiên tôi phải cho xe đón cháu và đưa đến nơi về đến chốn. Anh không màu mè “*làm ơn đón cháu*” lời thôi.

Lần khác tôi lên Đà Lạt vào dịp lễ Giáng Sinh, đến nhà anh chị Tuấn chơi, nhưng cả mùa Noel đó Tuấn không về. Khi trở lại Sài Gòn, gặp Tuấn, tôi muốn trách anh mấy câu, nhưng nhìn anh cười cười tinh rụi, tôi lại không nói gì được nữa. Nhưng sau đó tôi hỏi sao không về ăn Noel với vợ con. Anh trả lời gọn lỏn: “Tao bận”.

Đó là những gì tôi nhớ về người bạn vừa ra đi.

Tiếc rằng trang báo có hạn và thì giờ chẳng còn bao nhiêu nên tôi ghi vội những hàng này để tiễn đưa thêm một người bạn nữa. Với tôi, anh là một nghệ sĩ đích thực trong cả cuộc đời và tác phẩm.

VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

Hoàng Anh Tuấn sinh ngày 7-5-1932 tại Hà Nội. Ngoài làm thơ, viết văn, viết kịch — *Ly Nước Lọc*, *Hà Nội 48* — còn là đạo diễn điện ảnh.

- 1949 Đi Pháp du học
- 1954 Lập gia đình
- 1958 Về Việt Nam, cộng tác với nhiều tạp chí văn nghệ, tuần báo, nhật báo ở Sài Gòn
- 1965 Quản đốc đài phát thanh Đà Lạt
- 1975 Tù cải tạo về tội phản động

– 1979 Trở lại Paris

– 1981 Qua Mỹ, sống ở San Jose, California

Tù trần 7:30 sáng, giờ Cali, Thứ Sáu 1-9-2006 tức ngày
9 tháng Bảy năm Bính Tuất, thọ 75 tuổi.

CHƯƠNG 17

HỌA SĨ TRƯƠNG THỊ THỊNH VÀ CUỘC TRIỂN LÃM 4X4

[ách đây ba năm, khi “lão họa sĩ” Trương Thị Thịnh từ San Jose về Việt Nam, bà tổ chức một cuộc họp mặt với thân hữu cũ. Chị nhắn Hoàng Hương Trang mời tôi đến. Khi đến nơi, tại phòng tiếp tân của một khách sạn loại lớn ở Sài Gòn, tôi chưa từng thấy ở đâu nhiều họa sĩ đến thế. Ít ra gần cả trăm người, gồm đủ họa sĩ lão làng và họa sĩ trẻ, người nổi danh, người ít được biết. Có lẽ chỉ mình tôi không phải họa sĩ lạc lõng chốn này.

KHI NGƯỜI THẦY TRỞ VỀ

Chị Thịnh trên bảy mươi nhưng rất nhanh nhẹn, thân tình tiếp đón từng người. “*Quan khách*” đều cung kính với chị, người kêu bằng bà, người kêu bằng cô, và chưa cuộc gặp mặt nghệ sĩ nào có không khí thân mật thú vị như hôm đó. Tất cả coi nhau như trong gia đình mà người “lớn nhất” là chị Thịnh. Chị tốt nghiệp thủ khoa khóa 1 Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1958. Sau đó là giáo sư hội

họa trường Pétrus Ký năm 1959–1963 và giảng viên Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn từ 1963–1980 nên học trò của chị rất đông. Ngoài tình “tôn sư trọng đạo” như đối với những người thầy khác, họ còn có sự kính phục đối với tài năng nghệ thuật của chị.

Chị Thịnh không thể mang theo tác phẩm hội họa về, nên đã cho chiếu hình các sáng tác sau này của chị ở nước ngoài. Tất cả thể hiện nỗi lòng thương nhớ quê hương và chị đã cho học trò của chị thấy rõ tài năng sáng tạo ngày một điêu luyện hơn. Một học trò cũ của chị nói với tôi: *“Cô Thịnh bao giờ cũng là người thầy cho học trò hiểu biết nhiều nhất thế nào là hội họa”*. Tôi không thể biết học trò của chị học thêm được gì về nghệ thuật hội họa qua buổi gặp mặt này, nhưng khi xem từng tấm tranh trên màn hình rộng, tôi chỉ thấy không khí trong phòng im lặng như lớp học. Có lẽ tất cả đang sống lại giờ học với người thầy tài hoa trong lớp học Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật ngày xưa?

CUỘC TRIỂN LÃM 4X4 LÀ GÌ?

Giữa tháng 11 vừa qua, chị Trương Thị Thịnh lại về Việt Nam, lần này chị về để triển lãm chung với 7 họa sĩ khác, hầu hết là học trò cũ của chị. Ngày khai mạc phòng triển lãm tôi đi xa, không đến được. Hai hôm sau, chị điện thoại “kêu” tôi đến xem tranh.

Giọng chị nhỏ nhẹ song không già chút nào:

– Đến xem tranh nhé, cũng như tôi đọc tất cả các bài của anh ở bên Mỹ. Ngay cả phóng sự *Lên Đời* vừa xuất bản, tôi đọc chẳng sót kỳ nào. Bao giờ viết tiếp đây? Lẹ lên cho độc giả đọc với chứ.

Điều này khiến tôi ngạc nhiên, không ngờ có một nữ độc giả gần tám bó mà còn thích thú truyện của mình đến



Họa sĩ Trương Thị Thịnh tại triển lãm 4x4 (trên). Tranh “Chờ nhau” của HS, Trương Thị Thịnh (bên trái)

thế. Tôi chưa kịp hỏi thăm thì chị đã vui vẻ nói tiếp:

- Thôi, đến đây rồi nói nhiều hơn.
- Xin vâng lời bà chị.

Gần 11 giờ sáng hôm đó, tôi đến Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố trên đường Phó Đức Chính. Đó là căn nhà mà ngày xưa chúng tôi gọi là “nhà Chú Hỏa”. Với các đường nét chạm khắc tinh tế, nếu nhìn kỹ, không thể nào ngờ cách đây một thế kỷ mà một căn nhà của tư nhân lại đồ sộ và có những nét kiến trúc tuyệt tác đến như thế.

Tôi ngạc nhiên trước tấm bảng giới thiệu triển lãm hội họa mang tên 4x4 treo trên bức tường cửa ra vào. Nó khác với những cuộc triển lãm mang tên mùa Thu, mùa Xuân, hoặc ít ra là một ý nghĩa “có tính nghệ thuật” nào đó thấy nhan nhản ở Sài Gòn và Hà Nội trong thời buổi nhiều nhà tư sản xanh và đỏ chơi nghệ thuật như đi “nhậu” hàng quý hiếm vậy.

Chị Thịnh ngồi sẵn ở bộ bàn ghế nhỏ, đón tôi bên cửa phòng triển lãm. Chị vẫn khỏe mạnh với mái tóc bạc, nụ cười dịu dàng, dẫn tôi đi từng phòng xem tranh. Chị nói về con số 4×4 của cuộc triển lãm: Rất giản dị, đó là cuộc gặp lại của 4 họa sĩ từ Mỹ về và 4 họa sĩ hiện đang còn ở Việt Nam hầu hết là học trò của chị.

Gian phòng rộng giữa đại sảnh dành treo tranh của chị với 10 bức mới sáng tác tại Mỹ nhưng đề tài mang “cốt cách” rất Việt Nam. Từ bức tranh sơn dầu mang tựa đề *Hóa Thân* với các đóa hoa sen vươn lên để đi về cõi vô tận, đến *Chờ Nhau* mang hình ảnh một thiếu nữ mặc áo dài Việt, tay chống cằm, lặng lẽ trong bóng tối mờ ảo như thương nhớ, đợi chờ một cái gì xa lắc, không biết bao giờ đến. Nét vẽ vẫn rắn rỏi trẻ trung như ngày nào, chỉ có những gam màu hơi tối nói lên sự trầm tĩnh, kín đáo với nhiều suy tư của tuổi đời.

Ba họa sĩ khác từ Mỹ về là Nguyễn Thanh Trí, Lê Thị Quế Hương và Nguyễn Trí Minh Quang — con gái của chị Thịnh. Mỗi người chiếm một phòng nhỏ hơn. 4 người còn ở Việt Nam là Đặng Thị Dương, Hồ Thị Kim Quy, Quỳnh Hương và Uyên Huy. Uyên Huy trẻ nhất và cũng là người nam duy nhất trong nhóm 8 họa sĩ này.

MỖI NGƯỜI MỘT VỀ

Đứng đầu “bảng” là chị Trương Thị Thịnh, sinh năm 1928 tại Huế.

Sau đó là Nguyễn Thanh Trí sinh năm 1939 tại Huế, tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế 1961. Bức *Bóng Trăng* của chị mang đầy tính trữ tình của một mối tình thơ mộng và nỗi nhớ của cô gái Việt xa quê hương.

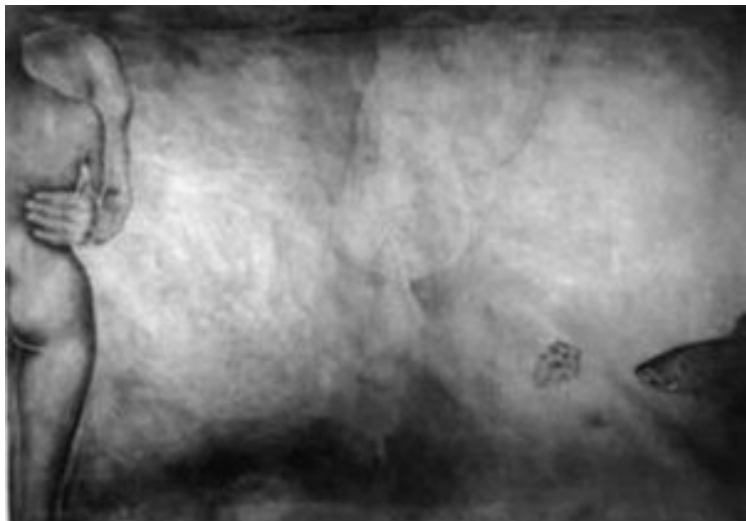
Lê Thị Quế Hương sinh năm 1947 tại Hà Tĩnh, tốt nghiệp Đại Học Mỹ Thuật San Jose State University. Chị tâm sự, dù sống và được đào tạo tại nước ngoài song nền tảng cho mỗi nghệ sĩ vẫn là hình ảnh quê hương. Chị đã triển lãm ở nhiều nơi, nhưng về lại quê nhà, gặp các hình bóng cũ vẫn thú vị hơn nhiều. Ngoài tranh còn là tình, ngoài tình còn là âm thanh, không khí quê nhà. Chị vẫn nôn nao sau triển lãm sẽ về lại Hà Tĩnh, trước khi đến các nơi khác. Hai bức *Hung Phấn* và *Đong Đưa Tầm Gió* của chị có những gam màu nóng, đỏ vàng xen quện và màu tím Huế hợp thành một hình khối rất mềm mại. Đó chính là con người của họa sĩ.

Đặng Thị Dương sinh năm 1948 tại Hà Nội, tốt nghiệp Đại Học Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1982 và là giảng viên Đại Học Mỹ Thuật. Chị có lối vẽ rất riêng với các bức tranh giản dị tưởng như nghịch ngợm của một cô học trò nhỏ với các hình khối và màu sắc dán lên từ các mảnh giấy rất bình thường. Tựa đề tranh cũng rất đời thường, nhỏ bé như *Mẹ Con Mèo*, *Ngua*. Ở chị, người xem cảm nhận ngay được sự hồn nhiên tươi mát trong cuộc sống, quên hết suy tư, trần trở từ các gánh đời nặng nhọc. Đường như tất cả chỉ là một cuộc rong chơi.

Hồ Thị Kim Quý sinh năm 1952 tại Huế, tốt nghiệp Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1972. *Tình Yêu Và Nhớ* mang vẻ hấp dẫn của một thiếu phụ đợi chờ ai đó mà người nào cũng mong được mở cánh cửa bước vào. Đây là đề tài muôn thuở của các nữ nghệ sĩ và cũng là “số kiếp” của những người tài hoa.

Quỳnh Hương sinh năm 1953 tại Hà Nội, cựu sinh viên Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn. Chị từng triển lãm tranh

nhiều lần ở Sài Gòn, đã có lần tôi giới thiệu chị với nhóm Câu Lạc Bộ Họa Sĩ Nữ Ngân Hà. Đặc biệt lần này chị có bức tranh lụa *Mùa Thu* mang hình ảnh một thanh niên bên vài chiếc lá vàng, không có cái vẻ ngo ngác như “con nai vàng” mà lại thanh thản đón nhận không khí yên bình, trong suốt hơi thu, nhờ màu sắc nhẹ nhàng mát dịu.



“Lưu luyến”, tranh sơn dầu của HS Nguyễn Trí Minh Quang.

Nguyễn Trí Minh Quang, hiện ở nước ngoài. Là người trẻ nhất trong nhóm 4×4, song cách thể hiện tác phẩm táo bạo nhất. Bức sơn dầu 127cm x 192cm chiếm gần nửa căn phòng, người xem chỉ thấy một mảng màu xanh nhạt trong một vùng tranh tối, tranh sáng và một nửa thân hình của một cặp tình nhân, khơi gợi, đó chính là một mặt của đời sống không thể thiếu của con người.

Cuối cùng là Uyên Huy, trang nam tử duy nhất trong cội “quần hùng” cũng là người có nhiều tác phẩm lạ nhất. Sinh năm 1950 tại Gia Định, tốt nghiệp Quốc gia Đại Học

Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1971, hiện cũng là giảng viên Đại Học Mỹ Thuật. Hai bức tranh *Chân Dung* và *Cá* của anh là một tổng hợp giữa màu sắc, nét vẽ và vệt sơn. Mạnh dạn, bắt mắt, thoáng một cái gì đó như hình khối của Tạ Tỵ nhưng lạ hơn, mới hơn. Nó thiên về tính cách của một nền hội họa trang trí hơn là suy tư. Anh mang đến cho không khí triển lãm một vẻ rất mới và trang nhã. Triển lãm hội họa 4x4 không phải một cuộc “giao lưu” bình thường, mà là một cuộc hội ngộ cảm động giữa thầy và trò, giữa những tình bạn và tình yêu. Cái tinh thần tôn sư trọng đạo được thể hiện rõ nét trong cuộc hội ngộ ngắn ngủi này.

TRANH BÁN ÍT NHƯNG KỶ NIỆM NHIỀU

Lần thứ hai, tôi và Hoàng Vũ Đông Sơn trở lại triển lãm vào sáng ngày 16-11, đúng lúc các họa sĩ tự mang tranh của mình xuống, nhường lại Bảo Tàng cho người khác. Họ tất bật, lầm lũi, mang nặng nỗi buồn của một cuộc chia tay. Chị Thịnh nói với chúng tôi: “*Tranh bán được ít, nhưng kỷ niệm nhiều*”. Chẳng biết đây có phải lần triển lãm sau cùng của chị ở Sài Gòn không, nhưng chị hứa: “Mỗi năm tôi về một lần, bây giờ đã là bà cố của cái đám cưới đứa cháu nội mà ba năm trước anh đã tới dự”.

Chị Quế Hương đưa chúng tôi xuống tận chân cầu thang, chị vừa than vãn, vừa cười:

– Mệt lắm anh ạ, bây giờ lại phải cuốn gói mang tranh về bên đó. Mỗi lần triển lãm là một lần vất vả và tốn kém lắm.

– Người ta triển lãm tranh thì lời to mà các chị lại lỗ vốn sao?

– Sài Gòn bây giờ nhiều tranh quá.

– Tranh nhái càng nhiều hơn và có một điều lạ là tranh nhái bán chạy mới hay chứ. Người ta chỉ bỏ ra một ít tiền mà chơi tranh của toàn những danh họa thế giới, còn gì “quý phái” hơn. Cái mốt bây giờ là như thế.

Chị Quế Hương lắc đầu, Hoàng Vũ Đông Sơn lúng túng nhận định:

– Ở đâu càng có những vị tư sản lên đời thì ở đó tranh nhái càng thịnh hành. Các cửa hàng tranh nhái hiện ngang mọc lên như nấm gặp mưa. Nhìn cái bộ mặt nghệ thuật giả hiệu đó mà Sài Gòn cũng vui hẳn lên đấy chứ?

– Vâng, có lẽ thế.

(Sài Gòn 19-11-2006)

CHƯƠNG 18

TRIỂN LÃM TRANH THÁI TUẤN VÀ ĐĂNG GIAO

Vào những ngày cuối năm 2006, có hai tin vui về hội hoạ: Một ông ở bên Tây về Việt Nam triển lãm, một ông ở Việt Nam lại đi Mỹ triển lãm.

THÁI TUẤN KHÉP LẠI MỘT NĂM NGHỆ THUẬT

Ông thứ nhất chính là lão hoạ sĩ Thái Tuấn, năm nay 88 tuổi rồi, ông đã di chuyển sang Paris từ sau năm 1975. Giữa năm nay, ông lừng lững trở về Việt Nam, và như tôi đã có dịp tường trình trong một bài trước, ông “quyết tâm” sáng tác để có thể ra mắt những tác phẩm mới nhất vào dịp cuối năm này. Ông đã đạt được ước mong đó. Triển lãm Thái Tuấn được mang tên “Về Nguồn”, từ ngày 9 đến 21-12-2006, tại phòng tranh Tự Do đường Hồ Tùng Mậu Sài Gòn.

Tôi không về dự ngày khai mạc như ông muốn, sau đó vài ba ngày tôi mới về Sài Gòn. Chúng tôi hẹn nhau ở một

quán cà phê rồi kéo đến triển lãm. Đã qua hai ba ngày nên phòng tranh hơi vắng vẻ.

“Ông già” Thái Tuấn vẫn gầy và cao như con sếu, đón chúng tôi trước cửa. Mái tóc bạc trắng, giọng khào khào của ông đầy vẻ thân tình. Căn phòng hình chữ nhật dài, hai bên tường “toàn những con gái” đủ màu sắc như những cánh hoa báo hiệu mùa xuân.

Nguyễn Thụy Long nói với tôi:

– Tranh Thái Tuấn bao giờ chẳng thế. Treo gần bên nhau là một vườn ngự uyển, đứng riêng là một vẻ đẹp trong trắng của một nơi thôn dã nào đó. Không thể lẫn được với bất cứ một bông hoa, một vườn hoa nào khác.

Cặp vợ chồng bác sĩ Thân Trọng Minh đang thăm soi từng bức tranh, dường như có ý định muốn mua một bức cho phòng mạch của mình. Đây cũng là một cặp vợ chồng nghệ sĩ. Tuy là bác sĩ nhưng anh rất thích vẽ tranh, còn bà vợ là nữ họa sĩ Thanh Hằng, từng là hoa khôi của hội nữ nghệ sĩ Ngân Hà. Cạnh đó bà Nguyễn Thị Ngọc Dung, chủ nhiệm báo Cỏ Thom từ Virginia về Việt Nam cũng đến dự triển lãm. Nguyễn Khắc Nhân, từ già nghề làm báo ở Mỹ, đang có mặt tại Sài Gòn hiền lành đứng khoanh tay... chiêm nghiệm.

Anh Hải Sơn cho tôi biết:

– Tiếc quá, anh Tú Duyên vừa ở đây ra về. Các anh đến sớm một chút nữa là gặp rồi.

13 BỨC TRANH SÁNG TÁC Ở QUÊ NHÀ

Anh Thái Tuấn vui vẻ giới thiệu:

– Mười ba bức tranh trưng bày ở đây, hầu hết được vẽ từ khi về Việt Nam trong năm 2006 này. Nó đánh dấu giai đoạn trở về và tiếp tục sáng tác tại quê nhà.

Tính theo thời gian và không gian, sáng tác của họa sĩ được chia làm 3 giai đoạn: Trước năm 1975 tại Sài Gòn; sau năm 1975 ở nước ngoài và từ 2006 ở Việt Nam.

Đó là một dòng chảy liên tục, từ thời gian dự thính ở Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, Hà Nội đến tận hôm nay. Vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam luôn là nguồn cảm hứng của họa sĩ. Thời gian và không gian chẳng có ý nghĩa gì trong con đường nghệ thuật và quan niệm sáng tác của ông.



Trong số 13 bức tranh triển lãm lần này, chỉ có duy nhất một bức vẽ phong cảnh thôn quê Việt Nam, 12 bức còn lại diễn tả vẻ đẹp dịu dàng của thiếu nữ thuộc nhiều

thành phần khác nhau. Đặc biệt là những cô gái quê chít khăn mỏ quạ, mặc nâu sồng, ngồi chõng tre, đu đưa trên chiếc võng cói... Tôi thích nhất bức này. Ở người nghệ sĩ tài hoa Tô Ngọc Vân, nét vẽ thiếu nữ trên võng mượn mà, đầm thắm, đầy mơ mộng trở thành một tác phẩm điêu luyện độc đáo. Ở Thái Tuấn nét vẽ mộc mạc, tươi tắn, trẻ trung và sống thật, gần gũi với cuộc sống hơn.

Những bức khác, anh vẽ thiếu nữ mặc áo dài, hồi xưa gọi là “tân thời” của những cô gái Hà Nội vào trước thời 1945. Một dáng vẻ đặc biệt của Hà Thành thanh lịch mà ngày nay không còn nữa. Một nỗi tiếc nuối âm thầm của rất nhiều người song ít ai muốn nói ra.

Thái Tuấn muốn mời gọi người thưởng ngoạn được thấy, được cảm nhận, được rung động với nét đẹp thanh lịch của Hà Nội những “ngày xa xưa”.

Cái hồn Hà Nội chính là ở đó.

Nét vẽ của Thái Tuấn vẫn dựa trên tinh thần đơn giản, ông không dùng nhiều đường nét, rất ít màu sắc và bức nào cũng thường có những khoảng trống trong tranh. Ở đó là chỗ để những cánh hồn bay bổng.

Tôi không phê bình tranh của Thái Tuấn, chỉ xin tường trình những gì họa sĩ đã nói và khung cảnh triển lãm của ông mà thôi. Thái Tuấn đã khép lại một năm làm nghệ thuật của mình và của Sài Gòn hội họa năm nay.

Ở Sài Gòn, triển lãm tranh thì nhiều, nhưng hầu hết là những họa sĩ trẻ. Những “cây cổ thụ” như Thái Tuấn thuộc loại “đồ cổ” quý hiếm. Số người đến thưởng ngoạn khá đông, nhưng số người mua tranh lại quá ít. Những hàng tranh nhái mọc nhan nhản trên khắp các đường phố thu hút khách thập phương trở nên một lực lượng cạnh

tranh náo nhiệt. Khách cần có một bức tranh của bất cứ danh họa nào trên thế giới là có ngay. Chỉ với cái giá rất “bèo”. Thế nên một số nhà hàng và một số “đại gia” mới nổi vẫn “chơi nghệ thuật” bằng thú tranh nhái này “vừa rẻ vừa mới”!

NGƯỜI MANG HỒN VIỆT NAM ĐI HOUSTON

Người thứ hai thì khác hẳn, anh mang tranh từ Việt Nam đi triển lãm ở nước ngoài, mở đầu cho một năm hội họa. Đó là Đăng Giao, một họa sĩ “chuyên trị” vẽ sơn mài ở Việt Nam từ bao năm nay. Một điều Đăng Giao thường nói rõ, chưa bao giờ nhận là học trò của danh họa Nguyễn Gia Trí, bởi cụ không bao giờ nhận học trò. Nhưng ngay từ khi còn trẻ, Đăng Giao đã may mắn được cụ chỉ dẫn cho những kinh nghiệm làm tranh sơn mài của cụ. Sau đó là những năm tháng miệt mài, Đăng Giao tự nghiên cứu được cách tạo mẫu của riêng mình. Những gam màu đỏ và tím trên tranh sơn mài của anh vẫn là nét đặc trưng nhất.

NHỮNG TÁC PHẨM XỨNG TẦM VỚI HOUSTON

Các đây 3 năm Đăng Giao đã triển lãm tranh ở Mỹ.

Theo đúng dự tính của anh thì năm 2003, anh triển lãm ở 4 địa điểm. Santa Ana, San Jose, Virginia và Houston. Nhưng mới chỉ làm được ở 3 nơi, số tranh mang đi đã bán gần hết. Khi về, tôi hỏi:

– Sao không mang đi Houston triển lãm luôn cho hết? Bề nào cũng là một chuyến đi?

Đăng Giao lắc đầu:

– Houston gồm nhiều “đại gia” và cũng là nơi có nhiều người Việt thích tranh mang tính cách quê hương dân tộc

đặc sắc. Không thể mang những tranh còn lại này sang đó được. Thà rằng tôi mang về, đợi một dịp khác, khi nào hoàn thành những tác phẩm xứng đáng với tâm vóc Houston mới dám mang sang.

– Ngày ấy là bao giờ?

– Chưa biết. Tôi vẫn quan niệm triển lãm không phải là cửa hàng bán tranh thuần túy. Chỉ khi nào tôi tự bằng lòng với chính mình mới triển lãm. Điều trước tiên tôi nghĩ đến là mang nghệ thuật, mang hình ảnh quê hương đến với kiều bào sau những năm tháng xa quê. Phòng triển lãm của tôi phải có hơi thở của quê nhà, có gió đồng nội, có phong tục tập quán của người Việt chúng ta. Có đình chùa miếu mạo, có vườn rau ao cá, bụi chuối sau hè, tàu dừa bên muơng, có những mùa xuân với cành mai của miền Nam, cành đào của miền Bắc, tà áo dài tím của cô gái Huế... Đây mới là tranh của tôi.

GIAN NAN TRÊN GIÁ VẼ

Một thời gian không hạn định. Từ đó đến nay đã 3 năm ròng rã. Thỉnh thoảng trở lại Sài Gòn, tôi vẫn thấy Đăng Giao cặm cụi suốt ngày trên giá vẽ. Anh chỉ có một người phụ tá, giúp làm những công việc lật vát, đóng khung, kiếm vải. Còn tất cả, anh đều tự tay làm lấy, từ việc chọn sơn, pha màu đến việc sáng tạo và cho tranh vào khung. Chu Vị Thủy, vợ anh, con của nhà văn quá cố Chu Tử, vào thời kỳ này lại đau yếu luôn nên cuộc sống của anh là một chuỗi gian nan.

Hỏi anh chưa đi triển lãm ở Mỹ lần đầu, mỗi Chủ nhật chúng tôi thường đến nhà anh xoa mặt chườm còm, cũng là dịp để anh em gặp nhau hàn huyên tâm sự hơn là đến những quán cà phê nhiều chuyện thị phi. Nhưng sau ngày

anh triển lãm ở Mỹ về, chúng tôi không còn được gặp nhau như thế nữa. Anh từ bỏ mọi thú vui, đóng cửa, đắm mình trong phòng vẽ. Đôi khi điện thoại đến cũng chẳng gặp anh được.

Hôm triển lãm tranh Thái Tuấn, chúng tôi mới gặp lại



nhau. Buổi tối, bà chủ báo Cỏ Thom mời cả hai họa sĩ đến quán Cơm Niêu Sài Gòn hội ngộ. Một ông là dấu chấm hết của năm 2006, một ông là người “mở hàng” cho năm 2007. Nguyễn Thụy Long và tôi cùng cậu con trai thứ hai của tôi — 34 năm mới trở lại Việt Nam — được mời làm “khán giả ăn ké.” Anh Thái Tuấn cho biết đã có vài cái phòng tranh đang muốn mua lại 13 bức tranh của anh với giá của Gallery, nhưng anh còn chưa quyết định.

Đằng Giao và Chu Vị Thủy cho biết sẽ triển lãm tranh ở Houston từ ngày 6 tháng 1, 2007 tại Hội Quán Văn Hóa nằm trong khu Saigon Houston Plaza.

Tôi hỏi:

– Vậy là tất cả đã được chuẩn bị sẵn sàng cho ngày “ra quân”? Lần này anh tính mang đi bao nhiêu bức?

Đằng Giao vui vẻ:

– Ba năm nay, vẽ được bao nhiêu mang đi bấy nhiêu.

Chu Vị Thuỷ tính toán rồi thông tin chính xác:

– 120 bức anh ạ. Đóng “container” gửi theo máy bay cho chắc ăn, chứ lần trước gửi theo tàu chở hàng, chẳng biết chắc bao giờ nó tới. Tuy gửi máy bay có đắt hơn nhiều, nhưng nhanh và chắc. Tranh đã tới Mỹ rồi.

AI SẼ LÀM CHỦ XUÂN BẤT TẬN?

Nguyễn Thụy Long tò mò:

– Vậy bức lớn nhất có bằng lần trước không?

Đằng Giao xua tay:

– Lớn hơn nhiều. Lần trước bức tranh “Lễ hội đầu năm” mỗi chiều 1m. Lần này bức lớn nhất có tên là “Xuân Bất Tận” tới 2m x 3m.

– Vậy giá phải đắt hơn?

– Tất nhiên rồi. Nếu bức tranh lần trước bán với giá 11 ngàn đô ở Santa Ana thì lần này có giá 30 ngàn đô. Một bức tranh “vĩ đại” cho mùa xuân, chỉ thích hợp với những căn phòng khách rộng.

Tò mò hơn chút nữa, tôi ghé tai Giao hỏi nhỏ:

– Ai là chủ nhân bức tranh lần trước vậy?

Giao thì thầm:

– Dược sĩ Hoàng Trọng Tuệ. Ông này mua rất điệu. Muốn bớt cho ông chút ít gọi là làm duyên với nhau, nhưng ông bà Tuệ nhất định trả đúng giá.

Tôi lẩn thẩn nghĩ: Còn lần này chẳng biết “đại gia” nào ở Houston sẽ là chủ bức tranh “vĩ đại” này đây?

Bữa ăn gồm toàn những món “hồn quê”: canh cua rau đay cà pháo, thịt đông dưa chua, “canh tôm nấu với ruột bầu”, cá rô kho tộ, đúng với phong cách của hai họa sĩ chuyên về quê hương dân tộc.

Xin chúc cho hai cuộc triển lãm một “khép lại năm cũ” từ Tây về Việt Nam và một “mở hàng năm mới” từ Việt Nam sang “Tây” thành công.



Photo by Nguyễn Thanh Thu

CHƯƠNG 19

HOÀI BẢO CỦA NGƯỜI DỰNG TƯỢNG “TIẾC THƯƠNG”

Từ trước Tết Đinh Hợi (2007), tôi đã có dịp gặp anh Nguyễn Thanh Thu, tác giả của tác phẩm điêu khắc nổi danh “*Tiếc Thương*”, chắc bạn đọc ở Việt Nam chưa ai quên.

Anh đã đi định cư tại Hoa Kỳ, nhưng gần đây có nhiều bạn bè và “tin đồn” anh đã trở về Việt Nam. Và cũng không ít dư luận cho rằng nhân dịp Nghĩa Trang Quân Đội được trả lại cho tỉnh Bình Dương, có thể tác giả sẽ có cơ hội dựng lại tác phẩm ở một... nơi nào đó.

Tôi nhận được e mail và điện thoại của anh Huy Phương từ Mỹ, nhờ đi tìm anh Nguyễn Thanh Thu.

Nhưng oái oăm thay cái địa chỉ anh cho lại rất mơ hồ: Phường 5, đường Lê Quang Định, và anh còn “vẽ đường cho hươu chạy... lạc” rằng “ở phía cổng sau Bộ Tổng Tham Muu cũ, cứ hỏi, ai cũng biết”. Tôi đem cái địa chỉ đó đi hỏi lung tung, chẳng ai biết và chẳng ai có thể “đoán” ra nó

nằm ở cái chỗ nào trên con đường đã có quá nhiều thay đổi này. Tôi thuê xe ôm đi tìm một lần, nhưng cái Phường 5 đường Lê Quang Định rồi rít tít mù với hàng dãy phố xá, đường hẻm, đường cụt. Anh xe ôm chuyên nghiệp ở vùng này cũng không thể mò ra. Nhưng thì giờ của tôi còn lại ở Sài Gòn rất ít, và bạn bè đã nhờ thì không thể bỏ cuộc. Tôi điện thoại cho Thái Phương rủ thầy giáo này cùng đi kiếm, hay nói cho đúng hơn là đi “mò kim đáy biển”, may ra thì gặp.

ĐI TÌM “ÔNG NẶN TƯỢNG”

Đi suốt một buổi sáng, hai anh em chúng tôi muốn “cãi lộn” vì hẻm này hẻm kia, đường này đường khác. Nhưng cuối cùng tôi “vớ” được một bà già trong con hẻm đường Lê Quang Định, bà đang ngồi vo gạo ở phía cổng sau căn nhà mặt tiền. Tôi hỏi bà cụ ở đây lâu chưa?

Bà vui tính nói: *“Mới gần 60 năm cuộc đời thôi”*.

– *“Thế thì chắc cụ biết, hồi xưa có ông chuyên nặn tượng ở gần đây?”*

Bà cụ suy nghĩ một chút rồi nhớ ra: *“Ở vùng này, chỉ có ông nặn tượng ở đường bên cạnh đây chứ không phải đường này”*.

Đúng rồi, “nghề nặn tượng” là một nghề hiếm nên có hy vọng đúng là địa chỉ cần tìm. Bà cụ chỉ “vòng vo Tam quốc” nhưng cũng không khó tìm lắm. Đi loanh quanh qua con ngõ hẹp, chỉ đủ cho 2 chiếc xe gắn máy tránh nhau, chúng tôi lại ngớ ngẩn trước một ngã ba. Vừa cất tiếng hỏi thăm đường thì một thiếu phụ khá trẻ và... khá đẹp, lên tiếng:

– “Các ông cần tìm nhà ông nặn tượng, cứ đi theo tôi. Nhân thể tôi cũng đi qua đường đó”.

Được lời như cỏi tấm lòng, thầy giáo Thái Phương học tốc phóng xe theo thiếu phụ không quên ca một câu hơi lớn đủ để người đàn bà nghe được: “Người Sài Gòn bây giờ hiếu khách thật anh nhỉ”. Tôi không quên “bốc” thêm: “Cũng tùy người thôi ông ạ, gặp người tử tế thì may. Có những người “gắt như mắm tôm”, đã không chỉ đường còn bị mắng, bị nguyệt nữa mới buồn”. Nhưng có một điều anh Huy Phương chỉ đúng, hầu như tên những người nghệ sĩ dù là từ thời xưa, những người dân ở đây, nếu là người ở Sài Gòn lâu năm, nhiều người còn nhớ.

Đi loanh quanh vài con hẻm, chúng tôi dừng lại trước cửa một tiệm cà phê rất “hoành tráng” có cái tên cũng khá “ấn tượng” là “TƯỢNG ĐÁ”. Quán cà phê rộng, trong một khu cứ như công viên, có những cây cổ thụ gốc rễ xù xì, cao ngất ngưởng. Bên cổng là một nhà nhỏ cho mấy anh “bảo vệ”. Thấy cái cảnh có vẻ “bê thế”, tôi ngập ngừng hỏi thăm bác Nguyễn Thanh Thu.

Anh bảo vệ chỉ ngay một anh thanh niên: “Con ông Thu đó”. Chúng tôi thở phào, tay bắt mặt mừng với người con trai của anh Thu, như đã... quen nhau từ khuya. Anh thanh niên đưa chúng tôi vào theo con đường nhỏ bên phải quán cà phê. Lúc đó điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu đang đổi nghề điêu khắc sang “thợ làm vườn”. Anh đang tưới cho mấy chậu cảnh quý ngoài hiên nhà. Xung quanh anh là một số những tác phẩm lẫn lộn cả cũ và mới nằm rải rác trong khu vườn hoa tĩnh lặng. Phía bên kia mới là những dãy bàn ghế cho quán cà phê đang đông khách, được ngăn chia bằng mấy thân cây si, cây đề cổ thụ xòe những tàn lá che kín nửa vùng sân. Nhận ra người quen, anh Thu rời cây kéo tia hoa, vui mừng ôm vai bạn. Kiểu “ăn diện” của

Nguyễn Thanh Thu bao giờ cũng giản dị đến... quá bình dân. Cái “mũ nồi” từ đời tám kiếp nào vẫn chùm hụp trên đầu, có vẻ cố giấu cái đầu hơi lớn. Nhưng đó là “dấu ấn đặc biệt made in Nguyễn Thanh Thu”, không lẫn đi đâu được. Cứ như, nếu không có cái “mũ nồi đen” và không có vẻ lam lũ thì không phải là Nguyễn Thanh Thu.

NHÀ ĐIỀU KHẮC ĐANG LÀM GÌ?

Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ được tạo hình bằng một gốc cây. Anh Thu bắt đầu tâm sự: “Tôi về Việt Nam hai năm rồi đấy, chứ không như du luận cho rằng tôi mới về để... làm một cái gì đó”.



Nguyễn Thanh Thu và nhà văn Văn Quang ngày 5-2-2007.

Thái Phương hỏi thẳng thừng:

– Không phải là để dựng lại tượng Tiếc Thương sao?

Nguyễn Thanh Thu cười hà hà, có vẻ khoái chí vì câu hỏi thẳng thắn này. Anh bật người ra phía sau, hất hàm hỏi lại:

– Ai cho làm mà làm?

Thái Phương gặng tiếp:

– Nhưng anh có ý định đó không?

– Tôi về đây hai năm rồi với một hoài bão khác chứ không phải là dựng lại tượng Tiếc Thương. Người nghệ sĩ chỉ sáng tạo một lần. Lần thứ hai không thể làm như lần thứ nhất. Nhưng nó sống được trong lòng mọi người thì tự nó còn mãi. Tôi tự hào về tác phẩm này. Dựng lại là một điều chẳng hay ho gì. “Nó” sống trong lòng mọi người là đủ.

Chúng tôi hiểu ý anh, nhưng thật tình sống ở đây lâu, chúng tôi biết, có những điều mà những người như anh Thu hơi ngại, cần phải “giữ mình”. Chúng tôi cũng chẳng khác gì anh. Tôi thông cảm dễ dàng, tuy nhiên cũng cố moi xem anh Thu có gặp trở ngại gì trước những dư luận đó không. Anh lắc đầu:

– Chẳng có gì đáng nói cả. Thật sự là tôi có một hoài bão đã ấp ủ từ lâu chứ chẳng phải là bây giờ mới có. Một bức tượng nói về cuộc sống tươi đẹp của người dân Đồng bằng sông Cửu Long.

Thái Phương vốn “nhậy cảm” nên mỉm cười hỏi lại:

– Anh không cho làm như thế là... hơi kỳ cục trong lúc này sao? Người khác có thể hiểu lầm anh về đấy...

Nguyễn Thanh Thu xua tay, trả lời đầy tự tin:

– Dự định sáng tác một tác phẩm lớn có từ vài chục năm nay. Ngay khi ở Mỹ, tôi từng nói chuyện với anh Huy Phương và một số anh em thân gần về dự định này. Nhưng ở Mỹ tôi không có phương tiện làm việc này. Về đây có không gian rộng, cuộc sống gần gia đình, ổn định hơn, tôi hy vọng nối tiếp được những cảm hứng từ xa xưa, tiếp

được cái mạch sống của những người dân Việt trên những mảnh ruộng vườn cây... Như thế có cơ hội khơi lại cảm hứng hơn, tác phẩm sẽ “sống” hơn.

Anh chỉ tay về phía bức tượng một thôn nữ, ôm bó lúa, đứng trên khoảng không gian bao la:

– Đó là tác phẩm mới nhất của tôi đây. Về đây tôi mới



làm. Tôi đã làm chừng hơn mười bức tượng như thế rồi. Kể cả khi còn ở bên Mỹ và thời gian đầu, khi trở về đây. Nhưng làm rồi phá, phá rồi làm. Cái gì không có hồn, tôi dẹp liền.

– Có phải là tác phẩm anh ưng ý nhất không?

– Đúng thế, bức tượng này là hình mẫu, trong toàn cảnh bức tượng lớn mà tôi đang ấp ủ. Còn chín cái đầu rồng đang phun nước nữa, tôi sẽ chỉ cho các anh xem sau. Đây là bức tượng nhỏ, cũng như hồi tôi làm tượng Tiếc Thương thì trước hết phải có một bức tượng nhỏ trong cái mô hình của nó. Đến khi có điều kiện thực hiện, nói cho rõ là khi có “ngân quỹ”, cứ theo đó mà dựng tượng lớn. Lúc dựng tượng lớn, khó mà thay đổi được hoặc không thể thay đổi được. Các anh vào đây, tôi chỉ cho xem cái này sẽ rõ hơn.

Anh đứng lên, đưa chúng tôi vào căn nhà nhỏ phía sau. Treo trên bức tường khoảng 4 thước vuông là một mô hình vẽ bằng tranh màu. Trên đó có thể hình dung ra toàn cảnh bức tượng. Anh dùng lại, say sưa giới thiệu:

– Đây là tất cả ước vọng và tâm tư của tôi. Cảnh chín cái đầu rồng từ mặt biển phun lên vừa lúa dưới chân cô thôn nữ. Đó là hình tượng rất Việt Nam, nó là tượng trưng cho người dân Việt của tất cả mọi thời đại, chứ chẳng riêng thời nào. Đó cũng là ước mơ của tất cả người Việt chúng ta.

Và anh nhắc lại:

– Xin nói rõ, là chín cái đầu rồng chứ không phải chín con rồng. Cũng là đặc trưng của nền văn hóa Á Châu chúng ta nữa.

Tôi nghĩ, mỗi người nghệ sĩ đều có những “giác mơ” của riêng mình. Người nghệ sĩ thật sự, thường âm thầm nuôi những hoài bão lớn lao. Còn có thực hiện được hay

không lại là chuyện khác. Không phải là những kẻ chỉ hành động nhất thời, mưu cầu một chút danh lợi hoặc tiếng tăm, “ăn bám” trên những tên tuổi của người khác. Cũng không phải là người chỉ đặc chí với một tác phẩm nổi danh rồi ngồi đó... làm “thượng đế”, vuốt râu hoai cho đến bạc phếch. Nguyễn Thanh Thu còn hăng lắm, còn say sưa với những cái mới hơn, lạ hơn. Có thể cái sau không bằng cái trước, đã có không biết bao nhiêu nghệ sĩ danh tiếng, sáng tác những tác phẩm cuối đời dở hơn tác phẩm đầu đời. Nhưng tâm hồn nghệ sĩ luôn tràn đầy ước vọng mới là điều cần thiết. Nguyễn Thanh Thu đang có được sức sống mãnh liệt đó. Rất có thể nó là sự “hoang tưởng” như Huy Phương đã nhận định. Và ngay chính chúng tôi, cũng thấy được điều này khi anh nói đến số tiền phải bỏ ra thực hiện tác phẩm của anh.

TIỀN ĐÂU VÀ AI SẼ TÀI TRỢ ĐỂ THỰC HIỆN?

Anh Thanh Thu tính toán: Bức tượng sẽ mang tên *Cửu Long Được Mùa*, chiều cao 30 mét, chiều ngang tương ứng cân bằng với chiều cao. Tuy nhiên, xung quanh còn tô điểm thêm những cảnh trí khác như hồ nước hoặc khung cảnh đồng quê, thì chiều ngang chưa thể tính hết được lúc này. Thực tế hơn, tôi hỏi:

– Có nghĩa là những “đồ trang trí” cho thêm phần “hoành tráng” còn tùy ngân khoản sẽ có là bao nhiêu?

– Đúng thế. Có nhiều, làm nhiều. Cứ nói thẳng ra là “tiền nào của nấy”.

– Vậy khu đất anh cần cho bức tượng khổng lồ đó là bao nhiêu mét vuông?

Bài toán đã có sẵn trong đầu nên anh nói ngay:

– Phải có một mẫu.

- Còn số tiền dự trù sẽ là bao nhiêu?
- Ít nhất là hai triệu rưỡi đô-la trở lên.

Đây là ngân khoản để dùng vào việc này mà anh nói với tôi và Thái Phương lần gặp nhau trước Tết, còn khi nói qua điện thoại với Huy Phương từ Cali gọi về thì số tiền lại lớn hơn nhiều — 5 triệu USD. Khi tôi điện thoại lại cho anh ngày 1-3 vừa qua để xác nhận lại các điều cần nói thì anh “hạ xuống” một triệu rưỡi. Có lẽ đầu óc anh còn đang luan quẩn với sự tính toán này, chưa dứt khoát chăng? Hay là anh muốn nói “có nhiều làm nhiều, có ít làm ít” thì ngân khoản từ 1 triệu 500 ngàn đến 5 triệu đô-la?

Con số nghe qua hơi “khủng”, nói theo kiểu bây giờ của các cô cậu tuổi “tin” ở Sài Gòn, xin tạm “dịch” là kinh khủng, ghê gớm, vĩ đại... So với tầm vóc một tác phẩm điêu khắc để làm biểu tượng hoặc làm đẹp cho một vùng, một tỉnh, một lãnh thổ thì không có gì là nhiều. Người ta còn có thể làm những công trình vĩ đại hơn mà... chẳng để làm gì cả, đôi khi chỉ là có cái làm để “ăn cỏ”, xong rồi mặc cho thời gian tàn phá. Như làm một cái chợ, một cái trường, một khu dân cư, một lâu đài kỷ niệm vô vắn nhưng chẳng ai buồn đến. Chuyện đó xảy ra không ít. Vậy số tiền bỏ ra làm bức tượng như Nguyễn Thanh Thu đang mơ ước cũng không phải là nhiều.

Nhưng như Huy Phương đã phân tích, giấc mộng của nhà điêu khắc nổi danh này khó thực hiện được. Có thể gọi là “hoang tưởng”. Tôi đồng tình với nhận định này. Nhưng cứ để cho nghệ sĩ được quyền mơ giấc mơ của mình. Vì vậy nên theo ý muốn của anh, tôi thông báo đến độc giả ý định này. Có thể liên lạc với anh qua địa chỉ:

Nguyễn Thanh Thu, 76/68 Nguyễn Thượng Hiền, Phường

1, Quận Phú Nhuận. TP. Sài Gòn. Điện thoại: 51.51.320 — Quán café Tượng Đá.

VÀI NÉT CHÍNH VỀ CUỘC ĐỜI

NGUYỄN THANH THU

Chúng tôi đến bên bức tượng nhỏ Tiếc Thương, anh còn để bên các bức khác trên kệ. Đây là hình tượng lúc ban đầu khi anh bắt tay vào sáng tác *Tiếc Thương* và được dựng tại Nghĩa Trang Quân Đội ngày 1-11-1966. Hình dung lại khung cảnh đó, tôi không khỏi bồi ngùi.

Trở ra sân, chúng tôi đã đứng trước bức tượng người thiếu nữ khỏe mạnh còn đang đứng đợi... những cái đầu rồng phun nước, mà chẳng biết đến bao giờ con rồng mới thức dậy để được hưởng các vòi nước trong lành từ dòng Cửu Long Giang.

Hỏi đến chuyện gia đình, anh Thu cho biết: hiện nay anh đang sống cùng với vợ và 7 người con. Đã có 6 người lập gia đình, có công ăn việc làm. Chỉ duy còn cô con gái út gần 30 tuổi chưa lập gia đình là cháu Nguyễn Minh Kỳ Nữ. Theo anh thì cháu rất giỏi sinh ngữ và ước mong có thể kiếm được việc làm hợp với khả năng mình. Quán cà phê Tượng Đá cũng đủ sống. Anh nói gia đình anh thừa hưởng lại của ông bà cha mẹ khu đất này rộng 3.000m².

Trước đây anh là sĩ quan Quân Đội VNCH, cấp bậc sau cùng là thiếu tá thuộc ngành Quân Nhu, phụ trách tổng quát về các công trình ở Sài Gòn và đặc trách về Nghĩa Trang Quân Đội. Tôi hỏi anh có ý định ở hẳn lại Việt Nam với gia đình anh không? Anh cười:

– Nếu có một người nào đó yểm trợ cho công trình dựng tượng của tôi thì tôi sẽ ở lại thực hiện nó cho đến cuối đời,

không đi đâu nữa cả. Nhưng nếu không có người tài trợ, có lẽ tôi sẽ trở lại nơi định cư như những người khác thôi.

Tôi viết bài này chỉ có mục đích thông tin về người nghệ sĩ tài hoa đã làm nên bức tượng *Tiếc Thương* sống mãi trong lòng mọi người và để anh có dịp tâm sự với bạn đọc.

(Sài Gòn 04-3-2007)

CHƯƠNG 20

THANH NAM TRONG HOÀI NIỆM

Đây là bài thứ nhất tôi viết về Thanh Nam, một người bạn thân trong số vài người bạn thân của tôi từ xưa tới nay. Khi Thanh Nam mất ở Mỹ, tôi hoàn toàn không biết và dù có biết cũng chưa thể “nói gì” với nhau được khi Việt Nam còn “mù internet” và hoàn cảnh của tôi cũng chẳng dễ chịu chút nào.

Thấm thoát thế mà đã hơn hai mươi năm.

Ngày giỗ Thanh Nam lại đến. Tôi chỉ còn nhớ có một người bạn nào đó gửi cho tôi một bài và vài tấm hình về những ngày tháng cuối cùng của Thanh Nam, có các cháu Mai Hương,



Quỳnh Giao... đến bên giường bệnh hát cho chú nghe lần cuối. Những chi tiết làm tôi cảm động. Bùi ngùi nhớ lại khoảng thời gian dài chúng tôi sống và làm việc cùng nhau từ tòa soạn báo Điện Ảnh của anh Nguyễn Ngọc Linh rồi đến Kịch Ảnh của Ông Quốc Phong đến tòa báo Chiến sĩ Cộng Hòa của Quân Đội.

Nhưng nhiều kỷ niệm nhất vẫn là những ngày tháng Thanh Nam chưa lập gia đình. Hầu như mỗi buổi tối chúng tôi thường ngồi với nhau hoặc ở một quán cà phê, hoặc ở một quán ăn, hoặc ở một “dancing” nào đó, mà thường là Tự Do, Mỹ Phụng giữa Sài Gòn.

Có Thanh Nam là có Mai Thảo, Hoài Bắc, đôi khi có cả các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ. Các ông này uống rượu thì tôi thì không dám uống vì bệnh bao tử, nên chỉ ngồi ăn giỗ mỗi. Có khi các ông ấy say khướt, người tỉnh nhất là tôi nên phải lái xe đưa các ông về từng nhà. Có lúc hưng, tan tằm ở tiệm nhảy Baccara đã là 3-4 giờ sáng, các ông ấy đòi đi Vũng Tàu – Đà Lạt cùng với mấy em ca-nhe nổi máu điên bất tử, tôi cũng lại là người lái xe. Đúng là những anh tinh táo thường bị thiệt.

Từ ngày Thanh Nam lập gia đình với chị Túy Hồng, chàng có vẻ ngoan hơn và tôi cũng ít có dịp đi chơi với Thanh Nam. Chúng tôi vẫn cứ nói lén là chỉ có cô gái Huế mới làm chàng lãng tử dừng bước chân giang hồ. Một điều dễ nhận ra là Thanh Nam đã từng quen biết khá thân thiết với với ít nhất 3 người đẹp, toàn là danh ca, kể cả tân nhạc và cải lương, nổi tiếng ở Sài Gòn thời đó mà không một người nào giữ chân Thanh Nam được. Chỉ có Túy Hồng mới làm được việc này.

Tuy nhiên, trước khi kể về những ngày tháng đó, tôi phải xin lỗi chị Túy Hồng vì kỷ niệm nào “thời son trẻ” cũng không... qua ải mỹ nhân. Chính vì điều này nên tôi cứ ngẩn ngại mãi, định dành cho một dịp khác. Nhưng chị Lai Hồng và chị Lê Thị Huệ chủ biên website Gio-O cứ khuyến khích mãi, kể rằng chị Túy Hồng biết hết các chuyện đó rồi, chính chị ấy cũng viết về những “người đẹp” mà Thanh Nam đã từng quen biết. Cứ viết đi, không sao đâu. Vậy nếu chị Túy Hồng có buồn thì nhớ buồn luôn cả những người đã “xúi” tôi nhé. Thật tình tôi cũng mong có một lần được “sống lại” cùng một người bạn trên những dòng chữ này. Tuy nhiên, ở đây tôi chỉ xin nhắc lại vài kỷ niệm nhỏ đủ để “góp giỡ” cùng bạn bè.

THỜI THANH NAM MỚI RA LÒ

Tôi quen biết Thanh Nam từ năm 1951 hay 1952 gì đó khi tôi từ Hải Phòng đi với Cuồng Phong lên Hà Nội. Tôi gặp Thanh Nam, Huy Quang, Phan Nghị, Nguyễn Minh Lang trong một khu Hội Chợ bên Hồ Gươm. Lúc đó các ông này là một tổ phụ trách việc phát thanh trong hội



chợ. Toàn những anh mới lớn mà được giao một nhiệm vụ khá quan trọng. Bởi dù sao những anh “nhóc mới lớn” này, đều đã từng có tiểu thuyết xuất bản hằn hoi. Người lớn tuổi và nổi tiếng nhất thời đó là Nguyễn Minh Lang với những cuốn tiểu thuyết đầy vẻ “lãng đãng” như *Cuộc Đời Một Thiếu Nữ*. Nguyễn Minh Lang như cái đầu tàu. Sau đó là Thanh Nam, hai người như lá bài trùng, chỉ khác là Nguyễn Minh Lang đã có vợ con và còn có cả một người yêu mà anh thường tự phụ là “đệ nhất danh ca Bắc Hà”. Sau này Nguyễn Minh Lang cũng điều đứng vì niềm tự hào ấy. Chỉ Thanh Nam là vẫn nhón nhơ ngoài vòng cương tỏa.

Bằng đi một thời gian, tôi được động viên vào Thủ Đức, ra trường tôi ở Trường Commandos Nha Trang rồi sau đó về làm ở Ban Báo Chí Cục Tâm Lý Chiến, tôi mới có dịp gặp Thanh Nam nhiều hơn.

NHỮNG NƠI THANH NAM SỐNG VÀ LÀM VIỆC

Khi đó Thanh Nam làm ở Đài Phát Thanh Quân Đội với Vũ Quang Ninh và Huy Quang Vũ Đức Vinh, cùng một lô các nghệ sĩ nổi tiếng như Đan Thọ, Anh Ngọc, Vũ Huyền, Nhật Bằng, Ngọc Bích, Xuân Tiên, Xuân Lôi... Công việc của anh là biên tập viên, có lẽ anh phải làm đầu bếp, “nấu nướng” đủ các món hẩm bà làng từ tin tức đến bình luận, phóng sự và hợp tác trong những chương trình ca nhạc đặc biệt. Ngoài ra chương trình phát thanh *Tao Đàn* trên đài phát thanh Sài Gòn, do thi sĩ Đinh Hùng phụ trách cũng có Thanh Nam.

Hồi đó ba chàng nghệ sĩ Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thu thường thuê nhà ở chung vì cả ba người đều

không có gia đình cùng vào miền Nam. Từ ngô Phan Văn Trị, đến con hẻm bên rạp Quốc Thanh và cuối cùng là Building Cửu Long nằm trên Đường Hai Bà Trưng. Cả ba ông nghệ sĩ nổi tiếng này chỉ có một căn phòng hẹp tẻo, chiều ngang chừng 2 mét, vừa đủ kê một chiếc giường cá nhân và một lối đi. Thường là các ông ấy chia phiên nhau, một anh nằm trên giường, hai anh nằm dưới sàn nhà. Mãi sau này Thanh Nam mới sắm được một cái tủ lạnh, trong chứa la-de nhiều hơn đồ ăn.

CUỘC ĐỜI QUÂN NGŨ DÍNH LIỀN VỚI NGHIỆP PHÓNG VIÊN

Thanh Nam vào quân đội theo diện “đồng hóa” tức không phải lính động viên mà là lính do nhu cầu chuyên môn, được nhập ngũ theo khả năng phục vụ. Những văn nghệ sĩ có tiếng thường được nhập ngũ vào những phòng “tác động tinh thần” hay Phòng 5, sau này là Chiến Tranh Tâm Lý. Cũng như các anh Phạm Xuân Ninh tức Hà Thượng Nhân, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Mạnh Côn... Phục vụ một thời gian nhất định rồi giải ngũ.

Sau thời gian phục vụ ở Đài Quân Đội, Thanh Nam được giải ngũ. Anh quay về với nghề làm báo. Cái số của tôi và Thanh Nam hay đi liền với nhau ở các tờ báo dân sự. Từ *Truyện Phim*, *Kịch Ảnh*, *Tiếng Vang*, *Thời Thế* đến các tờ báo của những ông chủ báo miền Nam như *Tiếng Chuông*, *Phụ Nữ Diễn Đàn*... đều có mặt. Thời kỳ này, Thanh Nam vẫn ở Building Cửu Long, nơi có khá nhiều nghệ sĩ, nhà quay phim, phóng viên thuê phòng ở trọ bên cạnh phòng năm ba em ca-ve ở Sài Gòn. Đã ở chung thường coi nhau như “người nhà” chứ không có những chuyện lộn xộn khác.

Buổi tối chúng tôi thường ngồi ở Phòng Trà Hòa Bình của anh Ngọc Bích. Hầu hết ca sĩ trẻ hạng A, đều “chạy xô” qua đây. Từ Bạch Quyên, Minh Hiếu, Bích Chiêu, Bằng Tâm, Thùy Nhiên, Thanh Thúy, Ngân Hà, Trúc Mai... đến ca sĩ hạng B mới ra lò nhiều triển vọng cũng được các ông bầu gửi đến cho tập tành “xuống núi.” Chúng tôi viết cho vài tờ báo chuyên về sân khấu kịch trường nên quen biết khá nhiều và cũng có khối chuyện lơ mơ... cho vui cuộc đời. Thanh Nam là một chàng rất dễ thương, nhưng có “tật” thích những cô đào hạng nhất của các sân khấu, nhất là sân khấu cải lương.

Tôi nói là thích chứ không phải yêu. Rất nhiều lần, sau khi ngà ngà say, Thanh Nam rủ tôi và Mai Thảo đến phía sau sân khấu đoàn Thanh Nga... xem đào cải lương trang điểm và... rung đùi ngồi sau cánh gà xem diễn.

TÀI ĐẠO DIỄN

Hôm nào có tuồng tích mới, bà bầu Thơ gửi vé mời, chúng tôi có ghế hàng đầu ngồi, như những VIP chính hiệu. Tôi nhớ có một lần ngồi ở hàng ghế đầu xem vở diễn mới, khán giả chật ních. Mai Thảo xem được một lát bèn dựa đầu vào thành ghế ngủ ngon lành, ngáy o o.

Cuối đêm diễn, bà bầu Thơ mời đi ăn đêm ở nhà hàng nổi Mỹ Cảnh bên Sông Sài Gòn, tất nhiên là có cả cô con gái cưng và là “đào nhất” Thanh Nga. Bà bầu Thơ chỉ nói “chắc là vở diễn hôm nay không hay nên các anh không chú ý”. Thanh Nam hiểu ý nên càu nhàu với Mai Thảo: “Mày hại tao rồi”. Chắc bạn hiểu vì sao.

Mai Thảo vốn chiều bạn nên chỉ cười xòa.

Bức ảnh đẹp nhất của nữ nghệ sĩ Bích Sơn mà anh Cao Linh chụp là do Thanh Nam đạo diễn. Khi lên phòng

Thanh Nam, tôi thấy bức ảnh đó, Thanh Nam kể: “Bích Sơn có mái tóc dài rất đẹp, chưa ai khai thác thành công bằng tao. Mà biết không, trên tấm drap trắng giường tao kia, Bích Sơn nằm nghiêng, trải mái tóc ra, uốn nắn một tí, xoay ngang tấm ảnh lại, giống hệt gió đang bay “mái tóc thiên thần” chứ có phải chụp ở ngoài trời đâu”.

Tôi lại biết Thanh Nam có thêm tài đạo diễn nữa.

Nhưng tất cả những chuyện tạm gọi là các mối tình “lùng lờ” như thế chấm dứt lúc nào không biết. Bởi anh chàng nhà văn này lúc bình thường, không uống rượu thì rất đàng hoàng và với tôi đó là một anh rất “nhát gái”. Cứ ngồi nói chuyện như một cuộc phỏng vấn chứ không dám tỏ thái độ “thân thiện” nào. Nhưng khi uống rượu rồi thì chân tay quờ quạng như chiếc xe vọt hết tốc độ. Những người đẹp đâm hoảng. Thật ra chỉ vài ly la-de là đã đủ “vật ngã” anh chàng hiền lành đó rồi. Vì thế ngoài cái biệt danh “*người rung đùi*”, anh còn một biệt danh nữa là “*ba băm ba*”, tức chỉ ba ly bia 33 đã say. Bình thường Thanh Nam rất chiều bạn, nhưng đến lúc đó thì hầu như tất cả bạn bè đều chiều anh.

ĐÁNG LẺ CỦA THANH NAM LẠI LÀ CÁI TỘI CỦA TÔI!

Tôi với Thanh Nam còn một chuyện khá “khôi hài” nữa. Sau khi Thanh Nam tái ngũ, anh về làm báo *Chiến Sĩ Cộng Hòa* với tôi suốt thời gian tại ngũ lần thứ hai.

Dịp Tiểu đoàn 30 Chiến Tranh Chính Trị tổ chức tuyển chọn ca sĩ vào phục vụ, tôi và Nhật Bằng được cử làm đại diện Phòng Báo Chí và Đài Phát Thanh Quân Đội, kéo theo Thanh Nam sang làm giám khảo.

Có một cô rất xinh, khỏe mạnh và hát cũng rất khá, được ban giám khảo chấm điểm cao. Tôi và Nhật Bằng đều đã có gia đình nên bàn nhau giới thiệu cho Thanh Nam. Vài hôm sau, khi đi ăn tối với nhau xong, tôi đề nghị Thanh Nam đưa cô bé đi xem phim. Nhưng cô bé níu tay tôi nói *“anh Thanh Nam say rồi, em đi với anh được không?”*. Thế là Thanh Nam lại cho tôi thêm một cái tội nữa. Cũng may cho tôi, cuộc tình chỉ kéo dài vài tháng rồi chia tay... trong êm êm.

Tất cả các cuộc tình của Thanh Nam đều nhẹ nhàng, dường như chẳng có chuyện nào làm anh mất ăn mất ngủ, kể cả khi người đẹp sang ngang. Chỉ có một cuộc tình, theo tôi, là “đáng kể” nhất.

Thanh Nam được giải ngũ, vài năm sau vì nhu cầu quân lực mở rộng, lại được lệnh tái ngũ. Trung Tâm nhập ngũ Quang Trung, gần Sài Gòn, đông quá nên một số quân nhân được gửi ra Trung Tâm nhập ngũ Đà Nẵng học tập. Vào các dịp Tết Nguyên Đán, tôi thường đi làm phóng sự Tết Đơn Vị. Lần đó, tôi xin sự vụ lệnh đi miền Trung, tất nhiên đã tính tới chuyện ghé qua Đà Nẵng “lôi” Thanh Nam ra khỏi Trung Tâm Huấn Luyện đi giang hồ.

Ngày 28 Tết đi xe lửa ra đến Đà Nẵng, tôi đến thẳng tư dinh của tướng Đỗ Cao Trí thăm ông vì đã có thời gian tôi làm việc với ông ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 ở Pleiku. Nói là thăm nhưng mục đích là xin ông cho Thanh Nam đi cùng tôi làm phóng sự trong quân đoàn của ông từ đây cho đến Bến Hải.

ĐÊM TRÊN ĐÈO HẢI VÂN

Tướng Đỗ Cao Trí rất “hắc búa” nhưng cũng rất “chịu chơi”. Ông điện thoại ngay cho Trung Tâm yêu cầu cho

thượng sĩ Trần Đại Việt — tên thật của Thanh Nam — trình diện Tư Lệnh Quân Đoàn.

Hôm đó là ngày Trung Tâm được nghỉ, cả bộ chỉ huy chạy tán loạn, bủa đi tìm Trần Đại Việt khắp thành phố Đà Nẵng. Họ đâu có biết tôi và Thanh Nam đã gặp nhau ở nhà một người bạn. Tôi phải điện thoại cảm ơn tướng Trí đã tìm thấy rồi. Tết đó, tôi và Thanh Nam trên chiếc xe “jeep” đi khá nhiều đơn vị. Một đơn vị đáng nhớ nhất là đồn Bảo An đóng trên đỉnh đèo Hải Vân, cao chót vót. Chúng tôi ăn một cái Tết trên đỉnh đèo với sương mù dăng ngang túi quần. Nhưng trước khi tôi đi Đà Nẵng, một nữ ca sĩ mà tôi coi như cháu gái đã cẩn thận gửi theo một túi quà cho “chàng”. Tất nhiên không thể thiếu một “cánh thư hồng”, chờ đầy nước mắt nhớ thương.

Thú thật lúc đó tôi mới biết chắc mối tình này của Thanh Nam là “nặng” và là “thật”. Lâu nay tôi cứ ngỡ, đó chỉ là chuyện “nhẹ nhàng” giữa “chú cháu” rồi lại như “ngàn năm mây bay”, như những chuyện trước đây tôi đã chứng kiến. Anh chàng quân nhân ngoài... tiền tuyến đó suốt cuộc hành trình ôm gói quà bên mình. Anh lấy ra một chiếc khăn, không phải là khăn thêu mà là một chiếc khăn len quàng cổ, có vẽ người tình mới mua ở chợ Bến Thành. Anh đứng giữa ba quân đồng đặc tuyên bố đây là quà của người yêu tôi gửi từ Sài Gòn ra, tôi sẽ làm giải thưởng cho bạn nào kể chuyện tình hay nhất.

Cuộc thi kể chuyện tình đó vào đêm 29 Tết trên đỉnh đèo Hải Vân, một anh lính láu cá chiếm được giải thưởng hí hửng lắm. Chẳng biết anh giữ được đến bao giờ hay cũng mang tặng cho người yêu của mình? Đúng ngày 1 Tết, chúng tôi ra đến Bến Hải vào các đơn vị Pháo Bình, Bộ

Bình, rồi sau đó nghỉ lại nhà ông Ninh Con và bà Phượng vài ngày, lúc đó đang ở Huế.

Cuối cùng rồi những cuộc tình cũng đã qua, chỉ còn lại một. Cuộc đời cũng đã qua, chỉ còn những kỷ niệm.

Kỷ niệm thì quá nhiều, nói làm sao cho hết.

Tôi viết những hàng này như một nén hương cho bạn tôi vào đúng ngày giỗ Thanh Nam 2-6-2007.

(Sài Gòn, 2-6-2007)

CHƯƠNG 21 TƯỜNG NIỆM HOẠ SĨ THÁI TUẤN (1918 – 2007)

Họa sĩ Thái Tuấn 90 tuổi, từ trần lúc 13 giờ ngày 26-9-2007 tức ngày 16 tháng Tám năm Đinh Hợi.

Trong gần một tháng vừa qua, lão họa sĩ đã nằm tại bệnh viện. Nhưng đến trưa ngày 26-9, ông được đưa về nhà và mất trên đường về nhà riêng tại số 150/31/5 đường Lý Chính Thắng, Quận 3, Sài Gòn.

Lễ viếng bắt đầu lúc 10 giờ ngày 27-9-2007 tại nhà thờ Tân Định, Quận 1, Sài Gòn.

Lễ động quan cử hành lúc 7 giờ sáng ngày 29-9- 2007, hỏa thiêu tại Bình Hưng Hoà.

Họa sĩ Thái Tuấn sinh năm 1918 tại Hà Nội. Sau năm 1975, đã có thời gian ông định cư tại Pháp.

Nhưng năm 2006, ông trở lại Sài Gòn sống cùng các con, tiếp tục sáng tác và đã có vài cuộc triển lãm tại Sài Gòn. Triển lãm cuối cùng của lão họa sĩ Thái Tuấn được mang tên *Về Nguồn*, từ ngày 9 đến 21-12-2006, tại Phòng tranh Tự Do đường Hồ Tùng Mậu Sài Gòn.

Theo thời gian và không gian, sáng tác của họa sĩ chia làm 3 giai đoạn: Trước 1975 tại Sài Gòn; sau 1975 ở nước ngoài và từ 2006 ở Việt Nam.

Xin chia buồn cùng tang quyến, cầu chúc linh hồn lão họa sĩ an nghỉ vĩnh hằng.

NGƯỜI “ANH EM CŨ” TRONG TANG LỄ CỐ HỌA SĨ THÁI TUẤN

Tang lễ Thái Tuấn chắc chắn sẽ có rất nhiều “*anh em cũ*” đến tiễn đưa “*lão làng*” về nơi an nghỉ cuối cùng.



Thái Tuấn trong căn lầu nhỏ. năm 2006.

Nguyễn Nghiệp Nhượng nói với tôi như thế trước khi tôi từ Lộc Ninh về Sài Gòn. Tôi hiểu “*anh em cũ*” có nghĩa là những anh em hoạt động trong lãnh vực văn học nghệ thuật trước năm 1975 ở miền Nam, chứ chẳng riêng gì ở Sài Gòn. Họa sĩ Thái Tuấn đã trở thành một trong số vài nghệ sĩ nhiều tuổi nhất còn sống ở thành phố này. Ông trở thành “cây đại thụ”, cũng như những hàng cây cổ thụ mà từ khi những người Bắc di cư vào Nam năm 1954, đã nhìn thấy trên những con đường đẹp nhất “đô thành” thời bấy giờ.

Ông hoạt động liên tục từ khi ở miền Bắc “di cư” vào miền Nam. Sau năm 1975, ông cũng như hàng triệu người Việt Nam khác, tìm đường ra nước ngoài định cư. Ông qua Pháp và vẫn tiếp tục sáng tác. Suốt cuộc đời ông không làm gì ngoài nghệ thuật, không biết việc gì khác ngoài vẽ tranh.

Năm 2006, ông trở lại Việt Nam và tiếp tục cuộc hành trình của mình. Ông trở lại sống trong căn nhà ở “tuốt tấp” trong con hẻm nhỏ giữa đường Yên Đỗ, nơi ông đã sống từ nhiều ngày trước. Xin mở ngoặc: Chẳng biết cụ Tam Nguyên Yên Đỗ mắc tội gì, bây giờ con đường Yên Đỗ đã đổi thành đường Lý Chính Thắng. Xin bạn đọc nhớ kỹ.

Nhà ông là một ngôi nhà khó tìm nhất trong những căn nhà ở Sài Gòn. Nhờ bất cứ ai chỉ đường vào nhà ông, chắc khó mà chỉ được. Lối ngõ quanh co, quẹo trái, rẽ phải liên miên và những con đường chỉ đủ cho hai chiếc xe gắn máy tránh nhau. Ngôi nhà nhỏ hẹp của ông nằm khép nép trong một xóm lao động. Từ hơn nửa thế kỷ qua đến nay, nó chỉ được sửa chữa qua loa cho “sạch nước cản”, chứ không phải là một sự “đi lên” hay “đi xuống”.

Cuộc sống của ông thanh đạm. Con người ông cũng vậy, giản dị, xuề xoà, đối với ai ông cũng thân thiện, niềm nở.

Năm 2006, khi ông từ Pháp trở về Việt Nam, tôi đến thăm vài lần. Những ngày sau cùng, ông sống trên căn lầu nhỏ, hệt như cái chuồng chim. Chiều ngang 2 mét chiều dài gần 3 mét, nhưng có được cái máy lạnh. Khách đến chơi, không được quá 3 người. Chỗ đầu mà ngồi. Cũng chẳng có chỗ treo tranh như nhà nhiều họa sĩ khác. Trong phòng ông chỉ đủ chỗ treo một hai bức mới nhất. Mỗi khi cần giới thiệu một bức tranh nào, ông phải nhờ một người con mang từ một nơi nào đó trong nhà vào phòng.

Chính ở nơi này ông đã sáng tác 13 bức tranh trong triển lãm tháng 12-2006 — như đã tường trình trong bài viết ngày 20-12-2006.

Không ngờ đó lại là lần triển lãm cuối cùng của Thái Tuấn và sau đó vài ngày là bữa cơm thân mật của anh em chúng tôi, cũng là bữa ăn với nhau cuối cùng ở nhà hàng Com Niêu. Thái Tuấn mang theo một chai rượu vang, đúng là kiểu Tây. Bữa đó có cả cụ Mạnh Đan, vợ chồng Đăng Giao, Nguyễn Thụy Long, do bà chủ báo Cỏ Thom ở Virginia về mời.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Thái Tuấn cứ hẹn sẽ lên Lộc Ninh nằm chơi vài ngày, nếu thích sẽ về mấy cô gái Thượng. Hàng loạt tác phẩm của anh đều diễn tả vẻ đẹp thiếu nữ thuộc nhiều thành phần khác nhau, có lẽ chỉ thiếu một số cô gái miền sơn cước. Tôi nghĩ đó cũng là dự định của anh vào thời gian này. Nhưng ý tưởng chưa thực hiện được thì anh đã nằm bệnh viện. Sau này, thỉnh thoảng anh điện thoại cho tôi, hỏi thăm cây cỏ hoa lá, nhưng tiếng anh khà khà qua

điện thoại, chỉ được vài câu rồi con anh phải “phiên dịch” lại. Trước ngày anh ra đi, tôi vẫn nhận được tin anh qua điện thoại. Vài ngày trước khi mất, các con anh nói bây giờ anh chỉ “bút đàm”, tức là chỉ nói chuyện bằng giấy bút, chứ không nói được.

Mới ngày 25-9, được tin anh ra khỏi phòng cấp cứu. Trưa hôm sau, 13 giờ ngày 26-9-2007 đã được tin anh mất trên đường từ bệnh viện về nhà.

Tôi vội báo tin đến bạn bè khắp nơi. Một số bạn hỏi âm ngay và giao cho tôi nhiệm vụ thay mặt đi phúng điếu hoặc chuyển lời phân ưu đến tang quyến.

NHỮNG NGƯỜI “ANH EM CŨ”

Tôi đáp chuyến xe đò sáng sớm về Sài Gòn. Trước đó tôi đã nhờ Hàm Anh đặt sẵn vòng hoa để mang đến nhà tưởng niệm, trong khuôn viên nhà thờ Tân Định, nơi quần linh cữu cố họa sĩ. Mới đó mà hôm nay đã thành “cố” rồi! Gần trưa tôi đến nơi.

Ba người con trai cố họa sĩ đón sẵn, đưa vòng hoa của các bạn ở nước ngoài và chúng tôi vào bên bàn thờ người quá cố. Rất nhiều vòng hoa của thân nhân và thân hữu để la liệt bên linh cữu. Những cái tên rất quen của “làng văn, làng báo Sài Gòn ngày xưa”, tôi không thể kể hết.

Thái, người con đầu của anh Thái Tuấn cũng đã ngoài 60, nắm tay tôi kể:

– Bác Tú Duyên và bác Mạnh Đan vừa ở đây về thì chú tới.

Anh Tú Duyên đã 92 tuổi rồi nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Thái đưa cho tôi xem mấy hàng chữ của họa sĩ Tú Duyên vừa ghi trong cuốn sổ lưu niệm. Nét chữ mới chỉ hơi run, nhưng lời lẽ thì vẫn còn rất trẻ:

Anh viết:

“Cầu cho linh hồn họa sĩ yên vui. Còn tôi hơn bỏ 2 tuổi còn ngồi đây viết những lời như thế này. Thân chào linh hồn họa sĩ.

Ngày 27-9-2007.

Đồng nghiệp Tú Duyên”.

Phía dưới trang giấy kẻ ô vuông là dòng chữ của lão nghệ sĩ nhiếp ảnh “râu dài” Mạnh Đan:

“Vô cùng thương tiếc người bạn cố tri. Thái Tuấn ra đi không bao giờ trở lại.

Vĩnh biệt.

Nguyễn Mạnh Đan”.

Còn vài chục trang giấy nhu thế của những người thân, những người bạn, những người anh em, già trẻ lớn bé, lớp trước lớp sau, tôi không thể kể hết.

Điều đó chứng tỏ khi sinh thời ông đã sống nhu thế nào. Đó là điều quan trọng chứ không phải là tên tuổi, nổi danh hay không nổi danh.

Thái độ sống và cách sống với những người xung quanh mới chính là con người thật.

CÓ GẶP LÊ XUYỀN XIN ĐỪNG NÓI CHUYỆN THẾ GIAN

Ngày Thứ Bảy 29-9, linh cữu của cố họa sĩ Thái Tuấn được đưa lên tòa nhà thờ chính Tân Định làm lễ. Rất đông thân nhân bạn bè thuộc đủ thành phần đến dự lễ. Bước chân vào trong nhà thờ, tôi gặp ngay những khuôn mặt quen thuộc như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Cù Nguyễn, Hàm Anh, Trịnh Cung, Nguyễn Quốc Thái, Mạnh Đan, Nguyễn Đạt...

Trong lúc chờ đợi đưa linh cữu ra ngoài xe, tôi có dịp nói chuyện với Dương Nghiễm Mậu. Hồi này anh cắt tóc ngắn, kiểu cắt “bốc” của những cậu học sinh khi còn nhỏ. Anh vẫn trẻ trung như thanh niên. Tôi chưa kịp cười anh đã giải thích ngay: “*Ấy, cắt tóc như thế để chúng nó không nắm được tóc mình*”.

Nguyễn Nghiệp Nhượng nhún vai phê một câu ngắn gọn, nhưng đầy đủ ý nghĩa: “*Hơi muộn*”.

Một anh bạn nào đó hòa theo: “*Không những nó nắm tóc ông mà còn bị nó ghè cho gãy xương*”.

Tôi hỏi lảng: “*Cuốn sách của ông ra sao rồi? Hết bán được rồi phải không?*”

Dương Nghiễm Mậu cười tỉnh như không: “*Chỉ không bán được ở Sài Gòn thôi. Còn các nơi vẫn bán như thường. Mình chỉ ngại cho nhà xuất bản, họ bỏ vốn in khá nhiều. Mình thì cứ bình an vô sự*”.

“*Té ra thành phố Sài Gòn lại không cởi mở bằng những nơi khác?*”

“*Ồ đó mà cởi...*”

Chuyện xoay quanh các chuyện “văn nghệ lắm cẩm” như thế. Tôi gặp một số các chị quả phụ Trần Lê Nguyễn, Minh Đăng Khánh... cùng một số rất ít người làm văn làm báo sau này hoặc từ miền Bắc vô Nam sau năm 1975.

Nếu không có những dịp như thế này, khó có dịp nào anh chị em “Sài Gòn của chúng ta xưa” gặp nhau đông đủ được đến vậy. Dù trong tang lễ nhưng mọi người đều nhân cơ hội này thăm hỏi nhau vô số chuyện gia đình, chuyện anh em bên này bên kia.

Đúng 8 giờ, chiếc xe chở linh cữu ra khỏi khuôn viên nhà thờ Tân Định, hướng về nhà hỏa thiêu Bình Hưng Hòa.

Thôi, anh ra đó gặp Phan Nghị, Lê Xuyên và anh đừng nói với Lê Xuyên rằng dù anh ấy đã ở thế giới bên kia, nhưng sách của anh ấy cũng không được bán ở Sài Gòn, kéo anh ấy buồn, tội nghiệp cả cho người đã chết!

Thế gian còn nhiều chuyện đau lòng lắm. Xin quý vị hãy yên nghỉ. Vĩnh biệt họa sĩ tài hoa Thái Tuấn.

(Sài Gòn 09-2007)

CHƯƠNG 22

CHUYỆN TÌNH NHÀ QUÊ

Chuyện tôi sắp kể với các bạn là một chuyện tình rất đặc trưng ở vùng quê, từ thời chiến sang thời bình.

Và, chỉ ở nhà quê tôi mới biết được chuyện này cùng những chuyện tương tự như thế. Có rất nhiều tình tiết lạ lùng và cũng không kém phần hấp dẫn, tôi đã định viết thành một truyện dài mới diễn tả được hết những con người cùng những chi tiết trong đời sống những nhân vật có thật đó. Nhưng ở đây, tôi buộc phải tóm tắt nên đành gác lại một số tình tiết với những chuyện không kém phần thú vị xoay quanh các nhân vật chính.

Có dịp viết truyện dài, tôi sẽ viết tỉ mỉ hơn.

Mời bạn đọc vừa giải trí vừa tìm hiểu tính chất thời đại, của một trong những chuyện tình ở vùng quê ra sao.

oOo

Ông Phú là một ông “sếp” trong hai toán thợ làm nhà cho ông chủ xe đồ. Nghe nói toán thợ này từ Bình Dương

qua, chứ ở xóm này không còn thợ giỏi. Những thợ có tay nghề cao, hầu hết về thành phố kiếm ăn, còn những thợ vô văn thì nhào vô làm ở những công trình của nhà nước, như xây mấy cái nhà tập thể, làm mấy cái trụ sở, mấy cái vườn hoa dọc theo những con đường lớn. Những nơi đó thì làm kiểu nào cũng được, có nghiệm thu cũng là anh em nhà cá, hoặc có cái “phong bì” là xong.

Ông chủ xe đồ sắp cưới vợ cho cậu con trai lớn nên xây một cái nhà “ra cái nhà”, hoành tráng để “không mất mặt” với bà con trong ấp, trong xã, nên phải đi Bình Dương kiếm thợ. Lúc này, dân có tiền, có tí danh vọng ở nhà quê, như quản lý thị trường, ông chủ tiệm buôn bán xe máy, anh thư ký xã, bà chủ nhà hàng bán vật liệu xây dựng, chịu khó thi đua xây nhà đẹp, nhà lớn chứ không thi đua sản xuất cho hợp tác xã, không thi đua lập thành tích cho hội nông dân, hội phụ nữ nữa. Những kiểu thi đua như thế chỉ dành cho mấy anh còn bám vào mấy cái chức vụ linh tinh trong Ủy Ban nào đó ở huyện, ở xã thôi. Và thi đua lấy lệ cho có “phong trào” chứ ai hơi đâu đi lo “chuyện tào lao.”

Ông Phú là một ông “sếp” đám thợ xây, có tí chuyên môn cao, khác với toán thợ hồ, chuyên làm những việc tấp nham, khuôn xi măng, trộn hồ, đẩy xe “rùa”. Ông là người nhiều tuổi nhất và cũng được hơn hai chục thợ trẻ “khoái” nhất. Công việc của ông không rảnh, cũng chẳng bận bịu gì lắm. Lúc nào cần như làm móng, đổ tấm thì ông xắn quần, cởi áo, hò hét đám thợ làm túi bụi. Nhưng khi thợ xây làm công việc bình thường thì ông mặc vông dưới tàn bằng lăng nằm phì phèo thuốc lá. Ông có mấy tay thợ đàn em, lo cơm nước ngay trên “công trường”. Gọi là công trường cho oai chứ thật ra chỉ là cái bãi cát sỏi lồi lõm đầy

vết bánh xe trước cửa nhà ông chủ xe đồ chạy đường Bù Đốp – Bến xe Miền Đông Sài Gòn.

Khi căn nhà xây gần xong, tôi sang nhà ông chủ xe đồ, nhờ ông Phú cho thợ xây giùm tôi cái hàng rào trước nhà để chắn nước lũ từ triển đồi đổ xuống. Hai hôm sau, ông Phú sang nhà tôi. Hình như ông biết về gia đình tôi do người trong xóm nói lại. Ông thân mật, cởi mở ngay từ phút đầu. Trò chuyện về công việc xong, ông thổ lộ:

– Nói chuyện với ông dễ dàng hơn mấy ông chủ nhà ở đây. Mặc dù tôi với ông là “hai chiến tuyến” từ xưa. Nhưng thú thật, tôi không hợp chuyện với mấy tay từ thời đó cho tới bây giờ.

Tôi chẳng hiểu nguyên nhân tại sao và cũng không tiện hỏi, nhưng thấy ông Phú rất chân thật, dễ gần. Tôi mời ông ở lại ăn cơm tối với chúng tôi, nhà chỉ có hai người. Ông vui vẻ nhận lời. Buổi tối, chúng tôi ăn cơm ngoài hàng hiên nhìn ra khu vườn trước mặt.

Bữa cơm chỉ có món tép rang khế, tô canh cá diêu hồng ao nhà, đĩa rau ghém thái chỉ theo kiểu “Bắc kỳ” chính hiệu. Ông gật gù khen ngon và ăn như... tàu hỏa. Thấy khách vừa lòng món ăn nhà mình, chúng tôi cũng vui lắm. Ông chỉ cho chúng tôi cách trồng cây có nhiều trái ngon, nuôi cá sao cho mau lớn, giữ gìn vườn tược cách nào đỡ tốn kém và hiệu quả nhất. Rõ ràng ông là dân làm vườn chính hiệu. Ông tặc lưỡi nói:

– Nghề của tôi có phải là nghề xây dựng đâu. Thằng bạn tôi làm nhà thầu lớn ở Bến Cát, nó lôi tôi về ở với nó một thời gian rồi thành nghề luôn.

Ông mỉm cười nói tiếp:

– Trước kia tôi là dân cách mạng đầy chứ. Nhưng... là

dân cách mạng bắt đầu dĩ thời. Thời đó ở những vùng quê như vùng này, không cách mạng cũng không được. Cũng như các ông không đi lính “quốc gia” cũng không được. Phải không?

Tôi ừ ào cho qua, bởi giải thích với ông là không đúng lúc. Ông Phú lại kể tiếp:

– Lẽ ra tôi cũng như những anh khác, bây giờ cũng làm lớn, cũng xe hơi nhà lầu đấy. Nhưng... có nhiều chuyện khó nói lắm. Mỗi người một số phận. Tôi có lỗi nên bị tụi nó gạt ra ngoài, khi “giải phóng” rồi, mấy đứa bạn tôi, đứa nào cũng khá cả. Chỉ có tôi là long đong. Nhưng xét cho cùng, tôi không ân hận gì cả.

Chuyện không đầu không cuối đó, chỉ là thứ nói cho vui, cho hiểu nhau chút ít mà thật ra chẳng hiểu gì. Ông Phú ngồi với tôi khá lâu, một lúc sau mới ậm ờ kết luận:

– Có những thằng bất mãn vì bị bỏ quên, vì không được làm lớn, không được ăn nhiều như anh em khác, nó chửi vung tàn tán. Nhưng tôi chưa hề chửi ai cả. Những thằng chửi bậy chửi bạ toàn là thứ ghen ăn tức ở thôi. Tôi hiểu rõ như thế nên không bao giờ vào hòa với tụi nó. Tôi chỉ giả ngu giả đờ cho nhàn. Và lại chuyện của tôi khác hẳn với chuyện lôm côm của tụi nó.

Ông Phú nhìn quanh rồi ghé tai tôi nói nhỏ như tiết lộ một bí mật ghê gớm lắm:

– Ông biết không, tôi chỉ là thằng chết vì tình.

Tôi trở mặt nhìn. Ông Phú giải thích kỹ hơn:

– Chết vì đàn bà, ông hiểu chưa?

Tôi gạt đầu ra điều tâm đắc, nắm bàn tay gân guốc sù sì của ông:

– Hiểu. Tôi cũng không thua gì ông đâu.

Tiếng cười ồm ồm của ông Phú vang lên trong khu vườn tĩnh mịch làm những con đé im bật, những ngọn cây ngọc lan dường như bất mãn vì ông phá giấc ngủ êm đềm của chúng. Ông Phú gât gù:

– Tôi đã nghe hàng xóm của ông kể về ông rồi. Ông cũng là tay có “số đào hoa” lắm. Vì thế tôi mới nói với ông chuyện của tôi. Để lúc nào sang làm hàng rào cổng nhà ông, tôi sẽ kể ông nghe.

Tôi thú vị coi như vớ được ông bạn “tri kỷ” ở chốn thôn quê này. Dân thành phố có chuyện tình thành phố, dân nhà quê có chuyện tình nhà quê. Tôi cũng sẵn sàng kể cho ông nghe suốt mọi chuyện của tôi, do thói quen chẳng cần giấu giếm bao giờ, mà có giấu cũng chẳng được. Việc gì phải giấu. Cái số như thế thì cứ để nguyên cho nó như thế. Và lại mình không dám kể chuyện của mình thì làm sao người ta thành thật kể hết với mình được. Cho nên tôi định bụng tuần sau, khi toán thợ sang làm, tôi sẽ lại mua thịt rừng về mời ông Phú ăn cơm tối để “moi” chuyện của ông cho vui.

Nhưng khi mấy người thợ sang làm ở nhà tôi thì ông Phú chỉ đưa sang rồi về gấp Bến Cát, vài hôm sau mới trở lại. Có một anh thợ cả, khoảng trên bốn mươi, trong lúc nghỉ trưa, tôi hỏi về ông Phú, anh này kể:

– Bố ạ, bác Phú đến bây giờ vẫn chưa có vợ đấy. Cháu là cháu họ và là người cùng quê với bác Phú nên cháu biết rõ. Chuyện của bác Phú... lòi thòi lắm.

Có lẽ anh ta muốn nói là “chuyện ly kỳ lắm”.

oOo

Duyên, cô gái 16 tuổi con bà thợ may ở cái xóm chợ rất xinh đẹp, trắng trẻo, khác hẳn những cô gái lam lũ ở vùng

này. Cô chỉ học hết lớp ba rồi về phụ mẹ may đồ, suốt ngày ngồi bên chiếc máy may Singer ngay trước mặt chợ. Căn nhà khá khang trang, phía ngoài là cửa hàng, phía sau là nhà ở với người anh trai và một cô em gái.

Phú, con trai ông thư ký đồn điền, 17 tuổi, học ở trường huyện gần đó, có vẻ như đang “gò gẫm” cô gái mới lớn phổng phao này. Nhưng một cô gái như thế chẳng phải một mình Phú để ý mà năm bảy cậu vừa đôi phải lứa cũng đang tán nhăng tán cuội mỗi khi có dịp lượn qua hàng thợ may. Trong số đó có Tân, một anh chàng vừa bằng tuổi Phú cũng có hy vọng lọt vào mắt xanh của Duyên. Tân không được đi học như Phú, song lại được ông chú ruột truyền cho nghề thợ điện là một nghề hiếm có thợ chuyên môn ở nhà quê thời đó. Ngoài các việc sửa chữa ba thứ đồ điện gia dụng cho các nhà khá giả, Tân còn có thể quán mô-tơ cho những máy bơm nước để bán hoặc đi sửa chữa cho những nhà làm vườn trong vùng. Nhờ vậy Tân có đồng ra đồng vào rừng rinh, ban ngày thì quần áo dầu mỡ đen đui, song tối đến ăn mặc bánh bao, lượn qua lượn lại qua hàng thợ may.

Có thể nói lúc đó Phú và Tân là hai đối thủ, nhưng hai cậu này lại khá thân với nhau. Bởi họ học với nhau từ hồi còn nhỏ và cả hai đều thích đá bóng và đá khá hay. Có lần trường của Phú đá với đội của công ty cao su, Phú phải mượn Tân đá “thuê”, uống một chậu nước mía. Nhưng việc bại lộ do đội ban công ty cao su thua to nên khám phá ra Tân không phải là học sinh trường huyện, họ bèn kiện lên Ty Giáo Dục. Rồi cũng huê, đội của trường huyện chỉ bị đội công ty cao su... chửi một thời gian, có lần hai phe suýt đánh lộn. Dĩ nhiên Tân và Phú đứng cùng một

phe. Nếu có chuyện cãi vã, thậm chí xô sát là hai người luôn “sống chết bên nhau”.

Nhưng đến chuyện Duyên thì chẳng ai nhường ai.

Tuy có “chiến tranh”, nhưng là học trò mới lớn, mới biết yêu nên chẳng ai thổ lộ với ai. Cả hai cùng làm ra vẻ lững lờ, thỉnh thoảng chịu không nổi, nói chuyện về Duyên, cả hai cậu đều giấu biệt “cái đuôi” của mình.

Tình thế nhập nhằng kéo dài cả năm rồi Phú tấn công trước. Trong lớp học của Phú có nhiều tay “quân sư” rất khá. Chúng bày cho Phú đủ trò tán tỉnh để chiếm lấy tình yêu. Phú nhiều phen mang thư tình đi qua hàng thợ may rồi lại mang về, run quá không dám gửi.

Người chị của Phú thường hay ra may đồ ở cửa hàng nhà Duyên. Chị Ly vốn là học sinh ở thành phố nên hiểu rõ lòng em. Duyên lại rất thân và kính trọng chị Ly của Phú. Thỉnh thoảng ở thành phố về nhà, chị Ly mua cho Duyên một hai món quà nhỏ, cái trâm cài tóc, cái lược chải mái hoặc đôi dép “con hổ” Thái Lan.

Một lần chị Ly vô tình nhìn học bàn học của Phú, thấy lá thư tình chưa gửi hay không dám gửi. Chị lặng lẽ cầm ra, ngồi tâm sự với Duyên rồi trao luôn lá thư cho Duyên.

Duyên rất bất ngờ, song vẫn nhận thư. Chị Ly đòi Duyên trả lời, nhưng Duyên cứ đỏ mặt làm thinh. Chị Ly nói là Phú đang mong và gia đình chị cũng đang mong.

Với một gia đình như Duyên, bố làm phu đồn điền, mẹ làm thợ may, được một chàng rể có học, con nhà gia giáo là mừng lắm rồi. Và Duyên cũng vậy. Tất nhiên, vào tuổi 15-16, cô gái thừa biết cậu con trai nào muốn “bòm xom” với mình nhưng cứ giả vờ như không biết gì. Tự trong lòng Duyên, cô đã thầm để ý đến Phú nhiều hơn cả. Cho đến

gần ngày chị Ly phải trở lại thành phố theo học, lúc đó chị mới nói cho Phú biết lá thư được gửi đi. Phú choáng váng, bởi khi lá thư biến mất, Phú đã tìm nhưng không thấy làm cậu băn khoăn mãi. Lúc đó Phú rất khó chịu với chị song chuyện đã rồi, có trách chị Ly cũng thế thôi. Và lại, cậu cũng mừng đã có người quyết định giúp mình một dự tính làm cậu mất ăn mất ngủ.

Cậu mắc cỡ đến nỗi không dám đi qua hàng thợ may. Thế nhưng tình yêu vẫn chiến thắng tất cả, cậu Phú lại lảng vảng qua hàng thợ may. Phú để ý thấy Duyên lén nhìn mình rồi đỏ mặt cúi xuống. Hai ba lần như thế, Phú tin Duyên đã “chịu đèn”. Ánh si-nhan chớp chớp làm Phú nôn nao. Một ngày trước khi chị Ly trở về Sài Gòn, chị nhờ Duyên đưa vào sóc Thượng mua mật ong cho mấy người bà con ở thành phố. Tất nhiên chị Ly cho Phú đi theo. Chị Ly đeo Duyên trên chiếc xe đạp của bố, Phú đi xe đạp của mình. Ở vùng này, thời đó có cái xe đạp là bảnh lắm. Chuyện tình của hai người bắt đầu từ đó.

Duyên trở nên bạo dạn hơn. Những buổi hẹn hò bắt đầu ở các con đường vắng. Đôi khi họ xử dụng những chiếc chòi của mấy nhà trồng tiêu, trồng điều giữa rừng, làm tạm để trông coi và có chỗ trú chân khi mùa tiêu chín. Khi tiêu còn non, những cái lán, cái chòi bỏ không. Tha hồ tâm sự chẳng ai biết. Mỗi người đến nơi hẹn vào một khoảng thời gian và con đường khác nhau. Những cô gái quê hiền lành chân thật tưởng như không bao giờ cho ai đụng đến bàn tay mình, lại trở nên đắm thắm, cuồng nhiệt trong mối tình đầu. Khi nụ hôn thứ nhất đã trao đi, men say của tình yêu không kìm hãm được. Nhất là trong một nơi hoàn toàn vắng vẻ giữa chốn rừng già.

Hai cô cậu đắm mình trong hạnh phúc và hai gia đình cũng đã biết. Họ dự định cho Phú đậu xong cái tú tài mới làm đám cưới. Mối tình như trở thành công khai.

Hai gia đình xích lại gần nhau hơn, thân thiện đi lại thăm hỏi nhau. Thật ra khoảng cách giữa gia đình một “ông thư ký” và một “anh phu đồn điền” là khoảng cách khá xa ở chốn này. Nhưng ông bà Phiên, bố mẹ Phú vốn sinh trưởng ở thành phố, làm việc với người Pháp ở đồn điền, nên có quan niệm sống khá mới. Ông không hề phân biệt gì với gia đình Duyên.

Ngược lại gia đình Duyên vẫn giữ lễ phép hơi thái quá với gia đình Phú.

oOo

Rồi thời thế đổi thay. Chiến tranh ác liệt tràn về vùng này. Những người Pháp dần dần rút khỏi đồn điền. Cả một cơ sở lớn gần như bỏ hoang. Ông Phiên không còn chỗ làm và cũng sợ vạ lây nên tạm thời xin được một chỗ dạy học ở Bến Cát. Gia đình ông bóp nhặt lâu ngày, mua được vài mẫu đất ở đây. Bà Phiên phải ở lại trông coi vài mẫu cà phê và mở tạm ngôi hàng bán tạp hoá ở chợ kiếm sống. Phú theo bố về Bến Cát, việc học hành của cậu cũng dang dở. Chị Ly lấy một người chồng Pháp trước kia cũng làm việc ở đồn điền, đã theo chồng về Pháp.

Phú về Bến Cát một thời gian với bố rồi khi tình hình chiến sự tạm yên mới trở lại sống với mẹ. Nhưng mọi sự đã đổi thay. Gia đình Duyên đi đâu không rõ, bỏ cái tiệm may vắng khách cho người em chồng trông coi. Một thời gian sau, Phú mới biết, gia đình Duyên đã theo “kháng chiến”. Bố Tân cũng theo “cách mạng”. Riêng Tân vẫn ở căn nhà cũ với ông chú và cũng chẳng cần biết bố mình đi đâu. Bố

Tân đi được một thời gian, mẹ Tân bỏ nhà theo người tình đi biệt, chẳng bao giờ có tin tức. Nhưng nghề làm thợ điện của chú cháu Tân lúc có chiến sự đói khách lắm nên có khi Tân phải làm phu hồ.

Rồi dùng một cái, “giải phóng”, mọi sự lại đổi thay, rối tung rối xoè. Gia đình Duyên lừng lững trở về cùng đoàn tiếp thu các cơ sở hành chánh. Bố Duyên lên chức bí thư huyện. Mẹ Duyên làm chủ tịch công đoàn, được phân công quản lý nhân viên công ty cao su. Duyên trở thành cô gái “cách mạng” hoạt động hăng hái nhất.

Trong khi đó bà Phiên, mẹ Phú phải trở về Bến Cát vì ở đây họ coi gia đình bà như một gia đình làm việc với Tây, có vài mẩu đất là thành phần địa chủ. Ông Phiên cũng phải bỏ nghề dạy học lên Sài Gòn kiếm ăn với bạn bè, làm đủ thứ nghề chẳng ra nghề gì. Thời buổi này chữ nghĩa không còn giá trị gì, chỉ cần cái lý lịch cá nhân.

Phú học hành dở dang, anh cũng làm đủ thứ việc kể cả việc làm thợ hồ cho các ông chủ quen biết với bố anh từ xưa. Nhưng biến chuyển quan trọng nhất là bố Tân trở về, lúc này ông làm việc ở một cơ quan trung ương. Sau đó ông được cử về giữ một chức then chốt trong bộ máy hành chánh của tỉnh. Tân đang là một thợ hồ, thợ điện, bỗng được bố cất nhắc cho làm ở sở điện lực huyện và chẳng mấy lúc giữ chức trưởng ty. Từ trưởng ty nhảy sang quản lý thị trường. Gặp thời “mở cửa” nên tiền vào như nước. Rồi nhảy lên chủ tịch.

Đám cưới của Duyên và Tân được tổ chức rất lớn.

Cái thời ăn thịt một con gà phải cắt bằng kéo để che tiếng chặt thịt, giấu kỹ như làm truyền đơn phản động, thời ấy qua rồi, lúc này người ta cần khoe của,

khoe nền văn minh hiện đại trên con người và trong căn nhà của mình.

Lúc này Phú cũng đang cùng ông chủ thầu xây dựng làm một cơ sở lớn ngay tại đây, nhưng chẳng ai còn nhớ đến anh. Vợ chồng Duyên và Tân dường như chỉ có những người bạn mới, khá đông quan chức đi xe hơi từ tỉnh về dự. Họ là bạn của bố Tân và vài người trẻ tuổi “trèo cao” là bạn của Tân. Duyên vẫn đẹp và còn rực rỡ hơn vì cô đã biết son phấn, đi giày cao gót, mặc áo veste, hột soàn đeo vài cái như hạt ngọc trên các ngón tay.

Duyên biết Phú làm ở công trình gần thị trấn, đôi lần cô đi ngang, thấy Phú, cô ngần ngại rồi quay lưng đi luôn. Hai người sống trong cùng thị trấn nhỏ này, có khi họ vô tình gặp nhau giữa đường, song cứ làm như không quen biết. Nổi đau tím ruột, nhưng Phú đành câm lặng.

Cho đến một ngày, trong toán thợ của Phú có vài anh say rượu đánh lộn ngoài quán cà phê. Phú phải lên công an báo lãnh cho họ về. Họ bị nộp phạt và bồi thường tiền cho chủ quán. Phú và cả toán thợ không có một cái dính túi nên chưa được thả. Bữa đó chẳng hiểu Duyên có việc gì hoặc lên họp với ty công an. Cô thấy cảnh đó nên can thiệp cho toán của Phú được trở về tiếp tục làm việc. Dù biết uy tín của vợ chồng Duyên rất lớn. Nhưng khi Phú định ngỏ lời cảm ơn thì Duyên đã biến vào phòng họp.

Lại một lần nữa Phú cay đắng, anh nghĩ thái độ đó của người yêu cũ coi như trả nợ tình xưa vậy thôi? Anh đã định bỏ đi nơi khác, nhưng công trình không có người trông coi nên đành nấn ná ở lại. Suốt ngày Phú làm lì không nói chuyện với ai. Phú vẫn có một số bạn bè cũ ở đây, biết rất rõ về mối tình của Phú và Duyên. Vài anh thợ trẻ cũng biết

chuyện. Có người trách móc vợ chồng Duyên – Tân bạc bẽo và có những anh thợ trẻ hung hăng, còn dám chửi bới lèm bèm về cái tội bỏ rơi bạn bè.

Những an ủi kiểu đó khiến Phú đau thêm, vết thương càng rỉ máu. Ngoài mặt, Phú ra vẻ bình thản, song chẳng đêm nào Phú không nghĩ đến Duyên và những giây phút âu yếm thuở đầu đời. Phú nhớ từng cử chỉ ngượng ngập nhưng rất tình tứ của Duyên, từng tiếng nói, từng hơi thở trong từng nụ hôn của cô gái nhà quê mới lớn. Mỗi tình huống có thể quên nhưng càng gọi nhớ khi hàng ngày trước mặt Phú, Duyên vẫn hạnh phúc, cao sang bên chồng... danh giá, tương như chọc vào mắt Phú. Anh không thể quên và càng thêm thù hận.

oOo

Bữa đó một bạn cũ của Phú mới làm xong một ngôi nhà phía trong lô cao su. Vào buổi trưa ngày Chủ nhật, Phú được mời tới dự. Người bạn cũng có chút chức tước ậm ờ trong cái Ủy Ban Chữ Thập Đỏ, thân chinh đến mời cả vợ chồng Duyên và Tân. Nhưng Tân đi công tác trên tỉnh nên không đến được. Chỉ có Duyên đến với hai chai rượu Tây trên tay, chứng tỏ mình thuộc thành phần “cấp cao” ở nơi này.

Chuyện trò rôm rả, nhưng hầu như Duyên chỉ liếc qua nhìn Phú và cố tránh không bao giờ ngồi chung bàn với Phú. Sự thờ ơ đó của Duyên không qua mắt được những bạn cũ của hai người. Họ cũng tỏ vẻ khó chịu nhưng chỉ nhìn Phú bằng ánh mắt thương hại. Càng như thế Phú càng đau thêm. Không chịu nổi, Phú lấy xe gắn máy ra về trước.

Hôm đó lần đầu tiên Phú uống khá nhiều rượu.

Chiếc xe chuyển choáng rời khỏi con đường nhựa cũ mấp mô, xen lẫn đất đỏ, quành vào một khu vườn tiêu. Đây cũng chính là nơi xưa kia Phú và Duyên đã từng hẹn hò. Bây giờ khu vườn này cũng chính vợ chồng Duyên mới mua lại với cái giá rẻ mạt trong khi hạt tiêu rớt giá. Bây giờ tiêu lại lên giá nên vườn tiêu đáng giá bạc tỉ.

Phú dừng xe, một phần vì con đường hẹp và lầy lội, Phú lại hơi say. Phần khác, chính Phú cũng không hiểu vì sao mình lại không đi nữa. Anh nhìn cái lán mới làm sau vườn tiêu xanh tốt ngút ngàn. Kỷ niệm ủa về như thác lũ, khiến Phú không thể nào đi được. Anh dừng lại bên vệ đường trong buổi xế trưa âm u.

Một lát sau, khi trời đổ mưa, bóng dáng Duyên bất ngờ hiện ra cuối con đường đất đỏ. Chiếc xe gần máy mới tinh, loạng choạng bò trên mặt đường trơn trượt. Phú thấy tim mình đập rộn ràng. Con đường vắng ngắt, chỉ có Phú và Duyên. Phú nẩy ra ý định gặp Duyên và nói... những gì cần nói mà bao lâu nay Duyên không cho Phú cơ hội. Nghĩ vậy, nhưng ngay lúc này, Phú cũng chẳng biết phải nói thế nào, nói những gì.

Như con mèo rình chuột, khi Duyên đi qua, Phú bất ngờ nhảy ra, cản tay lái. Duyên hốt hoảng dừng người, chiếc xe lặn kênh xuống con mương. Duyên hỏi lớn:

– Anh muốn gì?

Phú cố cất tiếng ôn tồn:

– Tôi muốn cảm ơn vì bữa nợ cô đã can thiệp cho chúng tôi ở công an.

– Anh khỏi cần cảm ơn. Tôi thương hại những người thợ thoi. Anh không được phép cản đường tôi như thế.

Phú giận tái mặt, găm lên:

– Em có thể tệ bạc đến như vậy sao?

– Chuyện của tôi và anh hết rồi, tôi đã có chồng. Chồng tôi là gì anh biết chứ?

– Biết thì sao?

– Anh ấy có thể bỏ tù anh bất cứ lúc nào.

Sự đe dọa đó càng làm Phú uất thêm. Duyên không hiểu trong trường hợp này, điều đó còn hơn là một liều thuốc kích thích cho đối phương hăng máu thêm.

Phú hất hàm:

– Ủ, có giỏi nó bỏ tù tôi đi. Tôi thử xem nó bỏ tù tôi được không.

Phú như người điên, anh túm lấy cổ áo Duyên kéo về phía mình. Duyên ngã vào vòng tay Phú, chiếc cổ áo bằng lụa mỏng manh rách toạc làm lộ bộ ngực căng đầy nõn nà. Phú kéo Duyên vào con đường mòn. Duyên càng giẫy dụa, Phú càng xiết chặt. Anh bế xốc Duyên lên mang vào căn chòi gần đó sau những lùm tiêu, lên tiếng dọa nạt:

– Em kêu là anh giết em rồi tự tử theo. Anh không mất em dễ dàng như thế đâu.

Quả nhiên lời đe dọa của Phú với những cánh tay lực lưỡng đang xiết lấy cô đến nghẹn thở, có hiệu lực. Duyên không dám phản kháng mạnh nữa.

Phú quăng Duyên lên chiếc sàn tre ọp ẹp.

Chẳng biết tự bao giờ, thân hình Duyên phơi ra trong bóng tối mờ hồ của chiếc chòi chật hẹp. Như một hành động vô thức, Phú chồm lên, hung hãn và thêm khát tưởng có thể nuốt sống người đàn bà dưới mình.

Cơn điên dã thú vừa xong, Duyên vẫn nằm thờ đốc.

Phú ngo ngác, đẩy đồng quần áo cho Duyên. Không nói một câu nào, Phú cũng chẳng biết phải làm gì thêm nữa. Duyên lại đe dọa:

– Tôi sẽ đi tố cáo anh hiếp tôi. Đồ... tôi.

Phú vẫn im lặng. Đường như lúc này Phú ý thức được mình là tên tội phạm nguy hiểm sẵn sàng chờ bất cứ hình phạt nào đến với mình. Mặc cho Duyên vừa mặc quần áo vừa nguyên rủa đe dọa, sau cùng Phú nói:

– Anh không thèm trốn đâu, em cứ làm cái gì em thấy phải làm.

– Được, anh cứ đợi đấy. Cho anh rũ tù.

Phú lì lợm:

– Đi tù vì em cũng đáng lắm. Anh không hối hận đâu. Anh đòi lại cái gì của anh.

Duyên bước xuống những bậc thang tre.

Cô thất thủ bước giữa những hàng tiêu rậm lá, ra đường tìm chiếc xe còn nằm dưới đường muơng đầy cỏ dại. Phú lững thững đi theo, anh đứng sững chứng kiến Duyên leo lên xe, hăm hăm nổ máy cho xe lao nhanh trên con đường vẫn còn mưa như trút nước.

oOo

Câu chuyện đó im bật. Chẳng biết Duyên có nói với chồng hay không. Phú vẫn sẵn sàng chờ đợi một lúc nào đó mấy cậu công an đến còng tay mình đưa về trụ sở. Đúng như đã hứa, anh không thèm trốn. Nếu bị điều tra, anh sẽ khai hết sự thật và nếu phải ra trước tòa anh cũng chẳng làm họ mất thì giờ, anh nhận hết mọi tội lỗi.

Nhưng mọi chuyện xảy ra khác hẳn với những gì Phú dự đoán. Một buổi tối, Phú vừa về đến nhà trọ, anh nhận được mảnh giấy của đứa bé mang lại. Đứa bé nói:

– Con đợi chú từ chiều.

Đó là lá thư ngắn của Duyên. Nét chữ như gà bới nhưng lời lẽ lại quá... tình tứ:

“Tối nay, 7 giờ, gặp em ở chỗ anh đã h... em nhé”.

Phú không kịp ngạc nhiên, anh xem đồng hồ, lúc đó đã là 7 giờ kém 15. Phú hấp tấp nhảy lên xe phóng tới nơi hẹn. Trời đầy sao, lại có mảnh trăng thượng tuần lơ lửng đầu núi. Phú không thấy xe của Duyên, có lẽ cô giấu xe ở một lùm cây nào đó. Phú dúi đầu xe vào sau đồng cỏ đại um tùm, nhảy ba bước lên thang tre. Căn chòi hơi tối, Phú đã thấy Duyên nằm dài ra đó.

Và... dường như cô không mặc gì.

Phú ngẩn ngơ một chút rồi cúi xuống. Duyên choàng lấy đôi vai lực lưỡng của Phú. Tiếng nàng vẳng lên nũng nịu như một người tình thiết tha nhất:

– Đi đâu làm người ta đợi...

– Ờ thì anh mới nhận thư của con bé mang lại là phóng đến ngay.

Phú chỉ thấy hàm răng trắng của Duyên ánh lên.

Chàng ngây ngô hỏi:

– Em không bỏ tù anh sao?

Tiếng Duyên cười nhỏ:

– Sợ hả?

Phú dứt khoát:

– Đã nói anh không thèm trốn là anh không sợ. Có chết vì em anh cũng vui, còn hơn là chết hay ở tù vì những thứ khác lằng nhách. Không đáng là đàn ông.

Duyên xúc động quần người lên xiết chặt lấy Phú:

– Chính vì tìm được người đàn ông như anh quý thế cho nên làm sao em bỏ tù anh được. Phải để anh tự do mà... yêu em chứ.

Phú vẫn chưa hiểu hết những diễn biến trong lòng Duyên. Anh lừng khừng hỏi lại:

- Không ai biết chuyện của chúng mình chứ?
- Tất nhiên là không, mà dù có biết cũng phải im.
- Sao vậy?

Duyên lắc mình như con rắn:

- Thôi, lát nữa em nói cho nghe. Anh giỏi chữ nghĩa, nhưng đến những chuyện như thế này thì anh không biết được đâu. Thời này thằng giỏi làm phu hồ, thằng dốt làm quan là chuyện thường tình. Lát nữa em mới nói.

Phú chỉ còn biết làm theo lời Duyên. Ánh trăng lơ mờ chiếu qua những tấm phen mỏng rách vừa đủ soi hai thân hình trong cuộc tình vụng trộm điên dại.

Chẳng biết thời gian trôi qua bao lâu, Duyên mới lại rì rầm hỏi Phú:

- Thế nhận được thư em anh không ngạc nhiên sao?
- Ngạc nhiên lắm chứ.
- Anh không sợ đây có thể là một cái bẫy để chông em bắt quả tang, đưa công an đến còng tay anh cho vào tù à?
- Anh không bao giờ nghĩ tới điều đó. Mà dù có biết như thế thì anh cũng vẫn cứ tới. Ở tù vì em còn hơn là ở tù vì hối lộ, vì ăn cắp...

Và với sự thông minh của mình, Phú nói thêm:

- Để em hiểu rằng lúc nào anh cũng còn yêu em như ngày xưa, còn hơn xưa...

Nụ hôn cháy bỏng của Duyên bít môi Phú lại và quăng Phú xuống sàn tre một lần nữa. Họ nằm bên nhau, khi những bông hoa rừng mùa xuân cũng vừa nở.

Ngón tay Duyên vẽ trên vai Phú hai chữ P. và D. như ngày xưa họ vẫn vẽ trên con đường đất đỏ đầy xác là khô khi mới yêu nhau. Duyên lại thủ thủ:

– Anh yên tâm, dù Tân có biết cũng không dám làm gì đâu. Một người đang có chức có quyền như anh ấy không ai dại gì mang chuyện lôi thôi của gia đình mình ra mà kiện tụng um sùm. Mất uy tín và mất chức như chơi. Cho ăn kẹo anh ấy cũng không dám hé môi. Và lại, anh biết không, hồi sau này có chức có quyền, thằng chồng em cũng đi liên miên, bồ bịch loạn xạ, rượu chè đàn đúm với đám quan to quan nhỏ, đàn em đàn anh lu bù. Nó có con bồ ruột là một con bé chân dài, mới 20 tuổi, là sinh viên ở Sài Gòn, nghe nói nó cho con kia nhiều tiền lắm. Em nói thật nhé, có khi nó bỏ “đói” em cả tháng không buồn hỏi đến.

– Sao em không muốn người điều tra cho ra lẽ?

– Có điều tra ra con này thì nó lại đi với con khác chứ ăn thua gì. Khi nó đã chán mình thì mình tha thiết với nó làm gì. Em cũng có tiền, có thừa điều kiện để ăn chơi, tội gì em phải bám theo nó.

Phú ngập ngừng một chút rồi cười:

– Vì thế nên em mới đến với anh phải không?

– Em không chối, nhưng xét cho cùng thì chỉ có anh là người yêu em nhất. Người đàn bà đến một lúc nào đó, có đủ thứ rồi thì chỉ cần tình yêu. Một tình yêu chân thật, bất chấp mọi thứ. Em cũng không chối với anh là xung quanh em có khối anh ve vãn, ngay cả những thằng mang tiếng là bạn của chồng em, cũng vai vế đảng hoàng, tán ngấm, tán thẳng cánh. Em cũng đã từng “cho” để trả thù. Nhưng bọn đó chán ngắt, yếu xiu. Phải có thuốc, có rượu và còn thì thâm to nhỏ với nhau “khoe thành tích ngủ với vợ người khác” nữa. Một bọn mất dạy.

Rồi Duyên thở hắt ra:

– Em chán những thứ như thế lắm rồi. Có lẽ nhiều gia đình cũng như tụi em thôi. Chồng làm gì cứ làm, vợ làm

gì mặc kệ, để bảo đảm “an ninh” cho địa vị của mình. Cứ thế là được, cứ thế mà sống. Vì thế anh đừng lo, em có nói thẳng vào mặt Tân, nó cũng chỉ gằm lên trong nhà rồi lại im thin thít. Anh tưởng nhà em chưa từng xảy ra chuyện như thế à? Nó mà dở trò, em cũng dở trò với những con bồ của nó, em làm tan hoang là nó đi đứt. Có khối chuyện em hở ra là nó đi tù trước. Còn em bỏ về thành phố mở cái phòng ngủ cũng thừa sống. Muốn làm gì thì làm. Nó yếu thế hơn em. Ông già nó bây giờ mất tín nhiệm vì vụ gổ lậu rồi, ông già em khôn hơn nên rất có uy tín với cấp trên. Nếu không vì tình nghĩa anh em bạn bè chiến đấu với nhau thì ông già em thừa sức nắm đầu bố nó, chứ nó mà ăn thua gì.

oOo

Rồi tiếp tục những ngày sau đó, Duyên vẫn hẹn với Phú. Nhưng bây giờ “lên đời” rồi, có những lần họ đưa nhau về thành phố Bình Dương, lên Sài Gòn, ra Vũng Tàu, chui vào những căn biệt thự cao cấp ở với nhau vài ngày. Chuyện đó thiên hạ đồn râm ran và những chú thợ xây láu cá cũng biết. Song mọi thứ vẫn cứ yên lặng, những bộ mặt vẫn cứ nghiêm chỉnh, thản nhiên lo công việc của mình. Nhà quê vẫn yên ắng bình dị như chẳng có chuyện gì xảy ra.

Khi hàng rào nhà tôi làm sắp xong, ông Phú tâm sự. Sau này Duyên không còn mặn mà với ông nữa, cô đã có thêm những người khác. Sống nhớn nhơ như những mệnh phụ miệt vườn thú thiệt.

Ông Phú vẫn chỉ là anh thợ xây và ông tiết lộ thêm một bí mật. Duyên ở với Tân nhiều năm không sinh con. Sau này, khi đã hẹn hò với Phú rồi, Duyên mới sinh được một đứa con gái. Ông Phú thắc mắc không biết có phải là con

mình không. Và chính Duyên cũng không biết chắc có phải là con ông hay không. Ông lắc đầu:

– Trong trường hợp của tôi và Duyên thì không bao giờ đi xét nghiệm ADN được. Thôi thì cứ để vậy cho xong, làm ra cũng chẳng để làm gì cả. Con ai thì cũng thế thôi. Cứ coi như con của thằng Tân đi. Xã hội bây giờ là thế đấy ông ạ. Chẳng thiếu gì những đứa con như vậy.

Ông Phú nhìn ra ngoài trời khi nắng mùa xuân trải vàng những thảm cỏ trong vườn.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

– Thế cô Duyên không đặt vấn đề ly dị để kết hôn với ông sao?

Ông Phú cười sặc lên:

– Làm gì có chuyện đó được. Có lẽ đôi khi Duyên lại sợ tôi đặt vấn đề đó với cô ấy nên cô ta cứ chặn xa chặn gần rằng em chỉ muốn sống như thế này. Cứ hưởng thụ những cái gì Tân mang lại, cứ tự do làm những gì mình muốn mà lúc nào cũng có danh nghĩa là vợ ông chủ tịch, lúc nào cũng có quyền hành đối với ông chủ tịch. Thế không sướng hơn sao. Ly dị là lỗ vốn to. Tôi cũng nhận ra rằng mình biến thành một thứ cho cô ta giải trí, một thứ nhu cầu xác thịt như cơm áo hàng ngày của cô ta mà thôi. Tôi không cho rằng cô ta cần tình yêu đầu đời hay cuối đời của tôi đâu. Bây giờ những thứ đó chẳng còn có nghĩa gì với những người như thế. Nhưng tôi thì cần cô ta, không phải vì cô ấy giàu mà vì... tôi chưa thể quên được cô ấy. Tình yêu hay thù hận cũng chẳng còn đúng. Vì thế tôi vẫn chưa lấy vợ. Tôi cũng hưởng thụ cái gì cô ấy mang lại. Thế thôi. Con người lúc này, đôi khi không định nghĩa nổi chính mình nữa, phải không ông?

Tôi chịu, không trả lời được câu hỏi này.

Nhìn những mái nhà êm đềm bình dị sau những khu vườn cây, bên những triền dốc, lâu nay tôi cứ tưởng là bình dị. Nhưng sau những đổi thay của thời thế, của quyền lực, mỗi mái nhà là một câu chuyện, mỗi câu chuyện ẩn chứa một bi kịch hay thảm kịch và cũng có thể là hài kịch hoặc có cả ba thứ đó.

(Trích truyện dài Phá Sản đang viết)

(Lộc Ninh tháng 10-2007)

CHƯƠNG 23

SỰ TRƯỞNG THÀNH TRONG TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Đứa cháu con chú em ruột tôi, không được đi định cư diện HO theo bố mẹ vì “tội” có vợ con, phải ở lại Sài Gòn. Khi tôi từ cái gọi là “trại cải tạo” ra năm 1987, chúng tôi sống cùng nhau, 3 thế hệ lúc nhúc trong ngôi nhà giữa chợ Bàn Cờ. Căn nhà của bà chị tôi, vốn chỉ để bán hàng lật vật trong chợ. Chật chội, nóng nực như cái tổ chuột. Một năm sau tôi mới có điều kiện thuê một căn phòng ở gần chợ An Đông, nơi tôi đã hoàn thành truyện dài “Ngã Tư Hoàng Hôn”, truyện dài đầu tiên sau 13 năm treo bút vì tù đầy. Gia đình thằng cháu vẫn “chui rúc” trong chợ Bàn Cờ.

Tôi không có ý tả lại đời sống của riêng tôi khoảng thời gian đó. Người tôi muốn nói đến trong bài này là đứa cháu.

Cần nói rõ thêm là gia đình chú em tôi cũng thuộc thành phần “sĩ quan ngục” và cũng chính vì cái “lý lịch đen” này nên cháu tôi không được vào đại học, trong khi

nó là một học sinh xuất sắc. Ông thầy của nó bất bình, nhưng đó là “chủ trương chung của nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam” nên ông cũng đành chịu. Ông tìm cho nó một ngành học khác để... kiếm com. Rất may những năm 87-88, ngành vi tính còn quá mới mẻ đối với Sài Gòn. Computer còn hiếm hơn cả xe hơi. Ông thầy hướng dẫn cháu theo học ngành này.

Sau khi học vi tính căn bản ở Đại Học Sư Phạm, tôi cũng học mót được của cháu khá nhiều những “chiêu độc” của dân vi tính.

Vài năm sau, hai bác cháu tôi đều có thể hành nghề vi tính kiếm sống. Nhưng mỗi người một thứ chuyên môn khác nhau. Tôi chuyên đánh vi tính thuê và làm lay-out cho mấy nhà in, nhà quảng cáo, nhà xuất bản hoặc bất kỳ ai cần tới. Còn đứa cháu “cao tay ấn” hơn, nó lập trình cho các ông chủ doanh nghiệp và trở thành chuyên viên của vài công ty.

Chúng tôi phải cật lực làm việc suốt ngày, đôi khi suốt đêm, chỉ với mục đích “trả nợ áo com”. Tôi cũng như gia đình cháu tôi phải tự lực đứng dậy. Lúc đó khó ai có thể lo cho ai được. Bẵng đi một thời gian, cháu tôi vào làm cho một hãng vi tính lớn rồi liên hệ với giới chuyên tổ chức hội chợ từ Singapore, Thái Lan, nhận việc “thầu” những việc của các hãng nước ngoài tổ chức hội chợ ở Việt Nam, nhất là các hội chợ liên quan đến điện tử.

Một thời gian sau, chẳng biết từ lúc nào, cháu tôi leo lên chức Phó Giám Đốc một hãng buôn bán máy in, độc quyền cho một hãng lớn. Cuộc sống ngày một khá hơn. Lúc đó chẳng cần tới cái lý lịch đen hay trắng. Vì ông chủ của nó là một Việt kiều, là doanh nghiệp tư nhân.

Khi tôi mua được căn nhà vườn ở Lộc Ninh, một lần anh rể của nó từ Mỹ về Việt Nam lên thăm tôi ở cái xó rừng già heo hút. Hai đứa mang theo hai cái máy hình. Thăng cháu khoe với tôi: “Anh Lập cho cháu cái máy này”. Tôi chẳng để ý nó là thứ máy gì, chỉ biết đó là cái máy khá tốt của dân “nửa chuyên nghiệp, nửa tài tử”.

Thăng cháu tôi ra vườn hí hoáy chụp linh tinh cũng như bao nhiêu bạn của tôi lên thăm vườn, chụp chơi cho vui vậy thôi. Tôi cứ nghĩ thế.

Nhưng chỉ lạ là nó không chụp hoa, chụp cảnh. Bao nhiêu dò hoa lan của tôi đi kiếm mò con mắt, nó không thèm để ý. Kể cả các cây cảnh như hai chậu hoa chiếu thủy đang đơm bông trắng xóa, cây măng cụt lâu đời vừa nhú các chùm quả mon mơn trên cành, hai



Văn Quang và người con thú hai, Trường Sơn - Lộc Ninh 12-2006.

cây lựu la đà trước thềm với các bông hoa rực lửa... và các khung cảnh rất riêng như cây khế, cây sung, ao cá, đàn gà,

đàn ngỗng nhao nhác trong vườn ngoài sân, nó chỉ chụp qua loa “chiếu lệ”. Nó đi từ góc vườn này sang cuối gian nhà kho cũ mềm, ngắm nghía, chăm chút chụp hình lia lịa.

Quả thật lúc đó tôi không hiểu nó tính làm gì với các tấm ảnh “tùn mùn” đó. Tôi tặc lưỡi nghĩ thầm “lịch sự mỗi người một mùi”, ý thích mỗi người một kiểu, chẳng ai giống ai cả. Thế thôi.

Chùng một tháng sau, gặp tôi ở Sài Gòn, cháu tôi mang tặng tôi một cuốn lịch năm 2007 với 12 bức ảnh nó chụp quanh khu nhà tôi ở cái “xó rừng già.”

Tôi hơi ngạc nhiên vì “tác phẩm có vẻ kỳ cục này” của nó. Đúng là cuốn lịch đặc biệt vì... “không giống ai”, không “đụng hàng”. Nhưng nhìn kỹ, nó có một nét rất lạ. Một bông hoa dại tím tím nằm cô đơn trong bóng cây măng cụt, một mảnh gốm vỡ từ cái chậu nào đó ở bên bờ muong, một cửa sổ nhà kho cũ mềm, chẳng ai buồn để mắt tới... Tôi chỉ linh cảm thấy rất lơ mơ rằng các sự vật đó có một tâm hồn, không hẳn là “*Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo. Lầu cũ lâu đài bóng tịch dương*” mà là một cái gì nhỏ lắm, sâu lắm, le lói như vệt nắng không chịu tắt, cứ sáng mãi trong ký ức.

Tôi mang về nhà treo làm kỷ niệm, nhưng cậu con trai thứ hai của tôi về Việt Nam chơi lại “tước mắt” của bố, bởi nó cũng là nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp trên đất Mỹ, sống rất nghệ sĩ và chưa chịu lấy vợ, dù đã hơn 40 tuổi. Vẫn thích tự do, đi từ nước này sang nước khác chỉ để chụp hình cho nghệ sĩ. Có lẽ hai anh em nó hợp nhau ở điểm này.

Hai tâm hồn, một được giáo dục từ nước ngoài gần 40 năm và một ở Việt Nam, thuần túy là tâm hồn Việt. Hai cậu tha hồ bàn bạc về nhiếp ảnh, có vẻ tâm đầu ý hợp.

Đùng một cái, cách đây ba tháng, tôi đọc trên báo thấy loan tin “*Nguyễn Quang Anh triển lãm ảnh tại Hà Nội*” với một bài nhận định kèm vài tấm ảnh nghệ thuật. Lúc đó tôi mới biết cháu tôi trở thành “nhà nhiếp ảnh”.

Trong khi tôi đang “vui thú điền viên” lại nhận được điện thoại của cháu báo tin sẽ triển lãm tại Idecap (Trung Tâm Văn Hóa Pháp) đường Thái Văn Lung, Sài Gòn từ 11-12 đến 18-12-2007. Tất nhiên tôi phải “bò về” có mặt trong buổi triển lãm đó. Tôi mời một số bạn bè cùng đi. Đào Hoa Nữ, Hàm Anh, Quỳnh Mai, Thái Phương, Lữ Quốc Văn, Mai Anh, Nguyễn Quốc Thái... để có thể nhận được những lời phê phán khách quan hơn.

Khai mạc triển lãm giản dị, thân mật, không long trọng như các cuộc triển lãm của những nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp. Tất cả đều mang tính “tài tử”. Có cả một số quan khách nước ngoài đến dự trong một khán phòng không rộng lắm, vừa đủ treo vài chục bức tranh.

Nhưng ngoài gian phòng, trên các lối đi khu vườn hoa cũng được viền bởi những bức ảnh dưới ánh đèn vừa đủ sáng.

Không sắp xếp thành chủ đề, tự những con người và sự vật nói lên chủ đề của mỗi bức ảnh. Tôi thật sự ngạc nhiên với các bức ảnh rất “đời thường” đó, những thú cử tưởng là vút đi vẫn mang một sức sống, trầm lắng, vững vàng đến trở thành muôn thuở, như tình yêu của mỗi con người, như quyền được sống và được yêu, dù có ai yêu lại hay không là điều không cần thiết.

Và dường như tất cả đều là hình ảnh quê hương Việt Nam, chỉ có ở những góc Việt Nam mới có được các hình ảnh rất riêng đó. Người đầu tiên đưa ra nhận xét là Nguyễn

Quốc Thái. Anh nói: “Đem đi triển lãm ở nước ngoài, chắc chắn sẽ gọi được lòng thương nhớ quê hương của người Việt mình ở khắp nơi. Được nhìn lại những cái tưởng như đã chìm hẳn trong quá khứ, được sống lại với từng góc nhỏ của quê nhà. Một bờ giếng cũ kỹ với chiếc gầu nhựa nằm đợi nước, một cái chum vỡ, một bà lão trên con đường làng vắng ngo vắng ngác, một cái lò gạch ngổn ngang, một bó rom trên chiếc xe bò... Quê hương ta ở đây và phải là quê hương Việt Nam!”

Còn rất nhiều phê phán khác nữa của các nhà nhiếp ảnh lâu năm trong nghề và của các nhà văn nhà báo. Tôi không dám nói nhiều, sợ rằng “con hát mẹ khen hay”.

Tôi chỉ muốn nói cuộc đời thật kỳ lạ, có những ngã rẽ chẳng bao giờ ta ngờ tới. Tài năng đến một lúc nào đó tự nó vươn dậy và sự trưởng thành trong nghệ thuật không dành riêng cho một ai. Nó là của chúng ta, của mọi người. Anh Lữ Quốc Văn vừa gửi tôi bài nhận định về cuộc triển lãm này.

Xin giới thiệu cùng bạn bài viết “Xem ảnh Nguyễn Quang Anh” của Lữ Quốc Văn:

“Mới nhìn lướt qua những bức ảnh của Nguyễn Quang Anh trong phòng triển lãm tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp Sài Gòn, tôi đã ngạc nhiên.

Không chỉ đa dạng theo chủ đề: “Cảm xúc cuộc sống – Les émotions du quotidien” mà tôi cảm nhận được những xúc động sâu lắng toát ra từ mỗi bức ảnh. Nét đẹp của ảnh không ở những màu sắc băng khuâng mà ẩn chứa những trầm tư của một người suy tưởng. Nét đẹp không ở những hình thể gợi cảm từ cuộc sống hay những màu sắc bừng sáng của thiên nhiên. Trái lại nó bằng bạc những u hoài.

Cùng đến dự khai mạc triển lãm có chị Đào Hoa Nữ. Chị là một nữ nhiếp ảnh ngôi sao của thành phố. Chị nói: “Tranh ảnh nào cũng khơi nguồn từ cảm xúc anh ạ”.

Xác đáng! Nếu không có một rung động bàng hoàng, một cảm giác ngất ngây... làm sao có một sáng tạo nghệ thuật? Nhưng cảm xúc là khởi đầu. Có thể là một phút giây sáng lòa, nhưng kẻ tài hoa với ánh nhìn thấu ba cõi của một “phù thủy” sẽ tạo nên một xúc động miên viễn.

Trước Quang Anh đã có một Võ An Ninh cao tay nghệ. Nhiều ảnh chụp của ông từ hơn nửa thế kỷ trước vẫn khiến người sau ngơ ngẩn như “Hồ Gươm Buổi Suối Mù” chụp năm 1935, đẹp như bức tranh thủy mặc với hơi thu lãng đãng của một chút cảnh tiên. Cảm xúc được tạo thành hình đó chỉ là một xúc động vì cái đẹp. Nó khiến người coi trầm cảm theo những suy nghĩ sâu xa.

Ảnh của Nguyễn Quang Anh vượt khỏi những những xúc cảm bình thường. Ông không diễn hình một cảm xúc chột đến. Tìm cái đẹp thuần túy theo nghĩa thông thường của một giai nhân hay một bông hoa, trong tác phẩm của Quang Anh là thất bại. Ông không quan tâm đến điều đó. Bởi từ cảm xúc rất bình dị, tưởng đã “được” hay “bị” người đời lãng quên, ông trầm tư suy tưởng về sự sống và cái lặng thình của sự vật quanh mình.

Rất giản dị. Những bức ảnh được treo lên đều không ghi tên từng tác phẩm — trừ tờ giới thiệu có ghi tên một số ảnh, còn tất cả nguyên sơ như bản thể. Hẳn ông dành quyền gọi tên cho cảm quan, suy nghĩ của mỗi người.

Còn điều lạ, ảnh của Quang Anh đều vắng bóng con người với nụ cười rục rờ hay e ấp của một cô gái hoặc một Suối Tóc,

tấm ảnh tạo danh tiếng cho Phạm Văn Mùi, đều không có mặt trước ống kính của Quang Anh.

Tại sao?

Quang Anh không giải thích. Nhưng trong lời phát biểu lúc khai mạc, ông nói tới nỗi cô đơn của ông trong cuộc sống; nỗi niềm cô tịch trước những cảnh đời, trước những sự vật đột ngột xuất hiện. Tôi nghĩ, khi nói tới nỗi niềm của mình, Quang Anh không làm đáng.



Ông đi trong hai năm, từ miền Bắc xuôi vào Nam. Lúc đầu ông tưởng chỉ ở miền Bắc mới có gợi nhớ về những kỷ niệm tâm tình xưa. Nhưng mỗi bước đi, ông chợt ngộ ra rằng khoảnh khắc nào trong cuộc sống từng ngày cũng vẫn bày ra những cảm xúc miên man...

Bức ảnh chụp một gốc đa lớn xù xì... nhưng chỉ với một gốc đa mà những ai sống ở quê xưa sẽ dâng trào cảm động. Đó là một quá khứ không còn, một quê xưa đã tàn lụi theo thời gian.

Nơi khiến những tâm hồn u hoài càng trở nên lạc lõng, cô đơn hơn khi trở về làng xóm ngày xưa chợt cảm thấy mình còn bỏ vợ, cô độc hơn lúc ở xa.

Chắc chắn ảnh của Quang Anh khiến chúng ta phải suy nghĩ về tác giả, về một con người tài hoa kín đáo. Không phải mẫu người mà Bạch Cư Dị đã mỉa mai:

“Thuong nhân trọng lợi khinh ly biệt”.

Bởi chính ông là một điển hình cho con người doanh nghiệp nghệ sĩ mà nét tài hoa phôi phới đã lấn lướt tính cân đo đong đếm của một doanh nhân.

Tôi tin chắc đáng trầm tư của ông hiện trên từng bức ảnh. Ở một bức đen trắng không xăm màu là ảnh một bà già mệt mỏi ngã mình trên cây gậy. Hai chân trần lê từng bước ở một ngã đường vắng lặng, trong một xóm cổ xưa.

Gợi ngay cho ta một ý tưởng đau xót, mỉa mai với ba thứ: Bần – Lão – Bệnh của một đời người.

Chính miền cô đơn của Quang Anh là chỗ ông cảm nhận được những cảnh đời cô tịch. Hay bức ảnh có ghi tên Côi Yên Tĩnh trong tờ giới thiệu ảnh trưng bày, chụp chùa Bồ Đề Bắc Giang tương tự như tấm ảnh chùa Keo với mấy tầng tháp cao vút của Võ An Ninh, nhưng cái hồn và nét im lặng như tượng đá thì khác hẳn.

Ảnh của Quang Anh chỉ cho vợ cái bàn với một góc đầy những kinh sách, đứng bên là một cái mõ cùng một cái chuông nằm chổng cho. Lờ mờ qua tấm màn là một bức hình pho tượng nhỏ, đây là một côi yên tĩnh hư vô hiểu theo nghĩa thông thường ư? Thôi hãy dành cho mỗi người xem ảnh. Một tấm ảnh khác là một cảnh đại khải khiêu, một đấu đồng ba chân có vài cành lá. Chỉ thế thôi... mà biết bao nỗi băng khuâng.

Những tác phẩm rất đời thường với những sự vật tưởng như bị lãng quên bỗng thức giấc trong tâm tưởng người thưởng ngoạn trong tâm thức mỗi người. Xin chào mừng Quang Anh. Một tài hoa vừa sáng lên rực rỡ trong làng nhiếp ảnh mà tác phẩm trầm tư như một hiền triết”.

(Sài Gòn 25-12-2007)

CHƯƠNG 24

TÌNH NGỖ ĐÃ QUA ĐI

“Đầu năm Tây, cuối năm Ta” là khoảng thời gian này ở Việt Nam (tháng 1-2008) và cũng là câu nói của miệng của người bình dân. Trước hết tôi phải xin lỗi vì đáng lẽ bài này phải được ra mắt sớm hơn, nhưng sau 2 tuần “dưỡng sức”, chẳng may tôi lại bị cảm lạnh ở Sài Gòn. Cơm đường cháo chợ nên cú ngắt ngày hoài không sao guộng dậy được.

Cũng may Sài Gòn trong những ngày đầu năm vừa qua, trời vẫn... chiều lòng người, không khí mùa thu vẫn còn vương vất đâu đây. Ban ngày trời nắng nhẹ, buổi tối nhiều mây xám, gió lùa lạnh lạnh trên khắp nẻo phố phường, ban đêm những chiếc áo len, áo khoác, có dịp khoe màu giữa thành phố ngập ánh đèn. Chưa bao giờ miền Nam có mùa thu với khoảng thời gian dài như năm nay. Lại đứng vào khoảng lễ Giáng Sinh và nhịp cầu dẫn sang đầu Năm Mới 2008.

Với các bạn từng sống ở miền Nam trước năm 1975, có lẽ không ít người không biết đến Đà Lạt. Chẳng những thế, nơi đó còn là thành phố cao nguyên hầu như duy nhất ghi lại nhiều dấu ấn của những tuần trăng mật, những buổi hẹn hò tình tứ, những hợp tan của một đời người. Bây giờ Đà Lạt ra sao, có những gì thay đổi?

Bỏ qua các “hệ lụy” nhức nhối, các nỗi đau âm thầm mà chúng ta thường bắt gặp ở xứ sở này, xin dành một chỗ cho tình cảm riêng tư và có dịp ôn lại những kỷ niệm xưa. Mời bạn đọc bút ký này, câu chuyện có thật, với một chút cảm thông cho những mối tình đã qua đi nhưng còn lại mãi mãi tận cùng tâm thức mỗi người.

CÚ LỬA NHỆ NHÀNG

Ba năm rồi tôi mới trở lại Đà Lạt, không phải vì cái festival Hoa Đà Lạt người ta quảng cáo rầm rộ. Chúng tôi chọn đúng ngày bế mạc festival mới mò đến. Như thế đỡ mất công bon chen vào cái thế giới hỗn tạp, tha hồ bị chặt chém vô tội vạ. Và lại đọc báo, thấy chê đủ thứ chuyện về cái tổ chức luộm thuộm đó nên cũng nản. Nào là thành phố hoa mà toàn hoa héo, hoa giả; đám cưới có tới hơn 50 cặp cũng “đóng trò” giả nổi. Phòng khách sạn dịp này lại khan hiếm, lên giá vù vù như máy bay phản lực... Trong khung cảnh đó, nhà hàng là Thượng Đế, chứ không phải khách du lịch. Đợi hết “hội chợ” kia thì may ra thứ bậc mới được trả về đúng vị trí của nó.

Dù ngày 21-12 là ngày bế mạc festival, chúng tôi đã nhờ chị Lệ Khánh ở Đà Lạt, có cậu con trai là Khánh Thực làm trong dịch vụ du lịch, thuê giùm phòng mà cũng khó. Buổi chiều lên đến Đà Lạt, mới tìm được một căn phòng loại “tầm tầm”, hơn hai trăm ngàn một ngày.

Tôi đang kẹt phải làm cho một tờ báo ở Úc nên xách theo cái laptop cho tiện. Tôi đã báo với chị Lệ Khánh về nhu cầu này. Tuy nhiên khi lên đến phòng mới biết đường wireless không kết nối được. Một du khách người Mỹ ở phòng bên cạnh cũng đang nhăn nhó về thứ tiện nghi đã quá thông dụng này, nhưng khách sạn vẫn không có đường truyền cho khách, dù chị quản lý khách sạn đã nói với chị Lệ Khánh là đường internet rất tốt, phải đặt tiền phòng trước 250 ngàn đồng. Sau khi thấy tôi thử máy, wireless cứ đứng trơ, chị quản lý khách sạn vẫn thản nhiên nói:

– Bác an tâm, cách đây vài gian phố thôi, có quán cafe internet, tôi sẽ đưa bác ra đó tha hồ làm từ sáng đến tối cũng chẳng ai nói gì.

Nhìn chị quản lý khá xinh, nhưng cái kiểu phải đưa đi đưa về thế này thì làm cả buổi không xong.

Biết rằng chúng tôi bị một quả lừa to tướng, đành chịu mất toi tiền đặt cọc. Tôi cảm ơn cái miệng dẻo và xinh, không dám can nhán trước thiện chí đưa đón đó của cô quản lý. Tôi lại phải nhờ Khánh Thục thuê cho một căn phòng khác. Nhưng điện thoại đến khách sạn nào cũng hết phòng. Khánh Thục ghé tai tôi nói nhỏ:

– Quan khách được mời lên dự Festival nhân dịp vui về này, ở hotel hạng sang, tội gì bỏ Đà Lạt về sớm phí của trời. Nhất là đêm nay lại là đêm chung kết thi Hoa Hậu các dân tộc. Mấy cô người dân tộc xinh lắm, bác ạ, và còn... hơi ngây thơ, chưa biết “mùi đời” như các hoa khôi hoa hậu các cuộc thi khác, thành tình trong “nghe”.

Tôi chỉ nóng ruột về cái phòng nào có thể làm việc được chứ không mơ màng gì tới hoa khôi hoa hậu cho mất thì giờ. Khánh Thục tiếp tục gọi điện thoại đến các nơi

quen biết. Một lát sau, may phước có một vị trả phòng ở một khách sạn khá lớn, trước đây là khách sạn Lang Biang, nay được sửa sang lại, đổi tên thành Golf 3. Tôi phải nhắm mắt thuê vậy. Nhưng cái mà tôi nhìn đến đầu tiên, ngay bên cạnh quầy Tiếp Tân là phòng Internet có ghi hàng chữ ADSL với 3 máy computer chễm chệ. Vào “thủ tay nghề” một tí, đường truyền chạy veo veo. Lúc đó tôi mới dám đưa Chứng Minh Nhân Dân lấy phòng, đồng thời báo cho ông chủ báo hỗ trợ “kinh phí”. Tất nhiên ông chủ báo vui vẻ nhận lời ngay – tìm được một người chịu làm việc trong dịp nghỉ lễ Giáng Sinh đâu có dễ.

Sau khi bước lên phòng 307, tôi lôi cái laptop ra thử cho chắc ăn. Wireless kết nối khá nhanh tuy không được bằng phòng dưới nhà, song đủ để làm tròn nhiệm vụ.

Hơn 6 giờ tối, chúng tôi mới có dịp bước ra phố. Trời không lạnh lắm, nhưng dân “xứ nóng Sài Gòn” cũng phải khoác áo ấm, choàng cái khăn quàng mỏng để có cảm giác được hưởng chút rét ngọt mùa Giáng Sinh.

VĂN HÓA HÈ PHỐ

Đà Lạt lên đèn, khu bưu điện và Nhà Thờ sáng rực trên đồi cao, con phố dốc thoải thoải xuống bờ hồ mang nét rất đặc biệt của thành phố cao nguyên. Nhưng tuyệt nhiên không thấy bông hoa anh đào nào chịu nở. Bữa đó khu phố này cấm mọi loại xe, dành cho “phố đi bộ”.

Đạo quanh khu phố chợ sầm uất, trên là trời, dưới là hàng quần áo ấm đủ kiểu. Hỏi mua một cái áo len, kiểu gì cũng có, nhất là kiểu Hàn Quốc, nhưng toàn thứ rẻ tiền, nhái theo kiểu áo các chàng và nàng “Đông zun kwan” gì đó mặc trong phim. Nhưng giá cả thì khiến bạn ngỡ ngàng,

không vì đắt mà vì quá rẻ. Nếu bạn chịu khó mặc cả, không chiếc áo len nào quá một trăm ngàn đồng — chưa đến 8 USD — kể cả kiểu nam nữ, kể cả áo hoa hòe hoa sói cho những cô cậu “choai choai” và kiểu cổ điển cho các ông bà già. Vớ, mũ thì sổ tung, bán “son” ngay bên lề đường với giá 10 ngàn đồng Việt Nam 3 đôi vớ và khoảng gần 20 ngàn một mũ len đan tay, có thêu thùa hoa bướm, có chữ Anh, chữ Việt đằng hoàng.

Bên cạnh đó là hàng khoai nướng, bắp nướng, bánh tráng mỡ hành nướng, khô mực... nghi ngút bốc khói, đậm “nét văn hóa Đà Lạt”. Các cô hàng buôn thúng bán bưng lề đường lại “sáng tạo” ra kiểu nướng thịt, bán cho khách đi đường ăn ngay tại chỗ. Thịt chim cút, cánh gà, chân gà, thịt heo quăn mỡ sâu từng xiên, đưa lên chiếc lò than nhỏ, quạt phành phạch rất vui tai. Mùi thơm quyến rũ, các cặp tình nhân vừa cười rúc rích vừa “ném thử, ăn thật” tốp tép ngay trên phố. Đó là những thứ gọi là “ẩm thực đặc sản hè phố” của thành phố cao nguyên này.

Nhưng lại mất đi một thứ tuyệt vời hơn, hồi xa xưa, trước 1975, bất kỳ ai đi trên khu phố Hòa Bình này cũng thấy thú vị. Đó là những thúng hạt dẻ ủ một chiếc khăn dạ hoặc đủ thứ vải cũ để giữ độ nóng. Hạt dẻ được đông bằng những chiếc chén bán cho khách, thủ trong túi áo blouson, vừa đi vừa ăn dần. Hạt dẻ không thơm, song mềm mại, dính dính, nóng nóng giữa hai hàm răng cho một cảm giác rất... Đà Lạt. Tôi đi khắp thành phố không tìm được món hạt dẻ này để nhớ về một thời trai trẻ với bạn bè. Món này đã “tuyệt tích giang hồ” rồi.

Đến đây, chúng tôi thường không ăn cơm mà đi kiếm ngay một tô phở ăn cho “đã”. Phở Đà Lạt chua hần ngon

hơn phở Hòa, phở 24, phở Bà Đậu ở Sài Gòn, nhưng có mùi vị riêng của không gian, của cái lạnh, của những ngọn đồi, của hồ Xuân Hương, của những cô gái má chín hồng như trái mận. Cho nên, với tôi, đến đây để ăn phở trước tiên. Giá cả “mềm” hơn Sài Gòn nhiều. Tô phở Bàng, phở Hiền Đà Lạt chỉ 12 hay 15 ngàn đồng trong khi ở Sài Gòn từ 24 đến 30 ngàn, tùy “thương hiệu”.

MỘT QUÁN CÀ PHÊ ĐÁNG YÊU NHẤT

Cà phê Tùng vẫn ở chỗ cũ, nằm trên con đường bên hông rạp hát Hòa Bình. Một nét đáng yêu và đáng quý là chủ nhân đã cố giữ lại tất cả như xưa, không hề thay đổi. Từ bàn ghế, trang trí, đến hương vị cà phê, tôi thấy hoàn toàn không khác gì “ngày xưa”. Vẫn những bàn gỗ thấp, những ghế nhỏ khiêm nhường, khuôn cửa kính nhìn ra hè phố, ở ngoài có thể thấy rõ khung cảnh bên trong.

Khách vào đây, hầu hết là người lớn tuổi, lặng lẽ, thủ thỉ, cho tôi cảm tưởng ai cũng đi tìm lại chút kỷ niệm xưa. Tôi cũng vậy, đến đây để nhớ, để được sống lại vài phút với những Diên Nghi, Kiêm Đạt, Tạ Ký, Hoàng Đình Hoạt, Quỳnh con, Khôi lùn... của lớp Đại Đội Trưởng và lớp Chỉ Huy Tham Mưu năm nào.

Tôi nhớ hồi đó có người nói cà phê Tùng pha thêm chút ruột cau để nước cà phê đậm thêm, sánh thêm, nên phin cà phê nhỏ từng giọt chậm chạp, nhều xuống như chất keo, kéo dài xuống đáy ly thủy tinh. Mơ màng như có chất thơ “*Thoáng hiện em về trong đáy cốc / Nói cười như chuyện một đêm mưa*”.

Hồi đó, chủ quán cà phê Tùng không bán cà phê rang sẵn cho ai cả, chắc sợ lộ bí quyết nghề nghiệp. Nhưng với

tôi, thỉnh thoảng ông nể tình, bán cho một hai lạng về trường pha uống dần trong những ngày mưa gió và rách không ra phở được. Bây giờ tôi vẫn muốn mua vài lạng để mang về Sài Gòn uống dần, nhưng tìm quanh chẳng thấy ông chủ cũ đâu và nếu có ông, chắc cũng quên tôi rồi. Vì thế nên đành chỉ uống một ly để thấy bạn bè mình “hiện về trong đáy cốc” thôi vậy.

CÁI CHẾT VÌ TÌNH

Nói là Đà Lạt, nhưng quanh đi quẩn lại chỉ có khu phố Hòa Bình này thôi. Tất cả mọi sinh hoạt buôn bán dồn về đây. Mọi con đường đều dẫn đến cái “công trường” gần như vuông vắn này. Cứ đi quanh đi quẩn rồi lại thấy mình gặp mình đúng ở ngã tư. Những con phố khác là những cửa hàng của hiệu vắng vẻ, càng đi xa khu phố chợ càng vắng.



Ngành nghề kinh doanh chính ở những con đường khác là khách sạn và khách sạn. Từ loại luộm thuộm bình

dân năm bảy chục ngàn một đêm đến hai, ba, bốn, năm sao, tính bằng vài chục USD trở lên đến vài trăm USD. Mùa lễ hội thì chật kín, nâng giá làm cao, nhưng những ngày thường thì vắng như chùa Bà Đanh, lại chèo kéo mỗi miệng mời chào khách.

Hơn 8 giờ chẳng còn trò gì ngoài phố, tôi trở về khách sạn. Sau gần 8 tiếng đi xe đò “chất lượng cao”, từ Sài Gòn, mất tám chục ngàn, cũng thấy rã rời. Vừa về khách sạn, đã thấy người ta bu kín xung quanh một khu vực ngay dưới sân xi măng ngoài sân. Thì ra có một ông khách vừa nhảy từ lầu 7 xuống tự tử. Ông khách còn chưa chết ngay. Cảnh sát đến, rồi xe cứu thương hú còi um sùm. Chúng tôi chẳng tội vạ gì mà tò mò. Sáng hôm sau mới biết ông khách chán đời đó là người ở Kiên Giang, đi xe hơi lên Đà Lạt, thuê phòng ở lầu 6, để lại một lá thư tuyệt mạng rồi leo lên lầu 7 là nơi bán café, nhảy xuống. Lại có tin đồn là người vợ của vị khách chán đời đó ở Sài Gòn cũng đang thuê một khách sạn và người ta thấy có sợi dây thòng lọng chuẩn bị sẵn trong phòng nhưng chưa... kịp chết. Theo tin báo chí rất mơ hồ là “họ không chịu nổi áp lực của cuộc sống”.

Vì tình hay vì làm ăn thất bại, không ai biết.

Chúng tôi lên phòng và được biết căn phòng của vị khách chán đời kia thẳng đứng với phòng của chúng tôi thuê. Ông ta ở lầu 6 chắc là phòng 607, phòng chúng tôi ở lầu 3 — 307. Có điều không ai hiểu tại sao ông ta lại chọn cái chết ở khách sạn và ở xứ tình nhân Đà Lạt? Vì thế tôi đoán là cái chết vì tình. Có đáng hay không? Mỗi người nhìn nhận theo góc độ riêng của mình.

NGƯỜI ĐI TÌM “THÚ ĐAU THƯƠNG”

Sáng hôm sau, ngày Lễ Giáng Sinh, tôi lang thang một mình xuống quán cà phê Ga-Ly (không phải Cali), nằm trên quả đồi đối diện với khách sạn tôi ở. Ngồi đây, sau hàng lan can gỗ, có thể ngắm cảnh bờ hồ và con dốc với khu phố chợ luôn tấp nập. Không có nhạc “dậm giật” chói chang kiểu Sài Gòn. Chỉ có nhạc nhẹ êm dịu.

Rất bất ngờ, một người đàn ông mang vẻ chững chạc của một người phong lưu từ từ đến đứng sững trước mặt tôi. Anh ta trẻ hơn tôi vài tuổi, tóc muối tiêu rất đẹp và tất nhiên là mập hơn tôi rất nhiều vì tôi thường tự phụ không ai có thể gầy hơn tôi được. Tôi thấy quen quen mà chưa kịp nhớ tên. Anh ta xà xuống ghế, ôm vai tôi, gọi cả tên “cúng cơm” và bút hiệu. Vậy mà tôi vẫn chưa nhớ ra anh ta là ai. Quen thì quen lắm, tên thì chịu. Anh ta nói ngay:

– Em là Thành, Thành “vang”, anh nhớ chưa?

Có cái “hỗn danh” Thành “vang” làm tôi nhớ ngay. Hồi xưa, khi tôi học lớp Tham Mưu Cao Cấp ở Đà Lạt, Thành còn học năm đầu đại học. Nhà anh ta chuyên bán rượu vang nên gọi là Thành “vang”. Tôi quen Thành khi đi chơi ở mấy phòng trà Night Club, La Tulipe... có nữ ca sĩ Thúy Nga hát thường trực ở đó. Nhà Thành rất gần Night Club, bạn bè tôi thường ghé qua vì bố Thành là một quân nhân về hưu, tất nhiên là già hơn chúng tôi nhiều. Thành có bà chị rất đẹp và quan trọng hơn là chưa có bồ.

Hồi đó tôi quen một gia đình từ Hải Phòng di cư vào Đà Lạt và có một cửa tiệm bán sách ngay đầu dốc Phan Đình Phùng. Cô con gái lại là học trò cũ của tôi ở trường Bạch Đằng, trước khi tôi được lệnh động viên. Chỉ sau vài năm, cô học trò của tôi “trở mã” rất xinh. Nhưng đã mang tiếng

là thầy giáo, quen cả gia đình nên tôi đành đóng vai “ông anh đạo mạo”. Huyền, cô học trò của tôi, đứng bán sách nhưng rất hiền lành ít nói. Cô có vẻ sành văn chương nghệ thuật. Thành có khiếu làm thơ, đưa tôi vài bài đăng báo ở Sài Gòn. Tôi hiểu Thành “vang” chết mệt vì cô rồi. Tôi gài độ cho hai người gặp nhau, nhưng vẫn chỉ là “*tình trong như đã mặt ngoài còn e*”.

Sau 5 tháng học xong lớp Tham Muu, tôi trở lại Phòng Báo Chí ở Sài Gòn. Có lần đọc được thơ của cậu Thành “vang” công khai tặng Huyền công chúa. Rồi chuyện tình của họ kết thúc bằng một đám cưới như bao nhiêu cuộc tình đẹp khác. Cuộc sống của hai người rất êm ấm, sau đó hai vợ chồng Thành dọn về Sài Gòn làm đại lý cho một hãng rượu của Pháp.

CUỘC TÌNH “BẤT ĐẮC KỲ TỬ”

Ngày 30-4-1975, khi Thành ở Đà Lạt lo đám tang cho bố thì Huyền chạy theo gia đình xuống tàu ra đảo. Hai vợ chồng lạc nhau từ đấy. Lúc đó Huyền đang mang thai đứa con thứ hai được vài tháng. Thành kẹt lại và bị “đánh tư sản” sinh vịnh. Cơ nghiệp, nhà cửa mất hết. Đi “cải tạo” năm bảy năm rồi về tay trắng, không liên lạc được với vợ con. Tình trạng chung của không ít “đại gia” thời đó. Khi tôi trở lại Sài Gòn chỉ nghe bạn bè nói lại là Thành làm đủ thứ nghề, kể cả vào bến cảng làm nghề bốc vác. Vượt biên năm bảy lần đều bị tóm, ra vào mấy cái trại giam ở Tiền Giang, Hậu Giang như đi nghỉ mát.

Tôi chỉ biết sơ qua cuộc đời Thành đến đấy và hôm nay mới gặp lại. Nhìn dáng vẻ anh ta, tôi hiểu hồi này khá lắm rồi. Người Sài Gòn những năm sau này, chẳng biết thế nào mà đoán. Chỉ vài năm đã đổi thay rất nhiều. Buôn bán đất,

trúng cổ phiếu, và hàng trăm thứ “buôn bán” không hẳn là thứ nghề ngỗng gì. Thánh cho ăn lộc, phát lên bất cứ lúc nào.

Thành kể lúc này gia đình ở Sài Gòn, hai hôm trước, dẫn vợ con lên Đà Lạt đón Noel. Thành ở cùng khách sạn với tôi, tất nhiên anh cũng biết về chuyện người khách nhảy từ lầu 7 xuống tối hôm trước. Thành gật gù:

– Em phục tay dám nhảy lầu tự tử quá anh ạ.

Tôi dõ giọng ngang:

– Việc gì phải tự tử. Cái gì cũng có thể làm lại từ đầu mà. Vì tình hay vì tiền đều như nhau. Hạnh phúc này tan vỡ thì chịu khó đi tìm chỗ khác. Mình có muốn thế đâu. Tự nó đến như một thiên tai, mình không tránh được.

Thành mỉm cười có vẻ cay đắng:

– Tiền thì kiếm được chứ tình thì... khó nói lắm.

Tôi hỏi thẳng băng ngay:

– Thế Huyền hồi này thế nào?

– Em vừa nói chuyện với cô ấy xong nên mới ra đây. Tính ngồi một mình không ngờ lại gặp anh.

– Cô ấy không lên với cậu à?

– Không! Cô ấy ở Mỹ mấy chục năm nay rồi anh ạ. Chúng em đều có gia đình riêng cả rồi. Nhưng thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau như bạn bè. Cô ấy và mấy đứa con về Việt Nam chơi vẫn đến thăm em.

Tôi cười như một lời an ủi:

– Thế là phải. Chuyện đó như chuyện thường tình. Gặp nhau vui vẻ là đẹp nhất. Giận hờn, cay đắng cũng chẳng lấy lại được gì. Nhiều cặp vợ chồng như thế. Cuộc tình chết “bất đắc kỳ tử”, không do ai cả. Do thời cuộc. Chuyện qua rồi, mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

Thành ngồi im. Chiếc cà rá hột soàn óng ánh trên ngón tay út mập mạp trắng trẻo. Chiếc đồng hồ Rolex to tướng trên cổ tay mịn màng. Thành trở nên trầm ngâm:

– Chuyện tưởng đã qua, nhưng... chưa hẳn là thế. Hậu quả của nó còn dài, rất dài.

Tôi cười băng quơ, nhắc lại một câu trong Tình Nhớ:

– “Tình ngỡ đã qua đi, nhưng tình bỗng lại về”?

Thành im lặng rồi thở dài:

– Đó là trường hợp của em đêm qua.

NỖI ÂN HẬN CHOÁNG VÁNG

Thành kể lại chuyện gia đình của mình. Huyền qua Mỹ hơn tám năm thì “tục huyền” với một người đàn ông làm ăn đứng đắn. Thành ở lại Việt Nam, vất vưởng gần mười năm rồi xây dựng lại sự nghiệp, thoát tiên là mua một miếng đất Bình Thuận, trồng nho, sau đó sản xuất rượu vang, Chỉ năm năm sau, cơ nghiệp của Thành vững vàng. Anh lập gia đình với một thôn nữ khá đẹp ở Long Xuyên. Bây giờ đã có hai người con đều thành đạt.

Hai người con của Huyền và Thành, một ở Mỹ và Nam, cậu con trai sau ở Pháp. Năm nay đã trên ba mươi tuổi. Dịp Giáng Sinh năm nay, tức mới tối qua, Nam từ Pháp về thăm mẹ ở San Diego. Chị của Nam không về được. Người chồng sau này của Huyền đang nằm bệnh viện vì ung thư. Nhà chỉ có hai mẹ con. Nam nhận được e-mail, biết bố đang ở Đà Lạt, yêu cầu bố gửi hình qua cho cháu xem. Thành vui vẻ gửi ngay cho con năm bảy tấm ảnh mới chụp.

Ngay sau đó, Thành được e-mail của con. Nam kể nó rất vui, la lên “*mẹ ơi, có thư và ảnh của bố*”. Nam kéo mẹ đến xem ảnh bố ở Đà Lạt. Mẹ Huyền của Nam xem hình rồi một lúc sau, lặng lẽ khóc. Nam đứng sững nhìn mẹ, không

hiếu sao mẹ khóc. Bao nhiêu năm nay, khi nhận thư và ảnh của Thành gửi sang, mẹ Nam có khóc bao giờ đâu. Mẹ ôm Nam trong lòng, không giải thích điều gì cả. Nam cũng chẳng hiểu tại sao mình cũng khóc.

Nam lại gửi ngay cho bố vài hàng kể rõ và yêu cầu bố Thành gửi e-mail sang an ủi mẹ Huyền. Lúc đó Thành mới sững người, anh nhìn lại các tấm ảnh gửi qua, có 2 tấm chụp đúng nơi chốn mà xưa kia Thành và Huyền đã có rất nhiều kỷ niệm với nhau lúc bắt đầu cuộc tình.

Bây giờ Thành mới thấy sự vô ý không thể tha thứ của mình. Anh ngồi trước computer mà không viết nổi hàng chữ nào. Hai giờ đêm, Thành xuống phòng Tiếp Tân, điện thoại sang cho con. Lúc đó ở San Diego là giữa trưa. Nam và mẹ đang ăn cơm, Nam nói mẹ không thể nuốt nổi. “Thôi, bố nói chuyện với mẹ Huyền đi”. Huyền ngần ngại mãi rồi mới chịu cầm điện thoại.

Thành kể:

– Anh ạ, thoát tiên vẫn là tiếng nức nở của Huyền. Mãi có ấy mới nói: “Anh còn tới những chốn xưa sao?”

Thành thú nhận cũng lặng đi không nói được, không biện minh gì được. Anh chỉ bập bẹ ba tiếng “Xin lỗi em”.

Thành nói với tôi:

– Em cứ tưởng cô ấy chẳng còn quan tâm gì đến các chi tiết nhỏ đó. Bởi thật ra sau này chúng em gặp nhau rất tự nhiên, chẳng bao giờ nhắc lại những kỷ niệm cũ.

Tôi có chút kinh nghiệm về chuyện này nên nói:

– Không nói, nhưng nó vẫn hiện diện từ trong đáy sâu trái tim mình. Không nói cũng là một cách nói. Như thế hay hơn chứ.

– Không hẳn là như thế anh ạ. Em cho rằng mình cố

đánh lừa mình, trong cái thế phải “tĩnh queo” thì phải thế thôi. Trái tim mình nó nói khác.

– Trong những góc tối nhất của linh hồn, có những điều không bao giờ nên đụng tới.

Thành thở dài:

– Nhưng khi đụng tới thì nó phá mình kinh khủng.

– Rồi sau đó Huyền nói gì với cậu?

Tiếng Thành rời rạc:

– Có nói gì được nhiều đâu anh. Cô ấy chỉ trách là em không hiểu cô ấy thôi. Mà thật ra, làm sao em không hiểu Huyền được chứ. Em hiểu, hiểu rất nhiều. Chúng em gặp nhau, nhìn nhau cố dửng dưng, trong cái dửng dưng ấy lại có tất cả nỗi nhớ nhung, có tình yêu và có cả một cái gì như thù hận. Anh đừng hiểu thù hận theo cái nghĩa thông thường. Thù ở đây là không đợi nhau được, hận ở đây là nỗi đau vì phải xa nhau. Nó nhẹ nhàng, nhưng sâu đậm. Tưởng là chết cũng không thể nói ra. Vì chúng ta phải sống như những người đàn ông, vì chúng ta phải sống đúng cái cách mà người “hiểu biết” thường phải đối xử với nhau thôi.

Tôi hiểu Thành nên nắm tay anh:

– Hiểu như thế là đủ.

– Chẳng có gì là đủ. Mình tự an ủi mình đấy. Lâu nay em cứ nghĩ cô ấy sống với một người đàn ông tử tế đàng hoàng như vậy là có hạnh phúc rồi, hay ít nhất thì cũng yên ổn. Cô ấy có thể quên em. Nhưng bây giờ em mới hiểu... tình cảm không giản dị như vậy đâu. Nó có đời sống của nó.

Thành bản thân vớ bao thuốc lá lấy ra một điếu châm lửa hút một hơi dài:

– Cô ấy cúp máy ngay sau đó, không cho em nói thêm điều gì nữa cả.

Tôi hỏi ngược:

– Nếu được, cậu sẽ nói gì?

Thành lắc đầu:

– Chính em cũng không biết, em chỉ thấy cần phải nói thôi.

Đến đây Thành nhìn về phía Nhà Thờ Đà Lạt. Anh rủ tôi đến nhà thờ, chẳng biết để làm gì. Tôi không đến vì lỡ hẹn với mấy người bạn ăn cơm trưa. Thành cúi thủi bước xuống con đường đầy nắng vàng. Tôi hình dung ra bóng người đàn ông đó ngồi im lặng trong ngôi giáo đường vắng ngắt. Thành cầu nguyện gì? Tôi không thể đoán ra. Bạn thử đoán xem. Xin bạn một phút cho những mối tình buồn như thế. Tôi nghĩ không chỉ có Huyền và Thành, còn rất nhiều nhiều những chuyện tình đẹp và buồn như thế. Tôi muốn nói tiếng nói ấy trong bút ký này.

(Sài Gòn, 12-1-2008)

CHƯƠNG 25

ĐƯỜNG HOA VÀ KỶ NIỆM

t háng 2-2008: Những cánh thiệp xuân đang tới tấp bay đi từ Việt Nam đến hải ngoại và từ hải ngoại bay ngược trở lại Việt Nam làm rộn ràng không khí Tết cổ truyền của dân tộc.

Dân làng *meo* tha hồ gửi và nhận những cánh thiệp muôn màu muôn sắc từ bạn bè thân quen và cả những “người bạn không quen” gửi chung trong một group nào đó, thôi thì cũng cứ kể như quen, càng vui.

Tuy vậy cũng còn một số bạn không chơi *meo*, chơi kiểu gửi thiệp qua bưu điện cho cổ kính, trịnh trọng hơn. Có những bạn đợi đúng Đêm Giao Thừa ở Việt Nam mới gửi lời chúc tết cho đúng “giờ phút thiêng liêng”, mang theo “quốc hồn quốc túy”. Dù cách nào thì giây phút nhận những cánh thiệp và lời chúc ấy cũng sưởi ấm lòng “người ở bên này, kẻ ở bên kia”.

Khi tôi viết bài này, chỉ còn 3 ngày nữa thôi, ngày Tết bắt

đầu cho một Năm Mới lại đến. Tụ trong lòng mỗi người đều thấy xốn xang, cái xao xuyến chiều Ba Mươi như lờn vờn đầu đây. Cho dù ở đâu, người Việt Nam chúng ta cũng thấy ít ra một chút băng khuâng. Nếu những ngày Tết là những ngày thiêng liêng thì những ngày chờ đợi mùa xuân như mấy hôm nay chính là những ngày vui nhất. Cũng như những ngày sắp thành hôn vui và “láo đảo” hơn những ngày cưới.

Năm nào cũng vậy, cứ vào dịp này là tôi về Sài Gòn để đi chợ Hoa Xuân và tường trình không khí Tết Sài Gòn, hy vọng mang lại những hình ảnh thật nhất ở quê nhà đến với bạn đọc.

Dù vui hay buồn cũng là chuyện quê hương.

VĂN CÒN VƯƠNG VĂN

Mỗi lần nói về chợ Tết, tôi lại nhớ đến phiên chợ Tết quê tôi. Có lẽ trong lòng mỗi người chúng ta đều có một phiên chợ Tết của quê mình hoặc một phiên chợ Tết nào đó cùng người tình, cùng người thân của mình dạo chơi, đi sâu vào ký ức. Phiên chợ Tết quê tôi vào ngày 26 tháng Chạp, mỗi năm chỉ có một lần họp ở phố huyện. Huyện có chừng 5-7 tổng, tổng có chừng 5-10 xã, xã có chừng vài ba thôn. Bằng ấy dân cư trong huyện mong ngóng ngày chợ Tết. Những bác nông dân, những cô thôn nữ tuổi trăng tròn tấp nập quẩy gánh hàng trên những con đường làng ướt sương sớm và gió lạnh, tiến ra con đường cái quan trải đá gồ ghề như những nhánh ngòi nhỏ chảy ra dòng sông trôi vào biển cả.

Lũ học trò tiểu học trường huyện chúng tôi, khoảng 12-13 tuổi cũng như những cánh bèo bám theo dòng sông nhỏ ấy đi vào phố huyện. Sao mà tươi vui hồn nhiên đến

thế! Giờ học vừa tan là chúng tôi ủa ra chợ Tết. Chen chúc trong đám người chật chội, đi ngấm từng khu bán gà bán vịt, rồi nhìn ngấm những gian “hàng xén” bày bán sơ sài vài món hàng thông dụng, hoặc đứng tần ngần trước những hàng kẹo kéo, bàn đánh “cò quay” dụ tiền trẻ con. Đôi khi có một gánh xiếc với vài con khỉ kéo xe hoặc một anh “mãi võ Sơn Đông” múa kiếm, đánh côn, bán thuốc Bắc...

Những hình ảnh ấy thường chỉ sống lại trong tôi vào những ngày cuối năm. Và tôi không thể quên, năm nào mẹ tôi cũng mua cho tôi những bức tranh dân gian, có đàn gà mẹ gà con, có đám cưới chuột, có bày cá chép lên thiên đình... Tôi trịnh trọng dán tranh lên tường, trên cánh cửa trước cửa sau nhà tôi ngấm hoài không biết chán. Có lẽ bắt đầu từ đấy tôi biết đến cái thú thưởng thức hội họa. Những đứa bạn học con nhà nghèo hàng xóm cũng sang ngấm ké.

Năm vừa qua, chị Lai Hồng gửi cho tôi xem những bức họa này nhắc nhớ kỷ niệm ấu thơ của tôi không thể quên. Tôi còn biết thêm ngoài dòng tranh Đông Hồ còn những dòng tranh dân gian khác nữa, cũng mang đầy tính cách cổ xưa Việt Nam. Tôi không thể kể hết kỷ niệm về những phiên chợ Tết của thời thơ ấu. Rồi khi bắt đầu những năm tháng “lưu lạc” vào miền Nam từ năm 1953, tôi càng không thể quên con đường hoa Nguyễn Huệ mỗi độ Tết đến Xuân về.

CON ĐƯỜNG TÌNH TA ĐI

Đã là người Sài Gòn, không ai không nhớ đến con đường hoa Nguyễn Huệ ngày xưa. Đúng hơn, phải gọi là “Chợ Hoa Nguyễn Huệ”. Chợ Tết phải nói Chợ Bến Thành, nhưng thực chất ngày Tết, người Sài Gòn biết đến

Chợ Hoa Xuân đường Nguyễn Huệ nhiều hơn. Từ năm 1953 đến 1975, dường như nó không thay đổi. Chỉ có một đoạn đường ngắn vài trăm thước, từ ngã tư Lê Lợi trước cửa Tòa Đô Chính đến bến Bạch Đằng. Những năm đầu, chợ hoa chỉ được ba phần tư con đường đã hết. Mãi sau này nó mới lan ra hết con đường chính và chiếm một đoạn khiêm nhường con đường bên sông Sài Gòn.

Hai bên lối đi là các gánh hàng hoa đủ loại, những chậu quất, chậu mai giản dị chứ không phải thứ lão mai, hoa cảnh quý hiếm như bây giờ. Hầu hết các loại hoa đều là của vùng ngoại ô như Gò Vấp, Hóc Môn, Thủ Đức mang đến. Lâu lâu mới thấy một chậu “hoa quý” từ Đà Lạt mang xuống bán. Hoa đào miền Bắc càng hiếm, có năm gần như không hề có một cành đào. Nếu có, người ta phải mang từ Hồng Kông sang, nhà nào chơi được hoa đào phải là nhà “quý tộc”. Ngay cả những trái hồng, trái mơ cũng được chuyên chở bằng máy bay qua đường Ma Cao, Hồng Kông, Thái Lan.

Hai bên đường là cửa hàng kem, hàng giải khát, bày cả ra lối đi giữa hè phố. Lác đác vài món hàng quà rong như nước mía, thịt bò khô, bánh tôm với những khoai bánh tròn bằng bột gạo hoặc bột sắn, trên có con tôm còn nguyên vẩy, anh hàng bánh sắn sàng đẩy vào cái chảo mỡ nóng cho thực khách. Còn một chú Ba Tàu, có gánh “lục tào xá, chí mà phù” đứng ở góc Tòa Án, khói than lập lòe. Có lẽ mấy năm sau này, chú Tàu quy tiên, không ai kế nghiệp nên không còn thấy gánh hàng này nữa.

Con đường hoa Nguyễn Huệ nhỏ nhắn, vừa đủ xinh đẹp, vừa đủ chỗ cho “người Sài Gòn” chung vui với nhau. Không có “người ngoại đạo”.

Tất nhiên hồi đó rất ít Việt kiều và họ lẫn lộn trong đám đông, chẳng ai nhận ra Việt kiều như bây giờ. Thịnh thoảng cũng có dăm ba người nước ngoài làm việc tại thành phố nổi lên trong chợ hoa.

Đi từ đầu hàng hoa đến cuối dãy hoa, thế nào cũng gặp một vài người quen. Đứng chọn một chậu quất, thế nào cũng có người lên tiếng “cố vấn” rất chân tình.

Chợ Hoa Xuân Nguyễn Huệ như một nơi gặp gỡ cuối năm của cư dân Sài Gòn, của những cặp tình nhân thời mới quen, của những gia đình hạnh phúc, của những niềm vui nhỏ và biến thành kỷ niệm lâu dài. Đó chính là nét đẹp truyền thống của “Sài Gòn muôn năm cũ”.

Có một thời, sau năm 1975, người ta đã dời chợ hoa về con đường lớn bên trại Ba Son, nhưng gặp ngay sự phản đối gay gắt nên năm sau lại dẹp. Đưa về vườn hoa Tao Đàn — nay gọi là công viên Văn Hóa — cũng không ổn nên chợ hoa Nguyễn Huệ lại trở về với địa chỉ cũ của nó. Nhưng theo với sự phát triển của đô thị, nó không còn đủ sức chứa khối người và xe khổng lồ nên phải lập thêm ra ba bốn cái chợ hoa khác. Mặc dầu có những chợ hoa lớn hơn như công viên 23-9, chạy suốt một dọc dài theo đường Lê Lai hàng cây số và nhiều chủng loại hoa hơn nhưng Nguyễn Huệ vẫn là chợ hoa được chú ý hơn cả. Ngay cả cách trang trí, cách mời gọi khách du lịch cũng nổi bật hơn những nơi khác.

ĐƯỜNG HOA

Trước hết, tôi nhận định một cách hết sức khách quan, năm nay tình hình giá cả đang tăng vọt từng ngày từng giờ, đời sống khó khăn hơn, nhưng những con đường hoa của

Sài Gòn lại được làm đẹp hơn, rực rỡ hơn như một kỳ công của thành phố.



Từ tối 1-2-2008, tức 25 tháng Chạp, con đường chính của Sài Gòn, trước kia gọi là đường Tự Do, nay là Đồng Khởi đã sáng lòa ánh đèn. Từ những thân cây cổ thụ hai bên đường phố trang trí theo một chủ đề. Chạy dài trục đường Đồng Khởi, họa sĩ thiết kế lấy ý tưởng từng đàn chim én vàng kéo về báo mùa xuân. Én vàng uốn lượn như từng chiếc váy rồng tạo nên hình dáng 2 chú rồng vàng dài vài chục mét đang uốn lượn phía trên như những mái nhà chạy dài đến tận Bến Bạch Đằng với những chiếc lồng đèn và những đàn hoa đủ kiểu được cách điệu sắc sỡ.

Nối tiếp là con đường Lê Lợi có kiểu trang trí khác với những kiểu lồng đèn chạy dài từ nhà hát thành phố đến chợ Bến Thành.

Con đường Thống Nhất từ Sở Thú đến dinh Độc Lập cũng miên man đèn hoa. Đêm đêm người đi ngắm đèn đông nườm nượp để mai còn về quê ăn Tết và cũng để quên đi nỗi lo toan hàng ngày vì cuộc sống đắt đỏ.

Vài hôm nữa thành phố sẽ vắng vẻ hơn vì những người tạm cư, những công nhân, viên chức làm việc ở Sài Gòn đã tìm đường về quê nhà.

Trở lại với đường hoa Nguyễn Huệ, cho tới ngày 26 tháng Chạp vẫn còn lu bu với công việc chuẩn bị.

Ở đây đây phố được chia thành từng khu, mỗi khu cố tạo dáng một khung cảnh đặc biệt của từng vùng và làm sống lại những khung cảnh quê hương cổ xưa. Những chiếc xe ngựa chở đầy hoa, những gánh hàng rong, những thúng mùng sàng nia và cả những chiếc lưới buông câu giữa cảnh sông nước.

Không còn cảnh mua bán hoa ung dung như ngày nào. Muốn mua hoa, người ta phải đến các chợ hoa 23-9 hoặc công viên Lê Văn Tám — nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi cũ — hoặc các chợ hoa vỉa hè ở bất cứ khu đông dân cư nào.

Con đường hoa Nguyễn Huệ không còn “nguyên thủy” như xưa nữa. Nó mang màu sắc khác của một “phòng triển lãm” mời gọi khách du lịch. Đến đây với tâm trạng của một người xa lạ vui hơn là tâm trạng của một người Sài Gòn cũ. Nó sẽ biến thành phố đi bộ, chen chúc trong cảnh xô bồ tấp nập. Những “ông Tây bà đầm”, những khách Á Châu, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản lẫn lộn cùng một số Việt kiều, chẳng biết ai vào ai. Bạn khó lòng gặp được một người quen mới hay cũ. Không khí thân mật của những cư dân Sài Gòn vì thế cũng không còn.

Truyền thống đường hoa Nguyễn Huệ đã phai màu biến sắc, để lại những nỗi tiếc bâng khuâng. Con đường tình ta đi giữa chợ hoa Nguyễn Huệ bây giờ chỉ còn lại trong kỷ niệm. Đây là nỗi ngậm ngùi của tôi và có lẽ cũng là của tất cả “những người Sài Gòn cũ” khi trở lại con đường hoa vào những ngày này.

SỰ LÃNG PHÍ

Từ những ngày Giáng Sinh đến ngày Tết Nguyên Đán đã hai lần đường phố Sài Gòn thay đèn đổi hoa. Chỉ tính riêng chi phí cho đường hoa dịp Tết này đã lên đến con số 15 tỉ đồng. Và theo các nhà tổ chức thì “tất cả đều huy động từ nguồn kinh phí xã hội hóa”. Đây là một từ ngữ mới, nhưng hiểu một cách giản dị là các nhà tổ chức muốn nói nguồn kinh phí không do quỹ của thành phố bỏ ra mà vận động các nhà tài trợ đóng góp. Tuy nhiên nếu các nhà tài trợ đóng góp không đủ thì quỹ của thành phố phải “bao chót”, chứ không lẽ làm dở dang?

Và cũng theo thông tin trên vài tờ báo thì “rất nhiều công ty trong nước, ngoài nước, cả các liên doanh đều tình nguyện ủng hộ”. Nhưng ủng hộ được bao nhiêu, thừa hay thiếu thì không thấy nhắc đến.

Mặt khác người ta cũng thừa biết các công ty không cho không mà đây là cuộc trao đổi quyền lợi bất thành văn: “Ông mất của kia, bà chia của nọ”. Chưa biết chừng cái mất to hơn cái được. Đó cũng là một “nghệ thuật kinh doanh”, một cuộc đổi chác thông thường ở bất kỳ nơi nào trên thương trường.

Cho đến những giờ phút cuối cùng, một giám đốc công ty từng hàng hái ủng hộ và còn “nhiệt tình” đảm trách công việc chăng đèn kết hoa đã phải điện thoại than phiền với một số báo chí:

– Chắc bỏ cuộc mất thôi, chỉ riêng phần trang trí nghệ thuật đèn mặt phố dịp Tết, ban tổ chức cú đổi ý xoành xoạch! Kế hoạch, bản thiết kế mẫu đã duyệt hẳn hoi, nhưng vừa làm xong, lại bị gọi tháo ra, làm lại, lại... tháo! Chỉ vì cứ mỗi vị một ý kiến, nhiều ý kiến quá làm sao làm?

Đúng là “lắm người nhiều ma, lắm cha con khó lấy chồng”. Ông nào cũng lớn cả, ông nào cũng thích dương oai quyền của mình với những doanh nhân, doanh nghiệp nên nhảy vào ý kiến búa xua.

Có một người dân quanh khu này đã đếm được đúng 3 lần người ta quần vải cho cây, được vài hôm lại tháo ra, quần cái mới, cuối cùng là tháo bỏ luôn thay bằng vài sợi dây đèn chông chó. Ông nói: “Nhìn hàng đồng vải quần cây còn mới tinh bị quăng quật lên xe, chở đi, thấy mà tiếc... của!”

“*Nhưng thôi tiếc mà chi*”, của là chùa, cứ tháo ra tháo vô cho đẹp lòng tất cả các quan, xá gì vài chục tỉ đồng vật vãnh.

Cuối cùng vẫn là anh “dân đen” chịu hết.

Đây chỉ là một chứng minh nhỏ trong sự lãng phí riêng phạm vi Sài Gòn. Còn bao nhiêu địa phương khác nữa, bao nhiêu tổ chức quy mô “*hoành tráng*” nữa trên toàn quốc, mức lãng phí sẽ đến bao nhiêu tỉ đồng cho dịp lễ Tết như thế này? Sự kêu gọi tiết kiệm chẳng lẽ không còn giá trị khi cần phải phô trương sự giàu đẹp của một đất nước mà người dân còn đang nghèo đói tả tơi?!

Đó là một trong các bộ mặt phía sau khung cảnh những ngày cuối năm tại Sài Gòn. Tất nhiên trong những ngày này, với cơn bão giá kinh hoàng cứ tăng cường độ hàng ngày, còn rất nhiều những cảnh nheo nhóc “sau ánh đèn thành phố”, trong một lúc chưa thể tường trình hết với bạn đọc.

Xin hẹn qua mùa Xuân mới sẽ được tường trình với bạn đọc những chuyện vui hơn.

(Sài Gòn, 4-2-2008)

CHƯƠNG 26

GẶP CON GÁI ĐẦU LÒNG CỦA CHUẨN TƯỚNG LÊ VĂN HUNG

Rất tình cờ, ngày 2-7-2008 vừa qua, tôi nhận được điện thoại của một anh thương binh báo tin vừa biết địa chỉ của bà vợ tướng Lê Văn Hưng hiện đang ở Sài Gòn. Chuẩn tướng Lê Văn Hưng là một trong 4 vị tướng đã tuấn tiết vào ngày 30-4-1975.

Thông tin này khiến tôi hơi ngỡ ngàng vì theo tin tức mà tôi biết không được chính xác lắm thì gia đình tướng Hưng đã định cư tại Mỹ. Sau đó anh Đoàn Dự điện thoại cho tôi xác nhận cũng được tin “*bà quả phụ Lê Văn Hưng đang sống ở Sài Gòn*” và một chi tiết quan trọng hơn là hiện nay gia đình bà đang sống rất cực khổ. Tất nhiên, tôi phải đi xác minh để tìm hiểu sự thật. Tôi liên lạc với anh Phúc — anh thương binh bị cụt hai chân, một trong số “*ba người lính nhảy dù lâm nạn*” mà tôi đã có dịp tường trình với bạn đọc. Anh Phúc cố gắng liên lạc với vài anh em thương binh khác để tìm người đưa tin.

Sau một hồi vòng vo, chúng tôi tìm được người đưa tin cũng là một trong số những anh em thương phế binh. Đó là anh Toàn, một thương phế binh thuộc binh chủng Thủy Quân Lục Chiến mà dịp Tết vừa qua chúng tôi đã có dịp chuyển quà của độc giả đến giúp đỡ gia đình anh.

Buổi sáng ngày Thứ Năm 3-7-2008, Đoàn Dự đón tôi đi tìm nhà anh Phúc. Những căn nhà của anh em phế binh hầu hết đều nằm trong hẻm hẻm rất khó tìm. Cũng may anh Phúc được một người nhò trông coi căn nhà trong cái hẻm nhỏ sát bên rạp hát Quốc Thanh. Gọi là nhà chứ thật ra đây chỉ là một căn phòng nhỏ hẹp bé tẹo nằm sát hông rạp Quốc Thanh (hồi trước năm 1975 được gọi là chung cư Quốc Thanh), do người chủ là bà Tiêu Thị Mai xây dựng để cho thuê. Sau năm 1975 bà buộc phải “hiến” cho nhà nước để hy vọng... chạy cái tội “địa chủ thành thị” bóc lột dân nghèo. Vài năm sau bà chết, ông chồng được “phân” cho ở một căn phòng trên lầu, đói rách tả tơi. Cuối cùng chung cư được bán cho những chủ mới. Anh Phúc được một người chủ thương tình cho ở để trông coi nhà giùm. Được ở giữa trung tâm thành phố là may mắn lắm rồi, nhưng cụt hai giò, đi trên hai chiếc ghế thấp bằng hai tay, bán vé số dạo cũng là một công việc hết sức nặng nhọc.

Khi tôi và Đoàn Dự đến nơi, anh Phúc lại phải điện thoại cho anh Toàn và vài anh em phế binh khác chờ chúng tôi ở một ngã năm dưới Gò Vấp.

Hai chiếc xe gắn máy khởi hành trên những con đường Sài Gòn đầy rẫy “lô cốt”, vào giờ nào đường cũng kẹt. Xe gắn máy lao lên hè phố gập ghềnh, nhào xuống khe, tha hồ thi tài lái khéo, chen lấn từ 1/4 cái bánh xe. Người Sài Gòn học được ở đây tinh thần “lao lên phía trước” bất chấp luật lệ, không biết nhường nhịn ai, lịch sự văn minh là thừa.

NGƯỜI VỢ ĐẦU CỦA TƯỚNG HUNG

Hơn một tiếng sau chúng tôi mới tới được nơi hẹn. Hai anh thương binh ngồi chiếc xe gắn máy ba bánh, kiểu xe dành cho người tàn tật, dẫn đường.

Đi vòng vo mãi gần 5 cây số mới đến đường Dương Quảng Hàm vẫn thuộc địa phận quận Gò Vấp. Chui vào con hẻm đường đất đá lởm chởm, chúng tôi mới tới được căn nhà tôn khấp nép bên hai căn nhà đang xây chẳng biết của đại gia nào. Tôi đã quá quen với những căn nhà ở thật hay ở tạm của gia đình những anh em thương phế binh rồi. Căn nhà nào cũng chui vào hóc hẻm như thế này cả.

Một phụ nữ đáng người lam lũ lật đật chạy về.

Anh Toàn giới thiệu đó là con gái lớn tướng Lê Văn Hung. Chúng tôi cùng vào căn nhà tôn mái thấp lè tè. Trong căn phòng chật chội, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là một bà cụ già nằm ngay đơ trên chiếc giường nhỏ kê sát tường. Bà nằm im, mắt chớp nhẹ, nhưng có lẽ bà cũng không cần nhận ra ai, đến làm gì. Nhìn khuôn mặt bà trắng trẻo, phúc hậu như còn để lại “vang bóng” của một thời son trẻ với nhan sắc chắc là rất mặn mà.

Anh Toàn giới thiệu nhỏ nhẹ:

– Đó là bà Mai, vợ của tướng Lê Văn Hung.

Tôi vẫn cứ nghĩ trong việc này có điều gì mình chưa biết. Tuy nhiên, tôi cũng cúi đầu chào bà và biết chắc bà không còn đủ minh mẫn để nghe và trả lời nữa. Người con gái của bà mà chúng tôi đã gặp ngoài cửa, đỡ lời:

– Mẹ cháu yếu quá rồi, chẳng còn biết gì đâu.

Sau khi thăm hỏi qua về cuộc sống của gia đình, tôi đi ngay vào công việc một cách thẳng thắn:

– Tôi nghe nói phu nhân của tướng Hung đã định cư ở Mỹ rồi kia mà?

Người đàn bà ngần ngại gật đầu:

– Vàng, mẹ cháu là vợ trước của ba cháu. Có thể nói, đó là người vợ đầu tiên, kết hôn năm 1951. Hiện cháu còn giấy giá thú. Nhưng sau đó ba mẹ cháu ly dị. Mẹ cháu cũng tái hôn với một người khác. Nhưng cháu ở với bà nội — tức là mẹ của tướng Hưng.

Người đàn bà có vẻ mặt khắc khổ đưa cho chúng tôi xem tờ giấy giá thú được lập từ năm 1951 bằng tiếng Pháp trong đó ghi rõ ngày tháng kết hôn là 30-10-1951 giữa ông Lê Văn Hưng và cô Nguyễn Xuân Mai tại Bình Hòa, Gia Định. Và dòng cuối cùng ghi rõ là vợ chính thức — *Première range*.

Nhưng dù có thế thì sau khi đã ly dị, bà Mai đã có gia đình khác. Chỉ còn lại một người con gái là người đàn bà đang ngồi trước mặt chúng tôi.

NGƯỜI CON GÁI ĐẦU LÒNG

Chị cho tôi xem một Thẻ Căn Cước được cấp từ trước 1975 và một tờ khai sinh. Trong đó ghi chị tên Lê Ánh Tuyết, năm sinh 1952, là con của ông Lê Văn Hưng và bà Nguyễn Xuân Mai. Như thế chị Tuyết là con đầu lòng của tướng Hưng.

Chị cho biết:

– Sau khi bố mẹ cháu không còn sống với nhau nữa, cháu về ở với bà nội cho đến khi lớn. Thường mỗi tuần cháu được đón lên ở với bố cháu. Vì thế các anh sĩ quan làm việc với bố cháu biết cháu rất nhiều. Nhất là trung úy Phúc và trung úy Nghĩa là các sĩ quan tùy viên của bố. Cháu ở với bố và bà nội cho đến khi bố cháu tự sát tại Cần Thơ.



Chị Tuyết đưa cho chúng tôi xem tờ Giấy Xác Nhận của trung úy Phúc, trong đó ghi:

“Tôi là Đoàn Ngũ Phúc, sinh năm 1965... Trước ngày “giải phóng” tôi là sĩ quan tùy viên của chuẩn tướng Lê Văn Hưng. Lúc ấy là tư lệnh phó Quân Đoàn IV tại Cần Thơ.

Tôi xác nhận chuẩn tướng Lê Văn Hưng đã tự sát chết lúc 21 giờ tối 30-4-1975 tại tư dinh ở Cần Thơ. Và ngày 01-5-1975 chính tôi cùng gia đình chuẩn tướng đã chôn cất ông tại Cần Thơ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời xác nhận trên.

Ngày 6-11-1989”.

Sau đó trung úy Phúc đi định cư tại Mỹ. (Ảnh: Tướng Lê Văn Hưng và trung úy Phúc, sĩ quan tùy viên. Ảnh do gia đình cung cấp).

Từ Savannah, trung úy Phúc có viết thêm một giấy xác nhận khác chi tiết hơn và lời lẽ hùng hồn, khẳng khái hơn. Ông cho biết rõ đã làm việc với tướng Hưng từ năm 1972 khi tướng Hưng là đại tá giữ chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ binh. Sau đó ông được cử làm Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV bên cạnh thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam.

Hai vị này tỏ ra rất tâm đầu ý hợp. Tướng Nguyễn Khoa Nam tự sát ngày 1-5-1975, sau tướng Hưng 1 ngày.

Trung úy Phúc cũng nói rõ *“con cháu của các vị đó xứng đáng được hưởng sự giúp đỡ thiết thực qua chương trình ODP... Cô Lê Ánh Tuyết là một ưu tiên”*.

MẸ TƯỚNG HƯNG CŨNG TỰ TỬ

Nhưng không hiểu tại sao chị Lê Ánh Tuyết không đi được. Có lẽ phần khác vì còn bà mẹ già không ai phụng dưỡng. Chị có gia đình nhưng không có con và người chồng của chị bệnh tật nhiều nên cuộc sống rất khó khăn. Mẹ chị phải ở nhờ người con dâu vợ của người con trai sau này, chị Tuyết vẫn là người hàng ngày trông nom săn sóc mẹ.

Chị kể lại một chi tiết rất xúc động. Khi được các anh trong Quân Đoàn báo tin tướng Lê Văn Hưng tự sát, bà nội của chị — mẹ của tướng Hưng — đã ngất đi và sau khi chôn cất con trai xong, bà âm thầm uống thuốc tự tử. Việc này chị Tuyết biết rất rõ vì chị sống bên cạnh bà nội suốt từ bé đến lớn — 22 năm. Cho đến khi bố và bà nội mất chị mới trở lại sống với mẹ cho đến nay.

Hiện chị Lê Ánh Tuyết ở tại:

Số 25/510 Phường 16, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Điện thoại 9846212 — nhờ nhắn giùm chị Tuyết.

Chúng tôi hỏi hiện nay chị sống ra sao. Chị chỉ lắc đầu, buồn thúng bán bưng được đồng nào hay đồng ấy. Chị cũng cho biết hàng năm cứ đến dịp 30-4 chị thường nhận được sự giúp đỡ của Hội Sĩ Quan HO từ Mỹ gửi về. Mỗi năm 500 USD, thường gửi làm hai ba lần và để tên bà quả phụ Lê Văn Hưng, song thật ra là để giúp đỡ chị. Nhưng năm nay chị Tuyết không nhận được. Tôi đã giúp ngay chị 100 USD, đó là số tiền của các vị nhờ chúng tôi giúp đỡ anh em thương phế binh và người nghèo khổ.

Một hội đoàn giúp hàng năm 500 USD là số tiền không nhỏ. Xin thành thật tri ân những đồng ngũ đã tận tâm giúp đỡ thân nhân những người còn ở lại. Thật ra số người đó rất nhiều, nhất là những anh quân nhân vốn trước đây đã nghèo, bây giờ lại càng nghèo. Họ không thuộc diện “gia đình chính sách”, không thuộc diện được ưu tiên nên đành chỉ trông vào sức lực của chính mình. Còn anh em thương phế binh càng bi đát hơn. Nhưng không thể biết hết và không thể giúp hết. Tuy nhiên biết được người nào giúp người đó vậy.

THÔNG TIN VỀ SỰ GIÚP ĐỖ THƯƠNG PHẾ BINH

Nhân đây tôi cũng xin thông tin về một số vị đã nhờ chúng tôi giúp đỡ anh em thương phế binh trong thời gian vừa qua.

Một bạn cùng khóa với tôi, anh Đặng Hữu Thắng gửi 2.000 USD để một nửa giúp anh em thương phế binh, một nửa giúp 1 người nghèo làm nhà tình thương. Chúng tôi đã giúp một gia đình ở Lộc Ninh làm một căn nhà khang trang và mua thêm đồ dùng trong gia đình. Và 1.000 USD giúp anh em thương phế binh ở xa Sài Gòn.

Ông bà Trần Văn Trí ở Montreal, Canada qua ông Đỗ Đức Ngọc gửi giúp 300USD.

Anh chị Hoàng Đình Hoạt ở San Jose gửi 200 USD, giúp gia đình anh TPB Dương Quang Trung ở Huế. Chúng tôi đã gửi cho cháu Dương Thị Hoa và cháu đã nhận. 100 USD còn lại vừa giúp cho chị Lê Ánh Tuyết.

Anh Phạm Thông chủ nhiệm báo *Con Ong*, Houston chuyển 300 USD của một độc giả báo *Con Ong* và chính anh Phạm Thông gửi thêm 200 USD để giúp anh em thương phế binh.

Ngoài ra còn một hai vị không tiết lộ danh tính nên chúng tôi xin tôn trọng không nêu tên ở đây.

Tất cả những số tiền đó đã được chuyển đến anh Trưởng Làng Thương Phế Binh và đại diện anh em thương phế binh để chọn ra ưu tiên cho những anh em ở xa Sài Gòn đã và sẽ được giúp đỡ cũng như gặp tình trạng khẩn cấp.

Trong dịp vừa qua chúng tôi đã cử một anh thương phế binh đi Huế và Quảng Trị để xác minh và mang quà đến tận tay từng anh em thương phế binh cần được giúp đỡ. Trong đó có danh sách của chị Trần Mộng Tú gửi cho tôi gồm 17 anh em ở Quảng Trị và 4 anh ở Huế.

Sau đó còn giúp thêm 5 anh em ở Long An và Sài Gòn. Trong thời gian này anh Giáo — Làng Thương Phế Binh Thủ Đức — và Hàm Anh cũng tiếp tục giúp những anh em mới biết hoặc những người gặp hoàn cảnh cấp bách như đi bệnh viện cấp cứu, tử vong...

Chúng tôi sẽ tiếp tục giúp đỡ những anh em khác mỗi khi cần thiết.

Xin cảm ơn những tấm lòng nhân ái của quý vị.

(Sài Gòn, 06-7-2008)

CHƯƠNG 27 LỜI TỔ CÁO ĐẦY ÁC Ý

O tuổi 84, nhiếp ảnh lão thành Mạnh Đan đã “lui về ở ẩn”. Nhưng khi văn hóa nhiếp ảnh khuấy động thời sự làng nhiếp ảnh, ông cũng không thể đứng ngoài, bởi lẽ “... quyển sách viết không đúng sự thật liên quan đến cá nhân tôi, và nhiều điều theo tôi biết là không trung thực”.

Là nhiếp ảnh gia nổi tiếng, cùng thế hệ với các tên tuổi như Cao Đàm, Cao Linh..., cụ Mạnh Đan có lý do để phản ứng: “Quyển sách viết về nhiếp ảnh miền Nam trước năm 1975 sai sự thật rất nhiều. Có thể tác giả không nhìn ở tầm rộng mà chỉ nhìn ở tầm hẹp và suy diễn, bóp méo sự thật”.



Đó là những hàng chữ tôi đọc được khi cụ Mạnh Đan bước vào căn phòng nhỏ của tôi trên chung cư, đưa tờ *Thanh Niên* tuần này cho tôi xem. Cụ ngồi ngay ngắn, móc bao thuốc lá Cotab ra hút, im lặng chờ tôi góp ý. Trong số nghệ sĩ lão làng trước 1975 còn ở lại Sài Gòn, có lẽ cụ Mạnh Đan là vị cao niên nhất. Cụ sống gần như biệt lập trên căn lầu tiệm ảnh Mạnh Đan, giữa đường Điện Biên Phủ. Nhà dưới là tiệm ảnh do các con cụ trông coi. Khi Phan Nghị còn sống và tôi chưa có căn nhà vườn trên Lộc Ninh, thỉnh thoảng cụ ghé chung cư thăm tôi. Cụ vẫn đi chiếc xe đạp điện, không phải loại mới sau khi xăng tăng giá mà là loại xe đạp điện cũ. Sau này có dịp về Sài Gòn, tôi vẫn mời cụ đi ăn, đi chơi cho đỡ cô quạnh, khi có anh em ở xa về muốn gặp cụ. Hạn chế giao thiệp là thứ “bệnh” của người lớn tuổi. Vì thế mời được cụ không dễ dàng.

TẮM LÒNG CỦA NGƯỜI NGHỆ SĨ VỚI SỰ THẬT

So với tuổi 84, cụ còn khỏe lắm. Tay cụ run rồi, cầm máy ảnh lên, bấm máy không còn chính xác nữa. Tuy vậy đôi khi cụ vẫn “nhớ nghề”, leo lên xe hơi của người học trò cũ đi “chu du sơn thủy”, hết Chapa đến Hạ Long và tất cả xóm làng từ Nam chí Bắc, tìm những “cây đa cũ bến đò xưa”. Tôi có cảm tưởng đó là các tác phẩm cụ dành cho cuối đời mình hoặc các hình ảnh mà từ bao năm qua cụ đã chụp nhiều nhưng vẫn thấy “cay cú”, thiếu sót một điều gì đó mà thời trẻ cụ chưa hoàn toàn mãn nguyện với những tác phẩm của mình. Đó chính là sự toàn tâm toàn ý của một nghệ sĩ với tác phẩm.

Tôi muốn nói điều này để thấy tấm lòng một nghệ sĩ lão thành luôn tôn trọng giá trị nghệ thuật đích thực cũng như tôn trọng mọi sự thật trong phạm vi nghệ thuật.

Chính vì lẽ đó, cụ đã mang bài báo đến cho tôi đọc. Sự nổi giận của cụ điểm đậm, từ tốn, song tôi thấy rõ nó sâu sắc, mạnh mẽ hơn là một người bị hàm oan. Cụ nổi giận với những gì cuốn sách viết về cụ không bằng những gì cuốn sách mô tả về “một thời kỳ trước 1975”, các nghệ sĩ nhiếp ảnh đã làm và đã suy nghĩ. Ngay trên đầu cuốn “Văn hóa nhiếp ảnh” tôi đọc được hàng chữ của cụ với nét chữ run run, nhưng dứt khoát: “Cuốn sách này tác giả Đức Chính viết về nhiếp ảnh miền Nam không thật khách quan, thậm chí suy diễn bóp méo sự thật, gây nghi ngờ đến người đọc”.

SỰ PHẢN NỘ CỦA LÃO NGHỆ SĨ

Sau đây là nguyên văn một đoạn bài báo Thanh Niên ngày 9-9-2008:

“Có những chi tiết rất vô lý, như chuyện nghệ sĩ Hoàng Thịnh sinh năm 1942, sách viết ông là người Việt đầu tiên nhận tước hiệu FIAP (do Liên đoàn Nhiếp ảnh nghệ thuật



quốc tế cấp) năm 1956. Hóa ra Hoàng Thịnh là nghệ sĩ FIAP lúc mới... 14 tuổi (!).

Hoặc tác giả viết nghệ sĩ Mạnh Đan đoạt huy chương vàng ở Áo và Đức, trong khi chính nghệ sĩ Mạnh Đan cho biết: *“Tôi xin khẳng định tôi không hề nhận huy chương vàng từ hai quốc gia đó. Viết như thế là không tôn trọng sự thật, khiến tôi rơi vào tình trạng khai man giải thưởng”*.

Cụ Mạnh Đan đã nhiều lần mời tác giả Nguyễn Đức Chính đến trao đổi về những sai sót trên. Sau cùng ông Chính chịu gặp. Cụ Mạnh Đan yêu cầu phải có người thứ ba làm chứng, do ông Chính chọn nhưng phải trung thực. Buổi gặp diễn ra ngày 22-8, gồm cụ Mạnh Đan, ông Chính và nghệ sĩ Mai Anh làm chứng. Cụ Mạnh Đan yêu cầu ông Chính cải chính những thông tin không đúng sự thật, nhưng tác giả khẳng khẳng từ chối. Điều đó khiến cụ bất bình: *“Quyển sách đã đưa tôi vào tình trạng khai man giải thưởng quốc tế. Đã là người nghệ sĩ, nếu khai man thành tích thì tự đào thải chính mình. Vì thế, nếu tôi im lặng thì hậu quả sẽ tai hại đến mức nào cho uy tín và sự nghiệp của cá nhân tôi”*.

Ông Chính cũng đặt lại vấn đề với cụ Mạnh Đan: *“Mười bốn năm qua ông Đan vẫn im lặng, nay không rõ nguyên cớ gì mà phản ứng với sách của tôi?”*.

Đưa chuyện này ra hỏi, cụ Mạnh Đan cho biết cụ không hề im lặng. Bằng chứng khi quyển *Lịch Sử Nhiếp Ảnh Việt Nam* — Hội NSNAVN, sơ thảo lần thứ 7 — ra mắt năm 2007, cụ đã góp ý thẳng rằng phần quyển sách viết về nhiếp ảnh miền Nam “chưa trung thực”. Cụ Đan đưa cuốn tạp chí Nhiếp Ảnh Của Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam số 242 tháng 4-2008 chứng minh: “Ngày 3-4-2008 và ngày 19-3-

2008 tại TP. Sài Gòn và Hà Nội có buổi hội thảo “đóng góp ý kiến cho cuốn *Lịch Sử Nhiếp Ảnh Việt Nam*”, cụ đã góp ý thẳng rồi chứ không đợi đến bây giờ.

Phải nói đây là công trình rất “trần chuyên”, đã qua 7 lần sơ thảo nhưng vẫn vấp phản ứng quyết liệt từ nhiều phía nên chưa ra sách được. Theo cụ Mạnh Đan, ông Chính là một nhà lý luận nhiếp ảnh nhưng trích một nguồn tài liệu còn tranh cãi, hơn nữa là bản sơ thảo từ năm 1993 cho thấy ông Chính “không am hiểu sự việc”.

Trong cuốn Văn Hóa Nhiếp Ảnh, tác giả còn dẫn chuyện nghệ sĩ Nguyễn Văn Thông tại đại hội Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam lần VI, tháng 3-2005, đã phát biểu: *“Ngày xưa chúng tôi chụp người dân tộc gầy ốm gơ xương là để các nước Âu Mỹ thương mà bố thí cho dân mình”*. Ý kiến này đã gây cơn bão dư luận xoáy vào nghệ sĩ Nguyễn Văn Thông. Khi ông Thông một mực kêu oan là không hề phát biểu câu đó thì tác giả Nguyễn Đức Chính chưa trưng được bằng cứ nào chứng tỏ ông Thông có nói. Theo nghệ sĩ Trịnh Đình Thu, vấn đề trên đã được đưa ra trong cuộc họp Câu Lạc Bộ Nhiếp Ảnh Người Cao Tuổi Sài Gòn, nơi các ông Thông, Chính đều là thành viên. Tại buổi họp, ông Chính có xin lỗi đã “làm phiền” nghệ sĩ Nguyễn Văn Thông, nhưng lại không có câu nào thừa nhận là viết sai sự thật. Một phát biểu như vậy khiến nhiều người Việt thấy bị tổn thương lòng tự trọng dân tộc.

Thế nên nhiếp ảnh gia Trịnh Đình Thu đã gay gắt bày tỏ cái gọi là “phát biểu” đó, dù có hay không có, đều không nên và không thể đưa vào quyển sách về văn hóa nhiếp ảnh.

ÔNG CHÍNH LÀ AI?

Theo nhiếp ảnh gia Trịnh Đình Thu: “Ông Chính được xem là nhà lý luận phê bình nhiếp ảnh, là một trong số người biên soạn cuốn *Lịch Sử Nhiếp Ảnh Việt Nam*, phụ trách về mảng nhiếp ảnh miền Nam. Tuy nhiên, tập sách Văn Hóa Nhiếp Ảnh của ông viết về nhiếp ảnh miền Nam bộc lộ nhiều sai sót. Những nhân chứng của nhiếp ảnh miền Nam như các nghệ sĩ Mạnh Đan, Hoàng Thịnh, Nguyễn Văn Thông... đều còn sống mà tác giả Nguyễn Đức Chính không hề tham khảo ý kiến của họ, lại tự viết theo chủ ý cá nhân, dẫn đến những thông tin sai sự thật, gây tổn hại không chỉ cho một số cá nhân nghệ sĩ mà còn cho cả một thế hệ người cầm máy”.

NHỮNG SAI SÓT SỞ ĐẢNG CHỨNG TỎ

ĐIỀU GÌ?

Trong cuốn sách, tôi còn nhận ra vài sai lầm ngớ ngẩn như nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh bỗng dung trở thành sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, trong khi ông là sĩ quan Binh Chủng Nhảy Dù. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm được gán cái chức trưởng phòng nhiếp ảnh Phủ Tổng Thống, trong khi ông chỉ làm việc ở Bộ Thông Tin. Những điều này tuy nhỏ đã chứng tỏ người viết không hiểu gì về người mình viết. Vậy thì làm sao viết trung thực được.

Có một sự thật mà lâu nay người ta khó nhận ra, đó là một số người viết lách nửa mùa, cố tình xuyên tạc, bôi nhọ các văn nghệ sĩ trước đây từng được biết đến nhiều nhất tại miền Nam Việt Nam. Tôi không chụp cho họ cái mũ cố tình “theo voi hít bã mía”, nhằm diệt uy tín các văn nghệ sĩ miền Nam trước 1975. Có thể họ chỉ là kẻ bị lợi dụng mà không hề hay biết hoặc có biết cũng làm lơ. Cái chính

là trình độ nhận thức và ý thức của họ quá kém cỏi, lòng ghen ghét đố kỵ cao hơn sự hiểu biết nên nghe đâu viết đó, mong có tí tên tuổi, phổng mang trộn má tự cho là “ngự sử của thời đại”, muốn phê phán sao cũng được. Thích ai thì khen, dù đó là một “vì sao lạc” ở cõi nào tới chẳng ai biết. Ghét ai thì chê, xuyên tạc, bôi bác, không phê bình tác phẩm, có khi cũng chẳng đọc tác phẩm mà nhắm vào đòi tư tác giả nào đó để “quây hời bôi nhọ”, thậm chí cả chuyện mà người ta không ngần ngại gọi là “chuyện gằm giường”.

Con số đó không nhiều, nhưng cũng đủ khiến người ta phải nghi ngờ, phải đặt vấn đề có hay không. Thế là họ coi như đã thành công. Nhưng tất nhiên, rồi độc giả cũng nhận ra “chân tướng” của những “chuyện gằm giường” đó và đánh giá được đâu là giá trị đích thực qua các tác phẩm, các hoạt động trong đời sống văn học nghệ thuật của từng người.

Trở lại với “lời tố cáo” của tác giả cuốn “Văn Hóa Nhiếp Ảnh”, ông Chính còn dẫn chuyện nghệ sĩ Nguyễn Văn Thông tại Đại hội Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam lần VI đã phát biểu: *“Ngày xưa chúng tôi chụp người dân tộc gầy ốm gió xương là để các nước Âu Mỹ thương mà bố thí cho dân mình”*.

Dù thế nào, ai cũng thấy đây là một dẫn chứng có ác ý. Không người Việt Nam nào không phẫn nộ khi nghe một nghệ sĩ có tên tuổi phát biểu như vậy, có khi người ta còn tưởng mình nghe nhầm. Và theo tôi nghĩ, một nghệ sĩ như Nguyễn Văn Thông không thể phát biểu thiếu suy nghĩ và tởm tệ đến như vậy. Nhưng sự bịa đặt thì thật dễ dàng. Ông Thông đã hoàn toàn phủ nhận lời tố cáo này. Trong khi tác giả Nguyễn Đức Chính tiếp tục khẳng

định Nguyễn Văn Thông có phát biểu trong Đại hội VI Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh Việt Nam. Đại hội có thư ký ghi chép, có băng ghi âm, và ông Chính cũng đã đề nghị Hội Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh cung cấp bằng chứng. Tuy nhiên, gặp phóng viên báo *Thanh Niên*, ông Nguyễn Văn Thông nói rằng ông Chính chỉ nhiều lần nói sẽ cung cấp bằng chứng trong lúc ông Nguyễn Văn Thông vẫn đang hứng chịu nhiều phản ứng dư luận vì đã “phát biểu” ý trên thì đến nay, sau nhiều lần hứa hẹn, bằng chứng của ông Chính vẫn... chưa thấy đâu (!).

MỤC ĐÍCH CHÍNH CỦA NHỮNG KẺ BẤT LƯƠNG

Có lẽ mục đích chính của tác giả cuốn sách khi tố cáo điều này chỉ là làm cho độc giả hiểu ngầm rằng: “Bọn nghệ sĩ miền Nam trước đây là như thế đấy”.

Một trong những cách bôi nhọ tốt nhất, hiểm độc nhất. Cái thú mà bọn bất lương vẫn dùng để triệt hạ uy tín của người khác.

Về nội dung nghệ sĩ Hoàng Thịnh sinh năm 1942 nhưng nhận tước hiệu FIAP năm 1956, nghĩa là khi mới 14 tuổi (!) như sách đã nêu, Nguyễn Đức Chính trình bày sai sót này do “lỗi morasse”, đúng ra nghệ sĩ Hoàng Thịnh nhận tước hiệu vào năm 1975. Theo ông Chính sai sót này hoàn toàn có thể khắc phục được.

Cụ Mạnh Đan cười khẩy, nhận định rằng ngay cả sự đính chính này cũng sai nốt, bởi ông Hoàng Thịnh nhận tước hiệu năm 1996, chứ không phải 1975.

Theo cụ Mạnh Đan, việc ông Chính là một nhà lý luận nhiếp ảnh nhưng trích một nguồn tài liệu còn tranh cãi,

hơn nữa là bản sơ thảo từ năm 1993 cho thấy ông Chính “không am hiểu sự việc”.

Cả nghệ sĩ Nguyễn Mạnh Đan, Nguyễn Văn Thông và nhiều nghệ sĩ khác cũng nói rằng ngoài nội dung trên, tập sách của Nguyễn Đức Chính “còn rất nhiều điều gây tranh cãi”. Cho nên, thời gian tới họ sẽ tiếp tục tranh luận gắt gao với tác giả.

Ít nhất thì cũng cần phải làm rõ trắng đen, những dòng chữ tố cáo kia là có thật hay là xuyên tạc, không chỉ cho một nghệ sĩ danh tiếng mà còn là uy tín và danh dự của tất cả người cầm máy ảnh tại miền Nam trước năm 1975 như nghệ sĩ Trịnh Đình Thu đã nói: *“Những thông tin sai sự thật, gây tổn hại không chỉ cho một số cá nhân nghệ sĩ mà còn cho cả một thế hệ người cầm máy”*.

Đó là đòi hỏi chính đáng của dư luận. Nguyễn Đức Chính phải chịu trách nhiệm về những gì đã viết ra, đã được in và phát hành, buộc ông phải chứng minh được lời ông Thông đã nói khi ông ta đoan chắc còn biên bản cuộc họp, còn băng ghi âm... Nếu không chứng minh được, Nguyễn Đức Chính phải đính chính trước dư luận và ngay nhà xuất bản, Hội Nhiếp Ảnh, cũng phải có thái độ với những hội viên như thế. Điều này còn tùy thuộc vào người bị vu oan, có đặt vấn đề gì khác nữa không.

Trước khi ra về, cụ Mạnh Đan bùi ngùi nắm tay tôi: *“Mình già rồi nhưng tấm lòng đối với nghệ thuật vẫn nặng lắm. Nghệ thuật đầu tiên phải là sự trung thực, không thể vì lẽ này hay lẽ khác, vì muốn lấy lòng người này hoặc người kia, phe này hay phe khác mà chà đạp lên sự thật”*.

(Sài Gòn, 10-2008)

CHƯƠNG 28

THÁI THỦY ĐÃ MANG THƠ VỀ VỚI MẸ

Khoảng 7 giờ sáng 12-4-2011, tôi được điện thoại của chú em ở Santa Ana báo tin Thái Thủy đang hấp hối trong bệnh viện. Nhà Thái Thủy ở ngay bên nhà chú em tôi và thường xuyên qua lại nên người biết tin đầu tiên là gia đình chú em tôi. Lập tức tôi gọi qua điện thoại di động của chú em đang đứng bên giường bệnh để chuyển lời thăm hỏi đến Thái Thủy. Bên giường anh lúc đó có Vũ Quang Ninh tổng giám đốc hệ thống Little Saigon Radio, Phạm Bá Cát nguyên giám đốc đài PT Sài Gòn. Lúc đó Thái Thủy còn gật nhẹ ra vẻ hiểu những gì tôi nói.

Tôi gọi ngay cho Nguyễn Đình Toàn cũng ở Santa Ana. Chỉ nói hai câu, Nguyễn Đình Toàn hấp tấp chạy ngay vào bệnh viện. Sau đó là báo tin cho Phan Lạc Phúc tức ký giả Lô Răng ở Úc. Không gặp được anh Phúc, tôi phải nhờ anh Vi Túy của tuần báo Văn Nghệ chuyển tin giùm. Cùng lúc tôi báo tin cho nhiều bạn ở Virginia, Seattle. Té ra việc

ở Mỹ mà người ở Việt Nam được báo tin cho người ở Mỹ sớm nhất để hy vọng bạn bè có thể nói với nhau vài lời cuối chẳng. Nhưng một giờ sau, khi nữ ca sĩ Bạch Quyên gọi đến thì Thái Thủy đã hôn mê.

Trước khi anh mất 3 hôm, từ Sài Gòn tôi điện thoại sang thăm. Anh nói đang làm thuốc nên tôi ngưng. Vài tiếng sau, anh gọi lại, vẫn nói chuyện tỉnh táo dù hơi thở có phần mệt nhọc. Anh hỏi thăm tôi về tình hình kinh tế, có phải tiết kiệm không, cổ hống còn sung không, mất thế nào. Nét đặc biệt nhất của Thái Thủy là tuy nằm một chỗ nhưng biết nhiều chuyện. Mới hôm trước, anh kể chuyện vanh vách, tình tường và thẳng thắn. Nay thì anh đã về với mẹ như trong bài thơ anh mơ ước nhưng chưa trọn vẹn.

DÒNG CHẢY NGĂM

Trong số các ca khúc về Mẹ ở Việt Nam trước 1975, có lẽ bài thơ Lá Thư Gửi Mẹ của Thái Thủy do Nguyễn Hiền phổ nhạc khoảng năm 1955 sau khi đăng trên nhật báo Tự Do được biết đến đầu tiên và nổi trội hơn cả. Các đài phát thanh, các sân khấu ca nhạc thường có bài hát này. Sau đó là ca khúc Lòng Mẹ của Y Vân cũng được rất nhiều khán giả yêu thích. Do đó có nhiều người lẫn lộn giữa hai tác giả hai bài ca này. Nhưng sau năm 1975, ở Việt Nam, bài của Y Vân hóa hoàn được “nhắc đến” trên các đài phát thanh và truyền hình, nhưng bài của Nguyễn Hiền và Thái Thủy thì không. Lý do dễ hiểu là bài thơ của Thái Thủy có vài câu “phạm húy” như: “Mẹ ơi! thôi đừng khóc nữa. Cho lòng già nặng sầu thương. Con đi say tình viễn xứ. Đâu có quên tình cố hương. Thương ngóng về quê cũ. Gót thù xéo thảm thê. Bầy trai thâm roi lệ. Súng gươm hẹn mai về...”



Từ trái: Đỗ Tiến Đức chủ báo thời luận, họa sĩ Tạ Ty, Thái Thủy và Đặng Trần Huân.

Ở nước ngoài, các chương trình nhạc, đầu đó vẫn vẳng lên bài Lá Thư Gửi Mẹ. Cụ thể như trong chương trình đặc biệt với chủ đề Mẹ của Trung Tâm Thúy Nga cũng chọn bài này và không chỉ phổ biến ở Mỹ, mà ngay ở Việt Nam. Tất nhiên ở Việt Nam thì hầu hết là băng đĩa “ngoài luồng”, nói rõ hơn là băng đĩa sang lậu, bán rất rẻ, giá chừng 7 ngàn đồng VN, chợ nào cũng có. Hiện tượng này, mấy chục năm qua vẫn tồn tại cho đến nay, hầu như rất nhiều gia đình đều có nếu không vài chục cuốn băng video thì cũng vài ba cuốn. Điều đó chứng tỏ người Việt vẫn thích nghe “nhạc vàng” và vì thế những video ca nhạc, trong đó có những bài như Lá Thư Gửi Mẹ vẫn sống trong “dòng chảy ngầm” của xã hội.

Trên mặt sáng tác, độc giả dường như chỉ chú ý nhiều đến Thái Thủy qua bài thơ phổ nhạc nổi tiếng này nhưng trên “làn sóng điện” của Đài Sài Gòn, thính giả lại biết đến Thái Thủy nhiều hơn qua chương trình thơ văn Tao

Đàn do thi sĩ Đinh Hùng làm trưởng ban, cùng phụ trách có Thanh Nam, Tô Kiều Ngân, Huy Quang. Hầu như mọi gia đình trung lưu ở Miền Nam thời đó, mỗi buổi tối đều nghe chương trình Tao Đàn và những tên tuổi này. Đó là hai lãnh vực mà Thái Thủy được nhiều người biết đến.

NGƯỜI ĐỨNG PHÍA SAU CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Thật ra số phận đã đưa Thái Thủy bước vào “làng phát thanh” rất sớm. Từ khi 17 tuổi anh đã tham gia chương trình phát thanh của thành phố Hải Phòng. Sau đó vào Nam năm 1954, Thái Thủy cộng tác với chương trình “Tiếng nói của Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng,” ủng hộ thủ tướng Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống VNCH. Sau đó là các chương trình phát thanh khác của Đài Phát Thanh Quốc Gia. Thời nào anh cũng là nhân viên then chốt của Phòng Văn Nghệ, là xướng ngôn viên trực tiếp với giọng nói trầm ấm, khoan thai, rõ ràng, không bao giờ nhầm lẫn.

Anh làm thơ rất sớm, thường thấy trên vài tạp chí, ít xuất hiện trên các tuần báo được gọi là “ăn khách”. Có thời gian anh làm tổng thư ký cho tạp chí Hiện Đại do Nguyễn Sa làm chủ nhiệm, nhưng chẳng bao lâu báo bị đóng cửa vì thời cuộc. Thái Thủy không xuất bản thơ, không đứng ở phía trước những hoạt động Văn Học Nghệ Thuật sôi nổi của Miền Nam thời ấy. Anh đứng bên cạnh hay phía sau toàn bộ khung cảnh đó. Có lẽ vì thế nên Du Tử Lê nhận định Thái Thủy là nhân vật “behind the scene”. Theo tôi, đó là một nhận định chính xác.

CUỘC SỐNG ĐẦY GIAN TRUÂN

Tôi quen Thái Thủy ngay từ năm 1957 khi anh thuê nhà ở chung với Thanh Nam và Hoàng Thu. Từ căn nhà ở đường Phan Văn Trị đến căn nhà sau rạp Quốc Thanh, cuối cùng thời gian lâu dài nhất là căn phòng trên lầu 3 building Cửu Long trên đường Hai Bà Trưng. Nói cho đúng, hồi đầu Thái Thủy là bạn của chú em tôi từ thời còn là hai cậu học trò ở Hải Phòng năm 1953. Cả hai cùng lứa tuổi, anh sinh ngày 25-12-1937 tại Hà Nam, tên thật là Phạm Thái Thủy. Chú em tôi sinh năm 1936.

Vào Nam, tôi mới là bạn Thái Thủy. Khi tôi làm ở Phòng Báo Chí Nha Chiến Tranh Tâm Lý thì Thái Thủy làm ở Đài Phát Thanh Sài Gòn. Anh “nhỏ thó”, thư sinh, nhiều lắm nặng 38kg. Chắc chắn không một quân đội nào dám nhận anh vào lính. Anh tâm sự, cha mất đã lâu, chỉ còn bà mẹ già ở lại Hà Nội. Anh sống ở Sài Gòn gần như đơn côi. Hầu hết cuộc đời độc thân của anh sống với 2 người bạn như đã nói ở trên. Ba chàng “ngự lâm văn nghệ” ở tại căn phòng nhỏ xíu trên building Cửu Long, chỉ có độc 1 chiếc giường nhỏ, chiều ngang không quá 1 mét, chiều dài không quá 2 mét. Cứ luân phiên, một anh nằm trên giường thì hai anh nằm dưới sàn gạch bông cũng không quá 2 mét vuông. Nhà văn Thanh Nam, nhà thơ Thái Thủy, “ngâm si” Hoàng Thu cơm hàng cháo chợ thường xuyên, liên tục. Họ sống với nhau rất tương đắc cho đến khi lần lượt tuyên bố “tao lấy vợ”, dọn ra ở riêng.

Thái Thủy kết hôn với con gái anh Mặc Thu. Ông bố vợ có mấy người con gái đều đặt tên là Lan: Mặc Lan, Thu Lan, Nhược Lan. Thái Thủy chọn cô ở giữa rất xinh, có lẽ khi ấy mới 17 tuổi. Thái Thủy và Thu Lan sinh được 4

cháu. 2 cô con gái đã được anh bảo lãnh qua Mỹ, nhưng một cháu lại xin về Sài Gòn và hiện ở đây với 2 người anh em khác.

NỖI ĐAU KHÔNG NÓI ĐƯỢC

Như nhiều văn nghệ sĩ Miền Nam, sau ngày 30-4-75, Thái Thủy đi “học tập cải tạo” ở trại tù Gia Trung, một trại tù khét tiếng gian khổ. Ít năm sau, anh chuyển về trại tù Hàm Tân cùng các văn nghệ sĩ khác như Mặc Thu, Nguyễn Sĩ Tế, Trần Dạ Từ, Trịnh Viết Thành... Tôi gặp lại Thái Thủy ở trại này. Trông anh thê thảm, quần áo tù vá chằng vá đụp, cặp kính cận mất gọng, buộc bằng hai sợi dây đen ngòm. Anh tâm sự lẻ vói tôi “đói lắm”. Ngày ngày căng sức đi “lao động”, tối về nằm ép rệp thương nhớ vợ con.

Ở tù 10 năm, đến khi anh được lệnh “ra trại” tức là tha tù, anh vẫn chưa hề biết vợ của anh đã ôm cảm thuyền khác. Qua những “nguồn tin thăm nuôi”, nhiều bạn anh đã biết từ lâu, nhưng chẳng ai dám nói ra. Tôi cũng vậy, lúc đó tôi vẫn còn nằm kỹ trong trại, khi từ già anh, tôi bần khoản mãi chẳng biết có nên cho anh biết tin hay không. Cuối cùng tôi cũng không đủ can đảm nói lên điều này. Thôi, để anh vui được lúc nào hay lúc ấy. Tuy nhiên tôi cũng an ủi anh một câu lửng lơ con cá vàng: “Mày nên thông cảm với vợ mày”. Thấy vẻ mặt thần thờ của anh, tôi phải bồi thêm: “Không đi thăm mày được vì đời sống khó khăn”. Thái Thủy cúi đầu bước ra khỏi cửa trại giam. Tôi chỉ biết nhìn theo.

Tôi nói điều này không có ý trách móc ai, đó là chuyện “thường tình” trong trại tù. Nhất là với các anh tù “mút mùa Lệ Thủy”, không bao giờ biết ngày ra. Tôi cũng vậy

thôi, có khác gì đâu. Cũng không biết gì cho đến trước một ngày tôi được phỏng vấn đi theo diện H.O. Tôi cho rằng đợi chờ vô vọng trong vài ba năm đã là khó. Thế nên phải thông cảm cho các bà khi còn rất trẻ, còn những ngày tháng vật lộn với con bão trước mặt, phải bảo vệ cho cuộc sống của những đứa con, đôi khi vì nhà cửa bị tịch thu, tay trắng, buộc phải bước sang thuyền khác. Tôi hoàn toàn thông cảm sâu sắc, không trách cứ ai. Tôi cúi đầu kính phục những “hòn vọng phu” vẫn chung thủy sau cơn địa chấn này.

Sau khi về được vài tháng, Thái Thủy ngồi sau xe gắn máy của bạn Phan Đắc Tài từ Sài Gòn bò lên “trại cải tạo” thăm tôi. Anh vui vẻ chấp nhận số phận. Nhưng trở trêu thay, khi tôi ra tù năm 1987, Thái Thủy vẫn phải sống chung ở nhà vợ. Trong cảnh “người nằm trong, kẻ nằm ngoài” đó thật đau lòng, song chẳng làm thế nào khác được vì hộ khẩu không có, tiền cũng không, chẳng có chỗ nào làm đất dung thân. Tâm sự ấy có lẽ chẳng bao giờ anh nói với ai. Chúng tôi thường đạp cái xe đạp cũ, đi cùng nhau trên những con đường Sài Gòn thân quen nay đã đổi chủ. Nỗi buồn, niềm đau không có chỗ thoát ngoài ánh mắt nhìn nhau khi cùng ăn một bữa cơm đầu hè. Rất may, chỉ một năm sau, anh dạy học và quen với một phụ nữ hiền lành, chân thật. Hai người gắn bó được một thời gian, đúng bữa cơm trưa ngày anh cưới vợ, năm 1990, trên đường Cống Quỳnh, anh lại bị bắt cùng Vương Đức Lệ vì dính vào vụ bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Thế là lại vào tù thêm 5 năm nữa.

Lần này anh được “thăm nuôi” đầy đủ hơn bởi bàn tay người đàn bà đã mang lại hạnh phúc cho cuộc đời anh.

Sự may mắn tưởng như không bao giờ có. Hết hạn tù lần thứ hai, anh may mắn được theo diện H.O. năm 1998 đi định cư tại Hoa Kỳ. Đây là một ngoại lệ của phái đoàn Mỹ. Nhưng cuộc sống ở Cali của anh không xuôi xẻ. Anh chỉ gặp tai nạn xe hơi, anh bị thương lòi ruột, may mà còn sống. Vài năm sau anh yếu dần. Chúng tôi đều hiểu anh chẳng còn sống với chúng tôi được bao lâu. Bây giờ anh đã thật sự ra đi. Một mất mát lớn lao cho bạn bè, cho “những người muôn năm cũ” còn lại với thời gian.

Chẳng ai tránh được sinh lão bệnh tử.

(Sài Gòn, 14-4-2011)

CHƯƠNG 29

VIẾT CHO BẠN VÀ CHO MÌNH

Trong bài này, xin phép bạn đọc cho tôi được nói một chuyện rất riêng tư. Một thứ chuyện riêng của một người, nhưng có lẽ cũng là chuyện của nhiều người.

Đó là chuyện tình cảm, không thể không nói, không thể không viết, bởi nó luôn ám ảnh trong đáy sâu tâm tư, trong cả tiềm thức, khó mà có thể làm được điều gì khi còn vương vís trong lòng. Bạn đọc đã từng gặp trường hợp một người thân vừa ra đi chắc chắn sẽ thông cảm với tôi. Nhất là đã ở ngoài cái tuổi “thất thập cổ lai hy” sắp bước sang “bát tuần”, điều ấy còn sâu sắc hơn nhiều.

NGƯỜI BẠN LÀ THẦY MÌNH

Vâng, đây là điều tôi muốn được trang trải lòng mình về sự “ra đi” của anh Phạm Xuân Ninh, bút hiệu Hà Thượng Nhân, cũng là “sếp” của tôi trong một khoảng thời gian ngắn, là bạn đồng ngũ, bạn trong “tù cải tạo”, bạn trong cuộc đời suốt những năm làm báo và viết lách

kể cả trong những cuộc chơi “xì côm”, mặt chược nhỏ... Ở đây tôi không gọi là “thi sĩ” Hà Thượng Nhân, tôi chỉ gọi là “*anh*”, như tôi và các bạn tôi thường gọi. Tôi cũng không kể lể về con người cùng những đức tính tuyệt vời của anh, không chỉ dành cho bè bạn mà hầu như cho tất cả những người đã từng giao thiệp với anh. Tôi cũng chưa phải là “tri kỷ” của anh và tình thân chưa bằng những vị khác đồng trang lứa hoặc có nhiều thời gian gần gũi với anh. Anh hơn tôi 11 tuổi — anh sinh năm 1922, tôi sinh năm 1933 — có thể đó là thầy mình. Tự trong đáy sâu trong lòng tôi vẫn mang tình cảm ấy, cho dù bất cứ ở ngoài đời hay sau chấn song sắt.

Tôi học được ở anh những điều không có trong sách vở, không có trong ngay cả nền giáo dục của gia đình, chỉ có ở trong cuộc sống với bạn bè. Nhìn cách anh sống, anh nói, anh đối nhân xử thế... đó là những điều anh đã dạy tôi cho đến hôm nay.

Không phải chỉ mình anh mà rất nhiều bạn bè cũng đã dạy tôi nhiều điều tương tự. Nhưng anh là một trường hợp đặc biệt.

KHÔNG PHẢI “SẾP” NÀO CŨNG ĐƯỢC KÍNH TRỌNG

Một điều cần nói rõ, không phải ai là “sếp” cũng được cấp dưới kính trọng, đôi khi còn ngược lại. Làm “sếp” mà thiếu cái tâm, thiếu cái tình, chỉ có cái “uy”, không có cái “ân” thì khó có cấp dưới nào kính trọng.

Một anh cấp dưới kính trọng một cấp trên chỉ lấy “uy”, lấy “quyền” ra chỉ huy, hò hét, thì anh cấp dưới đó xứng đáng được gọi là kẻ “nịnh thần”. Kẻ dám nói thẳng nói

thật mới đúng là cấp dưới đáng kính trọng. Con người nào cũng bình đẳng như nhau, khác nhau chỉ ở chỗ có được kính trọng hay không mà thôi. Ngay cả một chính thể dù mạnh đến đâu, nếu những người được gọi là lãnh đạo, sống và làm có “tình”, có “lý”, có “tâm” là thuận lòng dân sẽ tồn tại, đi ngược lại với nguyện vọng của người dân, trước hay sau sẽ bị tiêu diệt. Tàn ác như Tần Thủy Hoàng, tưởng sức mạnh là vô địch, rồi cũng tiêu tan. Đó là lịch sử, là chân lý không thể thay đổi. Nhưng ở đây tôi không dám dài dòng về chuyện này.

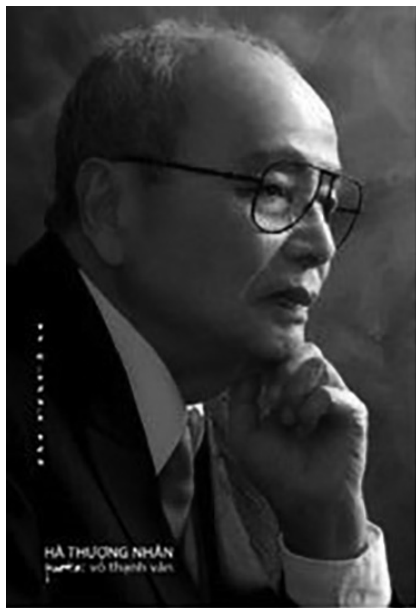


Tôi chỉ muốn chứng minh tại sao anh Phạm Xuân Ninh được hầu hết các cấp dưới kính trọng. Chính vì nhân cách lớn của anh. Nhân cách ấy thể hiện ngay trong lối sống hàng ngày, lối giao thiệp, tiếp xúc với mọi người quanh mình và ngay với thuộc cấp. Anh không là quân nhân chuyên nghiệp, không là sĩ quan học trường Võ Bị ra, nhưng anh lại là một người lãnh đạo rất giỏi, anh nói gì ai

cũng nghe, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ.

Làm việc với anh Ninh cứ như trong một gia đình, chẳng phải lo gì đến những “âm mưu, thủ đoạn” với cái lưới kỷ luật lúc nào cũng sẵn sàng úp chụp lên đầu. Còn gì sướng hơn. Đó chính là lý do tại sao khi anh ra đi, chỉ có lòng thương tiếc.

MỘT “CƠN MƯA BUỒN”



**Hà Thượng Nhân
(1919-2011)**

Hà Thượng Nhân (1919-2011.

Khi anh ra đi dường như có một cái gì thay đổi lớn lắm. Ngay ngày đầu tiên biết tin anh từ giã vĩnh viễn cuộc đời, anh em khắp nơi xôn xao, điện thoại, thư từ cho nhau. Mỹ gọi cho Úc, Úc thư cho Pháp, Pháp gọi cho Canada, Canada thư cho Việt Nam. Một nỗi tiếc thương âm thầm như khói sương lan tỏa trong tất cả những lá thư, dù là thư điện tử, dù là tiếng nói trong điện thoại đường dài.

Không có tiếng khóc, đôi khi lại là tiếng cười cùng nhau, nhưng... lại có cái gì đó bàng bạc nỗi tiếc thương kín. Tôi không thể định nghĩa được chính xác là cái gì và cũng không diễn tả được trọn

vẹn tình cảm ấy. Chỉ biết “nó” là thật, là một cơn mưa buồn, như câu thơ anh làm trong “trại cải tạo” ở Long Giao năm 1975:

*... Bây giờ giữa Long Giao
Ngồi nghe mưa sùi sụt
Cuộc đời như chiêm bao
Có hay không nẻo cut?
Anh chầm điếu thuốc lào
Mình say, mình say sao?*

Tưởng như mới hôm nào, anh ngồi cùng tôi ở cái gọi là “trại cải tạo”, cùng hút chung “cái điếu cây tự chế”, nay anh đã ra người thiên cổ!

Tôi chỉ là anh làm thơ vớ vẩn, tục gọi là “thơ ba trộn”, nên làm xong bài nào là chỉ một thời gian ngắn đi vào lãng quên luôn. Đọc thơ anh xong, tôi cũng làm một bài dài thông, đáp lại “ông thi sĩ bậc thầy”, cùng “ủ tù”, thiếu bạn thơ, nếu ở ngoài đời chắc tôi không đối đáp như thế. Bài thơ “ba trộn” của tôi được đặt tên là: “Khói thuốc trong tù”, đến nay cố moi óc nhớ lại, cũng lờ mờ được vài câu lẩm cẩm như thế này:

*Khói thuốc lào say xanh mầu nhớ
Hương xưa sâu đọng tím thời gian
Nghe sôi máu đỏ trong lòng điếu
Năm tháng vàng theo cuộc chiến tàn...*

Khoe với anh Hà, anh gật gù: “Cậu này chơi chữ gớm nhỉ, xanh, tím, đỏ, vàng, nghe được đấy chứ”. Được đàn anh khen tôi phổng mũi, cứ định làm vài bài nữa trong tù nhưng bí quá, chẳng ra được bài “thổ tả” nào. Sau này có vài bài, cố nhớ mãi không được. Cái “bộ nhớ” đáng tin cậy của tôi bị vào “nhà tang vật” hơn hai năm nay mất rồi!

Một sự thật khác cần nói là anh mất ở tuổi 90, là thọ lắm rồi, chúng tôi đều biết anh đã suy nhược nhiều và ngày ra đi của anh không còn xa. Không “chết trẻ” để làm tăng nỗi đau xót tiếc thương. Nhưng riêng sự vĩnh biệt của anh làm nên nỗi tiếc nuối ngậm ngùi trải rộng như cơn mưa mùa đông. Anh không là “lãnh tụ” bất cứ cái gì, nên không có cảnh ôm nhau khóc rú lên, dù chưa chắc đã là thật. Người ta khóc lóc, lẫn lộn vì những cái khác cho chính mình. Với anh Hà Thượng Nhân, tôi nghĩ, mọi người dành cho anh cả tấm lòng chân thật nhất.

NHỮNG “ANH GIÀ” KHÓ TÍNH VÀ DỄ TÍNH

Tôi lại xin nói đến một sự thật khác là vào thời buổi này, “cánh già chúng tôi”, hỏi 10 người thì đến 9 ông bày tỏ ước nguyện là nếu có phải “rửa chân lên bàn thờ, ngồi nhìn con gà khỏa thân” thì chỉ xin đi cho nhanh, không đau ốm vật vờ, thế là đủ. Không còn ai sợ ngày ra đi nữa. Nhiều ông đã làm sẵn di chúc và dặn dò con cháu rất tung tung cú như nói “bố đi chơi, mai về”. Cũng chẳng phải muốn đi ngay cho được việc. Cứ thản nhiên sống hết quãng đời còn lại. Có ông vẫn miệt mài làm việc sợ “quỹ thời gian” còn rất ít. Có ông thanh thoi chọn cái thú an nhàn bên con cháu. Nhiều ông nói sống đến được tuổi 90 là đủ rồi, nếu không muốn nói là thừa. Được ra đi như anh Ninh là một “hạnh phúc” lớn.

Tôi cũng nghĩ như vậy. Thật ra là bạn bè, dù đã trên dưới 50 năm hay mới hơn chỉ có 5-10 năm, chúng tôi cũng đã có đôi ba “anh già” giận hờn nhau, tức bực nhau vì những chuyện thật, chuyện giả, hiểu đúng hay hiểu lầm nhau vì người khác mang lại, thường có trong cuộc sống như một

lẽ tự nhiên. Có những chuyện tưởng như không thể dung hòa, không thể “nhìn mặt nhau”. Tôi không nói đến “lập trường chính kiến” có màu sắc chính trị, đó là quyền của mỗi người. Tôi chỉ nói một tình bạn thông thường như bạn từ lúc còn để chòm, từ lúc vào đời, lên đời hay xuống đời.

Có những “anh già khó tính” hơi tí là giận, lại có những “anh già dễ tính” cái gì cũng cười hà hà cho xong. Thua thật với bạn đọc, tôi lại nằm trong cả hai trường hợp trên. Nhưng sự “giận hờn” của tôi, nếu có, bao giờ tôi cũng để trong một giới hạn nhất định. Tôi thường tự hỏi “không biết mình giận nó đúng hay sai”.

Tự nhiên trong lòng nổi lên một điều gì như nổi bản khoăn, có vẻ là một chút hối hận.

Tôi đã nhận được hàng trăm những clips, video ca tụng về Tình Bạn. Gần đây nhất, là một clip rất ngắn gọn: “CÓ MỘT NGƯỜI BẠN LÀ MỘT ƠN HUỆ, MỘT MÓN QUÀ, MỘT ĐẠO ĐỨC, MỘT VINH DỰ”.

Đọc câu “châm ngôn” rất bình dị đó bên những cánh hoa, tôi thấm thía và có mặc cảm như một thứ “tội đồ” vì có thể đã đánh mất một người bạn nào đó. Thật sự tôi rất buồn cho mình. Rồi đến lúc nào “bạn ta ra đi”, tôi sẽ phải nghĩ gì đây?

Anh Hà Thượng Nhân vừa vĩnh biệt anh em, tôi nghĩ là không bao giờ dám làm mất bất cứ người bạn nào, dù người bạn đó, tôi tưởng là ghét tôi hay thương tôi. Tôi biết là học bài học này quá dễ, song làm được thì... hơi khó. Khi “cái tôi” chỉ là sự tâm thường, như câu phương ngôn Pháp: “*Le moi est haïssable*” chắc tôi sẽ làm được. Không có cái gì là khó, không bao giờ là muôn cả.

MẤY ANH GIÀ NÓI CHUYỆN LẮM CẨM

Trở lại về sự ra đi của anh Hà Thượng Nhân, đến hôm nay, đã có rất nhiều báo loan tin buồn này và đã có nhiều bài viết về anh cùng với hàng loạt lời “Chia buồn”, “Phân Ưu” với cả trang tên tuổi đính kèm, nếu muốn ghi hết. Bạn có thể đọc trên hầu hết các tờ báo, các trang web phổ biến những bài này.

Ngoài những người từng là bạn của anh, là cấp dưới của anh có tên trong những bản “chia buồn”, tôi tin là còn nhiều những người khác, vì một lẽ nào đó, chưa có tên trong danh sách này. Có lẽ các vị soạn thảo cũng vội vàng nên làm sao tránh được thiếu sót. Có cả những vị không quen biết nhưng mến mộ anh qua những thi phẩm.

Tôi không dám đại diện cho ai cả, nhưng tôi hy vọng nói được một phần tiếng nói chung của khá nhiều bạn bè anh, cũng là bạn tôi, mà trong lời “Phân Ưu” không thể nói hết. Biết đâu, cũng là nỗi lòng của nhiều độc giả đã từng mang chung tâm trạng này trong nhiều trường hợp khác nhau.

Vài hàng gửi đến hương hồn người quá cố Hà Thượng Nhân và giải tỏ tắc lòng chân thật cùng với “cánh già” chúng tôi.

Nếu các bạn trẻ có đọc thì xin hiểu cho “mấy anh già nói chuyện lắm cẩm với nhau ấy mà”. Thế là người co đầu gối, còm côi trước computer, bên trời lặn đạn cũng măn nguyện lắm rồi.

(Sài Gòn, 15-10-2011)

CHƯƠNG 30

CÁI MUỖNG

01

Tôi không nhớ rõ năm thứ mấy, chúng tôi đi “học tập cải tạo”, chỉ biết rằng đã có những người “quen” với những ngày tháng cực khổ, dài lê thê trong những căn nhà giam, được “xây dựng” bằng đủ thứ kiểu giữa những vùng rừng núi âm u. Ở Sơn La, thì “trại” được làm trên những nhà tù từ thời xa xưa; chỉ còn lại những cái nền nhà lổ chỗ; người ta dựng vách đất trộn rom, mái lợp bằng các kiểu lá rừng, miễn sao che kín được khung trời.

Nơi này xưa kia, Pháp dùng để giam giữ tù chính trị; rồi một thời gian sau, Việt Nam giam những người tù Thái Lan; trong chiến tranh, đã có khi người ta dùng làm “công binh xưởng”, chế tạo lựu đạn. Vì thế, thỉnh thoảng chúng tôi nhặt được một cái vỏ lựu đạn ở đâu đó, quanh khu vực này.

Ở Vĩnh Phú thì nhà tranh, vách đất; ngoại trừ có một khu, người ta gọi là “khu biệt kích” gồm vài căn nhà xây dựng kiên cố, bằng gạch, lợp tôn xi-măng. Chúng tôi được học tập cải tạo trong dãy nhà này. Cũng nghe người ta nói: “khu này trước kia dùng để giam giữ những người lính biệt kích, đã từng nhảy dù ra ngoài Bắc, rồi bị bắt giam ở những khu đặc biệt đó”. Muốn vào khu này phải qua 2 lần cổng, có tường gạch bao quanh. Nhưng có lẽ khi giam giữ biệt kích thì khác, còn khi chúng tôi “được” giam ở đây có vẻ cởi mở hơn vì những cánh cổng thường không đóng bao giờ. Họ để cho chúng tôi đi lao động hàng ngày, cho khỏi phải ra mở cửa.

Cuộc sống dù cực khổ đến đâu, sống mãi rồi người ta cũng phải quen. Nhịp sống hàng ngày cứ thế trôi đi dù đói rét, thiếu thốn và, trong cảm đoán vô cùng khe khắt. Nhà tù nào chẳng thế, nó có những quy luật, quy định riêng. Những ngày đầu, người ta cấm luôn cả trà, cà-phê, thậm chí cấm cả đeo kính cận. Nhưng sau này nói dần, những thứ như thế không bị cấm nữa. Chỉ còn những thứ đã thành “luật” thì luôn bị cấm, cấm ở bất cứ đâu. Cấm “mua bán đổi chác linh tinh”, cấm dùng thức ăn lâu ngày bằng bột, cấm tòi, cấm tất cả những dụng cụ sinh hoạt bằng dao, kéo, muổng nĩa. Tuy vậy, có anh tù nào lại ngậy thơ, ngoan ngoãn đến nỗi tuân theo hoàn toàn các quy định ấy. Mua bán, đổi chác linh tinh vẫn cứ diễn ra, dao kéo vẫn cứ được lén lút xử dụng hàng ngày — những thứ đã được “cải biên” thành dao kéo mini nhỏ nhắn, cho dễ cất giấu. Đó là các vật dụng cần thiết cho đời sống hàng ngày dù có bị bắt thì cũng chỉ bị tịch thu, chứ không đến nỗi bị cùm 1 hoặc 2 chân (tùy theo tội, đưa vào “thiên lao” tức là thứ phòng giam đặc biệt trong trại tù).

⁰²
Ngày qua ngày, cái “không khí êm ả” của trại giam trở nên phẳng lặng. Dĩ nhiên không thể nào nói đó là thứ “an tâm”, hồ hởi, phấn khởi mà bất cứ anh trại viên nào cũng phải viết, khi làm những “bản kiểm điểm” — dù cả người viết lẫn người đọc, chẳng ai tin.

Nhưng cái không khí ấy, đôi khi bỗng nhiên bị xáo trộn. Vào một buổi sáng tinh mơ, khi chúng tôi đang ngồi ở cái sân đất giữa trại, chuẩn bị gọi tên từng đội đi lao động để “một ngày vinh quang như mọi ngày” thì bỗng đâu toán lính gác trại tù xộc chạy vào. Họ chạy rầm rập như ra trận, súng ống chia về phía “quân thù”, mặt mũi “khẩn trương” rõ rệt. Họ xộc thẳng vào phòng giam trống hốc, cứ làm như có địch ẩn nấp đâu trong đó.

Chúng tôi ngẩn ngơ đứng nhìn, không hiểu họ giờ trò gì. Có những khuôn mặt lo lắng, một nỗi lo lắng bàng quơ. Chuyển trại hay có ai trốn trại? Chưa biết. Toán lính lục tung hết mọi thứ đồ đạc ít ỏi của mỗi người tù được gói trong hành trang của riêng mình. Sau đó chừng nửa giờ, một vài gói đồ bị tịch thu được vác lên “phòng thi đua.”

Lúc đó thì chúng tôi mới hiểu “đó chỉ là một kiểu khám phòng để tìm những thứ đồ “quốc cấm” mà trại đã quy định”. Thật ra đó là cung cách trại cải tạo thường dùng để khuấy động cái không khí trầm lặng dễ phát sinh những “tiêu cực”. Bởi trong sự yên bình của một trại giam, tù có thể liên kết với nhau, làm một chuyện gì đó, như tổ chức trốn trại, hoặc có thể có những vụ xúi giục “tuyệt thực”, bàn bạc chống đối...

Nói đến sự chống đối thì có hàng trăm thứ để có thể chống đối được. Thí dụ sự ăn đói, sự đối xử bất công, sự oan ức vô lý, sự trù dập của một vài anh “quản giáo”, sự hỗn hào của mấy anh lính võ trang. Chuyện gì cũng có thể chống đối được. Vì thế; thỉnh thoảng họ phải làm cho không khí đó mất hẳn vẻ trầm lặng, để chứng tỏ lúc nào họ cũng đề phòng, lúc nào họ cũng “đề cao cảnh giác”, lúc nào họ cũng sẵn sàng đối phó với mọi “mưu đồ”.

Các anh tù dùng “tường bở”, chẳng bao giờ yên đâu. Cứ sau mỗi lần như thế, chắc chắn thế nào họ cũng vớ được một anh nào đó giấu các thứ vớ vẩn như dao kéo, thu từ, sách vở tiếng nước ngoài, tiền bạc, đồ dùng ngoài quy định. Tất nhiên sẽ có các cuộc “kiểm điểm, phê bình” mà chúng tôi gọi là những “buổi tối ngồi đồng” để từ đó, hi vọng lôi ra vài cái “tội”. Đội nào khôn ngoan thì cứ ngồi im, ai “phê” cứ mặc, vì còn cãi thì còn phải “ngồi đồng”. Đi làm suốt ngày mệt mỏi thở không ra hơi; tối về, còn ngồi đồng, còn bị “phê bình”, còn “kiểm thảo” chịu sao nổi. Nay “làm chưa xong” thì mai lại ngồi tiếp, ngồi cho đến khi nào tìm ra tội mới thôi.

Tội nặng, tội nhẹ tùy theo tình hình của từng thời điểm.

Thời điểm “căng” thì vào nhà kỷ luật đặc biệt, nằm “treo một chân.” Thời điểm nhẹ nhàng thì cảnh cáo, ghi tội vào biên bản. Họ cũng có những biện pháp an toàn như đổi 5,7 anh từ đội này sang đội khác, để tránh các chuyện thông đồng, tổ chức, những phe nhóm có thể gây nguy hại đến an ninh trại tù. Chung quy đó chỉ là cách xối tung cái tinh thần “*tưởng rằng yên ổn*” của mấy anh “trại viên” còn cứng đầu, còn mưu toan kéo người này, người kia vào phe mình, để từ đó, có các yêu sách, hoặc toan tính bất lợi cho

trại tù. Mỗi lần như thế, trại tù cũng rối tung lên, và làm cho các anh yếu bóng vía, thường phải sống dựa vào tinh thần bè bạn, thêm rứt rề; chẳng biết tin vào ai được nữa... Nhưng riết rồi trò gì cũng thành quen. Với một số người “chẳng có gì để mất” thì họ trở nên như đá, muốn làm gì thì làm, chỉ có cái thân tù đói này thôi, sống cũng được, chết cũng chẳng sao.

Có lẽ tôi đã được học tập cái tinh thần ấy của những anh bạn trẻ, bởi tôi cũng chẳng có gì để mất. Vợ con, nhà cửa đều mất tất cả rồi; chẳng có gì phải lo. Đôi khi tôi sống tung tung, ông anh ở Sài Gòn gửi cho cái gì thì nhận cái nấy. Và, một sự thật không thể quên là nếu không có ông anh rể tốt bụng đó thì tôi cũng đã trở thành một thứ “caritas” như một số anh em trong trại tù rồi — tức là những người chẳng có ai thềm nuôi.

Những bà vợ đau khổ, những gia đình đói khát lắm than lo cho chính họ không xong thì lấy gì đi “thăm nuôi” người ở trong tù, nhất là lại ở tuốt tận miền Bắc xa tí mù tấp. Thậm chí, có người còn vui mừng khi thấy vợ bước đi bước nữa, với một anh nào đó, đưa các con ra được nước ngoài.

Tôi nói thế để chứng minh rằng không nên trách bất kỳ một ai trong hoàn cảnh cay nghiệt này. Theo tôi, những anh “mồ côi” không ai thăm nuôi trong trại tù, mới được hưởng trọn vẹn cái “thú đau thương”.

03

Trở lại chuyện buổi sáng tinh mơ, khi toán lính chạy xộc vào trại, là một buổi sáng cuối mùa đông, trước Tết âm lịch chừng vài ngày. Đây cũng là biện pháp an ninh thông

thường của các trại tù trước những ngày lễ tết lớn. Tôi thành thói theo đội đi làm ở ngoài đồng. Tôi vẫn cứ yên chí chẳng có gì để mất, chẳng có gì quan trọng.

Vào mùa đông, cái thứ quan trọng nhất, là rau. Mùa này thiếu rau đến... khô quắt cả dạ dày. Rau muống, bầu bí không trồng được, chỉ còn rau cải mà trồng cải thì lâu được ăn, năng suất không cao, nên được tí rau, là hạnh phúc nhất. Tôi ngồi lê la trước mấy luống xu hào là thứ “thực phẩm cao cấp” nhất trong khu vườn của toàn đội. Những củ xu hào bắt đầu to hơn nắm tay, nằm tròn trĩnh dưới những tàu lá xanh mượt. Tôi coi chúng — vì cái công sức tôi bỏ ra một tháng trời — tôi coi chúng cũng như một tác phẩm nào đó đã từng viết ra. Ở đây, không có gì để coi như tác phẩm thì coi nó là tác phẩm vậy để có cái mà thú vị, quên đi những thứ quanh mình.

Cứ như thế, tôi tha hồ đặt tên từng luống xu hào. Có khi là một cái tên nghe có vẻ “lả lướt” như tôi đã gặp ở phòng trà khiêu vũ. Có khi là một cái tên rất dung tục. Ấu cũng là một trò “nghịch ngợm” giữa vùng rừng núi âm u hầu như không có mặt trời mùa đông này. Nhưng tôi biết trò chơi của tôi sẽ phải chấm dứt trong 1, 2 ngày nữa. Bởi Tết ta đã đến, dù luống xu hào còn non, chưa đến ngày “thu hoạch” nhưng cần thức ăn trong 3 ngày Tết, họ sẽ nhổ. Nếu tù không ăn thì cai tù ăn; chứ không đòi nào họ chịu để đến mùa xuân. Nhưng vui chơi được giờ nào hay giờ ấy trong cuộc sống phù du này.

Buổi trưa về đến trại, trong khi bạn bè xung quanh đang xôn xao kẻ bị tịch thu cái này, người bị mất cái kia, thì tôi vẫn nhớn nhoe, vì tôi chẳng có gì để mất. Tôi xách xô đi lấy cơm. Gọi là phần cơm nhưng thật ra chỉ có đúng

một bát bo-bo tương đối đầy đặn. Tôi ăn thì tạm lung lừng, còn những bạn tôi thì không bao giờ đủ. Họ thường nói “vừa ăn xong, vẫn cứ tưởng như mình chưa ăn”. Cái đói cứ lung lơ mãi, ngày này qua ngày khác, thế mới khó chịu. Có những ông bạn tôi ăn theo kiểu câu dằm, lấy cái muỗng tre nhỏ xiu, hoặc một cái gì đó lớn hơn cái đầu đũa, múc từng muỗng ăn rả rích suốt ngày để có cảm tưởng lúc nào cũng được ăn làm lu mờ cảm giác đói — dù chỉ là cách tự đánh lừa mình.

Tôi cũng “ăn dè, hà tiện” nhưng ăn bằng muỗng.

Cái muỗng rất đặc biệt bằng “inox” hần hoi, có chạm trở tinh vi, luôn luôn được chùi rửa sáng bóng. Nhưng sáng nay, được chia 2 củ khoai lang ăn sáng nên tôi để cái muỗng ở nhà. Tôi thường cất nó vào trong chiếc lon “Guigoz” — một loại vỏ hộp sữa được chế biến thành đồ dùng rất thông dụng, nhiều lợi ích của hầu hết những anh tù. Nó có thể dùng “trăm công ngàn việc”, từ đựng các loại thức ăn, thức uống, đến đun nấu, câu móc, đựng mắm muối, chứa đồ để dành, tắm rửa, đánh răng, rửa mặt.

Nhưng hôm nay thì cái muỗng biến mất. Tất nhiên là nó bị tịch thu trong buổi khám xét trại hồi sáng.

Đây là thứ “gia bảo”, tôi đã cất giấu suốt mấy năm, chưa hề lơ lửng. Nó luôn luôn nằm sát bên tôi, lúc đi lao động, cũng như khi nằm ngủ. Có thể ví như một cái nạng của anh què, cái gậy của ông lão 90, một thứ đã thành thói quen bám vào cuộc sống.

Sau một buổi trưa mưu toan tính kế, chiều hôm đó, tôi quyết định đến gặp Dục, anh chàng trưởng ban thi đua của trại. Dục cũng chỉ là “trại viên”; nhưng trước đây, anh ta là cán bộ “thoái hóa tiêu cực” sao đó nên bị đi tù. Những anh

cán bộ quân nhân trong trại tù, thường được gọi “phạm binh phạm cán” tức tội phạm thuộc binh sĩ, cán bộ cũ. Họ có một chế độ đãi ngộ riêng, thường được dùng vào các việc cần đến sự tin cậy của giám thị.

Bữa khai lý lịch, thấy tôi khai là dân huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, Dục liền hỏi quê quán, nhận là người cùng quê. Một lần, Dục dẫn chúng tôi đi lấy quần áo ngoài trại chính. Qua khoảng đồi núi quanh co, anh ta chỉ tay lên mảng cây cối thưa thớt, nói với tôi rằng: “Cậu huyện Nhụ¹ Tôi hỏi anh có họ thế nào với cụ huyện Nhụ. Anh ta nói là cháu gọi cụ Nhụ bằng cậu, nhưng gia đình cụ Nhụ vào Nam, còn gia đình anh vốn nông dân, ở lại miền Bắc.

Cụ Nguyễn Mạnh Nhụ trước năm 1975 là chánh án tòa Sài Gòn. Tôi nghe nói “cụ cũng có họ hàng với gia đình tôi, tuy là họ xa”. Cụ làm tri huyện khi còn rất trẻ, sau này tôi có gặp cụ vài lần. Tôi kể cho Dục nghe đôi ba chuyện về cuộc sống cụ huyện Nhụ khi còn ở Sài Gòn. Sau này, đi “cải tạo”, cụ mất ở trại này. Dục nói, “trước khi cụ chết, cụ chỉ thèm được ăn một cái bánh giò”. Dục nhắc người nhà ở Thái Bình, khi đi thăm nuôi thì ghé qua Hà Nội mua “lén” vài cái.

Nhưng “bánh giò mang tới nơi, thì cụ đã mất rồi”.

Từ đó đối với tôi, Dục có phần dễ chịu hơn, dù cái khoảng cách giữa một bên là “ngụ”, một bên là “cán”; vẫn khó san lấp...

¹ Nguyễn Mạnh Nhụ là con trai cụ bàng Mộng, tháng 5 năm 1954 là giám đốc Báo Chí bộ Thông Tin dưới thời tổng trưởng Phạm Xuân Thái — giáo phái Cao Đài hợp tác lập nội các với thủ tướng Ngô Đình Diệm. Ông là thân phụ của biện lý kiêm thi sĩ Huy Trâm định cư ở California, Hoa Kỳ.

Nhưng hôm nay thì tôi cần đến hần. Suốt buổi trưa, tôi không gặp được Dục. Đến 2 hôm sau, khi trại đã xôn xao chuẩn bị cho những ngày Tết ta, tôi mới gặp được hần. Trong khi đó, tôi dò hỏi mấy tay làm văn hóa xem những thứ bị tịch thu còn để trong phòng thi đua không? Họ nói “còn để trong kho, lẫn lộn với những thứ đồ dùng khác”.

Tôi mang cho Dục một ít thuốc đau dạ dày của ông anh gửi vào. Rất may cho tôi, hần cũng bị đau dạ dày. Và thứ thuốc trị bệnh dạ dày ở miền Bắc hồi đó, chỉ là “tí mật ong trộn với củ nghệ, không mấy công hiệu”. Tôi có thứ thuốc “cao cấp” hơn là “Ma-lốc”; uống vào cơn đau dịu xuống ngay. Thuốc Mỹ sản xuất đảng hoàng, người ta ghét Mỹ; nhưng thuốc của nó tốt, có sao đâu?”

Tôi gạ chuyện, để xin lại cái muống, Dục trợn mắt:

– Anh làm cái gì mà cần cái muống đến thế? Bây giờ để trong kho, chui vào đấy, trực trại nó biết; thì tôi vào nhà đá.

Tôi năn nỉ:

– ... Là đồ gia bảo của tôi đấy. Anh biết không, tôi mất nhiều thứ lắm, một cái bằng lái xe 3 dấu, một cuốn tự điển. Nhưng tôi không cần, chỉ cần cái muống thôi.

Dục nhìn tôi nghi ngại:

– Hay mày giấu tiền trong đó?

Dục hơn tôi 2 tuổi. Hần gọi tôi bằng “mày”, tôi cũng không bị chạm tự ái. Giả dụ hần kém tôi vài ba tuổi; mà lúc đó gọi tôi bằng “mày”, tôi cũng cho qua luôn.

– Cái muống đặc nhỏ như thế sao giấu tiền được?

Dục nửa đùa nửa thật:

– Bọn mày thì lắm trò lắm, cái gì chúng mày cũng làm được. Chưa biết chừng, mày giấu cả cái máy quay phim

trong đó, cũng nên. Tao nghe nói mày có sách làm phim, phải không?

– Đúng, nhưng là tôi viết truyện rồi người ta lấy làm phim, chứ tôi biết cái “cóc khô” gì.

– Vậy, sao mày chỉ đòi lấy cái muống? Mày mua chuộc tao bằng 2 vỉ thuốc đau dạ dày, không bỏ. Khéo không, chết cả đám. Tao không chơi.

Tôi thất bại nhưng vẫn không chịu bỏ cuộc.

Chiều hôm đó, Dục lại được lệnh phải làm một cái phòng đọc sách vào dịp Tết ta. Tôi đang loay hoay dán mấy cành hoa đào lên tấm phông trên hội trường thì Dục kéo tôi xuống. Nó bảo tôi đi khuôn sách trên thư viện về hội trường; kê bàn ghế, trang trí thành khu đọc sách báo trong 3 ngày Tết, cho ra vẻ “có văn hóa”. Nhưng nếu coi thư viện thì không được ăn Tết ở phòng, phải ngồi trực ở hội trường. Tôi nhận lời ngay, dù biết sẽ mất cái thú cùng dự những ngày Tết với anh em trong phòng, nhất là mất cái thú ngồi đánh mạt chược bằng những con bài gỗ do chúng tôi làm lấy.

Thế là, tôi có dịp lần la nói với Dục về cái muống của tôi. Dục vẫn nghi ngờ tôi “có cái gì giấu trong đó...” Tôi đành phải kể cho Dục nghe.

Buổi sáng hôm tôi phải đi “học tập cải tạo”, vợ tôi chuẩn bị một số đồ dùng hàng ngày, đưa vào túi xách. Đứa con gái tôi khi đó mới hơn 3 tuổi, thấy mẹ bỏ vào túi xách; quần áo, khăn mặt, thuốc men..., nó đang ăn sáng, cũng bỏ vào xách tay của tôi cái muống đang ăn, dặn dò, “con cho bố mượn, khi nào bố về, phải trả lại con đấy”.

Tôi ôm con gái, gật đầu hứa “khi bố về sẽ trả”.

Nhưng quả thật, tôi vẫn nghĩ, chẳng bao giờ trả lại được

cho nó. Lần chia tay này có thể là vĩnh viễn... Chúng tôi ngâm ngùi chia tay, không thể hẹn được ngày về, vì có biết ngày nào về đâu; mà hẹn!”

Thế là từ đó, cái muống theo tôi suốt những bữa ăn, suốt trong giấc ngủ. Hình ảnh con gái và gia đình tôi hiện lên, qua cái muống đó. Tôi vẫn tự đánh lừa rằng tôi đang được ăn bên con gái, bên những người thân. Dù tôi biết rất rõ sự lừa dối ấy, niềm ước vọng không bao giờ thành hiện thực. Vậy mà đôi lúc tôi cũng thấy ấm lòng.

Nghe câu chuyện ấy, Dục tỏ ra chán chừ. Hấn vỗ vai tôi, “Thôi được, nếu như thế tôi giúp cậu. Tối nay, khi ngồi coi phòng đọc sách; tôi sẽ giữ phần bánh chung lại cho cậu, tôi sẽ gọi cậu xuống phòng thi đua, để cậu ngồi ăn ở đó. Trong khi tôi gọi ban thi đua lên phòng hội thì tôi giả vờ để quên cái chìa khóa kho. Cậu mở cửa vào lấy, có gì thì cậu chịu trách nhiệm. Nó vớ được, thì “kỷ luật” suốt cái Tết này đấy; chưa chừng suốt mùa xuân”.

Chẳng còn cách nào khác, tôi đành làm theo cách “ăn trộm” này. Tối đó tôi mở khóa, mò vào gian nhà kho. Ánh điện từ ngoài hắt vào, vừa đủ soi sáng cái đồng “hầm-bà-lăng”, đủ thú đồ dùng lật vật, vừa bị tịch thu mấy hòm trước. Tôi sục ngay vào cái đồng linh tinh đó.

Quả là những bạn tù của tôi có lắm trò chơi thật.

Thôi thì đủ thứ: cái điều cày được làm bằng ống hỏa châu, hoặc những cái lược cho con gái, cho người yêu, làm bằng nhôm, được khắc những tên “Hồng Hoa, Bích Phượng, Thúy Hường”... nghe nao cả lòng. Những con dao nhỏ xíu, những cái muống gò bằng tôn, cũng có hoa lá cành xinh xắn. Tất cả những cái gì bằng sắt đều nằm gọn ở đó.

Sách vở tiếng Pháp, tiếng Anh và đủ thứ giấy tờ lộn xộn. Cái tôi kiếm được trước tiên là cái bằng lái xe của tôi. Tôi không dại gì không đút vào túi, dù chẳng biết để làm gì. Tôi lại hí hục lục tiếp, vừa hồi hộp, vừa phải thật nhanh tay, đâm ra lính quỳnh. Dù chỉ một tiếng động nhỏ, cũng khiến tôi giật mình. Cái muống của tôi vẫn chưa tìm thấy. Ruột nóng như lửa đốt, tôi bới tung hết cả cái đồng ấy và đâm hốt hoảng, nếu cái muống không còn ở đó nữa. “May quá, cái muống kia rồi”. Nó nằm dưới cuốn sách dày cộm của “thằng chết tiết” nào đó. Nó chỉ thò ra mỗi cái đuôi, tôi cũng nhận ra nó ngay. Lúc đó, tôi có cảm tưởng như “con có ở xa hàng cây số, thì bố cũng nhận ra con như thường”.

Tôi vô lấy nó như sợ bị người ta giật mất. Tôi nhìn cái hoa văn chạy dọc theo cán muống đã quá thân thuộc, như chính cái nét mặt con gái tôi, khi nó nhí nhảnh, đưa cái muống vào túi xách. Nó vẫn cứ tưởng là một chuyện vui, bố đi chơi, rồi mai bố về. Tôi cười trong nụ cười mếu máo của mẹ nó và, trong nụ cười hồn nhiên của nó. “Ừ, thì vui”. Không hiểu sao trong lúc gay cấn như thế; hình ảnh xưa lại hiện lên rất nhanh, như một ánh chớp. Tôi vọt ra khỏi phòng, khóa cửa lại, biến nhanh vào bóng tối, trên con đường về “khu biệt kích”. Thoát nạn!

Cái Tết ta ấy, tôi lại được vui chơi với muống của tôi, dù phải hi sinh suốt 3 ngày, khi mọi người được nghỉ ngơi, còn tôi cứ phải quanh quẩn trong cái “phòng đọc sách”, chẳng có ma nào thèm ngó đến.

Những dịp nghỉ ngơi như thế cũng hiếm hoi; như chuyện được ăn một bữa cơm, chứ không phải khoai sắn, hoặc, bo-bo. Quả là tôi thấy hạnh phúc, cứ như sắp ra

pháp trường rồi lại được cứu. Chỉ tiếc rằng người cứu tôi không phải bạn đồng minh từng chiến đấu với các đồng ngũ của tôi trong những năm qua — bạn đồng minh đó đã “gan dạ” cuốn cò chạy nhanh, và chạy xa quá rồi.

Thôi thì, tôi tự cứu lấy cái muống của tôi vậy.

Một lần khác, tôi lội qua con suối sâu, sau cơn mưa lớn. Chỗ chúng tôi đi làm phải qua một con suối, đó là suối lạnh. Bình thường nó cạn, dòng nước trong vắt, dịu dàng; trôi lơ lững trên những tảng đá xanh. Chúng tôi thường dùng nơi này làm bến tắm. Nhưng cứ có một cơn mưa lớn, nước từ những triền đồi vây quanh 4 hướng, ào ạt đổ xuống. Chỉ cần nửa giờ sau, con suối trở nên hung hãn, nước chảy cuộn cuộn, mang theo những cành cây; những khúc gỗ lao băng băng. Chúng tôi phải gấp rút lội qua con suối trở về trước khi nó trở thành hung dữ. Sang gần tới bờ bên kia, tôi loạng choạng làm đổ cái túi đồ, những thứ lật vạt trong đó có cái muống. Ở đây, tôi thuộc từng khe đá, tôi không ngần ngại nhào người xuống để mò. Anh bạn nhảy dù, la lên:

– Bộ ông điên sao?

Tôi điên thật, hi vọng mình mò được. Nhưng nước chảy xiết quá, tôi lại thua. Anh bạn nhảy dù què một tay vì bị thương ngoài chiến trường, rất hiểu tôi. Anh ta lội xa hơn một khúc, rồi khom người xuống, thò một tay ra cái khe hòn đá, là tìm được cái muống. Đôi mắt rất tinh, anh mỉm cười “tôi biết ông mất cái gì rồi”.

04

[huyện trở trâu: Hơn 12 năm sau, tôi đã trở về, nhưng chưa trả lại cái muống cho con tôi được. Vì mẹ con nó

đã vượt biên, định cư ở nước ngoài rồi. Hơn 20 năm, tôi chưa hề gặp lại con gái tôi. Tính đến năm nay, đã 27 năm, con gái tôi đã 30 tuổi. Ngày 29-9-2002 vừa qua, cháu lập gia đình ở Miami, Florida.



Anh Hai và em gái bé có cái muỗng - Phú Nhuận 1973.

Nhận được thiệp báo tin, tôi không biết mình vui hay buồn. Hình như, không phải vui hay buồn, một thứ cảm giác kỳ lạ, cứ lơ lửng lẫn lộn. Chú thím nó và các anh chị nó ở Mỹ đều hẹn nhau đi dự đám cưới.

Tôi thì không, chẳng hẹn hò được điều gì, và chẳng làm

được cái gì cả. Tôi có cảm giác như mình thừa. Rất may là trước ngày đám cưới, cô chú nó về Sài Gòn. Chính tay tôi được tắm thiệp mừng con gái. Tôi gửi theo cái muỗng trả lại cho con gái, như lời hứa 27 năm trước.

Vật đó, có thể thay cho sự có mặt của tôi không?

Tôi không biết. Nhưng tôi nghĩ “gửi cho con để con

hiều lúc nào tôi cũng coi như con còn nhỏ lắm, như mới hôm qua, 2 bố con còn ở bên nhau”. Tôi đi chơi đầu đó và, hôm nay trở về. Nhưng, con đã đi xa; còn tôi vẫn ở Sài Gòn nơi nó đã sinh ra. Con sẽ nghĩ gì, tôi không biết.

Vài hôm sau, có một điều tôi biết rất rõ: “Từ khi cái muỗi được gửi đi, tôi cứ thấy trống trải như mất một cái gì, xa vắng một cái gì thân thiết hàng ngày ở bên mình. Tôi cho rằng cũng như cảm giác của những ông bố, bà mẹ cho con gái mình đi lấy chồng xa. Nỗi buồn lâng lâng bay chấp chờn khắp nơi. Đó chính là sợi dây vô hình, nối liền mãi mãi tình thương yêu, dù ở bất cứ nơi nào trên hành tinh này. Cuối cùng, người ta chỉ còn lại cái tình. Cái tình ấy dù gửi đi đâu cũng vẫn còn lại, đôi khi lại mạnh mẽ, sâu sắc hơn. Chỉ khi nào người ta tự đánh mất nó thì nó mới mất mãi mãi. Tôi chắc chẳng ai dại gì làm mất thứ không gì so sánh nổi đó trên đời.

Lẽ ra chuyện này, tôi đã viết ngay từ tháng 9 năm 2002, dịp cháu lập gia đình. Nhưng ngồi mãi trước “computer”; tôi không gõ được chữ nào, đầu óc lung tung.

Dường như khi cảm xúc quá đầy, người ta không thể làm gì được, ngoài việc cứ để nó tuôn trào lênh láng như ngồi dưới cơn mưa. Không nghĩ ngợi gì cả, cứ ngửa mặt lên cho mưa đầy mặt, thế thôi! Đúng là chuyện của người thì nhanh mà chuyện của mình, thì chậm.

Mãi đến hôm nay, tôi mới ghi lại được những dòng chữ này; nhưng tôi cho rằng chẳng bao giờ muộn, vì nó là thứ chuyện của cả một đời, hay là của muôn đời.

(Sài Gòn, tháng 1-2012)

CHƯƠNG 31

ĐI HỘI HOA XUÂN ĐỂ NHỚ NGÀY NÀO...

Bài này đến tay bạn, có lẽ đúng vào những ngày Tết Nhâm Thìn 2002, cái Tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc, hoặc bạn sẽ đọc vào những ngày đầu xuân. Bạn đã nhận quá nhiều lời Chúc Tết qua điện thoại và những tấm bưu thiếp rất đẹp. Nhưng theo phong tục cổ truyền của người Việt chúng ta, tôi cũng xin kính chúc bạn một năm mới Khỏe Mạnh – Vui Vẻ – Nhiều May Mắn.

Lời chúc đầu năm của tôi hết sức chân thành. Bởi có lẽ khi tuổi đã cao mới thấy sức khỏe chính là điều đầu tiên chúng ta cần hơn cả. Sau đó mới đến sự vui vẻ trong một thân tâm an lạc. Là đại tỉ phú hay nghèo mạt rệp mà không yên ổn trong cuộc sống thì cũng chẳng mang lại hạnh phúc thật sự cho mỗi người. Cuối cùng là chúng ta cần đến may mắn trong mọi trường hợp. Trong gian nan nguy hiểm, chính may mắn đã giúp chúng ta vượt qua tất cả. May mắn quyết định số phận con người. Tôi vẫn tin

điều đó qua kinh nghiệm sống suốt một đời người. Chính vì thế tôi cầu mong bạn đọc sẽ gặp tất cả những thứ đó. Những thứ không mua được mà tôi chẳng hiểu tại sao nó đến với người này lại không đến với người khác. Người ta gọi là “cái số”. Vâng, tôi cầu chúc các bạn sẽ gặp “cái số may mắn” đó ngay từ đầu mùa xuân Nhâm Thìn.

Tôi viết bài này chỉ còn 2 ngày nữa là Tết. Ở Sài Gòn, nói chung ở Việt Nam, chộn rộn lắm rồi. Những chuyến tàu xuôi ngược, những tất bật vội vàng của người đi sắm Tết, những cửa hàng cửa hiệu đầy hoa đèn, bao lì xì đỏ rực, câu đối vàng chói, cành mai cành đào thật và giả lẫn lộn... tất cả những thứ đó đẩy cho tâm trạng con người càng thêm xôn xao. Theo tôi, những ngày giáp Tết chính là những ngày vui nhất. Từ nhiều năm nay, một số lớn người Việt có anh em, họ hàng ở nước ngoài thăm hỏi tới tấp, quà gửi tung bùng và nỗi nhớ nhung càng làm gần thêm tình nghĩa. Đến đêm Giao Thừa, mọi con tim như đều lắng xuống, không khí trở nên trang trọng hơn, những lo toan tạm thời khép lại, để cho Năm Mới tràn vào với những ước nguyện đang thành hình trong từng con tim, từng khuôn mặt. Mọi người nói năng thận trọng, thái độ hòa nhã, lịch thiệp hơn và cuộc sống bắt đầu sang một trang mới. Thế nên trước Tết thường vui vẻ, chộn rộn hơn những ngày Tết.

TÍNH QUẢN CHUYỆN ĐỜI

Nhân dịp cuối năm, xin cho tôi “tính quản chuyện đời” để đánh dấu một năm lặn lội. Tôi “tả oán” vài lời của một anh “làm dâu trăm họ” tức là anh hành nghề viết báo. Có lẽ nó cũng tương tự những bạn đồng nghiệp khác của tôi, chỉ khác chút xíu là tôi “đa mang” quá. Những ông khác

chỉ cộng tác với một tờ báo đã tóe khói, còn tôi cộng tác với nhiều báo, dù thật ra chỉ có 1 bài gửi chung cho nhiều báo. Các vị có trang web riêng, có blog cứ “tự nhiên” xài chung, càng vui.

Trong khi cả thành phố tấp nập, nháo nhác và hàng xóm sửa lại nhà, sơn cửa, rủ nhau đi chơi chợ Tết, đi sắm Tết thì các anh viết báo cặm cụi với chiếc computer ngồi lo “chuyện bao đồng”. Riêng với tôi thì càng “lôi thôi” hơn. Bạn bè nhiều, ân tình cũng lắm nên suốt những ngày Tết chẳng bao giờ được nghỉ ngơi. Báo này nghỉ thì báo kia vẫn ra, “ông ra thì bà nghỉ, bà ra thì ông nghỉ” nên chẳng tuần nào rảnh rang. Báo nào tôi cộng tác thường xuyên, cứ gửi bài chậm là các ông ấy kêu toáng lên, e- mail, điện thoại hối thúc như hò ì. Có ông lại nghĩ “chắc có vấn đề rồi đây”. Vấn đề ở đây là các ông ấy lo cho tôi bị “hỏi thăm sức khỏe” như cái cú bị “sờ gáy, nắn gân” hai năm trước. Tôi lại phải lo viết bài sớm để anh em đỡ lo. Không có Mừng Một Tết và cũng chẳng có Mừng Hai. Làm tuốt luốt.

Xin tâm sự thành thật là tôi làm thế không vì mưu sinh mà vì “cái nghiệp” không bỏ được và cũng không bao giờ bỏ được những tờ báo của bạn bè. Phần khác vì không viết thì chẳng biết làm gì. Viết để thấy mình còn sống, và viết những điều cần phải viết để thấy mình không sống thừa. Con đường mình đã chọn thì phải đi cho hết. Buông mặc mọi thủ đoạn hiểm độc, mọi toan tính vu khống, mọi chông gai phía trước.

BẠN GÂN KHÔNG CÓ, BẠN XA CHƯA VỀ

Tôi biết năm nào ở Sài Gòn cũng chẳng đèn kết hoa ở những con đường trung tâm thành phố. Nhưng với tôi, dường như kiểu tổ chức đó “xưa” rồi. Lại “bình mới rượu

cũ” thôi, chẳng còn gì đáng chú ý nữa. Cả tháng nay tôi không ra đến đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ làm gì. Phần khác vì có cái xe gắn máy cho thằng cháu vừa lên đại học, nhưng nhà nghèo quá, không đủ tiền mua xe, dù là một cái xe cũ. Tôi nghe anh tôi kể, thằng cháu cứ để dành được vài trăm ngàn lại đem gửi bà nội để khi lên đại học mua xe. Vậy mà đến lúc lên đại học, nó chỉ có chưa đầy một triệu, trường rất xa, có thể nó sẽ phải bỏ học. Mối lòng và sợ thằng cháu bỏ học nên tôi “bàn giao” ngay xe và giấy tờ cho nó. Ở Sài Gòn mà không có xe đồng nghĩa với... không có chân. Thế là tôi trở thành “người không chân”. Thêm nữa, vào cái tuổi tôi, phản ứng chắc chắn đã chậm nhiều nên lái xe gắn máy không còn vững vàng như “anh hùng xa lộ” thuở xa xưa. Đi đâu một mình thì giao mạng cho anh xe ôm. Còn cái tật thứ ba là lười. Ở nhà mãi thành quen, chẳng muốn đi đâu cho yên thân. Một điều quan trọng hơn cả là không có bạn, hay đúng hơn là thiếu bạn tâm giao. Ở một nơi như xã hội này, người ta đánh mất niềm tin, khó sống chân thật, nhiều người buộc phải nói dối, phải sống hai mặt. “Ngoài mặt hoan hô, trong lòng đá đảo” thành thói quen. Thế nên lại phải hạn chế tối đa sự giao thiệp. Tâm cảnh “bạn gần không có, bạn xa chưa về” là sự cô đơn, cũng là sự “lưu lạc” ngay trên quê hương mình.

Tôi thường “quan sát” các sự kiện qua đài truyền hình, báo chí và mạng internet, đôi khi qua điện thoại. Còn dư luận thì ra quán cà phê đầu ngõ, đầu chợ Bàn Cờ, tha hồ nghe người dân “bình luận” đủ thứ trên đời, nhất là mấy anh thợ cắt tóc là “trung tâm tin tức” của khu dân cư. Đây là thứ tin tức “thật” nhất, sống động nhất, không sợ bị thổi phồng hay bóp méo. Người ta nói, người ta kể, người

ta bàn từ trong tâm, cái “tâm” của người chất phác, không được thua gì trong mọi biến chuyển thời cuộc.

CÁC “ĐẲNG CẤP” CHƠI HOA TẾT

Tuy nhiên, năm nào cũng vậy, tôi dành một buổi để đi hội hoa xuân vào vài ngày cuối cùng của năm. Ở đây có thể gặp những người đi “mót hoa cuối mùa”, tức là đảo qua các khu chợ hoa vào ngày cuối cùng 29 hoặc 30 Tết. Lúc đó các chủ vừa hoa từ lục tỉnh lên, ế hàng, hoa Tết không bán được chỉ có nước mang về làm củi. Họ bán tống bán tháo để khỏi mất công, mất của chở hoa về. Dĩ nhiên những thứ hoa đó chỉ là loại rẻ tiền. Vậy mà đôi khi cũng chọn được vài cành ưng ý mang về chưng để các con nó mừng, bà vợ không tủi thân.

Có ba loại “chơi hoa Tết”.

Loại thứ nhất là các đại gia, đại công ty, mua tận vườn những loại hoa quý hiếm. Năm nay có loại *bonsai* lên tới vài chục tỉ đồng cũng có “đại gia” tranh nhau mua. Ngay cả loại trái cây như dưa hấu, trái bưởi cũng được “trồng ép” thành những hình thù lạ mắt. Mấy năm trước đã có dưa hấu vuông, năm nay lại có dưa hấu hình bầu, bưởi hình nậm rượu, năm sau chắc sẽ có dưa hấu hình chiếc xe hơi... Những thứ “hàng độc” này được bán với giá trên trời, không thể nói nó gấp bao nhiêu lần trái cây thường. Có khi một cặp bưởi ở chợ này giá 500 ngàn đồng, ở chợ khác giá gần hai triệu. Vậy mà chỉ vài hôm là thứ “trái cây siêu đẳng” này cũng hết sạch.

Loại thứ hai là loại trung lưu nhưng thích “đẳng cấp”, đi chọn hoa ngay từ phiên khai mạc để có loại hoa quả quý hiếm, có giá chừng một, hai triệu, chứ chưa dám “trèo cao” như các “quý sò tộc” và đại quan, đại gia.

Loại thứ ba là loại đội “chợ chiều” mua hoa giá “bèo” vào ngày cuối phiên chợ như đã nói ở trên.

Còn dân lao động chân tay lam lũ, loại được coi là “thành phần nông cốt chính hiệu”, dường như chẳng bao giờ biết đến thú chơi hoa. Thú “chơi cơm” còn chưa đủ lấy gì mà chơi hoa?!

Nhìn vào đó thì đủ biết cái khoảng cách giàu nghèo hiện nay ở VN lớn như thế nào? Và cái khoảng cách ấy sẽ mang lại hậu quả nào trong tương lai?

Chắc bạn đã có thể dự đoán được.

VÀI ĐIỀU ĐẶC BIỆT CỦA HỘI HOA XUÂN NĂM NAY

Hội Hoa Xuân ở vườn Tao Đàn Sài Gòn mới khai mạc hôm 25 tháng Chạp. Hôm sau, tôi rủ Thanh Sài Gòn, một cây bút mới rất tháo vát, đi thăm Hội Hoa Xuân. Ngồi sau chiếc xe gắn máy loại “phổ thông” nhất Sài Gòn, chúng tôi đến Phở Hòa dần bụng trước khi vào “công tác”. Đây là tiệm phở bò khá nổi tiếng trước và sau 1975. Phải thú nhận với bạn là lâu lắm rồi tôi mới ghé hàng phở này. Giá cả không “mềm” cũng không “sang” như quán Phở Ta của bà Tuyết Mai, nay đã đóng cửa nghỉ khỏe. Thường là tôi ăn sáng với những món “đặc sản chợ Bàn Cờ”. Bánh cuốn, bún ốc, bún riêu, sủi lúa, cơm tấm bì, bún bò, bún mọc, bún thang... không món nào quá hai chục ngàn đồng. Đây là tính theo thời giá mới sau khi xăng tăng giá. Giá cũ chỉ có 15 ngàn đồng trở lại. Lâu lâu có bạn chở đi mới chịu khó mò đến hàng phở có tiếng và dĩ nhiên giá tiền cũng tham gia vào sự nổi tiếng này. Nó gấp đôi, gấp ba giá bình dân của chợ Bàn Cờ. Cửa hàng lúc nào cũng đầy ắp khách

từ nhà dưới đến trên lầu. Muốn ăn sang một tí thì phải chịu đựng một tí. Ngồi giữa chốn ba quân, nghe tiếng ồn ào cũng đủ nhức đầu. Khách vào đây chỉ để ăn rồi nhanh chóng ra đi, không có thì giờ tán gẫu.



Gần 9 giờ, chúng tôi đến vườn Tao Đàn. Trước hết gặp một sự ngạc nhiên lớn là chỗ gửi xe gần máy chỉ có giá hai ngàn, xe đạp một ngàn đồng. Đó là chỗ lực lượng Thanh Niên tự nguyện tổ chức, làm gương cho những nơi khác. Có những chỗ gửi xe hè phố vào “thời điểm cắt cổ” này, giá trời ơi, có khi lên tới ba bốn chục ngàn là chuyện thường ngày ở huyện.

Con đường dẫn vào khu Hội Hoa Xuân được chào đón bằng hai con rồng uốn khúc, được uốn ghép bằng hoa lá cành chạy dài theo hai bên cổng. Khách đến thăm vẫn còn thua thót. Hầu hết là khách du lịch hoặc những bà con ở nước ngoài về thăm gia đình, đến xem hoa, chụp hình kỷ niệm. Hội Hoa Xuân chia làm nhiều khu, trưng bày từng loại hoa riêng biệt, nhưng cũng không khác năm trước bao nhiêu.

Khu hoa lan, khu tiểu cảnh, khu cây khô, khu hoa mai, khu bonsai, khu trang trí, khu trưng bày cá cảnh. Ban tổ chức dành riêng một khu vực để trưng bày những biểu tượng về biển đảo, nổi bật là cột mốc chủ quyền đảo Trường Sa làm bằng hoa chính giữa khu trưng bày.

Được chú ý nhiều nhất của hội hoa là những chậu hoa lan xanh nổi bật giữa rừng hoa vàng, hoa đỏ. Màu sắc rất lạ, hoa lá xum xuê che kín, không nhìn thấy thân và cành. Một điểm đặc biệt nữa của hội hoa năm nay là loại hoa đất sét. Mẫu hoa độc đáo này làm từ... đất sét. Mới du nhập Việt Nam vài năm gần đây nhưng hoa đất Nhật Bản ngày càng chiếm cảm tình của nhiều người vì sự lạ mắt, độc đáo, tươi tắn như hoa thật. Đất sét trắng được nhập từ Nhật Bản, sau đó được pha trộn với các màu khác nhau để tạo nên các loại thân, cành, lá hoa, treo khô lên từ 4 đến 5 tiếng. Tùy từng chất liệu bình được chọn để cắm mà giá có thể từ vài trăm đến vài triệu. Tôi đặc biệt chú ý đến cây chuối nhỏ làm bằng đất sét, màu sắc như thật với những buồng chuối có những nải chuối và hoa chuối nhỏ xíu rất dễ thương, bày trên bàn hay trong tủ kính sẽ rất lạ. Hoa đất có màu sắc sặc sỡ, thậm chí theo nhiều người còn khen đẹp hơn cả hoa thật, lại không cần tưới tẩm, chăm sóc công phu. Nếu chăm sóc tốt những bình hoa này có tuổi thọ từ 3 đến 10 năm.

NHỮNG HÌNH BÓNG CŨ

Chúng tôi tìm đến khu bày bán đặc sản từ miền Trung miền Bắc. Khu này thường được bày ở bên nhà Văn Hóa Lao Động, cạnh vườn Tao Đàn. Nhưng năm nay không thấy những gian hàng của các “nghệ nhân” từ chùa Non

Nước mang vào nữa mà chỉ thu hẹp thành những gian nhỏ phía gần ngoài cổng Hội Hoa Xuân.

Cũng không thấy chị gổm Bát Tràng bày hàng loạt đồ gổm thô đặc biệt của làng quê miền Bắc này. Tôi nhớ bảy tám năm trước, đi cùng Phan Nghị, Vương Đức Lệ đến các khu này. Phan Nghị “tán” vớ vẩn với chị bán hàng gổm Bát Tràng vui như pháo tết. Chị bán một bộ đĩa gổm có ba chữ Phúc – Lộc – Thọ. Nhưng tôi chỉ mua có hai chữ Phúc – Lộc. Chị hỏi tại sao, tôi giải thích gọn là tôi trên 70 rồi, còn mua chữ Thọ làm gì nữa. Trời thương cho sống đến tuổi này đã là may. Chị cười rất duyên và nói “Sao mà bác giống bố cháu thế, ông cũng nói vậy”. Đến nay tôi còn treo hai chữ trên hai cái đĩa Bát Tràng đó giữa nhà.

Tôi nhớ năm sau tôi đi một mình, nhà chị gổm Bát Tràng hỏi thăm “ông vẫn đi với bác đâu”? Tôi nói ông ấy quy tiên từ giữa năm rồi. Chị Bát Tràng ngăn người rồi thở dài ngậm ngùi: “Đời người ngắn quá bác nhỉ. Bác thấp giùm cháu nén hương cho ông ấy nhá”. Chị không biết tên ông khách và ông khách cũng chẳng biết tên cô bán hàng, chỉ gọi là cô gổm Bát Tràng. Vậy mà họ vẫn nhớ nhau.

Hai ba năm nay tôi không gặp lại “cố nhân” đó nữa. Chẳng biết năm nay cô trôi giạt phương nào. Nhưng tôi vẫn nhớ hàm răng trắng đều và đôi má thoáng đỏ khi nụ cười của cô sáng rõ. Tôi nhớ Vương Đức Lệ ngày nào hiền lành lặng lẽ đi bên tôi và giục tôi mua bức tượng đất bọc nhưng đồ mang hình thiếu nữ phương Tây, ngực trần, uốn éo đội bầu nước, có thể dùng để cắm hoa. Hơn mười năm rồi, tôi vẫn để bức tượng đó bên chiếc máy truyền hình.

Bây giờ hai ông bạn tôi đã ra người thiên cổ, nhưng ngày nào tôi cũng nhìn thấy hình bóng hai ông qua các kỷ

niệm của Hội Hoa Xuân. Thật ra trong nhà tôi chỉ có vài thứ quý nhất, đó là các kỷ niệm rất nhỏ của bạn bè. Một chai rượu, một cái bật lửa, một chiếc ly thủy tinh... đều in dấu một người còn sống hay người đã mất. Họ vẫn ở bên nhau và bên tôi.

Gia tài của tôi chỉ có thế.

CHỢ LỚN NĂM NAY CÓ GÌ LẠ?

Hơn 10 giờ, Thanh Sài Gòn chở tôi vòng qua đường hoa Nguyễn Huệ. Vào buổi sáng nên khách đến thăm còn rất thưa. Ngắm nhìn toàn cảnh đường hoa năm nay, có nhiều nét khác nhưng tổng thể vẫn như năm cũ. Nếu năm trước là chiếc cầu khỉ thì năm nay là chiếc guồng nước, nếu năm trước là khu hoa lan thì năm nay là khu đồng ruộng thôn dã... Dù sao con đường hoa cũng làm cho Sài Gòn mới hơn, song chỉ mới bề ngoài. Ghé qua khu chợ Huỳnh Thúc Kháng mang tên Chợ Trời vẫn chẳng có gì lạ so với ngày thường.

Chúng tôi phóng xe vào Chợ Lớn xem đồng bào ta và người Việt gốc Hoa ăn Tết ra sao. Ngay đầu đường Trần Hưng Đạo, từ sau siêu thị Nguyễn Kim, không khí vắng ngắt, cứ như không có mùa xuân. Mọi sinh hoạt bình thường lặng lẽ. Suốt chiều dài đó vào tới Chợ Lớn, gặp nhà hàng Đồng Khánh, vẫn thưa thớt. Lác đác trên vỉa hè có mấy hàng treo lủng lẳng mấy chùm hoa giả, phong bao, câu đối nhưng không có khách viếng thăm. Mọi thứ như chỉ có cái Tết uể oải chiếu lệ.

Đi sâu hơn vào dãy phố chính Trần Hưng Đạo, nơi có những nhà hàng lớn cũng chẳng hơn gì. Đường phố ở đây thông thoáng, khác hẳn Sài Gòn tấp nập. Trước năm 1975,

nếu muốn đi “ăn tiệm”, hầu hết phải tìm vào Chợ Lớn mới có nhà hàng sang và món ăn ngon đủ kiểu. Phố ăn chơi chính là dãy phố này, nơi có nhà hàng lớn như Đồng Khánh, Bát Đạt, Arc En Ciel, Versailles... tôi không thể kể hết. Trước đây nhà hàng ăn Bát Đạt nổi tiếng với những món ngon, khách sạn chỉ là phần phụ. Nay thì khác, Bát Đạt chỉ còn là khách sạn, không có hàng ăn. Arc En Ciel cũng chẳng hơn gì, mặc dầu cái mặt tiền được trang trí “hoành tráng” hơn xưa. Hầu như tất cả những tiệm ăn, tiệm nhảy, nơi chốn ăn chơi đều đã chuyển hết về những khu phố Sài Gòn. Chúng tôi kiếm một quán ăn trưa cũng khó. Cái phồn thịnh năm xưa của Chợ Lớn đã hết thời, chính vì thế nên khách du lịch và người Việt ở nước ngoài về không còn chú ý và nhiều ông còn không bước chân vào Chợ Lớn nữa. Người ta quên phần đất này rồi. Nhưng tôi thì không thể quên, khi đi qua con đường xưa, nhà hàng cũ, những hình bóng của những người bạn thân quen hơn 30 năm xưa lại ủa về, không thiếu một ai.

Tôi đi Hội Hoa Xuân và đi Chợ Trời, nhảy vào Chợ Lớn chỉ là để tìm lại những hình bóng bạn bè từ thuở xa xưa. Mỗi năm một lần đi tìm ngày tháng cũ mang theo vào Năm Mới cho cuộc đời bớt quạnh hiu.

(Sài Gòn, 21-1-2012)



Hùng Cường và Mộng
Tuyền trong phim
(trên). Hùng Cường
và Kim Vui trong phim
Chân Trời Tím (giữa).
Nghệ sĩ Kim Vui (bên).



CHƯƠNG 32

VÀI KỶ NIỆM VỚI ĐẠO DIỄN PHIM “CHÂN TRỜI TÍM”

Lê Hoàng Hoa, đạo diễn phim *Chân Trời Tím* vừa tạ thế tại Sài Gòn đêm 30-7-2012, nơi đã làm nên tên tuổi ông, chứng tỏ tài nghệ vượt trội của ông từ ngày mới bước chân vào làng Điện Ảnh miền Nam Việt Nam. Trước hết, xin chia buồn cùng gia đình cố đạo diễn, cầu chúc linh hồn nghệ sĩ sớm tiêu diêu miền cực lạc. Riêng tôi có nhiều luyến tiếc và đáng tiếc, cũng như có khá nhiều kỷ niệm với Lê Hoàng Hoa.

Để bạn đọc hiểu rõ hơn về sự ra đi quá đột ngột này, tôi xin tóm tắt *nguyên văn* những hàng tin gần giống hệt nhau trên các báo ở Việt Nam mấy ngày qua:

“ĐẠO DIỄN VÁN BÀI LẬT NGỬA QUA ĐỜI

Lê Hoàng Hoa, một trong những đạo diễn nổi tiếng của điện ảnh miền Nam trước năm 1975 qua đời khuya 30/7 tại TP.HCM, thọ 79 tuổi.

Cách đây khoảng một tuần, ông bị ngã và được đưa vào cấp

cứu tại một bệnh viện. Nhưng sau đó bệnh diễn tiến nặng hơn, đánh gục vị đạo diễn tài hoa.

Trước khi qua đời, ông ủy thác cho vài người bạn thân lo phần hậu sự khi ông nằm xuống. Được biết, vợ của đạo diễn Lê Hoàng Hoa hiện đang nằm viện ở Malaysia. Tang lễ đạo diễn Lê Hoàng Hoa dự kiến được tổ chức tại Nhà tang lễ TP.HCM.

Lễ nhập quan đạo diễn Lê Hoàng Hoa sẽ được tổ chức tại nhà tang lễ bệnh viện An Bình, 397 Trần Phú, quận 5, vào lúc 14 giờ chiều 31/7. Lễ truy điệu đạo diễn Lê Hoàng Hoa được tổ chức lúc 7 giờ ngày 3/8 tại Nhà tang lễ Lê Quý Đôn và sẽ hỏa táng tại Nghĩa trang Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân.

Đạo diễn Lê Hoàng Hoa tên thật Đoàn Lê Hoa còn có nghệ danh Khôi Nguyên, sinh năm 1933 tại Nha Trang. Sau thời gian dài sống ở Ba Lan, năm 2004, ông về thăm quê và ấp ủ nhiều dự định với điện ảnh. Một số phim nổi tiếng của ông trước 1975 có: Gác Chuông Nhà Thờ, Điều Ru Nước Mắt, Vết Thù Trên Lưng Ngựa Hoang... Và sau 1975 là Ván Bài Lật Ngửa, Đẳng Sau Một Số Phận, Vĩnh Biệt Mùa Hè, Tình Nhỏ Làm Sao Quên, Vĩnh Biệt Cali, Lệnh Truy Nã, Tây Sơn Hiệp Khách...

Trong đó, Ván Bài Lật Ngửa được xem là một trong những tác phẩm điện ảnh kinh điển của Việt Nam”.

PHIM “CHÂN TRỜI TÍM”... KHÔNG CÓ TRONG SỰ NGHIỆP CỦA ĐẠO DIỄN LÊ HOÀNG HOA?

Khi nhắc tới giai đoạn làm phim của ông trước năm 1975, hết thấy các báo đều không nhắc tới phim *Chân Trời Tím*. Không phải người làm tin không biết phim này, nhưng họ “không thể” nhắc đến. Có lẽ người làm tin cũng thấy có một chút băn khoăn, nhưng... đành vậy thôi.

Tôi hiểu sự “tế nhị” đó và tôi càng hiểu được vị trí của tác giả truyện dài *Chân Trời Tím* đã chuyển thể thành phim, hiện đứng ở thế chệnh vênh nào. Tôi không buồn, không lo ngại vì điều đó mà còn thấy... hơi buồn cười và “thú vị” nữa. Chắc bạn đọc ở nước ngoài dễ thông cảm điều đó. Cái gì người ta cố tình muốn mọi người quên thì mọi người thường nhớ. Cái gì muốn “khai tử” hay đúng hơn “bức tử” lại dễ thành bất tử. Một thời người ta “cố khai tử” “nhạc vàng”, nhưng nhạc vàng vẫn sống mãi trong lòng mọi người. Nói thế tôi chỉ ví von phim *Chân Trời Tím* là cùng trường hợp với những bản nhạc bất hủ. Giá trị thực của mỗi tác phẩm là ở trong lòng công chúng, không ai ép buộc được. Tôi thấy có bốn phạm nhấc tới *Chân Trời Tím*, không do muốn tranh giành hay tự đánh bóng mình vì điều đó hoàn toàn vô nghĩa. Hầu hết nghệ sĩ và người dân miền Nam trước năm 1975, đã từng xem phim, chắc chưa ai quên cái tên phim *Chân Trời Tím* gắn liền với tên đạo diễn Lê Hoàng Hoa. Tôi chỉ muốn nhắc đến sự “chính danh”, nhất là cần thông tin chân thật.

Do đó tôi nêu ngay tiêu đề bài này là “Đạo diễn phim *Chân Trời Tím* vừa từ trần”.

Một điều cần thêm là phim “*Ván Bài Lật Ngửa*”, chỉ ghi tên đạo diễn Khôi Nguyên, chứ không phải Lê Hoàng Hoa. Vậy “chính danh” ở đây là gì? Lý do nào anh thay tên là chuyện khác, chỉ có anh mới biết.

Thực ra, vẫn có vài bài lẻ tẻ nhắc ít dòng về *Chân Trời Tím* khi viết theo nhật ký của Lê Hoàng Hoa. Như trên báo *Thanh Niên*, mục *Điện Ảnh Sài Gòn Một Thuở* có loạt bài về Lê Hoàng Hoa, khi ông còn khỏe mạnh. Chỉ chưa đầy một tuần sau, ông tạ thế. Có một “điểm gờ báo trước” gì chẳng?

Loạt bài này hiện còn đang đăng tiếp.

Bài đầu tiên, theo nhật ký của người quá cố là các kỷ niệm về khi làm phim *Chân Trời Tím*. Xin trích một đoạn trong bài “*Chân Trời Tím và cuộc tình bất ngờ*” của tác giả Giao Hường, ngày 25/07/2012 trên báo *Thanh Niên*:

“Chúng tôi đến thăm, được ông đưa mượn cuốn bút ký *Những Tháng Ngày Làm Phim* do ông viết chưa xuất bản, chỉ mới đăng một phần trên tạp chí *Kịch Ảnh* ấn hành bên Mỹ. Dựa vào nội dung bút ký trên, cũng như một số hồi ức do ông trực tiếp kể lại, chúng tôi trích lược dưới đây những nội dung liên quan đến hoạt động của điện ảnh Sài Gòn năm xưa. Mà trước nhất là chuyện làm phim *Chân Trời Tím* — bộ phim điển hình đánh dấu đỉnh cao trong hoạt động nghệ thuật của ông thời trước, cũng là bộ phim để lại kỷ niệm đậm đà về một cuộc tình bất ngờ đã đến với ông ngoài đời đúng vào ngày bấm máy...

“Nhạc sĩ Phạm Đình Chương vào phim với *Nửa Hồn Thương Đau*. Đó là ngày 11-12-1969, ngày thu hình phân đoạn – sequence – đầu tiên của phim *Chân Trời Tím* tại khách sạn *Continental* với cảnh nhân vật chính là ca sĩ Liên — Kim Vui đóng — đang buồn thương rã rời khi biết tin người yêu mình bị đẩy ra tiền đồn xa xôi, khó mong ngày gặp lại nên đưa nỗi niềm vào tiếng hát. Để tìm bài hát thích hợp với tâm thái của Liên trong phân đoạn ấy, Lê Hoàng Hoa và tổng giám đốc Liên Ảnh Công Ty, đơn vị đầu tư sản xuất phim là ông Quốc Phong, chủ nhiệm tạp chí *Kịch Ảnh* cùng đến phòng trà *Đêm Màu Hồng* gặp nhạc sĩ Phạm Đình Chương túc ca sĩ Hoài Bắc để nhờ sáng tác một bản nhạc riêng cho phim *Chân Trời Tím*. Đó là nhạc phẩm *Nửa Hồn Thương Đau*” — trích Bút ký

Những Tháng Ngày Làm Phim của Lê Hoàng Hoa.

“Nhu vậy, nhạc phẩm nổi tiếng ấy được Phạm Đình Chương viết cho phim *Chân Trời Tím* năm 40 tuổi, sau thời phải xót xa chia tay với vợ là ca sĩ Khánh Ngọc và được phổ biến qua tiếng hát của em gái ruột Phạm Đình Chương là ca sĩ Thái Thanh — Phạm Thị Băng Thanh.

“Nơi quay phân đoạn trên là phòng ăn của khách sạn Continental do nhân viên phụ trách dàn dựng của đoàn phim khéo sửa thành một “phòng trà ca nhạc” để nhân vật Liên sẽ lên hát.

“Theo ý đạo diễn, để gây ấn tượng mạnh về nỗi cô đơn của Liên, không nên có mặt toàn ban nhạc đệm ở phía sau Liên mà chỉ có “một nhạc sĩ kéo violon đứng cạnh ca sĩ, và thật dễ thương khi nhạc sĩ Phạm Đình Chương đồng ý với tôi là anh sẽ đảm nhận vai người kéo violon đó. Ấn định sẽ bấm máy lúc 7 giờ tối hôm ấy...”

TẠI SAO TÔI PHẢI THEO ĐOÀN LÀM PHIM?

Sau đó tác giả kể chuyện “hậu trường” cùng chuyện tình của nhà đạo diễn đào hoa ấy. Theo nhận định riêng của tôi, dù phải loại bỏ một số câu chữ, đoạn viết theo bút ký này có nhiều điều đúng đắn, chân thật.

Tôi có thể xác nhận điều này vì tôi là người có mặt suốt thời gian quay phim *Chân Trời Tím* từ ngày đầu ở khách sạn Continental và ở Đêm Màu Hồng khi thương thảo với anh Phạm Đình Chương soạn nhạc chính cho phim *Chân Trời Tím*. Tôi đi theo đoàn làm phim vì hai lý do.

Thứ nhất, Mai Thảo và tôi được anh Quốc Phong, tổng giám đốc hãng phim Liên Ảnh nhờ chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết hơn 500 trang để quay phim. Chúng tôi viết “kịch bản đối thoại”, còn phần “kịch bản kỹ thuật”, tất

nhiên do đạo diễn làm, nên cần có sự phối hợp ăn ý.

Thứ hai, tôi được Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đề nghị với Bộ Tổng Tham Mưu cho làm đại diện yểm trợ phương tiện quân đội cho đoàn phim đồng thời góp ý kiến về các cảnh quay liên quan tới đời sống quân ngũ và chiến trường. Do đó ngoài nhiệm vụ làm ở Phòng Báo Chí Quân Đội, tôi luôn theo đoàn phim từ Sài Gòn đến Nha Trang, Cam Ranh. Cho nên tôi muốn bổ sung ở đây vài chi tiết cùng vài kỷ niệm xưa với nhà đạo diễn quá cố Lê Hoàng Hoa.

KỶ NIỆM THỨ NHẤT: BÊ GIƯỜNG CA SĨ MINH HIẾU CHẠY MƯA

Anh Lê Hoàng Hoa sinh năm 1933, đúng bằng tuổi tôi. Sau 6 năm du học Mỹ về điện ảnh tại Clarkesville, bang Georgia từ 1952 tới 1958, anh về nước năm 25 tuổi. Tôi quen anh tương tự quen nhiều anh em khác, không thể nhớ vì sao, ở đâu, nhưng một kỷ niệm ban đầu giữa chúng tôi khá ngộ nghĩnh. Thời anh mới ở Mỹ về, Mai Thảo, Hoài Bắc, Thanh Nam thường gọi đùa anh là *Tony Hoa*. Một lần, khi ấn hành tác phẩm *Những Lá Thư Màu Xanh*, nhà xuất bản nhờ tôi đi tìm một tấm hình màu làm bìa sách. Gặp Nguyễn Mộng Hùng — tức Hùng Sùi, *nick name* tôi đặt trong nhiều phóng sự, hiện ở San Jose — hỏi đó là trung úy thuộc binh chủng Nhảy Dù. Hùng Sùi nói biết nhà nữ ca sĩ Minh Hiếu. Năm đó Minh Hiếu mới ra hát, còn trẻ, mồm mĩm dễ... ghét lắm. Hùng Sùi nói “*tao là fan số 1 của Minh Hiếu*”, và móc bóp ra một sợi tóc nói là tóc của nữ ca sĩ này, ông xin được, luôn để trong bóp. Thế là tôi và Lê Hoàng Hoa cùng Hùng Sùi hẹn đến nhà Minh Hiếu chụp ảnh in

bìa sách. Cô ở trên lầu căn nhà dường như bên đường xe lửa số 6, Phú Nhuận. Minh Hiếu trang điểm khá công phu, mặc bộ đồ ngủ rất đẹp, chuẩn bị sẵn một sấp thư. Tư thế chụp hình do Lê Hoàng Hoa sắp đặt: Minh Hiếu nằm sấp



Poster phim *Chân Trời Tím*.

trên giường đọc những lá thư rải rác quanh cô.

Bất ngờ trời đổ mưa lớn. Nhà dột, giường Minh Hiếu nằm cũng tí tách những giọt mưa rớt xuống. Hùng Sui và Lê Hoàng Hoa cấp tốc bê giường sang gian bên, tiếp tục chụp ảnh. Hơn 10 tấm ảnh màu của Lê Hoàng Hoa ra đời. Bìa *Những Lá Thư Màu Xanh* xuất bản năm 1963 là một tấm. Tiếc là tôi không còn cuốn sách để gửi tác phẩm ảnh này của đạo diễn đến bạn đọc. Kỷ niệm này, sau 40 năm, mỗi lần gặp nhau chúng tôi còn nhắc lại.

PHIM CHÂN TRỜI TÍM RA ĐỜI

NHU THẾ NÀO?

Trước hết, Quốc Phong thương lượng với tôi để làm thành một cuốn phim “đặc biệt”, thời đó kỹ thuật mới nhất của điện ảnh là cinema-scope, màu technicolor...

Chúng tôi nghĩ đến đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, người ôm ấp nhiều ý tưởng “làm mới” theo điện ảnh nước ngoài. Hoàng Vĩnh Lộc cũng rất hào hứng. Sau khi đọc *Chân Trời Tím*, anh loay hoay viết tạm kịch bản và tìm diễn viên. Anh muốn có một khuôn mặt mới cho điện ảnh Việt Nam nên tìm một sinh viên cao ráo, bảnh trai, hoạt bát, đóng vai Phi, vai chính trong phim, rồi đến một dàn nữ diễn viên như Kiều Chinh, Thanh Lan... Nhưng 7 ông chủ của hãng phim Liên Ảnh lại có nhiều bất đồng. Cuối cùng, Quốc Phong đề nghị đạo diễn Lê Hoàng Hoa và 2 diễn viên chính là Hùng Cường và Kim Vui. Chẳng biết Quốc Phong thuyết phục ra sao, tất cả 7 ông chủ hãng phim đều gật đầu, dù tôi khá lo ngại về Hùng Cường và Kim Vui.

Tin đó được tung ra, có nhiều dư luận bất lợi vì đổ ky, ghen ghét. Hùng Cường bị một đám phá rối. Một ký giả

hồi đó, tường thuật lại chuyện tai nghe mắt thấy, xin trích một đoạn ngắn trong phóng sự “Hùng Cường và Kim Vui bị phá rối”:

“... Một buổi nọ tại sân quay của Liên Ảnh công ty, đạo diễn đang hướng dẫn Hùng Cường và Kim Vui về diễn xuất trước ống kính máy quay phim, thì tại quán cà phê gần trước của phim trường, có mấy tay tài tử chuyên nghiệp thuộc dạng thường, chuyên đóng vai phụ, nếu nói theo cái lương thì kếp nhì, kếp ba. Mấy tay này dựng Honda, một tên đi vào phim trường coi tập duyệt, còn mấy tên kia ngồi lại kêu cà phê uống ngồi chờ. Độ nửa giờ đồng hồ thì tên kia đi trở ra, mấy tên ngồi chờ chưa kịp hỏi thì anh ta phát tay lia lịa, miệng thốt lên: “Hôi mùi cái lương quá”! Đi ra lẹ lẹ không dám coi thêm... Thế là mấy tên cười rần lên như đang coi một màn hài hước.

Lúc đó cách một chiếc bàn, nghệ sĩ Năm Châu đang ngồi uống cà phê, ông được Liên Ảnh mời đến xem Hùng Cường đóng phim, lại gặp người mà trước đây từng quen biết trong lúc chuyển âm phim nên ngồi trò chuyện. Khi nghe mấy tên này nói như vậy, ông lên tiếng: “Mùi hôi cái lương như thế nào vậy? Mấy chú nói rõ lên đi”.

Gặp phải một nghệ sĩ kỳ cựu của cái lương có máu mặt, mấy tên du đãng lên Honda đông mắt. Và sau việc Hùng Cường bị châm chích thì người ta tự hỏi, phải chăng nghệ thuật điện ảnh chỉ dành riêng cho một số người mà thôi, những ai đang làm nghề nghiệp khác nếu bước vào thì cũng bị “tai họa” như Hùng Cường!”

BẤT NGỜ LỚN NHẤT CỦA TÔI

Thật ra tôi cũng bị ám ảnh bởi cái tên Hùng Cường trên các sân khấu cái lương và Kim Vui gần như chưa tạo được

tên tuổi gì trong làng ca nhạc chứ chưa nói tới điện ảnh. Nhưng tôi đã lầm. Khi xem Kim Vui diễn xuất lần đầu với Hùng Cường dưới bàn tay “phù thủy” Lê Hoàng Hoa, tôi thán phục tài năng của bộ ba này. Họ đóng phim rất tự nhiên, thuần thực, đúng như Mai Thảo dặn dò Hùng Cường: *“Đóng phim là không đóng gì cả”*.

Hùng Cường lột bỏ ngay được bộ mặt thường có trên sân khấu, anh vào vai diễn bình thường, giản dị như một hạ sĩ quan thật ngoài đời. Kim Vui vào vai cô vũ nữ đang yêu tận tình, dịu dàng, chung thủy nhưng khi cần tàn nhẫn lại rất “kinh khủng”. Cả hai như có tài năng thiên phú hay “gien” di truyền. Quốc Phong quá hài lòng vì sự lựa chọn của mình, tuyệt đối tin tưởng vào bộ ba này.

Một tờ báo đã viết:

Lê Hoàng Hoa “Trường hợp Liên Ảnh công ty đã dẹp bỏ mọi dư luận, mọi thành kiến và cả sự công kích của một số người. Ông giám đốc Quốc Phong được coi như người làm thương mại, ông nhắm vào con số đông đảo khán giả cải lương nên mời Hùng Cường cộng tác và phim đã thành công như nhiều người biết.

Quả đúng như vậy khi phim Chân Trời Tím được trình chiếu chẳng những thành công về tài chánh, mà còn đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật năm 1971. Chưa dừng lại ở đó, Chân Trời Tím lại còn được chiếu tại Lào và Pháp. Đó là lần đầu tiên một cuốn phim Việt Nam phụ đề Pháp ngữ mang tên L’Horizon Pourpre được gửi đi trình chiếu tại Đại Hội Điện Ảnh tổ chức ở Dianard, Anh Quốc”.

HÙNG CƯỜNG ĐI MUA “LON HẠ SĨ”

Trong ngày đầu quay phim, Hùng Cường chạy đến ghé

tai tôi hỏi nhỏ: “*Anh ơi cái lon hạ sĩ thế nào, em chưa có*”. Chết thật, Hùng Cường đóng vai chính là hạ sĩ Phi trong phim, vậy mà không ai ngờ anh chưa biết cái lon hạ sĩ ra sao, đeo ở đâu. Tôi bèn lôi ngay Hùng Cường ra xe, chở đến tiệm An Thành trước cửa chợ Bến Thành, mua một cặp “lon hạ sĩ” và đeo giùm lên tay áo.

Trẻ con, người lớn, nhất là phụ nữ kéo đến xem nghệ sĩ Hùng Cường, cứ nháo nhác hỏi nhau “*anh ấy vào lính khi nào vậy*” rồi chỉ trỏ lung tung, chả ai thèm nhìn tôi. Cái “lon” ấy Hùng Cường đeo gần hết cuốn phim.

Năm 1996 Hùng Cường mất tại Mỹ, nhưng vẫn còn mãi mãi một giọng ca vàng sân khấu cải lương, một tiếng hát nồng ấm mạnh mẽ trên sân khấu ca nhạc cùng Mai Lệ Huyền, và là một diễn viên điện ảnh xuất chúng. Hùng Cường đã ra đi vĩnh viễn để lại đằng sau người con nam ca sĩ cũng nổi tiếng nhiều năm qua là Quang Bình và một đạo diễn nổi tiếng không kém là Quang Đại.

KIM VUI CÓ THÂN HÌNH TUYỆT ĐẸP

Nhà văn và nhà phê bình Hồ Trường An đã diễn tả vẻ đẹp của Kim Vui trong bài *Theo Chân Những Tiếng Hát* trên báo Tổ Hợp Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản năm 1998:

“*Kim Vui mặc áo dài thì áo dài phải mang ơn chị, vì nhờ chị mà áo mới đạt được cái đẹp trong công việc bọ ngực bó eo người mặc. Cái eo của chị thon, lưng chị dài, đùi chị cũng dài, ngực và hông chị đều cao và lông lộng nét tròn mê hoặc. Chị mặc áo đầm hở vai, và mang găng tay kéo lên khuỷu tay, áo và găng đều bằng nhung đỏ hay nhung đen thì quá choáng lộn, quá bốc lửa như Rita Hayworth trong phim Gilda. Kim Vui cuốn tóc từng lọn boucles anglaises thì đẹp và sang như bà hoàng. Rất tiếc, khán thính giả thích xem nhan sắc của chị lúc chị hát chứ*

không kể số gì tới giọng hát có căn bản ủa chị.

Về phim ảnh, Kim Vui đóng ba phim Chân Trời Tím, Thương Hận và Cúi Mặt. Chính nhờ vai Liên trong Chân Trời Tím, chị đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc. Trong phim này, chị có dịp mặc áo tắm và có dịp khỏa thân trước giá vẽ của nhân vật họa sĩ để phô bày đường cong nét lượn tuyệt mỹ trên thân thể chị. Hùng Cường, bạn đồng diễn trong phim Chân Trời Tím có lần tuyên bố với báo chí rằng về điện ảnh, Kim Vui là bạn đồng diễn lý tưởng nhất của anh.

Ngoài tài năng nghệ thuật trình diễn đa diện, Kim Vui còn biết vẽ tranh sơn dầu...”

NHỮNG DIỄN VIÊN CÓ MẶT TRONG CHÂN TRỜI TÍM

Thật ra phim *Chân Trời Tím* còn có một số tài tử, danh ca khác cùng tham gia diễn xuất, tôi không nhớ hết, xin tạm kể: Diễn viên trong phim gồm Hùng Cường vai Phi, Kim Vui vai Liên, Thanh Lan và Mộng Tuyền trong vai Ánh Nga và vai Loan, hai cô con gái của trung tá Lạc, Bảo Ân vai Điền, Ngọc Đức vai Paul, Ngọc Phú vai đại úy Minh, Hà Huyền Chi, Khả Năng dù đóng phim lần đầu song cũng rất “ngầu” trong vai quân nhân bảo vệ tiền đồn... Và hơn 200 diễn viên quân đội. Bộ phim này đoạt ba giải vàng Văn Học Nghệ Thuật trước 1975.

NHỮNG ĐƠN VỊ YẾM TRỢ VÀ ĐÓNG PHIM

Theo chỉ thị Bộ Tổng Tham Mưu, một buổi họp tại Bộ Tư Lệnh Biệt Kích, Nha Trang được tổ chức. Tham dự gồm các đại diện có thẩm quyền tại Bộ Tư Lệnh Biệt Kích; Bộ Tư Lệnh Không Quân, Nha Trang; trường Biệt Kích, Động Bà Thín, Cam Ranh; trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế;

Bộ Tư Lệnh Hải Quân; Tiểu Khu Nha Trang...cùng Quốc Phong, đại diện hãng phim và tôi, đại diện Bộ TTM thuyết trình về cuốn phim và nhu cầu yểm trợ. Buổi họp được các vị tư lệnh các binh chủng có mặt thảo luận sôi nổi và rất tích cực giúp mọi phương tiện cho cuốn phim.

Trường Biệt Kích có một tiểu đoàn đóng vai “địch tấn công đồn”. Một tiểu đoàn của trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế làm đơn vị đồn trú bị tấn công được Không Quân yểm trợ, sau đó là pháo binh, thiết giáp. Vũ khí địch được điều động từ Phòng 4 Bộ Tổng Tham Mưu. Tiền đồn Suối Dầu gần Nha Trang đã hư hỏng nên được lệnh dựng một đồn khác. Chúng tôi xin dời lại ngày phá đồn để quay phim. Cảnh Không Quân giải vây, dội bom, bắn đạn xối xả quanh đồn và phá hủy tiền đồn là cảnh quay thật. Thiết giáp cũng thả hỏa lực. Cảnh này được một sĩ quan Không Quân và đại tá tư lệnh Biệt Kích chỉ huy. Lê Hoàng Hoa ở bên cạnh làm công việc chuyên môn rất thành công, không một sơ



Từ trái: Lê Hoàng Hoa, Nguyễn Quốc Thái, Đinh Cường, Văn Quang gặp nhau năm 2001 tại Sài Gòn.

sót nào xảy ra nên không có tai nạn như lo ngại.

Kỷ niệm và những điều về thực hiện phim *Chân Trời Tím* với Lê Hoàng Hoa còn rất nhiều. Tiếc rằng tôi không thể viết hết vì trí nhớ ở cái tuổi tôi có lẽ không còn được minh mẫn.

Sau này, có thể kể là những năm sau 2000, Lê Hoàng Hoa từ Ba Lan về gặp lại chúng tôi vài lần. Vẫn thăm đượm tình anh em. Tuy nhiên tôi cũng thấy Lê Hoàng Hoa có chút “mặc cảm” với chúng tôi, có lẽ vì anh đã làm phim *Chân Trời Tím* rồi sau đó lại làm những phim khác hẳn với *Chân Trời Tím*... nhiều phim, trong đó phim *Ván Bài Lật Ngửa* với tên đạo diễn Khôi Nguyên là nổi tiếng hơn cả.

Nhưng đó là chuyện các năm sau 1975.

Tuy nhiên chúng tôi đều cố tránh nhắc đến chuyện đó, đôi khi con người có những nghịch cảnh oái oăm, khó nói thành lời.

Xin mượn bài viết này vĩnh biệt Lê Hoàng Hoa, nhà đạo diễn tài ba và cũng đào hoa hạng nhất Việt Nam qua nhiều thời kỳ. Hôm nay cũng là ngày đưa anh tới nơi an nghỉ cuối cùng.

(Sài Gòn, 3-8-2012)

CHƯƠNG 33

GIÃ TỪ ĐOÀN XUÂN NGỌC

O vào tuổi tôi, cứ vài tuần lại nhận tin buồn về một người bạn “ra đi”. Dù quen thân hay sơ đều thấy nao nao một nỗi ngậm ngùi.

Vậy trong bài này, xin phép bạn đọc cho tôi được tạm gác lại thời sự để vĩnh biệt một người bạn rất thân vừa từ trần.

Đó là ông Đoàn Xuân Ngọc, tục gọi là Ngọc Chả Cá, dù trong hàng loạt bài phóng sự của tôi từ trước đến sau năm 1975, ông là nhân vật chính, mang “biệt danh” Ngọc Toét. Cũng xin nói ngay mất ông không hề toét. Sở dĩ tôi tặng ông cái *nick name* này vì ông hay dụi mắt mỗi khi cao hứng đấu láo với bạn bè và để dễ dàng phân biệt với nhiều ông Ngọc khác như Ngọc Khùng, Ngọc Ghê...

Đoàn Xuân Ngọc từ trần tại San Jose lúc 0g45 sáng 25-9-2012, hưởng thọ 81 tuổi. Ông sinh tháng 9-1932, hơn tôi đúng 1 tuổi. Tôi cũng sinh tháng 9 nhưng là năm 1933.

Ông mất sau khi các con và bạn bè tổ chức mừng sinh nhật ông đúng 1 ngày.

Nếu bạn đọc đã nghe nói đến món ăn rất nổi tiếng là chả cá Hà Nội, thì đó chính là gia đình ông Ngọc Toét đã khai sinh cái cửa hàng ấy và nó còn tồn tại đến ngày nay vẫn ở nơi chốn cũ, vẫn căn nhà cũ. Hiện nay cửa hàng do người em ông trông coi, vẫn đắt khách và vẫn mang hương vị “ngàn xưa”. Thỉnh thoảng ông Ngọc Toét từ Mỹ ghé về “cuối ngựa xem... cá” thôi. Hai anh em ông rất giống nhau, nhìn là biết ngay. Cũng cao cao, gầy gầy, xương xương, mặt hơi dài dài, và... mắt cùng không toét. Điều ngạc nhiên là ông Ngọc sinh trưởng trong “môi trường chả cá”, là “con nhà nòi” mà không hề ăn mắm tôm. Điểm khác nữa là ông không bao giờ đi dancing, không chơi bất cứ thứ “cờ bạc” nào, chỉ lai rai nhậu.

ANH HÙNG NGỌC CHẢ CÁ



Ông Ngọc nổi danh một thời ở Hà Nội thuở còn rất trẻ. Khi chưa quen biết ông, tôi nghe thiên hạ đồn hỏi Hà Nội còn thuộc quyền cai trị của Pháp (vào thập niên 40-50), mấy anh Tây lai, Tây thật, dân học trường Tây hay bắt nạt mấy anh học trò Việt. Chúng nó toàn là công tử “nhà mặt phố, bố làm to”, y chang

các con ông cháu cha bây giờ vậy. Có thằng bố là chánh sở mật thám, có thằng là con một chánh sở phủ Toàn Quyền...

Nhưng có lần chúng chui vào phố Chả Cá đánh lộn, ông Ngọc liền cắt tai một thằng Tây con khiến cả bọn từ đó không dám vênh váo ở Hà Nội nữa.

Thế là ông thành “anh hùng Ngọc Chả Cá”.

Năm 1953, ông được lệnh động viên vào khóa 4 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ông ở Đại Đội 2, tôi ở Đại Đội 3, cách nhau một dãy nhà, giữa khu đó có một bãi cỏ, chúng tôi dùng làm sân bóng chuyền. Những ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật không được đi phép ra Sài Gòn, chúng tôi quần thảo nhau ở bãi cỏ cho đỡ buồn. Tôi gặp “người hùng Ngọc Chả Cá” ở đó. Chẳng hiểu sao ông lại khoái tôi, rủ lên câu lạc bộ uống bia. Tôi không uống rượu từ nhỏ nên chỉ ngồi nhâm nhi ly cà phê.

Từ đó chúng tôi thân nhau, ông kể khối chuyện về những ngày thơ ấu. Nét đặc biệt nhất của Ngọc Chả Cá là nói chuyện rất có duyên mà không bao giờ cười. Ông nói thật hay bịa chuyện, nói dóc, chẳng biết đâu mà lần.

Có lần ngồi giữa Brodard với khá đông anh em, ông thản nhiên nói: *“Tao mới gặp em ca sĩ XX... em hỏi có biết tại sao mặt em bị rỗ hoa không?”*

Anh em lắng nghe, ông nói tiếp: *“Em kể, tháng trước mới cãi nhau với anh Hùng, anh ấy cãi hăng quá làm nước bọt bắn vào mặt em, thế là em bị rỗ hoa”.*

Những câu chuyện “ngắt ngưỡng” như thế khiến bạn bè rất khoái nghe ông đầu lảo.

Từ đó, tôi lại có thêm một nhân vật phóng sự nữa là Hùng Sùi. Thật ra trong loạt phóng sự của tôi, có 3 nhân vật “trung tâm” là Ngọc Toét, Hùng Sùi, Mai Hắc Lào đều

là bạn thân của tôi. Để làm “đối trọng” với 3 nhân vật ấy có 3 nhân vật “dân sự” là Pôn Húc Con, Pôn Húc Bố và bà Phán Phom.

TRÊN CHUYẾN TÀU RA BẮC

Tôi nhớ rất rõ, chuyến tàu Gascogne chở sinh viên sĩ quan từ Sài Gòn ra Bắc học *stage* cuối khóa vào khoảng cuối tháng 3-1954. Đại đội tôi và đại đội 2 học tại trường Commandos Nord Viet Nam ở Bãi Cháy, Hạ Long; còn hai đại đội khác học *stage* ở Đồ Sơn.

Ba ngày nằm trên tàu biển, đại đội tôi may mắn được nằm ở khoang tàu trên cùng, đỡ bị say sóng. Nhưng ngày hai buổi đi xuống hầm tàu lấy cơm, vất vả hơn đi hành quân. Phải leo xuống chùng mười cầu thang hẹp téo vừa đủ một người đi mới đến bếp.

Hàng mấy trăm Sinh Viên Sĩ Quan chen chúc nhau, sức yếu, tôi chỉ nhờ vào tài “xung phong” của ông Ngọc Chả Cá và ông Hùng mới có cơm ăn.

Hai tháng ở trường Commandos quả thật gian nan, lúc đó mới biết cái cầu khi nguy hiểm thế nào. Cơm để trên đỉnh núi, đi ca-nô ra tập leo núi, không leo được đến đỉnh núi với 1 cái dây duy nhất thì nhịn đói. Còn phải học nhiều trò nguy hiểm nữa để trở thành một sĩ quan chỉ huy Commandos — hồi đó chưa gọi là Biệt Động Đội. Chúng tôi vẫn sát cánh bên nhau, chia xẻ khó khăn và cùng tốt nghiệp khóa này.

Trở lại trường Sĩ Quan Trừ Bị, làm lễ mãn khóa xong là anh em xa nhau. Ông Ngọc về chiến đấu ở sư đoàn Bộ Binh, ông Hùng Sùi và Mai Hắc Lào về Nhảy Dù, tôi về làm huấn luyện viên trường Commandos từ Bãi Cháy mới dọn vào Đồng Đế, Nha Trang tháng 6-1954. Nhưng do cái số,

chỉ hơn một năm sau, tôi được lệnh về phục vụ tại Nha Chiến Tranh Tâm Lý, Bộ Quốc Phòng.

BÀI BÁO DUY NHẤT CỦA ĐOÀN XUÂN NGỌC

Vào khoảng 1960, thời chiến tranh mới bộc phát tại miền Nam Việt Nam, chưa có nhiều phóng viên nên tôi và anh em trong tòa soạn mấy tờ báo Quân Đội thường phải đi làm phóng sự chiến trường.

Mãi sau này, khi chúng tôi huấn luyện được một khóa Phóng Viên Tiền Tuyến, gửi về công tác tại các Sư Đoàn, các anh ấy đều rất xuất sắc, lúc đó tôi mới đỡ phải khăn gói ra máy bay bất cứ khi nào cần.

Một lần tôi đáp trực thăng xuống mặt trận vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, trên cánh đồng giữa tỉnh Chương Thiện. Chiến trận chưa kết thúc hoàn toàn, đây đó còn vương mùi khói súng, thỉnh thoảng còn nghe tiếng đạn nổ.

Vừa xuống máy bay, đã thấy Ngọc Toét chạy tới.



Ông Ngọc và bạn bè tại Sài Gòn năm 2006.

Tôi hỏi đùa: “Mày đánh trận này sao?” Ông Ngọc cười ha hả: “Tao đảm chứ không cần đánh”.

Sau đó ông tường thuật chi tiết trận đánh này.

Tôi chưa ghi chép xong thì trực thăng đã cất cánh tới quân khu 4. Còn một số chi tiết, về đến tòa soạn, tôi phải điện thoại hỏi lại ông Ngọc. Ông tường thuật, tôi viết bài, sau đó ký tên chung “*Tường trình của Đoàn Xuân Ngọc và Văn Quang*” trên báo Chiến Sĩ Cộng Hòa.

Đó là bài báo duy nhất của ông Đoàn Xuân Ngọc.

NHÂN CÁCH ĐẶC BIỆT CỦA NGỌC TOÉT

Phải nói thẳng ra là ông Ngọc có một nhân cách rất đặc biệt “không giống ai”. Ông quen biết nhiều, giao thiệp rộng từ “cánh giang hồ” đến “dân chơi Cầu Ba Cánh” và cả những vị “ăn trên ngồi trước”. Nhưng với ai ông cũng cư xử giống nhau. Tốt là bạn, xấu là thù, rất rõ rệt, không cần màu mè riêu cua. Vợ một “ông lớn” nói ngang, ông “xạc” ngay tại chỗ. Ông luôn hết lòng vì bạn, không nghĩ đến mình. Vì vậy, bạn ông rất nhiều và ai cũng “khoái” ông. Tôi không dùng chữ “quý trọng”, bởi thật sự trong chữ “khoái” có cả lòng quý trọng rồi. Cái tin ông mất khiến anh em khắp nơi thương tiếc vô cùng, những cú điện thoại, những cái e-mail từ khắp nơi gửi đi, gửi đến tới tấp. Mặc dù chúng tôi đều biết ông bị ung thư đến thời kỳ thứ tư. Vài tháng trước, khi điện thoại cho tôi, ông nói tình bơ: “*Tao đi khám, bác sĩ không cho thuốc gì hết, tao hết thuốc chữa rồi. Gửi lá đu đủ cho tao*”.

Cháu Thanh, con gái ông về Sài Gòn gặp tôi, mang theo một bao lá đu đủ về Mỹ cho bố. Nhưng có lẽ đã quá muộn. Tôi thường điện thoại hỏi bệnh tình ông, ông vừa đeo bình oxy vừa trả lời. Có khi khỏe, ông vui như tết. Vẫn cái giọng “giang hồ”, bất cần đời, ông thản nhiên chấp nhận

sự “ra đi”. Có lẽ những người bạn tôi, ở vào cái tuổi 80, ai cũng dễ dàng chấp nhận điều không ai tránh khỏi này. Nhưng ở ông Ngọc sự chấp nhận ấy có vẻ “bình thường” như đi *shopping*.

KỶ NIỆM CUỐI CÙNG

Trước đó một tuần, tôi gửi *mail* nhờ anh Hồ Đăng Trí sắp về Việt Nam, mua giùm chúng tôi 2 hộp thuốc tim mạch và cũng có lời dặn dò rằng nếu anh không lấy tiền, lần sau tôi không dám nhờ anh nữa. Anh Trí vui chuyện nói với ông Ngọc, ông nhất định đòi trả tiền 2 hộp thuốc.

Ông Ngọc gọi điện thoại cho tôi bắt tôi phải nhận.

Ông nói “tao sắp đi rồi, còn cái gì làm được cho mày thì tao làm”. Buộc tôi phải nhận.

Ông linh cảm thấy ngày ra đi của mình nên trước khi Hồ Đăng Trí về Sài Gòn ngày 04-9, ông nói: “Chắc khi Trí về đến San Jose không còn gặp anh nữa đâu”.

Quả đúng như thế, Trí còn ở Sài Gòn, mới 5 giờ sáng đã gọi cho tôi báo tin ông Ngọc mất đêm qua rồi.

Tuổi già không ngủ được, tôi thường dậy vào lúc 2, 3 giờ sáng, lúc đó tôi đã nhận được hàng chục cái mail báo tin buồn này.

Bà xã tôi khóc, tôi ngồi lặng, dù biết trước mọi chuyện sẽ phải đến như thế. Bà xã tôi kể lại là khi ông Ngọc về Sài Gòn ở nhà tôi, ông nói chuyện với một bà cô ở Hà Nội, bà xã tôi thấy ông chảy nước mắt.

Bà tự hào rằng: “Anh chơi với ông Ngọc gần hết cuộc đời mà chưa thấy ông Ngọc khóc. Em thấy rồi. Con người tình cảm của ông ấy sâu sắc lắm”. Có lẽ vì thế, ông có những người con trai và con gái ở bên ông rất có hiếu, rất

thương bố. Cậu con trai đi làm về là buổi chiều đến tắm cho bố, con gái phục vụ bất cứ thứ gì ông cần. Máy người con ông còn ở Việt Nam cũng hết lòng với bố.

LỜI HỨA NĂM TRƯỚC KHÔNG THỰC HIỆN ĐƯỢC

Năm trước, ông về Hà Nội giỗ thân phụ, khi vào Sài Gòn, ông có nhiều bạn bè nhà cao cửa rộng, có ông còn có cả khách sạn, mời ông tới ở. Nhưng ông nhất định chui lên căn phòng nhỏ của tôi ở chung cư cùng chúng tôi. Ông chiếm cái bộ *salon* nhỏ, đồ đạc để đống dưới gầm bàn ăn, tiếp đủ loại khách ở đó, đêm nằm xem ti-vi và nói chuyện đời xưa với tôi. Ông coi đó mới chính là cuộc sống của những anh già.

Bảy ngày sau, khi ông gọi taxi ra phi trường về Mỹ, hai anh già cầm tay nhau, ông hứa “*năm sau tao lại về với mày*”. Nhưng năm nay... không bao giờ ông Ngọc về lại cái chung cư nghèo nàn nhỏ hẹp này nữa!

Ngọc ơi, ông ra đi có nhớ lời hứa này không? Hay chúng ta hẹn gặp nhau ở một nơi vĩnh hằng?

(Sài Gòn, 28-9-2012)

CHƯƠNG 34

“VĂN HÓA KHÔNG TÊN” TẠO NÊN LINH HỒN SÀI GÒN XƯA

Sáng Thứ Sáu vừa qua, tôi được một ông bạn điện thoại rủ ra Givral uống cà phê. Tôi rất ngạc nhiên vì từ hơn 2 năm nay Givral trong thương xá Eden đã bị đập phá tan tành để... làm một cái gì đó, chắc cũng “vĩ đại” như tòa nhà Vincom chiếm trọn khu vườn hoa trước mặt.

Mỗi lần đi qua đường Đồng Khởi, tôi không thể nào quên đó là đường Tự Do xưa kia...

Nhìn toàn bộ khu tứ giác Eden chỉ còn là đồng gạch vụn với những hàng rào kiên cố xung quanh cứ như nhìn thấy... cái gọi là “trại cải tạo.”

Thì ra, sau hơn 12 năm, cái “trại cải tạo” ấy vẫn còn ám ảnh tôi ngay cả trong vô thức, đôi khi ngay cả trong giấc mơ. Thế nên mỗi khi đi qua khu Eden bị tàn phá đó, tôi bỗng cúi đầu, chẳng muốn nhìn lâu và cũng chẳng muốn tìm hiểu xem trong thời gian tới, nó sẽ mọc lên cái gì. Tôi cứ nghĩ Givral đã thuộc hẳn về quá khứ, như những người

bạn tôi ra lò hỏa thiêu, không bao giờ gặp lại. Ông bạn thấy tôi khựng lại, ông giải thích:

– Nó mở lại Givral hôm qua, 10-10-2012, ở chỗ cũ rồi ông ạ. Cũng điểm tâm, cà phê như xưa. Ra ngồi xem cho biết, nhớ lại chút kỷ niệm xưa.

Nghe bùi tai, tôi đồng ý ngay, dù biết rằng ra đó ngồi sẽ rất ngậm ngùi nhớ bạn, nhớ tình, nhớ thời trai trẻ, nhớ đủ thứ... trong cái không gian ấy.

CÁI “TRỤC VĂN HÓA KHÔNG TÊN”

Nói đến Givral là nhớ đến La Pagode, Brodard... Chắc hẳn những người từng sống, từng ghé qua Sài Gòn chưa ai quên, nhất là những văn nghệ sĩ, nhà báo, dân biểu, thường ngồi ở đây làm nơi trao đổi tin tức nghề nghiệp. Còn một số lớn khách du lịch, sĩ quan, quân nhân, công tư chức làm việc tại “thủ đô miền Nam” và các bạn trẻ Sài Gòn thập niên 1960-1975 cũng hay lui tới nơi này.

Một địa điểm trung tâm thành phố, rất thuận tiện cho mọi việc, từ hẹn hò, mua sắm, đợi giờ vào rạp chiếu phim, hoặc chỉ đi “bát phố” mà hồi đó chúng tôi gọi là đi “hittuking”, tức là đi “hít tù kính” chứ không mua bán gì. Hơn thế, thương hiệu bánh ngọt Givral rất nổi tiếng, thu hút nhiều khách sành ăn. Mấy bà đi ngang qua Lê Lợi, Tự Do ghé vào mua vài cái bánh mang về cho chồng con là chuyện bình thường.

Givral, La Pagode, Brodard đã trở thành cái “trục văn hóa không tên” phảng phất mà rất sâu đậm trong cái hồn của Sài Gòn. Sau năm 1975, Givral vẫn sống sót đến khi khu này bị “giải tỏa”, nhưng khách không còn “chọn lọc” như thời xưa. Khách hàng đủ mọi loại, ông Tây bà Đám, ông Hàn Quốc bà Đài Loan, chân dài đẹp, chân dài xấu,

nghệ sĩ thập cẩm ra vô thông thả, và giá cả cũng vào loại trung bình, không “mềm” cũng không “cắt cổ”.

GIVRAL NGÀY ẤY... BÂY GIỜ

Trong khi ông bạn tìm chỗ gửi xe, tôi đứng trên đường Lê Lợi nhìn qua khung kính vào nhà hàng Givral mới. Nó vẫn ở cái góc Lê Lợi – Đồng Khởi, mấy cửa kính lớn vẫn cho khách có thể nhìn ngắm hai mặt đường phố và tất nhiên khách đường phố cũng có thể chiêm ngưỡng những khách hàng “đẳng cấp” ngồi bên trong.



Điều đáng tiếc là cái cột to tướng đứng vào góc đẹp nhất che lấp mất tầm nhìn nơi cửa chính trước kia, làm cho không gian có vẻ như chật chội hơn, không thể nhìn thẳng ra nhà hát lớn, khách sạn Continental với phong cách rất Tây và khách sạn Caravelle cùng cái vòng xoay và những con đường chảy vào giữa lòng thành phố.

Chúng tôi bước vào nhà hàng với vẻ lạ lẫm. Những bàn ghế mới toanh, những bộ salon kê hai bên góc khá đẹp. Tất cả đều mang vẻ sang trọng như bất cứ nhà hàng cà phê, điểm tâm “có hạng” nào ở các thành phố lớn.

Khoảng 9 giờ sáng, khách đã chiếm hết số bàn trong tiệm. Số còn lại ngồi rải rác quanh chiếc comptoir hình móng ngựa. Những người hoàn toàn xa lạ ngồi riêng biệt, chẳng ai nhìn ai.

Không khí ấy khiến tôi không thể quên ngày xưa. Tuy ngồi khác bàn nhưng chúng tôi vẫn có thể biết xung quanh mình có những ai. Bàn bên kia là bốn năm anh ký giả chuyên làm tin hành lang Quốc Hội, bàn góc trái là mấy dân biểu Hạ Nghị Viện thời Đệ Nhị Cộng Hòa say sưa bàn về “ý kiến” đã và đang chuẩn bị lên diễn đàn. Bàn giữa nhà là mấy “dân chơi” quen mặt, có lẽ ngồi đợi người đẹp... Thỉnh thoảng một cái gật đầu, một cái vẫy tay, một ánh mắt thân thiện. Sự gần gũi, quen thuộc ấy chính là linh hồn của Givral trước 1975.

Bây giờ không tìm lại được nữa.

CÁI “TRỤC VĂN HÓA” TỪ LA PAGODE, GIVRAL ĐẾN BRODARD KHÁC NHAU

THẾ NÀO?

Nằm chung trên đường Tự Do xưa, có ba quán café nổi tiếng như nhau. Bắt đầu từ nhà hàng La Pagode ở góc Lê Thánh Tôn – Tự Do qua vài nhà hàng đến tiệm sách Xuân Thu rồi hành lang Eden trong đó có rạp Ciné Eden từ hồi... hoàng đế Bảo Đại mới lên ngôi. Góc đường này là Givral đối diện với khách sạn Continental, sát bên trụ sở Hạ Nghị Viện (Nhà Hát Lớn cũ), nhìn chéo sang phải là

khách sạn Caravelle sinh sau đẻ muộn. Đi quá chút nữa là nhà hàng Brodard. Ba tiệm cùng nằm trên một con đường rất gần nhau, chỉ cách khoảng trên dưới 100 mét và gần như có kiểu kinh doanh giống nhau. Nhưng nếu để ý kỹ, khách hàng thường chia làm 3 loại — chỉ kể riêng về mặt



“sinh hoạt văn hóa”.

Trước hết là nhà hàng La Pagode, theo tôi, “cổ kính” nhất. Từ năm 1953, khi mới biết taxi là “cái giống gì” (bởi miền Bắc chưa có taxi), tôi đã biết La Pagode. Hồi đó La Pagode còn bày hàng ghế salon bọc da ngoài hành lang, theo lời Nguyễn Sa thì giống hệt nhiều nhà hàng ở Paris. Ngồi ở đây thoáng đãng. Khách đến thường chỉ dùng một ly cà phê, ngồi từ chiều đến tối mịt. Phía trong có một bàn đánh “tin” dành cho khách giải trí chứ không có mục đích cờ bạc kiếm tiền. Ông Hoàng Hải, anh ruột cố chuẩn tướng Lưu Kim Cương, là “nhà vô địch” về môn giải trí này. Chúng tôi chỉ cần mua một chục *jeton*, như đồng xu, bỏ vào khe là chơi triển miên. Cứ sắp hết lại kêu ông Hoàng Hải “cứu giá”, bonus lại đổ xuống hàng đồng *jeton*

tha hồ chơi.

TỪ ĐÂU CÓ “RADIO CATINAT”?

Khách hàng của La Pagode hầu hết là văn nghệ sĩ. Vào buổi chiều sau giờ tan sở, họ tụ tập tại đây. Tất nhiên cũng ngồi thành nhóm. Những ngày đầu tôi thường đi cùng Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư, và đến đây thường gặp Nguyễn Sa, Trần Thanh Hiệp, Mặc Thu, Cung Trầm Tưởng, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Tạ Quang Khôi, Viên Linh, Nguyễn Đạt Thịnh, Phạm Huấn, Anh Ngọc, Nhà Ca, Trần Dạ Từ, Nguyễn Đình Toàn... Quá nhiều, tôi không thể nhớ hết. Nhu cầu chính là đến đây gặp nhau, để... nói dóc, “bình loạn” vài tin văn nghệ, thời sự cho vui. Cả ba nhà hàng này với những cái “loa ngậm, loa không ai kiểm chứng” nên có thời người ta gọi các tin tức ấy là “radio Catinat” — bởi con đường Tự Do, thời Pháp đặt tên là đường Catinat. Tuy vậy cũng có các nguồn tin “bí mật quốc gia” rất chính xác bên cạnh các nguồn tin chẳng bao giờ là sự thật. Nó cứ nhập nhằng như thế nên “radio Catinat” chưa chắc đã là “láo toét” như nhiều người kết tội nó. Vậy tạm gọi La Pagode dành cho giới viết lách gặp nhau, xả stress.

QUYỀN LỢI HỖ TƯƠNG GIỮA PHÓNG VIÊN VÀ CÁC ÔNG “NGHỊ”

Givral đông nhất và đáng kể nhất vào mỗi buổi sáng. Phóng viên trẻ thường tụ tập ở nhà hàng này vì nó ở ngay trước trụ sở Hạ Nghị Viện, các dân biểu thường ra ngồi giải lao và “thảo luận” đủ thứ chuyện bên lề bao giờ cũng hấp dẫn hơn chuyện trong nghị trường. Chuyện “bí mật quốc gia”, chuyện phe nhóm, “gia nô” và không “gia nô”,

chuyện tình bà nghị ông nghị v.v..., cứ nghe mấy ông này là có đủ tin “giật gân” trong ngày. Cánh phóng viên thường bắt mối chặt chẽ với các ông bà dân biểu và nghị sĩ. Thật ra họ có quyền lợi “hỗ tương”: anh cho tôi tin, báo tôi yểm trợ lập trường của anh. Ngoài số phóng viên Việt Nam còn một số phóng viên Mỹ, Pháp từ khách sạn Continental trước mặt ghé sang cùng một số phóng viên người Việt làm cho các đài truyền thông nước ngoài.

NHÀ THƠ HÀNG ĐẦU THƯỜNG HẸN HÒ Ở GIVRAL

Một nhà thơ hàng đầu Việt Nam thời đó là Đinh Hùng thường hay ngồi ở La Pagode, nhưng khi “hữu sự” lại ngồi ở Givral. Dáng người “thanh thoát” nhỏ nhắn rất thu sinh. Lúc nào ông cũng chải chuốt, complet, cravate, đầu chải mượt, tay luôn xách chiếc cặp da, ông còn giữ nguyên vẻ đóm dáng, lịch lãm của “công tử Hà Nội” những năm 1950. Ông thường hẹn gặp những người ái mộ ở đây. Tôi để ý thấy hầu hết là các nữ độc giả rất trẻ, đẹp. Khi ông ngồi cùng 3, 4 cô, khi ông lại rù rì với một người đẹp duy nhất. Đúng là ông có số đào hoa, dù ngoại ngữ tuần nhưng trái tim rất trẻ. Những lúc nhìn ông “say” như thế, tôi có cảm tưởng ông giống các cậu trai 20 ngồi bên cô gái 18. Ông sống thật với rung cảm của mình. Có lẽ vì vậy thơ ông bao giờ cũng mang nét óng mượt, thần thoại rất đặc trưng. Có thể, Givral chính là nơi bắt nguồn cho những cánh thơ thăng hoa cảm xúc này.

Hôm nay ngồi ở Givral, hình bóng Đinh Hùng vẫn quanh quẩn đâu đây. Nhớ lại, khi tôi viết truyện dài *Đời Chua Trang Điểm*, tiêu đề này đã mượn từ câu thơ “đời

chưa trang điểm mà xuân đã về” của anh. Lúc gặp nhau, anh nói với tôi: “Ừ, cái tíu ấy có vẻ tiểu thuyết lắm, cứ lấy xài đi, đóng thuê cho tớ một cuốn thôi”. Mới đây mà đã hơn nửa thế kỷ rồi, anh Đinh Hùng ơi!



Nhà hàng Brodard xưa.

BRODARD VỚI NHỮNG “DÂN CHƠI”

Brodard nằm ở góc Tự Do – Nguyễn Thiệp, nhìn sang bên kia là vũ trường Tự Do của ông Cường lùn và chị “tài phán” Nhựt, bà chị này hành nghề cai quản các em “ca nhe” từ vũ trường Ritz Hà Nội vào Nam. Ở đây đông vui vào những buổi sáng muộn và buổi tối khi “gà lên chuồng” là nơi lui tới của “dân đi chơi đêm”. Những anh hùng “hào hơn” như Khê – Thăng Long Xích Thổ, anh em Kim đầu bạc, Kính tennis, Chương Marine cũng lui tới ngồi tán chuyện giang hồ. Các “đại gia, tiểu gia” thời đó không nhiều, chỉ vồn vện một số dược sĩ, tu bíp, doanh nhân có “xế bốn bánh” để chở các em đi ăn đêm. Thịnh thoảng

vài em vũ nữ loại có hạng như Lệ Hằng, Thủy Tiên, Mỹ Khuông... ở mấy vũ trường gần đó như Tự Do, Mỹ Phụng, Olympia cũng la cà vào đây tán dóc.

Ba nhà hàng ấy là 3 sắc thái riêng biệt làm nên cái trục “văn hóa không tên”, cái linh hồn của Sài Gòn, khó phai mờ trong ký ức người Sài Gòn.

Một địa chỉ nữa ở gần chợ Bến Thành là nhà hàng Thanh Thế, nơi gặp gỡ của các ký giả thể thao như đàn anh Huyền Vũ, Thiệu Võ và một số nhà báo miền Nam.

CHUYỆN BÂY GIỜ VÀ CHUYỆN NGÀY XƯA

Nhắc đến Givral và gần đây có câu chuyện về tin “siêu hot” trên nhiều tờ báo Việt Nam, tôi chợt nhớ đến câu chuyện “tai nạn nghề nghiệp” tương tự xảy ra giữa mấy phóng viên ngay tại Givral hồi xưa. Xin ghi lại chuyện vừa xảy ra trước.

Hẳn bạn đọc còn nhớ câu chuyện “tin không nổi” xảy ra vài tuần trước. Ngày 18-9-2012, VOV online, một trang tin mạng của Việt Nam, loan một tin với nội dung rất kỳ cục về “quan hệ” bố chồng nàng dâu. Sau khi VOV online đăng tin này, nhiều báo và trang tin điện tử đã trích lại, có báo còn vẽ rắn thêm chân cho tăng phần “thật” và tăng độ “gay cấn” lên cao. Câu chuyện có thể kể là ly kỳ quái đản nhất thế kỷ tại Chân Trời Tím.

Trang mạng này đưa tin nguyên văn như sau: “Bố chồng “yêu” con dâu, cùng phải đi cấp cứu”:

“Ông A. 58 tuổi, có quan hệ tình dục với cô con dâu 36 tuổi. Trong khi thực hiện hành vi vô đạo đức này, người con dâu bị chứng co thắt âm đạo làm cho bố chồng không tách rời ra được

Chiều 18-9, phó giáo sư, tiến sĩ Tạ Văn Trâm phó giám

đốc Bệnh Viện Đa Khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang xác nhận vừa quyết định chuyển 2 bệnh nhân — cư ngụ ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công — lên tuyến trên điều trị trong tình trạng “dính” nhau. Điều đáng nói là 2 bệnh nhân này là bố chồng và con dâu. Trước đó, trong lúc người con trai đi làm ở TP. Hồ Chí Minh, ông A.58 tuổi có quan hệ tình dục với cô con dâu 36 tuổi. Trong khi thực hiện hành vi vô đạo đức này, người con dâu bị chứng co thắt âm đạo làm cho bố chồng không tách rời ra được, được đưa đi cấp cứu ở bệnh viện Đa Khoa trung tâm tỉnh”.

Thật ra đây chỉ là tin do bác sĩ Tạ Văn Trâm, phó giám đốc bệnh viện Đa Khoa Trung Tâm Tiền Giang nói vui với bạn bè thôi. Hoàn toàn không có thật. Sau đó vài ngày, sáng 22-9 trang báo VOV online đã xin lỗi:

“Ngày 18-9, VOV online đã đăng tải thông tin với nội dung về quan hệ bố chồng nàng dâu. Tuy nhiên qua xác minh, phóng viên viết tin này đã có sai sót khi chỉ dựa trên một nguồn tin không chính xác, thiếu thẩm định, dẫn đến tin đưa không đúng sự thật. VOV online chân thành cáo lỗi cùng bạn đọc”.

CHUYỆN Ở GIVRAL THỜI XƯA

Chuyện này làm tôi nhớ đến chuyện có thật ở Givral hồi xưa, do Hồng Dương kể lại. Khi đó anh là phóng viên của Đài Quân Đội phụ trách tin nghị trường. Hầu như ngày nào anh cũng ngồi với nhóm phóng viên ở Givral. Trong số phóng viên có một ông, lớn hơn vài tuổi, thích “mần văn nghệ đủ thứ”, làm thơ, viết văn, nghiên cứu, phê bình văn học kiêm luôn nghề săn tin. Ông lại thích tỏ ra hiểu biết hơn người, coi mình là cái rốn của vũ trụ nên anh em không ưa. Ông nói và viết nhiều hơn những

gì ông biết. Ông chỉ đọc chừng 10 cuốn sách nhưng phê bình cả trăm văn nghệ sĩ. Chúng tôi ông chỉ nghe lỏm thôi. Một lần anh em đang tán dóc, thấy ông X.Y — xin gọi tên như vậy — đi tới.

Mọi người đều im bật. Ông X.Y đoán chắc có tin gì hay, tui nó giấu. Ông hỏi, nhưng không ai nói gì, ông càng nghi.

Sau cùng ông lựa một anh có vẻ “thật thà” nhất gắng hỏi cái tin “bí mật” kia. Anh phóng viên “thật thà” bèn bịa ngay một “tình sử” tiết lộ cho đàn anh X.Y. Tôi không nhớ rõ chuyện gì, nhưng đại khái là tin động trời như tin “bố chồng dính lẹo với nàng dâu”.

Ông X.Y tức khắc viết bản tin đăng trên tờ báo hàng ngày. Chủ nhiệm bị thiên hạ gọi đến tòa soạn hỏi tới tấp và có nhiều phản ứng gay gắt. Chủ nhiệm báo này cũng như ông chủ nhiệm VOV phải đi xác minh. Cánh phóng viên nói không hề có tin ấy. Chủ nhiệm đành đăng lời “cáo lỗi cùng bạn đọc” và cho XY nằm nhà làm việc vặt.

CÁI BẦY CỦA MẤY ÔNG BÁC SĨ

Trở lại chuyện ngày nay trên VOV, tôi thấy có dư luận trách bác sĩ Tạ Văn Trầm phó giám đốc Bệnh Viện Đa Khoa Tiền Giang nói bậy. Nhưng nghĩ cho cùng thì có thể bác sĩ Trầm thấy anh phóng viên kia hay nghe lỏm, viết văng mạng, nên ghét mặt, bèn đăng cái bầy, bịa chuyện “*bố chồng nàng dâu*” cho anh ta nghe lỏm giống như cái bầy của mấy anh phóng viên ở Givral hồi xưa thôi. Chẳng có lý do gì để một bác sĩ phó giám đốc bệnh viện lại kể một chuyện không hề có như vậy. Thiếu gì chuyện để mấy ông tu-bíp đồn với nhau, sao lại nhè lúc anh phóng viên có mặt mà “khui” chuyện kỳ quái kia? Bài học này quả là đắt

giá cho người cầm bút chuyện nghiệp và không chuyện nghiệp. Kể lại chuyện cũ, chuyện mới để bạn đọc dễ dàng so sánh hai chuyện có thể cùng một nguyên nhân không?

KHÔNG THỂ TÌM LẠI DĨ VẴNG

Tóm lại, trong bài này, tôi chỉ muốn gửi đến bạn đọc một nét “văn hóa xưa” vừa được khơi gọi lại giữa thành phố Sài Gòn. Nhưng với tôi, nó chỉ còn cái tên Givral của thời xa xưa thôi. Tất cả đều khác trước, giá cả lại quá cao không phù hợp chút nào với cánh phóng viên Việt Nam. Nó sẽ chỉ thích hợp với khách du lịch ghé ngang qua thành phố này. Dù sao cũng xin gửi đến bạn đọc nặng lòng với những hoài niệm cũ, với Sài Gòn xưa, một cái gì đã mất đi không thể tìm lại được.

(Sài Gòn, 19-10-2012)

CHƯƠNG 35

TÔ KIỀU NGÂN, TỪ ĐỜI LÍNH ĐẾN TAO ĐÀN

Lâu lắm rồi, tôi không gặp anh Tô Kiều Ngân, mặc dù chúng tôi cùng ở chung một thành phố Sài Gòn. Được tin anh từ trần vào ngày 20-10 vừa qua khiến tôi ngỡ ngàng. Sau khi xác nhận, tôi gọi điện thoại cho Huy Sơn ở Mỹ trước tiên vì Huy Sơn và Tô Kiều Ngân cùng tôi từng có thời gian dài cùng làm việc trong tòa soạn 3 tờ báo của Quân Đội là bán nguyệt san *Chiến Sĩ Cộng Hòa*, nguyệt san *Phụng Sự* và tuần báo *Thông Tin Chiến Sĩ*. Sau này Huy Sơn được chuyển sang Bộ Tư Lệnh Không Quân làm tờ *Lý Tưởng* với Hoàng Song Liêm. Sau khi ở tù cải tạo ra, Huy Sơn đi Mỹ theo diện HO.

Tô Kiều Ngân và tôi không đi theo diện HO, mỗi người có một lý do riêng. Tô Kiều Ngân ở lại, có gia đình vợ con, có nhà cửa đảng hoàng. Còn tôi lòng bông ở trọ, ở chui hết chợ Bàn Cờ đến Trương Minh Giảng rồi đến chợ An Đông, cuối cùng về cái chung cư Nguyễn Thiện Thuật và là “dân

ABC đi ở thuê” với bốn năm cái “không”. Vợ con đi tuốt hết nên trở thành độc thân thú thiệt, không đồng xu dính túi, không bạn bè, không nghề nghiệp gì — mặc dù qua 12 năm, 2 tháng 26 ngày ở “trại cải tạo”, tôi trồng rau muống rất giỏi. Khối đội phải nhờ tôi đến gieo hạt rau muống cho khu ruộng mới. Tôi gieo hạt đều lắm và... có tay nên ruộng nào cũng tốt. Thế mà về Sài Gòn thất nghiệp nặng.

Tôi cứ nhìn mấy cái hè phố mới được đào xới lên để lát gạch mới, và ước ao chỗ đó cho tôi trồng rau muống thì thành phố không thiếu rau. Cái ước mơ thật ngu xuẩn, vậy mà khi còn ở trong cái gọi là “trại cải tạo”, đôi khi tôi lại cho điều đó có thể thành sự thật! Bởi 12 năm, người ta dạy chúng tôi được có thể thôi và thành phố vào những năm đó toàn dế dấp, nón cối làm chuẩn thì việc trồng rau ở hè phố gọi là “tăng gia sản xuất” cũng có thể được lắm chứ. Hè phố là sự “lãng phí của bọn tư sản”. Ý nghĩ chưa hẳn là hoàn toàn ngu xuẩn.

Tôi không rõ Tô Kiều Ngân được tha về năm nào và cũng không biết anh ở đâu. Cái ngõ Phan Văn Trị, nơi anh ở trước kia, tôi có đến một hai lần, nhưng không chắc anh còn ở đó. Sau này tôi mới biết tin anh ở mạn Bình Thạnh và rất ít khi lên trung tâm thành phố gặp bạn bè. Anh có những nơi vui chơi riêng ở miền “ngoại ô”. Cho đến khi vợ chồng Trần Thiện Hiệp tổ chức kỷ niệm lễ thành hôn vàng bạc 40 hay 50 năm gì đó, khoảng năm 2007-2008 tôi mới gặp lại Tô Kiều Ngân. Anh có vẻ khỏe mạnh hơn lần cuối chúng tôi gặp nhau trong “trại cải tạo” ở Sơn La, khoảng năm 1977-78.

MỪNG CHO NGƯỜI CHẾT TRONG TÙ “CẢI TẠO”

Tô Kiều Ngân không ở cùng trại tù với tôi, anh đi “lao động” bị ngã gãy tay, phải đưa về trạm xá gần trại giam tôi ở từ năm 1976 khi được đưa ra Sơn La “học tập”. Dịp đó, nhạc sĩ Thục Vũ, tên thật là Vũ Văn Sâm, ở cùng đội trồng rau với tôi, anh bị đau thận đến vàng mắt. Ban đầu còn được ở lại trại, không phải đi lao động. Tôi có nhiệm vụ “thó” một ít rau sống, cung cấp cho anh hàng ngày. Nhưng khi bệnh tình quá nặng, Thục Vũ được đưa sang bệnh xá. Nói là bệnh xá, chứ ở đây cũng chẳng có thuốc men gì chữa chạy cho bệnh nhân. Mỗi lần lên khám bệnh, anh y tá bôi cho tí dầu cù-là vào tay rồi bảo về uống đi hoặc nằm ngửa cổ ra để “cán bộ y tế” nhỏ cho vài giọt nước củ tỏi vào mũi. Thế là xong. Bệnh nhân nặng chỉ còn việc nằm chờ chết. Thục Vũ ở trong trường hợp ấy.

Một buổi sáng sớm, tôi đang lúi húi trồng luống xu hào, bỗng thấy bên mình có cái gì kêu phàn phật. Từ từ ngược lên, tôi thấy một mảnh quần cây-di rách bị gió thổi bay lắc lư làm nên tiếng động nghe cũng... vui tai.

Tôi nhận ra Phan Lạc Phúc, khoác chiếc áo cây di tả tôi “đồng bộ” với cái quần rách. Nước mắt ông Phúc chảy rất chậm trên mặt, ông ghen ngào cất tiếng:

– Thăng Sâm chết ở bệnh xá đêm qua rồi.

Tôi lặng người, bởi mới hôm qua, tôi lên sang bệnh xá thăm, Thục Vũ đưa cho tôi hai gói thuốc Lào nhỏ, anh nói: “*Tôi mệt không hút thuốc được nữa*”. Ngồi nói chuyện vài phút, Tô Kiều Ngân ở trạm xá này cũng đến ngồi chơi. Tôi thấy Thục Vũ vẫn còn khỏe, vậy mà đêm qua đã ra đi.

Sau đó, Tô Kiều Ngân nói với tôi lời an ủi đúng nhất,

ngắn nhất và cũng bi thảm nhất: “Mừng cho nó, từ nay nó không còn biết đói rét và không ai hành hạ được nó nữa”.

ĐÁM TANG THỰC VŨ, HÌNH ẢNH BI THẢM NHẤT TRONG ĐỜI CHÚNG TÔI

Một buổi chiều năm 1977, khi đồi núi Sơn La bắt đầu chạng vạng, chúng tôi đang làm những việc cuối cùng ở vườn rau thì bất chợt nhìn sang lối ra từ bệnh xá, một khung cảnh hết sức đau lòng.

Trên con đường đá cũ nhỏ, vòng theo sườn núi cao vút chập chùng, cách vườn rau là cái ao, đám tang bắt đầu di chuyển chậm chạp. Hai anh cai tù vác súng AK đi đầu, theo sau là một anh tù cầm vài nén nhang, đến 4 anh tù khiêng cỗ quan tài mộc. Sau cùng lại là 2 anh cai tù vác súng AK. Suốt con đường dài âm u đó, chỉ có đám người ấy lặng lẽ chuyển động như những bóng ma.

Ở vùng đồi núi bóng tối đổ xuống rất nhanh, mang theo sương mù mỏng dăng ngang triền dốc dựng đứng như những bức tường đá của nhà giam thiên nhiên, chẳng cách nào thoát ra được. Chúng tôi biết chắc đó là đám ma Vũ Văn Sâm tức nhạc sĩ Thực Vũ. Tất cả hơn ba chục tù nhân trong đội



rau đứng ngẩn ra, dán mắt vào cái đám ma thê thảm ấy.

Phan Lạc Phúc đến bên tôi, không nói lời nào, quay mặt đi giấu nước mắt. Nhìn sang phía bên trạm xá, Tô Kiều Ngân và mấy anh bác sĩ trẻ cũng là tù, đứng sau hàng rào kẽm gai cùng ngơ ngẩn. Ngân vẫy tay cho tôi và Phan Lạc Phúc chẳng biết để làm gì. Là một sự cảm thông tận cùng hay nói lời từ biệt.

Mấy tay coi tù cũng đứng lặng nhìn chúng tôi và họ hiểu lúc đó dù bắt chúng tôi thu dụng cụ về trại cũng chẳng ai chịu về, dù có bị bắn tại chỗ. Tất cả đứng như tượng gỗ dõi theo đám tang đi trong buổi hoàng hôn lạnh ngắt, dần khuất vào cuối con đường cong phía chân núi.



Sương mù bắt đầu tỏa xuống. Ai đó bỗng cất tiếng hát “*Sơn La âm u núi khuất trong sương mù. Đoàn tù tha hương cất bước lê trên đường...*” Bài hát xưa của những nhà cách mạng thương

tiếc những chiến sĩ bị giặc bắt cầm tù ở Sơn La. Sao lúc này nó hợp với chúng tôi thế.

Hình ảnh cái đám ma Thực Vũ còn in đậm trong tâm khảm chúng tôi cho đến bây giờ. Tôi chắc Tô Kiều Ngân, đến cuối đời cũng chưa quên hình ảnh này. Nó trở thành kỷ niệm rất riêng và cũng rất chung của những ai từng sống dờ chết dờ qua những cái được gọi là “trại cải tạo”.

TÔ KIỀU NGÂN VÀ CUỘC ĐỜI BINH NGHIỆP

Có lẽ nhiều thính giả và độc giả biết đến Tô Kiều Ngân qua “Tiếng sáo Tao Đàn” hơn là biết đến “đời lính” của

anh. Tôi thì khác, tôi biết anh từ khi cùng làm chung trong mấy tờ báo của quân đội.

Trở lại chuyện xưa, khi tôi mới được lệnh về Nha Chiến Tranh Tâm Lý lúc đó trực thuộc Bộ Quốc Phòng sau này mới đổi tên thành Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu từ năm 1957, khi tôi bắt đầu về làm Trưởng Ban Báo Chí (hồi đó chưa được gọi là Phòng), phụ trách điều hành chung ban báo chí. Hồi đó Tô Kiều Ngân phụ trách tờ báo có tên *Quân Đội*, sau này cụ Ngô Đình Nhu yêu cầu đổi tên nên chúng tôi đề nghị và được chấp thuận đổi thành *Chiến Sĩ Cộng Hòa* ra nửa tháng một kỳ. Báo dành chung cho mọi quân nhân. Tờ nguyệt san *Phụng Sự*, dành cho sĩ quan, do Huy Sơn phụ trách. Tòa soạn chỉ có chừng 10 người, việc in ấn do nhà thầu đảm nhiệm hàng năm. Chúng tôi chịu trách nhiệm biên tập. Ngoài 3 người chúng tôi còn các anh Viêm Hồng, Lý Quảng, Phý Phý... Sau này, khi Cục Tâm Lý Chiến về đường Hồng Thập Tự mới có thêm Huy Văn, Tường Linh, Vũ Công Uẩn. Rồi còn có anh Đỗ Tồn trong Tự Lực Văn Đoàn, tác giả *Hoa Vông Vang* cũng về Ban Báo Chí. Nhưng vị “công tử con quan” đó chỉ đến cho có mặt rồi phóng xe đi. Anh lớn tuổi, là nhà văn thuộc hệ đàn anh, vả lại anh về đó khi sắp đến ngày giải ngũ. Sau nữa có thêm Thanh Nam tái ngũ về làm tờ *Chiến Sĩ Cộng Hòa* cùng chúng tôi. Mới bước chân vào “nghề báo”, tôi chỉ là anh viết lách, chưa hề quen với nghề này. Công việc tuy hợp với khả năng và mong đợi của tôi, nhưng thật ra nghề báo chẳng giống nghề viết lách tí nào. Nghề đọc văn người khác, chọn bài và sửa bài không dễ dàng.

Bạn có biết bài học đầu tiên trong nghề báo của tôi là gì không? Đó là sửa *morasse* tức là làm “thầy cò”. Những năm ấy, tất cả báo chí còn in typo, sắp chữ bằng tay rồi làm bản kẽm, hình ảnh làm *clicher* cho vào khuôn. Báo *Quân Đội* không phải kiểm duyệt nên không bị “đọc bỏ”. Tuy nhiên làm thầy cò không dễ. Phải biết các ký hiệu thay chữ nghĩa. Ngoài ra phải biết “dàn trang”, biết trình bày bài dài ngắn sao cho đúng khuôn khổ tờ báo... Đó là chút xíu về “kỹ thuật” mà tôi học qua Tô Kiều Ngân và Huy Sơn. Tôi và hai anh ấy cùng sửa *morasse* nhưng đến *dernière morasse* cho nhà in chạy máy thì tôi phải ký.

TÔ KIỀU NGÂN RỜI KHỎI BÁO QUÂN ĐỘI

Đời binh nghiệp của Tô Kiều Ngân khởi thủy từ khi làm tờ *Tiếng Kèn* của Địa Phương Quân ngoài Huế. Năm 1953, anh được đồng hóa và đưa gia đình từ Huế vào Sài Gòn. Chúng tôi cùng làm chung trong Ban Báo Chí từ năm 1957, lúc đó anh mang cấp chuẩn úy đến khi dọn về Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè. Một năm sau, tôi được lệnh đi Quân Khu 3 thành lập Đại Đội Văn Nghệ cho quân khu này dưới quyền tướng Đỗ Cao Trí. Đại đội này có cả sự đóng góp rất quan trọng của nhạc sĩ Anh Bằng. Khi đại đội thành lập xong, đi trình diễn ở các tỉnh thuộc quân khu, tôi trở lại Nha Chiến Tranh Tâm Lý. Lúc đó Phòng Tài Liệu do Vũ Quang Ninh làm trưởng phòng đang thu thập tài liệu làm cuốn *Trăm Hoa Đua Nở* về vụ án *Nhân Văn Giai Phẩm* tại miền Bắc. Tôi được lệnh về đây phụ anh Ninh thu thập và phân tích các tài liệu này.

Bỗng một buổi sáng năm 1960, tôi được lệnh trở lại Ban Báo Chí ngay. Khi trở lại tòa soạn, tôi mới biết Tô

Kiểu Ngân vừa chuyển đi đơn vị khác, cũng trong ngành Chiến Tranh Chính Trị. Tôi không biết vì lý do gì. Có thể vì nhu cầu công vụ và cũng có thể vì những lý do khác. Tôi không thể tìm hiểu rõ hơn. Anh đến tuổi giải ngũ năm 1974 khi mang cấp thiếu tá phục vụ tại Phòng Chiến Tranh Chính Trị trường Võ Bị Đà Lạt.

Lúc đó, để đáp ứng quân số tăng, quân đội có hơn một triệu quân nhân, tờ *Chiến Sĩ Cộng Hòa* phát hành 200.000 số một kỳ, tính ra mỗi tiểu đội được 1 tờ. Sau đó vì nhu cầu ngày một cao, chúng tôi phải thêm tờ *Thông Tin Chiến Sĩ*, ra khổ lớn hơn, tuần 1 kỳ gồm 8 trang.

ĐẾN “CUỘC CHƠI” Ở BAN TAO ĐÀN

Khoảng thời gian tôi và Tô Kiều Ngân làm việc với nhau chừng hơn 3 năm và cũng có khá nhiều kỷ niệm của thời trai trẻ. Tô Kiều Ngân rất tài hoa và cũng đào hoa, nhưng anh rất ít khi đi cùng chúng tôi. Anh hơn tôi 6 tuổi, đã có gia đình nên chơi khác với cánh “xê-li-bat”. Tôi nhớ hồi đó Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ và tôi, đều rách như cái mền, nhưng Thứ Bảy, Chủ Nhật lại ngứa chân muốn đi nhảy. Nguyễn Ái Lữ hiền như bụt, vài lần rủ Tô Kiều Ngân, anh cũng không đi. Anh dành thì giờ cho ban Tao Đàn. Đó là thời gian 1957-1960, Tô Kiều Ngân là một trong các nhân vật chủ chốt của Ban Tao Đàn ở Đài Phát Thanh Sài Gòn. Với hơn 20 năm trong cuộc đời quân ngũ (1953-1974) thì Tao Đàn đối với anh chỉ là một cuộc chơi. Nhưng cuộc chơi ấy để lại dấu ấn đậm nét nhất, đáng giá nhất trong cuộc đời anh và thi ca Việt Nam.

Theo Phan Lạc Phúc, sự khai sinh và công việc của Ban Tao Đàn rất đa dạng. Xin lược trích bài viết sau về ban Tao Đàn của Phan Lạc Phúc tức ký giả Lô Răng:

NHỮNG NHÂN VẬT THEN CHỐT CỦA BAN TAO ĐÀN

“Người khai sinh và điều khiển chương trình Tao Đàn, như cả nước đều biết, là thi sĩ Đinh Hùng.

Chương trình Tao Đàn có thể chia ra làm 3 bộ phận.

Bộ phận quan trọng nhất là ban biên tập và diễn đọc gồm Đinh Hùng, Thanh Nam, Thái Thủy, vài năm sau có Huy Quang Vũ Đức Vinh từ Nha Trang vào cộng tác.



Bộ phận thứ ba là ban ca ngâm gồm những tài tử nam, nữ trình diễn thường xuyên hay tùy hứng. Người “đa năng” nhất trong ban Tao Đàn là Tô Kiều Ngân. Anh vừa là tài tử diễn ngâm, vừa biên tập, vừa trong ban nhạc. Tiếng sáo Tô Kiều Ngân réo rất thường được coi là “indicatif” của Tao Đàn, hợp cùng tiếng đàn thập lục trầm bổng của Bửu Lộc, tiếng piano trầm ấm — trước của Ngọc Bích, sau của Phạm Đình Chương. Về giọng ngâm nam, ngoài họ Tô, còn có Hoàng Thu; một thời giọng ngâm Thanh Hùng cũng góp tiếng trên đài. Tô Kiều Ngân tuy giọng không khỏe nhưng anh là người ngâm “khéo” nhất, ngâm giọng Bắc, giọng Trung đều nhuyễn. Hoàng Thu có chất giọng say sưa, mạnh mẽ được đời nhớ mãi trong “Bài

Ca Ngư Phủ” của Vũ Hoàng Chương. Thanh Hùng với giọng thổ pha kim, xuất sắc trong những tác phẩm bi hùng. Có những giọng ngâm không có mặt lâu năm trên đài nhưng vẫn được đời ghi nhớ như Quách Đàm trong những bài lục bát hay Thiếu Lang trong Hồ Trường của Nguyễn Bá Trắc. Về giọng ngâm nữ, lúc khởi đầu phải nhắc tới giọng ngâm ngọt ngào của Giáng Hương nhưng các tay sành điệu đều không thể quên giọng ngâm đỗi hột đặc sắc của bà Đàm Mộng Hoàn, một danh tiếng vang lừng tại Khâm Thiên tiền chiến trong Tỳ Bà Hành. Giọng ngâm nữ nhiều năm làm thốn thức trái tim thánh giả là Hồ Diệp trong những bài thơ nức nở của TTKH. Về sau có một giọng nữ như sương như khói làm khơi sắc những vần ca dao dân tộc và những bài ca huyền sử. Đó là giọng ngâm Hoàng Oanh...”

TIẾNG SÁO CỦA NHỮNG CẢM XÚC

Tô Kiều Ngân hoạt động trong nhiều lãnh vực như làm báo, viết văn — tác phẩm đầu tay của anh là tập truyện *Người Đi Qua Lô Cốt* — làm thơ, ngâm thơ, nhưng nổi tiếng nhất vẫn là tiếng sáo Tao Đàn. Bài sáo anh thổi ở Tao Đàn do chính anh sáng tác và đã xuất bản.

Bây giờ người ta nhớ đến tài năng tuyệt vời của anh vì tiếng sáo đó và giọng ngâm thơ mang âm điệu Huế hơn tất cả những thứ khác. Nếu so với tiếng sáo Nguyễn Đình Nghĩa, theo nhận xét của tôi, mỗi người có một nét hay riêng. Tiếng sáo Tô Kiều Ngân cất lên theo cảm xúc từ bài thơ của tác giả và phong cách của người ngâm thơ nên bay bổng, dễ làm rung động lòng người hơn. Tiếng sáo Nguyễn Đình Nghĩa hay về bài bản. Nếu anh thổi một bài như *Thiên Thai*, rất điêu luyện. Nhưng nhiều thánh giả vẫn nhớ họ Tô hơn.

TỪ BIỆT TÔ KIỂU NGÂN, NGƯỜI CUỐI CÙNG CỦA TAO ĐÀN RA ĐI

Nhận được tin Tô Kiểu Ngân mất, sau khi điện thoại cho Huy Sơn và Hoàng Song Liêm, tôi gọi cho Hàm Anh — còn có bút danh Sài Gòn Cô Nương — bởi Hàm Anh là con gái nhà phê bình Thượng Sỹ, trước đây ở cùng xóm Phan Văn Trị với gia đình Tô Kiểu Ngân. Chúng tôi mang vòng hoa tới căn nhà khá đẹp của gia đình anh ở một xóm nhỏ thuộc quận Bình Thạnh.

Người đón tiếp chúng tôi rất vồn vã chính là bà quả phụ Tô Kiểu Ngân. Nhưng tôi đã đọc bản Cáo Phó của gia đình trên một tờ báo hải ngoại và thấy một sự... hơi lạ. Đó là có tới hai bà cùng ký tên chung là vợ. Một bà là Phạm Thị Thìn, một bà là Lê Thị Kim Hoa. Một sự “chính danh” ít thấy trên bản cáo phó nào. Tôi phải ghi sự kiện này cho đúng, xin chia buồn đến cả 2 gia đình.

Tôi phải lựa lời gọi lại chuyện cũ xem có đúng bà này là “đệ nhất phu nhân” thời xưa tôi đã gặp không. May quá, đệ nhất phu nhân Tô Kiểu Ngân nhận ra tôi ngay. Chị ân cần nắm tay tôi thân thiết. Các con trai, con gái anh, cả dòng trước dòng sau, cũng thân mật như vậy. Con gái lớn của anh là vợ của nhà thơ Nguyễn Tôn Nhan — mất cách đây 2 năm — cũng tới thăm hỏi. Tôi có cảm tưởng như gia đình anh và tôi chưa xa nhau bao giờ.

Tôi và cháu Hàm Anh cùng vào trước linh cữu anh, từ biệt người bạn cũ. Anh là người cuối cùng cộng tác thường xuyên, là trụ cột của ban Tao Đàn ra đi.

Nhà văn Tạ Quang Khởi tính nhầm rằng thi sĩ Đinh Hùng, trưởng ban Tao Đàn của đài Sài Gòn, mất năm 1969 vì ung thư bao tử. Hoàng Thư, giọng ngâm nam rất

truyền cảm, mất cách đây khoảng 10 năm ở Sài Gòn. Hồ Diệp mất tích trên đường vượt biên. Thanh Nam qua đời năm 1985 ở Seattle (tiểu bang Washington) vì ung thư cổ họng. Huy Quang Vũ Đức Vinh mất cuối năm 2005 vì tai biến mạch máu não trong khi bác sĩ đang giải phẫu để làm *bypass* ở Seattle. Thái Thủy ra đi vì ung thư phổi ở Nam Cali cách đây gần 3 năm.

Từ biệt Tô Kiều Ngân, từ biệt nhóm Tao Đàn — nhưng tiếng sáo, giọng ngâm của Tao Đàn còn mãi mãi trong đời sống thi ca Việt Nam và trong lòng người Việt yêu thơ khắp nơi.

(Sài Gòn, 26-10-2012)

CHƯƠNG 36 VỀ QUÊ LẦN CUỐI

Rất bất ngờ, cuối năm 2012, các ông Nhất Giang và Vi Túy từ Úc điện thoại cho tôi với một câu hỏi rất “giật gân”: “*Anh có muốn về Thái Bình không?*”

Tôi nghĩ hai ông định giỡn mình đây và còn phân vân tìm cách đối phó để khỏi rơi vào bẫy thì Nhất Giang nói ngay: “Thật đấy, chuyến này báo *Văn Nghệ* sẽ đi làm từ thiện ở Thái Bình, quê hương anh đấy. Anh thấy thế nào?”

Tôi trả lời không cần suy nghĩ:

– Các anh làm từ thiện từ đồng bằng sông Cửu Long đến Campuchia, rồi Huế, Pleiku, Kontum, chỉ còn thiếu miền Bắc. Đồng bào đói khổ thì ở đâu cũng là người Việt mình cả. Sao lại không ra miền Bắc một chuyến nhỉ.

Vi Túy hỏi rất thành thật:

– Theo anh, miền Bắc còn nhiều gia đình nghèo lắm không?

– Ở đâu cũng có người nghèo trên khắp dải đất Việt

Nam này. Miền Bắc, họ hàng tôi còn nhiều, nhất là ở tỉnh Thái Bình mà các anh vừa đề cập. Người “trên không chằng, dưới không rể”, nói rõ ra là không có người thân, không có họ hàng hang hốc với chính quyền địa phương, phần đông nghèo khó là cái chắc, chẳng khác gì người ở vùng quê miền Nam đâu. Chưa nói đến trường hợp như mấy đứa cháu tôi, sự nghèo khổ còn thê thảm hơn, kéo dài suốt từ năm 1954 tới bây giờ. Tôi kể lại sơ lược sự thật đó để các anh hiểu rõ hơn.

NỖI KHỔ TỪ “MUÔN NĂM CŨ”

Năm 1954, sau khi gia đình tôi vào Nam, anh cả tôi ở lại miền Bắc bởi anh theo kháng chiến chống Pháp từ năm 1949.

Như tôi đã có lần tường thuật về cái chết oan uổng của ông anh cả tôi. Anh đang là chính trị viên, nhưng bị sốt rét nên sau khi đi bệnh xá, được nghỉ phép về làng dưỡng bệnh. Gặp ngay đợt Cải Cách Ruộng Đất, phong trào đấu tố “phát huy” lên đỉnh điểm. “Chỉ tiêu” của làng tôi là phải đấu tố 3 địa chủ. Thế là anh tôi vốn là con chánh tổng, bị lôi ra đấu tố rồi xử bắn. Để lại vợ và 3 đứa con nhỏ, có cháu mới 2 tuổi, cháu lớn nhất mới 6 tuổi. Vợ anh không chịu nổi cảnh nhục nhã đã đâm đầu xuống ao nhà tự tử. Mấy đứa nhỏ bị đuổi ra ở một túp lều lá trong khu vườn chè nhà tôi. Cả làng, kể cả người thân trong họ, cũng không dám giúp đỡ bất cứ thứ gì cho các cháu. Một lần các cháu mò cua bắt ốc, bắt được mấy con cá nhỏ ngoài đồng, mang về đến gần nhà, vô phúc gặp một anh dân quân du kích bắt đứng lại khám xét. Thấy mấy con cá, anh dân quân quả quyết hai đứa ăn cắp cá, mang đồ ngay mấy con cá xuống

ao làng. Mấy đứa cháu tôi sống neho nhóc trong cảnh đó. Nỗi nghèo khổ theo đuổi các cháu từ năm 1954 đến nay. Một cháu đã mất tại Nam Định, một cháu bỏ làng ra Hà Nội sống lầm than đến nay.

Tôi kể lại chuyện này để các anh hiểu ở miền Bắc còn nhiều gia đình nghèo khổ, cái nghèo “tích lũy” từ bao năm, đôi khi hơn cả miền Nam. Ở các làng quê Thái Bình không thiếu gia đình như thế. Các anh đại diện cho bà con người Việt ở nước ngoài phát quà cho bất cứ tỉnh nào ở miền Bắc cũng sẽ gây xúc động cho bà con nghèo trong nước và gây một tiếng vang đáng kể đấy. Một việc nên làm và không phải ai cũng làm được.

Nhất Giang kết luận bằng một câu hỏi gọn lỏn:

– Vậy anh có đi không? Bọn tôi lấy vé máy bay nhé.

Tôi “nóng máy” gật ngay: “Đi thì đi”.

KINH KHA QUA SÔNG DỊCH

Thế là chuyến đi bất ngờ của tôi về quê được ấn định từ ngày 25 đến 27 tháng 12. Thật ra từ mấy năm trước, mỗi lần báo *Văn Nghệ* về tặng quà, tặng nhà tình thương cho đồng bào nghèo, tôi vẫn đủ sức “chiến đấu” với anh em, từ Lộc Ninh đến Biển Hồ Campuchia, đến Tiền Giang, Đà Lạt đều có mặt. Nhưng mỗi năm tuổi một cao, sức yếu không còn đủ sức “trường chinh” nữa. Năm nay đã 80, tưởng anh em sẽ cho yên thân “duỡng già” trong cái chung cư mục nát này. Nhưng tiếng gọi của quê hương, của những người nghèo khó lại bất ngờ bật dậy, nói theo kiểu chữ nghĩa linh tinh ở đây là nó bật dậy “đột xuất”!

Tôi theo dõi tin thời tiết trên truyền hình, miền Bắc đang vào đợt rất lạnh, có hôm dưới 13 độ C, tôi hơi lo cho “cái thân già”. Nhưng nhớ lại thuở nằm trong trại tù Sơn

La, lạnh 3 độ C mà chiều vẫn tắm nước suối lạnh buổi còn chịu được thì xá gì cái lạnh Hà Nội. Thế là thêm “dùng khi” ra đi, cứ như Kinh Kha qua sông Dịch. Đi chuyến này rồi về có “bỏ mạng nơi sa trường” cũng đáng.

Xin đừng cho là tôi “quan trọng hóa” chuyến đi. Ở tuổi tôi, nhiều bạn đã ra đi, nhiều bạn mới năm trước còn dong chơi đây đó, nay đã nằm bẹp, muốn đi đâu cũng không đi nổi. Bây giờ, tôi đi bộ chỉ 15 phút đã thở “bỏ hơi tai”. Biết mình sức yếu rồi, chỉ còn điều an ủi cuối cùng là “làm được cái gì thì cứ làm, đi được đến đâu thì cứ đi”. Chẳng có điều gì báo trước cho cỗ máy xài đã 80 năm, không hư chỗ nọ cũng hỏng chỗ kia, lấp vá lung tung, đến lúc nó “bung” là hết lết nổi. Do vậy chuyến đi của tôi là ngoài dự tính và ngoài cả ý muốn, nhưng phải “liều”. Bạn đã đọc câu chuyện vui tôi gửi bạn tuần trước: Ở Việt Nam “không liều thì không sống được”. Tôi đi chuyến này cũng là liều. Bởi tôi biết rất rõ, đi với “cánh văn nghệ Úc” là đi liên miên, ngồi xe vào đường làng xóc như nhảy mambo, cuộc bộ đường ruộng nhiều cây số, đi liên miên để đến được nhiều nơi.

Đầu năm, cho tôi tâm sự đường dài với bạn thế thôi. Năm sau chẳng biết còn đủ sức, đủ minh mẫn để hầu chuyện bạn nữa không.

NGƯỜI SÀI GÒN TIẾT KIỆM CẢ

ĐÊM GIÁNG SINH

Đêm 24-12, tôi đón Giáng Sinh ở Sài Gòn, vốn lười đi và tiết kiệm nên nằm nhà coi ti-vi. Từ ngày phố Lê Lợi, Nguyễn Huệ trang hoàng đón Giáng Sinh và Năm Mới, tôi chưa bước đến mấy con phố rộn ràng đó. Dường như người già ở thành phố này, vẫn nghĩ năm nào cũng như

nhau thôi, có đi xem cũng chẳng thấy gì khác. Vả lại năm nay đời sống quá khó khăn, những thứ đèn đóm xa hoa, năm nào cũng có cho đủ “lệ bộ” thôi, chứ khó mà vui nổi khi còn trăm thứ lo bù đầu. Vô tình, các thứ đó chỉ dành cho người giàu, hay ít ra cũng đủ ăn đủ mặc. Dân nghèo lo chạy gạo, lo thất nghiệp, tiết kiệm cả đến một cuộc xe đi hưởng thú vui không mất tiền, tức là không mất “phí”. Cái gì chứ nghe đến “phí” là dân nghèo hết hồn rồi. Mất tiền đổ xăng, rồi uống ly nước mía! Thôi, thà ở nhà, tiết kiệm được cho gia đình bữa ăn sáng, để dành tiền nộp phí xữ dụng đường bộ.

Đấy là một sự thật, ít ai nghĩ đến.

Tôi chỉ dám thức đến 11 giờ đêm, bởi hôm sau, 5 giờ đã phải thức dậy ra máy bay. Coi như phải “bỏ quên đêm Giáng Sinh”. Chuyển Jestar cất cánh từ Tân Sơn Nhất lúc 7 giờ 30, sau 1 giờ 45 sẽ đến sân bay Nội Bài. Jestar là hãng hàng không rẻ nhất tại Việt Nam. Nếu lấy vé trước 1 tháng hoặc 1 tuần, giá sẽ rẻ hơn nhiều. Chỉ bằng nửa giá AirVN, chỉ ngang giá xe lửa có giường nằm. Khoảng hơn 1 triệu đồng 1 lượt Sài Gòn – Hà Nội. Tất nhiên lấy vé khứ hồi còn được bớt thêm nữa. Máy bay lớn, khoang hành khách chật chội, tất nhiên không “sang” bằng các hãng khác, nhưng cũng không tệ.

Khi máy bay sắp hạ cánh, phi hành đoàn thông báo nhiệt độ tại Nội Bài là 14 độ C. Cô gái ngồi cạnh tôi lê lười rùng mình. Cô vận chiếc quần soọc để khoe cặp đùi dài trắng nhẽ nhai. Có lẽ cô ra Hà Nội lần đầu. Tôi “trang bị” khá kỹ, áo khoác dày cộm, khăn len quàng cổ, các thứ hàng “son” mua ở chợ Đà Lạt từ mấy năm trước, nằm kỹ trong đáy tủ, bây giờ mới “phát huy tác dụng”.

VỀ QUÊ HƯƠNG MÀ CHƯA BIẾT LÀ QUÊ MÌNH

Từ sân bay Nội Bài, chiếc xe 16 chỗ chạy thẳng một lèo về Thái Bình. Đường khá dài, ngồi ê ẩm mới tới nơi tôi đã sinh ra và lớn lên rồi bỏ xú ra đi. Gần 3 tiếng sau chúng tôi tới giáo xứ Phục Lễ. Ngôi nhà thờ rất lớn, với những hàng cây được nắn tía công phu quanh các khu vườn sạch sẽ làm tôn thêm vẻ trang nghiêm của nơi này. Người đón tiếp chúng tôi là cha Thao, rất lịch lãm, trẻ và đẹp trai không kém tài tử màn bạc. Cha đãi đoàn một bữa cơm thịnh soạn. Mọi chương trình đã được hoạch định từ trước cả chỗ ăn chỗ ngủ. Nhưng để khỏi làm phiền nơi tôn nghiêm và có tự do hơn, chúng tôi xin phép cha cho ra nghỉ ở khách sạn bên ngoài.

Đó là một kiểu “nhà nghỉ” ở giữa những con đường lớn. Có nơi treo bảng là “nhà ngủ” cho tiện việc sổ sách. Phòng chật hẹp, cũng có máy lạnh, toilet nhưng có vẻ hơi bầy bầy, bạn kiểm miếng xà bông cũng không ra. Đêm giữa đồng quê nghe ếch nhái kêu cũng vui tai. Tôi chợt nhớ ra là tôi rời quê ra đi năm 1950, đến nay đã hơn 60 năm mới được ngủ lại ở chính quê hương mình. Nhìn khung cảnh đồng quê trước mặt mơ hồ trong ánh đèn đêm, dường như vẫn vậy, không có gì thay đổi. Thay đổi chẳng là con người. Tôi thật sự xúc động khi nhớ lại những con đường, những mái nhà, những ngôi trường tôi đã từng ê a học và những khuôn mặt từ xa xưa. Tất cả như còn đang lẩn khuất đâu đây và đang chờ đợi ngày chúng tôi trở về. Nhưng đồng thời với cảm tưởng ấy là ý nghĩ thực tế hơn, có lẽ đây là lần cuối tôi nghỉ lại nơi này.

Niềm vui và nỗi buồn đan xen trong cái đêm “hội ngộ” hi hữu này. Đêm đó dù rất mệt nhưng tôi vẫn không tài nào nhắm mắt ngủ yên được.

Sáng hôm sau trở lại nhà thờ Phục Lễ, nghe các giáo dân nói chuyện tôi mới biết giáo xứ này thuộc xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình. Vậy mà từ hôm qua tôi cứ tưởng giáo xứ thuộc huyện khác, mãi đến lúc đó tôi mới biết xã này thuộc huyện mình. Cách huyện lỵ Quỳnh Côi có 4 km, tức là cách làng An Hiệp của tôi 9 km. Bồng dung tất cả trở nên thân thuộc quá.

BUỔI PHÁT QUÀ TẠI GIÁO XỨ PHỤC LỄ

Đúng 9 giờ sáng buổi phát quà bắt đầu ngay tại sân sau nhà thờ Phục Lễ. Chúng tôi thấy việc tổ chức phát quà cho đồng bào nghèo ở một nơi như thế này là rất phù hợp. Nếu tổ chức ở một trụ sở hay ủy ban nào cũng bất tiện vì khẩu hiệu cờ quạt lung tung... Buổi phát quà cho cả đồng bào



theo đạo Thiên Chúa và đạo Phật, không hề có sự phân biệt nào.

Hơn 100 người đã tề tựu đông đủ, vài người “giàu lắm” cũng chỉ có chiếc xe đạp cũ. Phần quà gồm 2 gói thực phẩm và 100 ngàn tiền mặt. Đến nhận quà, hầu hết là các cụ già, các cô gái và em nhỏ vừa đủ tuổi xách được gói quà khoảng 4 kg. Quan sát những người dân ở đây, tôi không thấy điều gì khác biệt với những người dân ở các địa phương miền Nam mà tôi đã từng đi qua. Có lẽ người nghèo ở đâu cũng giống nhau cả thôi, quần áo “thời đại si đa” đủ mốt, đủ màu, đủ quốc tịch, chữ Ăng-lê trên ngực áo đủ kiểu kể cả kiểu “*I ♥ you*” trên áo các em nhỏ chưa đủ lớn khôn. Khác một chút là mùa lạnh nên ai cũng mặc vài ba chiếc áo chằng đụp nên có vẻ có da có thịt hơn.

Tôi cũng được anh em cử ra đứng phát tiền sau khi các cụ đã lãnh quà. Có cụ bê không nổi, rót lung tung, người khác phải tới “khuân” giúp. Có cụ quên cả lãnh tiền, dù đã được nhắc nhở, tôi phải kéo áo cụ lại mời cụ lãnh giùm cho. Có cụ nói “các ông cho nhiều quá, chưa có “ông” nào cho nhiều như thế”.

Tiếng gọi nhau í ới, vài người xúm lại “thỏ” mấy phần quà trên chiếc xe đạp cũ. Họ vẫn còn quen với kiểu phương tiện vận chuyển thời chiến tranh đi tản cư, di cư.

Ngày hôm đó đoàn lại tiếp tục đi đến 4-5 nhà thờ khác nằm trong địa phận cai quản của cha Thao ở giáo xứ này. Đường làng nhỏ hẹp như bờ ruộng, có nơi xe gắn máy đi còn chật. Chúng tôi cuốc bộ từng chặng chừng 1-2 cây số. Thú thật, nếu không có mấy ông bạn mang giúp hành lý, tôi không đi nổi. Ở nơi nào bà con cũng có vẻ lạ lẫm với đoàn làm từ thiện từ nước ngoài về. Thậm chí có nhiều

người chẳng biết nước Úc ở đâu, nếu không giải thích, họ vẫn cứ nghĩ rằng đó là nước Mỹ. Bà con ở miền này biết đến nước Mỹ và đồng đô-la Mỹ chứ quả tình không biết đồng đô-la Úc hoặc đô-la Canada. Xin bạn hiểu là rất nhiều người biết có đồng đô-la chứ chưa nhìn thấy hoặc chưa được cầm đến bao giờ. Đó là điều ngược hẳn với dân Hà Nội, ai cũng biết giá trị của từng đồng đô-la và nhiều người định giá trị nhiều món hàng bằng đô-la và tiêu bằng đô-la mạnh tay hơn các cụ từ nước ngoài về Việt Nam đấy. Suy ra từ đấy, ở miền Bắc sự cách biệt về giàu nghèo giữa thành thị và thôn quê quá xa. Xa hơn cả miền Nam.

TRỞ LẠI NƠI CHÔN RAU CẮT RỐN



Cây đa và lối vào nhà cũ.

Buổi chiều chúng tôi lên đường trở về Hà Nội. Trên đoạn đường đó, chúng tôi qua huyện Quỳnh Phụ và qua

cầu Hiệp. Đúng ra tên huyện cũ của tôi là Quỳnh Côi, nhưng sau này, “nhà nước mới” sát nhập hai huyện Phụ Dục và Quỳnh Côi là một, đổi thành huyện Quỳnh Phụ. Rồi nhiều huyện, nhiều tỉnh thấy sự cai trị bất tiện nên lại tách các tỉnh huyện như cũ... Nguyên cái việc sửa tới sửa lui này cũng tốn biết bao tiền của công sức của nhân dân. Giấy tờ đều phải làm mới để rồi làm lại như cũ. Sự thiếu nghiên cứu, thiếu kinh nghiệm, với những bộ óc thích “đổi mới vô tội vạ” đã làm điều đúng người dân không ít.

Ngày nay, cái phố huyện nhỏ xíu được nâng thành thị trấn và đặt lại cái tên Quỳnh Côi quen thuộc, nhưng huyện thì vẫn là huyện Quỳnh Phụ. Đi qua con đường đúng 5 cây số từ thị trấn về phố Bến Hiệp, tôi bồi hồi nhớ đến những ngày từ phố tôi đi học trường huyện.

Con đường trải đá đã mòn nhẵn, mỗi ngày có hai chuyến xe đồ chạy từ Bến Hiệp đến tỉnh lỵ Thái Bình. Con đường in đậm thuở ấu thơ của tôi, thuở mới tập và thích làm người lớn, bắt đầu biết yêu vùng nhớ thăm cô hàng xén hoa khô phố Hiệp. Bốn năm dài như thế, mỗi ngày đạp xe đi trên con đường cái quan này.

In đậm trong khối óc trẻ thơ của tôi là năm 1944, hai bên bờ cỏ, dọc theo con đường này có rất nhiều người chết đói, nằm la liệt bên đường. Có những xác chết, vì không chôn kịp, đã cháy đen vì nắng như bị hỏa thiêu. Hầu hết họ là những người từ phương xa đến xin ăn ở huyện tôi. Nhà tôi đã bắt tôi phải nghỉ học cả tháng để tránh bệnh tật lây lan từ quãng đường kinh hoàng này. Bây giờ trở lại, đó là những hình ảnh bi đát nhất vẫn còn nhu trước mắt tôi.

CHÙA LÀNG SƠN ĐỒNG VÀ ÔNG SƯ TỰ THIÊU

Đi gần hết quãng đường này, chúng tôi vì tò mò ghé vào làng Sơn Đồng thăm ngôi chùa có vị sư mới tự thiêu cách đây hai tháng. Làng này cách làng tôi vài cái bờ ruộng và một lũy tre thưa. Bà chị ruột tôi lấy chồng ở làng Sơn Đồng. Anh chị tôi có 7, 8 đứa con hiện ở cả bên Mỹ. Các cháu đề nghị tôi ghé qua chùa thăm lại cảnh xưa có đúng như bức ảnh đã được đưa lên internet không và lý do nào nhà sư đã tự thiêu.

Chúng tôi đến ngôi chùa Sơn Đồng vào buổi quá trưa *“trời không nắng cũng không mưa, chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ nhung”*. Không khí chùa ngoài vắng lặng, không một bóng người. Tôi lần ra phía sau chùa vẫn cảnh, bất ngờ gặp được sư thầy, có lẽ là vị sư tạm thời trụ trì ở chùa này sau khi vị sư chính tự thiêu. Tôi gọi lại vài kỷ niệm cũ chúng tỏ mình là người cũ của địa phương. Hồi đó bố tôi thường sai tôi sang chùa mời cụ sư Hình sang nhà tôi đàm đạo. Cụ sư Hình rất phóng khoáng trẻ trung nên tôi nhớ mãi tính cách đặc biệt của cụ. Vị sư trụ trì mới nhận ra ngay tôi là “người nhà”. Vị này tự giới thiệu tên thật là Phạm Tiến Hoàng.

Sư thầy ra gặp anh em trong đoàn và thuật lại chuyện vị sư đã tự thiêu. Thầy nói khá chi tiết. Tôi chỉ có thể tóm tắt vài điểm then chốt. Vị sư tự thiêu là thầy Thích Thanh Hoàng, tên tục là Nguyễn Văn Mười. Thầy viết thư tuyệt mệnh nói rằng *“Thầy không oán trách Phật tử, tự thầy oán trách thầy”*. Nhưng theo thầy Phạm Tiến Hoàng thì một buổi sáng thức dậy, thầy Thích Thanh Hoàng bị “người ta”

lấy hết toàn bộ đồ dùng của thầy, trong đó có cả máy vi tính và nhiều sách vở. Thầy buồn lắm nên tự thiêu.

Tôi không thể suy luận hai chữ “người ta” đây là sư thầy Hường đã ám chỉ nhân vật nào hay cơ quan nào. Vì một lý do nào đó, thầy Hường cũng chỉ nói hai tiếng “người ta”, nhưng bạn có thể hiểu đó là ai và tại sao thầy Hường không nói rõ hơn được. Thầy Hường chính là người đã ở bên và giúp đỡ săn sóc cuộc sống cho thầy Thích Thanh Hoàng từ 10 năm qua nên biết rất rõ. Thầy Hoàng đã đổ 10 lít xăng lên người để tự thiêu vào buổi sáng. Sau đó vài ngày, chùa định làm một đám tang lớn nhưng phường xã đề nghị đám tang chỉ đi vòng theo con đường phía ngoài chùa rồi an táng thầy phía sau miếng đất chùa Sơn Đồng.

CÂY CẦU HIỆP MỚI, NƠI LIỄN HẢI DƯƠNG – THÁI BÌNH



Chúng tôi dừng tại chùa Sơn Đồng hơn 1 giờ, buổi chiều anh tài xế trẻ đưa đoàn ra Bến Hiệp. Đây chính là nơi tôi đã sống thời thơ ấu. Dãy phố có vài chục căn nhà lầu, nơi có một số gia đình người Hoa làm ăn buôn bán cùng người Việt. Ngày nay chỉ còn lại những dãy nhà tranh hai bên đường. Chỉ có cây cầu Hiệp mới làm xong, đó cũng là đặc điểm nổi bật nhất của tỉnh Thái Bình.

Cầu Hiệp bắc qua sông Luộc, nối liền đường bộ giữa 2 tỉnh Hải Dương – Thái Bình, cầu này thuộc 2 xã Hưng Long huyện Ninh Giang, Hải Dương và Quỳnh Giao huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình, được khởi công xây dựng từ năm 2008. Cầu Hiệp có chiều dài 542,5 mét, rộng 12 mét. Buổi chiều trời mưa dăng nhẹ như mưa phùn mùa đông, cây cầu uốn cong nổi lên trên nền trời khá hùng vĩ giữa vùng quê nghèo. Tôi nhớ đến những lần bọn nhóc chúng tôi trần như nhộng, bơi qua sông Luộc giữa mùa nước lớn, dòng phù sa đỏ quạch chảy cuộn cuộn, sang bên kia sông ăn trộm vài trái bắp với cái lý do ngây ngô rằng bắp Hải Dương mới ngon. Và chỉ bơi qua sông chạy trốn về bờ nhà khi có người đuổi theo hô hoán, đứng trên bờ chửi theo. Tuổi trẻ ngộ nghĩnh có vài phút sống lại.

Cây cầu khiến tôi nhớ tới cây cầu Bo, lối bắt đầu vào tỉnh lỵ Thái Bình, nơi bà ngoại tôi sinh sống. Mỗi lần tôi được “lên tỉnh”, nhìn thấy cây cầu Bo như nhìn thấy một thiên đường mới. Đó mới là ấn tượng sâu đậm nhất trong tôi về quê ngoại. Tôi nhớ đến mấy câu vè của bọn học trò vẫn hát om xòm: *“Thái Bình có cái Cầu Bo. Đêm đêm trai gái lại bò lên chơi. Cứ 5 mét lại một đôi”*.

Bây giờ Thái Bình có 2 cây cầu Bo, một mới và một cũ, nằm song song, nhưng chuyến đi này tôi không đi qua cầu

Bo. Chiếc cầu Hiệp đã thay thế, nhiều xe chạy đường Hà Nội đã thay đổi lộ trình chạy qua đường cầu Hiệp sang Hải Dương ngắn hơn và đường xá tốt hơn.

Buổi tối về đến Hà Nội, chúng tôi quá mệt mỏi chỉ còn nước lăn ra ngủ. Trong chuyến đi của đoàn có một ông bạn từ Cali cũng tháp tùng. Ông Tiến, tục gọi là Tiến râu, người nằm chung phòng với tôi và mang vác hành lý, giúp đỡ tôi rất nhiều suốt cuộc hành trình này. Thế là có cả bạn từ Mỹ về cùng làm từ thiện. Hà Nội với tôi chỉ là trạm dừng chân đợi tàu xe. Nhưng cũng có nhận xét rất “vô tu” rằng người Hà Nội giàu hơn người miền Nam. Có rất nhiều nguyên nhân lý giải điều này sau khi tôi tìm gặp vài người bà con, kẻ giàu nứt đố đổ vách, người nghèo kiệt xác như đứa cháu tôi ở giữa lòng Hà Nội.

Buổi tối chúng tôi trở về Sài Gòn trên chuyến bay cất cánh lúc 19 giờ 30, hoàn tất chuyến đi làm từ thiện lần đầu tiên ở miền Bắc.

Thưa thật với bạn, ba hôm sau hai đùi tôi vẫn còn đau, leo lên cầu thang lầu 1 chung cư không muốn nổi. Thế mới thấy rõ mình đã “quá đất” và ngời tiếc nuối thời trai trẻ. Nhưng dù thế nào tôi cũng bằng lòng với mình vì đã “làm được gì cứ làm, đi được đến đâu cứ đi”. Đó chính là cuộc sống “có lý” của tuổi già, phải không bạn?

(Sài Gòn, 4-1-2013)

CHƯƠNG 37

CHUYỆN PHẠM DUY VÀ CHUYỆN TẾT Ở VIỆT NAM

Viết thì thừa, không viết thì thiếu. Đó là chuyện nhạc sĩ Phạm Duy vừa ra đi (27-1-2013) và chuyện Tết nhất ở Việt Nam.

Bởi cả hai thứ chuyện này đã có nhiều người tường thuật rồi. Bài nào cũng dài thòng. Đọc trên net và được bạn bè “năm châu bốn biển” gửi cho, đọc mệt nghỉ.

Ấy thế nhưng mấy ông viết chuyện hàng ngày hàng tuần, cộng tác thường xuyên với các báo đều... tự ý thức được phải “mùa nào thức nấy”.

Những chuyện “đại sự” không thể bỏ qua.

Thế nên tôi cũng có bốn phen phải hầu chuyện với bạn đọc về hai cái thứ chuyện “đại sự” này, chưa nói đến việc các ông chủ bút mấy tờ báo nhắc khéo: “Chắc kỳ sau anh viết bài về Tết Việt Nam nhỉ?”. Có ông hỏi khéo hơn “Ông Phạm Duy từ trần ở Việt Nam, trong tòa soạn, anh là người gần nhất, chắc anh biết nhiều”. Ông nào cũng đúng cả.

Tôi phân vân vì kỳ trước tôi đã hứa với độc giả sau bài “văn hóa hòa cả làng” sẽ bàn tiếp về các thú văn hóa khác đang khiến dư luận nổi sóng. Nhưng có đến hai ông chủ bút nhắc khéo tôi về đề tài Tết và Phạm Duy nên tôi đành tạm ngưng chuyện văn hóa lại rồi ra giêng ngày rộng tháng dài tha hồ bàn chuyện văn hóa linh tinh.

Xin nói “chuyện xưa” về Phạm Duy trước.

PHẠM DUY – THÁI HẰNG, HÀNG XÓM CỦA TÔI

Đó là tiêu đề một bài tôi viết trong tờ đặc san *Văn xuất bản* tại Cali năm 2002. Anh Nguyễn Xuân Hoàng phụ trách tờ báo này. Anh ra số đặc biệt về Phạm Duy (hồi đó nhạc sĩ Phạm Duy còn ở Mỹ, chưa về “định cư” tại Việt Nam). Anh Nguyễn Xuân Hoàng gửi mail giục tôi viết bài về Phạm Duy. Lần thứ nhất tôi trả lời là “Có gì để viết về ông ấy đâu, nhiều người viết quá rồi. Tôi không chen chân vào lãnh vực âm nhạc. Cái gì biết thì thua thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”. Hai lần sau, anh Hoàng nói là viết về bất cứ mặt nào cũng được, anh “gáy” tôi: “Anh là hàng xóm của anh Phạm Duy mà”.

Tôi tóm được cái ý chính, một anh hàng xóm viết về anh hàng xóm, cũng được đấy chứ. Tôi bèn viết rất sơ lược về Phạm Duy, dồn tâm ý viết về chị Thái Hằng mà độc giả biết đó là phu nhân Phạm Duy.

Gia đình chúng tôi ở rất gần nhau trong cái cư xá gọi là Chu Mạnh Trinh, gần ngã tư Phú Nhuận. Thật ra cái ngõ đó không có tên, nằm ở số 215 đường Chi Lăng nay là Phan Đăng Lưu. Bởi ngõ nằm ngay sau trường học Chu Mạnh Trinh nên lâu ngày nó thành tên chứ có ai đặt tên cho cái

ngõ đó đâu. Và một sự thật nữa là cư xá đó do ngân hàng xây dựng nên thoát tiền người ta gọi là “Cư xá nhà băng”, mãi sau nhiều gia đình thuộc giới văn nghệ Sài Gòn đến mua nhà ở nên người ta mới thay tên là cư xá Chu Mạnh Trinh cho khỏi lẫn với mấy cư xá nhà băng khác trong thành phố.

Sơ lược tôi còn nhớ những gia đình từng ở đó, sau này đã dọn đi nơi khác. Từ ngoài đường lớn vào là nhà các ông Nguyễn Mạnh Côn, Năm Châu, Dương Thiệu Tước – Minh Trang – Quỳnh Giao, Phạm Duy, Đỗ Tiến Đức, Hoàng Anh Tuấn, Anh Ngọc, Mộc Lan, Hoàng Nguyên, Hồ Anh, Duyên Anh, Thẩm Thúy Hằng, Trịnh Viết Thành, Linh Lan...



Gia đình Phạm Duy - Thái Hằng khi còn ở cư xá Chu Mạnh Trinh.

Nhà tôi ở mặt đường ngõ vào, cách nhà Phạm Duy không quá 50 mét. Nhưng rất ít khi sang nhà nhau. Lý do giản dị, tôi và Thanh Nam, Mai Thảo là bạn khá thân của Phạm Đình Chương. Sau “vụ Khánh Ngọc”, chúng tôi rất ít tiếp xúc với Phạm Duy. Suốt thời gian tôi làm ở Đài Quân Đội, Phạm Duy có một chương trình nhạc trong Đài này, hàng tuần gặp nhau ở Đài, chúng tôi không có thì giờ nói chuyện nhiều.

Ở đây tôi nhắc lại một đoạn trong bài tôi đã viết 10 năm trước: “LẦN DUY NHẤT SANG NHÀ PHẠM DUY”

“Tôi chỉ sang nhà anh duy nhất một lần vào cuối năm 1974, anh mua được mảnh đất khá rộng, bán căn nhà cũ cho ông Nguyễn Mạnh Côn. Anh dọn vào ở cuối ngõ, xây căn nhà mới khá lớn. Chị Thái Hằng đi qua nhà tôi, nhắc: “Anh rủ bạn bè qua nhà tôi chơi. Nhà tôi đang làm một chỗ cho các anh chơi ở ngoài vườn, thơ mộng lắm”.

Tôi sang nhà anh Phạm Duy khi khu vườn vừa được trang trí rất hữu tình. Những hòn giả sơn, những hàng cây, bể nước lớn, những hòn đá tảng rải rác đây đó... Đúng là nơi dưỡng già thật tuyệt. Nhưng “cảnh quan” đó chưa hoàn chỉnh thì ngày 30-4-1975 tới, anh phải rời xa. Xin nhắc thêm là sau này khi anh về Việt Nam sống cũng không “đòi” lại được. Một lần tôi hỏi, anh chỉ nói “quên chuyện đó đi, ông ơi”. Coi như huê cả làng”.

TÍNH CÁCH CỦA NỮ DANH CA THÁI HẰNG

“Tôi có nhận xét rất thành thật là nếu ở con người anh Phạm Duy, luôn luôn hiện diện hai chữ nghệ sĩ lớn như cây đại thụ thì ở chị Thái Hằng trong xóm tôi, chị là người rất bình dị. Chưa bao giờ chị chứng tỏ mình là “một cái gì”, ít ra cũng là vợ một nhạc sĩ có tên tuổi.



Nói khác đi, chị không phải là bà Phạm Duy nổi tiếng và cũng chẳng phải là một nữ danh ca thượng thặng trong ban hợp ca Thăng Long. Gia đình chị là một gia đình nghệ sĩ danh tiếng, với Phạm Đình Chương, Thái Thanh, Hoài Trung và những anh em như Phạm Đình Sĩ, Kiều Hạnh, Mai Hương... Chị sống chan hòa như một người chị mẫu mực, hiền hậu. Đối với mọi người trong xóm,

chị sống hết sức bình dị, không se sua, không làm dáng. Mỗi buổi sáng, quần ta, áo cánh xách giỏ đi chợ như mọi bà nội trợ bình thường khác. Chị thân thiện chân thành chứ không phải sự “nhún mình” để che giấu một thứ hào quang sau gáy.

Suốt hơn 10 năm, sống gần gia đình chị, từ khi Duy Quang, Duy Cường, Duy Minh còn rất nhỏ cho tới khi các cháu lớn lên, tôi chưa hề thấy chị to tiếng với bất kỳ cháu nào và chị cũng chưa từng làm mất lòng ai trong xóm. Sự khoan hòa dung dị của chị có thể là một tấm gương lớn cho nữ giới.

Trong những ngày sau này, có vụ tai tiếng ở nước Mỹ giữa ông Clinton và cô thư ký Nhà Trắng, thái độ khôn ngoan của bà Hillary Rodham Clinton khiến nhiều người nể phục.

Khi có chuyện tình linh kinh của anh Phạm Duy, các báo ở Sài Gòn khai thác tới đả. Thái độ điềm đạm của chị Thái

Hằng còn đáng khâm phục hơn. Các phóng viên cố khai thác ở chị một vài chi tiết nhưng chị chỉ có một câu trả lời: “Tôi rất tin tưởng ở chồng tôi”.

Thế là hết, chẳng anh nào khai thác được gì ở chị, nhờ vậy dư luận cũng xẹp dần. Sau này chị cũng không xuất hiện cùng chồng con ở những cuộc vui, những đại hội. Cái bóng cực kỳ thâm lặng đó làm nên tính cách lớn của chị Thái Hằng.

Từ trong đáy sâu tâm tư tôi, chị mãi mãi là một nữ nghệ sĩ rất xứng đáng được kính trọng”.

PHẠM DUY TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN ĐOÀN TỤ CÙNG THÁI HẰNG

Đó là những gì tôi viết 10 năm trước. Và bây giờ, năm 2013, Phạm Duy từ trần, tôi cũng được một ông chủ báo nhắc: “Viết bài về Phạm Duy đi ông”. Tôi cũng trả lời như 10 năm trước: “Chẳng có gì để viết về ông ấy cả. Nhiều người viết quá rồi. Tôi chỉ xin nhắc đến chị Thái Hằng. Tôi nghĩ đó là một lẽ công bằng và ít người viết”.

Một ngày sau ngày anh mất, sáng 28-1-2013 tôi và Nguyễn Quốc Thái cùng Quốc Anh, phóng viên báo *Tuổi Trẻ*, mang một trong những vòng hoa đầu tiên đến tiễn đưa anh. Một mái che như cái rạp dựng ngay trên ngõ, trước cửa ngôi nhà nhỏ của anh. Lúc đó tôi chỉ thấy vài người quen mặt như ông Nguyễn Ánh Chín, Phạm Thiên Thu, Lưu Trọng Văn, Nguyễn Thiện Cơ, Nguyễn Khắc Nhân, vợ chồng nữ ca sĩ Ánh Tuyết...

Sau lễ nhập quan vào 9 giờ sáng, chúng tôi chia buồn cùng tang quyến, đứng trước bàn thờ thắp nén nhang vĩnh biệt anh. Riêng tôi, chỉ cầu xin anh trên đường đi gặp chị Thái Hằng mang tấm lòng kính trọng của người cùng xóm

đến với chị, anh chị mãi mãi bên nhau như những ngày còn ở cư xá Chu Mạnh Trinh.

NHỮNG NGÀY CẬN TẾT Ở SÀI GÒN

Sang đến chuyện Tết đang đến gần, trong những ngày này, bất cứ một gia đình nào ở Việt Nam cũng nói đến cái Tết đang gần kề, từ ông nhà giàu đến anh rách tả toí cũng nói chuyện tết. Mỗi anh nói theo cách của mình.

Anh nghèo càng nghèo, càng lo chạy tiền ăn Tết, thậm chí sợ tết. Anh giàu lại vẫn đi tậu những “đặc sản” tô điểm cho cái vẻ “đại gia” của mình.

Tuy thế năm may nhiều đại gia vỡ mặt vì suy thoái, nhưng dù “vỡ mặt cũng còn cái mũi”, vẫn phải làm ra vẻ “đẳng cấp” để che cái túi rỗng — mgoại trừ những ông “xụm bà chè” không đứng dậy nổi vì bị con nợ đến tận nhà bao vây, có ông trốn luôn ngay từ đầu tháng Chạp.

Nổi bật nhất là rất nhiều công nhân bị nợ lương từ 1 tháng đến vài tháng, suốt ngày long đong đi kiếm chủ công ty. Họ khổ hơn là những anh chị làm ở ngân hàng, ở những công ty xí nghiệp to dùng không được thưởng Tết hoặc không có lương tháng 13. Những khoản tiền này không có trong hợp đồng lao động và cũng không có trong luật nên các ông chủ toàn quyền quyết định.

Cho nên có những công ty thưởng Tết “không giống ai”. Như công ty sản xuất hương, tặng công nhân mỗi người vài bó hương với lý luận nhà nào chẳng cần hương thấp ngày Tết. Một công ty may ở Hà Nội, tặng nhân viên mỗi người 70 cái quần đùi — quần lót đàn ông — là thứ hàng bán ế. Thậm chí có công ty còn thưởng Tết cho nhân viên bằng... gạch xây dựng...

Đúng là kiểu thưởng chỉ có ở Việt Nam.

NHỮNG CẢNH CHỜ TÀU XE TỪ “MUÔN NĂM CŨ” VẪN TÁI DIỄN

Về quê ăn tết luôn là mối lo của những anh chị công nhân từ miền Bắc, miền Trung vào miền Nam làm ăn. Đường như chẳng có mối bận tâm nào của người miền Nam ra Bắc kiếm ăn, con số này quá ít, hầu như chỉ có vài ông công chức, vài ông giám đốc gặp thời đang phát mới ra Bắc “lãnh nhiệm vụ” mà thôi. Còn hầu hết là những ông công chức bự từ miền Bắc vào miền Nam lãnh nhiệm vụ quan trọng. Những ông này ở đây lâu năm, có nhà cửa vợ con xe pháo để huê nên đôi khi cũng chẳng cần “về quê ăn Tết” nữa. Mà có về thì máy bay đi cái vèo là tới. Lo gì cái vật. Với người lao động, tình trạng vẫn như cũ bao năm rồi. Nhà tàu nói “cải tiến”, khách kêu “cải lùi”! Trong khi hai bên liên quan chính năm nào cũng như dàn trận đấu với nhau, thì “cò vé” ở giữa hưởng lợi lớn từ nguồn vô biên là túi tiền của khách.

Vài năm nay công nghệ thông tin lên ngôi nên vé tàu hỏa được đặt qua mạng internet. Nhưng khách chờ dài người từ chập tối đến đêm, có người chờ 3 ngày liền, mạch vẫn nghẽn đến “sập mạng”, không thể chen vào ghi tên được. Cái nền văn minh ấy coi như tắc tị. Lại nhào đến nhà ga mua vé. Lại ngày đêm nằm vạ nằm vật chờ đợi mua được tấm vé. Nhưng ra chợ đen thì bao nhiêu cũng có, đi Đà Nẵng hay Hà Nội đều đầy đủ.

Có hàng ngàn lời kêu ca gửi đến các báo. Bạn chỉ cần đọc vài ý kiến của người đi mua vé tàu cũng đủ biết họ bị hành như thế nào:

– Bạn Thế, thepearlth@gmail.com:

“Muốn gào lên! Tức muốn chết! Ngồi đặt vé cả sáng không

được, chạy ra ga Sài Gòn đã thấy một đám người kêu ơi ới: “Em ơi, vé về Tết không?” Sau đó là tiến hành giao dịch: 200 ngàn /1 vé hẹn vài hôm sẽ có vé. Và tổng thiệt hại cho 1 vé là 1triệu + 200 ngàn nữa. Chả hiểu bao giờ mới được như các hãng hàng không nữa? Chung quy vẫn khổ dân!”

– Bạn Mai Thùy Giang, giangthuy@gmail.com viết:

“Không thể chấp nhận được cách làm việc của ngành Đường Sắt Việt Nam. Đừng đổ lỗi cho nghẽn mạng mà hãy xem lại nội bộ ngành đường sắt như thế nào. Tôi nghĩ, mỗi một mùa Tết chắc mỗi nhân viên liên quan cũng kiếm được chiếc xe hơi nhờ ôm vé đẩy ra chợ đen và các đại lý... Vậy thì lấy đâu ra vé cho người dân mua nữa? Có ít thì chỉ một số người cực kỳ may mắn mới mua được vé giá gốc thôi...Thật buồn!”

– Bạn Hùng, vu.dinh.hung.234@gmail.com than thở:

“Vậy mà năm nào các ông nhà tàu cũng kêu ầm lên: Chúng tôi đã cải thiện tốc độ đường truyền, mọi người có thể yên tâm... Năm nào cũng cải thiện, năm nào cũng nghẽn, vậy mà chả rút được tí kinh nghiệm nào thì chả hiểu các ông lập kế hoạch, vạch hướng đi thế nào nữa? Mà năm nào cũng tái diễn, sao không thấy mấy ông quản lý cấp trên nữa nói gì nhỉ? Hay cũng lại nói đã vạch kế hoạch rồi và phải làm từng bước một?”

Quá nhiều lời thở than với bao giọt nước mắt ngấn dài, những giọt mồ hôi cay xé mắt... ẩn chứa trong đó. Vậy mà hình như chưa bao giờ động được tới con tim, khối óc của những ai có khả năng và cả trách nhiệm thay đổi tình thế?

NHỮNG NGƯỜI NÔNG DÂN CẦN CÙ LO ĐÓI NGÀY TẾT

Những năm gần đây, nền kinh tế suy thoái, đồng tiền trở nên mất giá, đồ ăn thức uống cái gì cũng cao nên việc bỏ tiền ra thuê người dọn nhà hay giúp việc những ngày

cuối năm không còn nhiều như trước. Nhiều khi người ta tự tay làm, chỉ những việc quá khó nhọc hay cần thiết phải thuê thì người ta mới thuê.

Gần Tết là lúc công việc đông áng cũng khép lại, lao động tự do từ các huyện kéo lên thành phố càng đông, người thì đông việc thì ít, kéo theo mức giá trả cho nhân công cũng bèo bọt. Mỗi ngày chỉ khoảng 70, 80.000 đồng Việt Nam, may mắn lắm cũng chỉ 100.000đ/ngày.

Nếu như những năm trước, gần Tết là dịp để người lao động tự do kiếm được “đồng ra đồng vào” hơn, công việc cũng nhiều hơn thì năm nay việc ít mà giá trả cũng thấp, thành ra “nghề đứng đường đợi Tết” những ngày cuối năm càng trở nên ảm đạm. Trên những góc đường không khó để bắt gặp từng nhóm “cửu vạn” vật vờ, co ro chờ việc. Anh Hải, một người lao động bốc vác tâm sự: *“Thời điểm này các năm trước, ngày nào tôi cũng có vài mối, không đi dọn nhà thì cũng bốc vác gì đó. Từ năm ngoái đến nay ít hẳn, chẳng có việc. Giờ đây kinh tế suy thoái, giá cả leo thang nên có sửa sang nhỏ hay dọn dẹp gì thì họ toàn làm lấy, cái gì vất vả lắm họ mới thuê. Ban ngày tôi cứ ra đây ngồi chán chê, rồi lại lang thang ra các ngã tư tìm việc mà cũng chẳng ai thuê, Tết nhất đến nơi rồi, ngồi không thế này như ngồi trên đồng lửa. Cuối năm mà công việc còn không có thì ra giêng chỉ có đói”*.

Chúng kiến cảnh vật vờ, co ro trong giá lạnh của người nông dân cần cù vào ngày tháng cuối năm mới thấu hiểu phần nào sự khốn khổ của họ. Tết đang tới gần và hầu như hết thấy những người “tìm Tết” nơi đô thị vẫn đứng co ro tìm cái Tết đậm bạc nhất cũng không xong!

DÂN NHÀ GIÀU VẴN CHƠI SANG

Thế nhưng có một thành phần ngược hẳn. Thời kỳ bão giá có thể khiến bạn nghĩ các đại gia sẽ “ngại” mở ví tiền sắm những món đồ chơi Tết đắt đỏ. Tuy nhiên, nếu đến làng đào Nhật Tân, chợ hoa Quảng Bá của Hà Nội những ngày này, chúng kiến nhịp mua bán đào, lan giá “khủng” vô cùng sôi động, chắc chắn bạn sẽ hết hồn.

Vườn đào của ông Lê Hàm có khoảng 60, 70 gốc đào Thất Thốn. Năm nay, dù kinh tế khó khăn, giá đào Thất Thốn chẳng hề bị tác động. Những cây Thất Thốn nhỏ nhất cũng có giá trên dưới chục triệu đồng. Cây đào Thất Thốn đẹp nhất trong vườn nhà ông Lê Hàm đã được khách đặt giá 70 triệu đồng, chờ đến ngày Táo Quân tới chở về. Theo chân vài đại gia đi sắm đào ở Nhật Tân, có thể thấy giá của những gốc đào bích đẹp được “hét” từ 18 đến 30 triệu đồng một cây. Giá thuê và mua chỉ chênh nhau khoảng 3 triệu đồng. Trong khi đó, giá của cảnh đào rừng “quý” nhất chợ Quảng Bá đang được ghi nhận ở mức 20 triệu đồng. Bên cạnh đó, lan hồ điệp cũng rất bền, có thể chơi lâu tới hơn 2 tháng. Giá các loại lan hồ điệp từ 600 đến 800 ngàn đồng một cành, cao nhất có thể cán mốc 1,5 triệu đồng/cành.

Các cửa hàng hoa, siêu thị hoa ở Quảng An bày bán không ít những chậu lan hồ điệp có giá lên tới 20 triệu đồng, 28 triệu đồng, 35 triệu đồng, thậm chí là 65 triệu đồng! Giá đắt như vậy, có khách mua không?

Một người bán lan ở chợ Quảng An cho biết đắt mấy cũng có khách mua, giá càng đắt, dân chơi càng chứng tỏ mình là loại người nào nên thị trường hoa Tết sẽ càng sôi động trong một vài ngày tới. Bên cạnh lan hồ điệp, rất

nhiều đại gia Hà Nội đã liên lạc tới hỏi và đặt cọc tiền mua các loại địa lan cao cấp như giống vàng Nhật, xanh New Zealand... Giá cả của mỗi chậu lan này không thể dưới chục triệu đồng.

THÚ CHƠI SANG NHƯ MỸ

Lì xì, mừng tuổi đã trở thành việc “không thể thiếu” vào dịp Tết. Cho nên không nhiều thì ít, cứ Tết đến, hầu hết các ông các bà lại nhờ một số người quen “đổi” ít tiền mới để lì xì. Gần đây ở VN nhiều người, kể cả dân tiểu thương có cái thú chơi tiền lì xì là 2 đô-la Mỹ. Ông Tú, nhân viên của trang web liên quan đến đổi tiền cho biết đồng 1, 2 USD được người dân dùng nhiều để lì xì trong dịp Tết nên có mức phí khá cao. Thậm chí để có được tờ tiền loại 2 USD in năm 1976, khách hàng phải mua với giá 160.000 đồng/tờ, hay phải mua với giá trên 450.000 đồng cho tờ in năm 1953. Tờ 2 USD in năm 1917 có giá 2 triệu đồng. Khách hàng mua số lượng nhiều mới có giá đó, còn mua ít giá còn cao hơn nữa.

ĐỢI CÁI HÀI KỊCH ÔNG TÁO ĐỂ XẢ HÔI

Ở đây tôi chỉ nêu vài hoàn cảnh trái ngược để bạn đọc có thể hình dung thấy những cảnh đời trái ngược tại Việt Nam hiện nay ra sao. Khoảng cách giữa giàu nghèo ngày càng lớn càng sâu, không thể nào san lấp được. Và tại sao lại có những người giàu khùng khiếp nhanh chóng đến thế và tầng lớp lao động, nông dân lại khôn khổ đến như vậy? Câu hỏi tưởng như rất khó trả lời mà thật ra rất dễ. Tại tham nhũng, quan liêu, xa xỉ công quỹ, pháp luật chưa nghiêm minh. Khi tôi viết bài này, sắp đến ngày 23 tháng Chạp, theo tập tục Việt Nam là ngày ông Táo lên châu trời

để báo cáo về công việc dưới trần thế. Báo chí Việt Nam đang quảng bá rầm rộ cho vở “đại hài kịch Táo Quân” với những “danh hài” sẽ ra mắt khán giả, nhưng với tôi, chẳng có gì lạ, bởi đây chỉ là dịp quả bóng được xì hơi. Dù sao, cười được một tí cũng đỡ buồn!

(Sài Gòn, 01-2-2013)

CHƯƠNG 38

CHUYỆN “CỜ BẠCH” NGÀY XƯA Ở VIỆT NAM

Cuối tháng 8-2013, dư luận Việt Nam sôi nổi về đề tài cờ bạc, do chính phủ vừa có tờ trình cho nghị định cá cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế cùng nghị định kinh doanh casino (nghị định về cá cược và về casino). Nhiều bản khoản được đặt ra như mỗi ngày cá cược không quá 1 triệu đồng, mỗi lần chơi ít nhất 10.000 đồng; tại sao không cho cá cược bóng đá trong nước; vào casino có cần xác minh nhân thân, và nhân đó bàn luôn việc nên hay không nên lập các khu mại dâm hợp pháp...

Dư luận có vẻ đồng tình “mở cửa” cho các hoạt động này. Nhưng từ lúc ra nghị định đến sự hướng dẫn thi hành rất phức tạp và có thể còn thay đổi, có nhiều chi tiết đáng quan tâm. Tôi chỉ ghi vài ký ức về cờ bạc ngày xưa cùng đôi chút kỷ niệm về các bạn có mặt tại các cuộc chơi đó. Các kỷ niệm riêng tư gom lại, hy vọng phản ánh phần nào các cuộc chơi thuở xa xưa và tôi không có tham vọng trình bày đầy đủ về các món ăn chơi này.

BIẾT CÓ HẠI VẪN LÀM

Ai cũng biết “*cờ bạc là bác thằng bần*”. Từ hồi học trường làng, chúng tôi đã học và nhớ mãi câu này. Dĩ nhiên ai cũng biết, cũng nhớ, nhưng vẫn đánh bạc, cũng như trên bao thuốc lá ghi rõ “*hút thuốc lá dễ bị ung thư*”, người ta vẫn hút. Thực ra có vị đã bỏ được, nhưng khối vị vẫn phì phà như không có gì xảy ra trong số có tôi.

Tôi xin tỏ lòng ngưỡng mộ các vị đã đoạn tuyệt với thuốc lá. Tôi đã bỏ vài tháng, nhưng sau này không đi chơi, không “cờ bạc”, chẳng còn cái thú gì, và khi ngồi gõ máy, cứ thấy “thiếu thiếu” cái gì, có lẽ là thiếu thú tạo thêm cảm hứng nên lại hút thuốc lá “cho đời lên hương”.

Tôi biết đó chỉ là “ngụy biện” cho thói hư của mình, nhưng “không thích bỏ thì cứ hút”. Tám bó có lẽ rồi, hút thuốc đã hơn “60 năm cuộc đời” có ho lao hay ung thư đầu. Khối ông từ bé tới lớn không hút thuốc mà lăn quay ra vì ung thư phổi. Như Thái Thủy từ nhỏ tới già không hút thuốc, thế mà chết vì bệnh phổi. Có “phản khoa học” không? Tôi chịu thua! Tôi lại nhớ đến câu nói của bác sĩ Hà Xuân Du khi từ San Jose về Việt Nam. Ông nói “*anh hút thuốc lá lâu năm, có khi cơ thể anh quen với chất nicotine rồi, thiếu nó, anh bệnh đấy*”. Không biết ông nói thật hay đùa, tuy vậy tôi cứ tin như thật để có thêm lý do mua thuốc lá đều đều.

Cũng xin thêm là, tôi chỉ hút thuốc lá có tên SAIGON. Tôi khoái cái tên ấy từ ngày ở “tù cải tạo” ra nên nhất định chỉ hút thuốc lá Saigon. Ông nào ở Mỹ về cho 555, Craven “A”, xì gà gòc... tôi đem đổi hoặc đem cho hết. Một tút 555 đổi hơn hai tút thuốc Saigon, bởi thứ thuốc này ở đây, một

gói chỉ có giá 11 ngàn Việt Nam, tức bằng nửa đô-la Mỹ. Song, giá cả chưa phải là chính mà chỉ do cái tên tôi thích “Thuốc lá Saigon”. Tuy vậy, tôi vẫn đề nghị bạn không nên hút thuốc lá. Còn tôi không bỏ được, dù có chết cũng mang theo SAIGON trong túi áo.

TRỞ LẠI VỚI CHUYỆN “CỜ BỊCH”

Dù “vui chơi, giải trí” hay táng gia bại sản cũng là “cờ bịch”. Chữ này vốn là chữ tôi dùng trong các bài phóng sự và được “bảo chứng” khi nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh có lần dùng trong bài viết của mình đã cẩn thận ghi thêm: “*cờ bịch*” là “*chữ của anh Văn Quang*”. Chắc ông chỉ có ý muốn nhắc vài kỷ niệm thời xa xưa thôi.

Nguyễn Đạt Thịnh hơn tôi vài ba tuổi, tốt nghiệp khoá 6 Võ Bị Đà Lạt. Sau Tết Mậu Thân 1968, cấm trại “*chăm phần chăm em ơi*”, chúng tôi thường cùng đánh phé còm ở phòng báo chí. Hồi đó tôi đã về Đài Quân Đội còn Nguyễn Đạt Thịnh là Trưởng Phòng Báo Chí.

Đánh phé còm cho đỡ buồn, bất kể cấp bậc, quan cũng như lính, ngồi chơi “bình đẳng bình quyền”. Cũng “tố”, cũng “thấu” như điên. Hào hứng đến nỗi có những anh thích “chăm phần chăm” ở trại hơn ở nhà với vợ. Chúng tôi bày ra trò này để anh em đỡ “trốn cấm trại”.

Ngay tại Cục Tâm Lý Chiến, buổi tối có 3 bàn phé còm. Ngoài phòng báo chí, phòng vi âm của đài Quân Đội, máy lạnh 24/24, cũng có “sòng bài” nhỏ cho các nhạc sĩ, biên tập viên, phóng viên “oánh thả cửa”, dĩ nhiên là có kiểm soát, không vượt giới hạn. Báo *Tiền Tuyến* do cụ Hà Thượng Nhân cai quản cũng có sòng phé và mặt chược còm.

Nhân nhắc chuyện cũ tích xưa này, tôi xin điểm lại đôi nét về “cờ bạc” Việt Nam, trong giới hạn thời gian, không gian nhỏ và bạn bè mà tôi biết, tất nhiên không thể nói hết.

CỜ BẠC TRƯỚC 1945

Tôi lấy mốc thời gian 1945 như nhiều bạn có tuổi bây giờ hay nghĩ đến. Thực ra trước năm 1945, tôi chỉ biết vài thứ cờ bạc ở làng tôi. Miền Bắc hồi đó chỉ có xóc đĩa còn gọi là “lắc đĩa”. Ngay nhà tôi, cứ vào dịp Tết hoặc giỗ ông nội tôi, thường có một canh xóc đĩa gồm nhiều vị “chức sắc”, điền chủ trong huyện đến chơi, đôi khi có cả các vị ở huyện thân quen với gia chủ cũng tới ngồi sòng, lên đến 50, 60 người. Canh xóc đĩa này khá lớn, giấy “bạc con công” như bướm bướm. Thường là hơn chục chiếc chiếu hoa cạp điều trải dài trong dãy nhà khách rộng. Nhà khách được thắp sáng trưng bởi mấy cái đèn “măng-sông” và đèn đất. Canh bạc bắt đầu từ chiều tới sáng hôm sau. Nhà tôi chỉ lập sòng mỗi năm một lần.

Tôi còn nhớ nên chỉ biết một cách đánh chắn lẻ. Tôi khoái nhất khi sắp mở đĩa để quyết định thắng thua. Nhà cái hô hoán lung tung, khi cả “làng” đặt tiền, đặt cược xong mới mở. Cử chỉ mở bát rất phóng túng, rất “tay chơi” và chuyên nghiệp. Cái bát được nhón lên cho khỏi va chạm ảnh hưởng tới cái đĩa, nhưng vừa lên khỏi đĩa là cái bát được vung mạnh bật ra xa nằm quay cu lơ. Mọi con mắt dồn vào 4 đồng trinh trong đĩa sắp ngửa ra sao, ảnh hưởng tới số phận hên xui, có khi tới cả vận mạng mình. Bởi có các ván rất lớn, bằng cả cơ nghiệp một số “bá hộ” mà bây giờ gọi là “đại gia miệt vườn”.

Sau xóc đĩa là các bàn bài nhỏ như chắn cạ, tổ tôm, đánh lú, hầu như các nhà khá giả trong làng, ngoài tỉnh đều tổ chức đánh với hàng xóm, bạn bè mua vui. Đôi khi cũng có sòng chắn cạ tổ tôm chuyên nghiệp, hầu hết ở gần phố, gần chợ, gần các “xóm cô đầu”. Còn ở làng khi có hội hè cũng tổ chức vài món chơi phổ thông như cờ tướng, tổ tôm điểm, tùy phong tục từng làng. Ở cổng các trường học, nhất là dịp có kỳ thi, thường có mấy bàn “bầu cua cá cọi” dụ mấy cậu học sinh. Nó thoáng cho mình thấy con cờ bằng gỗ úp xuống là con cua nên tưởng bỏ nhào vào đặt vài xu, khi lật lên lại là con cá nên nhiều anh thua hết cả tiền com.

Nói thêm một chút là thú “cờ bịch” của các cụ thời đó, nhiều nhất và “tốn kém đến mất nghiệp” là xóc đĩa, thường đi kèm thú hút thuốc phiện và “đi hát cô đầu”. Các anh và ông chú tôi đi hát cô đầu gọi tắt là “*đi hát*”, hoặc đi hút thuốc phiện là “*đi hít*”. Hồi đó, chưa có các loại ma túy ghê gớm như bây giờ. Phải bảnh lắm mới hút thuốc phiện và đi “hát cô đầu” được. Nhiều bạn hẳn còn nhớ, hai phố cô đầu nổi tiếng đất Bắc xưa là Quán Bà Mau ở Hải Phòng và Khâm Thiên ở Hà Nội. Ở thành phố có dancing, hầu hết tại các khách sạn lớn. Dân văn minh lắm mới đi nhảy với mấy “ông Tây bà đầm”.

Đó là vài thú chơi thường thấy thời tôi thơ ấu trước 1945 ở miền Bắc, còn ở miền Nam, tôi không biết nhiều nhưng chắc là dân miền Nam không đánh xóc đĩa. Theo tôi, phần đông người miền Nam và miền Trung chơi tứ sắc, bài cào, sập sâm và cờ tướng.

CỜ BẠC Ở VIỆT NAM TRƯỚC 1975

Phần đời khôn lớn của tôi ở miền Nam, kể từ 1953, khoảng gần mười năm sau tôi mới biết “cờ bạc”. Thoạt đầu là đánh chắn với mấy ông bạn “Bắc Kỳ chính hiệu con nai”. Tôi biết lơ mơ chắn cạ hồi nhỏ ngồi bên mẹ nên khi ông bà Quốc Phong rủ đánh chắn là hăng hái nhận lời. Rồi đến Phạm Đình Chương rủ đến nhà đánh chắn cho bà cụ vui. Bàn chắn đó chúng tôi gọi là nhà “bà cụ Hoài Bắc”. Sau đó là đánh xì, còn gọi là đánh phé. Từ năm 1960 có thể gọi là thời bột phát xì phé. Bàn xì phé có mặt đủ mọi nơi, từ cổng đài Sài Gòn, đến nhà Ân Shell, Tú Vopco hay ở các hóc hẻm như nhà Hà Huyền Chi, Nguyễn Đình Toàn... Hai ông này thuộc loại “kinh tế suy thoái” nhưng đánh bài như công tử. Sau đó vài năm, phong trào chơi mạt chược nẩy nở rầm rộ như chơi phé. Ít năm sau, tôi bỏ phé, trò chơi “không khoan nhượng” nhằm “giết” lẫn nhau dù là bạn bè thân thuộc, bởi nếu không thể không còn là đánh phé, phải giấu kỹ con bài tẩy, hờ ra là “chết”. Chơi mạt chược có tính “gia đình” hơn, có thể khoan nhượng. Hầu hết chúng tôi chơi mạt chược còm, “láng” rất ít, thua nhiều lắm cũng chỉ mất một ngày lương chứ không thể so với các sòng đại gia.

NHỮNG SÒNG BÀI CÓ BẢO KÊ

Sau sự kiện Bình Xuyên tan tác, kéo theo Kim Chung, Đại Thế Giới đóng cửa, nhiều sòng bài các kiểu mọc lên và một số sòng bài lớn nhất thời đó thường được bảo kê bởi vài thế lực. Tôi biết khá rõ những địa chỉ bảo kê này qua nhà phóng sự Phan Nghị thường lẫn lộn ở “chốn giang hồ”. Ông cho biết từng địa chỉ và chính ông cũng được các đại ca thỉnh thoảng chi cho tí tiền đi ăn chơi. Nay các vị

đứng đầu bảo kê hoặc con em các vị ấy cầm đầu bảo kê đã mất, tôi không nhắc lại làm gì cho “mất đoàn kết”. Hầu hết các sòng bài đó là sóc đĩa, xì phé, sò dách và cũng có các tổ chức bịp bợm rất tinh vi. Ngay đánh phé ở nhà tư cũng có nơi bịp. Tôi nhớ có lần Phan Lạc Phúc và tôi đến nhà một ông ở khu Chợ Cá Trần Quốc Toàn đánh phé. Đánh kiểu nào cũng thua. Tôi khám phá ra bài có dấu. Liền dùng chiêu “gây ông đập lưng ông”, lấy lại đủ tiền. Đánh xong ván đó, tôi nháy ông Phúc về ngay. Chính vì sợ bị bịp nên sau này, chúng tôi lập một *club fermé* chừng 7, 8 anh em bạn biết nhau, chơi cho yên tâm. Mỗi tuần, thay nhau tổ chức đánh bài ở một nhà, không chơi với người lạ.

Thời này trường đua ngựa cũng được phép tổ chức khá bài bản, nhưng chưa có “đua chó”, bởi chưa có nhiều “đại gia chơi chó” như hiện nay. Cá độ bóng đá cũng chỉ có giới hạn và hầu như các bạn tôi rất ít người đến trường đua Phú Thọ.

VÀI CÁ TÍNH CỜ BỊCH CỦA CÁC ÔNG VĂN NGHỆ SĨ

Nói đến cờ bịch, tôi nhớ vài tính cách chơi bài của các bạn tôi. Tôi chỉ nhắc đến vài ông có cá tính đặc biệt mà tôi tin sẽ không ai viết tới, dù viết tiểu sử các ông ấy rất cẩn thận. Những nét rất nhỏ nhưng là “giai thoại” mang theo hết cuộc đời mình. Tôi nghĩ, bạn cũng có các mẩu chuyện tương tự, chuyện lớn có thể không nhớ, nhưng kỷ niệm rất nhỏ cứ nhớ hoài. Gặp nhau là nhắc lại để tiếc thương. Tháng trước, một bạn tôi ở Úc về. Chúng tôi gặp nhau ở một quán ăn, ông ấy còn nhắc ván bài với ông Quang “hỏi” chơi ở báo *Tiến Tuyến* từ nửa thế kỷ trước qua từng chi tiết sống động như mới vừa xảy ra.

Lại phải nói về sự đánh phé của ông Quang “hói”. Ông hùng hục, “cái gì cũng theo”, nên có biệt danh Pôn Húc. Ăn tiền của ông “ngon” như đi ăn phở 79. Ông Quang “dù” và ông Quốc Phong chủ báo Kịch Ảnh cũng nóng tính không kém. Tài tử Lê Quỳnh đánh chắn không khá nên thua xiểng liểng. Hoài Bắc Phạm Đình Chương đánh phé rất “chắc”, có đôi lớn mới theo. Khi ông ấy ra tiền là kể như ăn chắc nên được đặt cái *nick name* “*gánh gánh vè*”. Mai Thảo thì luôn uể oải cả khi đánh chắn hay đánh phé còm, mắt cứ lơ mơ như buồn ngủ. Ông này thiếu máu ăn thua. Thái Thủy khi đánh phé, có bài lớn là tay cứ run run, mặt mũi xanh dờn như gặp cướp nên đối thủ đoán ra ngay. Cụ Hà Thuông Nhân chơi tổ tôm rất “đẳng cấp” nhưng khi đánh phé thì nhát gan, tố mạnh là cụ “chạy có cò”. Anh Ngọc không đánh phé, có thời ở gần nhà tôi, ông và Cung Tiến cùng vài anh em khác hay chơi “băng ky”. Tôi không khoái trò này và không hiểu luật chơi ra sao. Nghe nói sau này qua Mỹ rồi ông cũng chơi mạt chược ở nhà, có bà Nhung phụ tá, nhưng nay “người” hơi yếu rồi nên Hoàng Song Liêm báo tin là “người” chỉ cầm vài ván cho đỡ buồn tay thôi. Duy Trác vốn là luật sư, chơi mạt chược cũng từ tốn khoan thai. Nhạc sĩ Y Vân vẫn lao vào chơi mạt chược và vốn là dân đói rách “có hạn” lại hay thua. Nhật Bằng chơi rất hay và rất kỹ tính. Cả nhà ông đều chơi mạt chược giỏi, có khi vợ chồng con cái ngồi chơi với nhau, chắc chơi ăn “búng tai”.

Đó là vài “sự kiện” đáng nhớ.

NHỮNG ÔNG KHÔNG CHƠI CỜ BỊCH

Có những ông không bao giờ bén mảng đến cờ bịch và dancing. Hoàng Hải Thủy tức Công Tử Hà Đông viết

phóng sự rất “ác liệt”, nhiều độc giả cứ tưởng công tử “ăn chơi kinh lắm” nhưng ông không hề chơi bất kỳ món nào. Ông là ông chồng mẫu mực. Tạ Quang Khôi cũng vậy, ông tự nhận là Giáo Gian nhưng thật ra ông rất hiền, tốt tính, chỉ hay giận vặt, không nhảy đầm, không cờ bạc, dù suốt đời chơi với hầu hết anh em văn nghệ sĩ vì ông từng làm “nhôn” ở Phòng Văn Nghệ đài Sài Gòn.

Uyên Thao cũng là một người “chân chỉ”, cuộc sống của ông là “cày” và “cày”. Làm nhiều đến nỗi anh em... phát ghét. Lê Xuyên còn hiền lành hơn, không cờ bạc rượu chè, thậm chí không bước đến phòng trà nghe nhạc. Nguyên Sa, Huy Phương cũng vậy có lẽ ảnh hưởng “nghề thầy giáo” nên không “văng mạng” như chúng tôi... Đặc biệt là mấy đạo diễn làm phim “xã hội đen”, phim “giang hồ uỳnh lộn toi bời”, bắt diễn viên chơi bài bịp như làm xiếc nhưng đạo diễn lại chưa cầm đến con bài bao giờ như Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Hoàng Hoa, Hoàng Anh Tuấn...

Còn khá nhiều ông như thế nữa. Nhưng tính theo tỷ lệ, ước chừng 10% các “bố văn nghệ” không cờ bạc, không nhảy nhót, còn hầu hết là ít nhiều có cờ bạc, có nhảy nhót, có cá độ và các món linh tinh khác.

TỪ MẠT CHUỘC ĐẾN CÁC PHÒNG TRÀ TIỆM NHẢY

Cùng với mạt chược là các phòng trà, tiệm nhảy mọc lên nhanh chóng. Sau 1954, cô đầu “rượu” ngoài Bắc “dò Nam”, một số lớn chuyển sang nghề làm gái nhảy, thoát tiên là “vào học nghề” ở các tiệm nhảy *matinée* có giá rất rẻ như Lai Yun ở đường Tổng Đốc Phương, Chợ Lớn.

Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ hiện ở Mỹ, chắc chưa quên thời chúng ta còn rách, còn “xê li bạt”, những buổi chiều Thứ

Bảy, Chủ Nhật thường la cà vào đó để nhảy bốn chục một ly nước, ngồi hàng giờ với các em Hương khàn (sau còn có biệt danh “Hương National” để phân biệt với Hương Suzuki), em Hải 44, em Lan mập... Toàn Phong thời còn trẻ, dường như cũng vài lần đặt gót giày “đời phi công” đến nơi đó rồi?

Trong khi đó các phòng trà tiệm nhảy ở Sài Gòn cho giới trung lưu ngày một nhiều và sang trọng thêm.

Phòng trà Anh Vũ ra đời sớm rồi tàn sớm ở đường Bùi Viện. Tiếp đến Tự Do, Mỹ Phụng, Baccara, Đại Nam, Queen Bee, Olympia, Versaille, Moulin Rouge... nhiều kẻ không xuể. Các nam nữ ca sĩ bắt đầu xuất hiện và tạo tên tuổi nhờ phòng trà ca nhạc chứ không phải từ các đài phát thanh. Nhưng sau bước khởi nghiệp ban đầu, các đài phát thanh lại rất quan trọng, bởi đó là mảnh đất cho ca nhạc sĩ lan tỏa tên tuổi và “nuôi” tên tuổi đứng vững trong làng giải trí toàn quốc và cho tới mai sau.

SAU 1975, CỜ BỊCH SÀI GÒN BIẾN TƯỚNG RA SAO?

Những năm đầu, khi tôi còn nằm kỹ trong các trại tù cải tạo và các ông được gọi là “hào hoa phong nhã” của nền cờ bịch Sài Gòn cũng di tản ra nước ngoài.

Trong trại cải tạo, chúng tôi tự làm những con bài mặt chược bằng gỗ, làm bàn bằng tre, ngồi đánh cho vui và cá độ đá bóng bằng vài điều thuốc lá. Ở ngoài thành phố Sài Gòn “đi dép lốp”, anh nào cũng rách như tổ đĩa, ăn bo bo làm gì có “cờ bịch” nữa. Nhưng chục năm sau, thành phố khá lên và những ông “hào hoa” còn kẹt lại có tí tiền từ bà con ở nước ngoài gửi về, lại tập tễnh cờ bịch. Khi đi tù về, chúng tôi bắt đầu tụ họp đánh mặt chược cùng nhau, trước

hết là ở nhà ông bà Đăng Giao – Chu Vị Thủy vào Chủ nhật hàng tuần. Chỉ vài anh em rất thân chơi với nhau, vậy mà vẫn có kẻ rêu rao chúng tôi tụ họp “bàn chuyện chính trị”. Ngày thường chơi ở nhà ông Khuong “trục thẳng”. Rất đông vui. Nhưng chỉ một thời gian, từng người lần lượt ra đi nên cả hai chốn hẹn hò đó đều ngưng hoạt động. (Ảnh: Văn Quang, Kiều Chinh, Đăng Giao, Phan Nghị).

Bây giờ tìm được một bàn mạt chược ở Sài Gòn hơi khó vì chỉ còn vài nơi duy trì được nếp cũ.



Và cho tới nay rất ít cán bộ và thanh niên biết chơi mạt chược. Các ông ấy chơi thú khác. Sang Macao, Campuchia, Las Vegas chơi toàn đô-la Mỹ và Euro, cá độ bóng đá, đi karaoke, chơi ma túy, đi dancing sân chân dài. Hoặc ở vài tỉnh thành và thôn quê, một số anh có tiền lại quay về với thú cổ điển là xóc đĩa, và thú “điên viên” là đi nhà nghỉ với “rau sạch”. Nền “văn hóa ngoại tình” phát triển như rươi.

(Sài Gòn, 23-8-2013)

CHƯƠNG 39

TUÔNG NHỚ TUÔNG BÙI THẾ LÂN

Tin Thiếu tướng Bùi Thế Lân từ trần đến với tôi đột ngột. Có lẽ cũng như với nhiều người quen khác của ông. Bởi mới ba hôm trước, tôi nghe nói ông khỏe mạnh và còn đi ăn với gia đình. Hơn một tháng trước, ông gửi cho tôi khoảng 50 bức ảnh về sinh nhật thứ 82 của ông tại nhà riêng ở San Jose. Trông ông rất khỏe, vui tươi, hạnh phúc cùng bạn bè. Có một bức ảnh ông gửi riêng cho tôi và hỏi đùa: “Trông giống Nhật hoàng không?” Tôi trả lời “Giống đến nỗi ông bà đi ngoài phố Tokyo, dân bỏ ra đường chào hết”.

Thỉnh thoảng tôi điện thoại sang thăm ông, không có dấu hiệu nào về bệnh tật của ông cả.

Sáng 15-1-2014, tôi dậy lúc 5 giờ, mở e-mail đọc.

Người đầu tiên báo tin cho tôi là anh Nguyễn Gia

Quyết, sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến hiện ở Houston. Chỉ có một dòng ngắn ngủi “Anh ơi, Thiếu tướng Bùi Thế Lân đã từ trần sáng nay 14-1 rồi, anh biết tin chưa”.

Chèn ảnh

Sau đó tin của anh BMH báo một số chi tiết cùng 2 tấm ảnh của ông. Tôi lập tức điện thoại sang cho Hùng Sùi, bạn cùng khóa 4 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức



Tướng Bùi Thế Lân khi còn tại chức.

với tướng Lân và tôi, hiện ở San Jose cùng thành phố với tướng Lân. Hùng Sùi xác nhận tin này và cho biết thêm bác sĩ Luyện, cùng khóa với chúng tôi, sau này là bác sĩ tại Mỹ và cũng là bác sĩ của gia đình tướng Lân. Theo vị bác sĩ này, tướng Lân ra đi đột ngột vì bệnh tim mạch. Hùng Sùi nói thêm, trong tang lễ tướng Lân, anh em cùng khóa là bạn bè trong Khóa 4 dự tính sẽ phủ cờ, nhưng anh em trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến nói để binh chủng của anh em đảm nhận việc này. Tôi nghĩ đó là điều hợp lý.

Từ đó chúng tôi ôn lại kỷ niệm xa gần với người bạn cùng khóa này. Điểm lại Đại Đội 3 – khóa 4 Thủ Đức của chúng tôi có lẽ “sản xuất” nhiều vị tướng nhất trong các khóa Sĩ Quan, kể cả hiện dịch và trừ bị. Từ tướng Hồ Trung Hậu rồi đến Ngô Quang Trưởng, Lê Quang Lương... Có lẽ tướng Lân là vị ra đi sau cùng.

NHỮNG NGÀY MỚI GẶP

Tướng Bùi Thế Lân và tôi cùng động viên vào Khóa 4 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức năm 1953 và ra trường với cấp Thiếu úy năm 1954. Ông Lân và tôi với các ông Hùng Sui, Mai Hắc Lào, Ngô Quang Trưởng, Lê Quang Luồng... cùng ở chung Đại Đội 3. Lúc đó, Đại Đội trưởng là một sĩ quan nhảy dù người Pháp, Trung úy Bardet, Đại Đội phó là Trung úy Kỳ Quan Liêm.

Trước khi mãn khóa, Đại Đội 3 từ Thủ Đức di chuyển bằng tàu thủy Gascogne ra Bãi Cháy, Quảng Ninh học “Stage Commandos”. Một khóa học rất gian khổ. Lúc đó ông Lân đã đeo cặp kính trắng dày cộm nên được anh em tặng cho biệt danh “Lân mù”. Ông là một sinh viên sĩ quan bình thường như bao anh em khác. Cũng đi cầu khỉ, bơi thuyền, leo núi, tập trận bắn đạn thật và hàng chục bài tập nguy hiểm khác đến mờ người, song lúc nào cũng tươi cười, thân thiện với mọi người. Sau 2 tháng chúng tôi về thi cuối khóa và làm lễ mãn khóa ngày 01-6-1954 cùng khóa 10 Sĩ Quan Võ Bị Đà Lạt tại Sài Gòn. Cuộc duyệt binh khá rầm rộ, vác khẩu Garant lệch vai.

Chúng tôi là dân Bắc Kỳ mới vào Nam nên thường thân thiết với nhau, nhất là khi được phép ra Sài Gòn vào các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật. Chúng tôi đi thành nhóm, đôi khi có anh em ở miền Nam hướng dẫn đi khắp Sài Gòn, từ Sở Thú đến Chợ Lớn. Năm bảy anh em chỉ dám thuê chung một phòng khách sạn lem nhem trong các con phố hẹp. Nhưng ông Lân không hay đi lang thang, không lẩn mò vào các nơi xa lạ như Kim Chung, Đại Thế Giới, Chợ Bến Thành, mà tìm những nơi yên tĩnh nghỉ ngơi. Có lần tôi thấy ông nằm trên ghế đá Thảo Cầm Viên ngủ tĩnh bơ như ở nhà.

Khi mãn khóa, tôi về làm huấn luyện viên Trường Commandos Nord VN, từ Bãi Cháy di chuyển vào Đồng Đế, Nha Trang sau hiệp định Genève. Một thời gian sau, ông Lân cũng về Nha Trang, đó là thời kỳ binh chủng Thủy Quân Lục Chiến mới thành lập. Vì thế ông là Đại Đội trưởng Đại Đội 1 thuộc Tiểu Đoàn 1 của binh chủng này. Chúng tôi còn trẻ, tâm hồn phơi phới, lại cùng gặp nhau vui đùa trên bãi biển Nha Trang.

VỊ CHỈ HUY TRẺ ĐẦY TÀI NĂNG

Khi tôi thuyền chuyển về Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng, Bộ Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến cũng đặt ở một khu doanh trại Sài Gòn. Tôi nhớ khoảng năm 1970, lúc đó ông Lân là Đại tá Tham mưu trưởng Thủy Quân Lục Chiến, có lần tôi hỏi ông có muốn cho nữ xướng ngôn viên Đài Truyền Hình Quân Đội mặc quân phục của TQLC không? Ông gật ngay: “Ừ sang đây, tao cho vài may quân phục”. Rồi ông cười nói: “Nữ xướng ngôn viên thì chỉ thấy nửa thân hình trên màn hình tivi, chứ đâu có thấy toàn thân nên không cần quần, đừng không?” Tưởng ông nói đùa, tôi sang lấy vải, ông chỉ cho vài đủ may một cái áo thật. Tôi chê ông hà tiện, ông nói “*của quân đội đâu phải của chùa*”. Từ đó nữ xướng ngôn viên đài truyền hình Quân Đội mặc quân phục TQLC chỉ có cái áo trên màn hình.

Vào thời ông chỉ huy mặt trận Quảng Trị, ông nổi tiếng là một sĩ quan kinh nghiệm và biệt tài chỉ huy, ngay sĩ quan và nhà báo Mỹ cũng ca ngợi tài năng cùng phẩm chất của ông. Khi có trận đánh lớn như trận tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, tôi gửi phóng viên chiến trường ra và luôn luôn điện thoại “gửi ông chăm sóc giùm”. Nhờ vậy

ông cho phóng viên Đài Quân Đội luôn theo sát các đơn vị chiến đấu và được chăm sóc cẩn thận. Tôi còn nhớ phóng viên Nhật Lệ đã làm tường thuật truyền thanh ngay tại mặt trận giữa thành phố khi Thủy Quân Lục Chiến tiến chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Rất hiếm có phóng viên trực tiếp truyền thanh được ngay tại mặt trận nếu không có vị tư lệnh chiến trường yểm trợ.

Ông Lân là một tướng trẻ, được hầu hết sĩ quan và binh sĩ dưới quyền kính trọng, nể phục. Tính kỷ luật của ông nổi tiếng trong quân lực, gần giống tác phong của tướng Đỗ Cao Trí. Song hai vị tướng này cũng là sĩ quan rất hào hoa. Đôi khi ở chiến trường về đến Sài Gòn, ông đưa cả Bộ Tham Mưu đi ăn, đi chơi. Những lúc đó ông rất bình dị, cởi mở với mọi người.

Kể về thành tích chiến trận của ông phải cần một tập sách dày, tôi không đủ sức làm việc ấy, xin dành cho các nhà viết quân sử.

Sau những ngày gian khổ tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã có một bức thư ca ngợi tinh thần chiến đấu dũng cảm của các đơn vị tham gia trận đánh này, đặc biệt là Thiếu tướng Bùi Thế Lân và Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Ở đây tôi chỉ chú trọng đến vài kỷ niệm riêng tư mà chắc ít người biết.

VỊ TƯỚNG HÀO HOA

Khi tôi nói chuyện với Hùng Sùi sáng 15-1-2014, ông Hùng còn nhắc lại một kỷ niệm ngày họp Khóa 4 ở Câu Lạc Bộ Công Binh, Phú Thọ.

Năm ấy là lần họp thứ tư hay thứ năm gì đó của anh em trong khóa. Ông Lân đã là Đại tá nhưng khi trình diện trước khóa, vẫn giữ đúng tư thế thời Sinh Viên Sĩ Quan.

Ông đứng nghiêm, giơ tay chào và trình diện: “EOR — Eleve Officier de Reserve — Bùi Thế Lân, Onzième Brigade, Troisième Compagnie”.

Chèn ảnh 39_2

Sau một ngày ở bên nhau với đủ thứ chuyện, buổi tối chúng tôi có chương trình dạ hội. Tất nhiên tôi phải lãnh phần cung cấp ca nhạc sĩ cho dạ hội. Hầu như tất cả ca sĩ nổi danh



Tướng Bùi Thế Lân 11-2013.

của Sài Gòn đều có mặt góp vui. Hôm đó có cả Kiều Chinh và Kim Vui đến với tư cách khách mời. Ông Lân khoái nhảy Mambo Cha Cha Cha, ông “múa” cũng điệu nghệ lắm.

Hùng Sùi nhắc lại một chuyện vui về tướng Lân.

Tối đó bỗng có 2 người đẹp lạ mặt đến tìm Đại tá Lân. Chúng tôi không hề biết 2 người đẹp này là ai. Ông Lân ngỡ ý không muốn gặp, chỉ ngồi tiếp khách vài phút rồi đứng dậy. Tôi nói Kim Vui ra sàn nhảy với tướng Lân, rồi giữa khung cảnh đèn màu chớp choạng và piste đông nghẹt, một người bạn khác ra mời Kim Vui nhảy Tango.

Ông Lân lịch sự nhường bạn rồi theo lối hậu trường sân khấu ra chiếc xe của tôi có tài xế chờ sẵn, bảo đưa thẳng ông về nhà. Hôm sau chúng tôi mới biết đó là 2 người đẹp “mê” tiếng “anh hùng hào hoa” của người sĩ quan Thủy

Quân Lục Chiến nên tìm đến gặp mặt. Ông Lân không muốn dây dưa nên “chuồn” thẳng. Sau này, mỗi lần gặp nhau, chúng tôi thường nói lại chuyện vui này.

LÂN GẶP CUỐI CÙNG

Tôi gặp tướng Lân lần cuối vào những ngày cuối tháng 4-1975, khi ông đưa quân từ Đà Nẵng về Vũng Tàu. Hôm đó ngồi ăn trưa với tướng Lân ở doanh trại Bộ Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến tại bờ biển Vũng Tàu. Bữa ăn trưa đó còn có ông Nguyễn Quang Đan hiện đang ở Mỹ là chánh văn phòng của tướng Lân và cũng là chú họ của tôi. Trong khi ngồi ăn, có chiếc trực thăng của Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại cùng một sĩ quan Mỹ đáp xuống gặp tướng Lân. Tôi lánh mặt vào phòng trong để cuộc nói chuyện của họ tự nhiên. Chừng nửa giờ sau, chiếc trực thăng cất cánh ra biển. Chúng tôi tiếp tục cuộc nói chuyện. Thật ra cuộc gặp này để nói về cuộc đảo chánh khi “tình hình đất nước đã lâm nguy”. Ông đồng ý tham gia cuộc đảo chánh để “cứu vãn tình hình” và nhận lời chiếm Dinh Độc Lập. Những người chủ trương đảo chánh tin tưởng tướng Lê Quang Lương – Tư lệnh binh chủng Nhảy Dù, đang đi hành quân song cũng hứa nếu về được sẽ giữ vững cửa ngõ Sài Gòn. Ngoài ra còn tướng Lê Minh Đảo Tư lệnh Sư Đoàn 18 ở Long Khánh, các binh chủng thiết giáp, pháo binh, các trường huấn luyện xung quanh khu vực Sài Gòn, số quân nhân còn lại trong các đơn vị, sẽ tham gia.

VÌ CÚ LỪA NGOẠN MỤC

Biết rằng đảo chánh thì dễ nhưng giữ Sài Gòn mới khó, vì quân Mỹ đã rút hết và bom đạn, vũ khí yểm trợ cũng chẳng còn gì. Giữ Sài Gòn, đóng cửa phi trường và mang

theo, bảo vệ số gia đình người Mỹ còn sót lại. Sau đó nếu thể quá yếu, sẽ rút về Vùng 4, lúc đó tình hình còn rất sáng sủa. Các vị tướng nổi danh như Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng... và toàn thể quân nhân Vùng 4 sẵn sàng chiến đấu tới phút cuối cùng.

Như thế tình hình có thể cứu vãn bằng một cuộc thương thuyết. Nếu có cuộc đảo chánh đó, biết đâu tình hình có thể sẽ khác đi nhiều.

Nhưng một trung tướng Mỹ từ tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn vào thuyết phục người đứng đầu cuộc đảo chánh rằng “Các ông không cần đảo chánh, nếu Tổng thống Thiệu ra đi, chỉ còn các ông chứ ai nữa. Nếu các ông làm người dân thiệt hại nặng nề, thành phố tan hoang, sẽ mang tội với lịch sử. Chi bằng các ông cứ đợi đó, bất chiến tự nhiên thành”.

Cú lừa ngoạn mục này đã khiến người đứng đầu đảo chánh dễ dàng buông tay. Lúc đó ở Sài Gòn có Trung tá Lê Mộng Hoan hiện ở Orange County đang là phi đoàn trưởng Phi Đoàn Phản Lực Vùng 4 cũng về Tân Sơn Nhất nằm chờ làm đảo chánh, nhưng phút chót, nếu không ôm được chiếc phản lực còn để ở phi trường quân sự bay về Cần Thơ chắc cũng kẹt lại rồi. Ông Lân thường nhờ ông Nguyễn Quang Đan, liên lạc qua điện thoại với tôi cho kín đáo. Nhưng đợi mãi không có tin tức gì khác nên tướng Lân buộc phải đưa quân xuống tàu di tản. Trước khi đi, ông cũng cho người gọi điện thoại cho tôi nhưng tôi không thể gặp ông được.

Mãi sau này, sau hơn 12 năm ở cái gọi là “trại cải tạo” ra, một thời gian nữa rồi tôi mới liên lạc lại với ông Lân. Nhắc lại chuyện xưa, tướng Lân hỏi tôi có viết hồi ký về cuộc

“đào chánh hụt” đó không. Tôi nói không có ý định gì cả. Ông Lân cũng do dự một chút rồi nói “Quên đi cũng phải, viết cũng chẳng có lợi gì”. Tuy nhiên ông vẫn nói nếu tôi viết lại toàn bộ câu chuyện ông Lân sẽ là một nhân chứng. Nhưng cho đến nay, trước lúc từ biệt người anh hùng Thủy Quân Lục Chiến, tôi chỉ nhắc lại một phần chuyện đó để chứng tỏ ông là người sẵn sàng chiến đấu tới phút cuối cùng.

Trước nỗi mất mát lớn lao và rất bất ngờ một vị tướng đáng kính và cũng là niềm hãnh diện của Khóa Cương Quyết. Xin gιο tay kính chào vị anh hùng của chúng tôi lần cuối và xin chia buồn cùng tang quyến. Tôi không dám đại diện cho ai cả, nhưng tôi cho rằng đó cũng là nỗi tiếc thương của toàn thể anh em khóa 4 Trường Sĩ Quan Thủ Đức và những anh em Thương phế binh của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến còn ở lại Sài Gòn mà tôi đã từng gặp mặt.

TIỂU SỬ THIẾU TƯỚNG BÙI THẾ LÂN (1932-2014)

Cố Thiếu tướng Bùi Thế Lân sinh tháng 11 năm 1932 tại Hà Nội. Ông là học sinh hai trường trung học Chu Văn An và Dũng Lạc ở Hà Nội.

1953: Động viên vào Khóa 4 Cương Quyết Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, năm 1954 tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu úy. Sau đó làm Đại Đội trưởng, Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến.

1960: Trung úy tham mưu trưởng Liên Đoàn TQLC

1961: Đại úy tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 4 TQLC

1963: Bàn giao chức vụ Tiểu Đoàn trưởng Tiểu Đoàn 4

TQLC cho Đại úy Lê Hằng Minh, du học khóa Chỉ Huy và Tham Mưu TQLC tại căn cứ TQLC Quantico, Virginia, Hoa Kỳ

1964: Tham mưu trưởng Lữ Đoàn TQLC thay Thiếu tá Trần Văn Nhật nhậm chức tùy viên quân Sự tại Phi Luật Tân. Thăng cấp Thiếu tá

1965: Ngày 1-11, thăng cấp Trung tá

1966: Thăng cấp Đại tá

1971: Tư lệnh phó kiêm tham mưu trưởng Sư Đoàn TQLC

1972: Ngày 4-5, Tư lệnh Sư Đoàn TQLC thay thế Trung tướng Lê Nguyên Khang nhận chức vụ Tổng Thanh Tra Quân Lực VNCH. Ngày 28-5 vinh thăng Chuẩn tướng nhiệm chức

1973: Vinh thăng Chuẩn tướng thực thụ

1975: Tháng 4 vinh thăng Thiếu tướng nhiệm chức

1975: Định cư tại Houston, Texas và San Jose, California

— Huy Chương:

Được ân thưởng nhiều huy chương Quân Sự và Dân Sự cao quý kể cả các huy chương Đồng Minh. Legion of Merit

— Degree of Commander.

(Sài Gòn, 16-1-2014)

CHƯƠNG 40

60 NĂM SÀI GÒN TRONG TÔI

Hai tuần nay (8-2014) người Sài Gòn xôn xao về một số công trình xưa cũ sẽ bị phá bỏ lấy đất làm tàu điện ngầm. Rầm rộ nhất là khu thương xá Tax bị “bao vây” bởi các hàng rào chắn chạy dài và tất cả cửa hàng trong thương xá phải dời đi vào tháng 10 để làm một siêu thị 40 tầng văn minh hơn. Hầu như cả thành phố xôn xao, người kéo đến mua hàng giảm giá đông như hội. Và cũng có người đến chỉ để nhìn lại chút kỷ niệm với một công trình kiến trúc xây dựng từ xa xưa khiến bất cứ ai dù chỉ sống ở thành phố này ít năm cũng cảm thấy tiếc nuối.

Lúa tuổi già đã qua hơn nửa thế kỷ với Sài Gòn bỗng nhận ra khu thương xá Tax không chỉ gắn liền với thành phố mà còn gắn liền với cả gia đình mình. Hầu như gia đình nào cũng từng đưa nhau vào đây mua sắm vài thứ đồ dùng vặt vãnh hoặc dạo quanh, ăn một ly kem, uống một ly cà phê. Nỗi buồn vẫn vo thật nhưng lại rất sâu sắc như

vừa bị lấy đi một phần đời mình. Bởi cái mất đi từng có kỷ niệm với người thân quen không bao giờ tìm lại được nữa. Người mất kẻ còn, người ra đi, kẻ ở lại đã từng cùng nhau đến đây.

Còn một số công trình gắn liền với Sài Gòn không hẳn chỉ là biểu tượng mà còn là da thịt của một thành phố từng được vinh danh là “hòn ngọc viễn đông” cũng sắp mãi mãi biến mất để nhường chỗ cho công trình ga tàu điện ngầm đầu tiên của tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên. Dẫu biết vạn vật đổi dời không có gì vĩnh cửu nhưng cái gì quá thân quen mất đi cũng thấy lòng trống rỗng. Có khi chỉ một cửa hàng như quán cơm bình dân Bà Cả Đọi, tiệm cắt tóc Đàm, nước mía Viễn Đông... mất tích vĩnh viễn để thay vào đó là các tòa nhà chọc trời, các cửa hàng choáng lộn, vẫn thấy lạnh lùng xa lạ. Người Việt ở trong nước xót xa, ở nước ngoài tiếc nuối, đó là điểm những người thân quen gặp nhau ở nỗi nhớ nhung tiếc nuối này. Như Thế Hải từ Hawaii mượn hai câu thơ bất hủ của Bà Huyện Thanh Quan, chia xẻ cùng bè bạn khắp nơi khi nhớ về những cái sắp mất đi của Sài Gòn: *“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo. Nền cũ lâu đài bóng tịch dương”*.

Với người ở lại như tôi, đã hơn nửa thế kỷ gắn bó với hòn ngọc viễn đông, hai tuần nay càng thấy lòng hoài cổ dâng trào. Nhớ, nhớ từng chi tiết từ bước chân đầu tiên đặt lên đất Sài Thành, nhớ từng ngõ ngách, từng nhân vật thuộc về quá khứ cho đến ngày nay, mặc cho Sài Gòn nhiều tang thương dâu biển, từ cái tên đến các con đường đã thay đổi, từ con người đến xã hội và cả cách sống đã khác xưa nhiều. Chẳng trách khi xã hội đổi thay, người ta chép miệng than: *“Trời làm một trận lãng nhăng, ông hạ xuống thẳng, thẳng*

nhảy lên ông, con đi đánh bóng nhảy lên bà lớn”. Nhưng với tôi, Sài Gòn vẫn là Sài Gòn từ tâm thức, từ tận cùng tim óc. Thế là đủ và tôi lại phải sống cũng như những người Sài Gòn khác, bất chấp gian khổ. Có chăng chỉ là nỗi ngẩn ngơ khi các dấu tích xưa dần mất đi chẳng bao giờ tìm lại được. Với nỗi hoài niệm sâu sắc ấy nhiều buổi chiều đứng trong hành lang hẹp chung cư, nhìn lên khung trời cao, hướng về ánh đèn đêm mờ hồ của thành phố, tôi cố tưởng tượng vẫn là khung trời xưa, nhớ về những năm tháng tôi sống ở Sài Gòn. Không chỉ cảnh quan mà còn những nhân vật là bạn, là người từng gặp, từng quen. Người ở đâu bây giờ? Có biết Sài Gòn vẫn đang có rất nhiều người đang nhớ, đang mong các “bạn ta” không?

BƯỚC CHÂN ĐẦU TIÊN TRÊN ĐẤT SÀI GÒN

60 năm rồi đấy, kể từ ngày tôi đặt chân lên Sài Gòn. Tôi nhớ như in ngày đầu tiên ấy. Cuối tháng 1-1954, sau hai tháng ở Trường Sĩ Quan Thủ Đức, ngày Thứ Bảy chúng tôi được đi phép ở Sài Gòn. Mơ ước của tôi từ ngày còn nhỏ ở trường trung học là ước gì có ngày tới Sài Gòn. Mơ ước ấy rộn ràng hơn khi khóa học sĩ quan khai giảng. Thủ Đức tuy chỉ cách Sài Gòn hơn 10 cây số, nhưng hai tháng sau chúng tôi mới được đi phép. Mấy anh “Bắc kỳ” nôn nao hỏi thăm các bạn “Nam Kỳ” về Sài Gòn. Từ Chợ Lớn có những gì đến xe taxi ra sao, đi thế nào, bởi miền Bắc chưa hề có taxi... Các bạn Nam Kỳ tha hồ tán dóc. Đầu óc tôi cứ lo mơ về chuyến đi phép.

Rồi ngày đi phép cũng đến. Một nửa số sinh viên sĩ quan đi phép mặc bộ *tenue sortie* ủi thẳng tắp, áo bốn túi, sơ-mi trắng tinh, thắt *cravate* đen đàng hoàng, giấy đánh bóng lộn có thể soi gương được. Vô phúc quên cái gì là bị

phạt ở lại ngay. Nhưng chưa có anh nào bị phạt. Đoàn xe GMC của trường chở chúng tôi chạy vèo vèo vào Sài Gòn. Cửa ngõ thành phố hồi đó chưa có gì lộng lẫy mà chúng tôi đều mở to mắt. Đoàn xe “diễu” qua vài phố rồi dừng lại đường Hai Bà Trưng hồi đó là Paul Blanchy, sau Nhà Hát Lớn mà sau này là trụ sở Hạ Nghị Viện VNCH.

Cú nhảy từ sàn xe GMC xuống con đường Hai Bà Trưng là bước chân đầu tiên của tôi trên đất Sài Thành hoa lệ.

Hồ Trung Hậu là dân miền Nam chính hiệu, hứa hướng dẫn tôi đi chơi... cho khỏi “ngố”. Chúng tôi đi bộ vào con đường nhỏ bên hông Nhà Hát Lớn và khách sạn Continental, vòng ra trước bùng binh Catinat – Lê Lợi hồi đó là Boulevard Bonard và Nhà Hát Lớn. Nhìn mấy bức tượng bà đầm trước Nhà Hát Lớn cứ tưởng... mình ở bên Tây. Lúc đó đã có nhà hàng Givral, nhưng tôi vẫn “kính nhi viễn chi” cái nhà hàng văn minh giữa thành phố lớn rộng đó, chưa dám bước chân vào. Ông Hậu vẫy một taxi chở chúng tôi về nhà ông. Taxi hồi đó toàn loại *deux cheveaux* nhỏ hẹp sơn 2 màu xanh vàng. Khi lên xe, đồng hồ số chỉ 0, đi quãng nào số tiền nhảy quãng đó.

Ngày đầu tiên, tôi ngu ngơ làm quen không khí Sài Gòn qua anh em ông Hậu. Hôm sau bạn tôi đi với bồ nên tôi khởi cuộc solo giữa Sài Gòn xa lạ này. Sinh viên Sĩ Quan không được đi xe buýt hay xích lô. Nhưng lệnh là lệnh, chúng tôi học các đàn anh khóa trước, cời áo bốn túi, bỏ *cravate*, cất cái nón đi là tha hồ vung vẩy.

TRỞ THÀNH NGƯỜI SÀI GÒN TỪ BAO GIỜ?

Nơi tôi đến đầu tiên là Chợ Lớn. Một cuộc taxi từ trung tâm thành phố đến cuối Chợ Lớn mất 12 đồng. Tôi tìm đến khách sạn rẻ tiền của mấy thằng bạn Bắc Kỳ ở đường

Tản Đà, một phố nhỏ, ba bốn thằng thuê chung 1 phòng chẳng có “ông mã tà” nào hỏi đến. Chợ Lớn hỏi đó tấp nập hơn Sài Gòn. Phố Đồng Khánh chỉ chút khách sạn, hàng ăn, tiệm tạp hóa lu bù tường như mua gì cũng có. Chúng tôi cũng biết chui vào Kim Chung, Đại Thế Giới xem đánh bạc. Hôm đó có Nguyễn Trọng Bảo cùng Đại Đội nhưng lớn hơn chúng tôi vài tuổi và là một cặp với Nguyễn Năng Tế lúc đó mới là người yêu của nữ diễn viên điện ảnh Kiều Chinh. Anh thử đánh “tài xỉu”, may sao, một lúc sau anh được một khoản tiền. Thế là chúng tôi xúi anh “ăn non”, không chơi, rủ nhau đi ăn.

Từ hôm đó chúng tôi “khám phá” Sài Gòn, rồi theo năm tháng thành người Sài Gòn lúc nào không biết. Càng nhiều thằng trâm chúng tôi càng gắn bó với Sài Gòn hơn.

LẦN THỨ HAI TRỞ LẠI SÀI GÒN

Tôi lại nhớ ngày trở về Sài Gòn sau hơn 12 năm tù cải tạo từ Sơn La đến Vĩnh Phú rồi Hàm Tân. Đó là buổi chiều tháng 9-1987. Khi đoàn xe thả tù cải tạo bị giữ lại nhà giam Chí Hòa nghe các quan chức trấn an về số phận chúng tôi khi được trở về, khoảng hơn 5 giờ chiều chúng tôi mới thoát khỏi cánh cửa sắt Chí Hòa. Ngay cổng trại tù đã có đoàn quay phim đợi sẵn để quay cảnh “vui mừng đoàn tụ” của tù nhân, chúng tỏ sự “khoan hồng bác ái” của nhà nước cho những kẻ may mắn không chết trong ngục tù. Lần thứ hai tôi đặt chân lên Sài Gòn nhưng với tư cách khác giữa một thành phố đã đổi chủ.

Thấy sẽ bị quay phim, Trần Dạ Từ kéo tôi lên vỉa hè, lẩn vào những thân nhân được vận động ra đón tù cùng đám người tò mò nhìn “cảnh lạ”. Tránh được cái máy quay phim, chúng tôi đi gần như chạy ra khỏi con phố nhỏ này.

Đến đường Lê Văn Duyệt, chúng tôi đi chậm lại, nhìn đường phố mà cứ thấy đường phố đang nhìn mình với vẻ xa lạ, xót thương? Trần Dạ Từ còn lại ít tiền, rủ tôi ghé đường Hiền Vương ăn phở. Chẳng biết bao nhiêu năm mới lại được ăn tô phở Hiền Vương đây. Tôi chọn quán phở sát cạnh tiệm cắt tóc Đàm mà tôi cùng bạn bè vẫn đến cắt tóc.

Có lẽ Trần Dạ Từ hiểu anh về đoàn tụ với gia đình chứ tôi, vợ con đi hết, nhà cửa chẳng còn, sẽ rất cô đơn nên níu tôi lại. Ngồi ăn tô phở tưởng ngon mà thấy đắng vì lúc đó tôi chưa biết sẽ sống ra sao giữa thành phố này. Từ tiệm phở bước ra, chúng tôi đi bên nhau dưới ánh đèn chập choạng của con đường Duy Tân mà Phạm Duy gọi là “con đường Đại Học”, “*uống ly chanh đường, uống môi em ngọt*”. Đến ngã tư Phan Đình Phùng, tôi chia tay bạn tù Trần Dạ Từ, đi lang thang trong cô đơn, trong bóng tối của chính đời mình. Bây giờ tôi mới hiểu hết nghĩa cô đơn là thế nào. Tôi bắt đầu cuộc sống lưu lạc trên chính quê hương mình.

Tôi tìm về nhà ông anh rể đã nuôi tôi những năm tháng trong tù. Từ đây, tôi thành người Sài Gòn khác. Rồi từ những cùng khổ, khó khăn, tôi tự đứng lên. Tôi thấm thía rằng lúc này không ai cứu mình cả, không vượt qua nó, nó sẽ đè chết. Vì thế đến bây giờ sống giữa Sài Gòn, tôi phải là người Sài Gòn và mãi mãi sẽ là người Sài Gòn. Làm được cái gì hay chết bẹp dí là do mình thôi.

ĐI TÌM HOÀI NIỆM

Nói về những ngày tháng đó chẳng biết bao giờ mới đủ. Hôm nay, 25-8-2014, hơn 60 năm ở Sài Gòn, mọi người đang xôn xao về các đổi thay lớn, tôi không thể ngồi yên. Tôi muốn chính mắt nhìn thấy các thay đổi ấy. Dù đã qua

2 lần nằm bệnh viện, với tuổi trên tám mươi, đã mất sức nhiều, hầu như tôi suốt ngày ngồi nhà từ ba tháng nay. Tôi điện thoại cho Thanh Sài Gòn rủ anh đi thăm “cảnh cũ người xưa”. Chúng tôi vào phở Hòa, tiệm phở nổi tiếng trước 1975. Đường Pasteur đan kín xe cộ, tiệm phở Hòa có vẻ tấp nập hơn xưa. Bạn khó thể tìm lại chút gì đó của “muôn năm cũ”. Tô phở bị “Mỹ hóa” vì cái tô to ỉnh và miếng thịt cũng to tướng, có lẽ ông chủ đã học theo phong cách tiệm phở Việt Nam ở Mỹ. Nó “to khỏe” chứ không còn vẻ “thanh cảnh” như xưa nữa.



Sau đó, nơi đầu tiên chúng tôi đến là Thương Xá Tax. Vừa đến đầu 2 con đường Pasteur – Lê Lợi đã thấy một hàng rào bằng tôn chạy dài. Đường Lê Lợi chỉ còn một lối đi nhỏ dẫn đến thương xá Tax và công viên Lam Sơn. Chiếc xe gắn máy len lỏi đến cuối đường Lê Lợi sát mép đường Tự Do. Chúng tôi đứng trước cửa Thương Xá Tax đang bày ra cảnh vô cùng vắng vẻ, chỉ có tôi và anh bảo vệ nhìn nhau. Anh thừa biết tôi đến đây để làm gì và anh cũng không còn cái nhiệm vụ cao quý là mở cửa đón khách, để mặc tôi tự do đẩy cánh cửa kính nặng chịch đi vào khu thương mại. Đèn đuốc vẫn sáng choang, chiếc thang máy cuốn vẫn lặng lẽ chạy không một bóng người. Nó mang một vẻ gì như lặng lẽ theo sau một đám tang. Trong quầy hàng đầu tiên, điều khiến tôi chú ý là hàng chữ nổi bật: *Hàng đại hạ giá — Big Sale 70%* đỏ loét chạy dài theo quầy hàng và hàng chữ “TẠM BIỆT THƯƠNG XÁ TAX”.

Tôi gọi chuyện cô chủ hàng xinh xắn: “*Cô phải để là TỪ BIỆT THƯƠNG XÁ TAX mới đúng chứ, sao lại là TẠM BIỆT?*” Cô hàng trẻ đẹp thở dài ngao ngán: “*Người ta hứa khi nào căn nhà 40 tầng làm xong sẽ cho chúng tôi ưu tiên thuê cửa hàng đấy*”. Nhưng cô lắc đầu ngay: “*Hứa là hứa, chứ khi đó không có cánh, đứt lót đừng hòng bén mảng tới, ông có tin không?*”. Bị hỏi ngược, tôi lúng túng nói lảng: “*Đợi tới lúc đó mới biết được*”.

Cô bán hàng quay đi, dường như cô chẳng tin gì cả. Các quầy hàng khác vẫn mở cửa nhưng mỗi gian hàng chỉ còn lại vài người, chắc toàn là các ông bà chủ. Tôi nghĩ họ đang làm việc khác chứ không bán hàng. Có ai mua đâu mà bán. Tôi đến hỏi thăm vài ông bà chủ cửa hàng, không thấy bất cứ nụ cười nào trên các khuôn mặt buồn hiu ấy. Có lẽ vài

tuần nay, người đi tìm đồ hạ giá đã “khuân” đi nhiều rồi, lúc này các thứ hàng còn lại không giá trị nữa. Tuy nhiên cửa hàng nào cũng bẽ bộn hàng ế. Nhìn lên tầng lầu cũng vậy, nó còn vắng vẻ thê thảm hơn. Tôi bước lên mấy bậc bực gỗ, vào một tiệm bán máy hình còn nguyên si bởi ông chủ quyết không giảm giá. Tôi hỏi lý do, ông có vẻ liêu: “Thà ế chứ không giảm”. Tôi lại tò mò hỏi tiếp:

– Vậy là ông có cửa hàng ở nơi khác nữa?

Ông lắc đầu: “Không”. Tôi hỏi: “Vậy ông sẽ làm gì?”

Câu trả lời của ông cụt lùn: “Về quê làm ruộng”.

Tôi yên lặng trước sự bất bình đó. Nhìn hàng loạt máy hình, máy quay phim đủ loại còn nằm rất thú tị trong tủ kính sáng bóng. Tôi lại hỏi:

– Chắc họ phải bù cho ông những thiệt hại này chứ?

– Chưa có xu nào cả. Thời hạn bắt di dời nhanh quá, trở tay không kịp.

Tôi nghĩ ông này chỉ là người thuê lại cửa hàng của một ông nhà giàu nào đó mà thôi. Ông có vẻ bất cần đời.

Tôi chào từ giã, ông chỉ gật đầu nhẹ. Nhìn sang hàng loạt cửa hàng vàng bạc đá quý gần như vẫn còn nguyên vẹn và không một bóng khách vãng lai. Các bà, các cô tha hồ nhìn nhau ăn cơm hộp. Tôi có cảm tưởng một thành phố chết – vì chiến tranh gần kề hay vì một nạn dịch nào đó.

Vậy mà tôi vẫn đi vơ vẩn trong cái không gian như nghĩa trang sống đó. Tôi đi tìm hình bóng một thời dĩ vãng, nào vợ con, nào bè bạn, nào những người xa lạ trong nhịp thở rộn ràng thân thiện của tất cả Sài Gòn xưa ở chốn này. Chẳng bao giờ trở lại. Tôi muốn gọi tên tất cả trong hoài niệm tận cùng sâu lắng.

NGÂM NGÙI NHÌN CÔNG VIÊN LAM SƠN TRỐNG RỎNG

Rồi tôi cũng phải bước ra. Trở về với thực tại, nhưng vẫn gặp cái vắng lặng của vỉa hè chạy dài theo đại lộ Nguyễn Huệ. Đường như chỉ có Thanh Sài Gòn ngồi ngất ngư với “người xưa trong ảnh” của một ô quảng cáo vuông vắn phía ngoài thương xá.

Chúng tôi đi qua khu công viên Lam Sơn, lúc này đã phá sạch, chỉ còn vài cây cổ thụ cao lêu nghêu bên cạnh “công trường” đang làm. Hàng cây đứng chờ giờ hành quyết như các “đồng nghiệp” đã bị đốn hạ vài hôm trước.

Các bác thợ quần áo xanh, dây đeo chằng chịt đã và đang dọn dẹp cho công trường trống rỗng. Tôi đứng trước Nhà Hát Lớn Thành Phố nhìn cảnh “vườn không nhà trống” ngâm ngùi nhớ về pho tượng Thủy Quân Lục Chiến sừng sững đứng ngày nào và nhớ tới những đồng đội TQLC đã ngã xuống hoặc giờ này đã ở khắp phương trời xa.

Hẳn nhiều người còn nhớ ngay cạnh đó là góc bùng binh Nguyễn Huệ – Lê Lợi, nơi tổ chức đường hoa vào dịp Tết. Gia đình nào chẳng một lần kéo nhau đi giữa đường hoa với tâm trạng rộn ràng của ngày hội hoa xuân. Từ nay sẽ mất hẳn, chẳng bao giờ thấy bóng dáng mùa xuân ở đây nữa.

Cuối cùng tôi trở lại nơi mà lần đầu tiên tôi đặt chân lên Sài Gòn. Tôi đã nhảy xuống xe GMC ở đây, đứng nơi này, phía sau Nhà Hát Lớn bây giờ là trụ sở của tổng công ty cấp nước thành phố. Mặt đường nhựa chẳng có gì thay đổi, vẫn nhẵn mơn như những con đường nhựa khác, nhưng với tôi nó là một dấu son đáng nhớ nhất trong đời. Vậy mà đã đúng 60 năm rồi sao?

Mai này Sài Gòn sẽ còn mất đi nhiều thú nữa – như vòng xoay trước cửa Chợ Bến Thành, một biểu tượng mà bất cứ ai đã đến Sài Gòn dù chỉ một lần cũng không thể nào quên. Đó là những thú sẽ mất đi để làm tuyến metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên. Ngoài tuyến metro số 1, còn xây dựng thêm 6 tuyến metro khác.

Chúng ta sẽ mất nhiều di tích xưa cũ.

Sài Gòn sẽ đổi khác rất nhiều, để lại trong người Sài Gòn dù ở đâu cũng cảm thấy một nỗi buồn ngùi, nhớ tiếc.

60 năm Sài Gòn, hồn ở đâu bây giờ?

(Sài Gòn, 29-8-2014)

CHƯƠNG 41

NGÀY CUỐI NĂM VỚI BẠN BÈ

Tết Nguyên Đán là dịp đoàn tụ gia đình và sui gia hàng xóm láng giềng, bạn bè gặp nhau. Trước Tết hầu hết công tư sở thường có buổi tiệc Tất Niên. Đôi khi bạn bè thân mật hơn, họp mặt trong một gia đình nào đó cùng nhau thù tạc “chén chú chén anh”. Sở lớn làm tiệc tùng ở nhà hàng, khách sạn sang trọng, sở nhỏ làm ở quán bình dân, có khi làm tiệc tất niên ngay ở via hè.

Sau giờ tan sở là quán xá nhộn nhịp, nhiều dãy bàn ghế xếp ngay bên đường, các cô cậu còn nguyên đồng phục kéo nhau đến ăn tất niên rôm rả, những tiếng “dzô, dzô” ầm ỹ, rượu vào lời ra, cứ như chỗ không người.

Lúc đó quên hết mọi ưu phiền trong năm vừa qua, cố đi tìm một hy vọng cho năm mới sắp tới dù chưa biết cái hy vọng nhỏ nhoi đó là gì.

Thời nay nhiều gia đình có thân nhân ở nước ngoài về Việt Nam với nhiều lý do, nhưng hầu hết là muốn gặp lại

người thân, thăm viếng mộ tổ tiên hoặc mấy ông bà già đưa con cháu “thế hệ thứ hai thứ ba” về cho biết “xứ Việt Nam là như thế nào”.

Tôi từng có dịp viết: “Riêng cánh già chúng tôi, những ngày cuối năm ở Sài Gòn, thường có bạn bè từ nước ngoài về ghé thăm hoặc “a lô” hẹn nhau ở quán cà phê nào đó rồi kéo nhau ra “đấu láo” chuyện xa xưa, chuyện bây giờ, kể còn người mất. Nhiều chuyện cũng “lâm ly” lắm, những lúc đó mới thật sự biết cuộc đời còn đáng sống. Nếu bạn sống ở Sài Gòn như tôi, suốt năm chỉ muốn nằm nhà, muốn “*nhắm mắt chỉ thấy một chân trời tím ngắt*” cho xong chuyện đời, mới thấy được niềm vui hội ngộ ấy như thế nào”.

Bài này xin kể đôi nét về các cuộc hội ngộ ấy, gọi là chút tâm sự, ghi vài kỷ niệm cuối năm để bạn đọc cho vui những ngày cuối năm và thông cảm với “cánh già”.

Nếu kể tất cả những bạn may mắn ra nước ngoài định cư về thăm tôi từ mấy năm qua thì quá nhiều. Bạn đồng đội, bạn làm báo, bạn ca nhạc sĩ, bạn “giang hồ”, bạn tù mà chúng tôi gọi là “*bạn cùng chung một mối cầm hờn trong cũi sắt*”, không thể kể hết. Tôi chỉ còn biết cảm tạ tấm lòng của các bạn đã nghĩ đến “người ở lại” và xin chỉ kể về vài bạn tôi đã gặp vào dịp cuối năm nay.

QUÁN CAFÉ BÊN HỒ CON RÙA

Trước hết là gia đình tu-bíp Hà Xuân Du đưa con cháu về Việt Nam trong kỳ nghỉ cuối năm. “Phái đoàn” của ông có gần 10 người đi từ Nam ra Bắc. Khi con cháu về Mỹ trước, ông bà ở lại thêm vài ngày thăm bạn bè. Bạn của ông hầu hết là gia đình Không Quân còn ở lại Việt Nam.

Hai ông bà đến thăm nhà tôi trên cái chung cư nghèo nàn “muôn năm cũ”, hôm sau ông còn hẹn tôi ra quán café Nghệ Thuật bên Hồ Con Rùa để “tâm sự lẻ”. Chúng tôi chọn quán này vì không có những chân dài phục vụ nên vắng luôn cả những cô cậu choai choai, đầu tóc như tài tử Hàn Quốc, nhạc khuê âm ỹ. Quán này hầu như chỉ có những người đứng tuổi. Chúng tôi nói đủ thứ chuyện “bên này bên kia”, ai sống thế nào, cuộc đời dâu biển ra sao. Nhờ đó có thể biết tin tức khá chính xác về hầu hết bạn bè xưa cũ. Kể còn người mất với nỗi ngậm ngùi, niềm nhớ nhung thương tiếc vẫn nguyên vẹn trong ký ức, có những kỷ niệm nhỏ nhất nhưng không thể phai mờ. Ngồi từ 9 giờ sáng, mãi tới 12 giờ trưa quên cả đường về, mới chợt nhớ đã ngồi “ám quẻ” chủ quán quá lâu.

Rồi cách đây vài hôm, Mai Bá Trác gọi tôi cho biết đang ở Sài Gòn nhưng tất nhiên là “cậu Ba” còn về Đà Nẵng thăm mấy chục mẫu đất xưa. Thế nên chúng tôi đặt cho cái nick name “Cậu Ba Đà Nẵng”.

Ngay sau đó là “thần đồng âm nhạc”... bây giờ đã có rêu Hoàng Thi Thao cũng có mặt tại Sài Gòn. Ông này quên địa chỉ *mail* của tôi nên phải “meo” về Mỹ hỏi Tạ Quang Khôi số điện thoại. Ngay hôm sau ông gọi lại và chúng tôi lại hẹn nhau ở quán *Nghệ Thuật*, vẫn chuyện ca nhạc sĩ sống ra sao, chuyện đá banh, chuyện tennis. Ông khoái nữ danh thủ quần vợt Ana Ivanovic đẹp chín, dịu dàng. Tôi khoái cô bé Bouchard của Canada trẻ khỏe, xinh đẹp như minh tinh. Nhưng chúng tôi cùng chung nhận định là xem tennis bây giờ giảm thú vị nhiều vì giải lớn nào cũng vào tay mấy đàn anh đàn chị như Novak Djokovic, Serena Williams.

Chuyện tôi muốn kể với bạn hôm nay là chuyện một bài thơ cũ với những người mới.

CHUYỆN VỀ BÀI THƠ CŨ

Hôm sau Hoàng Khởi Phong vừa về Mỹ đã trở lại Việt Nam, hẹn tôi ở quán café *Gió Bắc*, cũng lại bên hồ Con Rùa. Biết có Hoàng Thi Thao ở đây nên anh “a lô” cho Thao ra chơi. Thao nói ngay vừa ở quán *Nghệ Thuật* về đến phòng ngồi với bạn, nhưng rồi anh em cũng kéo nhau ra ngồi “đấu láo”. Lúc nhắc đến bạn cũ, Hoàng Khởi Phong hứng chí đọc ngay một bài thơ xưa mà anh cho là rất thú vị. Tối về nhà, tôi vẫn còn thấy dư âm bài thơ như vương vấn đầu đây. Hôm sau tôi gửi “meo” nhờ Phong chép lại cho tôi bài thơ, anh viết thư trả lời:

“Anh Văn Quang và anh Hà Huyền Chi thân,

Bài thơ này có nhan đề là “Hỏi Mộ” của anh Hà Huyền Chi mà tôi đọc lần đầu trong tập thơ Saut Đêm, xuất bản vào những năm cuối thập niên 60 của thế kỷ trước. Đó là một bài thơ dài hơi, nói về cuộc tình của một cô nữ sinh trong trắng, yêu một người lính Nhảy Dù.

Phần tôi đọc cho anh Hà Huyền Chi nghe cách đây cỡ hai chục năm, và đọc cho anh Văn Quang nghe mới cách đây vài ngày là phần cuối của bài thơ này.

Tôi chép ra đây để mong là anh Hà Huyền Chi có thể tìm lại được nguyên bản. Đoạn cuối ấn tượng đến độ gần năm chục năm sau tôi còn nhớ đầy đủ, những đoạn đầu chỉ nhớ lôm bôm mà thôi”.

Tôi phen cho Hoàng Khởi Phong nói ngay: “Thằng này là bạn chí cốt của tôi đấy, để tôi meo bảo nó gửi cho tôi nguyên con bài thơ đó”. Hôm sau tôi “meo” cho Hà Huyền Chi và được trả lời ngay. Nhưng bạn tôi viết kiểu

chữ như chữ Ả Rập. Tôi phải cho vào trang web “chuyển đổi font chữ Việt online” để đổi mã mới đọc ra chữ:

Chèn ảnh

“VQuang, HK

Phong thân,

A/ Máy hư ko bỏ dấu được

B/ Tay hư ko viết dài được (stroke)

C/ Bài Hòì Mộ tao viết, có vài kỷ niệm vui sẽ kể sau.



Lính dù Hà Huyền Chi vẫn là
“ông .lão nhảy dù”

Thì ra bạn tôi còn bị ảnh hưởng của cú *stroke*, tay chân vẫn loạn quạng. Tôi không phải giới thiệu thêm về bài thơ này, bởi bài thơ đã là một câu chuyện tình rất lãng mạn, rất đẹp, rất buồn, chỉ có thể là của một người lính và ra đời trong cuộc chiến của người lính VNCH.

Mời bạn cùng đọc

HỎI MỘ

— Thơ Hà Huyền Chi – 1963

Khi con chim đầu đàn chập chững bay xa

Để lại đằng sau đôi cánh mỏng

Những tiếng khóc em thơ

Những tóc trắng mẹ già

Chuyến độc hành ngày xưa đã trôi vào kỷ niệm

Mang tâm tình của một chàng lính chiến

Nhớ quê hương, thêm những phút giao tranh.

Có một người con gái bằng trinh
 Tuổi mười sáu, chưa xa lìa sách vở
 Yêu phượng đỏ, yêu luôn mẫu Mũ Đỏ
 Hôn say mê theo dõi bước quân hành
 Người con gái học trò
 Men yêu vừa độ nở
 Gối mộng cuồng si, đêm đêm thầm nhớ
 Bóng dáng người yêu qua những canh dài
 Và vẫn băng khuâng lo sợ
 Mỗi lần nghĩ đến tương lai.
 Nhưng tình yêu của hai người
 Không vì núi sông ngăn cách
 Người lính Nhảy Dù sau những lần hăng say đuổi giặc
 Vẫn nhớ về đôi mắt người xưa
 Và những nụ cười sao vỡ
 Chiếc dao găm long chuôi
 Mấy lần ghim trong xác địch
 Giờ khắc sâu vào lòng đá lời nguyện
 “Cho đến bao giờ cũng chỉ một mình em”.
 Người con gái học trò quên dần sách vở
 Miệt mài chép những thơ yêu
 Cuộc sống hai người thơ mộng biết bao nhiêu
 Nhưng người chiến binh nghèo
 Cay đắng ngậm mỗi tình dang dở
 Lần đầu tiên cầu hôn
 Gia đình nàng từ chối
 Người lính Nhảy Dù ôm mối buồn cô độc xin đổi đi xa
 Cuộc sống âm thầm nơi hành lang biên giới
 Mang theo niềm thương yêu vơi vợi
 Lời thề xưa trong nếp đá chưa mờ.

Người con gái học trò
 Bây giờ mười chín tuổi
 Lớn lên bằng tình yêu
 Bằng những đau thương hờn tủi
 Ba năm dài sống trong vô vọng
 Viết hoài thư yêu rồi lại xé đi
 Rồi một ngày kia
 Người con gái không nguôi niềm thương đau
 Nàng đi tìm người yêu cũ
 Đẹp làm sao con đường
 những kẻ yêu thương đang tìm về nhau
 Chiếc cổng đồn rêu phủ
 Giữa những hàng dương cao
 Cuộc hành trình đã đến ga cuối cùng
 Một nghìn hai trăm cây số
 Từng bước chân ngập ngừng
 Nói lên nhiều thương nhớ.
 Nhưng rồi người con gái học trò
 Ôm mặt mình nức nở
 Vì người yêu không về
 Không bao giờ về nữa
 Cuộc hành quân sáng nay
 Người lính Nhảy Dù đã đến xong nợ nước.
 Người con gái cúi đầu lặng bước
 Mái tóc tả tơi chiều gió bay
 Con đường vào nghĩa địa
 Không một vòng hoa trên tay
 Bóng nhỏ đổ dài, hoàng hôn lịm chết
 Hình ảnh người yêu ba năm về trước
 Nhòe giữa bờ mi nước mắt đầy.

Người gác nghĩa địa sau một ngày mệt mỏi
 Đã bỏ về uống rượu giải phiền
 Nàng đi một mình âm thầm giữa những hàng mộ mới
 Bia vô tình chưa kịp khắc họ tên
 Nàng hỏi mộ, không mộ nào chịu nói
 “Anh đâu rồi, sao chẳng trả lời em?”
 Nàng hỏi mộ, không mộ nào chịu nói
 “Anh đâu rồi, sao chẳng trả lời em?”
 Lời nguyện xưa gửi vào lòng huyết tối.

Hà Huyền Chi vốn xuất thân từ binh chủng Nhảy Dù, sau 1963 anh chuyển sang ngành Tâm Lý Chiến và làm trưởng Phòng Ấn Họa. Anh sáng tác bài thơ đó lúc anh còn là lính nhảy dù, khoảng 50 năm trước.

Tôi muốn hỏi anh người con gái trong thơ là ai, nhưng thiết nghĩ điều đó không quan trọng nữa. Hãy hình dung ra đó là một nữ sinh Trung Vương, Gia Long hay Đồng Khánh, Bùi Thị Xuân...



Hà Huyền Chi trong phim *Người tình không chân dung*.

Bây giờ cô có thể đã yên phận bên một gia đình mới, gửi mối tình đầu vào “lòng huyết tối” và cái “huyết tối” đó nằm tận cùng trái tim thiếu phụ, không muốn tiết lộ tên thật. Cuộc đời có bao nhiêu mối tình đầu tan vỡ, không nhẹ nhàng như TTKh, chuyện “hỏi mộ” quá đặc biệt bởi

tính cách sâu đậm, âm thầm không kém phần cuồng nhiệt. Cái thời mà các “em gái hậu phương thương anh trai tiền tuyến” nói lên giá trị người lính VNCH đối với người dân còn vang vọng mãi tới ngày nay. Câu chuyện tình và hình ảnh trong thơ đẹp như huyền thoại. Với tôi, đó là một bài thơ chỉ có thể có trong thời chiến, nhưng hay trong mọi thời đại.

Về tác giả, Hà Huyền Chi đã có hàng ngàn bài thơ trong hàng chục tập thơ đã xuất bản và có tới 80 pps do Hy Văn trình bày. Những nhà văn nhà thơ quân đội VNCH, mỗi người có một sắc thái riêng. Người ở Không Quân, Hải Quân, người ở Bộ Binh đều toát lên màu sắc riêng của mình như Phan Nhật Nam với *Mùa Hè Đỏ Lửa* còn sống mãi với thời gian. Hà Huyền Chi có hàng ngàn đoản khúc, nhưng chỉ có người lính nhảy dù mới có thể có những rung cảm thật đặc biệt như thế này:

*Thân tàu mây vương lác lu đường trăng
 Tôi tìm đâu đây một vết sao băng
 Để nghĩ về em nhiều đêm không ngủ
 Bóng gầy ưu tư đôi mắt thâm quầng
 Điều thuốc truyền tay gắn trên môi nhau
 Mắt thoáng âu lo nhìn cuối thân tàu
 Ngọn đèn màu-xanh-yêu-tình vụt sáng
 Từng hồi chuông ngân ròn rợn da đầu
 Vòm trời ngả nghiêng loáng chân mây xa
 Ô hay tàu trôi theo sông Ngân Hà
 Phóng mình tôi bay qua khuôn cửa nhỏ
 Nghe mình chơi vui lưng dù nở hoa (Trích Saut Đêm)*

Tôi mong có dịp giới thiệu kỹ hơn về Hà Huyền Chi trong những ngày gần đây. Lúc này, ngày cuối năm được

gặp lại bạn bè là một hạnh phúc lớn rồi, chẳng còn mong gì hơn nữa.

Năm sau chẳng biết có được gặp lại không.

Nhân dịp này kính chúc quý bạn đọc và tất cả bạn bè cùng thân quyến một năm mới An Khang – May Mắn – Hạnh Phúc.

CHƯƠNG 42

NHỮNG ĐỒNG ĐỘI TỪ CHIẾN TRƯỜNG XƯA

Quả thật không còn gì thú vị hơn mỗi khi gặp lại những đồng đội từ chiến trường xưa. Giữa sự sống và cái chết chỉ là một khoảng cách mong manh. Chính điều đó đã làm nên tình thương yêu vô bờ bến của những người đồng đội. Ngay trong tình thương yêu gia đình cũng chưa chắc đã có những giây phút như thế.

Hàng ngày tôi vẫn nhận được khá nhiều thư điện tử mà chúng ta quen gọi là “meo”, trong đó thường một nửa là những đồng đội xưa hoặc mới quen.

Chúng tôi không hề nghĩ đến cấp bậc, nhưng nhiều bạn vẫn rất giữ lễ khi viết cho người có cấp bậc cao hơn hoặc nhiều tuổi hơn, lại trịnh trọng viết “thưa niên trưởng”.

Điều đó có nghĩa là anh em vẫn hiểu nhau, vẫn giữ “hệ thống quân giai” như khi còn cùng nhau ở trong Quân Đội VNCH, làm cho gần nhau hơn và cuộc sống còn “có anh có em” ấm lòng hơn.

Qua những cái meo, tôi biết các bạn ở nước ngoài thường kiếm dịp gặp nhau chỉ để ngồi cà phê “đấu láo”, nhất là những dịp có kỷ niệm nào đặc biệt như ngày Quân Lực, có một số anh em tổ chức buổi lễ kỷ niệm rất long trọng hay những cuộc họp khóa từ Võ Bị Đà Lạt đến Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, đủ mọi khóa, đủ mọi hình thức. Ngoài ra nhiều vị còn tổ chức những địa điểm lý tưởng để vinh danh chiến sĩ VNCH.

Tôi ở Sài Gòn quá thèm những sinh hoạt như thế và ghen tị với các bạn ở nước ngoài hạnh phúc quá.

Ở Việt Nam chúng tôi chỉ biết âm thầm nghĩ về những ngày tháng cũ. Anh em đồng đội đôi khi gặp nhau lại nhỏ to chuyện xưa chuyện nay.

NHỮNG AI CÒN Ở LẠI VIỆT NAM

Nhiều bạn nghĩ ở Việt Nam chỉ có tôi là sĩ quan ở lại, thực ra không phải thế.

Khá nhiều sĩ quan đủ mọi thành phần vì lý do này, lý do khác không đi định cư ở nước ngoài. Xin hãy hỏi ngay mấy sĩ quan Không Quân, ở đây có hẳn một club chừng hơn 10 anh em còn ở lại.

Đôi khi tôi cũng đã gặp những ông bạn này.

Còn một số lớn khác là những anh em hạ sĩ quan và những anh không đủ tiêu chuẩn đi HO, đặc biệt là anh em Thương Phế Binh VNCH đang sống rất cùng khổ ở Việt Nam.

Tôi từng có một loạt bài viết về cuộc sống của những anh em này. Sau đó, tôi bị công an đến nhà tịch thu hết máy móc, CD, USB và tài liệu.

Bị truy vấn về việc giúp đỡ Thương Phế Binh VNCH, tôi đã trả lời đó là bốn phận của tôi, vì anh em Thương Phế

Binh VNCH không hề được hưởng bất cứ sự giúp đỡ nào của nhà nước hiện nay trong khi Thương Phế Binh miền Bắc được chính phủ cho hưởng nhiều quyền lợi xã hội. Họ yêu cầu tôi ngưng làm việc này ngay vì chính phủ Việt Nam sẽ lo.

Họ có lo hay không các bạn biết rồi. Thêm nữa họ còn vận động một số phần tử đánh phá công việc của tôi bằng nhiều cách kể cả xuyên tạc vu khống.

Tôi đành phải ngưng việc.

Tuy nhiên tôi vẫn quen biết với khoảng 200 Thương Phế Binh ở đây và vào dịp Tết, năm nào cũng có chừng 7-8 anh em thuộc nhiều binh chủng khác nhau đến nhà tôi chúc Tết. Tình nghĩa của chúng tôi vẫn mặn nồng.

Tôi biết rõ ở Mỹ đã và đang có nhiều hội đoàn, nhiều tờ báo, nhiều vị ân nhân — trong đó có Nam Lộc — vẫn thường xuyên kêu gọi giúp đỡ anh em Thương Phế Binh VNCH. Anh em không bao giờ bị bỏ rơi, mọi người Việt Nam vẫn nhớ ơn các anh. Như thế, dù còn kéo dài cảnh nghèo khó nhưng anh em cũng rất ấm lòng.

Gặp mặt đồng đội là điều thú vị nhất trong cuộc sống của chúng ta hiện nay khi hầu hết đều đã cao tuổi.

40 năm trôi qua, tuổi đời chông chất. Nhiều anh em không còn đi lại bình thường được, đành “ôm hận” nằm nhà nhớ những buổi gặp mặt năm trước. Tôi cũng ở hoàn cảnh đó. Chỉ còn gặp đồng đội qua internet và một số sách vở hoặc qua các trang web.

Hôm nay tôi muốn kể với các bạn đồng đội chuyện về gặp lại những đồng đội từ chiến trường xưa qua một cuốn sách. Điều đặc biệt là người phóng viên quân đội kể lại các mẫu chuyện vô cùng lý thú từ chiến trường xưa, các trận

đánh ác liệt mà anh từng tham dự cùng nhiều chuyện khác chẳng hạn về hành trình vượt ngục đi tìm tự do. Tôi chỉ nói đến những gì tôi biết và trực tiếp làm việc cùng anh em phóng viên tiền tuyến xưa.

Cuốn sách vừa viết xong, anh gửi cho tôi qua e-mail, có lẽ sẽ được Tủ Sách Tiếng Quê Hương cho ra mắt vào tháng 9 hoặc tháng 10-2015, có cả bản dịch tiếng Anh.

Cuốn sách quá hấp dẫn nên tôi đọc một đoạn rồi bị lôi cuốn, thức luôn đọc cả đêm hết hơn 600 trang.

Tôi đã góp bài trong phần mở đầu cuốn sách.

Mời bạn cùng đọc bài này.

GẶP LẠI NGƯỜI BẠN PHÓNG VIÊN TỪ CHIẾN TRƯỜNG XƯA

Từ Sài Gòn, tôi nhận được bản thảo tập hồi ký này của Dương Phục và Vũ Thanh Thủy từ Mỹ gửi về.

Thật tình tôi vui mừng như được gặp lại hai người bạn đồng nghiệp cùng là phóng viên chiến trường từ những ngày xa xưa. Với 621 trang cả hai cùng viết từ năm 1979 cho tới nay, tính ra đã là gần 40 năm, quả là một tác phẩm lớn cả về số lượng và chất lượng. Tác giả còn sưu tập được cả những bức hình chiến trường và nhân vật tưởng như không bao giờ còn nữa.

Bài này chỉ là những cảm nghĩ của tôi về cặp phóng viên này. Suốt một đời dành cho sự nghiệp phóng viên.

Có lẽ nhắc đến hai cái tên Dương Phục và Vũ Thanh Thủy, các cấp chỉ huy từ cấp quân đoàn đến tiểu đoàn của Quân Lực VNCH trước năm 1975 rất nhiều vị còn nhớ. Tôi nói không quá lời, đó là một cặp “trai tài gái sắc” của hàng ngũ phóng viên chiến trường thời chiến tranh Việt Nam đã qua. Họ chẳng kém gì các phóng viên quốc tế từng làm phóng sự chiến trường ở Việt Nam.

Bạn đọc từng chương mục trong hồi ký này, sẽ chứng minh điều đó.

Nhưng điều tôi muốn nói ở đây là những gì tôi biết về Dương Phục khi còn làm việc chung với tôi, còn Vũ Thanh Thủy cũng chẳng xa lạ gì khi bóng hồng này vẫn ra vào thấp thoáng tại Đài Phát Thanh Quân Đội.

Tôi biết Dương Phục từ trước khi về làm Quản đốc Đài Quân Đội, bởi ngay từ khi còn là Trưởng Phòng Báo Chí Quân Đội, tôi vẫn kiêm nhiệm chức vụ phụ tá trưởng Khối Kỹ Thuật. Khối Kỹ Thuật gồm 5 phòng trực thuộc, đó là Phòng Phát Thanh Quân Đội (sau đổi là Đài Quân Đội) và các phòng Báo Chí, Ấn Họa, Điện Ảnh, Truyền Hình, Văn Nghệ. Nhiệm vụ của tôi là phụ tá chuyên môn với công việc thường xuyên là thành lập các toán phóng viên đi công tác tại khắp các chiến trường vào thời chiến tranh nóng bỏng đó — 1960-1975.

Các toán này thường có phóng viên của Đài Quân Đội, báo chí, điện ảnh, truyền hình. Trong toán, anh nào có cấp bậc lớn nhất thì làm trưởng toán.

Phóng viên Đài Quân Đội thường là sĩ quan nên được cử làm trưởng toán. Dương Phục thường lãnh nhiệm vụ này và tôi phải lo phương tiện chuyển vận cho phóng viên đến được các nơi cần thiết, rồi lo tiền công tác phí cho cả toán. Bởi hồi đó quân đội chỉ trả công tác phí giới hạn 10 ngày trong 1 tháng cho dù anh đi 30 ngày cũng thế thôi. Tôi phải lo ngân khoản phụ giúp cho anh em. Phóng viên nào chẳng “rách”. Dương Phục còn rách hơn vì đi công tác triển miên, không “đói” sao được.

Khi về nhận trách nhiệm ở Đài Quân Đội, tôi hiểu rõ vì sao Dương Phục đi triển miên như vậy. Vì hồi đó chiến trường Việt Nam trở nên sôi động, nhiều trận đánh ác liệt hơn hẳn

những năm trước. Một phần vì cái tính Dương Phục là thích đi, không đợi phân công mà chính anh xin đi.

Tôi cũng chẳng có lựa chọn nào hơn. Và lại cá tính của mấy anh phóng viên là như thế. Và tôi nghĩ “có tài thì có tật” nên đôi khi Dương Phục cũng bất cần đời, văng mặt không lý do, tôi coi như không biết. Làm sếp mấy anh phóng viên thật khó. Phải đối xử với họ bằng tình cảm anh em đồng nghiệp thật tình chứ không phải theo khẩu hiệu “huynh đệ chi binh” là xong.

Thời gian mới về làm Trưởng Phòng Báo Chí, tôi vẫn phải đi làm phóng sự vì hồi đó Phòng Báo Chí chỉ có chừng 5, 7 người. Không đi thì ai đi cho? Nhưng so với phóng viên chiến trường thời chiến tranh sau này thì hồi tôi đi làm phóng sự cứ như đi “thường nguyệt xem hoa”. Bởi hầu hết là tham dự các lễ lạc, ngày kỷ niệm tại Phủ Đầu Rồng, tại Bộ Tổng Tham Muu, tại các Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, Sư Đoàn... Lâu lâu mới có vài trận đánh nhỏ, khi đến nơi, cuộc chiến đã xong, chỉ còn nghe thuyết trình và ghi chép về làm phóng sự cho đài phát thanh và viết bài cho báo Chiến Sĩ Cộng Hòa.

Sau này, chúng tôi mới được phép đào tạo một loạt phóng viên tiền tuyến tại Đài Quân Đội. Các phóng viên tiền tuyến này sau khi mãn khóa được đưa về các sư đoàn làm tin tức và phóng sự gửi về cho Đài Quân Đội.

Dương Phục lúc đó đã nghiêm nhiên là một phóng viên đàn anh. Anh đi toi bởi, dường như mặt trận lớn nào cũng có gót chân Dương Phục. Tôi để Dương Phục tự do lựa chọn theo ý mình. Bởi các phóng sự chiến trường của Dương Phục được thính giả trong và ngoài quân đội đón nghe rất nhiều. Phóng sự rất sống, rất thật, đem đến cho thính giả cảm tưởng như chính mình tham dự trong đó.

Tôi nhớ rất rõ khi nhận được bản phóng sự thu thanh của Dương Phục bay vào An Lộc, bị bắn hạ giữa đường. Anh tường thuật ngay từ khi máy bay trực thăng chở anh cùng Nguyễn Mạnh Tiến và Nguyễn Thế Tuất Hải bị đạn bắn xối xả, máy bay chao đảo muốn rớt và muốn nổ tung. Tiếng anh hét trong máy thu thanh cùng với tiếng súng, tiếng máy bay, tiếng người la lối có vẻ hỗn loạn trong tình thế đối diện với tử thần. Anh gửi lời chào từ biệt đến thính giả nghe đài.

Nhưng cuối cùng máy bay đáp xuống giữa quốc lộ 13 và được một trực thăng bạn đến giải cứu. Ngay sau đó, anh và toán phóng viên lại lên đường vào An Lộc.

Đài Quân Đội và Đài Sài Gòn cùng phát phóng sự đó. Có lẽ đây là phóng sự làm tôi thú vị và hãnh diện nhất trong cuộc đời làm việc với các phóng viên tiền tuyến. Kể sao hết những kỷ niệm xưa.

Ngày 30-4-1975, ngày đau buồn nhất của cả VNCH hay nói cho đúng là ngày đau buồn cho cả nước, nhất là với các đồng đội của tôi, những người lính VNCH.

Giờ phút cuối cùng, tôi và một số anh em còn ở lại Đài Quân Đội trong đó có Nhật Bằng, Nguyễn Triệu Nam, Dương Phục... ngơ ngác đau buồn nhìn chiếc xe tăng Cộng Sản đi qua cầu Thị Nghè, hung hăng bò qua cổng Cục Tâm Lý Chiến, trong đó có đài phát thanh thân yêu của chúng tôi. Lúc đó mọi người mới rưng rưng nước mắt chia tay, mỗi người một ngã.

Cho đến khi bị đưa vào các trại gọi là “trại cải tạo”, tôi ở Sơn La, Vĩnh Phú một thời gian dài, không biết Dương Phục ở trại nào. Một hôm bỗng nhận được tin Dương Phục đã “trốn trại”, sau đó là Mai Bá Trác cũng vượt ngục tù về Sài Gòn. Rồi không biết bằng cách nào, cả hai người bạn của tôi đều đi thoát.

Anh em chúng tôi còn ở trong tù râm ran bàn tán, thích thú truyền tai nhau về sự can đảm của hai anh em này. Từ đó tôi không còn nhận được tin tức gì của Dương Phục và Vũ Thanh Thủy nữa.

Hơn 12 năm sau, ở trại tù ra, tôi mới được tin của Dương Phục. Tôi biết anh và Vũ Thanh Thủy làm chủ một hệ thống truyền thông ở Houston rất thành công.

Rồi Dương Phục lại cố lần mò ra địa chỉ của tôi ở Sài Gòn. Anh đề nghị tôi viết hàng tuần cho đài phát thanh Houston của anh. Tôi viết cho Radio Saigon Houston hàng tuần và hẹn nhân viên từ đài Houston gọi điện thoại về nhà tôi thu thanh cho đến khi tôi bị công an quận 3 đến tịch thu hết máy móc, cắt hết đường internet, thu hết điện thoại cùng mọi tài liệu.

Hôm tôi bị thẩm vấn, anh phó công an quận kết tội tôi thứ tội và đưa ra một lá thư của một kẻ nằm vùng nào đó ở Houston viết về cho Công An thành phố, kết tội tôi nói trên đài phát thanh Houston làm mất uy tín của chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Tôi phải ngưng viết một thời gian dài, không còn dịp liên lạc với Dương Phục nữa, song tôi vẫn biết Radio Saigon Houston rất thành công. Tôi nghĩ “trời cho của nào được của đó” nhưng chính tài năng, nghị lực và lòng yêu nghề của hai người bạn phóng viên trẻ này cũng là yếu tố quyết định”.

Đến đây mời bạn đọc bước vào thế giới của những phóng viên chiến trường mà tôi vừa gặp lại qua một cuốn hồi ký. Một thế giới đầy lôi cuốn từ khi bước chân vào các chiến trường cũng như chuyển vượt biên tìm tự do đầy máu và nước mắt mà tôi không tưởng tượng ra nổi.

SỰ HÌNH THÀNH NHẬT KÝ CỦA DƯƠNG PHỤC VÀ VŨ THANH THỦY

Đến đây, tôi xin mạn phép trích vài đoạn ngắn trong cuốn sách đó:



Dương Phục và Thanh Thủy tại Đài Saigon
Houston, Texas, Hoa Kỳ, 20156.

“Hồi Ký này
được chúng tôi
— Dương Phục
và Vũ Thanh
Thủy — bắt
đầu viết những
dòng đầu tiên
chiều ngày 29-
11-1979, trong
Vịnh Thái Lan,
trên con tàu của
Cao Ủy Ty Nạn
Liên Hiệp Quốc

tại Thái Lan. Gia đình chúng tôi thuộc số 157 thuyền nhân Việt Nam chạy trốn Cộng Sản tìm tự do vừa được ông Cao Ủy LHQ Theodore Schwitzer III cứu từ đảo Ko Kra và đưa về trại ty nạn Songkhla. Những hồi tưởng này được ghi bằng mọi cách: nhật ký, những mẫu giấy ghi vội ký ức mỗi lần nhớ được, và nhiều nhất là qua máy ghi âm tự thuật và các mẫu phỏng vấn của giới truyền thông rải rác đây đó từ năm 1980 cho tới nay. Bây giờ tất cả được gom lại để thành cuốn hồi ký quý độc giả đang cầm trên tay.

Là nhà báo, chúng tôi không viết văn, chỉ tường thuật trung thực mọi dữ kiện mà chúng tôi đã sống, đã nghe, đã thấy, tại chiến trường, trong tù ngục, và trên biển Đông. Và nhận ra đôi khi sự trung thực còn vượt quá sự giả tưởng của con người.

Nhưng đã dựa trên sự thật, chúng tôi quyết định phơi bày tất cả, những thảm cảnh kinh hoàng cũng như những may rủi lạ thường đến độ khó tin, những cái yếu đuối của con người cũng như những việc tốt lành bất chợt nảy ra từ những con người thật xấu, để có được công bằng cho cái tốt cũng như cái xấu của con người. Và cũng để nói lên sự kỳ diệu của đời sống và lòng người làm nảy sinh hy vọng khi mà may rủi và tốt xấu lẫn lộn khó ngờ chỉ trong nháy mắt.

Một vài nội dung hồi ký này đã đăng rải rác trên các báo Việt-Mỹ trong ba thập niên qua. Những đoạn khác được kể trong các bài nói chuyện trên khắp nước Mỹ trong chiến dịch vận động “Vớt Người Biển Đông” trong thập niên 80. Qua đó, chúng tôi đã thực hiện được phần nào sứ mạng tự hứa chia sẻ thảm trạng thuyền nhân Việt Nam với du luận thế giới, nhưng vẫn thấy chưa đủ. Hồi Ký này, sau cùng, xin dành vinh danh biết bao chiến sĩ anh hùng đã bỏ mình trong trận chiến Việt Nam, tại các nhà tù Cộng Sản, và trên đường trốn chạy Cộng Sản để tìm tự do và quyền làm người.

Xin cảm ơn quý độc giả đã cho chúng tôi cơ hội đến với quý vị qua những trang sách này.

Và trên tất cả, xin cảm tạ Thiên Chúa, đã cho chúng tôi niềm tin làm sức mạnh đối diện mọi sợ hãi, tình yêu để can đảm khắc phục nghịch cảnh, và hy vọng để bình an ghi nhận mọi ơn huệ của cuộc đời!”

Vũ Thanh Thủy và Dương Phục mỗi người viết từng đoạn trong cuốn sách. Tôi chỉ có thể trích vài đoạn tiêu biểu. Trước hết là cái nhìn của cô nữ phóng viên lăn lộn trên khắp các chiến trường ghi lại cảm nghĩ của cô về tình đồng đội của những người lính trẻ:

Thủy viết:

“Đến tháng 4 năm 1975, chúng tôi đã lấy nhau được hơn một năm. Phục cố chia thì giờ giữa công việc và gia đình. Là một trung úy Cục Tâm Lý Chiến và Trưởng Ban Tin Túc Đài Phát Thanh Quân Đội, công việc bề bộn với những tin tức thời sự thay đổi dồn dập mỗi ngày cùng với lệnh cấm trại liên miên đã khiến Phục không sao về được nhà. Tôi vẫn là phóng viên của đài Tiếng Nói Tự Do — Voice of Freedom, VOF — và tuy lâu lâu vẫn đến đài làm một phóng sự, bây giờ đang nghỉ ngơi để chuẩn bị chờ đứa con đầu lòng”.

Sau đó Thanh Thủy vẫn tiếp tục có mặt ở khắp các đơn vị ngoài mặt trận. Cô ngạc nhiên về thú tình đồng đội của họ, cô viết:

“Tôi vô cùng ngưỡng mộ các chiến binh tôi gặp tại mặt trận. Họ hoàn toàn không còn thái độ sỗ sàng và khinh mạn như khi họ về phép ở thành phố. Tại tuyến đầu, họ rất tình cảm và tử tế. Tôi thật ngạc nhiên nhận ra sự nghịch lý là giữa các cuộc giao tranh dữ dội nơi mặt trận, thế mà các người lính chiến lại có thể ân cần, quan tâm tới nhau đến thế, luôn sẵn sàng hy sinh chính mạng sống mình cho đồng đội không chút ngại ngùng.

Tôi được nghe bao nhiêu chuyện tương tự, chuyện những người lính anh hùng dành đi hàng đầu, hay trở lại tiếp cứu đồng đội, hoặc chậm chân để chờ người bạn lạc lại đằng sau, để rồi bị mất mạng vì đạn pháo quân địch. Tôi bắt đầu nhìn thấy mẫu mực của chiến trường, qua những hành động phi thường của những con người bình thường.

Không chiến binh nào quyết định hy sinh mạng sống mình vì muốn làm anh hùng. Họ hành động cách bình thân vì đó là điều họ được huấn luyện để hành xử ngoài mặt trận, và đó là hành động phải làm của một chiến binh có lòng tự trọng. Nhưng dưới mắt nhìn người khác, họ trở thành anh hùng.

Tôi nhận ra, chiến đấu ngoài trận tuyến không phải là vì sống chết, mà vì lòng tự trọng. Đã đặt chân ra tới tuyến đầu mặt trận, người chiến binh không còn quan tâm tới những ngôn từ to lớn, vĩ đại... như lòng ái quốc, hay chuyện bảo vệ tổ quốc hoặc đồng bào nữa. Họ chỉ quan tâm tới chuyện bảo vệ nhau và sống chết theo lòng trung tín với nhau tới độ mà những người thường dân không thể nào hiểu nổi.

Tôi thấy ngay cả tình vợ chồng, tình cha con, cũng không khốc liệt và cấp thời như lòng chung thủy của các chiến binh với nhau ngoài trận địa. Đó là bốn phận hàng đầu của họ. Chiến đấu ngoài mặt trận đã trở thành giữ gìn công lý và bảo vệ tình người”.

Đó là những lời chân thật của một nữ phóng viên Việt Nam. Và sau đây là đoạn bút ký Dương Phục viết về chuyến bay vào An Lộc bị “gây cánh” giữa đường.

Phục viết:

“Roi Trong Vùng Địch.

Một lần, ngày 29-4-72, nhóm phóng viên ba người, gồm Nguyễn Mạnh Tiến, Đài Saigon, Tuất Hải, Đài VOF và tôi, Đài Phát Thanh Quân đội, đã lên được trực thăng bay vào tới được vùng đồn điền Xa Cam, gần đáp xuống thì bị đạn phòng không của địch bắn như mưa và pháo kích hàng loạt vào vùng bãi đáp nên phi cơ lại phải quay về.

Vừa bay trên đường về, phi công phải bay sát đầu ngọn cây cao su để tránh hỏa tiễn tầm nhiệt SA7, tránh cao xạ phòng không, nhưng bay thấp như thế thì lại không tránh được đại liên và ngay cả súng AK.

Vừa bay được một đoạn ngắn, hàng loạt đạn phòng không dữ dội của Cộng quân bắn trúng chiếc trực thăng có nhóm báo chí. Viên phi công, trung úy Võ Văn Cơ của phi đoàn 223, bị

trúng thương bên vai phải, mũi phi cơ trúng đạn khói xịt lên mù mịt, nhưng vẫn cố gắng điều khiển trực thăng bay thêm 5, 6 dặm nữa và hết sức khó khăn hạ khẩn cấp được xuống một bãi đất trống giữa khu rừng gần đồn điền Xa Cam.

Tiến, Tuất Hải và tôi vừa nhảy thực mạng ra khỏi trực thăng đã nhìn thấy đám Cộng quân từ khu rừng chung quanh vừa bắn AK dồn dập vừa túa ra chạy ào về khu đất chúng tôi đáp xuống.

Một cách vô thức theo bản năng phóng viên, tôi vừa chạy vừa nói ào ào vào máy ghi âm, tường thuật lại mọi diễn tiến của tai nạn kinh hoàng và nguy cơ sắp rơi vào tay địch. Giữa giây phút nguy nan tưởng như tận số đó, một trực thăng của biệt đội gunship nhào đến, dùng đại liên bắn xối xả vào đám địch quân trong khi một trực thăng khác liêu mạng đáp xuống. Chiếc trực thăng này đã xả hết rocket và mini gun nên nhẹ nhàng hơn, xả ngay được xuống sau lưng máy bay bị nạn của trung úy Co, vẫy tay lia lịa gọi chúng tôi chạy sang và cứu được 4 nhân viên phi hành và nhóm 3 người báo chí chúng tôi.

Đúng lúc Tuất Hải, Tiến và tôi nhảy lên được phi cơ, thì một loạt pháo khác lại từ trên ào xuống, nổ vang cả vùng quanh khu vực tiếp cứu. Xạ thủ từ trên các trực thăng vừa bay thêm tới đã phải đánh nhiều vòng trên trời bắn trả ào ào vào khu rừng rậm chung quanh bãi đáp. Trong cảnh khói lửa mù trời, tôi nín thở hồi hộp trong tiếng cánh quạt phản phật của đoàn trực thăng vội vã rời xa vùng nguy hiểm.

Ngày hôm sau, đoạn ghi âm tôi tường thuật cảnh lâm nạn trên đường về từ An Lộc được đưa về phát nguyên văn trên Đài Phát Thanh Quân Đội. Tiếng bom đạn rền trời gây hồi hộp cho thính giả tại hậu phương, lần đầu tiên cảm thấy như chính họ đang có mặt tại trận tiền, cùng nhóm báo chí trải qua

giây phút kinh hoàng căng thẳng trong vòng vây địch. Đoạn băng ghi âm của tôi đột ngột chấm dứt sau câu chào vĩnh biệt, khi tôi tắt máy vì tường sắp rơi vào tay Cộng quân lúc thấy chúng chạy đến gần. Trong lúc thính giả còn ngo ngắc hồi hộp không biết chúng tôi sống chết ra sao, thì tôi trở lại làn sóng tiếp tục tường thuật cảnh được quân bạn cứu giúp trong giây phút thập tử nhất sinh.

Đoạn phát thanh giây phút sinh tử này không ngờ đã góp phần giúp tôi chinh phục được trái tim của Thủy, khi đó ở Sài Gòn đã kinh hoàng bật khóc khi nghe tôi chào vĩnh biệt. Trong phút chốc, Thủy cảm nhận sự mong manh của đời người và quyết định rũ bỏ sự dè dặt e ngại của lý trí trước cá tính quá khác biệt của hai người chúng tôi.

Đối với tôi, biến cố này đã ảnh hưởng sâu đậm tới con người tôi trong vai trò phóng viên. Tôi không tin sự sống còn của tôi là do may mắn mà xác tín rằng đó là một sự che chở đặc biệt từ Ông Trên để tôi có thể thi hành sứ mạng đem được tin xác thực từ mặt trận về cho người hậu phương. Từ đó, tôi coi việc truyền thông quan trọng hơn tất cả mọi chuyện cá nhân, và quyết tâm tìm đường trở lại An Lộc”.

Tôi giới thiệu cuốn sách này hoàn toàn theo cảm xúc của tôi sau khi đọc xong. Cứ như vừa sống lại với một giấc mơ hùng tráng có thật. Tôi nghĩ đó là một cuốn sách mà tất cả những người lính VNCH nên đọc để nhớ về và cũng để góp lại một kỷ niệm không thể nào quên trong đời quân ngũ đã qua của mình.

(Sài Gòn, tháng 8-2015)

CHƯƠNG 43

BÂY GIỜ LÀ MÙA THU, TÔI ĐI TÌM DĨ VẰNG

Bây giờ là mùa thu ở Sài Gòn và cũng là mùa lá rụng ở Rừng Phong trên đất Mỹ. Buổi chiều ngồi trong căn chung cư nhỏ hẹp nghèo nàn nhìn mưa dăng nhẹ ngoài trời, tôi bỗng muốn thoát khỏi mình trở lại sống với những ngày xưa. Những ngày xưa có bạn bè, có mộng ước xa vời, có yêu thương giận hờn, có quá nhiều thứ như ở một thế giới khác.

Tôi ngồi vào computer đi tìm dĩ vãng. Gõ bàn phím vào những bài hát về Mùa Thu, bỗng hiện ra đủ cả lời ca tiếng hát, những cuốn phim xưa, những danh ca tài tử đi mãi vào lòng người, đi mãi vào bất tận trong ký ức. Tôi bay bổng vào đó để gặp lại những người từng quen, từng là bạn, từng kề vai nhau một thời xa vắng.

Ở đây, tôi chỉ gặp những người đã có mặt trên các sân khấu ca nhạc và trong những cuốn phim đã chiếu ở Việt Nam trước 1975, gọi chung là người trong “làng giải trí” mà tôi đã quen hay từng coi nhau như bạn bè.

TIẾNG HÁT NGÀY XƯA

Tiếng hát Lệ Thu, Khánh Ly, Thái Thanh, Thanh Lan... và quái lạ sao lại có cả tiếng hát Kim Vui. Tôi quen Kim Vui và cùng đi làm phim *Chân Trời Tím* nhưng chưa bao giờ nghe cô hát bài này của Nhật Trường.

Hôm nay mới được nghe lần đầu. Hình ảnh Kim Vui và Nhật Trường hiện ra trước mắt. Sao mà thân quen đến thế. Kim Vui đóng phim như mang cả cuộc đời mình vào nhân vật, lãng mạn “cực kỳ”, táo bạo như Ava Gardner. Nhưng khi hát, cô đầm thắm dịu dàng như ve vuốt bên người tình. Lần đầu tiên nghe Kim Vui đấy, Kim Vui ơi! Và lần cuối cách đây vài năm, tôi nhận được *e-mail* của Kim Vui chỉ có đúng hai chữ “*Hello, anh*”.

Hai chữ thôi nhưng thân thiết lạ thường.

Và Nhật Trường, khi vừa đọc cuốn truyện này anh đã làm bài hát đó. Buổi trưa hè anh nhảy vào phòng tôi ở Đài Phát Thanh Quân Đội, anh khê cất tiếng hát rồi rí tai tôi “*Tối nay Minh Hiếu sẽ hát lần đầu tiên bài này trên dancing Paramount*”.

Tối đó tôi lên nghe Minh Hiếu hát lần đầu. Đó là người hát *Chân Trời Tím* hay nhất. Đường như cô mang cả chuyện tình của mình gửi theo từng lời ca. Mấy lần về Sài Gòn, đến thăm tôi, cô cũng mang nguyên dáng vẻ ấy.

Cô bước vào trong ánh sáng chớp choạng cũng một buổi chiều mưa, cười “*Tôi về đến Việt Nam sáng nay, người đầu tiên tôi đến thăm là anh đấy. Anh cho tôi biết về tình hình bạn bè ở Sài Gòn*”.

Trong thế giới riêng chiều nay trong tâm tưởng tôi có nhiều thứ quá. Lại nhìn đến hàng loạt những bài ca, những tác giả, những đạo diễn, diễn viên mà tôi đã từng quen biết.

ĐÓNG PHIM CHO VUI

Lại nhảy sang gặp cuốn phim *Người Tình Không Chân Dung* của đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc. Trước tháng Tư 1975, anh thường sang nhà tôi ở ngõ Chu Mạnh Trinh nằm dài trên ghế sofa. Con người nghệ sĩ lúc nào cũng ôm ấp những ý tưởng “đặc biệt” quá tầm tay. Anh thích các nhân vật như Steve McQueen trong *Les Sept Mercenaires*. Lâm lì mà gan dạ, cuốn phim “nổ như bom tấn” lại mang một triết lý “siêu đẳng”, nhưng chẳng “đại gia” nào dám bỏ tiền ra cho anh thực hiện hoài bão gần như ngông cuồng đó. Anh làm phim với những gì xin được.



Dương Hùng Cường - Hà Huyền Chi đóng phim chỉ là một trò chơi.

Trong ê-kíp làm phim ấy, tôi gặp lại Kiều Chinh và Vũ Xuân Thông. Trước khi làm phim, Kiều Chinh và Hoàng Vĩnh Lộc đến gặp tôi ở Nha Chiến Tranh Tâm Lý. Chúng

tôi bản khoản tìm kiếm đơn vị quân đội có thể yểm trợ cho cuốn phim. Khi quay phim, chúng tôi đến ăn ngủ ở tư dinh của ông thị trưởng Cam Ranh, đại tá Vũ Thế Quang tức Quang Dù. Hôm sau, quay ngay mấy cảnh trên hòn đảo Cam Ranh. Hoàng Vĩnh Lộc mời một loạt những ông văn nghệ sĩ chỉ biết viết văn làm thơ, chẳng biết một xu diễn

xuất nào như Duyên Anh, Hà Huyền Chi, Dương Hùng Cường và cả Hùng Sùi đóng phim... cho vui.

Vũ Xuân Thông đóng vai chính với Kiều Chinh, đẹp đôi ra trò. Tôi và Vũ Xuân Thông đi “trình diện vào tù cộng sản” cùng lúc. Thông có tài nằm sấp ngủ ngon lành và còn nhiều tài vật khác, chạm trổ, vẽ vời rất điêu luyện. Tác phẩm lớn nhất của anh với chúng tôi trong trại tù là những nõ điều cày được mài dũa bằng đá và những chiếc điều cày được “sáng tạo” khắc trổ rất công phu. Hút bằng nõ điều đá, vừa không nóng vừa kêu tanh tách.

Còn Kiều Chinh lần nào về Sài Gòn, dù rất bận việc quay phim, cô cũng tìm thăm bạn bè. Chúng tôi thường gặp nhau ở nhà vợ chồng họa sĩ Đăng Giao – Chu Vị Thủy. Dáng dấp thanh mảnh và quý phái của cô như Grace Kelly cùng với tài diễn xuất thiên phú khiến nhiều hãng phim Mỹ, phim Việt mời cô cộng tác. Mấy năm nay không thấy cô về Việt Nam, mệt mỏi rồi, phải không Kiều Chinh?

Bên cạnh Vũ Xuân Thông là Hà Huyền Chi và Dương Hùng Cường. Tôi thầm nghĩ: “Hai thằng quý này cái gì cũng “chơi” được”. Dương Hùng Cường từng viết chung với tôi truyện dài *Người Lính Hào Hoa* trên báo *Tiến Tuyến*. Nó cũng là dân Thái Bình nên viết truyện *Pilot Thái Bình*, thật hay.

Tôi giới thiệu bài viết của Dương Hùng Cường trên báo *Chiến Sĩ Cộng Hòa* với lời giới thiệu mang cả mùi dầu nhớt của người lính thợ rất tinh tế và thật hơn những truyện bay bướm khác.

Bạn tôi “ra đi” bao giờ tôi không biết, có lẽ lúc đó tôi cũng đang ngụp lặn trong nhà tù cải tạo.

Hà Huyền Chi ngoài tài làm thơ về “lính nhảy dù” còn đóng phim. Hồi đó rách tả tơi, ở cái nhà thấp lè tè đằng sau

Viện Ung Thư Gia Định. Vậy mà cũng lập bàn mặt chược còm, khách “giang hồ” đến chơi khá đông. Ngày “tan hàng”, nó rủ tôi chuẩn xuống tàu Đại Hàn, nhưng tôi vô duyên không thể đi cùng. Vài năm sau, nó ở Seattle nghe tin tôi chết trong nhà tù, Hà Huyền Chi viết bài khóc lóc thảm thiết. Tôi còn sống quay về, viết thư cho Hà Huyền Chi, nó lại làm thơ “*ngậm ngùi nhớ bạn*”.

VINH DANH VĂN HÓA MIỀN NAM

TRƯỚC 1975

Xin trở lại với những bài ca bất hủ về mùa thu.

Trong âm nhạc, mùa thu là mùa được các nhạc sĩ nhắc đến nhiều nhất. Từ thuở tiền chiến như Văn Cao, Đoàn Chuẩn... đến hiện đại như Cung Tiến, Vũ Thành An, Trịnh Công Sơn... Lạc vào đây như lạc vào rừng bởi những cái tên bản nhạc, tên tác giả. Tôi bất chợt nghe “*Gió heo may đã về/ Chiều tím loang via hè/ Và gió hôn tóc thê/ Rồi mùa thu bay đi...*” Đó là tình khúc *Nhìn Những Mùa Thu Đi* của Trịnh Công Sơn. Có rất nhiều nam nữ ca sĩ hát bài này, Lệ Thu, Hồng Nhung, Thanh Lam, Hồng Hạnh, Trâm Đăng, Khánh Hà, kể không hết.

Tôi nhớ những ngày cùng Trịnh Công Sơn, Khánh Ly, Ngọc Anh rủ nhau đi ăn cơm bụi Bà Cả Đợi. Và tôi khẳng định nhạc của Sơn chỉ hay vào thời trước năm 1975. Thời kỳ vàng son của nền văn hóa Miền Nam, khác hẳn với miền Bắc. Sau những năm đó, nhạc Trịnh chỉ còn một, hai bài “nghe được” như *Mùa Thu Hà Nội*. Thật ra 99.9% ca khúc “bất hủ” của Trịnh Công Sơn được sáng tác trước 1975 ở Sài Gòn và Huế nên ngày nay khi người ta “vinh danh” Trịnh Công Sơn chính là vinh danh nền văn hóa

Miền Nam VN thời trước 1975. Tôi mỉm cười một mình giữa đêm mùa thu Sài Gòn.

TÀI TỬ ANH NGỌC VỚI TÔI

Bật sang những ca khúc bất hủ khác, tôi gặp lại danh ca Anh Ngọc với vô số bài hát có vẻ hơi “cổ điển” như tính cách của anh vậy. *Thiên Thai, Con Thuyền Không Bến, Mùa Thu Chết, Nguyệt Cầm* và còn nhiều nữa.

Bước lên sân khấu, ông luôn chững chạc trong bộ complet và nghiêm chỉnh trình bày bài hát. Không điệu nghệ như Nhật Trường luôn vắt chiếc áo veston trên cánh tay như Frank Sinatra. Vì ông đẹp trai “quá cỡ thợ mộc” nên chúng tôi thường gọi ông là “tài tử Anh Ngọc”.



Anh Ngọc - Mạnh Đan, hai lão bối ở tuổi 90, một cụ ở Việt Nam, một cụ ở Mỹ.

Ông sinh năm 1925, hơn tôi 8 tuổi. Chẳng hiểu từ bao giờ, tôi quen biết ông, chúng tôi thường gặp nhau trong

căn nhà thuê ở con hẻm hẹp đường Cao Thắng của Thanh Nam, Hoàng Thư, Thái Thủy... Và những buổi chiều tà lại cùng Mai Thảo, Phạm Đình Chương ngồi ở nhà hàng Point des Blagueurs, tục gọi là “Mỏm Đẩu Láo” dưới chân Cột Cờ Thủ Ngũ, bên sông Sài Gòn.

Bây giờ ông và gia đình sống ở vùng Virginia bên một loạt các bạn tôi, Hoàng Hải Thủy, Tạ Quang Khôi, Uyên Thao, Hoàng Song Liêm.

Mấy lần ông cùng vợ ông — bà Nhung đi công tác cho đài VOA — về Việt Nam, lần nào cũng đến thăm tôi. Lần sau cùng cách đây khoảng hai năm, tôi bị ốm không thể mời ông ăn bữa cơm với những món gia truyền như nộm rau muống, cuốn ngò, cháo cá ám đã thất truyền ở Việt Nam, không nhà hàng nào làm được. Ông mời tôi ra quán Cơm Niêu cùng vài người bạn.

Trước khi chia tay, đứng trên vỉa hè, ông ôm vai tôi nói lớn, “*Bây giờ ở đây chỉ còn mình mày*”. Đây là lần thứ nhất ông xưng hô “*mày tao*” với tôi, chưa bao giờ tôi nghe ông xưng “*mày tao*” với bất cứ ai.

Cái tình thân 60 năm đọng lại ở đó, sâu lắng ở đó.

Tôi ngẩn ngơ nhìn bóng dáng ông cùng bà Nhung bước lên chiếc Taxi màu vàng. Bóng dáng ông khuất sau ngà tu con đường Sài Gòn thân thuộc.

NHỮNG RẠP HÁT XƯA CỦA TÔI

Nói đến phim ảnh và ca nhạc kịch phải nói đến các rạp chiếu phim, rạp hát, sân khấu ca nhạc thời xưa. Trần lan, tôi không thể kể hết tên các nơi chốn ấy. Từ rạp hát phố nhỏ đến rạp phố lớn, hàng trăm rạp. Nhìn lại vài rạp nhỏ như Cẩm Vân ở Võ Di Nguy, Phú Nhuận; rạp Cao Đồng Hưng ở Bạch Đằng, chợ Bà Chiểu, Gia Định; rạp Đại Đồng

ở Cao Thắng; rạp Nam Quang ở Lê Văn Duyệt – Trần Quý Cáp... Nhưng vài rạp mang nhiều dấu ấn nhất cho tình yêu tuổi trẻ của phần đông anh em chúng tôi là rạp Eden giữa đường Catinat; rạp Majestic cũng ở cuối con đường này; rạp Rex ở góc đường Lê Lợi – Nguyễn Huệ, ba rạp được coi là đẹp nhất Sài Gòn.

Các nơi ấy, khi mới biết yêu, những cặp tình nhân thường đưa nhau đến xem các cuốn phim tình cảm lãng mạn. Ở rạp Eden, rạp Majestic có các lô riêng cho bốn người, thường chỉ có hai người cùng nắm tay nhau, vai kề vai xem phim mà đôi khi chẳng biết nó chiếu cái gì. Họ quá bận với tình tự kiểu học trò. Bây giờ còn thấy nóng cả môi.

NHỮNG PHÒNG TRÀ ĐI VÀO KÝ ỨC

Có vài sân khấu nhiều kỷ niệm nhất với chúng tôi. Đó là phòng trà Hòa Bình của nhạc sĩ Ngọc Bích, với những ca sĩ thành danh rồi bay đi như Bích Chiêu, Bạch Yến, Bạch Huyền, Trúc Mai, Băng Tâm...

Phòng trà đáng nhớ hơn là Đêm Màu Hồng của ông công tử Trần Quý Phong, chủ hotel Catinat. Nơi đó những ông Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, vẫn ngồi uống rượu. Có ban nhạc của gia đình Phạm Đình Chương, Thái Thanh.

Thái Thanh là đệ nhất danh ca Việt Nam ai cũng biết rồi, nhưng còn chuyện rất ít người biết. Tôi nhớ lại những năm còn trẻ, chúng tôi thường đến đánh chén tại nhà thân mẫu Phạm Đình Chương mà chúng tôi gọi là *bà cụ Hoài Bắc*. Hồi đó Thái Thanh mới lấy chồng, ở trên căn lầu nhỏ xíu phía sau nhà. Cô thường ngồi sau mẹ, chia bài nhanh thoăn thoắt. 120 quân bài chia làm 6 phần, rất ít khi nhâm.

Thình thoảng cô nhóm vào nhìn bài của mẹ, tay vẫn chia đều... chia đều...

Ván bài chưa xong cô đã chia xong.

Ở Sài Gòn không ai chia bài nhanh hơn cô.

Bây giờ nghe chị Tâm Vần kể lại, mấy tháng trước, khi sang Mỹ, đến thăm, Thái Thanh không còn nhận ra ai nữa. Sao bỗng thấy bùi ngùi quá, Thái Thanh ơi!

Làm sao tôi kể hết được những “huyền thoại” đó, nay đã thành “thần thoại” như chẳng bao giờ có thật vì không thể tìm lại được nữa. Một đêm mùa thu đi tìm dĩ vãng để được sống lại với thời xa xưa.

Bây giờ là mùa thu. Mùa thu vàng hoa cúc. Mùa thu ở Sài Gòn, mùa thu ở Rừng Phong và ở khắp nơi trên thế giới, nơi có những người bạn của tôi. Nói đến bao giờ cho hết. Trong tôi chỉ còn vương vất mấy câu thơ của Xuân Quỳnh:

Thời gian như ngọn gió

Mùa đi cùng tháng năm

Tuổi theo mùa đi mãi

Chỉ còn anh và em

Cùng tình yêu ở lại...

(Sài Gòn, 5 tháng 9-2015)

CHƯƠNG 44

MỘT NĂM NGUYỄN XUÂN HOÀNG RA ĐI

Nếu không thường xuyên liên lạc với chị Trương Gia Vy, hiện đang làm chủ báo *Viet Tribune* chắc tôi không thể nhớ được ngày Nguyễn Xuân Hoàng “ra đi”. Bởi nhìn vào danh sách những bạn tôi ở tuổi 80 đã ra đi sẽ dài hơn số người còn ở lại. Và nếu tính cả những người dưới 80 ra đi còn quá nhiều. Làm sao tôi nhớ hết được.

Thế mà thấm thoát 1 năm rồi, ngày 13-9-2014 tôi được tin Nguyễn Xuân Hoàng đã mất ở Mỹ. Ở Sài Gòn tôi chỉ còn biết gửi vài dòng chia buồn cùng chị Vy.

Có lần tôi nhận được e-mail của chị và tấm ảnh chị ngồi một mình ở căn phòng tòa soạn báo *Viet Tribune*. Tôi không biết căn phòng rộng hẹp ra sao, nhưng chợt thấy nơi đó là một sa mạc mệnh mông vì vắng bóng đáng Nguyễn Xuân Hoàng.

Người góa phụ ấy chắc hẳn tóc đã hoa râm với nỗi cô đơn giấu kín trong lòng, chẳng bao giờ phai nhạt, cho dù

“Tuổi theo mùa đi mãi” nhưng “không còn anh và em”, chỉ tình yêu ở lại. Năm nay, ngày giỗ đầu của bạn tôi, chị Vy ơi, tôi và những người còn ở lại, xin thông cảm nỗi nhớ thương ngút ngàn của chị.

Nhớ lại trong bài viết để tưởng nhớ anh, tôi đã viết “Nguyễn Xuân Hoàng 77 tuổi ở San Jose. Anh kém tôi 5 tuổi... Lẽ ra trong số những người này, tôi phải là kẻ ra đi trước tiên mới đúng... luật già trẻ. Nhưng trên đời này bao giờ cũng có những ngoại lệ đau lòng”.

Khi Nguyễn Xuân Hoàng làm tổng thư ký cho tờ *Việt Mercury* ở Mỹ, tôi bắt đầu hợp tác với tờ báo. Từ đó chúng tôi hiểu nhau và dễ dàng thông cảm với nhau. Đôi khi có dịp về Sài Gòn, không lần nào anh không tìm gặp tôi cùng vài người bạn. Có buổi chiều chúng tôi đi bộ trên những con đường đầy bóng cây cổ thụ, anh nói:

– Không bao giờ ngờ lại có ngày đi với Văn Quang trên những con đường xưa như thế này.



Nguyễn Xuân Hoàng và Văn Quang.

Chèn ảnh 44_1

Anh dốc bầu tâm sự về đủ thứ chuyện, kể cả chuyện tình cảm riêng tư, có lẽ tôi là người hiểu rõ anh hơn hết những người bạn ở đây. Tôi không nhớ anh về Sài Gòn bao nhiêu lần, có lần anh và chị

Trương Gia Vy, vợ anh, cùng về và cùng đến nhà tôi ăn vài món gia truyền của gia đình tôi. Chị Vy là “con cháu nhà đại gia” mà tôi biết khi thân phụ chị là một vị dân biểu rất

nổi tiếng ở Hạ Nghị Viện VNCH, phóng viên của Đài Phát Thanh Quân Đội có vài lần phỏng vấn. Phải nói thật là chúng tôi cũng tìm cách vận động để ngân sách của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đưa ra Quốc Hội được ông cùng một số dân biểu ủng hộ, không bị cắt xén như những tổng cục khác. Chị Vy có đặc tính của phụ nữ miền Nam, thật thà, đôn hậu, thực tế, trong khi Nguyễn Xuân Hoàng lại có tính lẳng mạn của mấy anh nghệ sĩ với những mơ ước tưởng như không bao giờ với tới được. Có lẽ chính vì vậy họ hợp thành “một cặp rất đẹp đôi cho đến cuối đời”. Nhưng rồi bạn tôi bỏ lại người bạn đời chung thủy.

Thật ra Nguyễn Xuân Hoàng đã chiến đấu từng ngày với căn bệnh hiểm nghèo *sarcoma*. Nhiều lần điện thoại thăm anh, giọng anh vẫn nồng nàn ấm áp, tôi không hiểu bạn đã cố che giấu cơn đau cùng nỗi khổ tâm của con bệnh hành hạ. Mãi đến giây phút cuối cùng không thể che giấu được nữa, anh mới thều thào qua điện thoại “*Tôi mệt quá anh ơi*”. Câu nói như lời chào từ biệt. Tôi buông điện thoại ngẩn ngơ. Từ hôm đó, sợ anh mệt tôi không dám điện thoại sang nữa, chỉ thăm hỏi về anh qua vài người bạn. Và, tôi vẫn hồi hộp không muốn bị đón một tin xấu nhất. Nhưng tin ấy vẫn đến chỉ vài giờ sau khi anh mất.

Chúng tôi liên lạc qua e-mail, điện thoại nói về Nguyễn Xuân Hoàng cùng tang lễ anh.

Nhưng cái tang trong lòng lớn hơn cả. Tôi đã theo dõi tang lễ anh qua một đoạn video clip khá dài của một người bạn gửi cho và được biết anh sẽ được hỏa thiêu theo ý nguyện. Nếu thật có linh hồn con người có thể nhìn lại những gì xảy đến với mình sau khi nằm xuống, chắc anh sẽ mãn nguyện vì bạn bè tới rất đông, gần như đầy đủ, chỉ

thiếu một người bạn ở xa là tôi. Trần ngập những trang báo là những bài viết về anh với những lời lẽ hết sức cảm động chân thành.



Nguyễn Xuân Hoàng.

Nguyễn Xuân Hoàng rất năng động trong cõi văn chương Việt, không bao giờ ngưng nghỉ. Anh từng là tiểu thuyết gia, giáo sư triết, tổng thư ký tòa soạn, chủ bút tạp chí *Văn qua* nhiều thời kỳ, tổng thư ký nhật báo *Người Việt* ở hải ngoại, người viết sổ tay và “blogger” đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA... Tôi đã viết “Hàng ngày vào internet,

tôi đọc được rất nhiều lời phân ưu, thương tiếc của bạn bè anh ở khắp nơi trên thế giới. Có lẽ ít có người nào dù ở bất kỳ thành phần nào được bạn bè yêu quý đến thế, ngoại trừ những ông “chính khách” thì toàn là những thủ tục chia buồn cho đúng phép xã giao, buồn đấy mà chưa chắc đã là buồn hay vui nữa. Với Nguyễn Xuân Hoàng, bạn “mày tao” cũng có, bạn xưng anh, xưng em cũng có, nam nữ già trẻ đủ cả trên khắp các trang báo, trang web, diễn đàn... Một người ra đi như thế thật hiếm. Anh phải sống như thế nào mới được tiễn đưa như thế”.

Tôi thật sự xúc động khi đọc bài của anh Giao Chỉ khi ở bên giường bệnh Nguyễn Xuân Hoàng những giây phút

trầm trọng nhất, Hoàng chỉ nói “*Chỉ thương cho Vy thôi*”. Anh không nuối tiếc bất cứ thứ gì trong cuộc đời anh đã sống, khi gần ra đi, anh chỉ thương người vợ hiền đã chia ngọt xẻ bùi với mình mà không thể làm gì hơn trước “số trời đã định”. Giao Chi tức đại tá Vũ Văn Lộc là bạn của gia đình Hoàng và là bạn cùng khóa với tôi. Dù anh học khóa 4 SQTĐ ở Đà Lạt, tôi học ở Thủ Đức, nhưng chương trình chẳng có gì khác và ở Đà Lạt hay Thủ Đức vẫn là khóa 4 Cương Quyết của QĐVNCH. Anh Giao Chi ơi, tôi hình dung khi ghi câu đó anh cũng chảy nước mắt, phải không? Chắc chắn anh sẽ có mặt trong ngày giỗ đầu Nguyễn Xuân Hoàng, nhờ anh đại diện cho bạn bè thắp một nén hương tưởng nhớ người bạn cũ.

“Hoàng sống chân thật, chan hòa với bản tính điềm đạm, bình dị và nhún nhường, chưa bao giờ tỏ ra mình là một “nhà văn lớn” hay “một cái gì đó” quan trọng trong xã hội. Ở Hoàng, tôi nhận thấy anh luôn tỏ ra “Tôi chỉ là một người rất tầm thường”. Đó chính là phong cách một nhà văn lớn, một nhân cách lớn. Tôi đã 83 và đã nhận ra trên đời này có một người bạn hiểu mình thật khó. Ngày giỗ đầu của Nguyễn Xuân Hoàng, xin gửi lời thăm hỏi ân cần đến chị Vy cùng gia đình. Tôi chỉ muốn nói: “*Nguyễn Xuân Hoàng mất đi, tôi mất một người bạn đúng nghĩa*”.

(Sài Gòn, 9-2015)

CHƯƠNG 45

NGÀY XUA LÀM BÁO TẾT

Hàng năm cứ đến ngày giáp Tết Âm Lịch, mọi người đều thấy các cửa hàng và sạp bán báo rục rờ hẳn lên bởi hình bìa những tờ báo Xuân. Đủ thứ màu sắc của những tờ báo khổ lớn treo toong teng trên các sợi dây bay phất phới, không khác gì những lồng đèn Trung Thu. Những tờ báo khổ nhỏ, hầu hết là tuần báo hoặc đặc san nằm dưới kệ hàng cũng tô điểm sắc sỡ báo hiệu mùa Xuân đang về. Mùa Xuân dường như bắt đầu từ đây. Và mỗi nhà thường mua một tờ báo Xuân, đợi Tết trưng ra phòng khách cho vui cửa vui nhà.

Điều đó không hẳn là một tục lệ mà chỉ là thói quen, một thứ thói quen đáng yêu của hầu hết người Việt chúng ta dù bất cứ ở đâu. Nó cũng như một hình ảnh mà nhà thơ Vũ Đình Liên gợi nhắc:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già*

*Bày mực Tàu giấy đỏ**Bên phố đông người qua*

Hình ảnh ông đồ già có thể mất dần theo năm tháng, nhưng những tờ báo vẫn y nguyên từ thời xa xưa cho tới thời nay và có thể còn mãi mãi dù nhiều bạn đã lo rằng báo in sẽ “chết dần” bởi thời đại internet.



Một quầy bán báo xuân ngày xưa.

Nhưng internet không thể bày ra bàn, không thể trang trí cho phòng khách của ngôi nhà, không thể mang linh hồn của mùa Xuân đến từng người đọc, không thể mang hương vị ấm cúng cho cả gia đình và cũng không thể mang cả mùa Xuân tô điểm cho phố phường của bạn.

Hình bia những tờ báo thời đó thường bao giờ cũng có những người đẹp, những giai nhân đủ loại từ ca sĩ đến tài tử màn ảnh, từ cô gái nông thôn đến thành thị uốn lượn đủ kiểu trên sạp báo còn hơn là một cuộc thi sắc đẹp. Bạn không thích thú sao? Ngắm free mà.

Và chỉ năm hết Tết đến mới có cảnh ấy.

Những thứ đó khiến tôi nhớ đến không khí làm báo Tết thời xa xưa. Hồi đó bạn làm được một tờ báo ra hàng ngày hay hàng tuần đã khó khăn rồi chứ chưa nói đến làm báo

Tết. Ngày nay làm báo chỉ cần đánh máy cho lên máy in, nó chạy rền rẹt ra luôn ba bốn năm màu và hàng chục ngàn số trong một vài giờ, được đóng sẵn sàng đưa ra thị trường.

Ngày xưa thì khác.

THỜI ĐẠI TYPO

Phải nói chính xác đó là thời đại mới ra lò của những tờ báo, thời đại in typó. Trước hết là những con chữ đúc bằng kẽm hay bằng chì, từng chữ một, mỗi chữ xếp vào một cái bát hay một ngăn dưới tay người thợ, gọi là thợ sắp chữ. Phải sắp từng chữ một và chữ in nghiêng phải được tác giả viết bài hay anh tổng thư ký tòa soạn gạch dưới bản thảo đánh máy hay viết tay hàng chữ “*ital*” chữ viết tắt của *italic*. Còn hàng chục ký hiệu như thế dành cho hàng chữ in đậm, sửa dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, thêm chữ vào dòng, bớt chữ đi. Anh thợ “cả” được gọi là *chef typó* chịu trách nhiệm chung cho, phải coi lại từng trang.

Muốn đưa một tấm hình vào trang báo, phải làm bản kẽm. Tôi nhớ hồi đó ở Sài Gòn có Cliché Dầu là nơi cung cấp bản kẽm cho các nhà in và các báo. Khuôn khổ bức hình ra sao để nó nằm gọn lỏn trong trang báo phải được tính toán trước hết. Đến lúc thợ lên khuôn mới đưa vào bài báo được.

Trước khi in, thợ nhà in phải làm một bản vổ, tức là lấy tờ giấy thấm nước như loại giấy bản, đặt lên khuôn trang có dính chút mực, vổ nhẹ để mực thấm vào giấy, gọi là *morasse*. Người làm việc sửa *morasse* được gọi là “thầy cò”. Thường phải sửa đến lần thứ hai, thứ ba. Lần cuối cùng do anh Tổng Thư Ký Tòa Soạn sửa và ký vào tờ *dernière morasse*, chịu trách nhiệm nếu có sai sót.

Sau thời kỳ in typo là thời kỳ “vàng son” của kỹ thuật in offset. Cả trang báo 4 màu chỉ cần đưa lên máy in 1 lần. Nhưng nói về thời kỳ này nữa thì quá dài dòng.

Xin trở về thời đại báo in typo.

TÔI SUYT BỊ TÙ VÌ MẤT CHỮ ‘T’

Nói sơ như thế để bạn có thể hình dung ra phần đầu của công việc làm báo, và chỉ là báo thường, chưa nói đến số Tết “ly kỳ rùng rợn” hơn. Đúng là một việc bỏ ăn bỏ ngủ chứ không đùa.

Tôi từng làm báo từ anh viết bài đến anh “thầy cò” rồi nhảy lên trưởng ban biên tập và làm chủ bút báo *Chiến Sĩ Cộng Hòa* của Quân Đội VNCH.

Tờ báo là bán nguyệt san, mỗi kỳ 200.000 số, con số ấn hành lớn nhất vào thời đó. Báo được Bộ Quốc Phòng tài trợ và gọi đầu thầu, nhà in tư nhân đảm trách việc in ấn. Tôi là người chịu trách nhiệm sửa và ký tên vào bản *dernière morasse* tức bản vố cuối cùng. Sau này làm thêm tờ *Thông Tin Chiến Sĩ* ra hàng tuần nữa càng vất vả hơn mà tòa soạn chỉ vồn vện chừng mười người.

Năm nào báo *Chiến Sĩ Cộng Hòa* cũng ra số Xuân như thường lệ. Năm đó, có lẽ là năm 1960, khi đó đại tướng Lê Văn Tỵ làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội VNCH — đến năm 1963 mới vinh thăng thống tướng, vị thống tướng duy nhất của VNCH. Mỗi năm báo Xuân *Chiến Sĩ Cộng Hòa* thường đăng một Thư Chúc Tết của đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng.

Khi báo ra chúng tôi đưa lên trình văn phòng Đại Tướng. Không hiểu sao cuối thư đó lại ký tên Đại Tướng Lê Văn Y. Thì ra tên của ngài bỗng mất biến đi chữ T.

Đại tá Hoàng Ngọc Tiêu tức thì sĩ Cao Tiêu, chánh văn phòng của đại tướng gọi điện thoại cho tôi nói ngay: “Phen này ông đi tù là cái chắc”. Tôi tưởng ông đùa chơi, nhưng ông nghiêm giọng nói: “Anh cứ xem lại Thư Chúc Tết của đại tướng là biết ngay, tôi không nói nhiều”.

Tôi mở tờ báo ra xem, quả nhiên là chữ *Ty* mất biến chữ *T* ở trước, thành ra là *Đại Tướng Lê Văn Y*. Tôi choáng người, cảm chắc đi tù rồi còn gì. Tôi gọi nhà in, đòi xem bản vổ cuối cùng. May quá, bản vổ cuối cùng còn nguyên chữ *T*. Đây là một lý do “giảm khinh” cho phần lớn tội của tôi. Nhưng tôi vẫn là người chịu trách nhiệm chính khi tờ báo đưa lên trình và gửi đi khắp các đơn vị toàn quốc. Tôi đã không kiểm tra lại.

Về phía nhà in, điều tra cũng chẳng ra, bởi khi bản vổ đưa lên máy in vẫn còn nguyên, nhưng bởi phải xếp từng chữ nên khi bê lên bê xuống có thể rơi mất chữ *T*. Rơi ở đâu, khi nào hay có kẻ phá hoại không ai biết. Mà làm sao kết tội phá hoại khi không có bằng cứ chắc chắn. Thời đó, luật pháp là luật pháp rất nghiêm minh. Tôi đã chuẩn bị sẵn tư tưởng để từ già quân ngũ hay ít ra cũng bị “hạ tầng công tác” đến một đơn vị khác, rất có thể là binh nhì vì cái tội quá nặng “bôi bẩn thanh danh Đại Tướng”.

Nhưng ông chánh văn phòng Cao Tiêu lại gọi điện thoại ngay cho tôi nói là chưa kịp trình đại tướng vì sáng đó ông bận đi dự lễ. Cao Tiêu cũng là bạn tôi nên đã hủy ngay tờ báo và nói tôi phải lấy chữ *Ty* khác đóng lên trên chữ *Y* để ông mang vào trình.

Tôi cấp tốc làm ngay. Làm một tờ thì dễ nhưng cả 200 ngàn số đưa đến các đơn vị cũng phải làm. Thế là cả cánh thợ nhà in tư nhân và toàn phòng báo chí phải cùng làm

suốt một đêm một ngày mới xong. Lúc đó tôi mới hoàn hồn. Từ đó tôi có thêm “kinh nghiệm xương máu” về nghề làm báo cũng như khi sang làm ở Đài Quân Đội. Tôi cẩn thận từng chữ, từng câu trong các bản tin.

LẠI CHUYỆN Ở ĐÀI PHÁT THANH

Hồi đó nhiều đoàn thể, giáo phái đều có tiếng nói trên các đài phát thanh Sài Gòn cũng như Đài Quân Đội. Một lần vào năm 1970 hay 1971, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đi dự một cái lễ ở Long Xuyên do Phật Giáo Hòa Hảo tổ chức. Sau đó tổ chức này có một bản tin gửi cho các báo trong nước. Đài Quân Đội cũng nhận được bản tin này. Bản tin chia làm ba hay bốn phần gì đó, cả mấy phần trên đều là lời lẽ ủng hộ chính phủ, đoạn cuối cùng có đề nghị chính phủ phát súng cho giáo phái để tự giữ gìn an ninh tổ quốc.

Tôi suy nghĩ mãi rồi bỏ đoạn cuối này, bởi phát súng cho một tổ chức chẳng khác nào một quốc gia có hai quân đội, nên tôi chỉ tóm tắt nội dung chứ không cho đọc nguyên văn, cuối cùng loan tin là những đề nghị khác sẽ được Tổng Thống và Chính Phủ cứu xét cẩn trọng.

Quả nhiên bí thư của Tổng Thống lúc đó là Hoàng Đức Nhã, được gọi là “ông trùm truyền thông” điện thoại cho tôi hỏi “*Anh có cho đọc nguyên văn bản tin của Phật Giáo Hòa Hảo không?*”. Tôi trả lời: “Không, tôi chỉ tóm tắt nội dung chính còn đề nghị phát súng tôi không loan, bởi vì...” Hoàng Đức Nhã ngắt lời tôi ngay: “*Đúng rồi, anh làm vậy là đúng lắm*”.

Từ đó tôi được nhìn bằng con mắt khác và nhận ra một kiểu hỏi “mẹo” khôn khéo của “trùm truyền thông”.

ĐI LÀM PHÓNG SỰ TẾT

Phòng báo chí của chúng tôi có lẽ là phải đi làm phóng sự Tết ở các đơn vị từ miền Nam đến miền Trung và Cao Nguyên. Tòa soạn quá ít người nên chính tôi cũng phải làm phóng viên. Anh em đi hết, chẳng lẽ trưởng phòng ngồi nhà nên dù mới cưới vợ cũng phải bỏ đi làm phóng sự Tết.

Tôi nhớ năm đó, vào ngày 28 Tết có trận đá bóng giữa đội bóng của Bộ Tổng Tham Mưu với một đội bóng Peru. Thế mà tôi phải rong ruổi ra miền Trung làm phóng sự. Tôi mê đá bóng từ nhỏ nên phải mang theo cái radio transistor, để khi đi trên xe lửa vẫn nghe được anh Huyền Vũ tường thuật trận đấu cho đã ghiền.

GIAO THỪA TRÊN ĐỈNH ĐÈO HẢI VÂN

Ra đến Đà Nẵng, tôi vào chào trung tướng Đỗ Cao Trí là Tư Lệnh Phó Quân Khu 2, tôi còn một mục đích khác là lời Thanh Nam mới bị tái ngũ đang học ở trường huấn luyện ra cùng đi. Tướng Trí ra lệnh cho Thanh Nam ra đi cùng tôi ngay hôm đó. Chúng tôi qua đèo Hải Vân vào buổi chiều sắp tàn. Thấy một tiền đồn đóng tuốt trên ngọn núi Hải Vân nằm lẫn trong mây, tôi nghĩ sinh hoạt ở đơn vị nằm cao tít tắp chín tầng mây này chắc là đặc biệt nên cho xe jeep theo đường mòn leo lên đỉnh đèo.

Anh lính gác ở đồn canh cho biết đây là một trung đội Địa Phương Quân trấn giữ mỏm núi. Phía sau còn hai trung đội khác. Tôi và Thanh Nam quyết định ngay là sẽ đón Giao Thừa cùng anh em đơn vị này.

Một buổi tối khác hẳn mọi buổi tối. Chúng tôi nằm giữa những đám mây mỏng không nhìn thấy lưng đèo.

Giao thừa thật thú vị với những màn lửa trại và thi hát, thi nói chuyện vui.



Một anh tân binh nói chuyện tình yêu của chính mình rất láu cá. Anh em chất vấn tại sao mày lấy được vợ giàu và đẹp thế? Anh ta kể bị gia đình nhà vợ phản đối, hai đứa bàn nhau “ăn com trước keng”. Em bị con vợ em nó tát cho một cái nên thân, tưởng em lợi dụng nó. Em nói chúng mình chỉ

giả vờ thế thôi mà. Em cứ giả vờ thú nhận với mẹ là em có bầu rồi. Con vợ em đồng ý. Thế là nhà nó bắt phải làm đám cưới ngay. Cưới xong vài tháng thì em vào địa phương quân rồi lên đây.

Thanh Nam khoái chí bèn tặng ngay cái khăn quàng mà cô bồ là ca sĩ trẻ đẹp vừa gửi tôi mang ra tặng chàng làm quà Tết. Trong đời tôi sẽ không bao giờ có được một đêm giao thừa như thế nữa.

LÀM BÁO NGOÀI THÌ SỐNG

Hồi đó tôi viết khá nhiều feuilleton cho các báo. Mỗi dịp Xuân về, chẳng cần biết các ông ở tòa soạn bận rộn ra sao, chúng tôi chỉ việc gửi bài rồi ung dung chờ lãnh tiền lương tháng 13 và dự tiệc tất niên của chủ báo. Có lẽ làm với báo *Truyện Phim* của ông Nguyễn Ngọc Linh khoảng

những năm 1958- 1960 là khoái hơn cả. Tờ báo lớn đầu tiên về điện ảnh quốc tế và Việt Nam do anh em ông Linh sáng lập ở đường Kỳ Con. Tòa soạn bé tẹo nhưng rất... Ấng Lê. Chủ nhiệm ngồi một mình trong phòng kính. Bên ngoài là bàn giấy của tổng thư ký tòa soạn, hồi đó là Quốc Phong nên chúng tôi gọi là “ông Tổng Cốc”. Cạnh đó là chiếc bàn nhỏ xiu của biên tập viên Gia Tuấn đeo kính trắng, gọi là “Gia Tuấn Si Cốc”.

Tờ báo được hầu hết bạn trẻ, học sinh, sinh viên đón đọc hàng tuần. Tất nhiên năm nào cũng có báo Xuân và đặc biệt khán giả mua báo được tặng cuốn lịch thật đẹp của hãng Paramount Pictures, in màu trên giấy *couché* trắng nõn với 12 tấm hình tài tử thượng thặng quốc tế như Marilyn Monroe, Ava Gardner, Audrey Hepburn, Grace Kelly... cũng nõn nà chết người. Riêng anh em cộng tác, cuối năm còn được tặng một tập báo đủ 12 tháng đóng gáy da mạ chữ vàng cẩn thận.

Sau đó là một châu ăn uống nhảy nhót tung bùng tại một nhà hàng lớn và tầng 2 có thể đi, có thể không, tùy thích. Tôi chưa bao giờ quên những kỷ niệm đó.

NHẬT BÁO CHÍNH LUẬN VÀ ÔNG CHỦ NHIỆM ĐÁNG YÊU

Đó là phía tuần báo, còn phía nhật báo có tờ báo lớn là *Chính Luận*, do bác sĩ Đặng Văn Sung làm chủ nhiệm.

Cuối năm cũng có châu tất niên tung bùng nhưng ông chủ nhiệm đứng đắn nên không cho anh em “múa tay múa chân” ở vũ trường. Ông cho tổ chức đánh phé ở nhà anh thủ quỹ Lê Tâm Việt. Tôi nhớ năm đó vừa lãnh lương xong, về chơi phé với anh em trong tòa soạn.

Chẳng may thua nhẵn túi.

Tôi đứng dậy ra về thì ông chủ nhiệm hất đầu cho anh thủ quỹ Lê Tâm Việt ra lệnh “*Phát cho cậu ấy lương tháng 13 đi*”. Lê Tâm Việt nói em phát rồi. Bác sĩ Sung cười hiền lành “*Nó thua hết rồi, lấy gì cho nó ăn Tết, phát cho cậu ấy ngay đi*”. Thế là tôi lãnh thêm 1 tháng lương nữa rồi ra về, hồi đó tháng lương viết feuilleton cho báo Chính Luận tôi nhớ mang máng là 12.000 đồng VN. Bằng ấy là khoản tiền khá lớn để lại có “thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ, cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh ở nhà”. Thật thú vị cho một năm mệt mỏi vì viết, nhưng hồi đó viết là viết chứ không cần lách như bây giờ.

Bạn đã thấy việc của dân làm báo hay nói chung làm truyền thông xã hội không hề dễ chút nào.

Nhưng tôi vẫn nhớ, vẫn chưa bao giờ từ bỏ được cái “nghề” của tôi. Tính ra bây giờ là hơn 60 năm rồi, cuộc đời tôi vẫn chẳng làm được nghề ngỗng gì ngoài viết và viết. Tết cũng chẳng bao giờ được nghỉ vì “báo bà nghỉ thì báo ông ra” nên cứ phải có đủ bài cho báo.

Năm nay cũng vậy thôi.

Nhưng đã trở thành thói quen, tôi chưa bao giờ ân hận vì cái nghề này.

Đó, nghề làm báo long đong như thế, nhưng nếu vào nghề rồi thì khó lòng dứt áo ra đi cho đành. Nó có ma lực quyến rũ đấy, các bạn ạ.

(Sài Gòn, 7 tháng 11-2015)

CHƯƠNG 46 VUI BUỒN CHUYỆN TẾT BÍNH THÂN 2016 Ở VIỆT NAM

Ngày Tết Nguyên Đán ở Việt Nam bao giờ cũng là ngày quan trọng nhất với “đại gia” cũng như dân nghèo khó. Dù rách quanh năm vẫn phải có một tí gì gọi là Tết cho gia đình, con cháu ấm áp vui vẻ. Dân gian có câu: *“Đói ngày giỗ cha, phải lo ba ngày Tết”*.

Dịp này, mọi gia đình người Việt ở hải ngoại hẳn đều nhớ cái Tết quê nhà. Xin điểm lại vài phong tục ngày Tết quê hương để các bạn có dịp nhớ lại, và vài chuyện vui buồn gần đây nhất để cùng vui Xuân.

CHUẨN BỊ TẾT

Tết Việt Nam vào ngày 1 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Năm nay (Ất Mùi), tháng Chạp thiếu nên ngày 29 đã là 30 Tết và là ngày Chủ nhật 7 tháng 2-2016.

Dân gian quan niệm trước ngày Tết chính thức, mọi thứ đều cần chuẩn bị đầy đủ, mong khởi đầu năm mới may

mắn và thành công. Do vậy, sau ngày 23 tháng Chạp là ngày đưa “Ông Táo về trời”, đến bất cứ nhà người Việt nào cũng đều thấy ngay không khí chuẩn bị Tết nhộn nhịp, tất bật. Nhu thông lệ, người người đều trang hoàng nhà cửa, dọn dẹp lau chùi sạch sẽ theo đúng nghĩa năm mới cái gì cũng mới. Trên tường treo những bức tranh Tết hoặc câu đối, trong nhà đặt các lọ hoa đầy màu sắc, đặc biệt nhắc đến Tết thì miền Bắc phải nhắc đến hoa Đào, miền Nam là hoa Mai, và tục lệ múa lân nhất là ở vài thành phố lớn.



Chợ hoa Tết trên đường Nguyễn Huệ ngày xưa.

Sài Gòn hàng năm đều tổ chức “đường hoa”, nhưng hai năm nay tôi không bước chân tới vì cứ nghĩ cũng vậy thôi, xem mãi chán rồi. Có khác chăng năm nay là năm con Khỉ nên chắc nhiều khi lắm. Và lại mỗi lần đến đây lại nhớ về các kỷ niệm cũ với người tình, với bạn bè xưa, càng buồn thêm.

Nét đặc trưng của Tết Việt Nam là mâm cỗ trên bàn thờ tối Giao Thừa. Ngoài đủ thứ bánh mứt còn mâm ngũ quả

với các loại trái cây đặc trưng như măng cầu, dừa, đu đủ, xoài, thơm bày lên trang trọng và đẹp mắt thể hiện mong ước về một năm mới với nhiều may mắn, tốt lành.

Ngày Tết còn có tục cúng tổ tiên, hái lộc đầu xuân, xông đất, chúc Tết, mừng tuổi. Năm 2016 là năm Bính Thân tức năm con Khỉ nên các đồng tiền in hình con vật này cũng có giá hơn. Năm nay đồng xu in hình con khỉ của Australia và tiền khi may mắn của Indonesia “nhập cảng” vào Việt Nam đã bán được khá nhiều.

QUÀ TẾT CÓ NHIỀU LOẠI, NHIỀU “KIỂU”

Bên cạnh đó người Việt vốn xem trọng lễ nghi, nên trước Tết thường tặng nhau các món quà thể hiện sự quan tâm, lòng biết ơn, tôn kính với gia đình và bạn bè... Các đại gia đua nhau kiếm món quà Tết độc đáo tặng các nơi thường giao thiệp, nhất là các cơ quan, quan chức mà họ từng nhờ vả. Họ không ngần mua quả Phật Thủ đẹp nhất với giá khoảng 10 triệu đồng (cỡ \$450 USD) và loại có giá cao như thế rất hiếm, hàng chục mẫu mới tìm được 1 quả.

Các đại gia, đại quan chơi ngông còn mua chậu địa lan Trần Mộng 100 cành nở cùng lúc đúng dịp Tết với giá 70 triệu đồng (hơn \$3,100 USD) trong khi có đại gia bỏ cả trăm triệu mua một cây Bạch Đào. Nhiều tay chơi quan niệm, có một gốc đào cổ thụ với dáng độc là năm mới sẽ nhiều may mắn, phát lộc, phát tài. Vì thế, dù bị “hết giá” lên tới cả trăm triệu, nhiều người vẫn sẵn sàng móc hầu bao. Một con gà Đông Tảo cũng được trả giá tới 70 triệu đồng. Thế mới là của “hiếm quý” mua sự hài lòng của các “đối tác”.

Các đại quan cũng bận rộn không kém, vừa chuẩn bị nhận quà Tết vừa phải lo chu đáo với các quan trên. Các

công ty dù là vốn nhà nước hay vốn tư nhân cũng chuẩn bị một món quà Tết cho nhân viên của mình.

Tất cả là thứ luật bất thành văn và mọi nơi đều rộ ràng thực hiện tục lệ bất thành văn này. Dù công ty đang thua lỗ vẫn phải tìm cách “thưởng” nhân viên kéo mang tiếng với các công ty bạn, chẳng khác “tự vạch áo cho người xem lưng” là công ty của mình... sắp phá sản.

Năm nay kiểu thưởng Tết ở Việt Nam có khá nhiều chuyện lạ. Sau một năm làm việc, cống hiến, người lao động nào cũng hào hứng chờ đợi thưởng Tết từ doanh nghiệp. Nhưng không ít người đã “ngậm ngùi” khi thấy phần thưởng ấy. Xin mời xem vài kiểu thưởng Tết này.

NHẬN QUÀ TẾT, MUỐN DỜ KHÓC, DỜ CƯỜI!

Báo *Giao Thông* ngày 2/1 cho biết, thay vì dùng tiền mặt như thông lệ, nhiều doanh nghiệp dùng tương ớt, quần đùi... thưởng nhân viên sau một năm làm việc.

Công ty vật liệu xây dựng Thái Nguyên thưởng Tết cho nhân viên 200 viên gạch, trong khi cơ sở sản xuất nhang thấp ở Đan Phượng, Hà Nội thưởng Tết bằng 100 ngàn đồng (tức chưa được \$5 USD) và... các loại nhang.

Độc đáo không kém là một công ty dệt may quận Hoàng Mai, Hà Nội thưởng Tết mỗi nhân viên 70 chiếc quần đùi. Tết này với thời tiết giá rét đặc trưng của mùa đông Hà Nội, có lẽ họ... xử dụng luân phiên hơn hai tháng sau Tết mà khỏi cần giặt giũ! Một độc giả đã viết: “*Thế là “anh mặc, em mặc, con chúng ta mặc, và biết đâu... hàng xóm cũng mặc quần đùi đi chúc Tết luôn”.*”

Hài hước là công ty truyền thông TV thưởng 30 bịch giấy vệ sinh cho nhân viên ăn Tết. Một công ty ở Sài Gòn

thưởng Tết mỗi nhân viên một thùng tương ớt, lãnh đạo thưởng lớn hơn, mỗi người hai thùng. Đúng là ăn Tết... cay hơn ớt! Không biết nên cười hay mếu!

Quần đùi, giấy vệ sinh, gạch men tuy “kỳ cục” thật nhưng vẫn dùng được hoặc đem cho thoải mái, chứ công ty chuyên sản xuất... dung dịch vệ sinh phụ nữ, bao cao su mà thưởng Tết bằng sản phẩm thì người nhận chỉ có nước vút xó do không thể bán, bởi bán chạy thì công ty đã không “đổ” cho nhân viên.

NHỮNG CÔNG TY THƯỜNG TẾT

AI CŨNG PHẢI THÈM

Tuy nhiên bên các công ty thường gạch, nhang thấp, tương ớt, quần đùi, giấy vệ sinh... vẫn có công ty thưởng Tết rất lớn. Chẳng hạn một công ty tại quận Bình Tân, Sài Gòn công bố mức thưởng Tết cao đến 320 triệu đồng tức gần \$15,000 USD theo báo *Người Lao Động*. Dù vậy chưa ăn thua gì so với mức thưởng 600 triệu đồng tức gần \$27,000 USD thuộc về một doanh nghiệp tư nhân. Quả là mức thưởng Tết “khủng” ai cũng thêm. Nhưng quà thưởng Tết “khủng” này chỉ dành cho các sếp. Các ông chủ ngoài sự tôn trọng mồ hôi nước mắt của người lao động còn tỏ lộ một sự khôn ngoan khiến người làm giàu cho mình phải cố sức làm tốt hơn nữa.

MƯỜI NĂM KHÔNG PHÁT HIỆN THAM NHƯNG

Bước qua đầu năm dương lịch 2016, nghe tin “*mười năm không phát hiện tham nhũng*”, mấy anh dân đen mừng húm. Thế là tại Việt Nam tham nhũng chết ráo. Nhưng vừa đọc xong tin này, người dân lại thở dài bởi biết chắc

tham nhũng không bao giờ hết. Nó chỉ trốn tránh tài nhất. Trốn ngay trong cơ quan nhà nước, trốn ra nước ngoài, trốn trong xó nhà bà con họ hàng nội ngoại, trốn về quê đuổi gà nhưng vẫn có hàng ngàn tỉ trong ngân hàng.

Vì thế, đọc số báo đầu tiên của năm mới, báo *Người Lao Động* ngày 1-1-2016, nhiều bạn ngỡ người khi “vấp” phải tin từ UBND tỉnh Khánh Hòa về việc 10 năm qua tỉnh này không phát hiện cán bộ nào nhận quà.

Nghे cù như chuyện đùa chứ ai dám nghĩ tin này được long trọng đưa ra tại hội nghị Tổng Kết 10 Năm Thực Hiện Luật Phòng Chống Tham Nhũng do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức ngày 31-12 vừa qua.

Không chỉ Khánh Hòa mà cả UBND Hà Nội cũng báo cáo: *“Không có cán bộ nào nhận quà sai quy định”*.

Về việc cán bộ, viên chức nộp lại quà tặng, chính quyền Hà Nội thông tin: *“Năm 2015, các đơn vị báo cáo không có trường hợp nào vi phạm trong nhận, tặng quà theo quyết định 64 của Thủ Tướng”*. Và: *“Trong nhiều năm, Hà Nội không phát hiện trường hợp nào vi phạm việc tặng và nhận quà. Tương tự, không có trường hợp nào phải xác minh, kết luận về việc kê khai tài sản thu nhập không trung thực”*.

Nghе muốn phát sốt vì các báo cáo “sạch sẽ” ấy, người dân bèn phản ứng ngay trên các báo. Họ tức giận và thẳng thừng đưa ra các nhận xét sau:

THAM NHŨNG ĐÃ RA, CHỈ MÙ MỚI KHÔNG NHÌN THẤY

Bạn đọc Nguyễn Thế Tòng, một người dân Khánh Hòa, thốt lên:

“Khó tin! Chẳng biết bằng “phương pháp, nghiệp vụ” gì mà tỉnh này theo dõi được từng cán bộ để đưa ra kết luận chủ

quan như thế. Còn nếu để cán bộ tự khai thì điều này càng dị hợm hơn và một hội nghị như thế chẳng cần tổ chức để tốn tiền bạc, thời gian... và quan trọng hơn để người dân khỏi thấy bị xem thường.”

Nhiều bạn đọc phản hồi qua báo *Người Lao Động* là chỉ xây căn nhà cấp 4, vừa đổ đổng đất, các “anh” đã tới hỏi thăm ngay. Thiếu quà khó mà yên thân. Xin phép xây dựng phải đủ kiểu “*tình thương mến thương*”, rồi kiểm tra các kiểu, môi trường, điện nước... “*Chỉ người mù mới không thấy các chuyện như thế. Mà người mù không thấy thì cũng có thể nghe người dân ta thán hằng ngày*”.

Ngay các số liệu đưa ra từ hội nghị cũng mâu thuẫn với những gì lãnh đạo tỉnh này công bố. 10 năm qua, tỉnh thực hiện gần 1.000 cuộc thanh tra, phát hiện sai phạm liên quan đến tham nhũng hơn 269 tỉ đồng và gần 670 mẫu đất các loại. 71 bị can, bị cáo tham nhũng bị xử lý... Gần đây nhất là chuyện một cán bộ Hải Quan Sài Gòn đi vắng vài ngày mà sổ phong bì hơn 60 cái – chưa mở – được ông gom bỏ vào túi ny-lông xách mang ra để về nhà bị các trinh sát của Cục A84 ập vào bắt giữ, cho thấy số tiền tổng cộng gần 1 tỷ đồng được các doanh nghiệp buộc phải chung chi trong 5 ngày, tương đương khoảng thời gian ông du hí bên Trung Quốc.

Tham nhũng đẩy ra đó chứ có ít đâu mà đưa ra số liệu “trong sạch” thế! Ai tin được. Đầu năm đã phải nghe các “báo cáo báo cây giả” như thế thì xui cả năm. Và một nguy cơ khác là kẻ tham nhũng sẽ xử người chống tham nhũng như đại biểu Trương Trọng Nghĩa của Sài Gòn đưa ra cảnh báo: “*Người tham nhũng sẽ xử lý người chống tham nhũng chứ không phải là ngược lại...*”

Rõ ràng nguy cơ nằm ở tất cả các cơ quan quyền lực Nhà Nước. Tham nhũng xảo quyết kéo bè kết cánh bảo vệ lẫn nhau, bóp chết người dân lương thiện chống tham nhũng. Vậy ai còn dại gì chống tham nhũng nữa, bỗng dưng chui đầu vào hang hùm miệng sói.

Im lặng và chịu đựng, chịu đựng đến bao giờ?!

Vậy người Việt Nam sẽ nhìn thấy gì trong năm con Khỉ đang tới này? Chắc thấy khỉ nhiều hơn người chăng?

(Sài Gòn, ngày giáp Tết Bính Thân 2016)

CHƯƠNG 47

NHỚ PHAN LẠC PHÚC VÀ NHỮNG CHUYỆN XƯA

Nhận được tin buồn Phan Lạc Phúc, tức Ký Giả Lô Răng, nguyên trung tá Quân Lực VNCH, chủ bút nhật báo *Tiến Tuyến*, qua đời lúc 1 giờ 32 trưa Thứ Năm, ngày 28-4-2016 tại Sydney, Úc Châu, hưởng thọ 88 tuổi.

Tôi quen Phan Lạc Phúc từ năm 1956 khi làm chung tại Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH. Hồi đó anh là đại úy và có thời làm Trưởng Ban Báo Chí. Tôi làm dưới quyền anh nhưng anh vẫn xem tôi là bạn, dù tôi ít tuổi hơn và mới là anh trung úy trẻ. Nhà anh ở ngay chợ An Đông, bà vợ là con một ông chủ tiệm vàng ở Quy Nhơn nên vào Sài Gòn cũng mở tiệm vàng.

Tôi mới từ Nha Trang đổi vào Sài Gòn, ở nhờ nhà bà dì, em của mẹ tôi. Anh có chiếc xe Fiat thường đến đón tôi cùng đi làm. Mỗi buổi chiều chúng tôi thường chơi bóng chuyền ngay trước cửa Phòng 5. Anh cao ráo bảnh trai, đứng trên lưới đập bóng khá hay. Tôi là người nâng bóng.

Tuy chân anh bị thương hơi tập tễnh, nếu không chú ý thường không thấy.

Sau này có lúc anh làm Trưởng Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu. Tôi nhớ mãi hôm vào nhà đại tá Vũ Quang, anh được tặng một trái đào. Anh để dành mang về tặng cho mẹ tôi. Anh nói *“nhìn bà cụ nhà ông tôi nhớ hình ảnh bà mẹ tôi”*.



Phan Lạc Phúc. được vì sự nhiều khê

của nó và những công thức gia truyền – như phải chọn con cá chép hay cá mè ra sao mới làm được món gỏi cá, hoặc phải chọn thứ rau muống nào, nhúng nước sôi bao lâu mới làm được món nộm rau muống. Chưa kể các món phụ gia rất lung củng như giềng mẻ, muối mè, 7 loại rau đi kèm. Lần nào cũng có những người bạn của gia đình tôi như các anh Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam.

Sau đó anh Phan Lạc Phúc làm Trưởng Phòng Chiến Tranh Chính Trị Quân Đoàn 3 đóng tại Biên Hòa, rồi về Trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Năm 1969 tôi về phụ trách Đài Phát Thanh Quân Đội, anh về làm chủ bút nhật báo Tiền Tuyến của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị. Chủ nhiệm lúc đó là anh Phạm Xuân Ninh tức Hà Thượng Nhân và anh Phúc viết bài hàng ngày cho mục *Tạp Ghi* ký tên *Ký Giả Lô Răng* được rất nhiều độc giả yêu thích.

Từ đó chúng tôi gọi anh là “ông Lô Răng”.

Khi tôi lập gia đình, cần sang một cái nhà với giá 8 triệu đồng. Tôi không đủ tiền, xoay xở mãi cũng chỉ được một nửa. Ngồi nói chuyện ở Point de Blagueur tục gọi là “Mỏm Dấu Láo” bên bờ sông Sài Gòn, anh nói cho tôi mượn một nửa số tiền sang nhà. Nhờ thế tôi mới có căn nhà ở cư xá Chu Mạnh Trinh gần nhà Phạm Duy cùng nữ ca sĩ Thái Hằng.

Ở TÙ, NGHE PHAN LẠC PHÚC KỂ CHUYỆN KIM DUNG

Sau tháng 4-1975, anh kẹt lại như tôi và cùng vào trại tù Long Giao rồi cùng đi chuyến tàu thủy “lịch sử” từ Nam ra Bắc, suốt 3 ngày đêm nằm dưới hầm tàu nơi dành chuyên chở súc vật. Đúng là cảnh “*com đưa xuống, phân đưa lên*” nói trắng ra là khi đến giờ com, bọn cai tù móc rổ com vào dây thùng thông xuống, chúng tôi đại tiểu tiện ngay tại chỗ nên lại phải thu gom phân vào bao đưa lên cho chúng mang đi đổ.

Ra đến Vĩnh Phú, Phan Lạc Phúc nằm cùng phòng với tôi, cùng đi “*nao động*” phờ phạc và cùng ăn bo bo thay com.

Ngày Chủ Nhật nghỉ không được ăn sáng, chúng tôi đói meo, ngồi thù nhìn nhau mãi cũng chán nên làm quân bài mật chược bằng gỗ đánh với nhau cho quên đói. “Ông Lô Răng” là tay mật chược khá cao.

Tôi nhớ có lần một bạn nhắc về kỷ niệm ngày xưa khi còn trong quân đội, Phan Lạc Phúc hét lên: “*Thôi xin ông, đừng bao giờ nhắc chuyện xưa nữa, buồn lắm rồi*”. Từ đó chúng tôi rất thận trọng khi nhắc chuyện xưa với ông. Có những đêm buồn và lạnh, chúng tôi nằm xúm lại bên nhau nghe kể chuyện cổ tích hoặc chuyện Tây chuyện Tàu.

Phan Lạc Phúc có tài kể chuyện kiếm hiệp, những bộ truyện của Kim Dung ông nhớ rất rõ, một trí nhớ có thể gọi là siêu phàm. Ông nhớ từng thế võ của từng nhân vật, những cuộc giao đấu “thần sầu” của “vô lâm ngũ bá.” Anh em nằm nghe đêm này qua đêm khác vẫn chưa hết pho truyện Kim Dung – Phan Lạc Phúc.

Sau đó chúng tôi bị đày lên Sơn La cùng Vũ Văn Sâm tức nhạc sĩ Thục Vũ và Thục Vũ chết ở bệnh xá trại tù này. Chính Phan Lạc Phúc báo tin cho tôi khi cùng làm ở vườn rau sát bên bệnh xá.

ĐÁM TANG NHẠC SĨ THỤC VŨ

Một buổi chiều khi hoàng hôn gần xuống, đồi núi Sơn La bắt đầu có sương mù. Chúng tôi cùng đứng lặng nhìn sang bên kia bờ ao có mấy anh lính vác súng AK đi đầu, theo sau là mấy anh tù khiêng chiếc quan tài đi trên con đường mòn vòng theo dãy núi cao rồi mất hút sau khúc quanh con đường mòn nhỏ xíu.

Đó là đám ma nhạc sĩ Thục Vũ.

Nước mắt chảy dài, Phan Lạc Phúc quay mặt vào trong lấy tay áo sờn rách che giấu nỗi đau buồn tức tưởi. Hôm sau chúng tôi mới biết phần mộ Thục Vũ nằm trên sườn đồi cô quạnh lối đi vào thị xã Sơn La.

Sau đó Phan Lạc Phúc chuyển vào trại tù Thanh Hoá, tôi không còn gặp anh nữa.

Hơn mười hai năm sau, tù nhà tù cải tạo được thả về, tôi chẳng biết anh ở đâu. Cuối cùng, tôi được tin anh đi định cư ở Úc.

Khi tôi cộng tác với nhật báo *Chiêu Dương* và tuần báo *Văn Nghệ Úc* của Nhất Giang và Vi Túy, thỉnh thoảng anh Phúc đến tòa soạn thăm anh em.



Phan Lạc Phúc và chiếc mũ do MC Nam Lộc tặng tại tòa soạn Văn Nghệ Tuần Báo. Hình chụp 3 tháng trước khi từ trần.

Nhất Giang thường móc điện thoại gọi cho tôi ở Sài Gòn nói chuyện với Phan Lạc Phúc. Lúc đó chúng tôi mới biết về cuộc sống hiện tại của nhau. Anh cho tôi số điện thoại ở nhà nhưng anh nói hàng ngày phải vào bệnh viện thăm bà xã nên khó gặp anh ở nhà.

Tôi không nhớ rõ từng chi tiết và ngày tháng ở đây, có thể có sai sót. Nhưng tôi cần phải nói rõ lúc nào tôi cũng coi anh như đàn anh tôi về mọi mặt.

Chiều ngày 17-4-2016, Sài Gòn nóng như chảo lửa. Bất ngờ tôi nhận được thư Huy Phương từ Mỹ. Thư cho biết anh gọi điện thoại cho tôi nhưng không gặp nên gửi cho tôi tin buồn về Phan Lạc Phúc đang hôn mê trên giường bệnh. Vi Túy từ Úc cũng gửi cho tôi tin này.

Bây giờ, mọi chuyện đã qua, nhưng tôi chắc trong số bạn đọc còn rất nhiều vị biết đến tên ký giả Lô Răng và những bài viết của ông. Và sau đây là một bài viết của Ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc, bài *Nhớ Phạm Đình Chương*. Phạm Đình Chương tước Hoài Bắc và Phan Lạc Phúc cùng là học trò trường Bưởi, Hà Nội từ đầu thập niên 1940. Ngày 22-8-1991, Phạm Đình Chương từ trần tại Quận Cam, California.

Từ Úc, Phan Lạc Phúc đã viết bài về người bạn cũ ngay khi nhận được tin buồn. Dù đã đọc rồi nhưng khi đọc lại

tôi vẫn cảm thấy bồi hồi nhớ về những kỷ niệm của hơn nửa thế kỷ đã đi qua nên xin được gửi tới bạn.

NHỚ PHẠM ĐÌNH CHUÔNG

Chuông điện thoại réo lên trong đêm khuya.

Một cú phone từ bên kia Thái Bình Dương, từ Mỹ báo tin: “Phạm Đình Chương đã mất rồi, Hoài Bắc không còn nữa”. Tôi đặt phone xuống mà thấy đêm khuya thêm vắng lặng mênh mông. Ở cái tuổi mình, trên 60, cái ranh giới tử sinh thật là mờ ảo, ở đấy rồi đi đấy, còn đấy mà mất đấy. Thành ra ít lâu nay, tôi cứ phải làm một con tính trừ thê thảm. Mấy năm trước mất Thanh Nam, rồi Vũ Khắc Khoan, bây giờ Hoài Bắc Phạm Đình Chương. Già thì càng cần có bạn, mà bạn già thì càng ngày càng thua thót. Tôi đi cải tạo 10 năm, rồi sống nín thở trên 6 năm, vừa mới lặn ngòi ngòi nước sang được đến đây thì bạn đã đi vào tịch mịch. Bạn ta, Phạm Đình Chương đã đi thật rồi. Một người viết ca khúc tâm cổ của Việt Nam đã mất, ngôi sao bản mệnh của Ban Hợp Ca Thăng Long đã tắt.

Tôi chơi với Phạm Đình Chương đã lâu, vào khoảng năm 1942-1943, hồi tụi tôi vừa mới lớn lên. “Khi mới lớn tuổi mười lăm, mười bảy. Làm học trò mắt sáng với môi tươi”. Tôi biết Chương trong ngày hội học sinh Trường Bưởi, trong những buổi cắm trại ở chùa Trầm, chùa Thầy, Tây Phương, Hoàng Xá.

Ngày ấy, chúng tôi say mê hát “Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đềm”, “Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi”, và Chương đã là một tay đàn giọng hát khá nổi của học sinh Hà Nội. Nhưng mà Chương có hai người anh nổi tiếng: anh Phạm Đình Sĩ, một cây “kịch”, và anh Phạm Đình Viêm, một cây “tenor”. Chương còn có một người chị trứ danh, chị Thái

Hằng, hoa hậu “bất thành văn” của suốt một miền Bạch Mai – Phố Huế. Còn người em út của Chương, Thái Thanh thì lúc ấy Thái Thanh còn nhỏ, đang còn học tiểu học, còn là một nụ hoa. Phải đợi đến thập niên 50, bông hoa Thái Thanh mới bắt đầu rực rỡ và tiếng hát Thái Thanh mới được lên ngôi.

Hà Nội ngày ấy tuy được mệnh danh là Hà Thành hoa lệ hay là Hà Nội của ba mươi sáu phố phường nhưng thực chất nó là tỉnh nhỏ – người ta biết nhau cả, trực tiếp hay gián tiếp. Và tỉnh nhỏ nó còn có tục lệ riêng của nó. Thế hệ tiền bối ở Hà Nội có tiêu chuẩn “phi cao đẳng bất thành phu phụ”. Thời tôi thì cái standard về một đấng trượng phu nó nôm na và thực tiễn hơn “Đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu”. Phạm Đình Chương xét ra hội đủ những điều kiện ấy: Học trò Trường Bưởi, người cao ráo sạch sẽ lại là cậu út trong một gia đình nổi tiếng. Lại còn đàn ngọt, hát hay, còn là ca trưởng của học sinh trong những dịp hội hè, cắm trại. Trong con mắt tôi, một anh học trò nhà quê ra tỉnh học, từ thời áo dài mũ trắng thì Phạm Đình Chương tư cách quá.

Thời ấy, Nhật đã vào Đông Dương. Thế Chiến II đang hồi quyết liệt, bom Mỹ dội xuống đùng đùng. Các thành phố phải “phòng thủ thụ động”, các trường học phải đi xa hoặc dời về miền quê. Đang học mà có còi báo động là nghỉ; học trò kéo nhau ra các khu cây cối um tùm, hoặc bờ đầm, bờ sông tạm lánh. Đây là dịp tốt cho một số công tử Hà Nội, trong đó có Chương, về thăm quê cho biết sự tình. Về quê thì tiện cho tôi quá, tôi có nhiều trò: lội sông, câu cá, bắn chim. Hoặc là sẵn xe đạp, tôi rủ nhau đi cắm trại ở những thắng cảnh gần Hà Nội như chùa Thầy, chùa Tây Phương, động Hoàng Xá.

Những thắng cảnh này đều nằm trong vùng quê tôi, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, nên tôi thuộc nằm lòng. Đến chùa

Tây Phương thăm ông Phật nhịn ăn mà mặc, ông nhịn mặc mà ăn, ông Phật tai dài đến gối. Đến động Hoàng Xá, tôi biết nhũ đá nào kêu thanh, nhũ đá nào kêu đục, bắn một phát súng cao su lên vòm đá là doi bay tán loạn một vùng. Đến chùa Thày, Sài Sơn, thăm chùa Cả dưới chân, chợ Trời trên đỉnh núi rồi thăm hang Cốc Có nơi có dấu chân ông Từ Đạo Hạnh còn in. “Hội Chùa Thày vui thay Cốc Có. Trai không vợ nhớ hội Chùa Thày. Gái không chồng nhớ ngày mà đi”.

Chương ơi, Chương còn nhớ ngày hội về quê mình không? Còn nhớ con đê Hạ Hiệp không?

Mới đó mà đã 50 năm rồi, đã nửa thế kỷ qua rồi.

Chương có nhớ cũng không thể nào về thăm được nữa. Bạn ta đã thành người thiên cổ mất rồi.

Phạm Đình Chương rất yêu miền Quốc Oai, Sơn Tây, vì không những nó là một miền thắng tích mà nơi đó còn là quê ngoại của Chương. Bà thân của Chương ở Hạ Hiệp, cách làng tôi chừng hai vạt cánh đồng. Chương tự nhận là người Sơn Tây và trong những năm đó Chương về thăm quê ngoại rất thường. Anh công tử Hà Nội và anh học trò nhà quê càng có dịp gần gũi nhau hơn

Khi mùa Xuân cận ngày, hội hè đã vắng, những cây gạo miền Bương Cấn tung bừng nở đỏ cũng là lúc chim tu hú lạnh lót gọi hè về trong rừng vải bên sông. “Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc”, con sông này ngoài mùa ngâu nước lũ, còn quanh năm nước chảy lặng lẽ. Học trò tụi tôi lại đạp xe qua sông về rừng vải, vừa tránh bom rơi đạn lạc ở thành phố, vừa cắm trại, vừa ôn thi.

Đến năm 1945, thanh niên như Chương và tôi không còn đầu óc nào mà học hành thi cử nữa. Bao nhiêu vấn đề trọng đại ập đến trong đời: hàng vạn, hàng triệu người chết đói.

Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3. Chính phủ Việt Nam đầu tiên ra đời. Thế chiến II kết liễu, Đức-Ý-Nhật đầu hàng. Quân Tàu Tưởng kéo sang. Chiến Khu Việt Minh. Đổi đời. Cách Mạng Tháng 8. Quân đội Pháp trở về, thanh niên đua nhau đi dạy bình dân học vụ, đi khất thực, đi biểu tình. Chúng tôi say mê hát Lên Đường, lao đầu vào cuộc chơi mới không kém phần lãng mạn: đòi độc lập cho đất nước. Chúng tôi là Tự Vệ Thành Hà Nội. Chúng tôi là Trung Đoàn Thủ Đô. Như lớp lớp thanh niên cùng lứa, Phạm Đình Chương và tôi khoác ba lô lên đường kháng chiến.

Tây tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trùng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm. (Quang Dũng)

Những năm đầu kháng chiến 1948-1949-1950, có các thị trấn mọc lên vội vã. Khu 10 Việt Bắc có thị trấn Cây Đa Nước Chảy; Liên khu 3 có Đồng Quan, Cống Thẩn, Chợ Đại; vào Khu 4 Thanh Hóa có chợ Rừng Thông. Đây là nơi dân tản cư tứ xứ kéo về sinh hoạt, đổi trao, mua bán, tạo thành những Hà Nội nhỏ. Mấy anh lính cậu ngày nào bây giờ sốt rét, xanh rớt như tàu lá, mắt trợn trừng, tóc rụng nhưng đêm đêm vẫn cứ mơ về Hà Nội. Và được dịp là phải về thăm các thị trấn mới này cho đỡ nhớ...

Đầu mùa đông 1948, tôi khoác ba lô, đổ bộ lên Chợ Đại tìm ít thuốc nivaquine chống sốt rét. Trời mưa nhộp nháp, những căn nhà tranh lụp sụp kéo dài. Chợt ở đầu đường, hiện ra một quán nước thanh bai, lịch sự mang một cái tên khá là kiểu cách Quán Thăng Long.

Trên vách quán treo song song mấy cây đàn nguyệt và một cây thập lục. Ở dưới, bên khay trà tỏa khói có hai vị trưởng

thượng đang ngồi đối ẩm. Hai vị này tôi biết: Ông thân của Phạm Đình Chương và cụ N.T. Đức, một danh cầm của toàn miền Bắc. Loạn ly, binh lửa mà hai vị tri âm, tri kỷ vẫn nhàn nhã phong lưu. Chiến tranh ở chỗ nào khác chứ ở đây, Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội là vẫn cứ phải đường hoàng, cốt cách. Cốt cách như chị Thái Hằng đang ngồi trước quầy hàng, đi tản cư vẫn mang nguyên chiếc kiềng chạm bằng bạc của một thời khuê các, như Thái Thanh, cô em nhỏ mới bắt đầu thiếu nữ đang nghiêm chỉnh ngồi đàn.

Người vui nhất khi tôi được gặp là bà thân của Chương. Bà hỏi thăm “quê mình bây giờ Tây nó đánh đến đâu rồi”. Bà cho biết anh Phạm Đình Sĩ có lẽ kẹt, chưa có tin tức gì. Anh Phạm Đình Viêm (Hoài Trung) còn đang đi ban kịch Giải Phóng, chuyên hát bài “con voi con voi” và “con mèo trèo cây cau” nhạc hài hước của Nguyễn Xuân Khoát. Còn Phạm Đình Chương thì công tác ở Liên khu 3, chuyên về sáng tác ca khúc. Bà khoe là Chương mới được giải thưởng về “bài hát gì mà có con cò bay lá bay la”. À ra thế, bạn ta anh công tử Hà Nội đang đưa ca dao vào nhạc mới. Chương, Chương, có phải cánh cò ấy là cánh cò bay qua rừng vài triền sông Đáy? Còn cánh đồng nào rào rạt lúa thom mềm có phải là cánh đồng Buồng Cấn khi chúng ta “Lên núi Sài Sơn ngóng lúa vàng”.

Tôi nhớ mãi lời bà thân của Chương khi đưa cho tôi gói thuốc đựng chừng 10 viên nivaquine: “Giữ lấy mà dùng. Dạng các cậu không được phát thuốc này đâu”.

Đúng thế, dạng “tạch, tạch, sè” – tiểu tư sản – như Chương và tôi dù sốt rét vàng người, rụng tóc cũng chỉ được phát thuốc ký ninh pha loãng là cùng. Nivaquine thuốc mới, công hiệu, đắt tiền chỉ đủ dùng cho “tổ chức” mà thôi. Thực tế nó là như vậy nên ngoài một số anh em đã “áo bào thay chiếu...”, còn đa

số dân tạch tạch sẽ là kẻ trước người sau “đinh tê” về Hà Nội. Những va chạm với thực tế làm cho giấc mơ tuổi trẻ lụi tàn, cuộc chơi lãng mạn đầu đời đã thành nỗi đam mê vô ích. Tôi về cuối năm 49, còn Chương và gia đình hồi cư năm 51. Gia đình Chương kỳ này có thêm một nhân vật lừng danh: Phạm Duy. Năm 1949, chiến tranh lan đến vùng Chợ Đại và quán Thăng Long phải dời vào Khu 4, vùng trấn nhậm của viên tướng Mạnh Thường Quân Nguyễn Sơn. Ở đây Thái Hằng trở thành bà Phạm Duy, Thái Thanh vừa lớn để bước chân vào làng ca nhạc. Cả gia đình Chương phục vụ trong phòng văn nghệ của một đại đoàn. Quán Thăng Long không còn nữa nhưng tiền thân của ban Hợp Ca Thăng Long đã được định hình. Tôi không còn nhớ rõ gia đình Phạm Đình Chương về trước hay sau cái chết của viên tướng đầy huyền thoại Nguyễn Sơn. Chỉ biết ban Thăng Long vào thành nhưng không ở lại Hà Nội mà vô thẳng miền Nam lập nghiệp.

Năm 1952 tôi cũng vào Nam, học nghề lính tại trường Thủ Đức. Những ngày cuối tuần ra Sài Gòn chơi, thấy đâu đường góc phố chỗ nào cũng có biểu ngữ, bích chương, quảng cáo Ban Hợp Ca Thăng Long. Báo hàng tuần, hằng ngày đều đăng hình ảnh, lịch trình diễn của Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc, Phạm Duy. Ban Hợp Ca Thăng Long đang rực sáng, những thành viên của nó đang được mến yêu. Người Sài Gòn vốn bộc trực “yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét” mà đã yêu thì yêu hết mình. Chương trình Ban Thăng Long trên đài phát thanh rất được lắng nghe, trình diễn của Ban Thăng Long lại càng ăn khách. Người ta mua “giấy” vào xem thật đông, vỗ tay thật nhiều nhưng còn chưa “đủ”. Buổi trình diễn xong rồi, người ái mộ còn ở lại để tìm cách đến thật gần, nhìn thật kỹ hay nếu có thể bắt cái tay, đụng cái chân vào

nghệ sĩ, tài tử thần tượng của mình. Người miền Nam ái mộ ồn ào như thế, dễ thương như thế.

Trước sự tán thưởng nồng nhiệt ấy, tôi có lúc tự hỏi: “Vì sao mà trong thời gian chưa đầy hai năm, Ban Hợp Ca Thăng Long lại lấy lòng đến vậy?”

Tôi vốn dốt về nhạc lý, thậm chí âm cũng tâm thường nên không dám đưa ra ý kiến có tính kỹ thuật nào. Bằng vào cảm quan dân dã của mình tôi nhận thấy thực chất của Ban Hợp Ca Thăng Long nằm trong một chữ vui. Vui rộn ràng khi nghe tiếng hát chen tiếng ngựa hí, Ngựa Phi Đường Xa; vui lâng lâng khi nhìn cánh cò bay lá bay la trên đồng lúa chín vàng, Đuốc Mùa; vui đầm ấm khi nghe tiếng hò dô vang trên sóng nước, Tiếng Dân Chài; vui thắm thía ghen ngào khi người mẹ già cầm ly rượu uống mừng người con cả vừa mới trở về, Ly Rượu Mừng. Cái vui của nhiều cung bậc, cái vui đã được cách điệu nên dễ dàng thấm đượm lòng người. Đồng bào miền Nam xưa nay thừa thãi điệu buồn nên trong cái vô thức tập thể thiếu một niềm vui khỏe mạnh. Ban Hợp Ca Thăng Long phần nào đã đáp ứng niềm khao khát đó. Ấy là chưa kể đến một yếu tố đầy cảm tính rất phù hợp với miền Nam: Tất cả thành viên ban hợp ca đều là anh em trong một nhà. Một gia đình tài hoa quá. Một sự kết hợp đẹp đẽ quá. Nhất là sau đó ít lâu, ban hợp ca Thăng Long lại có thêm một thành viên mới: Khánh Ngọc, một bông hoa hương sắc của miền Nam. Hoài Bắc – Khánh Ngọc, một lứa đôi nghệ thuật. Ban Hợp Ca Thăng Long càng thêm sung sức.

Nhưng phải đợi đến đầu năm 1954, Ban Hợp Ca Thăng Long mới lên đỉnh cao thành tựu. Năm ấy ban hợp ca cùng với “quái kiệt” Trần Văn Trạch, thành lập ban Gió Nam ra công diễn ở Hà Nội. Lúc ấy tôi đang là thương binh nằm nhà

thương Võ Tánh. Nghe báo chí Hà Nội tán thưởng Nam Phong chi huân hể – Ngọn gió Nam mát lành thay. Nghe dân Hà Nội xôn xao hăm mộ quá, tôi sốt ruột phải trốn nhà thương một buổi ra xem Gió Nam trình diễn.

Nhưng ra chậm hết vé mất rồi. Nhà Hát Lớn Hà Nội không còn chỗ. Tôi đứng ngoài nghe tiếng vỗ tay dồn dập từng hồi như sấm mà ruột nóng như lửa đốt. May quá gặp Ngọc Chả Cá, một cây công tử Càn Long Hà Nội, tôi mới được vào – Bây giờ bạn ở đâu hở Ngọc?

Người Hà Nội xưa nay khưng khiêng, ít khi nào nồng nhiệt thế đâu. Nhưng lần này, người Hà Nội bị Ban Hợp Ca Thăng Long chinh phục hoàn toàn. Trước đó tân nhạc ở Hà Nội chỉ là một bà con nghèo trước cải lương, tuồng kịch... chỉ đảm nhiệm được vai trò phụ diễn trước khi mở màn hoặc giữa hai lớp kịch mà thôi. Bây giờ Ban Hợp Ca Thăng Long với một chuỗi ngôi sao nhạc mới đã chiếm lĩnh sân khấu suốt hai tiếng đồng hồ liên tục. Khán giả Hà Nội được thưởng thức một chương trình nhạc mới tân kỳ sinh động tràn đầy dân tộc tính. Đây là một bước trưởng thành của tân nhạc và trở nên khuôn mẫu cho những đại nhạc hội sau này. Buổi trình diễn vừa kết thúc, toàn ban Gió Nam ra chào khán giả. Đèn rực sáng. Những bó hoa trao cho các nghệ sĩ tài năng. Hoài Bắc Phạm Đình Chương giơ cao bó hoa vẫy vẫy, nụ cười rộng mở. Chương không thể nào biết trong số khán giả vô danh ấy, có một người bạn cũ của Chương đang vỗ tay kịch liệt.

Thập niên 50 là thời kỳ rực rỡ nhất của Ban Hợp Ca Thăng Long. Thời gian này cũng là lúc Phạm Đình Chương sáng tác đều đặn nhất. Những bài ca chủ lực của Ban Hợp Ca Thăng Long như Tiếng Dân Chài, Hội Trùng Dương, Ly Rượu Mừng... đều xuất hiện ở giai đoạn này. Không biết tôi có chủ



quan không khi nghĩ Phạm Đình Chương giai đoạn này vẫn mang dáng vẻ một anh học trò mới lớn, tâm hồn trong sáng như gương, con người, thiên nhiên đều là bè bạn. Ngựa phi đường xa thế nào cũng tới, leo núi mệt nhọc rồi cũng đến nơi, đồng ruộng đầy lúa thom mềm, con sông thì đầy trắng và đầy cá. Thế vẫn chưa hết, Chương còn rót một ly rượu mừng, mừng khắp nhân gian. Hãy lắng nghe đi, có nụ cười đầu đó, khi nhẹ nhàng phảng phất, khi trào lên như tiếng reo vui.

Cũng có lúc Phạm Đình Chương nhắc đến điệu buồn; “giọt lệ rung rung chờ mong bóng con” của người mẹ già, hay nỗi khổ của đồng bào miền đất cày lên sỏi đá: “Quê hương tôi nghèo lắm ai ơi Mùa đông thiếu áo...”

Nhưng liều lượng của điệu buồn trong nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ này rất ít so với niềm vui ào ạt, chỉ như một đối điểm – *contrepont* –, chỉ như màu đen làm nổi lên sắc trắng mà thôi. Mà điệu buồn cũng được nhắc đến bằng tấm lòng

nhân ái, tâm hồn Chương là vậy, mở ra, hướng ngoại, trong sáng vui tươi. Chương không phải người hướng nội, đi tìm thú đầu thương trong những kiểm tra, tự vấn nơi mình. Đó là thực chất nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ đầu, cũng là đặc điểm của Ban Hợp Ca Thăng Long...

Giai đoạn sáng tác thứ hai của Phạm Đình Chương bắt đầu từ một kỷ niệm buồn: Ngày Khánh Ngọc rời xa vào cuối thập niên 50. Sau đó Phạm Duy, Thái Hằng cũng tìm về hướng khác. Ngôi biệt thự ấm cúng đường Bà Huyện Thanh Quan không người ở. Hoài Bắc, Thái Thanh và gia đình dọn về căn nhà nhỏ đường Võ Tánh – Frères Louis cũ. Chính tại ngôi nhà này, tôi thường đến bầu bạn với Phạm Đình Chương cùng Thanh Nam, Mai Thảo. Tụi tôi đến “hầu bài” bà thân của Chương để được ăn những bữa cơm nhớ mãi: canh cua rau đay, cà pháo, đậu rán... Lúc này, hình như Chương muốn ra khỏi vùng hào quang chói của một ca sĩ thời danh để được sống bình thường nếu không muốn nói là ẩn dật. Đang ăn diện kiểu cách, Chương ăn vận xuề xòa, đi dép không quai lệt xệt, chiếc xe hơi dài thông Studebaker đã được bán đi. Nụ cười kiểu “jeune premier” đã tắt và đặc biệt Chương để hàm râu mép chàm rậm, rậm rịt. Lúc này, tụi tôi có một tên mới để gọi Chương: Râu Kẽm. Râu Kẽm đang phóng túng hình hài, ít ăn ít nói hẳn đi, mà có nói cũng thường hừ một tiếng giọng mũi. Một nhát chém hư vô đã làm thay đổi Phạm Đình Chương.

Ban Hợp Ca Thăng Long phân liệt như thế tưởng đã rã đám. Nhưng đầu những năm 60, Ban Thăng Long gương dạy với Hoài Trung – Hoài Bắc – Thái Thanh. Ban Thăng Long sống lại kỳ này, tuy vẫn được tán thưởng nhưng chỉ là cái bóng của chính mình. Phạm Duy đã mang nguồn âm sắc lung linh và trầm lắng của dân tộc đi xa, còn tiếng reo vui chan hòa và

nhân ái của Phạm Đình Chương không còn xuất hiện. Thời kỳ này Ban Hợp Ca Thăng Long có trình làng một tác phẩm rất được hoan nghênh, bài Ô Mê Ly. Nhưng bài hát vui tươi này không phải của Chương mà của một tài danh khác: Văn Phụng.

Thời kỳ hướng ngoại, tâm hồn sáng tác rõ như gương, tha nhân và ngoại giới đều là bè bạn của Chương khép lại rồi. Tiếng cười đã tắt. Thời kỳ này là của đau thương và tiếng khóc. Nhưng khóc than rên rỉ không phải nghề của chàng. Như đã nói, Chương không là người hướng nội, gặm nhấm đau thương làm thú giải sầu. Nỗi đau có sẵn và Chương muốn giữ một mình nhưng lời oán hận thì không. Cho nên các khúc bi ca sau này như Nửa Hồn Thương Đau, Người Đi Qua Đồi Tòai, Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội, Chương đều mượn lời của Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ, Hoàng Anh Tuấn... Chương làm công việc phổ thơ, qua lời của người để phần nào nói lên tâm sự của mình. Những ca khúc này có vị trí riêng, rất được yêu thích qua giọng hát Thái Thanh, nhưng đối với Chương nó vẫn như một sự “chẳng đáng đừng”. Về bề ngoài, hai giai đoạn sáng tác của Chương đối nghịch nhau nhưng nhìn chung nó vẫn thống nhất trong tâm hồn nhân ái của tác giả.

Nói cho ngay từ thập niên 60 trở đi, việc ca hát đối với Chương cũng là một sự “chẳng đáng đừng”. Thì cũng phải có công ăn việc làm như người ta, ngay việc trông coi phòng trà ca nhạc Đêm Màu Hồng, Chương cũng làm chơi chơi, cho có. Nhưng chính cái vẻ chơi chơi, phóng khoáng ấy lại hợp với khung cảnh Đêm Màu Hồng. Đây là một phòng trà gọi nhỏ. Nhớ về những bài hát xa xưa, về một thuở mộng mơ đã tắt, về một khung cảnh Việt Nam đã xa, về một Ban Hợp Ca Thăng Long đã tàn. Phạm Đình Chương đi từ bàn này sang bàn khác

cung ly cùng người mộ điệu hoặc lên sân khấu giới thiệu một bài hát vừa được yêu cầu. Cái giọng có hơi rượu cùng nụ cười nhếch mép đã tạo nên không khí Đêm Màu Hồng vì phần lớn khách đến đây đều là thân hữu. Chúng tôi, những buổi phùng trường tác hí là vào khoảng 9, 10 giờ đêm lại tà tà kéo đến Đêm Màu Hồng. Bạn bè có chỗ ngồi riêng, giá biểu riêng. Khẩu vị như thế nào chủ quán biết rồi. Vũ Khắc Khoan thì Con Thuyền Không Bến, lúc nào cao hứng lại còn phi lên sân khấu mà ngâm “Hồ Trường, hồ trường ta biết rót về đâu”. Thanh Tâm Tuyền thì Mộng Dưới Hoa. Thanh Nam thì Cô Láng Giếng. Hôm nào có mặt tôi, Thái Thanh lại hỏi: “Biệt Ly hay Buồn Tàn Thu đây ông?” Có bữa Râu Kẽm cảm khái quá liền ôm đàn guitar mà hát một mình – ít khi lắm – hát tiếng Tây “Un jour si tu m’abandonnes. Ngày nào, nếu em bỏ ta”. Có khi vui anh vui em, Chương bỏ luôn phòng trà cùng Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo kéo lên “Quang Minh Đình”.

Trong những năm Đêm Màu Hồng tôi thường cố giữ một nền nếp. Cứ đêm 30 Tết gần Giao Thừa là tôi thường kiếm một bó hoa hồng đến Đêm Màu Hồng tặng Thái Thanh. Cô em nhỏ ngày nào đi kháng chiến bây giờ trở thành tiếng hát vượt thời gian. Có lần tôi nhận được cặp bánh chưng của bà thân Chương và Thái Thanh gửi cho. Tôi cảm cặp bánh mà tưởng như vừa nhận món quà Tết từ quê hương Phú Quốc gửi vào.

Những lúc ấy, năm mới sắp sang, năm cũ sắp hết mà tôi vẫn thấy Hoài Bắc, Mai Thảo ngồi tù tù uống rượu, uống cho say, uống cho quên, uống không không mệt mỏi. Tôi chợt nhớ một câu của Mai Thảo “Chúng tôi thân với nhau trong một tình thân thiết rất buồn rầu”.

Buổi cuối cùng tôi gặp Phạm Đình Chương đầu vào khoảng tháng 5-1975 khi “đứt phim” chừng hơn 1 tháng. Gặp nhau

tại nhà Thanh Tâm Tuyền bên Gia Định, có cả Mai Thảo nữa. Mai Thảo mang thêm một chai rượu vang còn sót lại. Các bạn có ý tiễn đưa tôi và Thanh Tâm Tuyền sắp sửa đi cải tạo.

Bữa rượu im ắng thê lương.

Rồi Chương và tôi đạp xe ra về trước.

Đạp toát mồ hôi đến quãng Trần Quốc Toản thì mỗi đứa mỗi đường. Chương ngừng lại và tôi cũng ngừng theo. Chương nắm lấy tay tôi về bụi ngùi mà nói: “Đi nhé”. Tụi tôi xưa nay ít có cái trò nắm tay, nắm chân như vậy, nhìn nhau một cái là đủ rồi.

Chùng như Chương thương cảm cho số phận tôi trước việc đi cải tạo, một chuyến đi không biết bao giờ về. Nhưng bây giờ, 16 năm sau, tôi đã đi cải tạo về rồi, Chương lại làm một chuyến đi không bao giờ trở lại.

Đi nhé! Ngàn năm vĩnh biệt Phạm Đình Chương. (Phan Lạc Phúc – tháng 8-1991)

(Sài Gòn, tháng 4-2016)

CHƯƠNG 48

TẾT TRONG TRẠI TÙ

Tổng cộng đã hơn 80 mùa xuân đi qua trong cuộc đời tôi. Nhưng 12 mùa xuân trong những cái được gọi là “trại cải tạo” là những mùa xuân đáng nhớ nhất.

Từ Nam chí Bắc, từ Sơn La, Vinh Phú đến Hàm Tân, mùa xuân nào đến cũng mang đầy dấu tích buồn như những vết sẹo trong tận cùng tâm khảm, đến nỗi đến bây giờ có đêm còn nằm mơ thấy mình đang bị dày dọa trong lao tù khiếp đảm ấy. Giật mình tỉnh dậy mừng như khi vừa được thả từ trại tù ra.

Tuy nhiên, con người thật lạ, sống lâu trong tù rồi cũng... quen. Đó là bản năng sinh tồn hay con người phải thích ứng với từng hoàn cảnh để sống, dù để sống cho qua ngày chờ đợi một cái gì sẽ đến. Nhưng cái gì sẽ đến ở trong một thứ tù đầy không có án, không có thời hạn là điều đáng sợ hơn nữa. Tù cải tạo làm gì có thời hạn. Thích bắt thì bắt, thích thả thì thả, người ra trước, kẻ ra sau, chẳng bao giờ biết lý do, tất cả chỉ là suy đoán.

Tôi đã sống như thế suốt 12 năm.

Khoảng 8-9 năm, khi đã là “tù cũ”, có lẽ tụi cai ngục cũng “xuê xoa” cho đôi phần, không còn xiết chặt cùm kẹp như mấy năm đầu. Tôi bị đưa từ các trại tù miền Bắc vào miền Nam, bởi hồi đó miền Bắc dân đói quá thiếu mọi thứ thực phẩm kể cả ngô khoai sắn, không thể nuôi thêm tù. Chúng tôi bị cùm hai tay suốt ba ngày hai đêm trên xe. Khi vào đến trại Hàm Tân mới được tháo cùm.

Tôi nhớ hôm đó là ngày 19-5-1978 và biết đó là ngày “sinh nhật Bác” vì xe chạy qua mấy con đường có đăng mấy khẩu hiệu đỏ chói “*Nhiệt liệt chào mừng sinh nhật Bác*”. Một sự trùng hợp khá thú vị, được trở lại miền Nam cũng như sống lại vậy. Không nhớ sao được.

GẶP LẠI NGƯỜI BẠN CŨ

Thật ra chế độ tù “cải tạo” từ Bắc chí Nam chẳng có gì khác nhau. Đi lao động mệt phờ phạc và tối tối lại ngồi kiểm điểm – chúng tôi gọi là “*ngồi đồng*” – cho đến khi mệt rũ, chẳng còn nghĩ được gì ngoài việc lăn ra ngủ. Có lẽ đây cũng là một “đòn” kìm hãm mọi suy tư của bọn tù được gọi là trí thức.

Chế độ ăn khá hơn ngoài Bắc một chút, nếu ở Sơn La – Vĩnh Phú, trước khi đi làm buổi sáng chỉ có một củ khoai nhỏ như ba ngón tay thì ở miền Nam được ăn một bát nhỏ bắp nấu hoặc bát bo bo.

Nhà văn Đặng Trần Huân thường có cái muỗng nhỏ xíu bằng nhựa, thứ đồ chơi của trẻ con, cứ nhấm nháp từ từ cho đến hết buổi sáng. Ông truyền “bí kíp” rằng ăn như thế có cảm tưởng lúc nào cũng được ăn, quên cảm giác đói đi. Tôi không biết có bao nhiêu “tín đồ” tin theo bí kíp

này, riêng tôi theo không nổi, vì đói quá, không nhịn được, ăn luôn một lèo, chỉ ba phút là hết nhẩn nên anh em có câu nói của miệng là “*ăn rồi cứ tưởng là mình chưa ăn*”.

Tôi ở trại này chẳng nhớ bao lâu thì bỗng một ngày năm 1985, thấy mấy anh cai tù đưa một đoàn tù từ nơi khác đến. Đám tù này còn rách rưới, gầy còm xanh xao hơn chúng tôi nhiều. Tôi là tù cũ nên tiến lại gần khi tù mới vừa được ngồi xuống bên hàng rào. Lúc đó tôi mới biết đó là những người bạn tù ở các trại Pleiku, Kontum và ở những trại nổi tiếng “ác ôn” nhất như Gia Trung, Bù Gia Mập... Tôi nhận ra trong đó có nhiều văn nghệ sĩ đã từng là bạn khi tôi còn viết báo và làm trong các đài phát thanh ở Sài Gòn.

Người đầu tiên tôi gặp là Thái Thủy với cặp kính cận mất gọng, chỉ có hai chiếc dây vải buộc vào mắt kính.

Câu đầu tiên tôi hỏi là “đói không?”. Thái Thủy chỉ gật.

Thế là tôi tức tốc chạy về phòng lấy một ít mì sợi của tôi và Nguyễn Gia Quyết để chung trong một thùng sắt mang chia cho Thái Thủy. Hồi đó chúng tôi ở trại này gần Sài Gòn, đã được “thăm nuôi” vài tháng một lần nên cuộc sống cũng tạm dễ chịu. Sau đó tôi mới gặp lại một loạt những Nguyễn Sĩ Tế, Mặc Thu, Nguyễn Viết Khánh, Thảo Trường, Trần Dạ Từ. Ông nào cũng đói tro xương.

Mấy hôm sau, trại cho bán thịt heo, tôi chỉ còn tiền mua đúng một kí lô mang cho Trần Dạ Từ, nhưng ông này lại bảo “*tớ còn chịu đựng được, ông đưa cho ông Nguyễn Sĩ Tế đi*”. Thế là tôi lại phải tìm cách gặp Nguyễn Sĩ Tế. Mỗi người ở một buồng giam khác nhau.

Cuộc sống cứ thế trôi đi, anh em gặp nhau mỗi buổi sáng thường chỉ biết nhìn nhau.

CON GÀ MẤT TÍCH

Đến khi tôi được coi tù sách – gọi là thư viện – của trại. Tôi ở trong một căn nhà tranh nhỏ nằm ngay lối cổng trại ra vào. Bữa đó là Chủ Nhật, Trần Dạ Từ nhờ tôi mua một con gà của một anh cũng là tù nhưng được gọi là “*trại viên tự giác*” ở ngoài trại. Anh ta làm thợ mộc nên nuôi thêm mấy con gà, con vịt để ăn và thỉnh thoảng bán lấy tiền mua thuốc hút. Tôi đích thân mang con gà vào trại đưa cho Trần Dạ Từ.

Buổi chiều Trần Dạ Từ chạy kiểm tôi kêu toáng lên: “Con gà của tôi mất rồi ông ơi, nó giẫy giụa làm tuột dây cột chân rồi chạy mất. Tôi đi tìm hoài không có”.

Tôi chẳng biết làm gì hơn, nhưng bỗng nảy ra một “sáng kiến” là đợi hoàng hôn khi gà lên chuồng, con gà có thể tìm về chuồng cũ, tôi sẽ ra hỏi chủ của nó xem.

Trần Dạ Từ đành phải về ngồi chờ.

Tối đó, chờ giờ điểm danh xong, tôi bò ra ngoài gặp anh chủ gà. Anh ta là người ngay thẳng nên đưa tôi ra chuồng gà, chỉ có chừng chục con. Không thấy con gà mái buổi trưa đã bán đâu. Chắc nó lưu lạc trong trại tù mệnh mông, không tìm được đường về chuồng cũ hoặc có anh nào tóm được nó rồi. Hôm sau cũng không tìm thấy con gà. Thế là Trần Dạ Từ đành nhịn ăn thịt gà.

Còn Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh có tuổi nên được giao cho chức “trực buồng”, không phải xếp hàng đi lao động, chỉ ở buồng dọn dẹp vệ sinh cho đội. Các ông Mặc Thu, Nguyễn Sĩ Tế, Thảo Trường vẫn phải đi làm như mọi người khác.

MẶC THU “XÍN”

Có lần con ông Mặc Thu lên thăm, mang theo thức ăn và cả đồ nhắm cùng rượu ngon cho bố. Mặc Thu cao hứng đánh chén tì tì. Đến khi vào trại, đi xiêu vẹo, chân nam đá chân chiêu, mồm sặc mùi rượu. Tay trưởng trại, ở ngay phòng trực trước cổng trại, gọi Mặc Thu vào. Lúc đó Mặc Thu còn sặc mùi rượu, nói năng lè nhè lung tung nên buổi chiều bị nhốt ngay vào nhà lao, cùm hai chân.

Nhà lao bằng tranh nhỏ xíu nằm gần phía sau trại chỉ có một lối nhỏ dẫn vào. Hằng ngày mấy tay gọi là “*thi đua*” trong trại phải mang cơm đưa vào cái ô cửa nhỏ, đồng thời lấy bộ vệ sinh của anh tù ra ngoài mang đi đổ.

Tôi phải nói mãi với tay thi đua để mang thêm cho ông ấy ít cơm và thức ăn. Vài ngày sau Mặc Thu được thả, nếu để ông nằm trong nhà lao kiểu ấy, có thể chết bất cứ lúc nào. Từ đó mỗi lần bọn cán bộ trại có tổ chức đám cưới, liên hoan, lễ Tết thường bắt mấy anh tù có tài vật đến trang trí hội trường. Tôi lôi Mặc Thu lên ngồi vẽ, cắt dán đủ thứ. Ông rất có tài vẽ vôi và cắt dán khiến mấy anh “cán” rất mê. Từ đó ông dễ thở hơn nhiều.

Trời Văn Quang

*Nhớ nhau như cây cối
Sống lại là sống
Đời là kiếp, kiếp là đời
Mười tháng trôi qua
Là một năm*

Müller
14/1/2020

Khi được thả, tôi thường đến thăm Mặc Thu.

Những năm sau này đã rời nhà tù, ông bà Mặc Thu được con gái lớn bảo lãnh sang Mỹ theo diện đoàn tụ. Nhưng ông bà đồng

con, một số con cháu không thể cùng đi. Vậy là cả ông lẫn bà đã trở lại Sài Gòn vào những ngày cuối đời.

Khi sắp mất, Mặc Thu bắt con trai gọi tôi đến. Gặp nhau lúc đó, có lẽ ông biết chắc sắp vĩnh viễn ra đi nên nắm tay tôi bù ngùi nói lời từ biệt: *“Không thể quên cậu và anh em trong tù được”*.

Quả nhiên đêm hôm đó ông ra đi mãi mãi.

ĂN TẾT TRÊN CHIẾU RÁCH

Đúng là không thể quên.

Một buổi chiều cuối năm 1986, trại tù tổ chức cho trại viên trình diễn văn nghệ. Họ giao cho tôi tổ chức ban hợp ca. Tôi lôi tuốt mấy văn nghệ sĩ vào ban văn nghệ.

Thảo Trường khỏi “đi rừng”, ngồi ở buồng viết kịch. Một bạn tù đội mộc tự chế được một cây violon. Nguyễn Sĩ Tế được tặng cây violon cả cộ này, mang kéo cho ban nhạc. Trần Dạ Từ biến thành nhạc trưởng bắt đắc dĩ, lo bắt giọng cầm nhịp. Mặc Thu râu dài đóng vai đạo diễn.

Trưởng trại tù sau đó mang ra phê phán *“toàn những ông trốn việc quan đi ở chùa. Nhạc sĩ gì mà chơi đàn cò cù, hát cứ như làm hề”*.

Tôi biết lão nói đúng nhưng cãi cối rằng anh em như thế là làm hết sức rồi nên thưởng mới đúng. Đề nghị được mấy tay đội trưởng vỗ tay tán thành.

Thế là cả ban nhạc được nghỉ thêm vài ngày sau Tết. Tết đó, tôi để dành phần quà thăm nuôi của tôi và Nguyễn Gia Quyết làm bữa cơm “thịnh soạn” mời mấy anh em lên ăn trưa, có rượu trắng đảng hoàng. Buổi họp mặt đông đủ chẳng thiếu ông nào.

Địa điểm tôi nhờ chỗ bên bệnh xá vắng người.

Bàn tiệc là chiếc chiếu rách trải trên chiếc giường tre. Vậy mà chén chú chén anh, đầu hót cũng xôm trò.

Khi tàn tiệc, Mặc Thu lại lảo đảo đi ngật ngưỡng giữa trưa nắng trong sân trại. Cũng may tên lính gác trại tù nhìn thấy nhưng là ngày Tết nên nó tha, không nói gì. Hôm sau nó vào gặp tôi kể công về sự “nhân từ” đó. Tôi đành phải đi xin một con gà cho nó mới yên.

Thời kỳ đó ông nào cũng trên 10 năm tù cả rồi nên không khí bớt ngọt ngào hơn.

Tháng 9-1987, chúng tôi mới được tha về, riêng Thảo Trường phải nằm lại trong tù thêm mấy năm nữa cho đủ 17 năm. Như tôi đã viết trong một bút ký, khi ra tù, chúng tôi được chở trên xe từ trại Hàm Tân về hội trường trại giam Chí Hòa.

Tôi mạn phép xin nhắc lại đoạn bút ký đó:

“Tôi lại nhớ ngày trở về Sài Gòn sau hơn 12 năm tù cải tạo từ Sơn La đến Vinh Phú rồi Hàm Tân. Đó là buổi chiều tháng 9-1987. Khi đoàn xe thả tù cải tạo bị giữ lại nhà giam Chí Hòa nghe các quan chức trấn an về số phận chúng tôi khi được trở về, khoảng hơn 5 giờ chiều chúng tôi mới thoát khỏi cánh cửa sắt Chí Hòa.

Ngay cổng trại tù đã có đoàn quay phim đợi sẵn để quay cảnh “vui mừng đoàn tụ” của tù nhân, để chứng tỏ cái “khoan hồng bác ái” của nhà nước cho những kẻ may mắn không chết trong ngục tù. Lần thứ hai tôi đặt chân lên đất Sài Gòn nhưng với tư cách khác giữa một thành phố đã đổi chủ.

Thấy sẽ bị quay phim, Trần Dạ Từ kéo tôi lên vỉa hè đi lẫn vào đám thân nhân được vận động ra đón tù cùng những người tò mò nhìn “cảnh lạ.” Tránh được cái máy quay phim, chúng tôi đi gần như chạy ra khỏi con phố nhỏ này. Đến đường

Lê Văn Duyệt, chúng tôi đi chậm lại, nhìn đường phố mà cứ thấy đường phố đang nhìn mình với vẻ xa lạ, xót thương?

Trần Dạ Từ còn lại ít tiền, rủ tôi ghé qua đường Hiền Vương ăn phở. Chẳng biết bao nhiêu năm mới lại được ăn tô phở Hiền Vương đây.

Tôi chọn quán phở sát cạnh tiệm cắt tóc Đàm mà tôi cùng bạn bè vẫn đến cắt tóc. Có lẽ Trần Dạ Từ hiểu anh về đoàn tụ với gia đình, chứ tôi vợ con đi hết, nhà của chẳng còn, sẽ rất cô đơn, nên nín tôi lại. Ngồi ăn tô phở tưởng ngon mà thấy đắng vì lúc đó tôi chưa biết sẽ sống ra sao giữa thành phố này”.

TƯỜNG NHỚ

Vậy mà tôi vẫn phải sống như thế đến hôm nay.

Các bạn tôi đều đã rời xa, người còn kẻ mất, đôi khi chẳng biết tin gì về nhau. Nhưng kỷ niệm vẫn đầy ắp trong tôi. Đêm cuối năm Ất Mùi 2016 này, cứ chớp mắt là thấy hình ảnh từng người xuất hiện.

Thảo Trường luôn tung tung, ngang ngang, như bất cần đời. Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh lúc nào cũng thanh thản chẳng thêm nghĩ gì đến thân phận tù đầy. Mặc Thu có chòm râu tơi, luôn thích vuốt khi “đối ẩm” với trà, rượu cùng những việc vớ vẩn vặt cho “lãng quên đời”. Nguyễn Sỹ Tế rất kiệm lời, vẫn nét mặt trang nghiêm của những “thầy đồ”. Trong trại tù, có lúc ông Tế nằm cạnh Trần Dạ Từ. Mỗi lần Nhã Ca lên thăm nuôi, Từ rủ mấy anh em bù khú. Có lần tôi nhập bọn, ông Tế còn mang cây violon do bạn tù tự chế ra biểu diễn nhạc cổ điển Tây phương. Sau màn nghiêm chỉnh thưởng thức, chúng tôi cùng cười vui nghe Trần Dạ Từ nói nhờ chiều nào anh cũng được ông Tế bắt nghe Schubert bằng cái đàn lạc giọng này mà thừa sức lao động.

Trong các bà thăm nuôi ngày đó, Nhã Ca là dân cùng nghề văn, cũng từng đi tù rồi nuôi tù nên quen biết mọi người. Tôi nhớ chuyện kiếp trước, một sáng mùa xuân nào đó thời đầu 1960, khi có dịp ra Huế, tôi đã cùng Thanh Nam lái xe đến gặp Nhã Ca và Từ ở ngôi nhà khu Bến Ngự. Thanh Nam đã ra đi từ lâu. Thái Thủy cũng vậy. Ba tên bạn thân của Sài Gòn ngày nào, nay chỉ còn mình tôi.

Mới đó đã 30 năm, từ ngày chia với Thái Thủy gói mì khi đoàn tù tả tôi từ Gia Trung chuyển trại về Hàm Tân. Cũng mới đó thôi, khi Trần Dạ Từ – Nhã Ca ghé thăm tù biệt tôi để rời xa, nay đã hơn một góc thế kỷ. Bây giờ, trong đám bạn tù nhà văn, Mạc Thu, Nguyễn Viết Khánh, Nguyễn Sĩ Tế, Thái Thủy, Thảo Trường đều đã ra đi, chỉ còn lại Trần Dạ Từ và tôi.

Đêm cuối năm, mỗi chớp mắt lại thấy một người, một thời. Đúng như thơ Tản Đà: *Thời gian ngựa chạy...*

Vù một cái, tôi thấy mình nhận lời chúc xa xôi của Từ cho “Bát Tuần Thượng Thọ”.

Tết này, dù không thắp hương cho bạn đã vĩnh viễn ra đi, nhưng tự đáy lòng tôi vẫn có hương khói tưởng nhớ từng người bạn thuở trong tù. Nhận lời Từ hỏi thăm mừng thọ 80, tôi viết bài này để cùng bạn tưởng nhớ.

Ước gì lại có cái Tết được hội ngộ cùng các bạn dù chỉ trên một chiếc giường tre, nhưng không phải là trong trại tù mà là ở một khung trời tự do đầy nắng vàng.

Chúng ta đâu cần gì hơn thế.

(Sài Gòn, một đêm cuối năm, tháng 2-2016)

